Lược Giải Kinh Pháp Hoa

Tác giả: HT. Thích Trí Quảng



Lời tựa

Nói đến kinh Pháp Hoa, các vị danh Tăng đều hết lòng ca ngợi. Riêng tôi, từ sơ phát tâm đã có nhân duyên đặc biệt với bộ kinh này. Lần đầu tiên, khi tôi theo một số thầy đến chùa Hoằng Khai ở Tân An để thỉnh Phật, tôi được thầy Đạt Dương tặng bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán. Mặc dù lúc đó tôi chưa biết thọ trì, nhưng nghe đến tên kinh, trong lòng tự nhiên cảm thấy thích thú kỳ lạ.

Từ đó, cảm tình của tôi đối với kinh Pháp Hoa cứ ấp ủ lớn dần. Tôi mang tâm sự này kể cho cụ thân sinh của tôi.

Lúc ấy, tôi mới biết khi tôi còn trong thai mẹ, ông thường chuyên thọ trì kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn. Điều này gợi cho tôi có cảm nghĩ rằng tôi đã từng nghe kinh này từ lúc chưa chào đời. Hạt giống Pháp Hoa mà cha tôi đã gieo trồng trong tâm thức, lúc tôi còn đang say ngủ trong thai mẹ lớn dần theo năm tháng. Để rồi hạt giống lành vụt bộc phát mạnh mẽ thúc đẩy tôi xuất gia vào năm 12 tuổi. Cái tuổi mà bao trẻ thơ khác chưa biết nghĩ gì ngoài vòng tay thương yêu che chở của cha mẹ.

Đơn giản như thế đó, nhưng cũng thật đầy lẽ mầu nhiệm khi nhân duyên với Pháp Hoa cứ tự động phát triển theo từng bước chân tu học của tôi. Năm 17 tuổi, vào Phật học đường Nam Việt ở chùa Ấn Quang, tôi nhận thấy cố Hòa thượng Trí Hữu, người có công sáng lập chùa này cũng chuyên thọ trì Pháp Hoa. Người thợ đắp tượng Phật Thích Ca ở chánh điện chùa ngày nay cũng là hành giả Pháp Hoa. Để trang bị cho thân tâm thanh tịnh hướng trọn về Đức Phật, ông đã lạy từng chữ trong kinh Pháp Hoa suốt thời gian ông làm tượng Phật, tổng cộng đến hơn 60.000 lạy.

Đến năm 25 tuổi, tôi được sang Nhật Bản nghiên cứu kinh Pháp Hoa ở trường đại học Rissho. Tôi mới bắt đầu làm quen với tư tưởng Bổn môn của Nhật Liên Thánh nhân. Đó là tư tưởng đặc thù của Phật giáo Nhật Bản.

Niềm khao khát hiểu biết thúc đẩy tôi tham quan một số đạo tràng chuyên tu Pháp Hoa. Tôi nhận ra rằng muốn

hiểu kinh, phải hành trì đúng pháp. Vì thế, có người đọc kinh lầm tưởng rằng đã hiểu rõ tất cả nghĩa kinh. Nhưng dưới mắt đạo, họ vẫn chưa hiểu gì cả. Đây chính là kinh nghiệm bản thân tôi hơn 20 năm về trước.

Thật vậy, tôi tốt nghiệp Tiến sĩ về kinh Pháp Hoa. Dĩ nhiên các tác phẩm liên quan đến bộ kinh này, tôi đều để tâm tìm hiểu. Tuy nhiên, khi thật sự thâm nhập thế giới tâm linh, thọ trì đọc tụng Pháp Hoa, tôi mới tỏ ngộ rằng khi ngồi ghế nhà trường, mình chưa hiểu chút gì về Pháp Hoa cả. Bởi lẽ trên thực tế, chúng ta có bước vào thế giới tu hành mới hiểu được tại sao người trình độ văn hóa kém, họ lại làm được những Phật sự quan trọng. Còn những người học giỏi, nhưng suốt đời không có đất dung thân.

Riêng tôi, tiếp thu được lời dạy của các danh Tăng Nhật. Khi trở về nước hành đạo, tôi âm thầm thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa, lễ lạy Hồng danh Pháp Hoa. Pháp hành này nhằm tạo mối liên hệ giữa tôi với Phật và Bồ tát. Và có truyền thông được với tâm Phật, hạnh Bồ tát, mới khả dĩ nhận được lực gia trì hộ niệm của các Ngài cho chúng ta hành đạo.

Cảm nhận về kinh Pháp Hoa như vậy, tôi càng thọ trì, đọc tụng kinh này càng cảm thấy gần gũi chư Phật, chư Bồ tát hơn. Vì thế, suốt hơn 15 năm qua, với nhiều biến động ngoài xã hội cũng như trong Phật giáo, tôi vẫn thấy an lành trong thế giới Pháp Hoa. Và từ sự thanh thản nhẹ nhàng của thế giới quan Pháp Hoa bước ra cuộc đời

hành đạo, tôi đã thành tựu được một số Phật sự nho nhỏ trong tầm tay.

Đối với tôi, kinh Pháp Hoa không phải là bộ kinh bằng giấy trắng mực đen nằm ngoài tôi. Trái lại, kinh đã ở trong tôi, biến thành chất dinh dưỡng nuôi sống thân mạng của chính tôi. Tôi cảm thấy cả một quá trình gắn bó cuộc đời mình với kinh Pháp Hoa một cách sâu xa, mật thiết tự nhiên, không thể thiếu được.

Quan sát tạng kinh Pháp Hoa dưới góc độ kinh là mạng sống của mình, tôi nảy sinh những ý tưởng hiểu kinh, giảng kinh Pháp Hoa không hạn cuộc trong ngôn ngữ văn tự. Tôi cố tìm ý sâu xa tiềm ẩn trong kinh để ứng dụng vào cuộc sống, được chút kết quả nào trên bước đường hành đạo, xin giới thiệu với các bạn đồng hành. Ai có nhân duyên căn lành với kinh Pháp Hoa và đồng quan điểm với tôi thì dùng đó làm hành trang cùng tiến bước trên lộ trình giải thoát.

Đây là tác phẩm đầu tay của chúng tôi biên soạn về kinh Pháp Hoa, thiết nghĩ khó tránh khỏi những sơ suất. Kính mong các bậc cao minh vui lòng chỉ giáo thêm để lần tái bản tới, tác phẩm được hoàn mỹ hơn. Chúng tôi chân thành biết ơn quý vị.

Xin hồi hướng công đức cúng dường Pháp bảo này đến toàn thể pháp giới chúng sinh đồng thâm nhập Pháp Hoa hải hội của chư Phật.

Mùa An cư PL. 2.535 – 1991

Lịch Sử Kinh Pháp Hoa

I- NGUỒN GỐC PHÁT XUẤT BỘ KINH

Kinh Pháp Hoa là một bộ kinh được nhiều dân tộc trên thế giới tán ngưỡng. Mỗi người tùy trình độ tu chứng khác nhau mà cảm nhận về kinh và lý giải kinh khác nhau.

Ngài Thế Thân Bồ tát cho kinh này là tối thượng thừa vì nó vượt trên các kinh và là mục tiêu của tam thừa v.v… Ngài Trí Giả đại sư cho kinh này là một pháp mầu nhiệm có thể thống nhiếp tất cả các pháp. Ngài Nhật Liên Thánh Nhân cho kinh này là môn đại đà la ni, người tu hành chỉ niệm đề kinh (tức tên kinh) là tiêu trừ được tất cả tội chướng và thành Vô thượng bồ đề.

Ngoài ba vị Thánh Tăng nêu trên, tất cả pháp sư, thiền sư đều thọ trì, đọc tụng, lễ bái, thậm chí có người kính lễ từng chữ, từng câu. Ngài Thái Hư đại sư nói : "Chưa thấy một bộ kinh nào được kính trọng như thế".

Đối với những vị Bồ tát hay những vị có căn lành đặt trọn niềm tin và thân mạng nơi chư Phật thì dòng lịch sử kinh Pháp Hoa ví như dòng trí tuệ Phật trôi chảy miên viễn từ thời Phật Oai Âm Vương và trước đó nữa. Vì bất cứ một Đức Phật nào tu hành đạo Bồ tát để thành Phật đều phải học và tu theo kinh này. Kinh này là kinh Pháp Hoa vô văn tự của chư Phật, Bồ tát đang sống và giữ gìn, là kinh mà Thường Bất Khinh Bồ tát nghe được khi đốt thân bằng lửa tam muội và Thái tử Sĩ Đạt Ta nghe được sau 49 ngày tư duy thiền định ở Bồ đề đạo tràng. Chính nguồn kinh như vậy đã tạo thành một dòng lịch sử Phật giáo siêu việt, nuôi dưỡng tuệ giác cho những người con Phật hơn 2000 năm, vẫn còn sống động.

Như vậy lịch sử kinh Pháp Hoa không phải là lịch sử tri thức con người, lịch sử của gạch vụn và xác khô, mà là lịch sử của những người đang sống với bản tâm, không bị thân ngũ ấm ngăn che, vượt qua được không gian mười muôn ức thế giới và tự tại với thời gian ngũ bách ức trần.

Về mặt học thuật, kinh Pháp Hoa còn là một thể tài chứa đựng những tư tưởng phong phú, tạo sự thích thú cho các học giả khắp thế giới. Vào khoảng đầu thế kỷ thứ 19, công sứ người Anh là ông Hamilton tìm thấy ở Népal một bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Phạn viết trên lá bối, thờ trong một động đá (ta quen gọi là Pháp Hoa Népal). Sau đó có 19 bản Pháp Hoa khác chép tay bằng Phạn ngữ được phái đoàn người Nhật, Anh, Pháp, Đức tìm thấy.

Vì là một thể tài siêu tuyệt làm say mê các nhà khảo cứu nên công việc sưu tầm nguồn gốc kinh Pháp Hoa không ngừng lại ở con số 20 bản kinh đã tìm thấy. Người Nhật phát động phong trào thám hiểm truy nguyên dấu tích kinh và người Anh bảo trợ cho Hội Nghiên cứu kinh Pháp Hoa. Kết quả là bốn phái đoàn thám hiểm Nhật, Anh, Đức và Nga đi sang vùng Trung Á tìm thêm được ở vùng Kotan sáu bộ kinh Pháp Hoa bằng Phạn ngữ và một bộ kinh ở Kucha (quê của Ngài Cưu Ma La Thập).

Đến năm 1932, một bộ kinh Pháp Hoa cổ nhất được tìm thấy ở vùng Kashmir nối liền với Afghanistan (ta quen gọi là bộ Pháp Hoa Gilgit). Bộ kinh này gồm có 2/3 bằng chữ Phạn và 1/3 chữ Magadhi là loại chữ cổ nhất của nước Ma Kiệt Đà.

Đem so sánh 28 bộ kinh Pháp Hoa tìm được rải rác khắp nơi, ta thấy bộ kinh thiếu đoạn này, bộ thiếu đoạn khác, có ít nhiều sai biệt. Điều này cũng dễ hiểu, vì tuy từ

kim khẩu Đức Phật nói ra, nhưng kinh đã được kiết tập vào nhiều giai đoạn ở nhiều địa điểm khác nhau, do những nhóm người có trình độ không đồng nhau. Vì vậy, sự thông hiểu và diễn đạt tất nhiên không thể giống nhau.

Tuy có sai biệt, nhưng tư tưởng căn bản của kinh không thay đổi và trọng tâm của kinh nằm trong phẩm 2, 11, 16 thì tất cả bản kinh nào cũng đều có đủ ba phẩm này, chỉ khác phần phụ thuộc.

Tóm lại, theo sự khảo cứu trên, kinh Pháp Hoa được kiết tập và hệ thống lại vào khoảng 100 năm trước Tây lịch và chỉ đạo cho sự cai trị của vua A Dục. Ông cho xây 84.000 tháp ở khắp nơi theo tinh thần của phẩm Dược Vương trong kinh Pháp Hoa và cũng mang tinh thần của phẩm Tựa, giống như tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, các con của vua A Dục đều bỏ thú vui thế tục, xuất gia trở thành những nhà truyền giáo đầy nhiệt tâm ở thời bấy giờ. Họ xây chùa, hoặc mang kinh Pháp Hoa đi truyền bá tận Trung Đông, Trung Á…

Một bằng chứng khác cho sự hiện hữu trước kỷ nguyên của kinh Pháp Hoa là một vài tác phẩm xuất bản vào thế kỷ thứ nhất đã mang tư tưởng kinh Pháp Hoa. Đặc biệt là Đại Trí Độ Luận của Long Thọ Bồ tát đã dùng kinh này để chứng minh thuyết Trung đạo. Đến Ngài Thế Thân Bồ tát, chẳng những dẫn dụng kinh Pháp Hoa trong bộ Nhiếp Đại Thừa Luận mà còn soạn ra bộ Pháp Hoa Luận để làm nền tảng cho các chú giải về sau.

II. SỰ PHÂN BỐ VÀ TRUYỀN DỊCH KINH PHÁP HOA

Nguyên bản Phạn văn Sadharma Pundarika Sutra tìm được ở Tây Vức và Népal mà ta quen gọi là Pháp Hoa Népal và Tây Vức. Gần đây người ta đã dịch hai bản kinh Pháp Hoa này ra nhiều thứ tiếng để đối chiếu với các bản dịch xưa mà tôi sẽ thứ đệ trình bày.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ ghi lại một phần nhỏ sử liệu hiện còn để chứng minh sự phân bố và truyền dịch kinh Pháp Hoa trên thế giới.

1 - Kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán :

Trong thư mục Trung Hoa có rất nhiều tác phẩm nói đến lịch sử kinh Pháp Hoa, nhưng trong bài này chỉ căn cứ vào những sử liệu trong Xuất Tam Tạng Ký Tập, Chúng Kinh Mục Lục, Lịch Đại Tam Bảo Ký, Cổ Kim Dịch Kinh Mục Lục, Đại Đường Nội Điển Lục, Đại Châu San Định Chúng Kinh Mục Lục, Khai Nguyên Thích Giáo Lục, Trinh Nguyên Tân Định Thích Kinh Mục Lục để tìm các bản dịch Trung Hoa.

A - Chánh Pháp Hoa Kinh :

* Xuất Tam Tạng Ký Tập :

Bộ kinh Pháp Hoa gồm có 27 phẩm chia thành 10 quyển do Ngài Pháp Hộ dịch vào đời Thái Khương năm thứ 7, tháng tám (286).

* Lịch Đại Tam Bảo Ký :

Kinh Pháp Hoa có 10 quyển do Ngài Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh, Pháp Hiển, Đàm Thuyên dịch vào đời Thái Đường năm thứ 7.

* Đại Đường Nội Điển Lục :

10 quyển 189 tờ do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch tại Trường An vào đời Tây Tấn niên hiệu Thái Khương.

* Cổ Kim Dịch Kinh Đồ Kỷ :

10 quyển do Ngài Đàm Ma La Sát, người nước Nhục Chi dịch tại Lạc Dương vào đời Tây Tấn, vua Võ Đế niên hiệu Thái Thủy năm thứ nhất.

* Khai Nguyên Thích Giáo Lục :

10 quyển cũng gọi là Phương Đẳng Chánh Pháp Hoa kinh do Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh và pháp sư Nhiếp Thừa Viễn dịch vào năm Thái Khương thứ 7 ngày 10 tháng 8.

B - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa :

* Cổ Kim Dịch Kinh Đồ Kỷ :

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có 7 quyển do Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm thứ 4, niên hiệu Hoằng Thủy đời Dao Tần (402).

* Xuất Tam Tạng Ký Tập :

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có 7 quyển cũng gọi là Tân dịch kinh Pháp Hoa được dịch tại Trường An vào mùa Hạ, niên hiệu Hoằng Thủy thứ 8 do Ngài Tăng Hữu đề tựa và Ngài Pháp Hộ tu chỉnh tại thành Lạc Dương.

* Chúng Kinh Mục Lục :

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 7 quyển, 175 trang do Ngài Cưu Ma La Thập dịch tại vườn Tiêu Dao (Trường An) vào năm thứ 7 niên hiệu Hoằng Thủy đời Hậu Tần.

C - Thêm Phẩm Pháp Hoa Kinh :

Thêm Phẩm Pháp Hoa kinh tức là bộ kinh Pháp Hoa được tăng bổ, hiệu đính các bản dịch trước và cũng là tiền thân của bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa được thông dụng ở Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam ngày nay.

Theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, bộ kinh này do hai pháp sư người Tây Vức tên Khuất Đa và Cấp Đa soạn tại chùa Phổ Diệu vào năm Nhân Thọ thứ nhất đời nhà Tùy (601).

Trong bộ Đại Đường Nội Điển Lục cũng ghi rằng : "Kinh này gồm có 8 quyển, 155 trang, do Ngài Cấp Đa dịch tại chùa Hưng Thiện vào đời nhà Tùy, niên hiệu Nhân Thọ thứ hai".

Ngoài ba dịch phẩm bằng chữ Hán còn lưu lại trong bộ Đại Chánh Tân Tu đại tạng kinh kể trên, một số dịch bản khác vẫn được nhắc đến trong thư mục Trung Quốc, nhưng không thấy nguyên bản như :

a - Tác Đàm Phân Đà Lợi Kinh :

* Chúng Kinh Mục Lục :

Kinh này thuộc hệ thống Pháp Hoa vì trong đó có phẩm Hiện Bảo Tháp và phẩm Đề Bà Đạt Đa.

* Dịch Kinh Đồ Kỷ :

Một bộ 6 quyển do Ngài Đàm Ma La Sát dịch vào đời Tấn Vũ Đế niên hiệu Thái Thủy thứ nhất.

* San Định Chúng Kinh Mục Lục :

Kinh này do Trúc Pháp Hộ, người nước Nhục Chi dịch ra chữ Hán vào đời Tây Tấn.

b - Phương Đẳng Pháp Hoa Kinh :

* San Định Chúng Kinh Mục Lục :

Bộ kinh này do Ngài Chi Đạo Căn dịch. Trúc Đạo Tổ sao lục vào đời Đông Tấn, niên hiệu Hàm Khương thứ nhất.

* Tân Định Thích Kinh Mục Lục :

Phương Đẳng Pháp Hoa kinh gồm có 5 quyển đều bị thất lạc. Một bộ kinh khác mang tên Pháp Hoa Tam Muội cũng được nhắc đến trong thư mục Trung Hoa, nhưng theo San Định Chúng Kinh Mục Lục thì Ngài Chi Cương Lương Tiếp dịch tại đất Giao Châu tức Bắc Việt ngày nay nên chúng tôi xin ghi vào sự nghiệp dịch kinh của người Việt Nam (tài liệu trên rút trong bộ Đại Chánh Tân Tu đại tạng kinh quyển thứ 49, 51 và 55).

2- Kinh Pháp Hoa bằng chữ Tây Tạng :

Theo văn học sử Tây Tạng, các nhà truyền giáo Phật giáo nương theo lối ký âm Sanskrit mà chế tác ra văn tự Tây Tạng vào triều đại Sron Btsan Sgampo.

Đến thế kỷ thứ 8 thì bộ Ldan-Dharma được hoàn thành, kinh Pháp Hoa bằng tiếng Tây Tạng cũng được dịch vào thời kỳ này và còn tìm thấy trong những bộ đại tạng : Shar Thàn, Sde Dge, Bắc Kinh v.v…

3 - Kinh Pháp Hoa bằng chữ Tây Hạ :

Người Tây Hạ dịch kinh Pháp Hoa ra tiếng bản xứ vào thời Bắc Tống và nguyên bản còn giữ tại Đông Dương văn khố Nhật Bản.

4 - Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Triều Tiên :

Theo Phật giáo sử Triều Tiên, năm 1463 vua Thế Tổ triều Lý đã ký một sắc lệnh cho dịch bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng chữ Hán ra tiếng bản xứ. Các triều đại kế tiếp hiệu đính lại và lưu truyền đến ngày nay.

5 - Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mãn Châu :

Không biết kinh Pháp Hoa truyền sang Mãn Châu vào thời nào. Nhưng bộ kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mãn Châu được giữ tại Sở Nghiên cứu kinh Pháp Hoa của Nhật ngày

nay là bộ Pháp Hoa duy nhất nằm trong bộ Ngự Dịch đại tạng kinh của vua Càn Long đời Thanh. Bộ này được dịch lại từ bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng chữ Hán của Ngài Cưu Ma La Thập.

6 - Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mông Cổ :

Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mông Cổ cũng không biết rõ được dịch vào thời kỳ nào. Nhưng bản kinh hiện đang lưu hành được dịch ra từ bộ kinh Pháp Hoa bằng tiếng Tây Tạng hoặc một bản chữ Phạn khác đồng với bản Tây Tạng vì cách thức bố cục cũng như nội dung gần với tiếng Tây Tạng hơn những bản dịch khác.

7 - Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Đức và tiếng Thổ Nhĩ Kỳ :

Đến nay các học giả Phật giáo cũng chưa xác định được bộ kinh Pháp Hoa bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ được dịch ra vào thời kỳ nào và sự tín ngưỡng của dân tộc ấy ra sao. Nhưng trong thời gian cộng tác với Sở Nghiên cứu kinh Pháp Hoa, tôi tìm được trong văn khố một tác phẩm dày 119 trang với nhan đề "Ein Turkishi Ubersetzung des XXV Kapithsderchineschen Ausgabe Des Sadharma Pundarika Sutram".

Sách có phần nguyên bản chữ Vigur (thủy tổ dân Thổ Nhĩ Kỳ), bản dịch tiếng Đức, sau cùng là lời chú giải. Nội dung của sách tương ứng với phẩm Phổ Môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (sách này còn giữ tại Sở Nghiên cứu Kinh Pháp Hoa Tokyo).

8 - Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Anh :

Hiện có 4 bản dịch bằng tiếng Anh : The Lotus of the True Law, The Lotus Scripture Essence, The Lotus of the Wonderful Law và The Lotus Sutra.

* The Lotus of the True Law :

Bộ này thuộc tạng The Sacred Books of the East do học giả Kern dịch vào năm 1880 gồm có 27 phẩm, 442 trang, được dịch ra từ bộ Phạn ngữ Népal.

* The Lotus Scripture Essence :

Bộ này thuộc bộ The New Test Ament of High Buddhism của Lichard xuất bản năm 1900, gồm có 28 phẩm và lược dịch từ bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng chữ Hán.

* The Lotus of the Wonderful Law :

Bộ kinh này gồm có 28 phẩm do hai học giả Soothill và Kato dịch và xuất bản tại Luân Đôn năm 1930.

* The Lotus Sutra :

Bộ Kinh này gồm có 28 phẩm do Senchu Murano dịch từ bộ Diệu Pháp Liên Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập được tông Nhật Liên xuất bản năm 1974 tại Nhật Bản.

9 - Kinh Pháp Hoa bằng chữ Pháp :

Pháp vẫn chỉ có một bộ duy nhất mang tên Le Lotus de la Bonne Loi do Hàn Lâm Học sĩ E. Burnouf dịch ra từ bộ Phạn ngữ Népal vào năm 1925 và còn lưu truyền đến ngày nay.

Bộ kinh này cũng được cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch ra tiếng Việt vào năm 1937 và cư sĩ Mai Thọ Truyền tĩnh lược trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa năm 1964.

10 - Kinh Pháp Hoa bằng chữ Nhật :

Nhật có rất nhiều dịch bản, tôi chỉ đơn cử 6 bản thông dụng về học thuật và tín ngưỡng :

* Phạn Hán đối chiếu Tân Dịch Kinh Pháp Hoa :

Bộ này do Hàn Lâm Đại Học Sĩ Nanjoo dịch vào năm 1913 bằng cách so sánh giữa bộ Diệu Pháp Liên Hoa chữ Hán và Sadharma Pundarika Sutra mà dịch ra quốc ngữ.

* Phạn Bản Hòa Dịch Pháp Hoa Kinh :

Bộ này do hai giáo sư Sakamoto và Iwamoto dịch và chú giải từ bản Phạn ngữ Népal và nguyên bản Kimarajiva (Cưu Ma La Thập).

* Phạn Tạng Truyền Dịch Quốc Dịch Pháp Hoa Kinh :

Bộ này do giáo sư Kawaguchi so sánh hai bản tiếng Phạn và Tây Tạng mà dịch ra quốc âm.

* Hòa Dịch Pháp Hoa Kinh :

Bộ này do giáo sư Yamagawa kê cứu các bản kinh chữ Hán mà dịch ra quốc âm.

* Hán Hòa đối chiếu Diệu Pháp Liên Hoa Kinh :

Bộ này do giáo sư Shimachi và một số học giả khác so sánh và kê cứu tất cả các bản kinh đang lưu hành mà giám định lại kinh Pháp Hoa chữ Nhật.

11 - Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Việt Nam :

Sự nghiệp dịch kinh của người Việt Nam rất sớm và phát triển mạnh nhất vào thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai. Theo Lịch Đại Tam Bảo Ký, bộ kinh Pháp Hoa Tam Muội đã được Ngài Chi Cương Lương Tiếp hợp tác với các học giả Việt Nam và dịch ra chữ Hán tại đất Giao Châu vào năm 260.

Và trước đó Ngài Khương Tăng Hội đã trích dịch phẩm Thí Dụ với tên Phật Thuyết Tam Xa Dụ kinh.

Lịch sử dịch kinh Pháp Hoa của người Việt Nam có thể chia ra làm ba thời kỳ khác nhau là : thời kỳ chữ Hán, thời kỳ chữ Nôm và thời kỳ chữ Quốc ngữ.

* Thời kỳ chữ Hán :

Theo sử liệu Trung Hoa thì đạo tràng phiên dịch ở Giao Châu (Hà Nội) đã được thành lập vào đời Hậu Hán do sự giúp đỡ của các quan thứ sử và sự hợp tác của các danh gia Ấn Độ, Trung Á, Trung Đông v.v…

Một thương gia người Khương Cư (Khương Tăng Hội) đem cúng hết của hương hỏa và xin hợp tác với đạo tràng này vào năm 247 và trở thành một nhà truyền giáo nổi tiếng ở Đông Ngô. Những học giả khác của Trung Quốc cũng xin vào nghiên cứu.

Ngài Giác Hiền đi từ Kashmir vượt thông lãnh để tìm đến đạo tràng Giao Châu trước khi sang Trung Quốc, đã làm cho các sử gia Nhật Bản lưu tâm.

Một bộ kinh Pháp Hoa sáu quyển được dịch ra Hán văn tại đạo tràng Giao Châu vào năm 256 đã làm cho đạo tràng này càng ngày càng thêm sáng chói trên văn đàn Trung Quốc.

Kế tiếp theo đó là một số tu sĩ Việt Nam được mời vào cộng đồng phiên dịch tại Trường An (Soạn theo tài liệu trong Đại Chánh Tân Tu đại tạng kinh).

* Thời kỳ chữ Nôm :

Các nhà sư Việt Nam rất thông Hán học nhưng lòng yêu nước và tinh thần độc lập, tự chủ đã thúc đẩy họ dùng ký hiệu Quốc âm để thoát ly ảnh hưởng văn học Bắc thuộc. Nhiều tác phẩm mang thể tài Phật giáo vừa mới tìm thấy ở miền Bắc có thể coi như sớm nhất trong văn học quốc âm (chữ Nôm).

Bộ Quốc Dịch Pháp Hoa kinh bằng chữ Nôm hiện còn giữ tại Đông Dương văn khố Tokyo đã nói lên được tinh thần dân tộc, độc lập và óc sáng tạo của tiền nhân.

* Thời kỳ Quốc ngữ :

Sau khi bị bắt buộc học văn hóa Pháp và dùng lối ký âm Latin, vào năm 1937, cư sĩ Đoàn Trung Còn cũng đã so sánh hai bản dịch của Pháp và Hán mà soạn ra bộ kinh Pháp Hoa bằng Quốc âm.

Mười năm sau, Hòa Thượng Trí Tịnh cũng ký âm Latin và dịch nghĩa bộ Diệu Pháp Liên Hoa để giúp các nhà tân học tiện việc trì tụng và nghiên cứu.

Nhìn lại sự nghiệp kể trên, chúng ta thấy dân tộc Việt Nam đã đóng góp cho sự phát huy tư tưởng "Nhất Phật thừa" không ít, và kinh Pháp Hoa cũng trở thành nguồn sống của một dân tộc hiếu hòa.
Đất nước chúng ta trải qua bao nhiêu sóng gió thăng trầm trên dòng sanh diệt, nhưng Pháp Hoa vẫn hiện hữu sáng ngời nhiệm mầu qua biểu tượng mẹ hiền Quan Âm và các Bồ tát mang tình thương vào đời.

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa

Pháp Hoa là con đường dẫn đến thế giới mầu nhiệm của chư Phật, là giai đoạn chót của tam thừa. Ngài Kiều Trần Như, Ca Diếp, Xá Lợi Phất, v.v… trải hơn 40 năm theo

Phật mới được nghe kinh này. 5000 Tỳ kheo tăng thượng mạn đành cam mất trân bảo, trở lại cuộc sống phàm phu.

Chúng ta không sanh cùng thời với Phật, nhưng thọ trì được kinh Pháp Hoa, cảm nhận được công đức kinh. Điều này chứng tỏ chúng ta thành tựu một phần nào của bốn pháp mà Phật nói trong phẩm Phổ Hiền : có căn lành, được chư Phật hộ niệm, sống trong chánh định và phát đại bi tâm. Căn lành đã sẵn, chư Phật luôn hộ niệm cho ta; nhưng vì sống trong đường hiểm sanh tử, thiếu niệm đại bi, xa rời chánh định, nên chúng ta gần Phật mà chẳng thấy Ngài, không vào được cửa Pháp Hoa. Vì những chúng sanh này, Phật hiện ra trên thế gian như một đóa sen, một đấng cứu thế.

Đứng ở vị trí ngũ thừa, kinh Pháp Hoa được coi là pháp viên đốn, là Tối thượng thừa Viên giáo. Nếu xét trong năm thời thuyết pháp của Đức Phật, thì Ngài nói kinh Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và sau cùng mới giảng Pháp Hoa. Với vị trí quan trọng như vậy, phương thức tu hành theo kinh Pháp Hoa hết sức tinh mật. Vì là pháp dạy cho Bồ tát, hàng phàm phu tầm thường trong nhân gian khó đặt chân vào thế giới này, trừ khi hội đủ bốn điều kiện như đã nói trên.

Chính Phật xác định trong phẩm Phương Tiện, khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ đề, muốn mang pháp tối thượng giảng dạy; nhưng quan sát thấy chúng sanh trí kém, đang bị nung nấu trong nhà lửa tam giới. Nếu Ngài chỉ nói nhất Phật thừa, họ không thể hiểu, sẽ chìm đắm trong sanh tử.

Pháp Phật chứng được thường tự vắng lặng, chỉ có chư Phật mới thấu tột và không thể diễn tả bằng ngôn

ngữ phàm phu. Muốn chỉ cho chúng sanh tướng chân thật, Ngài phải dùng phương tiện. Trong 40 năm nói pháp, Phật dùng vô số phương tiện giảng nói các pháp giúp chúng sanh xa rời ngũ dục thế gian.

Đến hội Linh Sơn, hàng A la hán dứt sạch chấp trước và lên bờ giải thoát, Ngài mới dạy chân lý Pháp Hoa bằng cách khai tam thừa nói nhất thừa hay khai phương tiện, chỉ chân thật. Các pháp ứng cảm tùy cơ, bên ngoài là Thanh văn nhị thừa hay quyền thừa cho Bồ tát mới phát tâm, nhưng thực bên trong là ẩn mật Pháp Hoa kinh. Các pháp phương tiện nói trước, nếu không phải là nhân của Pháp Hoa thì khi nghe pháp chân thật nhất thừa, các đệ tử của Ngài không thể hiểu và phát tâm tu Pháp Hoa được. Cũng như chư Phật quá khứ, ban đầu Ngài nói pháp Tứ đế đến Thập nhị Nhân duyên và Lục độ ba la mật. Chúng sanh nương theo tu hành, đắc đạo, đắc quả, đắc pháp sai khác. Điều này chứng tỏ kinh Phật nói có vô lượng, vô biên, vô số nghĩa. Bước qua được cửa Vô lượng nghĩa, mới thâm nhập vào cảnh giới Pháp Hoa. Vì vậy, kinh Pháp Hoa được thuyết giảng trải qua nhiều năm tháng, hành giả vẫn cảm nhận và tu được. Nếu chỉ có một nghĩa, thì chỉ cần hành trì một lần là thông được với chư Phật, không phải nhọc công suốt đời tu tất cả pháp.

Hành đạo từ địa vị phàm phu đến quả Thánh, tâm hành giả triển chuyển theo từng niệm sanh diệt, nên giáo pháp của Phật cũng theo đó mà thay đổi. Từ khi sơ chuyển pháp luân đến hội Pháp Hoa, trải 40 năm, Phật rèn luyện và giáo dưỡng chúng tam thừa thuần thục. Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát ví như ba cấp bậc của tiểu học, trung học và đại học. Trong thời gian 40 năm đào tạo chúng tam thừa, Phật đưa ra những mô hình tu

tập kiểu mẫu để chuẩn bị cho họ bước vào tạng bí yếu của Như Lai.

Ngài Trí Giả đại sư ví Phật trao kinh Pháp Hoa giống như ông trưởng giả chỉ phú chúc gia tài cho người con có đủ tư cách và khả năng trông coi sự nghiệp. Cũng vậy, Đức Phật huấn luyện chúng hội suốt 40 năm đoạn sạch trần cấu, hoàn toàn thanh tịnh, Ngài mới cho gia bảo Pháp Hoa. Được giáo dưỡng thuần thục rồi, chúng tam thừa cùng bước vào thế giới Vô lượng nghĩa gọi là đồng quy giáo.

Như vậy, kinh Vô lượng nghĩa là cửa ngõ dẫn vào thế giới Pháp Hoa, dùng để tổng kiểm tra lần cuối tư cách của chúng tam thừa trước khi họ thực sự trở thành hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu.

Theo Ngài Thiên Thai, thọ trì Pháp Hoa tam đại bộ gồm : Vô lượng nghĩa, Pháp Hoa và Quán Phổ Hiền mới trọn vẹn được. Trước khi Phật giới thiệu pháp hội vượt ngoài tầm thấy biết của con người, Ngài nói kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa hay nói những gì mà tâm thức con người không tiếp thu được, vì sự vật luôn biến đổi không dừng. Lúc trước, chúng hội tu hành theo mô hình cố định để diệt trừ tham sân phiền não. Đến nay, bước vào thế giới Vô lượng nghĩa, thâm nhập vào dòng thác trí tuệ Như Lai, không còn khuôn mẫu cố định nào có thể có tác dụng.

Tất cả pháp trôi chảy miên viễn, biến hóa linh hoạt vô cùng tận, chỉ hiện hữu những Bồ tát đa dạng, tùy loại hiện thân để cứu khổ chúng sanh. Linh hoạt tánh của Vô lượng nghĩa diễn nói vô cùng tận. Không đạt được trạng thái tâm chứng này mà tu hành, Huyền Giác thiền sư quở trách như kẻ đếm tiền dùm người khác. Đếm suốt đời mình, vẫn là kẻ ăn xin, chẳng được lợi ích gì.

Trụ trong Vô lượng nghĩa, một câu một chữ trong kinh mang ý nghĩa biến đổi không lường, là nhịp cầu đưa hành giả đến thế giới mầu nhiệm của Pháp thân và Báo thân Phật. Thật vậy, Ngài Trí Giả thâm nhập cửa Vô lượng nghĩa bước vào thế giới Pháp Hoa cảm nhận được chữ Diệu. Ngài giảng cho vua Tuyên Đế nghe suốt ba tháng vẫn chưa nói hết ý nghĩa của chữ này. Hoặc Ngài Nhật Liên Thánh nhân tổng nhiếp được Vô lượng nghĩa trong một câu niệm đề kinh Pháp Hoa. Ngài liền thông được tất cả pháp, tạo thành một lực dụng bất khả tư nghì, sóng bủa ba đào cũng phải lặng yên và chuyển đổi cả tư tưởng xã hội thời bấy giờ.

Trước khi Phật đưa chúng hội vào cảnh giới Pháp Hoa, Ngài nói kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa. Bồ tát Đại Trang Nghiêm hỏi Phật : "Kinh này từ nơi nào tới, sẽ đi về đâu và trụ ở chỗ nào ?". Ngài trả lời : "Kinh này từ nhà chư Phật mà tới". Nhà chư Phật là tâm từ bi. Chúng tam thừa đã ra khỏi sanh tử, vì tình thương tràn đầy đối với chúng sanh mà Phật trao kinh này cho các Ngài. Tâm từ của các Ngài lan rộng đến đâu thì pháp cũng theo đó biến chuyển thành vô lượng.

"Kinh này sẽ đến chỗ chúng sanh phát tâm Bồ đề". Chúng tam thừa chính là những hành giả phát tâm Bồ đề. Các Ngài đã vượt ra ngoài định luật chi phối của tam giới và đang tiếp tục đoạn đường cầu Vô thượng chánh đẳng giác, cứu độ chúng sanh. Thành tựu tư cách như vậy, các Ngài mới đủ khả năng thâm nhập trí tuệ Như Lai và trở thành người thay thế Phật diễn dịch Vô lượng nghĩa pháp.

Qua câu trả lời của Phật với Bồ tát Đại Trang Nghiêm, chúng ta nhận được ý nghĩa của danh từ "Giáo Bồ tát pháp" trong tên kinh, không chỉ đơn giản có một nghĩa thông thường là pháp để dạy Bồ tát. Nó còn mang ý nghĩa quan trọng là pháp để hình thành các vị Bồ tát, một biểu tượng đẹp trong nhân gian, khiến mọi người đều quy ngưỡng, làm lợi ích cho muôn loài.

Ngoài ba đặc tính : Đại thừa, Vô lượng nghĩa, Giáo Bồ tát pháp, đặc tính thứ tư của pháp này là Phật sở hộ niệm. Tất cả chư Phật khi hành đạo Bồ tát là tu nhân, thành Phật là kết quả. Qua quá trình tu hành, các Đức Phật đã tìm ra chân lý, tìm được dòng thác trí tuệ Như Lai và đang sống trong kết quả đó. Nếu rời bỏ tri giác ấy, không còn là Phật.

Tư cách của một hành giả tham dự vào cảnh giới Vô lượng nghĩa được triển khai đầy đủ qua ba phẩm của kinh : Đức hạnh, Thuyết pháp và Công đức. Ba phẩm này tiêu biểu cho ba tầng kiểm tra tư cách hành giả. Tầng thứ nhất kiểm tra đức hạnh, tầng thứ hai kiểm tra tri thức và tầng thứ ba kiểm tra khả năng truyền bá kinh Pháp Hoa của hành giả. Vượt qua ba tầng kiểm tra này, hành giả là mẫu người lý tưởng tràn đầy tư cách thánh thiện để bước vào cảnh giới mầu nhiệm Pháp Hoa.

1 - Kiểm tra đức hạnh :

Mục tiêu Đức Phật ra đời, giảng kinh Pháp Hoa, khai tri kiến Phật, giúp cho chúng sanh thành Phật. Tuy nhiên, quan sát chúng sanh nghiệp cấu nặng nề, đầy đủ tham sân phiền não, không thể trong nhất thời chuyển đổi chúng thành thuần thiện được. Ngài mới dùng phương tiện dìu dắt họ từng bước vào đạo.

Trải 12 năm đầu, Phật nói pháp Tứ đế, lấy giới làm căn bản, tác động cho đại chúng xa rời nghiệp ác, phát

triển tánh lành, trở thành người tốt trong xã hội. 12 năm này chỉ để xây dựng đại chúng thành người đức hạnh, đào tạo con người phàm phu trở thành một Tỳ kheo. Tỳ kheo là người phải có dáng giải thoát, trông xa thấy đẹp như loài cỏ hương, nhưng sống gần vị Tỳ kheo thấy càng đẹp hơn. Không phải chỉ có tướng hảo bên ngoài mà cử chỉ, lời nói, hành động đều thánh thiện, có tác dụng làm cho người vơi đi phiền não.

Chúng Thanh văn tu pháp Tứ đế, rèn luyện đức hạnh, trở thành người đạo đức thực sự, không lỗi lầm ở thế gian, không làm mất lòng người mới có thể giáo hóa chúng sanh. Phật uốn nắn Thanh văn trong quá trình 12 năm tu, họ phải lóng nghe những chỉ trích xung quanh để y pháp sám hối, tự sửa mình cho trong sạch lần và tu cho tròn đủ 37 Trợ đạo phẩm. Trong 37 Trợ đạo phẩm lấy Bát chánh đạo làm căn bản để định giá trị của hành giả Pháp Hoa.

Trước hết, hành giả tự xét cái nhìn sự vật của mình có chính xác hay không, có đúng sự thật không? Thông thường cái thấy của phàm phu thường bị thiên lệch hoặc tầm nhìn không quá đường chân trời, còn bị lệ thuộc vào yếu tố tình cảm từng người. Nếu thấy trên căn bản tham vọng, bè phái thì còn vô số sai trái khác nữa.

Trên bước đường tu tập, tùy trình độ tu chứng mà chúng hội đạt được những cái thấy khác nhau. Hàng A la hán an trụ thiền định, thực chứng huệ nhãn, biết được diễn biến của ba đời trước và ba đời sau. Hàng Bồ tát chứng đắc pháp nhãn biết được tổng hợp các pháp và đến giai đoạn cuối cùng đắc được Phật nhãn thấy tất cả pháp tồn tại biến hóa một cách chính xác như thấy vật trong lòng bàn tay.

Kế đến kiểm tra lời nói của hành giả có đúng như thật hay không. Tâm lý thế gian thường muốn cho câu chuyện hấp dẫn nên thường bịa đặt thêm thắt. Vì vậy Đức Phật dạy chúng ta không được nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều. Sở dĩ Phật được mọi người tin cậy tôn kính vì lời nói của Ngài luôn luôn đúng thật. Ngài thường suy nghĩ những lời hay lẽ phải theo đúng chánh pháp. Chúng sanh thường để tâm trí chạy theo những ý nghĩ ác độc tà dại, buông lung, sức tập trung trở thành yếu kém. Trái lại, Phật luôn trụ trong tư duy chân chính, nên mọi hiểu biết không bao giờ sai lầm.

Từ suy nghĩ đúng đắn, hành giả siêng năng phát huy những việc làm tốt đẹp, mang lợi ích cho mọi người. Ngoài ra, đời sống và nghề nghiệp của hành giả Pháp Hoa phải lương thiện chân chính và cuối cùng phải luôn sống trong tam tạng giáo điển. Sự hiểu biết của hành giả do trầm mình trong giáo pháp Như Lai, đạt được thấy biết chính xác. Thành tựu viên mãn pháp tu Bát chánh đạo, hành giả mới tròn đầy giới đức, qua được cửa thứ nhất của Vô lượng nghĩa để thâm nhập thế giới Pháp Hoa.

Nếu thiếu phần đức hạnh căn bản này, hành giả tự bị đào thải từ vòng thứ nhất như 5.000 Tỳ kheo tăng thượng mạn. Họ không bị ai đuổi mà tự xấu hổ, lễ Phật, rồi bỏ đạo tràng ra đi.

2 - Kiểm tra khả năng hiểu biết là nội dung của phẩm Thuyết Pháp :

Trước khi hành giả thuyết pháp, phải thấu rõ pháp. Nếu không biết mà giảng nói, pháp trở thành phi pháp. Ở giai đoạn trước, tu Duyên giác, Phật dạy hành giả quan sát các pháp. Nghĩa là quan sát sự vật biến chuyển và

biết được sự thay đổi chính xác của nó, hành giả sẽ nói không sai lầm.

Đức Như Lai không rời thế giới này, Ngài đắc đạo do quán thế gian pháp. Vì vậy quán sát pháp là quan sát thế gian. Lìa bỏ thế gian tu hành không thể thành tựu được.

Trang bị bằng hiểu biết đúng như thật, từ sơ chuyển pháp luân ở Lộc Uyển đến Kỳ Hoàn tịnh xá qua Trúc Lâm và sau cùng ở hội Linh Sơn, Đức Phật thuyết pháp cho các đối tượng khác nhau : quốc vương, A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát. Tùy cơ cảm mà chúng hội thọ nhận pháp tương ứng lợi lạc khác nhau.

Tuy nhiên, nếu gặp đối tượng có đủ khả năng tiếp nhận, Phật mới giảng nói. Như đối với hàng Duyên giác là những người có trí, do phước đức trí tuệ tích lũy từ nhiều đời, sanh ra bẩm tánh thông minh. Ngài dạy họ pháp quán nhân duyên, quan sát vũ trụ từ hữu hình đến vô hình, thấy được cội nguồn của chân thật pháp và mối tương quan tương duyên tạo nên tồn tại giữa các pháp. Từ đó Duyên Giác dùng lửa chánh định đốt sạch nên không còn vật nào dính líu với họ và đạt quả vị Bích chi Phật.

Phật cũng dạy họ quan sát về sự hình thành của thân người do tứ đại tạo nên. Đối với người chỉ sống với bản năng, cơm ăn áo mặc, tất nhiên họ tuyệt phần ở lãnh vực tri kiến này. Hàng Bích Chi Phật quan sát tận cùng thân ngũ uẩn chỉ thấy do nhân duyên giả hợp mà có, nhân duyên ly tán, thân sẽ tự mất. Dù sao, con người theo lời Phật dạy là một sinh vật tối linh so với các loài khác vì chỉ có con người mới có khả năng tu thành Phật, nhờ tám giác quan mà các loài khác không hội đủ.

Khi tu pháp quán 12 nhân duyên để trở thành Bích chi Phật, Phật dạy hành giả quan sát ngũ ấm có sáu căn tiếp

xúc với sáu trần sanh ra sáu thức tổng cộng gọi là 18 giới. 18 giới này tác động trong sáu đường chúng sanh gây ra 108 phiền não. Quan sát căn bản phiền não qua pháp nhân duyên, nhận thấy từ một niệm tâm của hành giả phóng ra, xoay vần trong sự tương quan tương duyên biến hóa và đưa đến tám muôn bốn ngàn phiền não trần lao.

Ở giai đoạn kiểm tra đợt hai, hành giả phải có khả năng hiểu biết tường tận, biết được diễn biến vật lý và tâm lý đúng như thật rồi mới thuyết pháp. Vì vậy bài pháp của hành giả thỏa mãn được sở cầu sở nguyện của chúng sanh, mới giáo hóa họ được.

Trụ ở từng thứ nhì của Vô lượng nghĩa, hành giả đang đi trên con đường Trung thừa. Tư cách đạo đức ở tầng thứ nhất của Vô lượng nghĩa phải gắn liền với tri thức chính xác như thật ở giai đoạn hai, mới thực sự tạo thành hình ảnh một hành giả Pháp Hoa thay Phật tuyên pháp mầu trên thế gian này.

3 - Tầng thứ ba của Vô lượng nghĩa kiểm tra về khả năng giáo hóa là Bồ tát hạnh hay mười điều công đức của kinh :

Khi đầy đủ đức hạnh vẹn toàn và trang bị một tri kiến chính xác đúng như thật, hành giả dấn thân vào đời chứng nghiệm những bài pháp học được ngay trong thực tế cuộc sống.

Mỗi người tùy tư thế và vị trí hành đạo mà sử dụng được từng phần công đức khác nhau. Nếu hành giả may mắn vào được thế giới Pháp Hoa, nhận được một trong những công đức bất khả tư nghì. Nhưng một niệm tâm khởi lên ngăn cách với Phật, hành giả liền rơi trở lại thực tế của phàm phu. Bấy giờ tưởng còn mầu nhiệm, nhưng sự

thật không có kết quả nữa. Cũng như muốn sử dụng máy phải có người biết điều khiển. Con người của Pháp Hoa mới thọ trì được kinh Pháp Hoa. Con người của Pháp Hoa là Bồ tát ở dưới dạng thức thứ hai, không phải là con người phàm phu này. Vì vậy tu các pháp thuộc nhân thiên, Phật ví như ta làm việc "cái giá một ngày" hết sức cực khổ mà lợi ích không được bao nhiêu.

Tất cả việc hành giả làm dù hữu lậu hay vô lậu, nếu biết nương theo Bồ tát hạnh đều được chuyển sang thế giới Thật Báo. Nhờ vậy tuy thân còn ở thế giới này mà đã liên hệ với thế giới kia. Khi hành giả làm việc bằng tâm vô cầu, mọi công đức mầu nhiệm sẽ tuần tự hiện ra. Trái lại, khi đặt kế hoạch liền kẹt vào cuộc sống : sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nghĩa là bị con người ngũ uẩn ngăn che, không thể nhận được mầu nhiệm nữa.

Mười công đức của kinh Pháp Hoa dưới đây là kết quả của Bồ tát ở tam thừa, chỉ bằng Bồ tát sơ phát tâm ở viên thừa.

1 - Công đức thứ nhất : Chuyển phiền não thành Bồ đề

Khi hành giả thọ trì kinh, tâm duyên được với kinh và Phật, công đức lành sanh ra. Những ngăn che của phàm phu tự tan biến, sáu căn trở thành thanh tịnh. Tất cả phiền não trước kia tác hại hành giả bao nhiêu, nay đều chuyển thành phương tiện tốt để hành đạo.

Trước đó, khi chuyển pháp Tứ đế ở thành Ba la nại, Phật dạy phải đoạn trừ phiền não. Vì đối với tâm lượng chán nản mệt mỏi của chúng hội bấy giờ, phiền não là chướng ngại. Ngược lại, nay tuy Bồ tát bị cách ấm, mang thân phàm phu mà cầm được kinh hay niệm danh hiệu Phật, tất cả nghiệp xấu trở thành tánh Bồ đề, ác hóa thiện.

Ví như hoa sen hút bùn nhơ chuyển ra hương sen thơm ngát.

Nương công đức kinh và thần lực của chư Phật, hành giả chuyển đổi toàn bộ con người, những tâm trược ác, tham lam ganh ghét, sân hận, si mê không còn tác dụng nữa và biến thành tâm đại bi, nhẫn nhục, trí tuệ. Tuy nhiên, nếu hành giả khởi niệm đắc được pháp này, tức thì công đức cũng tự động tiêu tan theo vọng niệm điên đảo.

Sử dụng được công đức bất khả tư nghì thứ nhất, hành giả có khả năng hành đạo như Bồ tát sơ địa. Chẳng những không qua giai đoạn tiệm tu của hàng Thanh văn, mà bỏ luôn được 40 giai đoạn của Bồ tát từ thập tín đến thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng để đi thẳng vào Bồ tát thập địa. Đạt được công đức thứ nhất, tự nhiên công đức thứ hai sanh ra.

2 - Công đức thứ hai : Tu một pháp thông tất cả pháp

Theo Ngài Trí Giả, từ Phật giới quan sát tất cả pháp Phật dạy xuống đến tận cùng chín loài thế giới khác đều không chướng ngại. Khởi đầu, Phật nói pháp Tứ đế cho năm anh em Kiều Trần Như và các ông tiếp nhận được dễ dàng. Pháp này là tư nghì sanh diệt Tứ đế, không phải là pháp chân thật vì có thể tu và hiểu bằng tri thức phàm phu.

Từ pháp sanh diệt lần tu lên, tâm niệm chúng hội đổi thay từng giai đoạn và nhận được nghĩa lý khác nhau. Quả vị cũng theo đó mà lớn dần, đắc được pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm. Đến giai đoạn này, chúng hội đã bước sang bất tư nghì sanh diệt Tứ đế, vượt ngoài hiểu biết của loài người.

Khi đạt đến quả vị A la hán, chúng hội vượt qua ranh giới sanh diệt môn, vào cảnh giới bất tư nghì bất sanh bất

diệt Tứ đế. Hành giả hoàn toàn tự tại, nói pháp không chướng ngại. Cũng những ngôn ngữ ban đầu này mà nay giải đáp được vô số bài toán của thế gian. Đó là con đường hành đạo thông thường của mọi người.

Tuy nhiên, hành giả Pháp Hoa không theo phương hướng này, hành giả đốt giai đoạn vượt bỏ thời gian 40 năm theo Phật, nghe pháp, để đạt đến tiền Pháp Hoa. Hành giả dùng tâm hoàn toàn thanh tịnh, vô nhiễm trước mọi phiền não trần lao, tu một pháp thông được tất cả pháp. Ở giai đoạn này, hành giả vẫn làm công việc bên ngoài thấy tầm thường như lạy Phật, tụng kinh nhưng tạo được lực dụng bất khả tư nghì, tự nhiên thông được tam thiên đại thiên thế giới.

Hành giả thông suốt pháp Phật và căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Vì vậy, một câu, một chữ trong kinh giảng thành vô số nghĩa, nói một ngày, một tháng, một năm cũng không hết. Tất cả chúng sanh đến, hành giả biết chúng muốn gì, làm gì, tu pháp gì và tùy căn cơ mà chỉ dạy cho họ được lợi ích. Trường hợp điển hình ở Nhật có ông Ikeda sử dụng được công đức này. Ông mồ côi cha mẹ, làm nghề bán báo, được Nhật Đạt Thượng Nhân dạy niệm đề kinh, bất thần ông mất tướng ngọng và trở thành pháp sư nói giỏi hơn thầy. Nhờ niệm đề kinh, ông thông được tất cả pháp. Nương thần lực kinh, ông tự động giải đáp được tất cả vấn đề không phải học.

Thành tựu công đức thứ hai, hành giả tuy còn mang thân phàm phu nhưng làm việc như hàng Bồ tát nhị địa.

3 - Công đức thứ ba : Hành giả còn phiền não vẫn được tự tại trong ba cõi

Khi thông được tất cả pháp, hành giả qua lại ba cõi, xuống lên chín đường hoàn toàn không chướng ngại, không ô nhiễm. Mặc dù còn mang thân ngũ ấm đã liên hệ được với chư Phật tương tục nên ra vào sanh tử tự do; từ Bồ tát giới đến địa ngục giới, tùy ý thay đổi sắc thân. Bấy giờ, hành giả đủ tư cách đảm nhiệm sứ mệnh mà Phật giao phó. Dù ở trong nhà lửa vẫn an nhiên tự tại đưa mọi người về thế giới Cực Lạc. Đây là tư thế của Bồ tát ở Ta Bà để trợ hóa cho Phật, tương đương với Bồ tát đệ tam địa.

4 - Công đức thứ tu : Chưa độ mình mà có thể độ người

Tuy còn thân phàm phu vẫn làm bạn được với Bồ tát mười phương. Cũng như trường hợp Huệ Tư thiền sư lập giới đàn vô tướng để đưa Trí Giả đến thế giới chư Phật, tham dự vào Bồ tát học xứ, ngang hàng với Bồ tát hành đạo trong mười phương.

Dù chỉ mới phát tâm Bồ đề, hành giả cũng được coi là Pháp vương tử, cha là Phật, mẹ là kinh Pháp Hoa. Bồ Tát mới phát tâm được ví như hoàng tử, dù còn nằm nôi vẫn được thần dân kính nể và làm bạn với các con vua khác.

Ở vị trí đồng đẳng với Bồ tát mười phương, hành giả một mặt trụ thân nơi Ta Bà, một mặt tham dự các Bồ tát học xứ, trau giồi trí tuệ. Vì vậy, tuy hành giả còn nhỏ nhưng nhận được Phật lực, Pháp lực, Bồ tát lực mười phương, tạo được lực dụng bất khả tư nghì, ngày đêm đều có Thiên long bát bộ che chở, ác ma ngoại đạo không xâm hại được.

5 - Công đức thứ năm : Tuy còn phiền não mà làm việc như có thần thông

Trì kinh Pháp Hoa đạt được bốn điều công đức nói trên, hành giả tuy còn phiền não, trông vào thật tầm thường nhưng làm được việc phi thường. Đó là Bồ tát nội bí ngoại hiện, bề ngoài thị hiện thân phàm phu, Thanh văn, mà bên trong đầy đủ thần thông, độ được vô số chúng sanh. Việc làm của các Ngài vượt ngoài sự thấy biết của phàm phu.

Họ hành đạo dưới dạng tâm chơn như, tác động cho người mà chính người này cũng không hay biết. Kinh ví họ như Long cung thái tử, mới sanh bảy ngày đã có thể làm mây nổi lên và mưa tuôn xuống. Hành giả ở giai đoạn này ngang với Bồ tát đệ ngũ địa.

6 - Công đức thứ sáu : Tuy còn phàm phu mà làm cho người dứt phiền não

Hành giả còn đủ phiền não ràng buộc nhưng đã là bóng mát nương tựa cho chúng sanh. Những tâm hồn đau khổ tuyệt vọng đến độ có thể tan thân mất mạng, nếu đến với hành giả đều được bình ổn. Thậm chí chỉ nghe tên, hoặc chỉ nghĩ đến hành giả, cũng nhận được sự an lành.

Nương công đức kinh, hành giả trấn át được nghiệp lực chúng sanh, trong nhất thời, ngang hàng với đệ lục địa Bồ tát. Được công đức thứ sáu này, lời nói nào của hành giả cũng thành sự thật, mọi người nương theo tu hành đều đắc pháp, đắc quả.

Kinh ví như hoàng tử còn nhỏ mà nhờ uy đức của vua cha nên cai trị được toàn dân. Hành giả cũng vậy, tuy còn ở địa vị phàm phu, nhưng nhận được Phật lực truyền

vào, thay thế chư Phật giáo hóa chúng sanh, mọi việc làm đều là Phật sự.

7 - Công đức thứ bảy : Tự nhiên được Ba la mật và các thần thông

Đồ chúng của Phật như Ngài Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề v.v… theo Phật từ ban đầu, gia công tu hành 37 Trợ đạo phẩm chứng Diệt đế Niết bàn.

Nay hành giả Pháp Hoa không tu 37 phẩm Trợ đạo mà tự nhiên các Trợ đạo phẩm đều thành tựu. Thật vậy, hành giả không cần phải trải qua nhiều kiếp để tu pháp đoạn dục khử ái, chỉ nhất tâm thọ trì kinh Pháp Hoa, tự động nhàm chán mọi đắm say dục lạc thế gian. Hoặc hành giả không tu Bát chánh đạo, pháp này cũng tự thành tựu. Vì trong một niệm tâm thanh tịnh tương ưng với kinh, thấy đúng như thật, không còn tà dại. Chẳng những 37 phẩm Trợ đạo mà cả 6 pháp Ba la mật hành giả cũng không tu, nhưng tự nhiên chứng được.

Tuy nhiên, đó không phải là thực chứng như hàng A la hán, Bồ tát đạt được. Hành giả nương vào công đức kinh và thần lực chư Phật có được những pháp bất khả tư nghì này. Ngược lại, chỉ khởi một niệm tăng thượng mạn, liền rớt trở lại thân phận hẩm hiu của phàm phu.

8 - Công đức thứ tám : Những người chống trái trở thành thuận hòa

Hành giả có khả năng làm cho người phát tâm Bồ đề. Người đến với hành giả thực không phát tâm nhưng nhờ nương công đức kinh, hành giả chuyển đổi được họ.

Bồ tát sơ tâm khởi một niệm thanh tịnh duyên với kinh, sẽ khơi dậy tâm Bồ đề cho người khác; nhưng niệm sau không thanh tịnh, nên không trưởng dưỡng được Bồ đề tâm này một cách liên tục. Ngược lại, các vị Bồ tát lớn thanh tịnh

miên viễn, công đức tròn đầy, bất cứ lúc nào nghĩ tưởng đến các Ngài, chúng sanh đều được thanh tịnh.

9 - Công đức thứ chín : Túc nghiệp dứt, được nhạo thuyết biện tài, chứng được đà la ni

Đến giai đoạn này, những nghiệp còn lại nhất thời đều tan hoại và hành giả được nhạo thuyết biện tài, chứng được đà la ni, tương đương với Bồ tát cửu địa. Bấy giờ hành giả thông suốt mọi vấn đề không cần phải học như hai vợ chồng ông Okano ở Nhật được gọi là ông Hòa Thượng, là một người thợ sửa radio tầm thường.

Khi ông phát tâm Bồ đề, nương công đức kinh tu tập, cuộc đời hai người hoàn toàn đổi mới. Từ một người thợ tầm thường, cả hai ông bà trở thành pháp sư nổi tiếng, nhạo thuyết biện tài. Bất cứ người nào đến với ông bà cũng tìm được sự bình an cho tâm hồn. Vì độ cảm kinh và lòng từ bi của ông bà liên tục nên công đức sử dụng và phước báo không thay đổi.

Đắc được pháp này, tuy còn ở địa vị phàm phu, đã phân thân đi giáo hóa khắp thế giới, thậm chí dạy cả loài thú tu hành. Hành giả thuyết pháp, khuyên dạy dưới dạng con người thứ hai, nên chính hành giả cũng không biết. Vì vậy, mà từ loài người đến loài cầm thú cảm ơn giáo hóa kéo đến quy ngưỡng.

10 - Công đức thứ mười : Phàm phu thân hành Bồ tát đạo

Sử dụng được công đức thứ mười, hành giả tương đương với Bồ tát Đẳng giác, tuy còn ở chốn phàm phu đã phát được a tăng kỳ thệ nguyện. Tình thương của hành giả bằng với Quan Âm, phổ cập đến muôn loài mọi giới, nhất thời đầy đủ 10 hạnh nguyện của Phổ Hiền.

Nương công đức kinh, hành giả giáo hóa được khắp mười phương; một niệm vọng động khởi lên, liền rớt trở lại thế giới phàm phu. Nhưng hành giả vẫn nhận được công đức từ các thế giới kia gởi về, nghĩa là bị đọa mà vẫn tu được.

Mười công đức nói trên được Đức Phật xác định chỉ có Bồ tát nhân gian mới sử dụng được. Bồ tát nhân gian là Bồ tát vì thương chúng sanh trở lại cõi Ta bà để hóa độ. Các Ngài thọ ngũ ấm thân nên bên ngoài vẫn có phiền não trần lao như mọi người, còn bị nghiệp tập quán chi phối, nhưng bên trong hoàn toàn thanh tịnh. Khi thọ trì kinh, trong ngoài đều thanh tịnh, đương nhiên phá được bức màn vô minh thông từ trong ra ngoài và lúc trở lại tư thế phàm phu, các Ngài vẫn thanh tịnh.

Vì vậy, Phật nói Bồ tát hiện vào Ta Bà độ sanh có kinh bảo vệ, không sợ mất kiếp. Ngược lại, chúng phàm phu trong ngoài đều nhiễm ô, nghiệp chủng tử là nghiệp tội lỗi, chưa đối cảnh mà tâm ác đã hiện ra. Đây là chúng sanh phàm phu điên đảo vì năm món dục trôi lăn trong sanh tử, không thể sử dụng được phần công đức này.

Tóm lại, kinh Vô lượng nghĩa đánh dấu tổng kết 40 năm thuyết pháp của Đức Phật và mở ra cánh cửa cho chúng tam thừa đã hoàn tất quá trình tu giới, định, tuệ bước vào thế giới Pháp Hoa, nhận lãnh ấn chỉ của Phật, thay Ngài giáo hóa ở cõi Ta Bà, làm lợi lạc cho chúng hữu tình.

Phẩm 1
TỰA

I. LƯỢC VĂN KINH

Một thuở nọ, Đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật thuộc thành Vương Xá cùng với chúng Tỳ kheo 12.000 vị, 6.000 Tỳ kheo Ni, 80.000 Bồ tát, 70.000 chư Thiên, 8 vị Long vương, 4 Càn thát bà vương, 4 A tu la vương, 4 Ca lâu la vương và trăm ngàn quyến thuộc của các vị này. Vua A Xà Thế và đoàn tùy tùng cũng đều hiện diện.

Sau khi tứ chúng cúng dường và xưng tán, Phật nói kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm. Nói kinh này xong, Ngài nhập chánh định Vô lượng nghĩa xứ. Khi đó trời mưa hoa Mạn đà la, ma ha Mạn đà la, Mạn thù sa, ma ha Mạn thù sa, khắp cõi nước Phật, vang động sáu cách.

Từ tướng bạch hào của Phật phóng ra một luồng hào quang chiếu khắp 18.000 thế giới ở phương Đông, dưới đến địa ngục A tỳ, trên đến trời Sắc cứu cánh. Nhờ ánh quang này, chúng hội thấy rõ sáu loài chúng sanh, chư Phật nói pháp, Bồ tát tu hành, thấy cả chư Phật Niết bàn và việc xây tháp thờ Xá lợi.

Bồ tát Di Lặc và tứ chúng đều ngạc nhiên trước hiện tượng chưa từng thấy. Di Lặc thay mặt cho chúng hội nhờ Văn Thù giải thích. Văn Thù cho biết từ thời Đức Phật quá khứ Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, ông đã từng thấy điềm lành này. Trước khi Phật nói pháp quan trọng mà mọi người khó tin theo, các Ngài phóng quang hiện cảnh như vậy. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai cũng nói pháp Tứ đế cho hàng Thanh văn, nói pháp 12 Nhân duyên cho hàng Duyên giác và nói sáu pháp Ba la mật cho hàng Bồ tát.

Tiếp theo, có đến 20.000 Đức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh và đồng một họ là Phả La Đọa. Đức Phật sau cùng lúc chưa xuất gia có tám vương tử cai trị bốn phương thái bình. Nghe vua xuất gia thành đạo Vô thượng chánh đẳng giác, họ cũng xuất gia, phát tâm Đại thừa, tu hạnh thanh tịnh, đều làm pháp sư. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cũng nói kinh Vô lượng nghĩa và nhập Vô lượng nghĩa xứ định. Khi ấy, trời mưa hoa Mạn đà la, Mạn thù sa và Phật cũng phóng quang chiếu 18.000 thế giới phương Đông.

Sau đó, Ngài nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho Diệu Quang Bồ tát trải 60 tiểu kiếp. Người nghe pháp ngồi một chỗ đến 60 tiểu kiếp, thân tâm không động, không mệt mỏi, cảm thấy thời pháp ngắn ngủi như khoảng bữa ăn. Nói kinh này xong, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh bảo đại chúng rằng vào khoảng giữa đêm, Ngài nhập vô dư Niết bàn và thọ ký cho Đức Tạng Bồ tát kế tiếp thành Phật Tịnh Thân Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác.

Đúng như lời Ngài nói, vào giữa đêm, Ngài nhập vô dư Niết bàn. Diệu Quang Bồ tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nói pháp trong 80 tiểu kiếp và dạy cho 8 người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh vững tâm nơi đạo Vô thượng chánh đẳng giác. Tất cả đều lần lượt thành Phật, vị sau cùng hiệu là Nhiên Đăng. Trong 800 đệ tử của Bồ tát Diệu Quang, có một người tên là Cầu Danh. Người này ham ưa danh lợi, tuy đọc tụng kinh nhưng không sống theo tinh thần kinh dạy. Tuy nhiên, nhờ có nhân duyên căn lành, nên Ngài cũng được gặp và cúng dường vô lượng Phật. Diệu Quang Bồ tát bấy giờ chính là ta và Cầu Danh Bồ tát là Di Lặc.

Văn Thù kết luận điềm lành mà Phật cho thấy hôm nay không khác xưa kia. Ngài nghĩ rằng Đức Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm.

II. GIẢI THÍCH

Qua phẩm Tựa mở đầu kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy trụ xứ mà Phật thuyết kinh là Linh Thứu sơn hay núi Kỳ Xà Quật thuộc thành Vương Xá, thủ đô nước Ma Kiệt Đà, ngày nay là tiểu bang Bihar của Ấn Độ. Đây là địa danh sau cùng mà Phật dừng chân trên bước đường giáo hóa chúng sanh. Trải qua 40 năm dìu dắt chúng hội để đưa đến đỉnh núi Linh Thứu, Ngài mới nói Pháp Hoa, trong khi các kinh khác Phật đều giảng ở tịnh xá.

Điều này tiêu biểu cho sự nỗ lực gia công của hành giả vượt qua tất cả khó khăn, vận dụng tất cả khả năng leo lên núi mới lãnh hội được kinh Pháp Hoa. Nói cách khác, 40 năm Phật rèn luyện cho con người vượt qua sự chi phối của thân tứ đại (thân tứ đại thường được ví như bốn ngọn núi) mới được Như Lai truyền trao tạng bí yếu.

Pháp tối thượng của Ngài đã được diễn nói ở một nước do bạo chúa A Xà Thế cai trị cực kỳ hung ác đến độ giết cha hại mẹ. Và núi Linh Thứu, chỗ ở của loài diều hâu chuyên bay xuống Thi Lâm ở kế bên (bãi xác chết) để ăn thây người chết. Nhưng hoa Ưu Đàm đã nở trọn vẹn, tỏa hương thơm ngát trên mảnh đất hung tàn bạo ngược này. Thật vậy, Phật đặt chân đến nơi đây, dù chưa nói một lời, nhưng uy đức và lòng từ vô lượng vô biên của Ngài đã chuyển hóa được tâm ác độc của vua A Xà Thế. Ông đã từng làm việc tội lỗi như thả voi say hại Phật hay xô đá đè

Phật. Nay ông trở thành người hộ pháp đắc lực nhất và cũng dẫn thần dân về dự hội Pháp Hoa.

Không giống các pháp hội khác, hàng thính chúng vây quanh Phật ở hội Pháp Hoa không bị giới hạn bởi con số và chủng loại. Chúng Thanh văn và Bồ tát được coi là quyến thuộc kề cận Phật. Về mặt tha thọ dụng thân hay Phật sanh diệt, quyến thuộc của Ngài là 12.000 Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, tức chúng Thanh văn.

Trong số chúng Thanh văn này, có 1.200 vị A la hán. Các Ngài đã chế ngự được mọi ham muốn, phiền não không còn, được tự tại về hiểu biết, về mọi lãnh vực, thoát khỏi sự ràng buộc trong đời sống, có sức tập trung tư tưởng và không giao động trước mọi hoàn cảnh. Vì các Ngài đã đạt được lẽ sống siêu tự nhiên. Những vị này đã chứng được sáu pháp thần thông như : A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, v.v…

Ngoài các vị A la hán, còn có những vị được dự vào dòng Thánh từ sơ quả đến tam quả do Ngài A Nan dẫn đầu.

Bên cạnh hàng Thanh văn là quyến thuộc của Phật sanh diệt, còn có sự hiện hữu của 80.000 Bồ tát kề cận với Báo thân Phật hay chân thân Phật, mà hàng Thanh văn và loài người không thấy được. Các vị này là đại Bồ tát không thối chuyển ở đạo Vô thượng chánh đẳng giác như Văn Thù Sư Lợi, Quan Thế Âm, Đắc Đại Thế, v.v… Các Ngài có pháp thần biến, giảng nói chánh pháp không ngừng nghỉ, luôn sống trong trí tuệ Như Lai. Vì các Ngài đã từng thân cận, cúng dường, tu học với muôn ức đức Phật, nổi tiếng thơm khắp mười phương, trang nghiêm thân tâm bằng lòng từ, thường cứu vớt vô số chúng sanh.

Các vị Bồ tát đến dự hội Pháp Hoa đông đủ như vậy trong một hội trường hữu hạn của núi Kỳ Xà Quật, nhưng không chướng ngại cho Thanh văn. Vì các Ngài hiện hữu trong tư thế siêu hình, thông được với các pháp. Vì vậy, lúc đó trong đạo tràng, chúng Thanh văn thấy có Đức Thích Ca bằng xương thịt trước mặt thuyết pháp. Nhưng đối với chúng Bồ tát, Đức Phật nói pháp là Phật siêu thực, có tầm vóc lớn tương xứng với họ.

Ngoài ra, còn có Thiên Long bát bộ (Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la) cũng dự hội. Thiên Long bát bộ hiểu theo nghĩa thứ nhất là một thực thể tồn tại khách quan, nhưng mắt chúng ta không nhận thấy được. Nghĩa thứ hai, hiểu theo triết học, nhằm chỉ tâm trạng con người chúng ta.

Mỗi người có trình độ nhận thức và cuộc sống, nếu đem phân tích, thấy giống như cá tánh của Thiên Long bát bộ. Thí dụ Trời Phạm tiêu biểu cho những người sống trong thiền định có tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh, mang thân người, nhưng không bị dục tình quấy nhiễu. Hoặc Trời Đế Thích tiêu biểu cho những người sống ở trần gian đầy đủ phước lạc, thân tướng xinh đẹp và tâm hồn luôn vui sướng. Hoặc Rồng, Dạ xoa, A tu la tiêu biểu cho những người hung dữ ngang bướng ở thế gian. Khi họ vào pháp hội cũng trở thành hiền hậu và thâm nhập pháp Phật.

Tất cả mọi chủng loại trong pháp hội chắc chắn sinh hoạt trong những cảnh giới không cùng một luật tắc và điều kiện như thế giới vật chất của loài người. Tâm niệm, hạnh nguyện của Thanh văn và Bồ tát khác nhau, nên uy lực cùng tuệ nhãn không thể giống nhau. Cũng như đối với chúng trời, người và quỷ thần, nghiệp lực lôi kéo tâm thức họ theo những đường hướng không đồng. Tuy nhiên,

tất cả đều được tụ họp lại không chướng ngại nhau trong cùng pháp hội bằng một năng lực bất khả tư nghì của Phật.

Phật nói kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa cho Bồ tát. Đây là một bộ kinh giảng nói không cùng tận, biến hóa không lường. Chỉ có hàng Bồ tát mới có khả năng thể nhập dòng thác trí tuệ Như Lai. Đối với các pháp biến dịch không cùng, tâm Bồ tát đã hoàn toàn tự tại mới hiểu được Vô lượng nghĩa vô số muôn màu. Hàng Thanh văn còn kẹt pháp, không thể vào cửa Vô lượng nghĩa.

Nói kinh Vô lượng nghĩa xong, Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định, thân không lay động, tâm hoàn toàn tịch tĩnh. Nhưng vô tác diệu lực của Ngài có một tác dụng sâu xa. Khi nhập định, tâm thức của Ngài thông với pháp giới, trở về cùng tột thật tướng các pháp, tạo thành lực dụng bất khả tư nghì đưa chúng hội vào cảnh giới mầu nhiệm của Phật.

Trạng thái yên lặng của Phật ở Vô lượng nghĩa xứ định lôi cuốn pháp hội vào định, tạo thành sự thông đồng giữa Phật với chúng hội và Như Lai mới giáo hóa bằng tâm, không bằng ngôn ngữ. Trong sự truyền thông qua tâm, đại chúng thấy hoa Mạn đà la, ma ha Mạn đà la, Mạn thù sa, ma ha Mạn thù sa. Bốn loại hoa này, hiểu theo nghĩa thần thoại là hoa thực của chư thiên. Hiểu theo tinh thần triết học, nó không phải là một hiện tượng mà chính yếu mang ý nghĩa tác dụng của pháp Phật.

Hoa Mạn đà la có rơi thật hay không, không quan trọng. Nhưng tác dụng của hoa làm cho chúng hội tịnh nghiệp, nghe Phật thuyết pháp, tâm buồn phiền tự rơi rụng. Đây là điều kiện tất yếu để nói kinh Pháp Hoa, sống trên cuộc đời không bị nhiễm ô mới vào đạo nhất thừa.

Hay nói cách khác, hoa Mạn đà la làm phiền não mọi người tiêu tan, giúp chúng hội trở về trạng thái tâm hồn lắng yên đồng với tâm Phật, tiếp nhận được chân lý của Đức Thế Tôn phô bày.

Theo tinh thần này, hành giả muốn cầu đạo phải cầu an tâm, đạo chỉ có nơi tâm hồn bình ổn. Xưa kia, Ngài Thần Quang sau bao tháng năm tìm kiếm, chỉ bắt gặp được sự bình ổn hoàn toàn khi diện kiến Tổ Đạt Ma trong tuyết lạnh phủ ngập gối chân ở chùa Thiếu Lâm. Hoa Mạn đà la rơi ở Linh Thứu sơn cũng như tuyết phủ ở chùa Thiếu Lâm, tất cả trắng xóa một màu bạch nghiệp. Và đạo chỉ hiện hữu nơi đây cho những tâm hồn chí thành cầu pháp, không còn gợn chút mảy may vọng trần.

Khi tình cảm thương ghét của con người đã rơi theo hoa Mạn đà la, bằng tâm hồn trong trắng, chúng hội tiếp nhận được niềm vui kỳ diệu. Một niềm vui vô tận, hoàn toàn thanh tịnh ly trần, không có nguyên nhân, không có đối tượng. Đó là trạng thái tâm của người cầu đạo được biểu hiện bằng hoa Mạn thù sa. Được hai loại hoa này tươi nhuận, tâm chúng hội đã biến thành tâm cực lạc, đạo tràng hoàn toàn thanh tịnh và thể nhập vào thế giới Pháp Hoa bao la kỳ diệu.

Chuyển đổi thân tâm của chúng hội xong, Phật biến Ta Bà thành Tịnh độ. Núi Kỳ Xà Quật không còn là không gian bị ngăn cách bởi đất đá núi rừng chật hẹp. Không gian được trải dài trong một vũ trụ vô cùng. Không còn gì ngăn cách giữa Thế Tôn và pháp giới.

Đất chuyển động sáu cách, biến thân ngũ ấm của người dự hội tạm thời thành thân Như Lai thông suốt pháp giới. Tất cả thế giới mười phương cũng biến động như vậy. Chúng hội được kết hợp thành một con người thứ hai, họ

thấy Phật không còn là Tỳ kheo Cồ Đàm với mảnh áo đơn sơ, mang thân xác bé nhỏ. Ngài đã an trụ pháp giới bao la, có thân biến đổi tự tại không cùng và hiện hữu thường hằng bất biến gọi là Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

Để thuyết giảng pháp mầu tối thượng, khó tin khó hiểu, không thể dùng ngôn ngữ diễn tả, Đức Thế Tôn phóng một luồng hào quang từ tướng lông trắng giữa hai chân mày chiếu suốt 18.000 thế giới ở phương Đông. Bạch hào tướng này tiêu biểu cho trí tướng, là sự hiểu biết vô cùng tận của Phật. Không chỗ nào ánh quang của Phật không chiếu tới, nghĩa là không có gì trong pháp giới Ngài không biết.

Sự kiện chúng hội nương theo ánh quang của Phật quan sát pháp giới, hiểu theo thời đại chúng ta ngày nay không gì khác hơn là nương lời Phật dạy trong kinh để biết rõ cuộc đời. Riêng tôi, không chờ Phật ra đời, nhưng trầm mình trong tam tạng giáo điển 40 năm. Nhờ vâng lời Phật dạy để phát triển trí tuệ và đạo đức, tôi hiểu Phật, làm một vài việc như Phật dạy. Tôi bắt đầu nhìn đời, thấy người qua kinh điển, không qua nghiệp thức. Bằng tâm yên tịnh quan sát trần thế, tôi thấy rõ một người có lúc đau khổ cùng tột như đang ở địa ngục A tỳ, có lúc họ lại hưởng vui sướng cao độ như đang ở Trời Sắc cứu cánh. Từ cuộc sống thực này, tôi nhìn thấy mọi người và chính thân phận mình, tâm luôn biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái nọ. Hay nói cách khác, sáu nẻo luân hồi có đầy đủ ngay trong một con người, thay đổi từng sát na, nếu chúng ta đứng ở lập trường chân thật pháp quan sát sáu đường chúng sanh.

Trong ánh quang của Phật, chúng hội thấy rõ sinh hoạt của sáu loài chúng sanh từ địa ngục A tỳ đến Trời

Sắc cứu cánh. Và ở cảnh giới Phật quan sát ngược lại, thấy được mọi thay hình đổi dạng của chính mình và mọi người thân của mình từ vô thỉ đến vị lai, từ loài này vụt lăn ra chết, sanh sang loài khác. Cuộc sống rất ngắn ngủi, khi thì thọ thân đi bằng hai chân, có lúc đi bốn chân, lại có lúc đi nhiều chân hoặc lăn lóc đi bằng bụng. Dưới mắt Bồ tát, mọi trồi sụt trôi lăn trong sanh tử như vậy hiện rõ, vì thế, dục lạc thế nhân trở nên vô nghĩa đối với các Ngài.

Thấy được mọi diễn biến qua tuệ giác của Phật, là thấy như thật và siêu thời gian, thấu suốt từ vô thỉ đến tận vị lai kiếp, không phải là cái thấy hạn hẹp theo nghiệp lực của mỗi loài trước khi dự hội Pháp Hoa.

Nương theo ánh quang Phật cũng thấy có Phật ra đời, thành Phật, màu thân như núi vàng, tiêu biểu cho bậc siêu nhân xuất hiện để cứu khổ chúng sanh. Hay đó chính là hình ảnh cao quý nhất của Phật Thích Ca ở Ta bà không dính chút bợn nhơ của đời. Trong ánh quang của Phật cũng hiện rõ hình ảnh vô số Bồ tát tiếp nhận sự hộ niệm của chư Phật, hoạt động khắp pháp giới dưới nhiều dạng khác nhau. Bồ tát Di Lặc chỉ lược nói một số.

Bồ tát vận dụng mọi phương tiện để tu Lục độ ba la mật là chính hạnh của Bồ tát (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ). Bố thí mở đầu hạnh Bồ tát. Bố thí hay giúp đỡ nhằm tạo điều kiện cho người phát triển. Mai kia họ trưởng thành, thay thế ta tiếp tục công việc bố thí. Ngược lại, bố thí để làm họ tệ ra, nghiệp ác tăng thêm và cuối cùng phải đọa, là lỗi của ta.

Hành bố thí đúng pháp trong vòng quỹ đạo của Bồ tát, chúng ta chỉ sẵn sàng nâng đỡ những người có chí cầu tiến, làm lợi ích cho nhân quần xã hội. Hành giả gieo

hạt nhân Bồ tát vào tâm chúng sanh, để sau họ cũng trở thành Bồ tát, mới thể hiện được ý nghĩa của bố thí.

Bố thí ở mức độ cao gọi là cúng dường. Hành giả cúng Phật và Tăng là chính yếu, vì đó là hai mẫu người xứng đáng cúng dường nhất. Đức Phật sáng suốt giác ngộ hoàn toàn, là đại Đạo sư của sáu loài ở trong sanh tử. Hiện hữu của Ngài rất cần thiết cho cuộc đời. Phật Niết bàn, chư Tăng là người thừa kế, mang tâm hồn thoát tục, hy sinh cuộc đời để theo đuổi mục tiêu cao cả.

Tiến lên một nấc, hành giả bố thí để đoạn xan tham, vì biết rõ hạt nhân tham lam dẫn vào sanh tử khổ đau. Khi bố thí hành giả phải kiểm chứng kỹ điều này. Thật vậy, tâm lượng Bồ tát, Như Lai hoàn toàn an trú pháp KHÔNG. Các Ngài gửi cho bất cứ thứ gì, chúng ta cũng được an vui giải thoát. Người tham lam ích kỷ cho, ta không nên nhận, vì cả một tâm ác được gói ghém kèm theo món quà. Ôm nhơ bẩn nặng trĩu đó, ta không tu được. Pháp bố thí này không phải là pháp Như Lai, càng bố thí nhiều càng tăng trưởng nghiệp ác.

Phật dạy muốn bố thí, phải luôn luôn kiểm tra xem mình có đủ ba tâm : trực tâm, thâm tâm, bồ đề tâm hay chưa. Cầm đồ vật cho người, trước tiên kiểm xem ta có trực tâm không. Ta cho người để lợi dụng hay nhằm mục đích gì. Lòng thực sự ngay thật thì bố thí xong, ta cũng truyền cho người tâm ngay thật. Nếu bố thí mà thấy lòng người nhận cong quẹo, là biết chính tâm ta cong quẹo vậy.

Kế đến, xem xét tận đáy lòng mình, cốt lõi của nó là gì, là tham sân phiền não hay thực tình, chỉ một lòng hạ quyết tâm cầu Vô thượng đạo. Theo lập trường Phật bố thí, mới thật sự hành Bồ tát đạo, chan hòa tình thương cho

chúng sanh một cách tuyệt đối được. Hành bố thí với đủ ba tâm này, người nhận quà cũng sanh được ba tâm như vậy. Đó mới thực là hành bố thí ba la mật.

Chúng sanh là tấm gương phản ảnh tâm ta, tâm ta thế nào hiện lên chúng sanh như vậy. Nhờ đối tượng chúng sanh, Bồ tát biết được Bồ đề tâm của mình. Đối với Bồ tát, thành tựu chúng sanh đồng nghĩa với thành tựu Vô thượng giác.

Bồ tát mới phát tâm bố thí, lần hồi từ thấp lên cao. Khởi đầu, bằng lòng thương người, hành giả đem cho tài vật dư. Ở trường hợp này, bố thí còn có giới hạn vì chỉ cho những gì không dùng đến. Tuy nhiên, đã khá hơn người tham lam tội lỗi, vật không dùng nhưng cất vô kho. Nâng lên một nấc nữa, những gì hành giả đang dùng nhưng người khác dùng có lợi hơn, hành giả sẵn sàng cho. Trong kinh ghi hình ảnh Bồ tát bố thí xe tứ mã trang hoàng bằng những thứ báu, với tất cả lòng hoan hỷ để trang nghiêm Phật độ. Càng bố thí, tâm Bồ tát càng nở hoa, trút bớt gánh nặng ở Ta bà và thấy gần chư Phật hơn, nhàm chán thế giới này và hướng về nhất thừa vô thượng.

Bố thí ở giai đoạn một còn bình thường, nhưng đến giai đoạn hai đã gá tâm được với thế giới Phật, dũng mãnh tiến tu. Cao tột hơn cả, Bồ tát sẵn sàng hy sinh thân mạng, như Hòa Thượng Quảng Đức hiến thân vì Phật pháp, tìm cái chết thật có ý nghĩa.

Ngoài pháp bố thí, Thanh văn và Bồ tát đều lấy giới làm đầu. Tùy trình độ tu chứng, có quan niệm về giới khác nhau. Tôi sống trong giới pháp của Phật cảm thấy an lành. Giới đối với tôi là hàng rào ngăn chặn tội lỗi phát sanh.

Trong pháp Tối thượng thừa của kinh Pháp Hoa, Phật cho thấy Bồ tát giữ giới trong sạch từ tâm hồn cho đến

bên ngoài, được ví như bảo châu. Chính lòng trong sạch đó giúp các Ngài thành tựu tất cả pháp, vì không trong sạch thì làm bất cứ việc gì cũng là phàm phu. Quan trọng của giới Đại thừa ở điểm lòng trong sạch như bảo châu. Bên ngoài Bồ tát làm tất cả việc lợi ích chúng sanh, trong tâm các Ngài không gợn một chút mảy trần. Trong khi Thanh văn theo hình thức, cố gắng giữ y giới điều, giới tướng trong sạch, nhưng giới thể có khi còn bợn nhơ.

Bên cạnh pháp bố thí, trì giới, Bồ tát còn thực hành pháp tinh tấn. Tinh tấn là nhất tâm quyết liệt biểu lộ ý chí con người. Kinh Pháp Hoa cho thấy hình ảnh Bồ tát tinh tấn kinh hành trải ngàn muôn ức năm, chưa từng ngủ nghỉ, để suy tư Phật đạo.

Tinh tấn vì vấn đề Phật đạo còn tồn đọng trong suy tư, chưa hiểu, nên mãi thao thức với nó. Tâm các Ngài làm việc liên tục mãnh liệt, suy nghĩ làm thế nào để thành Phật, ra khỏi sanh tử luân hồi. Chưa thấy được tương lai, chưa đắc đạo, chưa dám ngừng nghỉ, cũng giống như Thái tử Sĩ Đạt Ta ngồi suy tư ở Bồ đề đạo tràng. Ngài hạ quyết tâm nếu không thành Vô thượng chánh đẳng giác, dù thịt nát xương tan cũng không đứng dậy.

Bồ tát quyết tâm rời bỏ ngũ ấm thân, không thọ lại thân chúng sanh và đạt tới cùng tột, sử dụng diệu lực của các pháp hoàn toàn tự tại, mới thật là tinh tấn ba la mật. Kinh diễn tả Phật thành tựu pháp tinh tấn ba la mật qua hình ảnh Ngài phóng quang cho chúng hội thấy 18.000 thế giới, mà Ngài không hề di chuyển thân. Không đi không về, không có giáo hóa chúng sanh, nhưng không một chúng sanh nào không được Phật giáo hóa, không việc gì trên thế gian mà Phật không thành tựu.

Trong ánh quang của Phật, cho thấy những vị quốc vương bỏ cung điện, vợ con, cạo sạch râu tóc, làm Sa môn để cầu đạo Vô thượng. Điều này khiến chúng ta liên tưởng đến tiền thân của Phật Di Đà là vua Vô Tránh Niệm và tiền thân của Đức Thích Ca là Bảo Hải đại thần. Bảo Hải thông minh, xây dựng quốc gia phồn vinh. Nhưng khi có Phật ra đời, Bảo Hải xuất gia và vua Vô Tránh Niệm cũng bỏ ngôi báu phát tâm xuất gia theo.

Trong ánh quang cũng thấy Bồ tát vào núi sâu rừng rậm, đọc tụng kinh điển, suy tư lời Phật dạy. Chúng ta ngày nay đọc tụng kinh điển, hình dung lời Phật, cảm nhận được thế giới mầu nhiệm của chư Phật. Nhưng vì chúng ta không luôn sống trong kinh nên mọi thấy biết không quá đường chân trời.

Bồ tát an trụ giáo pháp, chứng được sáu phép thần thông, biết được tâm niệm của mọi người. Thấy được trình độ, khả năng của chúng nhân, các Ngài phá hủy tánh ác và làm cho phước lành của họ mỗi ngày thêm tăng trưởng. Uy đức của Bồ tát thật lớn lao, xuất hiện ở chỗ nào, trời người đều cung kính, mà các Ngài cũng chẳng mừng.

Hình ảnh Bồ tát tu sáu pháp ba la mật để hồi hướng Phật đạo, đều hiện rõ trong ánh quang Phật. Chúng ta vì gắn chặt cặp kính nghiệp vào nhục nhãn, không thể nào thấy biết cảnh tượng mầu nhiệm ấy. Tuy nhiên, qua kinh điển, chúng ta nhận được tinh thần cầu đạo vô song của Bồ tát, trải vô lượng kiếp xả thân hành sáu pháp ba la mật. Từ đó, chúng ta cảm tâm Bồ tát mỗi ngày mãnh liệt sâu sắc hơn, nhờ đó trí tuệ cũng phát huy theo. Dù không có Phật, không có ánh quang chư Phật, Bồ tát vẫn hiện hữu bên cạnh chúng ta, ngay trong tâm ta, ngay trong pháp giới tánh.

Qua những hiện tượng diễn tiến khi Phật Thích Ca nhập Vô lượng nghĩa xứ định trên non Linh Thứu và sự kiện Ngài thành đạo ở Bồ đề đạo tràng, theo tôi hai hiện tượng này là một. Nó nhằm diễn tả tam minh của Phật hoặc quay lại cuộn phim Phật thành đạo. Thật vậy, tinh thần Đại thừa mô tả Phật vào định, thâm nhập chân lý bằng hình ảnh hoa Mạn đà la, Mạn thù sa rơi. Ngài ngồi yên lặng đến mức quên thân người và sống trong niềm vui tâm linh cao độ, không còn lệ thuộc cuộc sống. Và đó cũng chính là mô hình tham thiền kiểu mẫu của Sĩ Đạt Ta ở Bồ đề đạo tràng. Ngài trải qua thế giới sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, đến Ngũ Tịnh Cư Thiên của La hán. Và bước qua thế giới thiền định cao nhất, thấy lại vô số kiếp trước của chính bản thân Ngài.

Tiếp đến, kinh diễn tả thiên nhãn minh của Phật bằng hình ảnh sáu đường sanh tử của chúng sanh và Bồ tát mười phương đang hành đạo trong ánh quang Phật. Cuối cùng lậu tận minh của Phật thấy diễn tiến vô số kiếp tương lai, diễn tả bằng những hoạt động của Bồ tát sau khi Phật Niết bàn.

Trong trạng thái đắc đạo ở thiền định, kinh nguyên thủy ghi nhận có Phạm Thiên đến thỉnh Phật thuyết pháp. Dưới kiến giải Đại thừa, Phạm Thiên là tiếng nói đại bi cất lên từ tâm chơn như của người ngộ đạo, thôi thúc Phật rời bỏ thế giới lý tưởng, trở lại thực tế cuộc sống giáo hóa chúng sanh.

Tựu trung, mọi diễn biến ở mười phương hiện ra trong ánh quang Phật nhằm trợ giúp tâm bồ đề hành giả phát triển. Chỉ có kinh Pháp Hoa mới có hiện tượng đặc biệt này. Đây là cảnh giới kỳ diệu của Pháp Hoa. Là bài thuyết pháp sống của Phật gọi là vô tác diệu lực. Phật yên lặng

nhưng mọi người cảm nhận, hiểu biết và cùng tiến bước đến Vô thượng bồ đề không bao giờ lui sụt. Cảnh giới mầu nhiệm, trí tuệ mầu nhiệm, tu hành mầu nhiệm, v.v... đều hiện lên trong ánh quang Phật, được coi là quá trình một đời giáo hóa của Ngài.

Ngài Di Lặc muốn giải quyết chỗ nghi của mình và cả chúng hội, hỏi Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nhân duyên mà Phật hiển bày thần lực. Câu hỏi của Ngài Di Lặc nhằm khai triển cho hành giả thấy phương cách tu hành của Bồ tát theo kinh Pháp Hoa vốn là pháp tịch diệt, khó dùng lời chỉ bày. Vì lợi ích của chúng sanh đời sau mà Ngài hỏi, không phải Ngài không biết. Sự thật trên lộ trình tu Bồ tát hạnh, muốn thọ giới Bồ tát, hành giả phải thỉnh Bồ tát Di Lặc làm giáo thọ và Bồ tát Văn Thù Sư Lợi làm yết ma.

Bồ tát Di Lặc mang hình thức xuất gia và Bồ tát Văn Thù tiêu biểu cho trí tuệ. Theo tôi, Bồ tát Di Lặc nghi và hỏi để Văn Thù giải thích, nhằm diễn tả tâm trạng của trưởng tử Như Lai sau Phật diệt độ, có trách nhiệm phải biết nghi, biết hỏi và biết giải thích. Muốn giáo hóa chúng sanh, người xuất gia ở thời kỳ sau Phật Niết bàn, phải lặn sâu vào tam tạng giáo điển suy tư, tìm hiểu, tự đặt câu hỏi và vận dụng trí tuệ để hiểu chính xác và diễn giải cho người.

Văn Thù cho biết Ngài từng sống với các Đức Phật quá khứ, nên thấy điềm lành này diễn ra trước khi Phật nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Văn Thù trong quá khứ hiểu được hiện tượng kỳ diệu, đối với tôi, có nghĩa là hành giả phải nhìn đời qua lăng kính Pháp Hoa để biết trần thế theo Phật dạy, không thể hiểu theo thấy biết của thế gian.

Ngài Văn Thù liên tưởng đến quá khứ lâu xa, có đến 20.000 Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ký ức của Văn Thù không chỉ nhớ hạn hẹp trong một đời. Ngài ghi nhớ

những sự kiện lâu xa như vậy, vì tâm hoàn toàn thanh tịnh, các pháp diễn biến như thế nào Ngài biết rõ chính xác.

Thuở quá khứ, có 20.000 Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, tên đều giống nhau, đồng một họ Phả La Đọa. Có nghĩa là 20.000 Đức Phật này ở dạng thể tánh sáng suốt, không là phàm cũng không là Thánh, chưa có tội lỗi, chưa mang thân người chui vô nhà phiền não, chưa vào ngục tù tam giới. Tâm của Ngài ví như ngọn đèn sáng tỏ hơn cả trăng sao. Nhưng bất giác một niệm vô minh vọng động nổi dậy, thì ông Phật thứ 20.000 ra đời, sanh vào thế giới sanh diệt. Vấn đề được đặt ra từ lúc đó !

Cần lưu ý rằng khi ta khởi một niệm dù là niệm tốt hay niệm xấu đều là vô minh. Vì niệm tâm sanh ra, chúng ta đã rời bản thể, lìa xa chơn tâm. Ông Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thứ 20.000 từ bản tánh thanh tịnh khởi lên một niệm tốt, đi vào sanh tử, nên có đủ những thứ của sanh tử và lần biến dạng thành xấu.

Khởi đầu sanh vào nhà tam giới với tư cách một người tốt đi quan sát trần lao tục lụy, thấy biết bao các thứ xấu xa tội lỗi. Tất cả những hiện tượng xấu ác đập vào mắt, ghim vào tâm ông, tràn ngập trong lòng, đẩy ông từ ngôi nhà tam giới chui thêm một tầng cửa nữa để vào nhà phiền não. Trong kinh diễn tả ông làm vua. Nói cách khác, ông lìa chơn tâm đến quan sát cuộc đời với tư cách một ông vua hay một đấng sáng thế. Nhưng khi cai trị ông chỉ thấy những việc không vừa lòng.

Ở trong nhà thế tục sống với ngũ dục, đầy đủ lợi danh tình ái mà sao lòng ông vẫn cảm thấy chán ngán. May mắn thay, ông biết nhìn lại, nhớ lại cuộc hành trình của mình từ cội nguồn chơn như lang thang vào thế giới sanh tử. Rồi lầm tưởng thế giới sanh diệt là thế giới bản thể

hằng hữu, chịu biết bao phiền lụy, trói buộc. Nay chợt tỉnh lại, ông vội vàng xuất gia, bỏ tục cầu chơn.

Riêng tôi cũng vậy, trước đây, thường phiền não, vì đã ngộ nhận mọi người cũng giống như tôi, tôi khó chịu khi họ làm khác ý mình. Tuy nhiên, tu hành, cảm nhận được hồi quang phản chiếu của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thứ 20.000, tôi thấy nhẹ nhàng hơn trên bước đường hành đạo. Cứ để cho mỗi người tùy thân phận riêng mà hiểu đạo, đứng ở vị trí riêng tu hành, phát huy theo khả năng của họ. Còn tôi có lẽ sống của riêng tôi. Tất cả rồi ai cũng đều thăng hoa, có gì mà phải cưu mang, lo sợ !

Người tu bỏ tục xuất gia hay bỏ phàm nhập Thánh, cũng có nghĩa là bỏ những điều kiện cấu thành người phàm và kết hợp những yếu tố để thành Thánh. Đầu tiên, người xuất gia phải bỏ ảo ảnh hay bỏ sanh diệt pháp. Chúng ta thường nghĩ lầm rằng các pháp không sanh diệt, lo theo đuổi nó. Trong khi tất cả mọi vật luôn biến đổi không dừng, làm thế nào chúng ta nắm giữ cho được. Vì vậy, xuất gia bỏ ảo ảnh, sống với cái thực, chấp nhận cái thực mà tu lên. Kinh gọi là pháp nhĩ như thị. Nhờ đó, vượt qua những trói buộc, buồn phiền nhỏ nhặt và tâm dần dần bừng sáng trở lại, giống như lần đầu hành giả mới nhập cuộc vào trần lao.

Các vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trước kia ở bản thể, không cần đặt vấn đề xuất gia. Đến vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thứ 20.000 mới xuất gia, không mang ý nghĩa gì khác hơn là bỏ phiền não, trở lại bản tâm thanh tịnh sáng suốt ban đầu. Nói cách khác, các Ngài vào cuộc đời, rồi lại từ cuộc đời mà đi ra.

Đi vào cuộc đời của đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thứ 20.000, có điều hay ở điểm Ngài sanh 8 vương tử.

Hiện hữu 8 vương tử, vấn đề được đặt ra. Nó trở ngại cho Ngài, nhưng cũng làm lợi cho Ngài không ít. 8 vương tử này có uy đức thống lãnh bốn phương thiên hạ, được mọi người cung kính. Họ tài giỏi như vậy, nhưng nghe vua cha xuất gia, cũng bỏ ngôi đi tu. Tư tưởng này là ý niệm căn bản xây dựng thế giới Pháp Hoa theo tinh thần Bồ tát đạo, lần tác động quyến thuộc của hành giả và cảm hóa những người xung quanh tu theo. Biến đổi nghịch thành thuận, để tạo thành một thế giới an lành.

8 vương tử là tám người con thực của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hiểu như vậy cũng được. Nhưng hiểu theo Ngài Thế Thân, 8 người con này tiêu biểu cho tám thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt na thức, a lại da thức). Tám người con đều mang tên có chữ Ý, chứng tỏ họ không phải là con xác thịt, nhưng là con tinh thần.

Đầu tiên nhìn sự vật, thấy, nghe, biết theo tham vọng. Nhưng khi xả tục xuất gia, lòng không nghĩ đến, thì vật chúng ta thấy, âm thanh chúng ta nghe, hoàn toàn đổi khác. Hay tâm thanh tịnh, vật tùy thuận theo. Ý này được kinh diễn tả là Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh xuất gia, 8 vương tử cũng xuất gia theo. 8 vương tử đi xuất gia, có thể hiểu là khi hành giả phát tâm tu, 8 thức rất thông lợi, trở thành dụng cụ giáo hóa chúng sanh.

Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thứ 20.000 đi vào trần ai, cuối cùng cũng thành Phật giống 20.000 Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trước, khiến chúng ta liên tưởng đến Phật Thích Ca chưa sanh và sanh rồi mang thân người cũng giống như ta. Ngài tu thành đạo dưới cội Bồ đề, trở về trạng thái chơn tâm ban đầu của Ngài; nghĩa là qua lại

con đường hai chiều từ bản thể đi vào hiện tượng giới và từ hiện tượng giới trở về bản thể giới.

Phật Thích Ca và Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều nói pháp giống nhau và theo cùng một nghi thức giống nhau, đã thể hiện chân lý chỉ có một. Nếu hai Đức Phật nói pháp không giống nhau, thì pháp đó không phải là pháp chân thật, chỉ là phương tiện.

Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thuyết xong kinh Vô lượng nghĩa, cũng ngồi yên lặng nhập Vô lượng nghĩa xứ định, phóng quang hiện cảnh, dẫn chúng hội tiếp cận chân lý giống như Phật Thích Ca. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh phóng quang cho thấy toàn bộ thế giới sanh diệt, thấy tất cả Phật ra đời thuyết pháp giáo hóa, cũng có nghĩa là tất cả diễn biến không nằm ngoài trí hay hiểu biết của Phật.

Vì vậy, kinh Pháp Hoa là pháp tối thượng của chư Phật. Nhưng mang tâm trạng phàm phu nhị thừa hiểu kinh thì kinh vụt trở thành tầm thường nhỏ bé như tâm phàm phu nhị thừa, chứ không thể là tuệ giác của chư Phật.

Toàn cảnh hiện ra trong ánh quang Phật, hay muốn sử dụng thật tướng đi vào thế giới Pháp Hoa, đòi hỏi hành giả phải có trình độ tu chứng cao. Vì pháp linh hoạt vô cùng, không phải là việc cố định. Tuy ngồi yên nhưng tất cả sự việc diễn tiến phải theo sự chỉ đạo của hành giả. Qua quá trình tu hành, mỗi lần hành giả phá một phần vô minh là một phần Pháp thân hiện ra, giúp cho tương quan giữa hành giả và cuộc đời tốt thêm một phần.

Chúng ta tu thường khắc phục mặt xấu và phát triển cái tốt. Nhưng ta phạm phải sai lầm chỉ lo khắc phục bên ngoài. Phật dạy chính yếu cần khắc phục phần xấu bên trong, để tương quan xấu giữa ta và người giảm lần. Đến

khi tương quan xấu mất hẳn, tương quan tốt phát triển toàn bộ. Bấy giờ, đối với chúng sanh, hay nói chung đối với các pháp, ta không bị động trong thế giới nghiệp, mà chuyển toàn bộ liên hệ trong pháp giới thuần tịnh.

Phật là mẫu người tiêu biểu thực hiện được sự điều động pháp giới bằng cách chỉ ngồi yên, sử dụng lực bất tư nghì, mọi vật trở thành tốt. Đến thời Pháp Hoa, Ngài mới thể hiện trọn vẹn tinh thần vô tác diệu lực, không bó buộc, cưỡng ép hay dùng khôn khéo bắt người làm. Ngài điều động bằng đạo đức, bằng cảm tình tốt, người tự động làm theo Ngài.

Nói xong kinh Pháp Hoa, phô bày chân lý xong, Phật vào Niết bàn. Phật Niết bàn không có nghĩa là Ngài chết. Vì dù Phật không hiện hữu nơi đây, chúng ta vẫn đang bước theo lộ trình của Ngài. Đức Phật Thích Ca vẫn đang điều động dưới dạng diệu lực, chúng ta không hề cảm thấy bị bó buộc.

Một điểm đặc biệt của kinh Pháp Hoa so với kinh khác, là từ thời Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đã có Ngài Văn Thù Sư Lợi mang tên Diệu Quang, Ngài Di Lặc mang tên Cầu Danh. Dẫn từ vô lượng ức kiếp đến nay, hai vị Bồ tát này thường làm đạo song hành với nhau. Đứng trên bình diện Báo thân, các Ngài vẫn là quyến thuộc thân cận với Phật.

Sự hiện hữu miên viễn của hai Bồ tát này khiến ta cảm nhận ngoài thế giới hữu hạn nhìn thấy được bằng mắt phàm và cuộc sống đoạn kiến của con người giả tạm, còn có tâm thức không sanh diệt. Đó là Pháp thân Phật tồn tại bất sanh bất diệt, ở thế giới Thường Tịch Quang.

Đức Phật và các đại Bồ tát nhờ trụ pháp, mọi thấy biết đều thông suốt và tất cả pháp hiện hữu trước mặt tùy ý muốn. Trái lại, ta vì trụ ngũ ấm thân, trụ nghiệp, không thấy được quá khứ. Khi phát tâm tu, lần thâm nhập tuệ giác, sống trọn vẹn trong pháp, hành giả sẽ thấy nhiều đời trước, hiểu được từng kiếp và biết được tương quan giữa hành giả với người khác, nên không còn sợ hãi kinh nghi. Mọi khó khăn, khổ đau do hành giả vô tình tạo từ vô thủy kiếp, nay mới lãnh thọ quả báo này. Tuy nhiên, nhận chân được rằng chúng ta tồn tại trong Pháp thân và chỉ nương vào Pháp thân mới đắc đạo. Khi chưa sử dụng được Pháp thân, ta phải tu các pháp khác để sau hiển hiện Pháp thân.

Kinh mượn hai nhân vật Văn Thù và Di Lặc hiện hữu từ quá khứ dẫn đến hiện tại, để nói lên tinh thần từ bi và trí tuệ phải luôn luôn song hành với nhau. Di Lặc thường tới nhà sang giàu, bỏ quên việc đọc tụng kinh điển, gợi nhắc chúng ta trên bước đường làm Phật sự, cần lưu ý việc làm của chúng ta có giống Di Lặc hay không.

Di Lặc dịch từ chữ Maitreya nghĩa là Từ Thị, tiêu biểu cho lòng từ bi đối với chúng sanh. Nghĩ tới chúng sanh và sống với chúng sanh nhiều quá, không tiếp cận Phật, quên mất kinh điển. Lo tu phước nhiều, nên mất phần trí tuệ.

Trong khi Văn Thù Sư Lợi hay Diệu Quang tiêu biểu cho người giữ tạng trí tuệ của Như Lai. Di Lặc mà thiếu Văn Thù, mọi việc sẽ bế tắc, nên Di Lặc phải nhờ Văn Thù giải đáp. Văn Thù cho biết nhìn hiện tượng của Phật Thích Ca và Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh không khác. Ngài kết luận Phật sẽ nói kinh Pháp Hoa.

Tóm lại, trọn vẹn cuộc đời giáo hóa của Đức Phật Thích Ca miên viễn từ kiếp lâu xa, không kể xiết được thể hiện trong phẩm Tựa, mở đầu bộ kinh. Ngài đã phô diễn thần lực cho chúng hội thấy được thật tướng các pháp bất tư nghì bất sanh bất diệt, thập nhị Nhân duyên, vô tác Tứ đế và giới thiệu cảnh giới Phật, trong đó có đầy đủ chín cảnh giới khác để chúng ta hướng tâm về đó mà thọ trì. Kết hợp được hiện tượng giới và bản thể giới mới bao hàm đầy đủ nhân hạnh quả đức của mười phương chư Phật. Vì vậy, Thiền tông xem phẩm Tựa hết sức quan trọng. Ngài Hải Ấn thiền sư xếp phẩm này vào phần tổng hiển hay toàn cảnh của Pháp Hoa.

Phẩm 2

PHƯƠNG TIỆN

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Phật xuất định và nói với Xá Lợi Phất : "Trí tuệ của các Đức Phật rất sâu vô lượng, tất cả Thanh văn, Bích chi Phật đều không thể biết. Vì trí tuệ ấy là kết quả của sự gần gũi trăm ngàn muôn ức chư Phật, của sự tu hành vô lượng pháp Phật, của sự thấu đạt pháp mầu mà các ông từ trước chưa bao giờ nghe. Từ khi thành Phật đến nay, ta đã nói pháp bằng nhiều phương tiện để làm cho chúng sanh xa lìa lòng chấp. Ta có đầy đủ phương tiện và tri kiến ba la mật, mới thành tựu được như vậy. Chỉ có Phật mới thấu rõ tướng chân thật của các pháp".

Hàng Thanh văn, tứ chúng đều ngạc nhiên không biết tại sao hôm nay Đức Thế Tôn lập đi lập lại pháp Ngài chứng được và ca ngợi phương tiện như thế. Ngay như vấn đề chứng Niết bàn họ đã hoàn tất, tại sao đức Phật còn đề cập đến.

Xá Lợi Phất biết tứ chúng nghi ngờ và chính ông cũng chưa rõ lời Phật dạy, nên xin Phật giải thích. Phật từ chối vì nói rõ thì trời người sẽ kinh sợ. Xá Lợi Phất thỉnh cầu thêm hai lần nữa. Đến lần thứ ba, Phật bằng lòng giải thích. Lúc ấy, 5.000 Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, nam nữ cư sĩ trong pháp hội đứng lên lễ Phật và đi ra, vì họ tự cho đã đắc đạo, không cần nghe.

Thế Tôn yên lặng, không ngăn cản và nói với Xá Lợi Phất : "Những người tăng thượng mạn bỏ đi càng tốt, nhờ đó chúng hội còn thuần những người chân thật. Chư Phật đúng thời mới nói pháp, như hoa Linh Thoại đến thời tiết mới nở một lần. Pháp ấy không thể dùng trí suy lường

phân biệt mà hiểu được. Để mọi người thâm nhập pháp, ta phải dùng vô số phương tiện như nhân duyên, ngôn ngữ, thí dụ.

"Mục tiêu các Đức Phật ra đời chỉ nhằm khai mở tri kiến Phật, chỉ cho chúng sanh thấy tri kiến Phật, làm cho chúng sanh nhận rõ tri kiến Phật và giúp chúng sanh đi vào con đường tri kiến ấy, nghĩa là thành Phật. Chỉ có một Phật thừa (nhất thừa) là con đường dẫn chúng sanh đến quả vị Phật, không có hai hay ba thừa. Ba đời chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều dạy như vậy và chúng sanh nghe theo tu hành đều thành Phật.

"Đối với chúng sanh ở đời ác trược, ta phải dùng phương tiện nói tam thừa. Nếu Thanh văn, Duyên giác tưởng rằng đã chứng Niết bàn, không tin pháp nhất thừa là hàng tăng thượng mạn, không phải đệ tử Phật, không phải thực chứng La hán".

Phật nhắc lại những tư duy, đắn đo của Ngài lúc mới đắc đạo dưới cội Bồ đề. Trong suốt 21 ngày, Ngài luôn suy nghĩ làm thế nào dạy chúng sanh tham ái, mê muội, hiểu được trí tuệ bậc nhất của Ngài. Nếu chỉ dạy Phật thừa cho chúng sanh, họ sẽ không tin và đọa vào ba đường ác, chìm mãi trong biển khổ. Ngài nhớ lại pháp phương tiện giáo hóa của chư Phật quá khứ, liền phân chia giáo pháp thành tam thừa để người trí kém cũng tin theo được. Sự thật Phật ra đời để chỉ bày chân lý, không phải để sử dụng pháp phương tiện mãi.

Nay Phật nhận thấy đã đến lúc cần giảng dạy Phật thừa. Tuy nhiên, những việc làm tầm thường như cúng dường xá lợi, xây tháp, tạc tượng, niệm Phật, lễ lạy cho đến chỉ đưa một tay hay cúi đầu trước tượng Phật v.v... được Phật xác định cũng là những bước tiến dẫn đến giải

thoát giác ngộ.

II. GIẢI THÍCH

Kinh Pháp Hoa thường được các vị cao Tăng chia làm hai phần chính. Ngài Pháp Vân chia 27 phẩm thành nhơn môn gồm 13 phẩm đầu và quả môn gồm 14 phẩm sau (thời Ngài Pháp Vân, kinh Pháp Hoa chỉ có 27 phẩm vì chưa có phẩm Đề Bà Đạt Đa).

Ngài Gia Tường (Tam Luận tông) cũng chia kinh Pháp Hoa ra làm hai phần : 14 phẩm đầu thuộc thừa quyền thật và 14 phẩm sau thuộc thân quyền thật để giải thích.

Trí Giả đại sư cũng chia kinh thành hai : từ phẩm 1 đến 14 thuộc tích môn, từ phẩm 15 đến 28 thuộc bổn môn.

Tích môn chỉ cho Đức Phật thị hiện trên cuộc đời và giáo pháp cùng việc làm của Ngài ở cõi Ta Bà chỉ nhằm mục đích duy nhất đưa người về thế giới an lành vĩnh cửu. Phẩm Phương Tiện là trung tâm điểm của nhơn môn hay tích môn và ý chính của bổn môn ở phẩm 16 Như Lai thọ lượng.

Tựu trung, các Tổ sư đều phân kinh Pháp Hoa làm hai phần : phần 1 thuộc phương tiện và phần 2 là cứu cánh. Bằng kinh nghiệm tu chứng riêng, các Ngài thẩm định như vậy. Riêng tôi, đây vẫn còn là đề tài đang nghiên cứu suy nghĩ, tu tập. Chúng ta không thể nhắm mắt đi theo lối mòn cũ, lập y lời người trước. Theo tôi, nên hiểu và nắm bắt được tư tưởng của các vị tiền bối, có nghĩa là chúng ta phải đạt đến tư cách như các Ngài. Không phải chỉ lập lại lời của các Ngài.

Trong phẩm Tựa, Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định, hiện vô số cảnh giới mầu nhiệm của Bồ tát thân chứng được, khiến Thanh văn nghĩ rằng không biết lý do gì mà Phật hiển bày thần thông. Khi họ khởi niệm đó, Phật xuất thiền, trở lại thế giới loài người bằng an tường tam muội.

Vào cửa Vô lượng nghĩa, thì tất cả sai biệt thần thông của Phật hiện rõ và ra bằng an tường tam muội, chúng hội đều thấy an lành. An tường tam muội của Phật Thích Ca diễn tả trạng thái tâm của Ngài không biến động, không bị trần thế làm ô nhiễm, dù Ngài sống trong cảnh vắng hay đông người. Tuy tâm Phật vắng lặng, nhưng vẫn tỏa sức sống, có tác dụng làm người an vui. Tâm này khác với trạng thái lầm lì của người tập trung để nghiên cứu vấn đề gì trở thành ngây ngô, không biết những diễn biến xung quanh.

An tường tam muội của Phật làm vui cho cuộc đời một cách tự nhiên. Tuy ở chánh định, liên hệ giữa Ngài và các A la hán thanh tịnh qua an tường tam muội, khiến họ cảm thấy niềm vui kỳ diệu không diễn tả được. Trong khi 5.000 tăng thượng mạn với tâm tham trước, không thể bước vào thế giới hỷ lạc này, phải bỏ đạo tràng ra đi.

Phật sử dụng an tường tam muội, nghĩa là từ bản thể bước qua thế giới hiện tượng, hay từ đạo tràng bao la kỳ diệu của Báo thân viên mãn Lô Xá Na Phật nói với tám mươi ngàn ức na do tha đại Bồ tát từ mười phương đến. Đức Phật xả định, trở về với ứng thân của con người, nói pháp cho đạo tràng thứ hai với chúng hội là 12.000 Thanh văn. Ở trạng thái không giao động của an tường tam muội, Phật nói với Xá Lợi Phất về trí tuệ của Như Lai rất sâu vô lượng. Chỉ có chư Phật mới thấu hiểu cùng tột các

pháp, tạo thành lực dụng bất khả tư nghì mà hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát không hiểu nổi.

Chúng hội rất ngạc nhiên, vì sao Phật lại ca ngợi trí tuệ Như Lai. 1200 vị đã được Phật ấn chứng là A la hán, tự nghĩ mình và Phật địa vị ngang nhau, đều có quả vị Ưng cúng, bằng với Phật. Tại sao hôm nay, Phật lại nói tất cả A la hán, Bích chi Phật không hiểu được, không thể vào được trí tuệ Như Lai. Phật nói một nghĩa giải thoát, họ đã chứng được Niết bàn. Như vậy hiểu biết của Như Lai là gì và quả vị Niết bàn mà họ chứng đắc ra sao ?

Phật trả lời rằng pháp của A la hán chứng đắc thì chỉ diệt hết kiết sử phiền não, không còn khổ đau. Nếu thật chứng diệt đế, phải làm cho tất cả người chung quanh không còn phiền não. Ví như ma ni bảo châu bỏ vào nước, nước liền trong. Còn thủy tinh dù có ngàn viên vào nước, nước vẫn đục.

Đức Phật ra đời, mọi người đều lợi lạc. Ngài là A la hán và các Tỳ kheo khác cũng là A la hán. Về đức hạnh ngang nhau, về phiền não cũng hết nhưng sức hiểu biết pháp giới, chỉ có Phật biết được tường tận. Vì Ngài đã từng thân cận cúng dường các Đức Phật và thành tựu được muôn vạn hạnh lành của Bồ tát. Chẳng những biết rõ vật, Phật còn điều động vật tự tại theo ý muốn, Ngài là một A la hán toàn vẹn.

Về vấn đề quả vị Niết bàn mà đệ tử Phật chứng đắc, theo Trí Giả đại sư, tùy trình độ tu chứng mà có Niết bàn sai khác. Ngài chia pháp Tứ đế làm 4 cấp bậc. Pháp Tứ đế ở tầng thứ nhất, phàm phu hiểu được là pháp Tứ đế tư nghì sanh diệt. Từ pháp ở cấp bậc một, người có tâm hướng quả vị Niết bàn như Ngài Kiều Trần Như chỉ chứng được pháp Tứ đế tư nghì bất sanh diệt.

Thật chứng được pháp thứ hai, sẽ sanh được pháp thứ ba mà Xá Lợi Phất đang truy cầu, không còn dùng tâm trần quan sát vật. Trí Bồ tát quan sát cảnh Tứ đế mầu nhiệm này không biết được việc mình làm, chỉ hoàn toàn nhờ Phật lực gia bị để thành tựu công đức nên gọi là bất tư nghì sanh diệt Tứ đế. Trí Giả ví nhãn quan của Bồ tát như cái kiếng đa thể thấy được muôn màu sắc và đổi dạng liên tục. Tuy nhiên, dù biến đổi vật như thế nào, cũng nằm trong hiểu biết và điều động của Như Lai. Đó mới thật là pháp Tứ đế hoàn toàn bất tư nghì bất sanh diệt, là Niết bàn thật sự của Như Lai.

Chứng đắc quả vị Niết bàn của Như Lai phải chuyển được vật, không phải là diệt độ riêng rẽ như A la hán. Phật chuyển được vật, vì Ngài hiểu tận nguồn ngọn các pháp và không còn sót một vật gì trong vũ trụ mà Ngài không biết gọi là tri kiến ba la mật.

Sự hiểu biết thật tướng các pháp được nêu trong thập như thị : như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh. Nghĩa là một pháp được quan sát ở mười trạng thái biến chất khác nhau. Pháp là vật hữu hình, vô hình, hữu vi hay vô vi, là tất cả cái gì giữ được tư chất của nó, ta nhìn biết được và đặt tên được.

Muốn thấy thật tướng các pháp, Phật dạy đầu tiên xem tướng chân thật của nó là gì. Tướng này Ngài bảo là giả tướng, luôn luôn biến đổi không ngừng từ nhỏ đến lớn, từ lớn trở về nhỏ. Điều động được sự biến đổi này, Tổ mới thốt lên câu :

Càn khôn tận thị mao đầu thượng,
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.

Nghĩa là lớn như mặt trời, mặt trăng cũng chui gọn vào hạt cải, cho đến vũ trụ càn khôn có đủ trong đầu một sợi lông.

Kế đến quan sát tánh là tính chất của pháp. Kiểm soát được tánh vui mừng, đau khổ, tham vọng v.v…, thấy được tánh của pháp lúc nó di động và pháp đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác là thể. Ở khoảng giữa có một lực. Biết được tác dụng của lực và sử dụng ngay lực này mà điều khiển, tạo thành sức mạnh bất khả tư nghì. Chính Phật sử dụng thần lực để biến chúng hội thành Bồ tát thân mà quan sát thế giới Phật. Và từ Bồ tát thân, Ngài biến trở lại thân phàm phu cho chúng hội, trả về cảnh vật hiện thực.

Trong sự biến đổi tương quan các pháp của thập như thị, Phật thấy suốt từ quá khứ đến vị lai của mọi người và tất cả pháp, không phải một pháp, Ngài mới thọ ký được. Không còn gì Ngài không hiểu, dù là việc nhỏ nhất, lâu xa nhất gọi là bản mạt cứu cánh. Thể hiện pháp này, Phật phóng quang cho chúng hội thấy cuộc đời tu hành của Ngài từ vô thỉ kiếp đến khi thành Phật. Ngài đã bố thí tài sản, thân mạng hoặc thiền định, giáo hóa pháp khắp mười phương.

Trong thập như thị, tùy trình độ tu chứng, mỗi người quán sát pháp dưới khía cạnh khác nhau. Ngài Trí Giả đứng ở vị trí "tướng như thật" chứng nghiệm, thấy được trong một niệm tâm có 3.000 pháp biến đổi. Ngài lý giải 10 trạng thái của một pháp trong thập giới (bốn thánh, sáu phàm) chịu sự chi phối của luật hỗ tương nên biến thành 10 x 10 = 100 pháp. 100 pháp này tác dụng với 10 như thị: 100 x 10 = 1.000 như. 1.000 như phối hợp với tam thế gian (là ngũ ấm, chúng sanh và quốc độ) thành 3000 thế giới

(1000 x 3 = 3000 thế giới). Con số 3000 có trong một niệm là con số biến, tiêu biểu cho sự biến hóa không lường của các pháp trong vũ trụ bao la.

Ngoài tri kiến ba la mật, không có việc gì trên đời mà Phật không làm được, gọi là phương tiện ba la mật. Tri kiến là minh và phương tiện là hành, đầy đủ tri kiến tột đỉnh và phương tiện vô cùng, Phật có danh hiệu là Minh Hạnh Túc. Với hiểu biết cùng tột trong vũ trụ và làm được tất cả, Phật hướng dẫn chúng sanh, nhất định họ đạt quả vị Chánh đẳng chánh giác.

Phật có tri kiến và phương tiện ba la mật, vì Ngài có cấu trúc cơ thể đặc biệt, đã tạo công đức tu hành đạo Bồ tát ở vô lượng Phật quá khứ và đã gieo trồng tất cả tri kiến Phật. Chính vì vậy, Ngài trở thành một người vạn năng, tự tại vô ngại. Dù Ngài hiện hữu trên cuộc đời hay không, thì Phật sự vẫn trôi chảy miên viễn, không dứt. Hàng Thanh văn, Bích chi Phật có nhiều vô số, hợp lại cũng không thể hiểu được điều này.

Xá Lợi Phất từ lâu thao thức về sự chứng đắc của mình. Ông tự nghĩ cũng đồng ở trong bể pháp tánh Như Lai, tại sao giữa ông và Phật vẫn có sự cách biệt to lớn. Nay nghe Phật ca ngợi pháp nhiệm mầu khó hiểu của chư Phật, ông vội ân cần ba lần thỉnh Phật giảng.

Lần thứ nhất, Xá Lợi Phất thỉnh Phật nói pháp cho toàn chúng hội. Phật từ chối, vì pháp vô thượng không thể đem trao cho những người chưa phát tâm bồ đề. Xá Lợi Phất thỉnh lần thứ hai, xin giảng cho hàng Thanh văn trở lên nghe, vì họ có trí sáng suốt. Phật cũng từ chối. Ngài bảo trí tuệ của những vị này không thể hiểu được pháp thậm thâm vi diệu, vì càng suy lường càng trở nên bế tắc và đọa địa ngục.

Đến lần thứ ba, Xá Lợi Phất thỉnh Phật nói pháp cho Bồ tát. Phật nhận lời vì họ đời đời đã từng theo Phật nghe pháp và đặt trọn niềm tin tuyệt đối nơi Đức Thế Tôn. Phật cho biết niềm tin là cửa ngõ duy nhất dẫn vào pháp tạng bí yếu của Như Lai. Khi Phật bằng lòng giảng dạy, 5000 người tăng thượng mạn bỏ hội trường, lễ Phật và đi ra. Phật không ngăn cản, còn cho là tốt, vì họ chưa có khả năng nghe kinh, nên để họ đi. Khi bỏ đi, họ sẽ suy nghĩ lại, thấy những người ở lại nhận được pháp mầu. Họ hối hận, cảm thấy thiệt thòi, khi đó sẽ phát tâm lại.

Người hoằng truyền kinh Pháp Hoa đời sau phải nương theo ý này mà hành đạo. Khi cơ duyên chưa đến, ta không nên ép buộc kêu gọi. Vì làm như vậy, người nghe sẽ sanh lòng tăng thượng mạn, đến độ thành nhất xiển đề và đọa địa ngục.

Trước khi giảng về pháp phương tiện, Phật xác định rằng pháp chân thật Ngài chứng được chỉ có chư Phật mười phương mới hiểu. Bồ tát không thể hiểu nổi, huống chi Thanh văn. Đối với chúng ta, tất nhiên còn cách xa vạn dặm. Thật vậy, Phật nhận thấy thể lực chúng ta không tốt, khả năng hiểu biết chúng ta kém, hai vốn quý giá để đắc đạo chúng ta không đủ. Ngài động lòng từ bi, triển khai phương tiện cho chúng ta tu.

Quan sát cuộc đời tu hành của Phật, thấy rõ Ngài có sức khỏe phi thường. Khi chưa xuất gia, lịch sử ghi không có lực sĩ nào mạnh hơn Ngài. Nhờ sức khỏe kỳ diệu, Ngài trắc nghiệm các pháp một cách tường tận. Điển hình như Ngài thí nghiệm pháp tu khổ hạnh trong 6 năm, ngày ăn một hột mè vẫn sống được và hạ thủ công phu trong 49 ngày, không ăn vẫn không ngã gục, còn đạt đến đỉnh cao của sự minh mẫn gọi là giác ngộ.

Các vị thiền sư cũng có thể lực vượt bình thường. Ngài Thiên Thai tu trên núi 12 năm, ăn toàn rau. Điều kiện vệ sinh chắc chắn không tốt như ngày nay, nhưng sức đề kháng của cơ thể Ngài mãnh liệt, vượt qua ám khí, nóng lạnh và bệnh tật của núi rừng, dễ dàng đắc đạo. Chúng ta ngày nay, điều kiện ăn ở, thuốc men, tiện nghi sống quá tốt, nhưng nay đau mai yếu. Thời khóa công phu bình thường không trọn, nói gì đến việc trắc nghiệm các pháp cao hơn.

Ngoài ra, phần trí lực hay khả năng tri giác của người tu mới thực quan trọng. Đức Phật có sức thông minh tuyệt vời. Chưa xuất gia, không một vị thầy nào ở thế gian đủ sức dạy Ngài. Đắc đạo, Ngài được tôn là bậc Chánh biến tri, hiểu biết các pháp diễn tiến tận cội nguồn. Trình độ tri thức của các Tổ sư cũng vậy, luôn luôn vượt hơn thế gian và chỉ đạo cho cuộc đời.

Ngày nay, trình độ dân trí bên ngoài tương đối cao. Trong khi hiểu biết của chúng ta không bằng thế gian huống là vượt thế gian, làm thầy thiên hạ. Với thể lực yếu, trí lực kém, ác nghiệp quá sâu. Biết bao khó khăn đang chờ đón trước mặt, chúng ta không còn cách nào hơn là nương theo pháp phương tiện tu hành.

Phương tiện dùng cho người mới phát tâm vào đạo để đạt đến quả Vô thượng giác. Nhưng đắc đạo rồi, mở cửa phương tiện để giáo hóa chúng sanh như Phật Thích Ca. Chúng ta cần phân định rõ như vậy. Chỉ mở phương tiện được, với điều kiện chúng ta đã thành Vô thượng chánh đẳng giác.

Phật đưa ra 84.000 phương tiện hay 84.000 pháp môn tu. Chúng ta tu pháp nào cũng được, nhưng đừng lạc ra ngoài những pháp này. Tạo những phương tiện khác là tự

đẩy mình ra ngoài Phật pháp. Theo tôi, dùng phương tiện đúng, từng bước sẽ phá bỏ nhiễm ô trần cấu và trí tuệ phát sanh, dẫn đến quả vị giác ngộ. Sử dụng sai để trầm luân sa đọa là phạm tội phá pháp.

Không nên lầm pháp phương tiện với cứu cánh. Nhưng không hiểu rõ lợi ích sâu xa mà bác bỏ pháp phương tiện, để tìm giải thoát, cũng sai. Hành giả cân nhắc, suy nghĩ sử dụng phương tiện thế nào để phá trừ phiền não cho mình và giáo hóa chúng sanh thành tựu, mới là điều quan trọng.

Hành giả học Phật pháp, nghĩa là đi qua cửa phương tiện để ra khỏi sanh tử. Trong kinh Pháp Hoa diễn tả muốn ra khỏi nhà lửa tam giới, chỉ có một cửa duy nhất nhỏ hẹp. Đó là cửa phương tiện của Phật.

Về sau Thiền tông mở thêm cửa KHÔNG. Tuy nhiên, chỉ có hàng thượng căn thượng trí như Ca Diếp, Đạt Ma, Huệ Năng mới bỏ giáo môn, không vào cửa phương tiện, bước thẳng qua KHÔNG môn. Không Môn hay Thiền môn là cánh cửa mở ngược vô tâm, đòi hỏi hành giả phải thấy được tự tánh hay bản thể sự vật. Nghĩa là thành Phật, phải nắm bắt cái không nắm bắt được, vận dụng cái không có làm thành có như Tổ sư dạy :

Đại đạo quảng khai, thố giác trượng, phiêu đàm để nguyệt,

Thiền môn giáo dưỡng quy mao thằng phược lão đầu phong.

Nghĩa là lấy lông con rùa làm dây để cột gió trên đầu ngọn cây, không cho gió bay. Lấy sừng con thỏ làm cây sào thọc trăng dưới ao. Lông rùa, sừng thỏ, cột gió, mò trăng, đối với hàng phàm phu chúng ta hoàn toàn tuyệt

phần, không bao giờ với tới được, đến độ có thể nghĩ lầm rằng không tưởng.

Vì thế cửa KHÔNG, tuy không có cửa, mà vẫn lạnh lùng then cài khép kín. Ngàn đời không bao giờ hé mở cho những người chưa ngộ tánh. Chính vì sự khó khăn trong việc thâm nhập thế giới bản thể vắng lặng, không nói được, Phật mới mở các pháp phương tiện tương ứng. Và người trên trái đất chỉ làm một việc duy nhất là bàn đi bàn lại phương tiện. Nói cách khác, đưa Phật pháp vào tâm, đến ngày nào tâm bừng sáng, cũng ngộ tánh thành Phật.

Riêng tôi, tự biết mình thuộc hạng trung hạ, đem hết cuộc đời trầm mình vào 84.000 pháp tu. Suy tầm, nghiên cứu, tìm áo nghĩa trong giáo điển, ứng dụng vào cuộc đời, đạt được thành quả nào đem giáo dưỡng cho lớp thừa kế, để báo Phật ân đức. Thiết nghĩ khi gắn liền cuộc đời mình với giáo lý siêu tuyệt, tìm được lẽ sống giải thoát, thì không còn gì trên cuộc đời có khả năng hấp dẫn lôi kéo chúng ta được.

Tăng Ni phải phát chí nương theo phương tiện của bậc đàn anh. Cố gắng tìm cái gì vượt lên trên, đừng an phận với bát cơm manh áo. Đừng sống trong bể Phật pháp mà không được chút hương vị giải thoát nào. Ở trong kho báu của Như Lai mà như kẻ không có tay chẳng lấy được gì, thật là phí cả cuộc đời vô ích.

Phương tiện thì tùy thời, tùy chỗ, tùy người thay đổi, có vô số pháp phương tiện thích hợp khác nhau. Suốt quá trình thuyết pháp của Phật hơn 300 hội, từ Lộc Uyển đến Ta La song thọ, tạo cho chúng ta phương tiện, được ghi lại thành văn tự kinh điển. Tuy nhiên, trong kinh Văn Thù, Phật đã khẳng định suốt 49 năm, Như Lai chưa từng nói một lời.

Một lời là pháp chân thật thường nhiên, không thể nói được. Và Như Lai ở trạng thái vô sanh, không từ đâu đến và không đi về đâu, làm thế nào có thể nói với người trên cuộc đời.

Kinh Văn Thù ở lập trường bản thể xác định Như Lai chưa nói một lời. 49 năm thuyết pháp là Thích Ca mở phương tiện cho người ở trong sanh tử, nên Thích Ca viên tịch, Như Lai không tịch. Đức Phật chân thật Tỳ Lô Giá Na không chết. Đức Phật Thích Ca Niết bàn để Đức Phật thực phổ biến khắp thế giới, trở thành con người của nhân loại và luôn hiện hữu trong pháp tánh của người tu hành đắc đạo.

Hành giả chứng được một pháp nào, sẽ thấy Phật ở khía cạnh đó. Hai mặt cứu cánh và phương tiện vẫn là một, trong con người Phật. Cứu cánh là Phật thực hay chơn như tâm không sanh, không mất trên cuộc đời. Và phương tiện hiện ra con người sanh diệt thuyết pháp. Đó là thân Phật 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và tất cả giáo pháp của Ngài, đều là phương tiện của Đức Tỳ Lô Giá Na.

Ngài Thiên Thai chia kinh điển Phật thành ngũ thời giáo, theo đó Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm trong 21 ngày, kinh A Hàm 12 năm, kinh Phương Đẳng 8 năm, kinh Bát Nhã 22 năm, kinh Pháp Hoa 8 năm. Ở lập trường Pháp Hoa xét, tuy Pháp Hoa thuộc thời sau cùng, nhưng kinh này thông được bốn thời kỳ trước, gọi là viên giáo.

Ngài Thiên Thai cũng chia kinh Pháp Hoa thành năm loại (ngũ chủng Pháp Hoa), trong đó văn tự Pháp Hoa gồm tất cả những gì Đức Phật đã thuyết giảng trên cuộc đời và đệ tử Ngài ghi lại, gồm đủ tam tạng giáo điển. Kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, A Hàm đều là Pháp Hoa, cũng là

Phật thừa. Vì đối với người sử dụng ngũ ấm thân, Phật phải triển khai phương tiện, dùng ngữ ngôn văn tự.

Hiểu như vậy, kinh Pháp Hoa không chỉ giới hạn trong 28 phẩm. Nó gồm toàn bộ giáo điển Phật đã được kiết tập, gọi chung là Pháp Hoa. Nhưng tại sao chỉ 28 phẩm này mang tên Pháp Hoa, còn các kinh khác không gọi là Pháp Hoa ? Ví dụ kinh Hoa Nghiêm không tên Pháp Hoa vì ở dạng Bồ tát tu hành, nói về tiền thân Phật Thích Ca tu Bồ tát đạo để thành Phật.

Kinh Hoa Nghiêm cũng là một phương tiện của Phật. Kinh này vẽ ra lộ trình tu của một chúng sanh phát tâm từ ngục A Tỳ tiến dần đến quả vị Như Lai, phải tuần tự trải qua quá trình thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, Đẳng giác, Diệu giác. Khi Phật thành đạo ở Bồ đề đạo tràng, những người có tư cách tiếp cận Ngài phải là Đẳng giác Bồ tát. Các Bồ tát này đông như vi trần, nhưng phàm phu không thấy được. Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm cho Bồ tát Đẳng giác, diễn tả toàn bộ sự nghiệp tu hành của Ngài trong 21 ngày ngắn ngủi.

Phật bắt đầu nhập định để thuyết kinh Hoa Nghiêm, là từ ngoài đi vào nội tâm. Thiền gọi là phản văn tự kỷ. Chúng ta là phàm phu khó sống được với thế giới nội tâm. Vì chúng ta thường hướng tâm ra ngoài, gom nhặt bụi bậm, rác rưởi phủ lên người, rồi tự cho đó là "TA". Lần hồi đánh mất con người thực của mình. Ngài Duy Nhiên thiền sư diễn tả chúng ta ngu muội, đánh mất con người thực của mình trong bài sám Quy Mạng "Đệ tử chúng đẳng, tự di chơn tánh, uổng nhập mê lưu".

Hãy thử suy nghĩ xem về phần vật chất, một ngày chúng ta phải đem vào thân này mấy bát cơm và coi đó là TA. Nếu một ngày không nhồi vô bao nhiêu thức ăn thì

"CÁI TA" này cũng chấm dứt ngay. Xa hơn nữa, thấy rõ chúng ta sử dụng năm giác quan để tiếp thu vinh nhục trần thế. Đây là năm tiền trạm khiến chúng ta tròng thêm lên mình những buồn khổ và xem buồn khổ đó là "TA". Như vậy, tứ đại và ngũ uẩn chuyên lượm lặt nhơ bẩn từ ngoài, không phải thực là TA.

Theo Phật huệ quan sát, người tu khởi đầu dứt khoát gạt bỏ những gì không phải là TA. Thực tu, không dại gì đem vui buồn trần thế vào tâm. A la hán bỏ những thứ lặt vặt, bằng cách đóng kín năm giác quan hay năm cửa tiếp xúc với bên ngoài.

Ngăn chặn năm tiền trạm này xong, còn lại phần tinh thần là thọ, tưởng, hành, thức cũng theo đó bị xóa sạch. Vì 6 căn không tiếp xúc 6 trần, vấn đề không được đặt ra. Hiểu biết chuyện thế tục, vui buồn vinh nhục do mắt thấy tai nghe bị cắt đứt, tâm hồn hành giả trở thành lắng yên. Tuy sanh thân tứ đại của hành giả vẫn còn, nhưng tác động của thân làm tâm đau khổ không có.

Trước kia, dại khờ lấy cái khổ làm TA. Nay xóa cái khổ, chỉ còn lại cái TA là chơn ngã. Kiểm soát thân tứ đại một lần nữa, thấy nó không còn đòi hỏi những cái vô lý như trước. Vì thọ, tưởng, hành, thức đã bị dẹp bỏ, thân đòi hỏi rất ít, ngược lại nó giúp ta rất nhiều.

Trên bước đường tu, thâm nhập Phật huệ bằng cửa ngõ này sẽ dễ dàng bắt gặp cảm nhận ấy. Thật vậy, yêu cầu của cuộc sống con người không nhiều, nhưng lòng tham con người bao nhiêu cũng không đủ. Tuy nhiên, xóa lòng tham rồi thì những gì không cần thiết cho thân, không chi phối ta được nữa.

Phật cũng dạy "ngũ ấm xí thạnh khổ", khổ sanh ra chỉ vì cung ứng cho thân quá dư thừa. Ý thức như vậy, hành

giả giảm thiểu việc ăn uống, đời sống trở nên thanh thản, khác với người thế tục. Đó là trạng thái chuẩn bị bước vào cửa thiền, thâm nhập Phật huệ. Ăn uống đơn giản vẫn khỏe mạnh và sinh hoạt cơ thể của hành giả không giống người bình thường. Nhịp tim đập tự hạ xuống, hơi thở rất nhẹ, số lượng máu lưu chuyển trong cơ thể cũng chậm, nên lượng hữu cơ không bị đốt nhiều. Phật không ăn trong 49 ngày thiền định dưới cội bồ đề, vì Ngài biết sử dụng năng lượng tích trữ trong cơ thể.

Đi sâu vào thế giới thiền định hay thế giới tâm linh là đã diệt ngũ uẩn. Chúng ta trở thành gỗ đá đối với người thế gian, nhưng sẽ bắt gặp và sống với những người bạn không ăn, không tranh dành, nói với ta kinh nghiệm tu chứng. Đánh dấu từ khởi điểm này mới coi như thật sự bắt đầu tu. Hành giả nhìn lại thấy giai đoạn từ trước đến sơ quả thật là vô ích, làm chuyện không đáng làm mà Tổ Huyền Giác quở trách phí cả cuộc đời tu hành. Như người giang hồ dãi nắng dầm sương, lang thang làm kẻ phong trần cho đến già, cũng chẳng được gì "đa niên uổng tác phong trần khách".

Từ sơ quả bước vào nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, Phật mới gặp Kamala và đi lên thế giới tứ không, Ngài gặp Uất Đầu Lam Phất. Đi cùng tột thế giới tâm linh này, Ngài gặp Bồ tát từ sơ địa đến thập địa, Đẳng giác Bồ tát. Phật kiểm tra toàn bộ quá trình tu hành Bồ tát đạo của họ đúng hay sai, bằng cách thuyết kinh Hoa Nghiêm cho Bồ tát Đẳng giác trong 21 ngày ở thế giới thiền định, không phải nói cho loài người chúng ta.

Có thể nói kinh Hoa Nghiêm là phương tiện thứ nhất của Phật đưa ra cho Bồ tát lớn. Nói xong kinh Hoa Nghiêm, Phật định nhập Niết bàn. Trời Phạm Thiên hay nói khác là

người những gần đạt đến tâm thanh tịnh thỉnh Phật thuyết pháp. 80.000 Phạm Thiên nghe xong chứng quả vị vô sanh nhẫn. Tất cả sự giáo hóa này chỉ diễn ra trong thế giới thiền định ở bản tâm.

Đức Phật xả định, trở lại thực tế cuộc sống gặp năm anh em Kiều Trần Như, giảng pháp Tứ đế. Ngài mới có thêm đối tượng loài người trên cuộc đời. Phật ngồi Bồ đề đạo tràng nhập thiền định, người thế gian không biết Ngài làm gì. Nhưng trở lại thực tế cuộc sống, Ngài đi giáo hóa, chúng ta mới biết có một Đức Phật ở thế gian. Có thể nói Phật ở thế gian là phương tiện đối với Đức Phật thiệt và pháp của Phật phương tiện nói tất nhiên cũng là pháp phương tiện.

Suốt quá trình Phật thuyết pháp bằng ngôn ngữ từ Lộc Uyển đến Ta La song thọ tạo cho chúng ta văn tự Pháp Hoa kinh. Còn chân thật Pháp Hoa là pháp chỉ có chư Phật hiểu được. Phật Thích Ca phải điều động Đức Đa Bảo Như Lai đến chứng minh pháp chân thật. Ngài Nhật Liên khẳng định chân thật Pháp Hoa chỉ có Phật Thích Ca nói, Phật Đa Bảo nghe. Từ Bồ tát trở xuống đều nghe pháp phương tiện. Pháp phương tiện thứ nhất được Phật nói cho Bồ tát Đẳng giác, phương tiện hai nói cho Phạm Thiên, qua phương tiện ba là pháp diễn tả bằng ngôn ngữ, nói cho nhân gian. Đến pháp phương tiện thứ tư, nói cho những người theo Phật đã nhập thiền định.

Hàng Thanh văn nghe pháp ngôn ngữ, lần lần sống trong cảnh giới thiền định, nghe Phật thuyết pháp qua tâm. Tâm họ tiếp nhận pháp, tâm với pháp là một, biến thành tâm pháp. Nhờ đó tuệ sanh, họ bắt đầu thấy sự vật giống Phật thấy, không qua dạng vinh nhục của cuộc đời. Họ nghe được pháp ở dạng không nghe mà nghe, vì Phật

và La Hán đều nhập thiền định, trong yên lặng tỏa sức sống kỳ diệu. Sinh hoạt của cảnh giới tinh thần này, người trần không nghe được. Từ đó, Phật dìu dắt các La hán tiến lên quả vị Bồ tát. Nghĩa là họ cũng trở về pháp vô ngôn, để thấy chân thật tướng các pháp hay Pháp Hoa.

Chúng ta thường lầm lẫn, chấp pháp phương tiện làm cứu cánh thì phương tiện không còn tác dụng giải thoát, lại trở thành ràng buộc ta. Ví dụ tượng Phật nhằm giúp chúng ta hình dung Đức Phật thiệt và quan sát lời nói, hành động, suy tư của Phật để làm theo mới là việc chính yếu. Thế nhưng phần lớn chúng ta vẫn coi tượng Phật là Phật. Phật bê tông không cứu chúng ta được. Có một vị Tổ đã nhắc nhở : "Ông Phật bằng gỗ không độ được lửa, ông Phật bằng vàng không độ được lò đúc, ông Phật bằng đất không độ được nước". Tuy nhiên, nương với Phật tượng trưng là phương tiện để tìm ra ông Phật độ thoát chúng sanh. Riêng tôi, từ nhỏ đã sớm ý thức được tác dụng của Phật phương tiện. Tôi siêng lạy Phật xi măng, tụng kinh bằng giấy. Nhờ đó, trí tuệ mỗi ngày một phát huy, giải quyết việc xảy đến với mình tốt đẹp hơn.

Đối trước tượng Phật, độ thành kính giúp ta phá được màn vô minh ngăn che ta và Phật. Tượng có sức thu hút mạnh, kéo ta rời thực tế, phiền não vụt tan biến theo. Tập trung tư tưởng đến độ quên cả sinh mệnh, quên đi sự hiện hữu của thân tứ đại, thấy được Phật thực với 32 tướng hảo, khiến tâm ta hoan hỷ, mới cảm thông, liên hệ với Phật được. Tượng chỉ có giá trị đối với người nhận được hương vị giải thoát. Người thấy tượng vẫn sừng sững một khối bê tông, thì hoàn toàn tuyệt phần. Muôn đời họ vẫn đứng ngoài thế giới an vui mầu nhiệm của chư Phật.

Giáo pháp Phật soi sáng tâm con người, thường được ví như ngón tay chỉ mặt trăng hay thuyền dùng qua sông, tức là phương tiện làm cho tâm từ mở rộng, trí tuệ phát sanh mới chính yếu. Người nghe pháp, trí không phát triển, đạo đức không tăng, họ đã kẹt phương tiện. Vấn đề quan trọng ở điểm biết vận dụng giáo lý làm phương tiện sống của mình, giống như cơm ăn hay hơi thở hàng ngày để giúp chúng ta sống khỏe mạnh. Nếu cơm và hơi thở này cứ mang vô mà không thải ra, chắc chắn sẽ chết. Cũng vậy, Phật pháp cứ gom vô, làm chúng ta mắc bệnh giáo điều, chẳng khác gì người chết vì bội thực, ăn không tiêu. Cũng từ ý này, Tổ sư dạy :

Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,
Học hành không thiếu cũng không dư,
Đến nay tính lại đà quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ

Học không thiếu cũng không dư, nghĩa là học để tu. Học nhiều để phiền não nhiều, thật vô ích. Học đủ nhưng không giữ lại, vì giữ lại sẽ thành bệnh. Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ là tâm chơn như bình đẳng tuyệt đối hay đó là trí tuệ của Phật, là đại viên cảnh trí theo Duy thức học ví như đài gương sáng hoặc viên ngọc ma ni theo Pháp Hoa. Tất cả màu sắc hình ảnh đều hiện đủ trong đó. Hành giả không giữ lại một thứ nào, nhưng không có gì không biết.

Học xong và tu đắc đạo, tất cả bỏ lại phía sau. Lời nói là phương tiện để tâm hành giả thanh tịnh dần. Người sơ tâm học đạo cần phương tiện thấp nhất là ngữ ngôn văn tự. Phật dùng vô số phương tiện khai ngộ cho hạng căn cơ thấp. Nhưng đến nước Ma Kiệt Đà, Phật yên lặng, từng bước chuyển tâm hàng Thanh văn qua Bồ tát đạo. Ba năm ở Ma Kiệt Đà, Phật lặng thinh không nói, Bồ tát

nhìn việc làm của Ngài mà làm theo, lần hồi đi sâu vào trạng thái tu hành bằng tâm. Đây là giai đoạn hai, thuộc thân giáo của Phật. Về sau Thiền tông triển khai pháp này, Thiền sinh học hạnh thiền sư không qua ngôn ngữ gọi là giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự. Không thuyết pháp, vì càng nói nhiều càng vướng mắc giáo tướng, ngôn ngữ. Vướng mắc nhiều trở thành hý luận, tâm vọng động thêm.

Giai đoạn ba mới thực sự thuyết Pháp Hoa kinh ở núi Linh Thứu, thâu 60 tiểu kiếp thành một niệm để thâm nhập đạo tràng Pháp Hoa.

Trong một đời Đức Phật giáo hóa, Ngài giúp đệ tử trồng căn lành từ thời Lộc Uyển, trưởng dưỡng thân tâm ở thời Kỳ Viên, Trúc Lâm tịnh xá và đến đây nở hoa Linh Thoại hay không trung thuyết pháp của hội Pháp Hoa. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đạt đến tâm KHÔNG, không còn vướng bận trần thế, nhận được kinh Pháp Hoa do Phật truyền trao. Hay đó là giai đoạn tâm ấn tâm, thần truyền thần, vượt ngoài lưới ma, thâm nhập huệ Như Lai. Không còn dùng lời nói và hành động để chỉ dạy, nhưng tâm hành giả linh hoạt đến độ cao. Một niệm tâm mà thông cả pháp giới, thấy suốt 18.000 thế giới. Giai đoạn ba thuộc phần phát triển tịnh tâm. Giai đoạn một, hai là tịnh hóa tự tâm.

Nếu không theo thứ tự này, không đạt kết quả. Tự cho đã học hết kinh điển, không có gì để trưởng dưỡng tự tâm cũng vô ích. Nhiều khi thành chướng ngại, tâm chẳng những không trong sáng, còn hóa ra phiền não, hành giả đã tu sai pháp, càng tu lâu càng đọa sâu. Người xưa có nói :

Nhất niên Phật tại tiền,

Nhị niên Phật thăng thiên,

Tam niên Phật bất kiến.

Nghĩa là học nhiều, nghe pháp nhiều, lạy sám hối nhiều. Đến khi đụng việc, lập tức tham sân phiền não. Vì nghe nhiều, tự tánh bị ngăn che, tâm thành mờ không thấy đạo. Cần tịnh hóa tự tâm trước, cố gắng giữ tâm trong sáng mới phát ban đầu, đừng cho thay đổi.

Pháp Phật có công năng tẩy sạch tâm phiền não. Người dùng giáo pháp sai, làm tâm nhiễm ô, thành bệnh nhất xiển đề, Phật không cứu được. Người chưa tu, họ phiền não, nhưng thấy Phật lại phát tâm. Ngược lại, người trong đạo nhìn Phật, lạy Phật mỗi ngày, vẫn sanh phiền não, đành chịu thua. Họ giống như kẻ sử dụng lờn thuốc, không còn tác dụng. Hình ảnh tiêu biểu cho ý này là Vô Não hung dữ thấy Phật buông dao thành La hán. Nhưng Thiện Tịnh Tỳ kheo là em họ của Phật, sống gần Phật mà Ngài không độ nổi.

Nghe thuyết pháp, tâm bừng sáng. Cuộc đời dù sóng gió bao nhiêu, hành giả vẫn an trụ pháp, tiến tu được. Ngược lại, nghe thuyết pháp, cuộc sống vẫn đầy bất mãn khó chịu và nghiệp ùn ùn nổi dậy. Phải biết đó không phải là chỗ của ta tu. Nếu không bỏ đi, ta sẽ đọa nhất xiển đề.

Giai đoạn một, lấy giáo pháp trưởng dưỡng tự tâm, tâm thành thanh tịnh. Giai đoạn hai, không nghe pháp, tâm vẫn thanh tịnh. Ta quan sát, suy nghĩ thành quả của người và chọn được lẽ sống cho mình, người nhìn thấy phát tâm theo. Giai đoạn ba từng niệm tâm ta phát triển những điều mà trước chưa có, Thầy không dạy.

Ở giai đoạn này hành giả Pháp Hoa lấy Phật hộ niệm làm chính. Phật huệ rọi tâm, tâm bừng sáng, biết việc chính xác và làm có kết quả. Còn giai đoạn trước, làm

đúng lời Phật, lời Thầy dạy lại thành phản Phật, phản Thầy. Vì hoàn cảnh đổi khác thì y kinh giải nghĩa, Phật oan tam thế.

Đức Phật xác định ở thời mạt pháp, không còn kinh nào khác ngoài kinh Pháp Hoa lưu truyền trong Diêm phù đề. Chúng ta phải hiểu kinh Pháp Hoa là kinh phát xuất từ tâm bừng sáng của người ngộ đạo, kinh do Phật hộ niệm, do Bồ tát Đại Trang Nghiêm mang đến, do lòng đại bi thương chúng sanh mà hành đạo. Chỉ có kinh Pháp Hoa đó tồn tại sau Phật nhập diệt 500 năm, không phải là 28 phẩm kinh Pháp Hoa chúng ta tụng thường ngày.

Phần lớn chúng ta chấp văn tự, nên chết ngộp trong 28 phẩm. Chúng ta không phủ nhận kinh Pháp Hoa văn tự. Tuy nhiên, phải biết dùng 28 phẩm rọi vào tâm, để thấy biết như thật và làm đúng chân lý, lợi ích muôn loài. Đó là Pháp Hoa tâm, do tâm khai ngộ mới có.

Ngài Nhật Liên phán giáo cũng chia thành ba vòng. Vòng thứ nhất gồm tất cả kinh mà Phật thuyết trước kinh Pháp Hoa nằm trong phương tiện thuộc Tiểu thừa. Vòng thứ hai là kinh Pháp Hoa 28 phẩm thuộc Trung thừa. Và vòng thứ ba là kinh Pháp Hoa của Đại thừa lưu xuất từ tâm thanh tịnh; theo đó tùy chỗ, tùy duyên giáo hóa chúng sanh, không có mô hình cố định.

Đối với tâm thanh tịnh trong sáng của hành giả Pháp Hoa, kinh ghi : "Nhất thiết thế gian tư sanh sự nghiệp", nghĩa là bất cứ việc nào trên thế gian cũng là đạo, không phải chỉ giới hạn ở chùa. Hành giả Pháp Hoa nếu xuất gia thì làm Tỳ kheo kiểu mẫu. Nếu là chính khách thì dân kính, dân thương. Nếu là nông dân, năng suất cũng vượt hơn người. Tất cả việc đều lợi ích cho mình, cho người và làm

đẹp cuộc đời. Bồ tát giáo hóa chúng sanh ở lãnh vực nào cũng xuất sắc, làm thầy, mới thực là hành giả Pháp Hoa.

Đức Phật cũng thể hiện điều này. Đọc lịch sử, chúng ta thấy Phật Thích Ca là người khỏe mạnh nhất so với các lực sĩ khác. Đối với triết gia, Ngài là người thông minh nhất. Đối với nghệ sĩ, Ngài là người đàn hay nhất… Đức Phật đa tài như vậy, mới được tôn xưng là thầy của trời người.

Các sư ngộ đạo, theo kinh Pháp Hoa là người được Phật hộ niệm. Gặp khó khăn, các Ngài ổn định được. Điển hình như Khuông Việt, Vạn Hạnh, Tuệ Tĩnh giải quyết được mọi vấn đề bức bách mà xã hội bó tay chịu thua, nên được kính nể.

Có thể khẳng định kinh Pháp Hoa đồng nghĩa với đáp ứng được nhu cầu của xã hội, của con người. Nó đưa loài người đến hạnh phúc an vui, giúp người trở thành bậc Thánh, làm được thật nhiều việc lợi ích trên thế gian, lòng vẫn trong sạch, hằng ở trong chánh định, an trụ thế giới bất tư nghì của Phật.

Phương tiện là những gì mà Phật xếp đặt và sống với thế gian để giúp chúng ta gặp Đức Phật cứu cánh. Kinh Pháp Hoa diễn tả phương tiện đưa tất cả Thanh văn, Bồ tát mười phương và Bồ tát Tùng địa dũng xuất thâm nhập Phật huệ trở về thế giới Thường tịch quang của Phật. Phương tiện không chỉ hạn hẹp trong phẩm Phương tiện của kinh.

Phương tiện của Phật có hai phần : phương tiện lực và phương tiện trí lực. Phần truyền vào cho hành giả để hiểu biết, suy luận thuộc phương tiện trí lực của Phật. Phương tiện lực của Phật thì thiên biến vạn hóa. Tùy căn cơ, hoàn cảnh từng người một mà Phật ban cho họ

phương tiện thích nghi khác nhau để tu hành. Và những phương tiện khác biệt này không chống trái nhau.

Phương tiện dù thuận hay nghịch, tốt hay xấu đều đưa hành giả đến giải thoát. Hiểu được phương tiện lực của Phật, nhìn lại cuộc đời hóa độ của Ngài, từ nghịch duyên như A Xà Thế hay Đề Bà Đạt Đa, dưới mắt của Nhị thừa là chướng ngại cho việc hoằng đạo của Phật. Nhưng theo Pháp Hoa, đó chính là phương tiện mà Ngài đưa ra để giáo hóa chúng sanh. Hoặc những tranh chấp ở Kỳ Hoàn tịnh xá làm mọi người chán nản, cũng là phương tiện để họ hướng tâm về cảnh giới Tây phương Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Cho đến các Bồ tát, Thanh văn hỏi Phật về vấn đề gì đều nằm trong phương tiện trí lực của Ngài truyền xuống cho họ hỏi. Nương công đức của Phật, Tú Vương Hoa Bồ tát hỏi được việc làm và thần thông bất khả tư nghì của Bồ tát Dược Vương.

Hiểu xa hơn nữa, khi chúng ta ở bước đường cùng, trắng tay vì sự nghiệp, của cải hoàn toàn sụp đổ mà phát tâm Bồ đề, an nhiên tự tại thọ trì kinh Pháp Hoa, là chúng ta đã nắm bắt được một trong muôn ngàn chiếc phao phương tiện của Phật ban cho. Nếu không có phương tiện trí lực của Phật điều động làm phát khởi và trưởng dưỡng Bồ đề tâm, chúng ta cũng trở thành thân tàn ma dại như bao nhiêu chúng sanh u mê khác. Nhưng nghịch duyên làm ta đau khổ chẳng còn thiết sống, không phải là phương tiện lực của Phật. Với trí tuệ ba la mật, Phật thấy rõ căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, đáng dùng pháp gì độ họ. Có người phải để cho rơi vào địa ngục mới phát tâm được, vì hạnh phúc đầy đủ chỉ làm cho họ chìm đắm trong năm món dục, cuốn họ trôi lăn trong sanh tử luân hồi.

Cảm nhận được điều này, ta thấy việc làm của quỷ vương hành hạ tội nhân cũng không nằm ngoài màng lưới phương tiện lực của Phật. Nhưng có người đáng dùng phước lộc hưởng an lành để tiến tu, thì Phật cung cấp tất cả điều kiện thuận lợi. Thậm chí Ngài khiến cả trời Đế Thích hay tám muôn bốn ngàn thiên nữ đích thân trổi kỷ nhạc đến rước.

Nắm được chiếc phao phương tiện ban đầu của Phật ban cho, ta phát tâm bước vào đạo. Nương công đức của Phật tu tập, hột giống lành nẩy mầm, khiến ta phát được đại nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa. Muôn ngàn phương tiện mầu nhiệm khác sẽ dần dần đến với ta đầy đủ.

Dưới mắt hành giả Pháp Hoa, chẳng những sự giúp đỡ tùy thuận là phương tiện lực của Phật cho ta, cả đến những âm mưu chống phá, xuyên tạc cho đến giết hại cũng là phương tiện lực của Phật.

Ngài Nhật Liên Thánh nhân đã chứng nghiệm một cách sâu sắc những nghịch duyên mà Phật đã bố trí cho Ngài trên đường hành đạo. Ba lần bị tông phái khác và các lãnh chúa giết hại, ba lần bị đưa đi đày đến những vùng chỉ có băng tuyết không một loài cây cỏ nào sống được. Ngài vẫn thản nhiên đứng vững trên đỉnh Pháp Hoa. Lại còn vui mừng xem đó là một dịp tốt hiếm có để Ngài cúng dường thân mạng cho chư Phật, cho pháp tối thượng thừa. Và chỉ có con đường tắt này giúp Ngài sớm thành tựu Pháp thân.

Theo Pháp Hoa, phương tiện của Phật rộng đến độ tất cả sinh hoạt thế gian về mọi phương diện chính trị, xã hội, kinh tế hay tôn giáo v.v… đều thuộc phương tiện trí lực của Ngài. Một cuộc khủng hoảng kinh tế hay sự xuất

hiện của một tà đạo, hoặc một chế độ độc tài đều có lợi ích của nó, vì đó là những chiếc phao của Phật bố trí cho những ai có nhân duyên căn lành nương theo ngược dòng sanh tử trở về bến giác.

Chúng ta cảm nhận được sắp xếp vô hình mầu nhiệm này qua trường hợp chứng đắc Pháp Hoa tam muội của Ngài Khuy Cơ. Khi Võ Hậu lên nắm quyền, trong phong trào triệt hạ những khai quốc công thần của nhà Đường, bà đã tru di cả dòng họ của Ngài Khuy Cơ. Chỉ trên bước đường vân du hóa độ, Ngài đã thể nhập Pháp Hoa tam muội ở một ngôi chùa nghèo nàn, hẻo lánh. Trong khi Đường Thái Tông trọng vọng kính nể, cung cấp phương tiện đầy đủ cho Ngài ở Trường An, không đủ để đưa con người tràn đầy suy tư thể nhập thế giới Phật.

Phương tiện lực không cùng. Mỗi đoạn đường vượt qua, nhìn lại thấy mọi việc thành tựu đều nhờ Phật lực gia bị. Hành giả không biết cũng như cây hấp thụ nước, không tự biết sự hấp thụ của nó. Phật xác định rằng trong quá khứ, các Đức Phật dùng vô số phương tiện, nhưng tất cả pháp này đều là nhất Phật thừa. Trong vị lai cũng vậy và hiện tại ở mười phương, trăm ngàn muôn ức Phật cũng dùng mọi phương tiện để diễn giảng pháp nhất thừa. Chúng sanh nghe pháp đều chứng nhứt thiết trí.

Ngài là Thích Ca Mâu Ni hiện ra trong đời ngũ trược, tùy căn tánh không đồng của chúng sanh, tùy vị trí và thời gian nói pháp khác nhau. Các pháp sai biệt này cũng chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất là đưa về pháp nhất Phật thừa. Nếu Phật nói thẳng nhất thừa, chúng sanh trí kém, đang bị nung nấu trong nhà lửa tam giới, không thể hiểu, không thể tu được.

Phật phải dùng phương tiện khai ra tam thừa : Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Khởi đầu đối tượng là Thanh văn, Ngài thấy rõ các vị này giống như người bị mũi tên độc, cần được cứu mạng sống ngay; nghĩa là cần chữa gấp vết thương đau khổ của họ. Thật vậy, những vị này là những người bị thất bại, chèn ép, bóc lột, nên họ mang tâm niệm ghê sợ thế gian. Phật phải ban cho họ pháp thích hợp là Niết bàn. Việc làm của Bồ tát như tịnh Phật quốc độ, bố thí cúng dường, cứu độ chúng sanh không thể đem giảng dạy cho người chán đời, chỉ muốn lánh xa cõi trần.

Phật mới dạy họ hạnh sa môn, ngày ngày mang bình bát đi khất thực. Nương vào Niết bàn của tam thừa, Thanh văn không bị phiền não làm nhiễm ô và cũng không còn ham mê năm món dục thô hèn, nên không đọa trong sanh tử. Lần hồi họ tiến tu được. Khi tâm lượng các vị Thanh văn rộng lớn hơn, Phật dạy họ đạo Bồ tát. Nhưng họ không tu, lại dạy người khác tu; vì lúc nào họ cũng mang tâm niệm Không, vô tác, vô nguyện. Tới hội Pháp Hoa, những người được Thanh văn dạy, đắc đạo, đắc quả, đắc pháp như nhóm Bạt Đà Bà La Bồ tát và được Phật thọ ký. Lúc bấy giờ các vị Thanh văn tỉnh ngộ, phát tâm Bồ đề. Phật mới diệt hóa thành để dẫn họ đến bảo sở. Ngài cho biết nếu cứ trụ mãi Niết bàn, đến khi Thế Tôn nhập diệt, Niết bàn sẽ mất. Vì đó cũng chỉ là phương tiện lực do Phật tạo ra để Thanh văn tạm nghỉ ngơi mà thôi.

Trong 49 năm nói pháp, Phật dùng vô số phương tiện giảng nói các pháp giúp chúng sanh không kẹt trong ngũ dục thế gian. Đến hội Linh Sơn, Thanh văn xa rời sự chấp trước và lên được bờ giải thoát. Ngài mới dạy Pháp Hoa

gọi là khai tam thừa hiển nhất thừa hay khai phương tiện bày chân thật.

Riêng những người coi phương tiện là cứu cánh, nghe Phật dạy xa lìa ảo tưởng điên đảo của cuộc đời. Họ lại nhận lầm bỏ luôn cuộc đời, nhận lầm bỏ tục xuất gia là bỏ luôn tri thức và mạng sống, trở thành khôi thân đoạn trí. Ngày nay, nhiều người cũng lầm tưởng tu phải vào chùa và bỏ tất cả. Nhưng vào chùa không học hành, rồi cũng chẳng làm được gì, phí cả cuộc đời và cuối cùng trở thành tăng thượng mạn như Tổ Quy Sơn quở trách "Niên cao lạp trưởng không phúc cao tâm".

Ngài Nhật Liên ví người tu để bỏ hết, không được gì, chẳng khác nào như cá bị bắt lên bờ để khô lần đến chết. Thanh văn thừa hay pháp Tứ đế mà Phật dạy cho hàng Thanh văn thấy được cái thực của cuộc đời, điều đáng bỏ và điều không nên bỏ. Nhờ đó, chặn đứng được dục nhiễm, trau giồi đạo hạnh, tâm trở nên sáng suốt. Thấy đúng và sống đúng theo hoàn cảnh của mình, làm gương tốt cho người.

Gặp hàng Duyên giác vốn có sẵn phước đức trí tuệ, Phật phân tích cho thấy mũi tên và chất thuốc độc. Duyên giác có thể ví như nhà nghiên cứu chuyên đề. Họ biết sử dụng trí khôn, đạt được năng suất cao thay cho sức lao động bằng tay chân. Dưới mắt quan sát của Duyên giác, mọi hiện tượng được tiếp nhận bằng suy tư qua pháp Thập nhị nhân duyên, đưa họ đến một đời sống giải thoát. Một chiếc lá rơi, một cơn gió thoảng hay ánh sao lung linh đều là những bài pháp giúp họ ngộ đạo.

Cuối cùng, đối với Bồ tát có đủ đức hạnh và hiểu biết, Phật dạy những vị này sáu pháp ba la mật; nghĩa là vận dụng hiểu biết và đạo đức để giáo hóa chúng sanh. Bồ

tát có khả năng nhận thức sâu xa về siêu hình, Phật chỉ rõ cho thấy ân oán liên hệ nhiều đời của Bồ tát đối với chúng sanh và dạy cách gỡ rối từ từ. Nói cách khác, liên hệ xấu ác của chúng ta chằng chịt từ vô lượng kiếp đổi thành hương sen, là cách tu của Bồ tát để thành Phật.

Thanh Văn, Duyên giác hay Bồ tát là ba pháp phương tiện ứng cảm, tùy cơ. Bên ngoài là Thanh văn hay quyền thừa Bồ tát, nhưng thực bên trong là ẩn mật Pháp Hoa kinh, ngầm giáo hóa pháp của Bồ tát. Các pháp phương tiện Ngài dạy trước nếu không phải là nhân của Pháp Hoa, thì khi nghe pháp chân thật nhất thừa, các đệ tử không thể nào hiểu và phát tâm tu được.

Đức Phật có đủ hai phần phương tiện lực và phương tiện trí lực và khai ra tất cả phương tiện thích ứng để sau cùng dẫn về nhất Phật thừa. Vì vậy, Ngài làm bất cứ việc gì trên thế gian, cũng quy về Phật thừa. Trong cuộc đời hành đạo của Phật, mọi điều nghịch thuận xảy đến. Nhưng cuối cùng, tất cả đều quy ngưỡng Ngài. Và sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt hơn 2.500 năm, chúng ta vẫn còn nương được công đức Ngài, an nhiên tu học.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Phật nắm được quy luật mới vận dụng quy luật, biết rõ các pháp môn mới dạy chúng ta ứng dụng các pháp môn, mới từ cứu cánh khai ra phương tiện. Không phải ai cũng khai phương tiện được. Khi chưa thành Phật, ta đang ở vị trí nào thì phương tiện của ta ở vị trí đó. Vị trí là phiền não, tất nhiên khai phương tiện cũng phiền não. Nếu ta không có trí lực của Phật để quan sát sự biến đổi liên tục của pháp, mọi phương tiện của ta áp dụng không thể dẫn về Phật thừa và chỉ đưa đến tội lỗi mà thôi.

Mục tiêu ra đời của Đức Phật để giúp chúng ta thấy được Phật, hiểu Phật, làm theo Phật và sống như Phật. Từng bước tu hành, chúng ta sẽ đạt được bốn phần : khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến.

Đức Phật khai tri kiến bằng cách đưa ra nhiều pháp môn tu. Chúng ta tu pháp nào cũng được với điều kiện duy nhất là phải phát triển tri kiến của chính mình. Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời mang thân người nhằm nói với chúng ta rằng Ngài tu thành Phật và ta tu cũng sẽ thành Phật. Từ ý này, các kinh đều diễn tả năng lực con người, nếu biết sử dụng sẽ đạt nhứt thiết chủng trí. Chúng sanh mê lầm lại dùng năng lực của họ vào việc tội lỗi. Với tư cách một con người, Đức Phật sống, hành đạo, sinh hoạt như thế nào là Ngài bắt đầu công việc khai tri kiến.

Có thể nói khai tri kiến không phải chỉ có ở phẩm Phương Tiện. Thực sự tất cả việc Phật làm trong cuộc đời đều là chìa khóa mở tri kiến cho chúng ta thấy.

Tuy nhiên, thấy được cũng không đơn giản. Từng chặng đường một, tu theo Thanh văn thừa cắt bỏ phiền não bám vào tâm làm chúng ta dại khờ. Mỗi người tùy hoàn cảnh và hiểu biết riêng, vận dụng khả năng của mình, phát triển hiểu biết. Khai tri kiến và thị tri kiến để hành giả nhìn vào thấy Phật là tấm gương sáng, là người biết tất cả và làm được tất cả. Hay nói cách khác, giúp chúng ta hiểu được thế nào là tri kiến Như Lai.

Làm mọi người ngộ Phật tri kiến là nhận được Phật tri kiến. Nhận được tri kiến không có nghĩa là nhận tri kiến của Phật Thích Ca, nhưng phải nhận tri kiến của chính chúng ta. Thời đức Phật tại thế, con người bị Bà La Môn mê hoặc, trao quyền quyết định cho Thượng đế, thủ tiêu tri kiến của mình. Đức Phật hiện thân con người, chỉ cho

thấy chính mình mới có quyền quyết định vận mạng của mình. Nhận được ta là người có khả năng thành Phật, chúng ta mới bước theo con đường của Phật Thích Ca đi, đạo đức mỗi ngày cao hơn, năng lực lớn thêm và trí tuệ phát triển nhiều hơn là đã nhập vào tri kiến Như Lai. Từng bước chân đi, hành giả có Phật Thích Ca ở bên cạnh. Hành giả gặp Ngài trong trình độ tu chứng của mình. Có thâm nhập trí tuệ Như Lai mới hiểu được tri kiến Như Lai.

Muốn độ ba hạng người nhận thức sai lầm, Phật phải khai ba phương tiện Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát để dễ nhận biết. Cũng như vì có người tu khổ hạnh, Phật phải lao vào cuộc sống khổ hạnh và khổ hạnh vượt hơn người khác cho đến ngã gục xuống, để chỉ cho mọi người pháp tu này hoàn toàn sai lầm, càng tu cơ thể càng yếu, trí càng đần độn.

Ngài khai ra pháp Trung đạo, không chạy theo dục vọng xa hoa tàn phá con người, cũng không đốt thân theo những người khổ hạnh. Chỉ ăn những thứ cần thiết nuôi cơ thể khỏe mạnh và giữ trí tuệ sáng suốt. Tu theo Trung đạo, trí tuệ mỗi ngày phát triển hơn, hiểu biết chính xác lần, đến độ tự nhiên thành đạo.

Giáo sư Motai kiến giải sự thành đạo của Đức Phật là một sự phát triển tự nhiên. Theo ông, nếu chúng ta biết nuôi trí tuệ, nó sẽ phát triển đều đặn. Với kinh nghiệm tu hành, ông nhận thấy có những điều lúc nhỏ ông không biết vận dụng trí để hiểu. Nhưng đến 30 tuổi, ông vận dụng được nó, từ đó từng nấc trí tuệ phát huy thêm. Đối với những điều ông phải đè nén chịu đựng thì sau 30 tuổi, tự nhiên nó mất lần và ông nhìn sự vật chính xác hơn, có cảm tưởng ông đang bước vào tri kiến Phật, cảm thấy phiền não không đoạn mà tự hết. Vì mãi theo đuổi mục

tiêu, dồn sinh hoạt cho việc phát triển trí tuệ, phiền não tự tiêu hao lần, đèn trí tuệ tự sáng. Ông kết luận những phiền não trước kia nuôi tâm Bồ đề của ông. Nhờ ông dám giáp mặt với phiền não, ăn nuốt tất cả phiền não để biến thành tri giác, làm lợi ích cho mình và người.

Hai phần khai và thị tri kiến là công việc của Phật đã làm xong. Còn lại ngộ và nhập tri kiến hay không, tùy nơi chúng ta. Lộ trình đi đến nhất Phật thừa có sai biệt. Từ Thanh văn tu pháp Tứ đế, Duyên giác tu pháp Thập nhị nhân duyên và sáu pháp ba la mật của Bồ tát, cho đến tu phước báu nhơn thiên, giữ ngũ giới hay thập thiện giới cũng lần thành Phật.

Xa hơn, Phật còn triển khai 84.000 pháp môn thích ứng với tất cả nghiệp lực của chúng sanh từ địa ngục A tỳ đến Bồ tát, ai tu cũng được và tu hình thức nào đầy đủ công đức đều thành Phật, không thể thành gì khác ngoài Phật. Tất cả việc lớn nhất đến nhỏ nhất, như người chỉ cúng dường một cánh hoa hay cúi đầu chào Phật cũng trồng căn lành với Ngài. Hoặc người lòng tán loạn vụt nhớ Phật, chỉ xưng Nam mô Phật, lòng họ vơi buồn, cũng là hạt nhân của Bồ đề. Họ lần chứa nhóm công đức sẽ thành Phật. Nghĩ đến Phật, chỉ một niệm tâm cảm thấy an lành là người có niềm tin. Chúng ta học nhiều và giỏi đến đâu chăng nữa, nhưng không nhận được sự an lành trong giáo pháp Phật cũng trở thành vô ích.

Phật xác định trí tuệ bậc nhất như Xá Lợi Phất còn phải dùng niềm tin vào đạo. Ngài Thế Thân dạy ao nước dù đục nhưng phẳng lặng, ánh trăng vẫn hiện vào. Cũng vậy, tâm người dù tội lỗi đến đâu, nhưng có niềm tin, cũng vào Phật đạo được. Ngược lại, nước ao dù trong sạch cách mấy mà sóng gợn hoài, cũng không thể thấy trăng.

Niềm tin của hành giả ví như mặt phẳng của nước. Niềm tin là nhịp cầu dẫn chúng ta thâm nhập Phật tri kiến. Kinh Hoa Nghiêm xác định niềm tin là mẹ sanh ra các công đức. Hành giả vững niềm tin, Phật lực nhất định rọi đến tốt đẹp.

Phật lực được giáo sư Suzuki cụ thể hóa bằng đài truyền hình và tâm hay niềm tin của chúng sanh là máy truyền hình. Đài truyền hình lúc nào cũng sẵn sàng truyền xuống hình ảnh và âm thanh. Nhưng máy truyền hình hư nên không bắt được hình và không nghe được âm thanh. Cũng như Phật lực tỏa ra cho mọi chúng sanh, nhưng niềm tin chúng ta lúc mạnh lúc yếu, tâm chúng ta khi thanh tịnh lúc nhơ bẩn, không thể liên tục tiếp nhận được Phật lực. Bồ tát điều chỉnh thân tâm đến độ hình ảnh và ngôn ngữ Phật luôn ảnh hiện nơi thân, bất cứ việc làm nào của các Ngài cũng lợi ích cho chúng hữu tình. Ngay cả chỉ nghe đến tên của các Ngài, chúng sanh liền phát tâm Bồ đề, thoát luân hồi khổ.

Ngài Trí Giả căn cứ vào kinh Pháp Hoa giải thích pháp phương tiện và pháp chân thật hay Đức Phật Pháp thân thường trú và Đức Phật sanh diệt như sau :

- Vị liên cố hoa, hoa khai liên hiện, hoa lạc liên thành (Liên Hoa luận).

- Vị thật thi quyền, khai quyền hiển thật, phế quyền tồn thật (Quyền Thật luận).

- Vị bổn thùy tích, khai tích hiển bổn, phế tích lập bổn (Bổn Tích luận).

Nghĩa là vì chúng sanh không hiểu nổi pháp chân thật, Đức Thế Tôn phải mất 40 năm nói pháp phương tiện hay quyền thừa. Và chúng sanh cũng không thấy được Phật Pháp thân Tỳ Lô Giá Na, Ngài mới hiện ra đời một Đức Phật Thích Ca bằng xương thịt.

Đức Phật Pháp thân là Phật không sanh diệt, nên phải có một Đức Phật Thích Ca mang thân sanh diệt nói pháp. Ý này được kinh Pháp Hoa diễn tả bằng hình ảnh ông trưởng giả cởi chuỗi anh lạc, mặc áo thô rách, tay cầm đồ hốt phân để chỉ cho bổn Phật hay Phật Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na đầy đủ uy đức. Nhưng Ngài xuất hiện ở thế gian làm thái tử Sĩ Đạt Ta, mang thân tứ đại ngũ uẩn. Và kèm theo tay cầm đồ hốt phân chỉ cho phương tiện của Phật sử dụng đi vào cuộc đời.

Phật thuyết pháp, giáo hóa nhằm mục tiêu hốt dọn phân nhơ, nghĩa là dẹp tan những tranh luận không có lối thoát của 93 học thuyết ngoại đạo thời bấy giờ bừa bãi trong xã hội. Ngài thương mọi người trên cuộc đời suy nghĩ sai lầm, hành động sai lầm dẫn đến quả khổ đau. Ngài mới đưa ra tam thừa quyền để hiển nhất thừa thật. Hay 84.000 phương tiện tu nhằm quét dọn 84.000 phiền não trần lao cho chúng sanh, dẫn mọi người đến cứu cánh thành Phật.

Mang thân con người sanh diệt hữu hạn đi vào nhân gian, Ngài tu hành thành Phật, nghĩa là làm nở tung con người bình thường để con người chân thật bên trong hiện ra. Quá trình 5 năm tìm đạo, 6 năm khổ hạnh và 49 năm thuyết pháp chứng tỏ Thích Ca không là người bình thường như bao nhiêu người khác. Điều đó mở ra cho chúng ta thấy cốt lõi Tỳ Lô Giá Na Phật bên trong của Ngài. Khi mọi người nhận được chân thật pháp thì phải bỏ phương tiện. Cũng như thấy được Phật Pháp thân thường trú Tỳ Lô Giá Na thì Phật Thích Ca vào Niết bàn.

Ngài bỏ giả thân sanh diệt để Pháp thân còn mãi, thâm nhập vào pháp giới, vào trong tâm khảm mọi người. Thật vậy, từ Phật Niết bàn đến nay hơn 25 thế kỷ trôi qua,

nhân cách thánh thiện và lời dạy cao quý của Đức Thế Tôn vẫn còn hướng dẫn sự sống của loài người ở khắp mọi nơi, được từng thế hệ nối tiếp, phát huy, tạo nên sức sống Phật giáo với muôn màu muôn vẻ.

Dưới kiến giải Phật giáo Đại thừa không cố chấp vào mô hình cố định nào. Để phát huy tinh ba đạo Phật, cần vận dụng giáo lý, vận dụng những phương tiện khác nhau tùy hoàn cảnh, tùy sinh hoạt từng nước, từng thời kỳ làm lợi ích. Để triển khai chân giáo nghĩa của Phật, các nhà truyền giáo Đại thừa đã khéo léo sử dụng phương tiện. Các Ngài dung hợp hài hòa lời Phật dạy với dân tộc tính, với văn hóa của từng nước, tạo thành sức sống Phật giáo mãnh liệt chỉ đạo sinh hoạt xã hội.

Điển hình như hình thức Phật giáo Ấn Độ đi khất thực, mặc y Trời truyền sang Trung Hoa. Nếu giữ nguyên hình thức nhà sư đầu trần chân đất, ăn mặc nghèo nàn, không thể nào tồn tại được trong một nước Trung Hoa trọng về lễ giáo và chủ thực tiễn. Các vị Tổ sư đã khéo léo cải biến hình thức khất thực cho phù hợp với tinh thần thực tiễn bằng cách tạo ra những nông thiền. Theo đó, các sư vừa học vừa sản xuất, để giải quyết vấn đề sinh sống hàng ngày. Và cũng để phù hợp với văn hóa Trung Hoa mang nặng hình thức lễ nghi, họ đã chế ra những sắc phục cho sư mặc tương xứng với áo mão cân đai của triều đình.

Tuy nhiên, Phật giáo đến Việt Nam, gặp bối cảnh khác, nên suy tư và vận dụng giáo lý của thiền sư Việt Nam cũng khác. Nếu không biết đổi khác, chỉ sống y khuôn với giáo lý nguyên thủy, chắc chắn chúng ta sẽ không có những trang sử đẹp được mệnh danh là thời kỳ vàng son của Phật giáo Lý Trần. Các thiền sư Việt Nam tiếp thu và vận dụng giáo lý vào cuộc sống thực tiễn, tạo

thành sự thấy biết chính xác, mang đến những đóng góp tích cực đáng kể cho dân tộc, nêu cao một đời sống gương mẫu đạo đức, được mọi người kính ngưỡng. Các Ngài xuất hiện dưới nhiều dạng khác nhau. Khi thì đóng vai Thái sư Khuông Việt hay người chèo đò Đỗ Thuận, lúc lại là thầy thuốc Tuệ Tĩnh hay thợ đúc đồng Nguyễn Minh Không. Thậm chí có lúc tự tại ở ngôi vị đế vương xông pha trước mũi tên lằn đạn để chống đỡ cho muôn dân thoát khỏi nạn dày xéo của ngoại bang.

Nhờ biết ứng dụng phương tiện một cách linh động toàn hảo, trải qua bao thăng trầm đổi thay của lịch sử, Phật giáo Việt Nam vẫn tồn tại sáng ngời với thời gian. Tồn tại trong những tác phẩm thi văn, hội họa, kiến trúc của các thiền sư để lại cho đời, tồn tại trong sự nghiệp cao quý của những thiền sư đã hòa thân cùng dân tộc, tồn tại trong tư cách cao thượng của những thiền sư không màng lợi danh phú quý. Suốt cuộc đời các Ngài chỉ hành động vì tâm nguyện đại từ đại bi, mang lợi lạc an vui cho dân tộc.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa 84.000 phương tiện của Đức Thích Ca Như Lai mở ra cho chúng ta tiến đến chân trời giác ngộ giải thoát, đồng thời kế thừa được phương tiện tốt đẹp của các bậc tiền bối, Tăng Ni Phật tử cần sáng suốt vận dụng những phương tiện phù hợp với thời kỳ đổi mới của đất nước để dựng xây cuộc sống trí tuệ và đạo hạnh trên bước đường phục vụ đạo pháp và dân tộc.

Phẩm 3

THÍ DỤ

I. LƯỢC VĂN KINH

Xá Lợi Phất vui mừng bạch Phật rằng : "Hôm nay con theo Phật nghe pháp, thấy các vị Bồ tát được thọ ký thành Phật. Trong khi chúng con lại không được, nên rất buồn, tự nghĩ rằng chúng con và Bồ tát đồng một pháp tánh. Tại sao Đức Như Lai lại dùng pháp Tiểu thừa dạy chúng con. Nay con mới biết Phật dùng phương tiện để dụ dẫn chúng con. Lúc mới nghe nói con sẽ thành Phật, con tự hỏi phải chăng ma giả Phật để não loạn tâm con ? Bây giờ, con đã hết nghi và tin chắc rằng con là Phật tử, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được pháp phần của Phật, con sẽ thành Phật".

Phật cho Xá Lợi Phất biết xưa kia Ngài đã từng giáo hóa ông tiến đến quả vị Phật. Nhưng ông quên, tưởng rằng được diệt độ. Trong khi thực sự ông chưa đạt đến cứu cánh giải thoát. Để nhắc Xá Lợi Phất nhớ đến bổn nguyện xưa và đạo Bồ tát mà ông đã tu, Phật nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm. Và Ngài thọ ký cho Xá Lợi Phất trong vô lượng kiếp vị lai sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, nước tên Ly Cấu, kiếp tên Đại Bửu Trang Nghiêm. Đức Phật Hoa Quang thọ 12 tiểu kiếp. Đại chúng thấy Phật thọ ký cho Xá Lợi Phất, lòng rất vui mừng, dâng y và rải hoa cúng dường Phật.

Xá Lợi Phất liền thưa : "Trước kia, Phật dạy nếu lìa sanh già bệnh chết là đến Niết bàn. Hàng Thanh văn đã thực hành theo, ai cũng tưởng được Niết bàn rồi. Nay Phật lại đưa ra một pháp mới chưa từng nghe, cho rằng Niết bàn của chúng con chưa rốt ráo. Con e rằng hàng

Thanh văn còn nhiều nghi ngờ. Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích".

Phật đáp rằng trước kia, tôi đã từng nói tất cả giáo pháp giảng dạy đều là phương tiện đưa đến Vô thượng chánh đẳng giác. Nhưng nay để nhắc lại cho hàng trí thức hiểu được, tôi dùng thí dụ sau. Có một người giàu có, tuổi lớn, có một căn nhà rộng nhưng lại mục nát và thú độc rất nhiều, lại thêm đang bị lửa cháy mà cửa ra thì chỉ có một cái nhỏ hẹp. Dù nguy hiểm trước mắt, các con của ông vẫn chơi giỡn, không sợ sệt và cũng không muốn chạy ra. Họ không biết lửa là gì, chết thiêu là gì. Ông liền dùng phương tiện nói với các con rằng : "Cha có đồ chơi đẹp lắm, nào là xe dê, xe hươu, xe trâu. Hãy mau ra đây, cha cho". Các con nghe vậy kéo nhau ra khỏi nhà lửa, đến bên cha đòi đồ chơi. Ông liền cho các con một thứ xe lớn rất tốt đẹp.

Đến đây, Phật hỏi Xá Lợi Phất : "Ông trưởng giả hứa cho ba thứ xe, nhưng nay lại cho một thứ lớn tốt nhất. Như vậy ông có nói dối không ?". Xá Lợi Phất thưa rằng dù ông trưởng giả chẳng cho một vật gì cũng không phạm tội nói dối, huống chi là cho thứ lớn tốt nhất. Việc hứa cho xe chỉ là phương tiện để cứu các con ông ra khỏi nhà lửa.

Phật khen "Đúng thế, Như Lai là cha của tất cả chúng sanh. Thấy chúng sanh khổ sở trong nhà lửa, mà cứ vui chơi không biết đang bị lửa đốt, chẳng sợ sệt, chẳng nhàm chán. Như Lai mới nghĩ phương cách cứu chúng. Như Lai dù đã ra khỏi thế gian, vẫn trở lại để cứu chúng sanh khỏi nạn lửa sanh già bệnh chết, lo buồn khổ não, ngu si, tối tăm, dạy cho chúng đạo Vô thượng chánh đẳng giác.

"Như Lai biết rõ không thể giảng trí tuệ cho chúng sanh đang bị thiêu đốt hiểu được. Ngài phải dùng phương tiện nói tam thừa : Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Giống như ông nhà giàu cho các con mỗi người một xe lớn khi chúng ra khỏi nhà lửa. Như Lai cũng vậy, khi chúng sanh đã thoát khỏi khổ não của tam giới bằng cửa Thanh văn, Duyên giác hay là Bồ tát, Như Lai đều đem pháp Đại thừa, cho họ hưởng thú vui thiền định, giải thoát".

Sau cùng, Phật căn dặn đừng nên nói kinh này cho hạng người phàm phu trí kém, ham mê ngũ dục, kiêu mạn, lười biếng, nhiều tự ái. Họ sẽ không tin, phỉ báng lời Phật dạy, phải chịu quả báo thật đáng sợ. Chỉ nên nói kinh này cho hạng người lợi căn, trí tuệ sáng suốt, học rộng nhớ dai, lòng mong cầu Phật đạo, lánh xa phàm phu bạn ác, giữ giới trong sạch, không giận, hiền dịu, hay thương xót mọi loài, thanh tịnh tu hành, chuyên thọ trì kinh Đại thừa v.v…

II. GIẢI THÍCH

Phật nói pháp phương tiện xong, hàng nhị thừa đều bàng hoàng. Trước kia Phật dạy pháp Tứ đế, họ đã chứng diệt đế Niết bàn. Nay Ngài lại khẳng định tất cả việc làm của Ngài đều là phương tiện, luôn cả sự hiện thân của Phật trên cuộc đời này cũng chỉ là phương tiện. Vậy tam thừa mà các vị này tu chứng được ra sao ? Hay nói cách khác, Niết bàn của họ là thực hay giả ? Nếu tất cả pháp Ngài dạy là phương tiện, thì Niết bàn của họ chắc chắn cũng giả. Ngoài ra, những người được dự vào dòng Thánh từ sơ quả đến tam quả, nghe nói pháp mình đang tu học là giả, cũng hoang mang.

Phần kết của phẩm Thí dụ nói rằng khi nghe kinh này, hàng thượng căn tin hiểu, hàng trung hạ khởi tâm nghi. Hàng thượng căn như Xá Lợi Phất nghe xong pháp chân

thật, lãnh hội được ý thâm sâu của Phật, hết sức vui mừng. Từ trước đến nay, Xá Lợi Phất đã hằng suy tư, khao khát pháp mầu này.

Xá Lợi Phất theo Phật nghe pháp, là theo Đức Phật hiện thân trên cuộc đời, sống với Phật trong tình thầy trò. Nương theo phương tiện, lần hồi Ngài chứng đắc quả vị La hán, huệ nhãn được khai mở. Ngài thấy Phật không phải là một Sa môn tầm thường, ngày ngày mang bình bát đi khất thực, không phải là một Đức Phật hữu hình, tu pháp hữu vi; nhưng là Đức Phật siêu hình, thông đạt pháp vô vi và chung quanh có vô số Bồ tát ngày đêm thị tùng nghe pháp. Trong khi Xá Lợi Phất vẫn trụ mãi ở địa vị Thanh văn. Nhận chân được ngoài Đức Phật thị hiện ở thế giới phàm phu, còn có Đức Phật thường hằng bất biến trong thế giới Thật Báo trang nghiêm và thấy Bồ tát siêu hình được thọ ký. Ngài tự cảm nghĩ mình có thực là Phật tử hay không, có mất tri kiến Như Lai hay không, có thành Phật hay không ?

Phật nhận thấy Xá Lợi Phất trải qua một quá trình tu dưỡng, trọn ngày đêm luôn kinh hành tham thiền, suy nghĩ chín muồi, tiếp cận chân lý, Ngài mới khai ngộ và thuyết minh chân lý cho Xá Lợi Phất. Hàng tăng thượng mạn nghe Phật xác định các pháp trước chỉ là phương tiện, họ không thể chấp nhận và bỏ đi. Xá Lợi Phất và các Tỳ kheo khác ở lại, nhận lãnh yếu chỉ, vì họ đã đến gần chân lý, mường tượng thấy man mán chân ly mà Phật chỉ bày.

Xá Lợi Phất đại diện chúng hội nói lên liễu ngộ của Ngài. Từ nay mới biết mình không mất phần tri kiến Như Lai, thực là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được pháp phần của Phật. Từ miệng Phật sanh ra, hay những hành giả khởi tu từ ngoài để tiến lần vào nội giới.

Do nghe pháp, tâm hồn yên tĩnh, lấy pháp Phật làm sinh mệnh; Pháp thân nhờ đó hiển hiện, phát triển. Tuy Pháp thân còn bé nhỏ, nhưng không sống theo nghiệp hay vinh nhục của người đời. Mọi việc làm của hành giả không chống trái Như Lai, được Như Lai khai ngộ. Nghĩa là hành giả từ pháp hóa sanh.

Theo lộ trình Pháp Hoa, chúng ta cân nhắc xem mình có phải là Phật tử không. Việc làm, suy nghĩ, khởi niệm của chúng ta có đúng như Phật dạy trong kinh hay không ? Nếu chúng ta làm theo lịnh của cá nhân hay tham vọng, nhất định không phải là Phật tử. Riêng tôi, khi tụng kinh, kiểm chứng lại, tự thấy những lời nói và việc làm của tôi trước kia không sai trái với lời Phật dạy, mặc dù lúc đó tôi chưa hề đọc kinh. Tôi cảm nghĩ rằng nhờ túc nghiệp nhiều đời đã tu, nay gặp mưa pháp, căn lành tự phát.

Căn lành đã gieo trồng, Pháp thân lớn dần, làm bất cứ việc gì cũng không ra ngoài chánh pháp Như Lai. Đó là lộ trình Xá Lợi Phất trải qua 40 năm theo Phật nghe pháp phương tiện, nhưng tu pháp chân thật, Pháp thân được tăng trưởng. Và đến hội Pháp Hoa, Ngài thấy được chân lý, gọi là được pháp phần của Phật. Đọc ý này, gợi nhắc chúng ta tu hành, nếu không có Phật pháp phần nào, chỉ uổng phí cả cuộc đời, thật đáng buồn.

Vấn đề được pháp phần của Phật hay giống Phật thì theo kinh Pháp Hoa được giải thích khác. Trước đó, người nào mang hình thức xuất gia, cạo tóc đi khất thực, người đó giống Phật. Nay Phật xác định lại rằng nếu thông minh, sớm đắc đạo, làm lợi ích cuộc đời, hay đó là hình ảnh Bồ tát mới thực là con Ngài, giống Ngài, thay Ngài đi cứu khổ chúng sanh, không phải là người đói khổ nhờ người cứu

giúp. Đến giai đoạn này, hình thức xuất gia và tại gia không quan trọng, chủ yếu phải giống Phật ở nhận thức và việc làm. Tất nhiên, tu luyện cho thành đức, thành tài phải trải qua vô số kiếp gian khổ, không đơn giản. Vì thế, chúng ta chẳng ngạc nhiên khi hàng tăng thượng mạn không chấp nhận, bỏ đi.

Riêng Xá Lợi Phất nhận thấy Ngài cũng giống Phật, ít nhất cũng theo Phật nghe pháp 60 tiểu kiếp. Nay mới thông minh như vậy và tu đạt quả vị nhanh hơn các đệ tử khác. Phật cho biết từ muôn ức kiếp trước Ngài đã từng dạy kinh Pháp Hoa cho Xá Lợi Phất. Vì thế, nay vừa được nhắc lại, ông liền phát tâm ngay. Xá Lợi Phất thông hiểu được sinh mệnh tương tục miên viễn trên lộ trình Bồ tát đạo. Cứ mỗi kiếp tái sanh có thay đổi lần, cho đến khi Bồ tát hạnh viên mãn, ông cũng thành Phật đầy đủ 32 tướng tốt hiệu là Hoa Quang.

Đây là lần đầu tiên Phật thọ ký cho Thanh văn. Trước kia Bồ tát mới được thọ ký, đối với Thanh văn chỉ được ấn chứng thành A la hán. Quả vị A la hán mà Phật ấn chứng, được hiểu từng chặng đường khác nhau. La hán hiểu theo nghĩa ngoại đạo là người xứng đáng được cúng dường, nghĩa là lấy mức độ cúng dường để xác định tư cách La hán. Theo Phật, La hán không những là người xứng đáng cho trời người cúng dường, mà phần tu chứng bên trong quan trọng hơn. La hán không còn lầm lỗi, không có phiền não, đã hoàn tất việc tự lợi, không bị ràng buộc trong tam giới : Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tâm được tự tại.

Phật thọ ký cho Thanh văn, chư Thiên rất ngạc nhiên, Thích Đề Hoàn Nhân tán thán như là việc chưa từng có. Lần đầu ông thấy Phật chuyển pháp Tứ đế mà ngoại đạo,

ma Ba tuần không chuyển được. Nhưng nay còn tuyệt diệu hơn thế nữa, vì chuyện không bao giờ mong, lại được.

Quan niệm con vua làm vua, hay Bồ tát thành Phật là việc bình hường. Đến Pháp Hoa, Phật xác định ai tu cũng thành Phật, thể hiện tinh thần bình đẳng tuyệt đối. Bà la môn giáo thì áp đặt bốn giai cấp không thể nào thay đổi. Tuy mọi người đều có khả năng làm Phật, nhưng người đã phát tâm Bồ đề, có quá trình tu Bồ tát đạo, tất nhiên việc tu hành của họ trong hiện đời sẽ dễ dàng hơn, ít vấp ngã hơn. Vì thế, Phật dạy các Bồ tát phải tạo cho mình tư cách làm Phật trước. Chuẩn bị tư cách làm Phật đầy đủ mới quan trọng.

Ý thức điều này, từ nhỏ, tôi xuất gia tu hành không ham làm trụ trì hay pháp sư sớm. Chỉ ham học, nỗ lực tu hành phát triển nội chứng. Kết quả trên bước đường thuyết pháp lợi sanh ngày nay, tôi thành tựu nhờ quá trình 40 năm miệt mài rèn luyện khả năng theo kinh điển. Những bạn đồng hành với tôi thích làm pháp sư sớm, không có điều kiện để học, thường bị gãy đổ trong việc hành đạo.

Phật dạy chúng ta tu hành nội bí ngoại hiện. Ai đánh giá thế nào cũng được. Chúng ta lo một lòng chuyên cần nỗ lực tu dưỡng cho đủ tài đức, gặp cơ duyên sẵn sàng dấn thân phục vụ. Điều đáng ngại là khi cơ hội đến, chúng ta lại không có khả năng, không sẵn phương tiện để dùng.

Xá Lợi Phất được thọ ký, hàng trung căn và hạ căn nghi ngờ về pháp tu hành của họ. Xá Lợi Phất biết lòng nghi ấy, liền thỉnh Phật vì những người chưa giải thoát, giảng rõ phương tiện để họ đừng thối chuyển, tiếp tục tu

hành. Phật mới nói thí dụ cho hàng trung căn hiểu được. Đây là thí dụ đầu tiên trong 9 dụ của kinh Pháp Hoa gọi là dụ nhà lửa và ba xe.

Chúng ta đừng lầm thí dụ với sự thật. Nếu không ẩn ý của Phật, chấp thí dụ là thật, cũng giống như người chấp ngón tay chỉ mặt trăng là mặt trăng. Trong việc giáo hóa, phần lớn Phật dùng thí dụ để chúng ta nương theo đó, hiểu chân lý. Vì phàm phu không thể hiểu chân lý và chân lý cũng không thể diễn tả bằng ngôn ngữ. Kinh Pháp Hoa cao nhất trong kinh điển Đại thừa, Phật cũng xác định Ngài không chỉ thẳng chân lý được, phải dùng thí dụ.

Phật diễn tả chân lý qua hiện thực cuộc đời, nhắm vô sinh hoạt con người đưa ra thí dụ nhà lửa ba xe. Nhà lửa chỉ cho thế giới chúng ta đang sống, ba xe là giáo lý tam thừa của Phật dạy. Khi nào chúng ta còn sống ở Ta bà, pháp Phật vẫn còn tác động. Và chính tác động này luôn thay đổi, biến dịch, sanh trưởng, nhận thức chúng ta không bao giờ chấm dứt. Từ đó, trên bước đường tu, hiểu biết và cảm nhận của hành giả về thí dụ nhà lửa và ba xe cũng không cùng tận.

Dưới nhãn quan xuất thế, vũ trụ bao la, cho đến xã hội chúng ta đang sống, hay thu hẹp lại trong thân một con người, được hình dung như nhà lửa cũ mục nguy hiểm, không bền chắc. Thân con người trong đạo Phật thường được xem là một tiểu vũ trụ, có đầy đủ những gì của thế giới bên ngoài. Thật vậy, thân của chúng ta lúc mới sanh giống như cái nhà mới, đến 70, 80 tuổi nhà trở thành cũ mục. Tuổi càng lớn, nghiệp và phiền não càng đổ ra nhiều, những điều bất như ý tràn đầy trong "chúng ta". "Chúng ta" này chỉ cho chơn tánh hay con người thực của chúng ta. Con người thực nằm trong thân tứ đại

nhơ nhớp mà kinh gọi là viên minh châu. Ý thức được sự giả tạm không bình yên của nhà lửa tam giới, hành giả luôn mang ý niệm thoát ly tam giới.

Riêng tôi cũng vậy, tuy sống trên cuộc đời, trong tâm niệm hằng mong thoát ly tam giới, không có gì trên cuộc đời có khả năng hấp dẫn tôi. Từ ý thức nhìn đời muốn thoát ly, dẫn đến hành động tu tập để thoát ly, là giáo lý căn bản của đạo Phật. Chúng ta không thể nhìn khác. Nhưng thoát ly sanh tử rồi, sẽ có dạng tu tập khác của Bồ tát. Chúng ta đừng lẫn lộn người trần tục và Bồ tát giải thoát. Nếu chưa thoát ly sanh tử, chắc chắn không phải là Bồ tát.

Phẩm này diễn tả giáo lý thoát ly đưa người trần thế đau khổ ra khỏi nhà lửa tam giới đến Niết bàn. Và Niết bàn trong phẩm này gọi là bãi đất trống, ngã tư đường. Đến bãi đất trống, tư cách hành giả đổi khác, việc làm của hành giả cũng sẽ khác. Trái lại, đối với chúng ta còn trong sanh tử, Phật dạy chỉ có một cửa duy nhất để thoát ra là yểm ly sanh tử. Nghĩa là sanh tâm nhàm chán sanh tử, chúng ta mới chạy ra được.

Ý này trong kinh diễn tả bằng hình ảnh nhà của ông trưởng giả rộng lớn, chỉ có một cửa nhỏ để ra vào. Muốn vượt qua cửa nhỏ hẹp duy nhất, hành giả phải xả bỏ tất cả những gì liên hệ, cho đến một tâm niệm nhỏ nhất cũng không được lưu giữ. Hành giả phải thu dọn con người mình cho thật nhỏ. Tinh luyện đến mức tâm hồn phóng khoáng, cao thượng thật sự, đầy đủ trí năng, không còn gì ràng buộc, hành giả mới vượt ra ngoài sanh tử. Nói cách khác, hành giả quét sạch tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, phẩn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, xiểm, hại, kiêu, vô tàm, vô quý,

v.v… Những thứ vô hình này đeo đẳng theo con người vô hình, đốt chết chơn tánh của hành giả. Cửa nhỏ hẹp gợi cho chúng ta liên tưởng đến câu chuyện Ca Diếp bít cửa động không cho A Nan vào kiết tập kinh điển lần thứ nhất ở Kỳ Xà Quật. A Nan ở bên ngoài tu tập, gỡ bỏ hoàn toàn phiền não. Đến nửa đêm đắc quả La hán, vượt qua được cửa sanh tử này mới vào động dự hội kiết tập.

Điều này ngụ ý rằng kinh điển của tam thừa giáo là kinh điển của người đã ra khỏi sanh tử. Muốn kiết tập được, phải có tư cách của con người ở ngoài sanh tử, ngoài nhà lửa tam giới.

Nhà lửa tiêu biểu cho sự thiêu đốt, mà ngọn lửa thiêu đốt chính là phiền não của con người. Trên bước đường tu, vứt bỏ được một phần phiền não nào, tầm nhìn hành giả lại đổi khác.

Căn bản của phiền não là lòng tham. Đức Phật dạy lòng tham đóng vai trò chủ động, tác hại tâm hồn chúng ta rất lớn. Tham tài, sắc, danh, lợi, ăn, ngủ, tham năm món này dẫn chúng ta đến chỗ chết. Tuy nhiên, gỡ bỏ sạch lòng tham không đơn giản. Có lúc lòng chúng ta hoàn toàn vắng lặng, tưởng chừng như đã lột sạch nó. Nhưng được một lúc, nó lại bộc khởi bám chặt lấy ta.

Quán sát lời Phật dạy, chúng ta thấy rõ cuộc sống vô nghĩa, nếu sống để chết. Tôi luôn nghĩ cái chết đến với tôi bất cứ lúc nào và nhìn thẳng vào cái chết xem cảm giác mình ra sao. Đọc kinh, tìm xem Phật diễn tả sau khi chết mình sẽ thế nào. Có ý thức chết rồi, trước tiên lòng tôi cảm thấy dễ dãi với mọi người và chọn cách tu cho mình.

Sống ở thế gian luôn suy nghĩ như vậy, chúng ta mới bắt đầu gỡ bỏ từng phần lòng tham để không bị lửa tham đốt cháy tâm hồn. Lửa bên ngoài đốt chết thân vật chất

không sợ, vì sẽ có thân sau tốt hơn. Nhưng lửa tham đốt chết giới thân huệ mạng của chúng ta, thì có sống cũng như chết. Hay đó chỉ là người sống thừa, sống vô ích, trí tuệ không còn, lời nói không chính xác, không ai chấp nhận, lê thân tàn đến đâu, thiên hạ tránh xa.

Mỗi người chúng ta tùy thân phận riêng, nương theo pháp Phật, thoát ra khỏi nhà lửa tam giới : Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới chỉ cho ba tầng tâm thức của chúng ta. Dục giới hay cảnh dục ta có vì mang thân ngũ uẩn, chúng ta luôn bị sắc, thọ, tưởng, hành, thức bao vây bức ngặt nung nấu đốt cháy. Hạng thứ hai thuộc về Sắc giới, họ có thân nhưng dục nhiễm không tác dụng, không ham muốn vật đối trước mặt, nhưng ham muốn những cái đang biến chuyển trong tâm. Tuy sống trong am tranh hẩm hiu, vẫn tìm thấy an lành trong nếp sống thiền định do họ đặt ra. Đó là những người kẹt vô bốn trạng thái của tứ thiền thiên gồm 18 cõi của Sắc giới.

Hạng thứ ba chỉ còn thức thuộc tầng Vô sắc giới, kẹt trong tứ không thiên. Họ không sống với am tranh, không cần ăn uống, cảnh bên ngoài không có, chỉ sống với tâm thức tích lũy nhiều đời, nay ngồi yên nhập định, nó hiện lên.

Từ cuộc sống vật chất của cõi Dục đến cuộc sống tinh thần của Sắc giới và sống với ký ức của Vô sắc giới, ba cách sống này muôn đời đeo đẳng, nhận chìm mọi người trầm luân sanh tử trong tam giới. Đức Phật lặn lội trong tam giới, đi đủ ba đường này để giáo dưỡng dìu họ ra khỏi sanh tử, chỉ cho thấy chỗ tu chứng của họ chưa rốt ráo. Chúng ta không tu hành theo tâm trạng của những

người trên, nên khó hiểu tam thừa giáo của Phật dạy cho họ.

Đối với hàng ngoại đạo bị vướng mắc trong pháp tu, nay theo Phật, được thoát ly sanh tử, đắc La hán, mới cảm nhận sâu sắc ơn tế độ của đức Thế Tôn thật vô cùng tận. Vì muốn cứu những người con ra khỏi nhà lửa, Phật phải nhắm vô yêu cầu, khả năng của chúng mà dạy dỗ, đưa ra giáo lý tam thừa. Trong kinh diễn tả hình ảnh ông trưởng giả có khả năng dùng mọi cách để đưa con ra khỏi nhà lửa, nhưng ông không làm như vậy.

Theo Giáo sư Kubota, Đức Phật cũng vậy, Ngài là bậc Chánh biến tri, chỉ làm những việc đáng làm. Ngài có thể cho ta thế giới của báu, có thể cứu chúng sanh. Nhưng cứu chúng ra khỏi nhà lửa tam giới, được an lành, để rồi chúng lại sống bê tha theo ngũ dục, cho đến phá sản cuộc đời, tạo thành nhà lửa thứ hai, rồi Ngài lại tiếp tục cứu nữa hay sao ?

Điều chính yếu là Phật uốn nắn, tạo điều kiện giúp chúng ta vươn lên, tự phát triển khả năng, giải phóng tâm hồn ta ra khỏi nhà lửa tam giới. Ngài không giáo dưỡng để nô lệ hóa tinh thần ta hay biến chúng ta thành người ăn hại. Thiết nghĩ, trên bước đường tự lực xây dựng cuộc sống giải thoát, hoàn cảnh khó khăn là thước đo niềm tin và nghị lực của chúng ta.

Giáo pháp tam thừa tác động cho ta tạo được thân giới đức và tuệ giác, thấy được cuộc sống thực trên nhân gian, nên không bị thiêu đốt và ra khỏi sanh tử. Giáo pháp này không phải để nói chơi. Không tu chỉ nói, chẳng được lợi ích gì mà còn chồng chất thêm phiền não. Ở trong sanh tử không có Phật, nhưng nương theo tam thừa giáo tu hành, thoát ly sanh tử, sẽ gặp Phật.

Kinh Pháp Hoa tóm tắt tất cả các kinh, rút gọn lại còn tam thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Pháp Hoa Tối thượng thừa là lý tưởng chúng ta kính lễ, nhưng thực ra hàng ngày chúng ta tu tam thừa. Tam thừa giáo của kinh Pháp Hoa là tam thừa cộng học, nên theo tôi có lúc chúng ta tu Bồ tát đạo, có lúc tu Thanh văn, Duyên giác. Trường hợp cần pháp nào để đến cửa giải thoát, thì theo pháp đó, không nên cố định pháp nào. Đó là kinh nghiệm Xá Lợi Phất dạy chúng ta, khi không thực hành được pháp Đại thừa, chúng ta thu mình lại, ẩn tu hạnh Thanh văn.

Phật cho biết Ngài đã từng dạy đạo Bồ tát cho Xá Lợi Phất, nhưng ông quên, tự cho mình là Thanh Văn. Xá Lợi Phất ở 92 ức Phật quá khứ, Ngài vừa phát tâm bồ đề phát nguyện bố thí không tiếc thân mạng, móc mắt cho người. Nhưng kẻ thọ nhận đền đáp lại tấm lòng vị tha không tiếc thân mạng của Ngài bằng hành động liệng bỏ, chà đạp lên đôi mắt Ngài vừa cho. Trước ma chướng bất ngờ đánh mạnh vào tâm hồn chúng ta như vậy, phải chăng chúng ta chẳng còn cách nào khác hơn để tẩy sạch phiền não bằng cách mặc kệ cuộc đời, ngồi yên tu quán pháp KHÔNG của Thanh văn.

Trong thời sám hối, chúng ta thường đọc : "Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhơn, thiên phước báo, Thanh văn, Duyên giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ tát. Duy y tối thượng thừa, phát bồ đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề…". Mỗi khi đối trước Phật phát nguyện câu này, tôi rất kinh sợ. Vì chúng ta nói không cần phước báu nhân thiên là sai. Thậm chí không cần cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát thừa là ba phương tiện của Phật dạy chúng ta phải nương theo để ra khỏi nhà lửa thì hoàn toàn sai. Đối với Bồ tát đã ra khỏi nhà lửa tam giới, gặp Như Lai, mới đủ tư

cách nói phước báo nhân thiên không có giá trị. Tam thừa giáo không nghĩa lý gì, vì các Ngài đã thoát khỏi sự chi phối của thân ngũ uẩn.

Khi còn lệ thuộc chặt chẽ với thân ngũ uẩn, nó vẫn là phương tiện chở chúng ta vượt sanh tử. Tam thừa giáo là thuyền bè đưa chúng ta qua bể khổ đến Niết bàn. Tuy nó là nhà tranh, nhưng bỏ nó với điều kiện ta có tòa lâu các, đã ra khỏi sanh tử. Nó giúp ta thành tựu đạo Vô thượng, nên chúng ta phải trở lại thân phận hèn mọn, không còn cách nào khác hơn là nương tam thừa giáo.

Đi vào tam thừa giáo, chúng ta phải nhịp nhàng trải qua các pháp tu. Tùy trường hợp, tùy người mà nhanh chậm có khác. Giờ trước tu đạo Bồ tát, niệm tâm sau tu Thanh văn cũng được. Tuy nhiên, cần phải nằm trọn trong tam thừa giáo, vì lạc ra ngoài tam thừa, sẽ đọa. Chỉ có tam thừa giáo đưa chúng ta thoát ly sanh tử, đạt trí tuệ Bát nhã, gặp được Đức Như Lai.

Trước tiên là Thanh văn thừa hay Tiểu thừa, tuy xe nhỏ, nhưng phải có nhân duyên căn lành mới có khả năng lên được. Thật vậy, tu theo Thanh văn thừa, chỉ mới thực chứng sơ quả đã là vấn đề không đơn giản. Phàm phu chúng ta muốn đạt đến trình độ tu chứng sơ thiền của Thanh văn cũng thật khó. Vì cuộc sống là một thực tại trong đó vật chất và tinh thần luôn hỗ tương tác động lẫn nhau, chúng ta khó tách rời. Làm thế nào tách con người tâm linh ra khỏi con người vật chất của chúng ta. Không cho cuộc sống vật chất ảnh hưởng tinh thần và ngược lại tinh thần không được chi phối vật chất, để chúng ta có một cuộc sống hoàn toàn độc lập. Có thể mường tượng như người ta giải phẫu để tách hai đứa bé sinh đôi dính nhau. Bắt đầu thực hiện pháp tu này, người ngoài thấy tôi

tàn tạ. Riêng tôi, cảm thấy tinh thần thật sảng khoái, cảm nhận được tâm chứng ly sanh hỷ lạc của sơ thiền, nghĩa là có trạng thái tâm linh riêng, vật chất riêng.

Chứng được hỷ lạc ở sơ thiền, tất cả vui buồn vinh nhục, đói khát nóng lạnh không tác động đời sống tâm linh hành giả. Hành giả sống với trí, mở đầu cho việc phát triển Trí thân. Ở giai đoạn sơ thiền, trắc nghiệm biết được tâm chứng. Nhưng đến nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, chúng ta khó nhận biết. Với một thí dụ đơn giản về một phần nhỏ của pháp tu Thanh văn cũng đã chứng minh rằng chỉ có con của Phật trong tam giới mới có thể lên xe tam thừa. Nếu không phải là con của Phật, dù xe nhỏ cũng không lên được.

Theo Thanh văn thừa, trước tiên Phật dạy tứ Thánh đế. Người nào có khả năng nghe, tin và tu tứ Thánh đế, mới nương theo Thanh văn thừa ra khỏi sanh tử. Phật dạy rằng cuộc đời là bể khổ trầm luân. Xét cho cùng từ khi sanh đến lúc nhắm mắt lìa đời, tự nghĩ lại xem lúc nào ta sung sướng. Dù sung sướng cũng ngầm chứa nhân khổ bên trong. Chúng ta tin lời Phật dạy, tâm không ham muốn, không bị lửa phiền não đốt cháy.

Từ đó, Phật dạy phương pháp diệt khổ hay 37 Trợ đạo phẩm. Phải dùng 37 Trợ đạo phẩm làm phương tiện qua bể khổ, vì năm tụ phiền não đoạn cho hết để nhập Bát nhã rất khó. Bỏ 37 Trợ đạo phẩm, hành giả không bao giờ đoạn trừ phiền não được. Quan sát kỹ 37 Trợ đạo phẩm từng bước tu lên, diệt tận gốc tham ái, hành giả hết khổ, chứng được Niết bàn KHÔNG. KHÔNG là không ham muốn, sẵn sàng bỏ bất cứ cái gì của thế gian. Tuy hành giả vẫn hiện hữu ở thế gian, mà được coi là đã ra khỏi thế gian.

Điều này phần lớn người xuất gia hay lầm. Quá trình tu của Thanh văn muốn ra khỏi nhà tam giới, trước nhất phải ra khỏi nhà thế tục. Nghĩa là những gì người thế tục nói, làm, ưa thích, người xuất gia hoàn toàn không dính líu gọi là "tâm hình dị tục". Tôi xuất gia, đầu tròn, tâm KHÔNG, đứng ở bờ giải thoát nhìn xuống bể khổ trần gian, thấy rõ chuyện thế gian quá khổ, nay cười mai khóc. Chúng ta không ham, tự cắt bỏ. Gạt bỏ lần đến dứt sạch là con đường tu của Thanh văn thừa, chứng được pháp KHÔNG.

Trong 37 Trợ đạo phẩm, khởi đầu hành giả tu Tứ niệm xứ để lìa tham dục, vì biết rõ tham dục là nhân của sanh tử luân hồi. Tứ niệm xứ hay bốn pháp quán, hành giả phải để tâm đừng cho lệch ra ngoài. Điều thứ nhất luôn tâm niệm thân bất tịnh, thân này là nhà lửa cũ mục chứa không biết bao nhiêu tội lỗi, là nghĩa địa từ khi sanh đến già chôn bao nhiêu là sanh linh và chất chồng oán thù. Chúng ta kiểm tra thấy rõ thân người bất tịnh về vật chất với những thứ đồ ô uế và bất tịnh cả về tinh thần với những nghiệp oan không giải được.

Tâm niệm như vậy, hành giả hạn chế lần, bớt ăn, không lo cung phụng bồi dưỡng thân nữa nhưng giữ nó cho khỏe mạnh, vì nó là chiếc thuyền đưa ta ra khỏi sanh tử. Tự tịnh hóa thân chúng ta, tội lỗi cũng theo đó được ngăn ngừa bớt, thù oán giảm. Ý thức nhàm chán thân bất tịnh là phương tiện giúp hành giả ra khỏi tam giới.

Điều thứ hai hành giả quán thọ là khổ. Trên bước đường tu, cần lưu ý rằng nhận lãnh của người thì phải lụy vì người. Nên hạn chế tối đa việc thọ nhận, sự giúp đỡ của người khác, về vật chất lẫn tinh thần để xe chúng ta nhẹ dễ đi. Vì đường hiểm sanh tử dài xa, việc khó chưa giải quyết còn nhiều. Hành giả phải lượng sức mà làm, sức yếu

cưu mang người nhiều, không thể lên bờ giải thoát được. Tu với tâm niệm Tiểu thừa như vậy, có chết chúng ta cũng thấy nhẹ nhàng.

Điều thứ ba, hành giả quán tâm vô thường, tâm luôn thay đổi theo sự biến đổi của vật, của việc. Biết như vậy, chúng ta không buồn giận trước sự thay lòng đổi dạ của người, hết thương đến ghét. Sau cùng, hành giả quán pháp vô ngã. Mọi việc, mọi vật ở trong sanh diệt không có thực thể, do nhân duyên hợp mà thành, nhân duyên hết thì tan.

Quán thuần thục Tứ niệm xứ, tầm nhìn của hành giả đổi khác. Thấy rõ thân, tâm và pháp không bền chắc. Chỉ còn lại nghiệp tham đeo dính ta, nó là món mồi câu quyến rũ chúng ta, dấn thân vào, thân tàn ma dại ngay. Chúng ta vào sanh ra tử cũng vì nó, nên không dại gì không cắt bỏ. Hàng Thanh văn qua quá trình tu pháp Tứ niệm xứ thuần thục, đạt đến sơ quả, không vướng bận trần gian từ thân tâm đến hoàn cảnh.

Đoạn lòng tham rồi, hành giả tiếp tục kiểm tra lòng mình. Trước ta tham quá, tâm trí đen như khối mực. Nay an trụ pháp KHÔNG của Tứ niệm xứ, nhìn lại con người thực của chúng ta là gì ? Như trên đã nói, thân, tâm và pháp, cả ba đều không phải là "TA", không phải là "con người thực của chúng ta", thì những gì dính líu đến thân, tâm và pháp có tác dụng đến "TA" đâu mà phiền.

Ngài Huệ Tư thiền sư tu chứng pháp này, giảng phẩm An Lạc Hạnh của kinh Pháp Hoa, Ngài nói rằng khi bị người mắng, ta giận, khen thì ta thương. Thử nghĩ khen và mắng cái gì ? Trong lúc ta làm tốt hoặc hợp với họ thì họ khen. Nhưng khen là khen việc, không phải khen TA. Chúng ta lầm lẫn mới xem việc là TA. Theo Ngài Huệ Tư,

cái thân người cũng là nghiệp, không phải TA. Thiên hạ mắng chửi là mắng chửi nghiệp, không phải mắng chửi TA. Nhờ họ mắng chửi, nghiệp ta bay mất, chơn tánh hiện ra.

Như vậy, hành giả cần phân biệt TA và nghiệp. Thấy rõ điều này, ai chửi để rước nghiệp, hành giả sẵn sàng cho ngay. Bỏ đi phần nghiệp, cái TA thực xuất hiện, đó là chân ngã. Chúng ta quý trọng, lo nuôi dưỡng con người thực bên trong cho phát triển. Mọi thay đổi giả dối, biến dịch bên ngoài, cứ mặc cho nó trôi theo dòng đời.

Kế tiếp, Phật dạy tu pháp Tứ chánh cần. Tứ chánh cần nghĩa là điều ác đã sanh, ta phải diệt trừ, điều ác chưa sanh không cho phát sanh, việc thiện đã làm, ta phải phát huy, việc thiện chưa làm phải cố gắng thực hiện.

Trên bước đường tu, chúng ta cần phân biệt thiện ác theo thế gian và thiện ác của xuất thế gian. Thiện ác theo thế gian được đo lường bằng phong tục tập quán từng nước, từng thời kỳ khác nhau. Làm những gì được luật pháp, xã hội chấp nhận là thiện, làm trái lại là ác. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều khi chúng ta khởi niệm thương người, giúp người, sau đó người lại làm phiền, làm khổ ta. Bấy giờ, chúng ta bực tức, hỏi tại sao mình làm thiện lại thọ quả báo xấu. Vì thế, tu theo thiện ác thế gian, nay thiện mai ác, vừa lòng người này thì mất lòng người khác. Kết cuộc, cùng lắm chỉ được hưởng chút ít phước lạc thế gian. Còn phần nhiều gặp trớ trêu muôn mặt, chỉ chuốc lấy phiền muộn.

Từ đó, chúng ta thấy quan niệm thiện ác theo trần thế khác với thiện ác theo Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Đứng trên lập trường Thánh đạo của tam thừa giáo quan

sát trần lao để nhận ra đâu là thiện hay ác. Và chỉ có pháp tu làm thiện, dứt ác theo chúng tam thừa, mới đưa hành giả ra khỏi sanh tử.

Phật dạy những gì làm chúng ta cảm thấy an lành trong tâm là thiện, những gì không bình ổn trong lòng là ác. Như vậy thiện của Thanh văn là chánh niệm, ác của Thanh văn là vọng tâm. Thiện ác không ở ngoài, mà chủ yếu trở về nội tâm. Ý thức như vậy, tôi cố gắng tu tập sửa đổi thiện ác trong lòng, hơn là tiếp xúc phân bua với người ngoài. Không cần đính chính, vì nói phải trái làm gì vô ích. Chúng ta cứ nhìn gương Đức Phật để theo. Khi Ngài tại thế, không bao giờ dành phần đúng, nhưng trên đời này ai dám nói Ngài sai lầm. Trong khi lục sư ngoại đạo chuyên tranh cãi hơn thua, cố dành phần phải và kết cuộc họ tồn tại được bao lâu. Điều này cho thấy rõ chỉ có nhân cách của chúng ta mới quyết định ta đúng hay sai, thiện hay ác.

Bảo vương tam muội dạy rằng khi gặp oan ức, hành giả không cần biện minh, huống chi là không oan ức. Người hiểu Phật đạo nỗ lực tu bề trong, không thấy mình oan. Vì thực tế chúng ta có hiện tướng nghiệp ác, nếu đời này không có thì đó là nghiệp của đời trước. Hành giả nương theo sự phát hiện nỗi oan ức mà tự diệt nghiệp bên trong, thành tâm đối trước Tam Bảo sám hối. Cần tìm thiện ác trong tâm, vì bên trong không thanh tịnh, lễ Phật cũng thành phá Phật, dù tu suốt đời cũng không có kết quả.

Chúng ta tinh tấn lễ sám mỗi ngày, bên ngoài nhìn thấy được. Nhưng chúng ta tự kiểm tra mình xem có thực lòng hay không, có quyết tâm diệt trừ phiền não hay lễ sám để người thấy mình tinh tấn ?

Pháp tu phương tiện bên ngoài giúp chúng ta có điều kiện tịnh hóa thân tâm. Khi tâm thanh tịnh, những thứ này không còn cần thiết lắm. Tôi ít lễ bái tụng niệm, thường chú trọng tu sửa bề trong, luôn kiểm tra bốn oai nghi và khẩu nghiệp. Làm thế nào cho dễ nhìn và an lành nhất, nói những gì người chấp nhận được. Tuy nhiên, chúng ta phải để ý nếu nghiệp ác bên trong còn, dù có làm tốt cũng biến thành xấu, không được ơn còn mắc oán, vì trang bị tâm bằng nghiệp ác.

Đức Phật dạy năm anh em Kiều Trần Như ở Lộc Uyển tu thiện ác trong yên lặng, nhìn vô không thấy các Ngài tu. Riêng dưới mắt Phật, các Ngài thực tu nên khi thành đạo, Phật tìm đến giáo hóa những vị này trước nhất. Các Ngài lo diệt phiền não trong tâm cho đến hoàn toàn trong sạch thuần thiện, không còn chút ác gợn trong lòng. Đối với các Ngài, thiện đồng nghĩa với sự an tĩnh của tâm hồn. Nhờ vậy sức tập trung tư tưởng cao hay luôn sống trong thiền định. Huệ sanh nhìn đời sáng hơn, thấy rõ cạm bẫy cuộc đời và bắt gặp con người thật của mình là Phật tri kiến hay tâm Bồ đề. Từ đó tu tập phát huy Phật tri kiến, không còn lỗi lầm trên cuộc đời, bỏ thân này chắc chắn được giải thoát.

Riêng tôi đạt đến thành quả ngày nay nhờ quá trình tu học, đọc kinh Phật không mệt mỏi, mang tam tạng Thánh điển vào lòng và nuôi lớn tâm Bồ đề. Nhìn đời qua lăng kính giáo điển của Phật, vì tự biết cái nhìn của mình chưa chính xác.

Trên bước đường gieo trồng hạt giống Bồ đề theo lời Phật dạy, chúng ta phát hiện, cải hóa thiện ác bên trong. Thấy rõ tịnh là thiện, động là ác. Chúng ta cố gắng giữ

tâm như như bất động, để quan sát sự vật chính xác, dù phải đối diện với việc xảy ra như trời long đất lở.

Cuộc đời của tôi phần lớn ảnh hưởng đến đại chúng bằng tâm thanh tịnh. Ít khi tôi đặt vấn đề phải làm chuyện này chuyện khác. Vì theo tôi, càng làm càng động, càng động thì càng ác. Bớt việc làm để tâm hồn lắng yên, cắt bỏ phiền não, động niệm. Ít nhất thiện chưa sanh, thì ác cũng không có. Hành giả luôn ghi nhớ mình thực tu, bằng mọi cách giữ tâm hồn yên tĩnh trong pháp Như Lai.

Khi Phật tại thế, những người có căn lành nương theo pháp Tứ đế, không còn tham vọng thế gian, không bị phiền não chi phối. Tâm thanh thoát khế ngộ nguồn chơn, thấy tánh của mình, nhờ đó được giải thoát. Ý này được kinh ví như người con theo xe dê ra khỏi nhà lửa. Đó là trường hợp 1.200 La hán nương Thanh văn thừa tu, Phật đưa các Ngài ra khỏi sanh tử chứng Niết bàn.

Từ thiện ác của Thanh văn, nâng lên thiện ác của Duyên giác là quán nhân duyên. Quán sát nhân duyên thuần thục, có nghĩa là hành thiện đối với Duyên giác. Hàng Duyên giác là những người ở trong tam giới đã bố thí, cúng dường, siêng năng nghe pháp, trí tuệ đầy đủ, có hoàn cảnh sống cao, nhưng không bằng lòng với đời sống vật chất tầm thường. Các vị này khao khát sự hiểu biết về chân lý, Phật mới nói với họ pháp 12 nhân duyên, chỉ dạy quan sát vũ trụ từ hữu hình đến vô hình. Các Ngài thấy được cội nguồn của pháp, cùng với mối tương quan tương duyên tạo nên sự tồn tại giữa các pháp; nhận thấy rõ từ một vật nhỏ như con ong cái kiến cho đến vũ trụ hành tinh thay đổi không ngừng, vì vốn nó không có thực thể. Thậm chí đến thân của ta ngày hôm nay cũng không phải thân của ta ngày hôm qua. Nói cách khác, thấy rõ

trạng thái biến chuyển của tâm thức chúng sanh hay sự sanh diệt các pháp theo quy trình của vòng mắc xích luân hồi.

Từ đó, Duyên giác dùng lửa chánh định đốt sạch, không còn vật nào dính líu đến họ và đắc quả vị Bích chi Phật, an trú Niết bàn giải thoát. Kinh ví như người con muốn cầu xe hươu ra khỏi nhà lửa.

Đến giai đoạn ba, tu tập Bồ tát đạo. Quan niệm thiện ác của Bồ tát thay đổi theo công hạnh tự hành hóa tha của các Ngài. Bồ tát không những chỉ cầu tự nhiên trí, vô sư trí, để thấy pháp như Bích chi Phật, mà còn mang chí lớn muốn đạt đến Phật trí, chuyển được vật tai hại thành lợi ích chúng sanh. Hàng Bồ tát với lòng từ bao la, mang đại nguyện cầu giác ngộ cho bản thân và dìu dắt người cùng đến bờ giác. Dưới nhãn quan Bồ tát, giáo hóa mọi người đồng giải thoát là thiện, không cứu độ người là ác. Vì vậy, Phật dạy Bồ tát tu sáu pháp ba la mật, dù làm tất cả việc thế gian, tâm vẫn an nhiên tự tại. Kinh tượng trưng bằng hình ảnh người cầu xe trâu ra khỏi nhà lửa.

Như vậy, hàng tam thừa : Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát tu thiện ác phân minh rõ rệt. Nhưng tiến đến cách hành sử của Phật thì không còn thiện ác; vì thiện và ác là một, trong thiện có ác, trong ác có thiện. Đối với chúng sanh mê muội không biết sử dụng, thiện cũng thành ác. Nhưng với Đức Thế Tôn sáng suốt, ác biến thành thiện. Như trường hợp Vô Não dưới sự giáo hóa của Phật, từ một sát nhân trở thành bậc La hán. Trên tinh thần thiện ác là một của Phật thừa, kinh Duy Ma quán sát người ăn mày bằng với Đức Vô Nan Thắng Như Lai.

Nương theo tam thừa giáo, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát ra khỏi sanh tử. Trong kinh ví như trưởng giả cho các

con đồ chơi báu đẹp để chúng thoát khỏi nhà lửa. Đức Phật cũng vậy, Ngài dùng phương tiện nói giáo lý tam thừa để hướng thiện chúng hội, không phải để tăng trưởng lòng tham của họ. Ngài nhận thấy tâm con người tràn đầy tham muốn, thù hận đốt cháy, lại bị hoàn cảnh xã hội bức ngặt bao vây. Sống trong môi trường đầy nhơ uế với tâm trí đảo điên như vậy, họ không biết gì khác ngoài lo sợ, nên phát sinh trên 62 phái ngoại đạo. Những pháp mê hoặc của tà giáo khiến họ dễ tin nhận hơn những việc bố thí, cúng dường, tịnh Phật quốc độ. Ngoài những người muốn chạy ra khỏi nhà lửa, cũng có những kẻ vẫn vui vẻ dạo chơi trong đó. Vì họ đã sống với ngũ dục từ vô thỉ kiếp, nên không thể bỏ được, giống như những đứa trẻ nghe cha nói nhà đang bị cháy mà không biết sợ.

Khởi đầu Phật nói Niết bàn hay diễn tả cảnh Cực Lạc để chuyển lòng ham thế tục thành lòng ham ưa giải thoát. Đó là phương tiện giúp Thanh văn thoát khỏi sanh tử, không phải cứu cánh. Nhưng Thanh văn lầm chấp là cứu cánh. Đức Phật tạo điều kiện cho Thanh văn tu, ứng với thế gian mà Ngài khai triển thành tam thừa. Ngài dạy pháp tu tập thể cho Thanh văn hay pháp tu cá nhân cho Duyên giác.

Tuy nhiên, dù là Thanh văn, Duyên giác hay Bồ tát đều phải an trụ pháp KHÔNG, để ra khỏi sanh tử, đến chỗ an toàn, tức đạt được trí Bát nhã. Tâm hoàn toàn tự tại giải thoát, mới nhìn thấy thế giới bao la của đức Như Lai.

Riêng chúng ta còn bị dây thừng của ba cõi sáu đường quấn chặt, chưa ra khỏi nhà lửa, phải nương theo bất cứ pháp phương tiện nào để tâm trống không, mới vào thế giới Phật được. Trụ ở trí Bát nhã, tất cả mọi việc

xảy ra trên cuộc đời còn hay mất, dưới mắt hành giả không quan trọng. Kể cả mạng sống cũng không tiếc, vì chuyện chính yếu hành giả phải thấy đạo. Khi chưa đến được khoảng đất trống mà nói pháp KHÔNG, chỉ là NGOAN KHÔNG. Chỉ có hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát mới vào được lý Bát nhã.

Những người theo Phật 40 năm, tu pháp KHÔNG, ra khỏi sanh tử, đến bãi đất trống ngã tư đường, gặp được Đức Thế Tôn. Khác với ngoại đạo tu pháp KHÔNG, quên hết rồi không được gì, cũng lẩn quẩn trong tam giới. Trong khi hàng Thanh văn tu hành, tâm nguội lạnh, quên tất cả. Nhưng vẫn còn đối tượng là Đức Phật để hướng tâm đến, nên đạt đến đỉnh cao của Bát nhã, các Ngài mới diện kiến Như Lai.

Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát là ba đường từ tam giới chạy ra, gặp nhau ở giao điểm tiếp nối bằng con đường thứ tư là Phật thừa. Đến đây chúng hội đã vượt ra định luật chi phối của ba cõi, huệ nhãn khai mở, lãnh ngộ được yếu chỉ. Đức Phật mới trao kinh Pháp Hoa, giao cho đại bạch ngưu xa. Ngồi trên đại bạch ngưu xa hay tu theo Phật thừa, nghĩa là phải sống với thực tế, giáo hóa tất cả người xung quanh bình yên giải thoát, hành giả mới có an lành vĩnh cửu. Khác với trước kia, trụ trong Niết bàn tam thừa, cảm nhận an lành thì chỉ là Niết bàn giả tạm.

Đức Phật dạy nếu rời bỏ thế gian để tìm Niết bàn, chẳng khác gì tìm lông rùa, sừng thỏ, không bao giờ có. Tuy nhiên, đến giai đoạn sau cùng, khi thấy đệ tử đoạn sạch tham sân phiền não, Thế Tôn dạy họ trở lại cuộc đời với tinh thần từ bi, vị tha, vô ngã. Nghĩa là từ bỏ thế giới khổ, đến với Phật và đứng lập trường Phật, quán chiếu lại chúng sanh để cứu độ, là lộ trình Pháp Hoa.

Ở tư thế sạch nghiệp của Phật nhìn thấy chúng sanh khác với chúng sanh thấy chúng sanh. Chúng sanh thấy chúng sanh bằng nghiệp, nên luôn đối đầu nhau, nhìn nhau bằng tâm ganh ghét thù nghịch. Trái lại, bằng tâm hoàn toàn trong sạch, Phật thấy tất cả chúng sanh đều dễ thương. Ngài trải lòng từ đến tất cả muôn loài, tùy căn tánh hành nghiệp của chúng sanh mà Ngài giáo hóa. Với đôi mắt trí tuệ, Ngài thấy rõ khả năng của người, triệt để khai thác tiềm năng giúp họ thăng hoa. Như Phật quán sát Vô Não hay Ampaballi dù là sát nhân hay dâm nữ nhưng có căn tu, Ngài hóa giải những việc làm xấu ác của họ, dạy họ thành La hán. Điều này thể hiện tinh thần Phật dạy rằng không có người tốt người xấu. Nếu biết sử dụng đúng chỗ, tất cả trở thành tốt.

Ở trên Phật quả quán sát chúng sanh chính xác, theo đó Ngài khai triển khả năng, phát huy tánh sáng suốt của họ, đưa đến hình thành chúng tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát; nhưng sau cùng, Ngài quy về cứu cánh nhất Phật thừa. Nói cách khác, tam thừa là nhân, nhất thừa là quả.

Trong phẩm Thí dụ, Phật dạy cách tu để ra khỏi nhà lửa. Và từ ngoài nhà lửa, với tâm giải thoát nhìn ngược lại chúng sanh, đến giáo hóa chúng sanh. Vì vậy ở giai đoạn đầu của lộ trình tu tập, bằng tất cả khả năng, chúng ta phải phát triển nội tâm để sống trong nhà Phật pháp, lựa chọn pháp môn tu thích hợp trong 84.000 pháp môn.

Để vượt đường hiểm sanh tử, xin hành giả cứ thẳng đường mà đi. Đừng lo để tâm đến việc thiên hạ, đừng lo phê phán. Bao giờ chúng ta ra khỏi sanh tử gặp được Như Lai, lên đại bạch ngưu xa, hãy nhìn lại cuộc đời cũng không muộn. Lúc ấy, ta sẽ thấy tất cả đều dễ thương, mới

tùy theo căn tánh hành nghiệp từng người mà giáo hóa. Bấy giờ, hành giả mới thực tiêu biểu cho mẫu người thay Phật cứu độ chúng sanh, qua lại trong tam giới tự tại và làm người khách quý mà mọi người mong chờ. Đó mới là Pháp Hoa chân thật, chỉ có đối với những hành giả đã ra khỏi sanh tử và là mục tiêu hiện hữu của Đức Phật trên cuộc đời này vậy.

Phật nhắc nhở chúng ta rằng kinh này chỉ nên trao cho những người có niềm tin tuyệt đối như Xá Lợi Phất. Nghe rồi tin hiểu thọ trì, lấy lời dạy của Phật trang nghiêm cho cuộc sống. Ngày nay, chúng ta có căn lành thọ trì được kinh Pháp Hoa, nhưng thường gặp tai biến trên bước đường tu. Chẳng qua nhiều đời trước, chúng ta đã phạm tội phá pháp, túc nghiệp có sẵn, nên đời này kết thành quả báo. Và kinh Pháp Hoa mà ta nghe trong sanh tử chắc chắn thuộc về ẩn mật Pháp Hoa nằm trong phần giáo pháp phương tiện mà thôi.

Tóm lại, từ một thế giới bao la diệu vợi, tràn đầy của báu, Đức Như Lai trở lại cảnh ô trược này. Không thể dùng ngôn ngữ phàm phu diễn tả pháp tịch diệt, Ngài dùng thần thông đưa chúng hội đi thăm suốt ba cõi chín đường. Nhưng mục tiêu của Ngài không chỉ phô diễn thần lực. Ngài muốn tất cả chúng sanh sử dụng được năng lực bất khả tư nghì như Ngài. Từ đó, Thế Tôn dùng mọi thí dụ, ngôn từ, đưa ra tam thừa giáo, diễn tả cho chúng hội hiểu pháp chân thật. Duy chỉ có bậc đại trí Xá Lợi Phất mới thâu nhận được yếu chỉ của Phật. Một lần nữa, Phật lại vì những đứa con ngu dại, vẽ ra cảnh nhà lửa tam giới hiểm nguy, đầy những ác quỷ, trùng độc, thú dữ, để nhắc nhở chúng ráng tránh khỏi hiểm họa ấy. Cảm nhận lòng từ bao la vô hạn của Đức Thế Tôn giáo hóa chúng sanh

không biết mệt mỏi, chúng ta đem cả thân mạng này mà đảnh lễ Ngài.

Phẩm 4

TÍN GIẢI

I. LƯỢC VĂN KINH

Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp, Mục Kiền Liên thấy Phật thọ ký cho Xá Lợi Phất, liền bạch Phật cảm nghĩ của các ông. Trước kia các ông dù đứng đầu trong hàng Tăng, tuổi đã già, nên đối với đạo Vô thượng chánh đẳng giác không hề ưa thích. Nay được biết hàng Thanh văn cũng thành Phật, tự nghĩ mình không cầu, mà được pháp báu vô giá.

Ví như có người lúc thơ bé bỏ cha trốn đi, qua mấy mươi năm trôi giạt. Trong khi đó người cha giàu có, tiền của đầy kho, ông thường mong được gặp các con để giao gia tài sự nghiệp. Một hôm, gã cùng tử tình cờ đến nhà ông. Nhìn thấy ông quá sang trọng, anh ta hoảng sợ, liền bỏ chạy trốn. Nhưng ông đã nhận ra cùng tử là con mình, nên sai hai người rượt bắt. Gã cùng tử bị bắt, ngã xuống ngất xỉu. Ông ra lệnh "Lấy nước rưới lên mặt cho gã tỉnh, rồi thả đi". Sau đó, ông sai hai người tiều tụy, mắt chột chân què đến chỗ gã ở để rủ làm thuê hốt dọn phân rác. Anh ta nghe trả tiền gấp đôi, liền nhận hốt rác ở phía sau nhà ông trưởng giả.

Nhìn thấy con cực khổ, ông thương xót vô cùng. Ông thay quần áo sang trọng, mặc đồ thô rách, tay cầm đồ hốt phân, đến gần đứa con. Một hôm, ông bảo "Con nên tiếp tục làm việc, ông trả tiền thêm, có cần thứ gì ông sẽ cấp cho và nên coi ông như là cha".

Lòng gã rất vui mừng, nhưng vẫn nghĩ mình là người làm công hèn hạ. Ít lâu sau, ông gọi gã đến, giao cho quản lý gia tài và được quyền thu xuất đồ đạc trong nhà. Gã rất chu toàn công việc, nhưng vẫn tiếp tục ở chỗ cũ. Trải qua một thời gian, ông trưởng giả biết mình sắp chết liền họp thân tộc và tuyên bố trước mọi người rằng : "Gã cùng tử này là con ta, đã bỏ đi từ lúc thơ ấu. Nay được gặp lại, ta giao gia tài cho nó". Người con tự nghĩ việc không mong cầu mà được.

Kể xong, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Ca Diếp, Mục Kiền Liên bạch Phật : "Ông trưởng giả ví như đức Như Lai, chúng con giống như gã cùng tử. Chúng con vì ba thứ khổ ở trong sanh tử, đau đớn mê lầm. Chỉ ham ưa pháp Tiểu thừa, làm công việc quét dọn phân nhơ và tự hài lòng với "cái giá một ngày" đạt được. Đức Như Lai không hề nói chúng con có kho tàng tri kiến, vì Ngài biết ý chí chúng con thấp hèn. Chúng con không biết mình là con của Như Lai, không mong tiếp nối pháp Đại thừa. Đức Như Lai phải dùng phương tiện thuận theo chúng con mà chỉ dạy. Nay tạng báu không cầu mà tự nhiên được".

II. GIẢI THÍCH

Bốn vị đại đệ tử Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề nghe xong thí dụ nhà lửa bằng tánh linh. Các Ngài lãnh hội được yếu chỉ của Phật nói trong phẩm Thí dụ và lý giải sự thấu hiểu của các Ngài trên căn bản niềm tin, nên phẩm này mang tên là TÍN GIẢI.

Tín nghĩa là tin, giải là lý giải. Người chỉ tin suông dễ sai lầm, lạc vào đường tà kiến mê tín, đưa tới sa đọa trầm luân. Ngược lại, giải giáo lý Phật không bằng niềm tin, thì đời đời kiếp kiếp vẫn mang thân phận con người; vì chỉ

sống theo nghiệp lực và kiến chấp thế gian. Pháp Phật không tươi nhuận tâm hồn, nên vẫn luôn đau khổ.

Bốn vị đệ tử Phật nương theo pháp Tiểu thừa tu tập, đắc pháp, không bị vật chi phối và an trụ quả vị Niết bàn giải thoát, không mong cầu gì hơn. Các Ngài tưởng đó là pháp chân thật. Đến hội Pháp Hoa mới thấy sự hiểu biết và chỗ trụ này chưa phải rốt ráo viên mãn. Các Ngài giác ngộ rằng sự bình ổn có được là nhờ Đức Như Lai che chở tạo nên. Khi thấy Phật thọ ký cho Bồ tát thành Phật, hàng Thanh văn không bao giờ dám nghĩ mình cũng thành Phật. Họ chỉ muốn theo hầu Phật. Hôm nay, thấy Phật thọ ký cho Thanh văn và tất cả mọi người thành Phật, các Ngài bừng sáng, nói lên sự tỉnh ngộ của mình qua thí dụ cùng tử và nhờ Phật xác định sự hiểu biết này có đúng không.

Có Phật ấn chứng, mọi việc coi như đúng vì Ngài thấy suốt được các pháp trong ba đời. Phật đưa ra dụ nhà lửa và bốn vị đệ tử đáp lại bằng dụ cùng tử, thể hiện mối liên hệ cảm thông sâu sắc giữa Ngài và các đệ tử. Dụ nhà lửa tiêu biểu cho nhà Phật pháp do Như Lai sáng lập. Khi Ngài bỏ đi hay diệt độ, nhà thành cũ mục. Con cháu trong nhà trở nên hư hỏng, ám chỉ hiện tượng yếu kém của đệ tử Phật ở thời mạt pháp.

Ngược lại, trong dụ cùng tử, người chủ không bỏ đi. Nhà mục nát không phải do thiếu chủ, mà chính người con bỏ cha trốn đi. Đến đây, ta thấy rõ tuy cùng là pháp Phật, nhưng đứng dưới hai góc độ thấy khác nhau. Một đằng là cha bỏ đi, một đằng là con bỏ đi, mở ra cho chúng ta hai quan niệm về pháp, cuối cùng sẽ được kết lại trong phẩm Như Lai thọ lượng.

Câu chuyện cùng tử đọc qua thấy đơn giản, nhưng mỗi thí dụ hàm chứa ý nghĩa quan trọng gợi cho chúng ta

nhiều suy nghĩ. Ngài Thiên Thai tìm thấy trong câu chuyện này toàn bộ giáo lý 49 năm thuyết pháp của Đức Phật và chia giáo lý thành ngũ thời bát giáo. Riêng chúng ta đọc phẩm này, đứng ở lập trường nào để hiểu cuộc đời Phật, hiểu sự tu hành của Ngài ? Về phần tôi, rút kinh nghiệm tu chứng của các vị Thánh Tăng đi trước, tạo cho mình một kiến giải riêng. Và tất cả quý vị mỗi người cũng thấy theo nhãn quan khác nhau, để cuối cùng chúng ta tiến đến quả vị Vô thượng chánh đẳng giác.

Trong dụ cùng tử, bốn vị Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề thổ lộ với Phật khi các Ngài từ ngoại đạo trở về, đối trước sự cao sang của Đức Phật, các Ngài cảm thấy thân phận mình hèn mọn như gã cùng tử. Tâm niệm đó của Thánh chúng cũng là tâm niệm của chúng ta thấy ước mơ thành Phật của mình quá xa vời, khi so sánh vị trí của mình và Đức Phật cách nhau một trời một vực. Đức Phật xuất thân từ hàng vua chúa đầy đủ uy quyền, lại thông minh xuất chúng, hiểu biết siêu việt. Thấy Ngài cao quý bao nhiêu, chúng ta cảm thấy mình càng thấp hèn bấy nhiêu. Đức Phật hàng phục chúng ma, truyền bá giáo pháp quá dễ dàng. Trong khi chúng ta hành đạo, đối đầu với biết bao khó khăn chướng ngại. Giải quyết được là cả một vấn đề không đơn giản cho ta.

Tâm niệm của bốn vị La hán hồi tưởng lại thời vàng son của mình đã từng sống giải thoát ở chân như môn. Vì một niệm bất giác vô minh nổi dậy, khởi phiền não trùng trùng điệp điệp bao vây, xúi các Ngài rời bỏ thế giới an lành của chư Phật, lao đầu vào trần thế. Mang thân người, phải khổ với căn trần thức của mình, là những thứ hoàn toàn ngăn che chơn tánh. Khổ với sanh già bệnh chết đày đọa nổi trôi trong sáu nẻo luân hồi.

Gã cùng tử bỏ cha trốn đi, 50 năm làm thuê mướn, sống thật khổ sở, nói lên tâm trạng các vị Thánh chúng rơi vào trần ai. Sống với huyễn vọng trải 50 năm ở trong ngũ thú, thay hình đổi dạng không biết bao lần. Và nay kẹt cứng với ngũ ấm thân, nhưng tâm niệm cầu giải thoát không mất. Họ theo tu học với ngoại đạo khổ cực, kết quả chẳng được bao nhiêu. Trong thời gian dài, họ bị giới cấm thủ buộc chặt, tâm vướng mắc trong tà pháp, trở thành đoạn trí. Tuy nhiên, nhờ căn lành đời trước, họ nhớ lại man mán, dù không gặp Phật, vẫn có chí hướng thượng đi tìm đạo. Đây là ý thứ nhất đối với việc bỏ cha trốn đi của hàng Thánh chúng.

Tuy nhiên, theo kiến giải của Đại thừa, việc bỏ cha trốn đi mang ý nghĩa rộng hơn, nhằm chỉ cho mọi người hiện hữu trên cuộc đời. Nếu nhìn tất cả dưới dạng bản thể, đều hoàn toàn giống nhau, nguyên tố tạo hình giống nhau. Nhưng từ bản thể giới khởi lên hiện tượng giới, mang hình dáng và và tâm trạng khác nhau, tùy theo nghiệp cảm.

Không riêng gì bốn vị La hán, chúng ta đều có Phật tánh hay chơn tánh. Chúng ta tự rời bỏ bản vị thanh tịnh của mình, lăn vào sanh tử, nhận lầm khổ đau là hạnh phúc, từ đó phiêu trầm trong sanh tử. Nếu hành giả lắng tâm suy tư, sẽ nhận rõ được chẳng những nhiều đời bỏ cha trốn đi. Thậm chí trong một ngày, chúng ta đã rời bỏ chơn tâm, chạy theo vọng trần vô số lần. Bỏ Phật trốn đi cả trăm lần, xa rời bản tánh thanh tịnh, xa rời Đức Phật thường trú bất sanh bất diệt ở trong tâm chúng ta.

Từ bất sanh bất diệt hiện lên sống với sanh diệt, càng lăn lóc trong sanh diệt càng triền miên đau khổ với bao điều bất như ý. Vì chúng ta giải quyết việc trong sanh tử,

dù có giải quyết thế nào cũng chẳng khác gì giải quyết trong chiêm bao. Thật vậy, chúng ta hiện hữu trên cuộc đời, tìm đáp số cho mọi vấn đề theo phán đoán của căn trần thức, thì khi nhắm mắt lìa đời, phần sắc chất của thân ngũ uẩn mất đi. Phần thọ, tưởng, hành, đương nhiên mất theo. Chỉ còn lại phần thức, là hồn ma bóng quế. Nhưng sau 49 ngày, thức cũng tan biến vì thiếu sức nuôi dưỡng. Nếu người thế gian còn nghĩ đến, liên hệ với nó, thức sẽ sống lâu hơn thành quỷ. Thức không phải là chơn tánh. Khi mang thân phàm phu, chúng ta sống luân chuyển xoay vần, không vượt ra ngoài thân ngũ uẩn. Chết chỉ còn mang theo nghiệp thức đi thọ báo.

Như vậy, từ vô thỉ đến nay, chúng ta sống lẩn quẩn, trong mỗi đời nuôi thức cho lớn thêm, làm hành trang đem theo qua kiếp sau. Mỗi lần tái sanh mang thêm khổ mới. Cứ như vậy lang thang nhiều kiếp trong sanh tử. Và cuối cùng, các vị này tu hành theo ngoại đạo. Nhưng cuộc đời họ cũng không khá hơn. Trở về với thân phận của chúng ta, có bao giờ quý vị nghĩ rằng trước kia mình đã từng ở trong pháp hội các đức Như Lai hay không ?

Đức Phật dạy rằng sanh làm người khó, gặp Phật pháp khó, hiểu Phật pháp càng khó và sống trong pháp Như Lai càng khó hơn nữa. Quý vị đã được hai điều khó có và giờ đây trong khi bao nhiêu người còn mãi bôn ba với lợi danh, quý vị bằng tất cả nhiệt tình đến nghe pháp. Điều này chứng tỏ giữa chúng ta và Đức Phật đã có mối liên hệ sâu xa. Những lúc lắng lòng, thấy nhiều kiếp quá khứ chúng ta đã từng xuất gia. Nhưng vì vô số lý do, ta đã từ bỏ đạo để đi vào sanh tử, trở lại mang thân người đau khổ. Tuy đau khổ mà hột giống bồ đề vẫn còn âm ỉ, nên có sức thu hút quý vị trở về chùa tu tập nghe pháp.

Riêng tôi, trên bước đường tu, thường luôn an trụ trong pháp, vui sống với lý tưởng Phật dạy. Còn những người bạn đồng hành với tôi, tuy thân sống trong chùa mà tâm buồn chán. Ở trong chốn giải thoát, không hưởng được pháp nhũ Như Lai. Vì vô minh vọng động che lấp, bỏ áo Phật ra đi, biến đổi cuộc đời mình thành xấu, làm thuê mướn thật khổ sở, chẳng khác gì gã cùng tử.

Từ kinh nghiệm thực tế cuộc sống, nhìn vào pháp giới, thấy những người có cảm tình với đạo Phật, chúng ta biết họ đã tu trong kiếp quá khứ. Nhờ nhân duyên căn lành này, đưa họ trở về đạo. Nhân duyên mỗi người đến với đạo khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn những người cùng đường tuyệt mạng, mới đến với Phật. Vì bao lâu còn hy vọng phấn đấu với cuộc đời, thì họ còn ra sức phấn đấu, vui vẻ dạo chơi trong sanh tử.

Về phần tôi, thuở bé, mới 6 tuổi đã biết chán đời kinh khủng. Ý niệm chết luôn ám ảnh tôi. Xuất gia đến với Phật, tôi chỉ cầu bất tử. Mang tâm niệm quyết lòng tìm cuộc sống trường cửu có ý nghĩa, ở chùa, tôi tiếp nhận được đời sống bình ổn kỳ diệu trong pháp Phật. Tâm trạng tôi không khác gì tâm trạng cùng tử của Ngài Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Mục Kiền Liên, lang thang cầu đạo khắp nơi, mỏi gối chồn chân, chỉ gặp tà sư ác hữu, chẳng được gì đáng kể.

Sau cùng, các Ngài dừng chân phiêu bạt dưới bóng mát an lành của Đức Thế Tôn, tìm được cái thường hằng bất biến vượt ngoài sanh tử và ôm chiếc phao Phật pháp này mặc cho dòng đời trôi. Đến với đạo bằng tư cách Bồ tát mang tâm lượng đại bi cứu khổ chúng sanh như Duy Ma, Văn Thù hay Quan Âm Bồ tát có vô số phương tiện, thừa sức giáo hóa chúng sanh. Chắc chắn khác với tư

cách cùng tử của Thanh văn hay thân phận thấp kém của tôi. Thuở mới tu, tôi chỉ nghĩ đến cứu bản thân mình, không lo cứu người. Suốt quá trình hơn 20 năm, tôi ít tiếp xúc với người ngoài, một lòng chuyên ẩn mình tu học.

Tuy cùng tử bỏ cha, nhưng người cha vẫn nhớ con, chạy đi tìm, ví cho Đức Phật ở thế giới thanh tịnh đẹp đẽ Thật báo trang nghiêm. Vì thương chúng sanh, Ngài trở lại thế giới Ta bà, mang thân phàm phu giống mọi người. Người cha tìm con không gặp, liền ở lại một thành. Ông vốn là người thông minh và có sẵn vốn liếng; chỉ ít lâu sau, ông trở thành giàu có. Cũng như Đức Phật, với phước đức tu tạo, tích lũy từ vô lượng kiếp mà hiện thân con người phàm. Chỉ trong một thời gian ngắn, Ngài đã đạt được quả vị Vô thượng giác. Sự nghiệp lớn lao của trưởng giả thâu phát của cải, ngầm chỉ cho lực của Thích Ca Như Lai liên hệ được với mười phương chư Phật và vô số Bồ tát, tạo thành Hoa Tạng thế giới tràn đầy của báu.

Qua một thời gian dài cực khổ lang thang sinh sống, người con tình cờ đến chỗ cha ở. Nghĩa là lao đầu vào sanh tử, sống lâu trong đó thành quen, tưởng mình là người sanh tử đánh mất bản tâm. Bất chợt trở lại vị trí xưa của mình ở giải thoát môn, thấy mình hoàn toàn khác, không nhận ra được nên sanh hoảng sợ ngất xỉu.

Hình ảnh người con ngẫu nhiên gặp cha trên bước đường tha phương cầu thực cũng nói lên giai đoạn các trưởng lão tu chứng đắc tứ thiền. Bỗng nhiên thấy được thế giới Thật báo của Đức Phật và Ngài đang thuyết kinh Hoa Nghiêm. Các vị này gặp Phật tràn đầy uy đức trong Tỳ Lô Giá Na lâu các của hội Hoa Nghiêm với vô số Bồ tát thần thông biến hóa không lường, nên cảm thấy khiếp sợ, không khác gã cùng tử gặp trưởng giả ngồi tòa sư tử có

lọng báu, người hầu. Đến đây nói lên sự khác biệt lớn lao giữa quả vị chứng đắc của ngoại đạo và Phật đạo.

Trước kia, ngoại đạo dạy họ muốn đắc quả phải ép thân xác tu khổ hạnh. Nay bước vào thế giới Thật Báo của Như Lai thấy hoàn toàn khác. Như Lai không mang thân ốm yếu nghèo khổ. Ngài có thân biến hóa không cùng, đầy đủ phước đức trí tuệ. Ngài không phải là người đoạn trí mà là Nhứt thiết chủng trí, biết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, không giống hiểu biết cục bộ của ngoại đạo chưa ra khỏi tam giới. Năng lực của Như Lai làm được tất cả, chuyển được mọi vật theo ý muốn, không phải bỏ tất cả như ngoại đạo để trở thành con người bất lực.

Họ sợ ngất xỉu, vì nghĩ rằng tu chỉ cần phủi sạch mọi việc trần thế là đủ. Nay lạc bước vào thế giới Hoa Nghiêm, nghe Đức Phật dạy Bồ tát rằng muốn tu phải thông tất cả pháp và độ tất cả chúng sanh. Giống như Thiện Tài đồng tử hành đạo tự tại trong những cảnh giới xấu ác, lòng vẫn an nhiên.

Đứng trước cảnh Thật Báo lộng lẫy và hành trang là giáo lý Hoa Nghiêm, các vị Thanh văn giống như gã cùng tử hèn hạ, vội bỏ chạy về xóm nghèo. Ý này ví cho việc các Ngài đã trở lại an trú thế giới tứ thiền.

Trưởng giả thấy biết người này là con, nhưng con không biết cha. Nghĩa là đứng trên bản tánh ở lập trường giác ngộ, Đức Phật nhìn thấy những người đệ tử đáng thương hại, có đủ điều kiện trở thành Như Lai, mà không chấp nhận khả năng giải thoát của mình; lại tự ràng buộc bằng cách sống với vô minh, chấp lấy nhận thức sai lầm của căn trần thức.

Ông trưởng giả biết gã này là con, liền sai người hầu cận đuổi theo bắt. Hay đó là hình ảnh Bồ tát Văn Thù và

Phổ Hiền đem giáo pháp Hoa Nghiêm đến truyền trao. Mới tiếp nhận giáo pháp vô thượng, các Ngài choáng váng ngất xỉu, kêu oan. Vì hàng Thanh văn với ý chí hạ liệt, chẳng những không mong cầu, mà còn kinh sợ giáo lý Đại thừa. Theo Ngài Trí Giả, điểm này tiêu biểu cho thời kỳ đầu, Đức Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm nói về Tỳ Lô Giá Na Pháp thân, tổng hợp giữa trí chân thật và pháp chân thật. Một trạng thái tu chứng quá cao siêu của Đức Như Lai, làm thế nào chúng sanh ở trong sanh tử hiểu được. Ở pháp hội Hoa Nghiêm, Đức Phật độ các Bồ tát mười phương dưới dạng tâm như Văn Thù, Phổ Hiền, Duy Ma đầy đủ tư cách tham dự. Hàng Thanh văn không thể nào bước chân vào cảnh giới tâm chứng giải thoát của Bồ tát.

Trưởng giả sai lấy nước tạt vào mặt gã cùng tử cho tỉnh và thả đi. Ý nói các Thanh văn trở về an trú trong vỏ ốc của cảnh giới tứ thiền, cảm thấy an ổn không dám ra ngoài nữa. Ở cảnh giới bất tư nghì của hội Hoa Nghiêm với hiện hữu của Bồ tát mười phương, Thanh văn không liễu ngộ được. Hay nói cách khác, không có chúng Thanh văn. Đức Phật trở về cuộc sống bình thường của Sa môn, đến Lộc Uyển độ năm anh em Kiều Trần Như thì bắt đầu có đệ tử hữu hình trên cuộc đời.

Để thuận theo pháp tu khổ hạnh đã có trước, Phật cũng mặc áo phấn tảo, mang bình bát đi khất thực, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Ngài sống với hạnh đầu đà, không ai có thể chịu khổ cực hơn Ngài, khiến mọi người khâm phục, tu theo. Trong thời gian này gọi là chuyển pháp luân hai, Phật khai phương tiện môn nói kinh A Hàm, giải thích Tứ Thánh đế, chỉ rõ vô số khổ của con người trên cuộc đời. Mọi người thấy đúng tâm trạng của họ, họ liền chấp nhận dễ dàng. Riêng đối với đại Bồ tát

thâm nhập thế giới giải thoát, thì không gợn chút mảy trần đau khổ.

Kinh nói trưởng giả sai hai người chột mắt và què chân dụ dẫn cùng tử về, nhằm diễn tả pháp tu của Thanh văn, Duyên giác được Phật dạy để tương ứng với tâm trạng và khả năng của hàng nhị thừa. Trong suốt 12 năm triển khai pháp Tứ đế và Thập nhị nhân duyên, Phật độ được 1200 vị đắc quả A la hán và 2000 vị trụ tam Hiền. Ngài đưa ra hai pháp tu cho hàng nhị thừa là Thanh văn, Duyên giác. Kinh ví như hai người tiều tụy, một người chột, một người què. Trước tu theo ngoại đạo khổ cực, chỉ trụ được tứ thiền. Nay về nhà trưởng giả làm việc hèn hạ hốt phân, lại được trả lương gấp đôi. Nghĩa là theo Phật chứng được Niết bàn, hoàn toàn tự tại, không phải trốn cuộc đời, an nhiên sống trong trần thế, không bị phiền lụy chi phối.

Chột mắt chỉ cho pháp tu của hàng trụ định La hán, tin Phật dạy thế nào, làm y theo như vậy. La hán đi khất thực, người nhìn thấy cũng phát tâm thương kính. Nhưng thực chất bên trong của họ không phải là Phật, nhờ mặc áo Phật, làm theo việc của Phật, cũng được giải thoát, tiêu biểu cho hình ảnh Thanh văn đến với Phật. Riêng chúng ta ngày nay, tụng kinh nhưng chưa hiểu nghĩa lý, vẫn cảm thấy an lành thanh thản là tu mò, hay là người chột làm vua trong xứ mù mà vẫn được hưởng lương gấp đôi, so với các pháp tu khác.

Què chân chỉ cho pháp tu của Duyên giác. Họ không tụng niệm, chỉ hướng tâm về thiên nhiên, nhìn non xanh nước biếc, lá rơi, mây bay, suối chảy mà quên đi oi bức cuộc đời, xóa được những suy nghĩ không cần thiết. Nói cách khác, đối với những người có khả năng suy tư,

Phật đưa ra những tiền đề cho họ trụ tâm. Cuối cùng thấy đạo, họ cũng được giải thoát.

Hàng đệ tử của Phật ở trong sanh tử lâu, đã mất bản tâm, cũng phải trở lại cách tu của Thanh văn, Duyên giác là siêng năng dọn sạch phân nhơ cấu uế trong tâm, đạt được ba pháp Không, vô tác, vô nguyện. Nghĩa là đối với tất cả mọi việc trên đời, các Ngài thấy đều là KHÔNG, nên không làm gọi là vô tác và không ham muốn gọi là vô nguyện.

Nhờ trụ ba pháp ấn, các Ngài dọn sạch nghiệp và phiền não, dẹp những pháp hý luận, sống trong thiền định mà quên cuộc đời. Tâm hồn các Ngài được nhẹ nhàng, an tĩnh và thú vị với cuộc sống mới. Từ đó, ngày qua ngày an phận với việc làm như vậy, vì tự nghĩ chỗ an toàn này tốt nhất. Theo Trí Giả đại sư, đây là thời Đức Phật thuyết kinh Bát Nhã 22 năm. Ý này được diễn tả trong kinh bằng hình ảnh cùng tử về sống với trưởng giả, mà vẫn luôn ở am tranh. Bấy giờ trưởng giả cởi chuỗi anh lạc, mặc áo thô rách, đến gần cùng tử, khen hắn ta làm việc giỏi, không giống những người làm công hèn hạ khác. Nghĩa là các vị Thanh văn biết an trú trong giáo pháp Như Lai, sống cuộc đời phạm hạnh, giới đức tinh nghiêm.

Gã cùng tử lần quen việc, bớt sợ, trưởng giả mới sai giữ kho này, quản lý việc kia, không hốt phân nữa. Gã cùng tử bằng lòng với bồn, chậu, gạo, muối được ban thưởng, không dám nghĩ gì hơn. Cũng vậy, các vị Thanh văn tẩy sạch phiền não, tâm hoàn toàn thanh tịnh, vui sướng trụ ở pháp KHÔNG. Và khuyên mọi người tu hạnh Bồ tát, mà lòng các Ngài tuyệt không ham muốn, không làm.

Trên bước đường tu hành, càng tụng phẩm Tín Giải, tôi càng cảm thông sâu sắc tâm trạng gã cùng tử. Thuở nhỏ, xuất gia, tôi rời bỏ chốn quê mùa nghèo khổ, lên chùa tu học. Nhìn thấy chùa đồ sộ nguy nga, cột chùa chạm rồng, tôi khiếp sợ (dĩ nhiên chùa lớn dưới đôi mắt chú bé chỉ ở căn nhà lụp xụp). Thấy đèn bật sáng lên, tôi giật mình, thấy chú điệu nào tôi cũng run. Điều này giúp tôi hiểu rõ tâm trạng cùng tử ngã lăn xuống đất bất tỉnh trước sang giàu của trưởng giả. Hay đó là tâm trạng của tôi lâu ngày sống trong xóm nghèo, nên thấy bất cứ ai và bất cứ cái gì cũng làm cho tôi hoảng sợ. Từ đó, ít nhất tôi tìm ra cách tu của mình là an phận. Vì lâu đời lâu kiếp ở trong sanh tử, nên không mong muốn gì khác hơn, bằng lòng với công việc hốt phân. Tôi không chờ đợi hưởng lương gấp đôi như cùng tử, chỉ nghĩ có một chỗ dung thân trong Saigon và ngày được hai bữa cơm đạm bạc là đủ. Vì thế sống ở bất cứ chùa nào, tôi cũng cảm thấy an lành trong Phật pháp. Tôi dũng mãnh tinh tấn tu hành, khác với các chú điệu cùng sống chung. Trung bình ngoài thời công phu với đại chúng, tôi đều có những thời khóa lạy sám hối riêng, hết lòng làm công quả cho Phật và tự học kinh không hề biết chán. Về sau, tôi mới đắc ý về nghĩa hốt dọn phân nhơ mà Phật dạy và cảm thông với các vị Thanh văn thực tu pháp dọn sạch nhơ uế trong lòng, bỗng ngày nào tâm hồn bừng sáng. Suốt quá trình hơn 20 năm không có thú vui nào ngoài kinh, miệt mài sám hối, đọc tụng kinh điển, tự trầm mình suy tư giáo lý Phật, tâm hồn tôi sáng lần. Tất cả những gì ô uế tích lũy nhiều đời trong tâm dần dần bị xóa sạch. Nhờ đó, trí tuệ phát sanh, cuộc đời tôi đổi khác hoàn toàn, từ sinh hoạt của riêng tôi cho đến cách xử sự của mọi người đối với tôi.

Khi kinh Đại thừa thâm nhập vào lòng, kích thích tôi phát tâm, bắt đầu vào lúc tôi gặp Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu. Từ quyết ý đem thân mình hiến trọn cho đạo, tôi mới thấy khác và lãnh hội được ý nghĩa cùng tử từ nơi am tranh được vào coi sóc trong nhà. Đó là giai đoạn từ năm 1963, đời sống tôi thay đổi, tâm hồn cũng thay đổi. Tôi cảm nghĩ trong vô hình, Đức Như Lai giao phó cho tôi quản lý sự nghiệp. Tôi xông xáo làm Phật sự không mỏi mệt, không buồn phiền, làm những chuyện khó làm, làm những việc người chê bỏ với tất cả tấm lòng sung sướng. Nhận được sự mật tá của Như Lai trong những hoàn cảnh khó khăn, tôi cảm thấy an lành một cách kỳ diệu. Tưởng không sống nổi khi đối đầu với hung ác, nhưng chính người hung ác lại giúp đỡ tôi thoát chết. Sau này tôi cảm nhận được đó chính là Pháp Hoa thủ hộ Thần đã che chở tôi lúc khó khăn hoạn nạn.

Trong quá trình hành đạo, tôi thành tựu Phật sự nhờ may mắn được ở nhà Như Lai, được Như Lai giao cho công việc. Không bao giờ nghĩ lấy của Như Lai nửa xu, tôi vượt mọi thử thách, tạo cho mình cái nhìn tương đối chính xác, gợi nhắc tôi thông hiểu đoạn cuối cùng của phẩm này là Như Lai họp thân tộc tuyên bố giao phó gia tài.

Đối với các vị Thanh văn hiện diện ở hội Pháp Hoa, Đức Phật phú chúc gia tài bằng cách phóng quang mời mười phương chư Phật về dự hội, thọ ký cho các Ngài thành Phật. Riêng đối với cuộc đời tu hành của tôi, tôi lãnh nhận gia tài Đức Phật giao phó kể từ khi tôi du học sang Nhật. Tôi thực sự trưởng thành, không phải làm công hèn hạ như người quản gia, mà tự làm được những việc lớn.

Suốt quá trình từ xuất gia đến phát tâm Đại thừa cho đến ngày nay, tôi vẫn là tôi trong tư thế độc lập và bên

cạnh tôi luôn có Đức Như Lai tạo những thắng duyên thuận cũng như nghịch để tôi tự quyết định cuộc sống của mình thăng hoa trên đường hành đạo. Hay đó là quá trình tu từ Thanh văn chuyển sang Bồ tát, từ quản lý sự nghiệp của Như Lai lòng không chút mong cầu, bỗng nhiên trở thành việc của mình, làm trong tư thế tự tại. Phẩm này nói lên tâm tư của các Thanh văn đắc đạo được Phật thọ ký. Thí dụ gã cùng tử cùng bốn vị trưởng lão nêu lên rất đúng trên cương vị của chúng đương cơ mà quan sát. Tuy nhiên, nếu Phật chấp nhận thí dụ cùng tử thì lòng từ của Ngài chỉ giới hạn cho một tầng lớp xã hội nào hay sao. Vì thế sau phần trình bày của bốn trưởng lão về thí dụ cùng tử, Đức Phật khẳng định đối với tất cả chúng sanh, Ngài đều mang giáo pháp bình đẳng ban cho, đồng dẫn đến bờ giải thoát. Ý này được giải thích rõ hơn trong phẩm Dược Thảo dụ kế tiếp.

Phẩm 5
DƯỢC THẢO DỤ

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Phật khen ngợi Ma Ha Ca Diếp và các đại đệ tử đã khéo nói công đức chân thật của Đức Như Lai. Ngài cho biết dù trải qua vô lượng ức kiếp cũng không thể kể hết công đức của Như Lai. Đức Phật biết rõ các pháp, biết rõ thâm tâm chúng sanh. Mặc dù biết rõ thật tướng, Ngài dùng phương tiện nói pháp. Pháp Phật tuy khác nhau nhưng đều đưa chúng sanh đến nhứt thiết chủng trí.

Thí dụ như một trận mưa đổ xuống, các loài cây cỏ dù lớn hay nhỏ đều tùy sức nó mà hấp thụ nước khác nhau. Tuy cùng ở trên mặt đất, cùng thấm nước mưa, cây cỏ đều đơm hoa kết trái sai khác.

Phật xuất hiện trên đời, nói pháp như vầng mây lớn tuôn nước mưa xuống bao phủ chúng sanh. Giống như cây cỏ, mọi người tùy sức tiếp thu giáo pháp bình đẳng đều được lợi lạc. Pháp Phật còn được ví như ánh sáng mặt trời, mặt trăng bình đẳng chiếu đến mọi nơi làm lợi ích chúng sanh, tùy theo yêu cầu mà thấy sai khác. Ví như một người thợ làm đồ gốm dùng một thứ đất sét, tùy nhu cầu của người tiêu dùng mà chế tạo ra những vật dụng khác nhau.

Cũng vậy, giáo pháp của Phật chỉ có một thừa, vì chúng sanh có căn tánh khác nhau, nên Ngài nói hai hoặc ba thừa sai khác. Tuy sai khác, mà chỉ có một Niết bàn. Và Phật đưa ra thí dụ một người bị mù từ lúc mới sanh. Dù nói thế nào anh cũng không tin hình dáng, màu sắc, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, các vật… May thay có một ông thầy thuốc thương hại anh mù và nghĩ ra cách

chữa trị cho anh. Ông biết trên núi có bốn thứ cỏ thuốc trị được bệnh mù : loại có mùi vị và màu sắc, loại chữa được các bệnh, loại trừ các thuốc độc và loại làm cho an lạc trong mọi hoàn cảnh. Ông liền lên núi lấy về cho anh. Uống xong người mù sáng mắt, thấy được ngoại cảnh và việc xảy ra ở chung quanh anh. Bấy giờ anh tự cho mình là người sáng suốt trên đời, không còn ai hơn.

Lúc ấy một vị tiên chứng được ngũ nhãn đến nói với anh : "Không nên tự mãn, vì anh chưa biết được nhiều. Ngồi ở trong nhà, không thấy bên ngoài, không thể biết người khác thương hay ghét anh. Anh cũng không thể nghe được âm thanh, tiếng người, tiếng vật khi anh không ở gần nó. Được nuôi dưỡng ở trong thai mẹ mà anh không nhớ chút gì về bào thai ấy, như thế anh đừng cho tối là sáng".

Khi nghe tiên nhân nói xong, anh mới vội hỏi : "Thưa Ngài, tôi phải làm gì để được trí tuệ thấy biết tất cả ?". Tiên nhân đáp : "Anh hãy sống nơi thanh vắng, suy tư các pháp và dẹp bỏ dục vọng xấu xa. Khi nào đắc định, anh sẽ thấy biết tất cả". Làm theo lời tiên nhân, anh được ngũ nhãn, anh mới hiểu rằng trước kia anh quả thật là mù, dù đôi mắt đã sáng.

Đức Phật lại bảo Ca Diếp thí dụ Ngài nói cần hiểu rằng mù từ khi mới sanh ra, chỉ cho chúng sanh trôi lăn trong sanh tử luân hồi, không biết pháp chân thật, chất chứa dục vọng xấu xa. Họ mù vì những quan niệm danh, sắc, làm cho đau khổ triền miên. Ngũ nhãn của tiên ông thấy biết sáng suốt chỉ cho Bồ tát làm việc giác ngộ chúng sanh. Vị đại lương y là Đức Như Lai, bốn thứ cỏ thuốc là Không, vô tướng, vô nguyện và Niết bàn.

Thanh văn, Duyên giác giống như người mù vừa mới sáng mắt, vừa mới thoát khỏi sanh tử luân hồi, vừa mới ra khỏi ngục tù tam giới, nên nghĩ như vậy đã hoàn tất rồi. Tuy nhiên, thấy biết của hàng nhị thừa không phải toàn vẹn như Phật. Ngài mới dạy họ tri kiến Như Lai.

II. GIẢI THÍCH

Trong phẩm Tín giải, các đệ tử biểu lộ tâm trạng quyết chí tu hành thoát ly sanh tử. Giống như gã cùng tử quản lý gia tài của Đức Phật, không có ý niệm thâm lạm dù bằng một bữa ăn, nên được Đức Phật tặng cho đại bạch ngưu xa nhất thừa, bỗng nhiên thành giàu có.

Đức Phật e ngại hàng nhị thừa Thanh văn sẽ hiểu lầm Ngài là người phú chúc gia tài, là người ban phước giáng họa. Ngài mới đưa ra phẩm Dược Thảo dụ kế tiếp gợi lên vai trò dẫn đường của Ngài. Ngài không bao giờ cho và không có gì để cho, chỉ đưa ra phương thức giúp mọi người ra khỏi sanh tử. Phẩm này là hạt nhân tư tưởng cho đại chúng tự mình vươn lên cùng đi với Đức Đạo sư đến bảo sở, sẽ được nói rõ hơn trong phẩm Hóa thành dụ.

Trong phẩm Dược Thảo dụ, Đức Phật ví Đức Như Lai xuất hiện trên cuộc đời như vầng mây lớn tuôn mưa xuống. Tất cả cây lớn nhỏ tùy sức hấp thụ nước khác nhau. Ý này trong bản kinh Pháp Hoa chữ Hán của Ngài Cưu Ma La Thập và bản chữ Phạn giống nhau. Tuy nhiên bản chữ Phạn, ngoài phần thí dụ ba cỏ hai cây để chỉ cho sinh hoạt mọi loài trên thế gian, còn có thêm phần thí dụ bốn thứ cỏ thuốc tiêu biểu cho pháp Phật đưa mọi người ra khỏi sanh tử, dụ ánh sáng mặt trời, dụ người thợ làm đồ gốm và dụ người mù từ thuở nhỏ được lương y chữa lành bằng bốn thứ cỏ thuốc.

Nếu căn cứ vào tên phẩm Dược Thảo dụ, chúng ta cũng suy đoán được bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập thiếu sót, vì không có phần nói về thuốc thì không thể gọi là Dược Thảo được.

Đức Phật ví sự hiện hữu của Ngài trên cuộc đời như vầng mây trùm khắp không gian. Một trận mưa xuống, tuy rơi xuống bình đẳng nhưng cây cỏ tùy loại lớn nhỏ hấp thụ nhiều ít khác nhau. Cũng vậy, đức Phật nói pháp không phân biệt thượng, trung, hạ. Vì căn tánh chúng sanh không đồng, nên thấy có sai khác. Sự thật chỉ có duy nhất Phật thừa.

Thuyết thứ nhất cho rằng dụ ba cỏ hai cây tượng trưng cho ngũ thừa. Cỏ nhỏ gồm người, Trời, A tu la. Cỏ bực trung là hạng Thanh văn, Duyên Giác. Cỏ bực thượng là hàng Bồ tát trong nhân gian. Cây nhỏ tiêu biểu cho tất cả Bồ tát trong thế giới Thật Báo của chư Phật và cây lớn là Bồ tát tùng địa dũng xuất ở thế giới Thường Tịch Quang.

Loại cỏ nhỏ khi ta ngắt sạch, nhưng củ còn nằm trong lòng đất, gặp mưa xuống vẫn lên, là cỏ đáng sợ nhất. Tuy ta phiền muộn khó chịu với nó, nhưng đối với đại lương y biết sử dụng chính phiền não đó để chữa bệnh cho ta. Cỏ nhỏ được ví cho trời, người, A tu la thay hình đổi dạng không ngừng. Có phước sanh lên trời hưởng lạc, tâm hồn vui vẻ, thân thể khỏe mạnh, có bạn trung thành, có kho báu dùng không hết và được sự hiểu biết hơn người. Nhưng thiên đường này không an toàn, bị tham lam ghét ganh gieo mầm chiến tranh. Vì vậy họ ước mơ có Đức Phật ra đời để giải tỏa khó khăn. Sự ước mơ này giống như chỉ có cụm mây nhỏ, không đủ điều kiện để mưa xuống; nói cách khác không đủ điều kiện cho Đức Phật xuất thế.

Ngoài chư Thiên, còn có hàng A tu la là quỷ thần. Dù phước báo lớn, nhưng thân tâm không yên vì tràn đầy sân hận, luôn dùng sức mạnh đe dọa chinh phục người khác, cuối cùng sức mạnh đó trở thành đe dọa chính họ. Khi có khủng hoảng cùng cực, hàng A tu la mơ ước Đức Phật xuất hiện mang tình thương đến, ngõ hầu xoa dịu không khí căng thẳng hiếu sát sắp bùng nổ. Ý niệm thiện của A tu la khởi lên liền có một vầng mây lành nổi trên hư không.

Hạng cỏ nhỏ thứ ba là loài người chúng ta bị chư Thiên và A tu la chi phối. Ta sợ cả hai, nên ước mơ Đức Phật xuất hiện che chở. Khi mong ước như vậy, vầng mây thứ ba xuất hiện hay sự mong cầu có một Đức Phật trong loài người.

Kế tiếp cầu nguyện cho Đức Phật ra đời lan rộng đến hàng chân nhân đang trụ thiền định mà vẫn không bình ổn với sự lan tràn đe dọa của ba loại cỏ nhỏ. Tức thì xuất hiện vầng mây thứ tư của hàng đạo sĩ.

Sau cùng những nhà nhân bản đầu tư của cải, sức lực, trí tuệ để xây dựng thế giới an lành cho mọi người, nhưng sức người có giới hạn. Hoặc theo đuổi mục tiêu một thời gian cảm thấy việc làm của họ như xây lâu đài trên cát, họ sanh ra chán nản và ước mơ một đấng Toàn năng xuất hiện để lãnh đạo. Từ đó, vầng mây thứ năm hiện lên.

Năm hạng người này ước mơ, cầu nguyện thì nhân duyên đầy đủ, tạo thành một trận mưa lớn làm tươi mát mọi người. Mưa tiêu biểu cho tâm từ của Đức Phật, Ngài hiện hữu trên cuộc đời đáp ứng đúng lòng mong cầu của cả năm hạng người nói trên.

Thật vậy, các vua đang đánh nhau, Đức Phật đến thuyết pháp giải hòa, những người chưa được độ làm cho

được độ, người chưa an làm cho an. Ba hạng Trời, người, A tu la, tuy còn sanh tử luân hồi, nhưng Đức Phật ra đời, họ cũng bình ổn, cầu phước báu được phước báu, mong an vui được an vui. A tu la tạm ngừng đánh nhau hưởng sự an lạc thái bình. Chư thiên thì được hưởng phước lạc lâu dài.

Ba loại cỏ nhỏ trên nhân gian tùy sức hấp thụ sai biệt, tiếp thu giáo pháp khác nhau. Tuy nhiên, đều chung một gốc phát xuất từ nơi tâm từ bi của Đức Phật. Cỏ bực trung tiêu biểu cho hàng Thanh văn, Duyên giác không màng phú quý lợi danh, chỉ cầu ra khỏi sanh tử. Họ cố gắng tu mọi pháp khổ cực vẫn không bao giờ thoát được ngục tù tam giới. Nay nương theo Phật nghe pháp, tu chứng Niết bàn, thoát ly sanh tử dễ dàng, như Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v…

Hạng người sau cùng, cầu lợi ích cho chúng sanh là Bồ tát trong nhân gian như nhóm Bạt Đà Bà La Bồ tát v.v… Mọi suy tư và việc làm của họ chỉ mong đem phước lạc đến cho mọi người. Tuy nhiên, họ không có đủ khả năng dìu dắt người khác. Nương theo trí tuệ và sự chỉ đạo của Đức Phật, những Bồ tát trong nhân gian thực hiện nhiều việc lợi ích cho chúng sanh dễ dàng hơn tự làm một mình, là cỏ bực thượng.

Mưa xuống, năm hạng Trời, người, A tu la, Thanh văn, Duyên giác đều ân triêm pháp vũ, hưởng lạc giống nhau.

Còn hai hạng người ví như cây nhỏ và cây lớn, tuy không cần Đức Phật ra đời vẫn được lợi ích. Cây nhỏ tiêu biểu cho tất cả Bồ tát trong thế giới Thật Báo của chư Phật. Khi Đức Phật ra đời, những vị này cùng theo làm việc dưới sự chỉ dạy của Ngài. Sau đó, trở lại an trú cảnh giới Niết bàn.

Trong hội Pháp Hoa có đến nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát mười phương tới dự. Các Ngài hành đạo không mỏi mệt dưới sự hộ niệm của Đức Phật. Các Bồ tát xuất thế gian lúc thị hiện trên cuộc đời, mang thân phàm phu, khiến mọi người lầm tưởng là chúng sanh. Ví như cây nhỏ khi còn bé, thấy giống và lẫn lộn với cỏ. Nhưng gặp mưa, cây này vượt lên thành cây lớn, trong khi cỏ muôn đời vẫn là cỏ.

Cây lớn tượng trưng cho Bồ tát tùng địa dũng xuất ở thế giới Thường tịch quang, thị tùng của Pháp thân Phật. Chính các Bồ tát hành đạo ở mười phương cũng không biết sự hiện hữu của các vị Bồ tát này. Đến khi Đức Phật nói pháp chân thật ở hội Pháp Hoa, các Ngài mới xuất hiện. Và Đức Phật dùng thần lực phú chúc cho các Ngài giữ tạng bí yếu Như Lai tồn tại mãi trên thế gian, làm lợi lạc cho chúng hữu tình.

Tuy mưa xuống cứu khổ nhân gian nhưng hai hạng Bồ tát ở Tịnh độ vẫn hưởng lợi ích. Vì Phật ra đời, các Ngài có cơ hội hành đạo và tăng trưởng công đức lành. Tâm Đức Phật bình đẳng chan hòa tất cả loài. Tùy khả năng mà các loài hưởng vị không giống nhau, tựu trung, tất cả đều thỏa lòng mong muốn.

Thuyết thứ hai cho rằng trong sáu đường sanh tử, ba cỏ hai cây chỉ cho nhơn đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, không kể chư thiên. Ba cỏ hai cây tượng trưng cho năm hạng người đến với Đức Phật.

Loại thứ nhất đến với Phật, được giao cho quản lý gia tài mà không thâm lạm chút xíu gì. Đó là hàng Thanh văn hay mẫu người tốt trên cuộc đời không còn tham vọng, chỉ nghĩ đến sống thế nào cho đẹp, được ví như là cỏ nhỏ.

Hạng thứ hai gọi là Duyên giác có phước báu, trí tuệ mang chí cầu tiến, muốn tìm hiểu xem cuộc sống con người là gì, trước khi mang thân này ta như thế nào và sau khi chết ta ra sao. Hạng người này sẵn sàng đánh đổi thân mạng để được pháp thù thắng, được ví như cỏ bực trung.

Hạng người thứ ba là Bồ tát cũng có chí thù thắng. Họ nhìn thấy người chung quanh đau khổ không thể ngồi yên được, phải nghĩ cách cứu khổ.

Cả ba hạng người trên đều là cỏ, ở trong sanh tử không vươn lên được. Vì vậy tam thừa giáo mà Đức Phật dạy cho Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát học trên thế gian để xóa bỏ đau khổ, thực sự cũng không quan trọng; vì cuối cùng không ra khỏi sanh tử được thì đều kết thúc giống nhau bằng cái chết.

Tuy nhiên, có hạng bất tử Đức Phật ví như hai thứ cây. Loại cây thứ nhất chỉ cho Bồ tát mười phương thị tùng Báo thân Phật như Bồ tát Văn Thù, Quan Âm, Dược Vương… Các Ngài đến với Đức Phật bằng độ cảm tâm. Tùy yêu cầu và mục tiêu, các Ngài xuất hiện khắp nơi, ra đi để lại trong lòng người biết bao kính trọng, tiếc thương. Tuy hàng Bồ tát mười phương đóng vai trò quan trọng đã ở ngoài sanh tử mà Đức Phật vẫn còn xem như cây nhỏ.

Chỉ hàng Bồ tát tùng địa dũng xuất đến phẩm thứ 15 xuất hiện mới được Đức Phật xác định giống như cây lớn. Các Bồ tát tùng địa dũng xuất ở ngay cõi Ta bà, mà Bồ tát Văn Thù và Di Lặc hành đạo khắp mười phương cũng không biết các Ngài là ai. Hình ảnh cây cỏ lớn nhỏ gợi cho chúng ta thấy tất cả những gì nằm trong sanh diệt đều phải chịu quy luật của sanh diệt dù là Thanh văn, Duyên giác hay Bồ tát. Riêng hàng Bồ tát vượt ngoài sanh tử là Bồ tát vô sở đắc, hiện hữu ngay trong cuộc đời, ngay

trong tâm người ở khắp mọi nơi, lớn không gì bằng và nhỏ cũng không ai thấy, mới thực sự là Bồ tát lớn.

Ba cỏ hai cây nhờ hấp thụ nước, trở thành lớn mạnh. Nghĩa là chúng ta ở nhân gian nương tam thừa giáo tu, trở thành người giải thoát, hiểu biết, làm lợi lạc cho đời. Đồng thời nhờ đức Phật xuất hiện, hai hạng Bồ tát bất tử cũng có điều kiện làm Phật sự.

Tóm lại, cả hai lối kiến giải ý nghĩa của ba cỏ hai cây đều đặt trên căn bản từ nhỏ đến lớn, tu theo Phật đều thành Phật. Vì nghiệp lực trình độ mỗi người mà có pháp khác nhau, rồi cuối cùng nương theo pháp sai biệt để đi đến pháp chân thật. Giống như trong cảnh giới Pháp Hoa, Phật phóng quang cho thấy mọi người đều hiểu biết giống nhau, mọi loài thông nhau đến độ không thấy Long Nữ hình rồng.

Đức Phật giới thiệu cho đại chúng việc hành đạo của họ bằng hình ảnh ba cỏ hai cây, còn Ngài là Thích Ca Mâu Ni xuất hiện như vầng mây lớn. Vầng mây lớn này theo yêu cầu của ba cỏ hai cây mà có. Hay nói cách khác, Đức Phật phát xuất từ hiện thực cuộc sống của chúng ta, tâm từ của Ngài khởi lên vì có tâm đau khổ của chúng sanh. Giữa vầng mây lớn và ba cỏ hai cây, giữa vầng mây và bể cả, có sự liên hệ chặt chẽ. Nước bốc hơi thành mây, hay Phật đáp ứng yêu cầu cứu khổ chúng sanh mà hiện thân trên cuộc đời, cũng như sen mọc trong bùn, không thể mọc nơi ghềnh đá. Tùy loại hình và khả năng từng loài tiếp thu giáo pháp lợi ích khác nhau. Đó là ý nghĩa thứ nhất của thí dụ mưa rơi.

Ngoài ra, để hiểu thí dụ mưa rơi cao hơn một nấc, thấy rằng hơi nước bốc lên là mây, nhưng rơi xuống là nước. Điều này nhằm chỉ trên mặt sanh diệt có hai thứ :

mây và nước. Nhưng cả hai cùng ở một thể thống nhất, thăng hoa lên thì thành Phật, mà rớt xuống thành chúng sanh; nói lên pháp nhất thừa của Pháp Hoa, không có Phật riêng và chúng sanh riêng. Chúng sanh và Phật là một.

Đức Phật xác định đến giai đoạn này, hàng đệ tử A la hán mới đủ tuệ nhãn để Ngài nói sự thật rằng gia tài của họ có sẵn trong tay, không phải Phật cho. Ngài không đem cái gì khác mới lạ áp đặt vô cho họ. Ngài chỉ dạy đệ tử phương cách sống và khai thác gia tài sẵn có, để trở thành người trí thức, đạo đức cứu độ chúng sanh.

Khi Đức Phật nói không có tam thừa, Ca Diếp hỏi thêm tại sao Đức Phật lại lập tam thừa. Họ có chứng quả tam thừa thực sự, được những công đức và đã là Thầy trong thiên hạ. Đức Phật liền đưa ra thí dụ mặt trời.

Ánh sáng mặt trời chiếu xuống, tiêu biểu cho trí tuệ của Đức Phật. Khi mặt trời chiếu xuống không phân biệt vật tốt xấu, người thông minh hay ngu dốt, kẻ sang hay người hèn. Pháp Phật cũng vậy, dù giải thích các pháp theo muôn ngàn cách khác nhau, mọi người tiếp nhận đều đăng Thánh vị. Từ người tối tăm không thuộc nổi hai chữ như Bàn Đặc, cho đến Xá Lợi Phất thông minh bậc nhất cũng được chứng quả giải thoát giống nhau.

Đức Phật ví Ngài xuất hiện trên cuộc đời này như mặt trời mọc phương Đông, lặn về phương Tây. Từ lúc bắt đầu mọc đến khi lặn đều hữu ích cho tất cả mọi loài.

Ý nghĩa Như Lai xuất hiện trên cuộc đời như ánh sáng mặt trời được Ngài Hiền Thủ giải thích rằng khi Đức Phật thành Vô thượng giác, Ngài nói kinh Hoa Nghiêm ví như mặt trời mới mọc từ thấp lên cao gọi là nhật xuất tiên

chiếu, chiếu thẳng về thế giới Thật Báo. Chỉ có Bồ tát đại trí tiếp thu được và trở về trợ hóa cho Đức Phật.

Khi mặt trời lên đỉnh cao nhất, chiếu đến tất cả muôn loài, chỉ cho thời gian Đức Phật rời Bồ đề đạo tràng đến Lộc Uyển và bắt đầu đi du hóa khắp nơi. Tùy người, tùy chỗ, Ngài nói các pháp không đồng.

Giáo pháp khác nhau mà Đức Phật giảng dạy trong suốt 49 năm là giáo lý phương tiện tam thừa nói với người trần thế. Khi thì Ngài xỏ kim cho bà lão, khi thì rửa chân cho sư bị hủi… Nói chung, những gì Phật làm cho con người, ghi nhận kiết tập được, đều thuộc giáo pháp phương tiện dành cho ba hạng cỏ. Còn giáo pháp Hoa Nghiêm loài người không hiểu, không chấp nhận được, dành cho Bồ tát vi trần ở ngoài sanh tử.

Đến lúc ánh sáng mặt trời phổ cập đến mọi nơi, gọi là nhật thăng phổ chiếu, chiếu tận hang cùng ngõ hẻm, biểu hiện cho tất cả thành phần xã hội, kể cả những người xấu dở cũng đến với Đức Phật. Bấy giờ chúng ta thấy Phật giáo rất thạnh, nhưng trong thạnh, đã có mầm mống suy vi. Vì Tăng đoàn ở Vương Xá, thực chất tu hành khác xa ở thời Lộc Uyển. Ở Lộc Uyển chỉ có năm Tỳ kheo, nhưng năm người này hoàn toàn thanh tịnh. Trong khi 12.000 Tỳ kheo ở Vương Xá vừa nghe Đức Phật giảng nói chân lý Pháp Hoa, phải tự nỗ lực tu hành Bồ tát đạo, không thể nương tựa Phật mãi, thì có đến 5000 người liền bỏ đi.

Lúc mặt trời xế phương Tây, chỉ cho thời Bát Nhã. Và đến hội Pháp Hoa, Ngài Hiền Thủ gọi là nhật một hoàn chiếu, ánh sáng ở phương Tây chiếu ngược đỉnh cao về phương Đông. Lần này Bồ tát tùng địa dũng xuất xuất hiện, khác với thời Hoa Nghiêm có Bồ tát mười phương

xuất hiện, ví như cây nhỏ. Chỉ đến hội Pháp Hoa mới giới thiệu cây lớn là Bồ tát tùng địa dũng xuất ở ngay nhân gian, ở khắp mọi nơi, ở trong lòng người. Thật là bất tư nghì.

Theo tôi, chúng ta nên nhìn Phật đạo dưới lăng kính Pháp Hoa mà Đức Phật giới thiệu nó tồn tại ở dạng Bồ tát tùng địa dũng xuất, không thấy bằng mắt, không dùng trí phàm suy tư hiểu được, mới nuôi dưỡng mạng mạch của đạo Phật mãnh liệt và lâu dài. Nếu Phật giáo chỉ đánh dấu bằng sinh hoạt đơn giản của con người trần gian, chắc chắn đạo Phật không tồn tại đến ngày nay.

Thật vậy, dù có bao nhiêu trường dạy Phật giáo, bao nhiêu nhà truyền giáo, nhưng học trên văn tự ngữ ngôn, giáo điều, đều trở thành số không, khi phần thực chất của tôn giáo tiềm ẩn bên trong không có. Chính phần nội lực tu chứng ảnh hưởng cho đời mới thực sự cần thiết.

Trên thực tế, chúng ta thấy các vị Tổ sư tỏa sáng chánh pháp trong cuộc sống của các Ngài. Am tranh các Ngài ở trở thành cảnh sống kỳ diệu, thu hút mọi người đến tu học, tuy đời sống vật chất hẩm hiu cực khổ. Ngược lại, ngày nay nhiều chùa cao Phật lớn cũng chỉ là di tích lịch sử văn hóa, không còn là cơ sở tín ngưỡng; vì thiếu người tu hành xây dựng phần tâm linh.

Tiếp theo, Đức Phật lại cụ thể hóa bằng thí dụ người thợ làm đồ gốm. Đức Phật ví sự hiện hữu của Ngài như một người thợ làm đồ gốm dùng một thứ đất sét, nhưng tùy nhu cầu người đặt hàng tạo nên đủ loại cần dùng. Như cần lợp nhà thì đất biến thành ngói, cần bình đựng nước thì đất sẽ dùng chế tạo bình, thậm chí đến biến làm đồ đựng phẩn uế… Nghĩa là từ loài thấp nhất trong địa ngục cho đến Bồ tát đều nương nhờ pháp vũ của Phật

mà được lợi lạc. Ai tu pháp gì cũng chứng được Nhứt thiết chủng trí. Đối với tất cả pháp được tự tại, thấy được mối tương quan các pháp, biết được tất cả pháp, tùy nhu cầu chế tạo mọi vật không còn chướng ngại. Pháp nhất thừa là pháp làm cho tất cả trở thành con người toàn diện như Phật.

Thực hiện được mục tiêu này mới thấy rõ phiền não là Bồ đề, sanh tử là Niết bàn. Và đến hội Pháp Hoa, Đức Phật mới nói Tịnh độ và Ta Bà chỉ là một. Đức Phật ở thế giới này tu tập thành Vô thượng giác và chúng sanh cũng từ thân con người sống trong thế giới này mà tiến tu. Bỏ thân người ở thế giới Ta bà để đi tìm giác ngộ giải thoát chỉ luống công vô ích.

Đức Phật ở bên cạnh chúng ta hộ niệm dìu dắt, nhưng chúng ta không thấy Ngài; vì chúng ta là những người mù bị vô minh che lấp. Hàng ngoại đạo tranh luận nhau, cũng chỉ là người mù trong tam giới. Bấy giờ có một vị lương y đi tìm bốn thứ cỏ thuốc hòa hợp với nhau cho người mù đắp mắt và uống, mắt liền sáng ra.

Vị lương y tượng trưng cho Đức Phật. Ngài biến chế thuốc trị những bệnh căn có từ nhiều đời. Thuốc này là pháp tu cho Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Trước kia, Ngài nói dụ ba xe, nhưng chúng hội không hiểu vì thực tế họ đang bệnh. Nay nhờ sử dụng bốn thứ thuốc Tứ diệu đế liền sáng mắt, huệ nhãn sanh ra, thấy sự vật dưới dạng nguyên thể của nó, chứng đắc quả vị La hán.

Nhưng nếu bằng lòng với pháp chứng đắc và an trú Niết bàn, không chịu tiến lên, Đức Phật phải phá pháp Tiểu thừa, để quy về Đại thừa. Bằng cách Ngài hiển thần lực chư Phật, tạo những diệu dụng ngoài tầm hiểu biết của

Thanh văn, Duyên giác nhằm gợi ý cho họ phát tâm Bồ đề.

Bước sang giai đoạn hai, hành Bồ tát đạo, xả thân vào đời, thể nhập tất cả pháp của Bồ tát, các Ngài mới thấy chính xác và chứng pháp nhãn. Quan sát bằng pháp nhãn vẫn thấy pháp và tâm tách rời riêng biệt. Tiến đến giai đoạn chứng được Phật huệ, tất cả pháp đều dung thông và kết hợp với tâm nên pháp và tâm chỉ là một.

Dụ mưa rơi để ba cỏ hai cây tăng trưởng sức sống, nói lên lòng từ bi của Đức Phật. Và dụ ánh sáng mặt trời chỉ cho trí tuệ của Đức Phật. Hai phần này kết hợp lại, vẽ ra cho chúng ta hình dung được Báo thân Phật. Dụ thợ làm đồ gốm và lương y tìm cỏ thuốc tiêu biểu cho sự kết hợp sanh thân và Pháp thân thường trú bất sanh bất diệt. Với đầy đủ bốn thí dụ này, chúng ta dễ dàng nhận lãnh được ý nghĩa của phẩm Dược Thảo dụ hơn là chỉ nêu thí dụ ba cỏ hai cây như trong bản kinh Pháp Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập. Khi đức Phật giảng đến đây, bốn trưởng lão tỏ ngộ được yếu chỉ của Phật và phát tâm tu hạnh Bồ tát, được tuần tự thọ ký thành Phật trong phẩm kế tiếp. Các Ngài không thể an trụ quả vị Thanh văn và ôm giữ mãi chiếc bình nhỏ bé đã biến chế, mà phải trở thành người biến chế được mọi sở cầu sở nguyện của chúng sanh trong mười phương như chư Phật đã làm vậy.

Phẩm 6

THỌ KÝ

I. LƯỢC VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng : "Ma Ha Ca Diếp trong đời vị lai sẽ phụng thờ, cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen, giảng nói vô số giáo pháp của 300 muôn ức Phật. Và ở thân sau cùng sẽ thành Phật hiệu là Quang Minh, nước tên Quang Đức, kiếp tên Đại Trang Nghiêm. Đức Phật Quang Minh thọ 12 tiểu kiếp, chánh pháp trụ thế 20 tiểu kiếp, tượng pháp cũng vậy.

"Thế giới Phật Quang Minh tốt đẹp, không có gai góc, đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng, dây vàng giăng bên đường, hoa báu rải khắp nơi và mọi chỗ đều trong sạch. Trong nước đó, Bồ tát và Thanh văn đông vô số. Tuy có ma và dân ma nhưng họ không làm việc xấu ác mà chỉ hộ trì Phật pháp".

Khi Phật nói xong, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên đều chắp tay bạch Phật rằng : "Nếu Ngài thấu hiểu thâm tâm chúng con, xin Ngài thọ ký cho chúng con. Chúng con như kẻ đói được cho ăn, mà chưa dám ăn. Dù Phật đã nói tất cả sẽ thành Phật, nhưng chưa được Ngài thọ ký, lòng chúng con vẫn còn lo sợ nghi ngờ".

Đức Phật biết tâm niệm của các vị đại đệ tử này liền nói với Tu Bồ Đề : "Trong tương lai, Tu Bồ Đề sẽ phụng thờ, cúng dường các Đức Phật, tu hạnh thanh tịnh, đủ đạo Bồ tát. Và ở thân cuối cùng sẽ thành Phật hiệu Danh Tướng Như Lai, Ứng cúng Chánh đẳng giác. Thế giới cũng tốt

đẹp như thế giới của Phật Quang Minh. Đức Phật Danh Tướng thọ 12 tiểu kiếp, chánh pháp và tượng pháp đều trụ 20 tiểu kiếp".

Tiếp theo, Đức Phật thọ ký cho Ngài Ca Chiên Diên trong tương lai thành Phật hiệu Diêm Phù Na Đề Kim Quang, sau khi ông cúng dường Phật, xây dựng và cúng dường tháp miếu đầy đủ đạo hạnh Bồ tát. Đức Phật thọ 12 tiểu kiếp. Thế giới trang nghiêm thanh tịnh như hai vị trên.

Và sau cùng Ngài Mục Kiền Liên cũng được Phật thọ ký. Trong tương lai, trải qua quá trình cúng dường chư Phật và xây dựng tháp miếu sẽ thành Phật hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng giác. Kiếp tên Hỷ Mãn, nước tên Ý Lạc. Đức Phật thọ 24 tiểu kiếp, chánh pháp và tượng pháp đều trụ ở đời 40 tiểu kiếp. Thế giới cũng trang nghiêm như các vị trên.

II. GIẢI THÍCH

Trong phẩm Thí dụ, Đức Phật đã thọ ký cho Xá Lợi Phất là người trí tuệ bậc nhất nhưng chỉ thọ 12 tiểu kiếp. Trong khi các vị La hán kế tiếp và những hàng đệ tử đang tu học là những người chưa đắc A la hán lại được thọ vô lượng kiếp. Tại sao quả báo của những người được thọ ký trước nhỏ hơn những người sau ?

Chúng ta nhớ lại trong phẩm Phương Tiện, Đức Phật dạy những gì Ngài nói và làm trên cuộc đời mà chúng ta nhìn thấy được, không phải chân thật. Tất cả đều là phương tiện độ chúng sanh rời bỏ tâm chấp trước để tiến tới Vô thượng giác. Với trí tuệ của bậc Chánh biến tri, Đức Phật nói pháp tương ưng với tâm niệm chúng hội. Trước khi Ngài nói kinh Pháp Hoa, chỉ có Bồ tát được thọ ký

thành Phật. Vì Bồ tát được xem như người từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được pháp phần Phật, mới đủ tư cách và khả năng thành Phật.

Đức Phật dùng phương tiện xác định sự bình đẳng của mọi người khi nước mắt cùng mặn, máu cùng đỏ. Vì đột nhiên, nếu Ngài dẹp bỏ hoàn toàn bộ luật cay nghiệt phân chia giai cấp và quyền tập ấm có từ lâu đời, mọi người khó chấp nhận nghe theo. Đức Phật là bậc thấy đúng, nói đúng lúc, đúng chỗ, Vì vậy, đối trước quan niệm nặng về thừa kế theo huyết thống "con vua mới được làm vua", Ngài thuận theo pháp thế gian dạy rằng chỉ có Bồ tát sẽ thành Phật. Còn Thanh văn không phải Phật tử, không thọ ký cho Thanh văn thành Phật được, giống như con của dòng họ thường dân không làm vua được.

Vì thế lần đầu tiên Đức Phật thọ ký cho Bồ tát và duy nhất chỉ có Bồ tát Di Lặc thành Phật, vì con vua thì chỉ có một người được làm vua. Các Bồ tát là con đấng Pháp vương và Bồ tát Di Lặc giống Phật, gần Phật nhất vì thừa kế tâm từ của Đức Phật Thích Ca. Ngài ở đúng vị trí của Phật Thích Ca nơi Đâu Suất nội viện, làm đúng việc của Phật Thích Ca làm, nhập được từ tâm tam muội, phổ cập lợi ích tất cả muôn loài. Ngài được chọn lựa và thọ ký thành Phật là điều tất yếu, không gây thắc mắc nghi ngờ.

Ở giai đoạn trình độ chúng hội còn thấp, Đức Phật chỉ giới thiệu Bồ tát Di Lặc là người thừa kế mà hàng Thanh văn không hề biết. Nhưng đến thời giáo hóa chuyển từ Tiểu sang Đại của kinh Duy Ma, vấn đề thọ ký được hiểu sâu sắc hơn dưới dạng khác.

Duy Ma chất vấn Di Lặc được đức Phật thọ ký một đời thành Phật, một đời này là đời nào ? Theo Duy Ma, một đời đối với quan niệm thế gian là một lần sanh, một

lần chết. Nếu thọ ký thành Phật chỉ có như vậy, Duy Ma chẳng mong được thọ ký.

Thọ ký một đời là đời trên sanh diệt hay pháp tánh ? Trên sanh diệt môn luôn biến đổi, có gì đáng cho hành giả xuất trần quan tâm, nên thọ ký trên dạng sanh diệt trở thành vô nghĩa. Nói cách khác, làm Phật ở thế giới sanh diệt, Duy Ma không muốn làm.

Trái lại, đứng trên bất sanh bất diệt thọ ký thì cần gì thọ ký. Vì bản thể vốn vô sanh, bản lai diện mục của ta từ nghìn xưa cho đến ngày nay và mãi đến nghìn sau không thay đổi. Ở trên pháp tánh thì Duy Ma, Di Lặc, Thích Ca và tất cả mọi người đều là Phật.

Từ thắc mắc gợi ý của Duy Ma, trước khi Niết bàn, Đức Phật thọ ký ở hội Pháp Hoa để giải quyết vấn đề tồn tại cho hàng trí thức. Vì vậy vấn đề thọ ký có ba cấp.

Cấp thứ nhất xác định chỉ có Di Lặc làm Phật, điều này biểu hiện rõ nét Đức Phật ứng theo pháp thế gian và tâm lượng con người bấy giờ mà nói.

Đến hội Pháp Hoa Đức Phật quán thấy đã đúng thời tiết nhân duyên nói lên sự thật rằng hàng Thanh văn cũng thành Phật. Và Ngài chọn Xá Lợi Phất là bậc thượng thủ trong đại chúng để thọ ký. Vì Xá Lợi Phất tu tập thiền định, hạ thủ công phu phá vỡ được cái vỏ phân biệt dày đặc từ bao đời của ý thức trên hiện tượng giới, thấy được Ngài cũng như Di Lặc, Phật và chúng sanh đồng một thể nên xứng đáng được hưởng sự bình đẳng thọ ký.

Khi quan sát tâm trạng đại chúng nửa mừng nửa sợ trước việc Xá Lợi Phất được thọ ký, Đức Phật biết được họ có chiều hướng tiến bộ, có khởi lên ý niệm hy vọng làm Phật. Khác với trước kia, họ nghĩ rằng được làm dân trong nước Phật đã quá đủ hay an phận với quả vị La hán trọn

yên lành rồi, không ước mơ gì hơn và cũng không dám mong thành Phật. Đức Phật tiếp tục thọ ký cho bốn vị thượng thủ đầy đủ oai đức Ca Diếp, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề, Mục Kiền Liên và các vị Thanh văn khác.

Đến thọ ký ở mức độ thứ ba, dành cho tất cả hành giả sau khi Đức Phật diệt độ, được Ngài xác định trong phẩm thứ 10 rằng những người đời sau nghe kinh Pháp Hoa một bài kệ một câu cho đến một niệm tùy hỷ, Ngài đều thọ ký. Tất nhiên chúng ta là người nhận lãnh sự thọ ký ở dạng này.

Đến đây vấn đề thọ ký Duy Ma thắc mắc đã được giải quyết. Thọ ký ở pháp tánh mới là thọ ký thực. Lặn sâu vào pháp tánh ai cũng thành Phật. Trên pháp tánh, ta là Phật đã thành, nhưng ở trên pháp tướng ta là Phật sẽ thành. Nhận sự thọ ký là nhận ở bản thể, nhưng tu hành trên phương tiện. Vì vậy hành giả phát tâm bồ đề phải phát từ bản thể và từ bản thể hiện lên nhân gian sanh diệt hành đạo.

Dung hòa được cả hai mặt này, hành giả mới thấy chân lý, mới thành Phật. Ý này được Duy Nhiên thiền sư diễn tả trong bài Sám Quy Mạng "Bất xả pháp giới, biến nhập trần lao". Nghĩa là hiện hữu trên cuộc đời nhưng tâm không rời bản thể, làm mọi việc đều vì lợi ích tha nhân. Như đức Phật Thích Ca giáo hóa tùy người, tùy chỗ, tùy thời để khơi dậy tâm bồ đề cho người. Nhờ tâm luôn sống với pháp tánh, sống trong tình thương của Đức Phật, dù có biến cố gì xảy ra cũng không chi phối tâm hành giả. Đạt được như vậy, hành giả mới đủ sức làm đạo trong cõi Ta Bà ác trược này.

Trở lại vấn đề một cách chi tiết hơn, tại sao Đức Phật không thọ ký cho hàng Thanh văn ? Chúng ta thường nghĩ

Đức Phật thọ ký nghĩa là gia hộ cho người đó và Ngài sẽ rước lên Niết bàn.

Theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy, Đức Phật là vị đại Đạo sư tìm ra chân lý, mang nếp sống lý tưởng này dạy chúng ta. Chúng ta muốn thành Phật phải đi theo lộ trình Ngài đã đi, làm những việc Ngài đã làm. Từ đó, Phật giáo Đại thừa căn cứ vào lời Phật dạy đào tạo con người vô ngã vị tha, xây dựng đất nước trù phú an vui cho đến bằng với Phật, cùng sống trong Phật quốc thanh tịnh. Điều này khác với tinh thần yếm thế tiêu cực của Thanh văn, xa lánh cuộc đời, không nghĩ tới sinh hoạt xã hội.

Vì thế, dưới nhãn quan của Đại thừa, Thanh văn là người tiêu nha bại chủng, nghĩa là hạt giống chết nên không lên cây. Nói cách khác, hàng Nhị thừa không được làm Phật, vì họ không có ý muốn làm Phật, ví như ông thầy thuốc giỏi cũng không thể nào cứu được người muốn chết.

Trong khi Bồ tát hiện tại chưa thành Phật, nhưng tương lai sẽ thành Phật. Vì đời đời kiếp kiếp các Ngài nuôi dưỡng ước vọng thành Phật một cách nhiệt tình và thể hiện ý chí đó bằng cách tích cực nhập thế, đem hết khả năng xây dựng cho mình và tha nhân cùng thăng hoa.

Tuy nhiên, đến khi nhận thấy hàng Thanh văn từ bỏ tâm Tiểu thừa, hướng về Đại thừa, phát tâm bồ đề, Đức Phật mới dạy phương cách làm Phật. Bốn vị Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên và Tu Bồ Đề tiêu biểu cho hàng Thanh văn hồi tâm phản tỉnh, cảm nhận được tam thừa mà Đức Phật trao cho, chỉ nhằm mục tiêu duy nhất dìu dắt những người khổ trong tam giới ra khỏi sanh tử đến Niết bàn. Và Niết bàn này chỉ là Niết Bàn tạm. Vì bỏ thực tế không dính líu cuộc đời, đời sẽ để ta yên, bình yên này

có tính cách giả tạm. Đức Phật dạy muốn xây dựng con đường an lành vĩnh cửu, hành giả không thể đi ngoài lộ trình Bồ tát đạo.

Đức Phật xét thấy nhận thức của đệ tử Thanh văn hiện nay khác với tâm niệm chán đời khi còn ở Lộc Uyển hay thành Xá Vệ. Vì các Ngài đã qua quá trình 20 năm gạn lọc tâm. Tâm hồn bình ổn, tích lũy ít nhiều công đức, bắt đầu hiểu Phật, gần Phật, muốn làm theo Phật, hướng thượng cầu Bồ đề. Bấy giờ Đức Phật mới dìu dắt chúng Thanh văn đi lên, vẽ ra con đường tiếp cận giáo hóa chúng sanh, hành Bồ tát đạo để thành Phật và thọ ký cho các Ngài.

Thiên Thai Trí Giả gọi phần này là Nhị thừa đắc ký. Trước kia hàng Thanh văn chưa phát tâm bồ đề, không muốn thành Phật. Hay họ chưa có tâm thương chúng sanh, chưa hề nghĩ đến giáo hóa chúng sanh, huống chi là làm công việc giáo hóa.

Tất cả tâm niệm này của Thanh văn không tương ưng với lòng từ bi bao la và công hạnh xả kỷ vị tha của đức Thế Tôn. Làm thế nào Ngài thọ ký cho Thanh văn được. Tuy nhiên, Đức Phật dạy rằng mặc dù tu hạnh Thanh văn, kỳ thực là nhân Bồ tát. Vì nếu không có Phật ra đời, các vị này là Thanh văn không có tâm hướng thượng. Nhưng dưới sự chỉ dạy của Đức Phật, hạnh Thanh văn của các Ngài biến thành Bồ tát hạnh.

Thật vậy, hình dáng và cuộc sống của Thanh văn giống như Đức Phật, gợi cho người nhìn thấy tưởng nghĩ đến Phật và trở về quy y với Phật. Như vậy, Thanh văn tuy mang tâm niệm tiêu cực vẫn gián tiếp đóng vai trò giáo hóa chúng sanh như Bồ tát.

Sự thật, hành giả theo Phật nghe pháp, thâm nhập và sống với pháp được, đương nhiên giữa hành giả và Phật có mối liên hệ sâu xa. Cho nên nghe, học, sống với pháp Phật, tất yếu phải thành Phật. Pháp Thanh văn, Duyên giác chỉ là phương tiện giáo hóa của Phật mà thôi.

Điều kiện thành Phật của bốn vị đại đệ tử Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên và Tu Bồ Đề cùng 500 A La Hán giống như của Xá Lợi Phất trước đây, nhưng không đồng với chúng ta. Vì các Ngài đi theo đường vòng qua ba a tăng kỳ kiếp mới đắc đạo.

Giai đoạn một, các Ngài tu Thanh văn chứng quả vị La hán, ra khỏi nhà lửa tam giới. Ví như giai đoạn chúng ta học xong rời khỏi nhà trường.

Giai đoạn hai, phát tâm bồ đề, tập sự làm việc và đến giai đoạn chính thức hành Bồ tát đạo. Người tu Tiểu thừa phải qua ba a tăng kỳ kiếp dài nhưng dễ hơn chúng ta. Vì chúng ta là người đi tắt, không qua hai giai đoạn trước, tuy nhanh nhưng có phần khó khăn.

Chúng ta đi thẳng vào hạnh Bồ tát, nên cùng một lúc làm hai việc, vừa phá vô minh, vừa chứng Pháp thân. Ví như người vừa làm việc vừa đi học, phải vất vả hơn người chỉ chuyên đi học. Trong khi Thanh văn nội giới hoàn toàn thanh tịnh, phiền não đã dứt sạch, không còn sanh tử luân hồi, trí tuệ đã phát sanh. Hoàn cảnh và các loài không còn chi phối được họ, nên khi hành Bồ tát đạo, thân tâm các Ngài hoàn toàn thanh tịnh.

Tuy nhiên, chúng ta hành đạo nương nhờ công đức kinh và sự hộ niệm của chư Phật, chư Bồ tát mới làm được những việc bất khả tư nghì. Nếu không nương công đức kinh và thần lực của chư Phật, chư Bồ tát, chúng ta cũng

như người bị Tiểu thừa chỉ trích chưa biết bơi mà muốn cứu người chết đuối.

Mặc dù chưa biết bơi, nhưng người hành Bồ tát đạo, ví như người có thuyền của Phật và Bồ tát cho mượn, có thể đi sang bờ bên kia không nhọc sức. Hành giả thọ trì kinh Pháp Hoa cũng như kinh Di Đà, là những người nguyện nương theo thần lực của chư Phật. Vì phàm phu muốn đi tắt lộ trình Bồ tát, để thành Phật, cần phải nhờ sự hộ niệm che chở của chư Phật và Bồ tát mười phương. Đó cũng chính là hạnh nguyện của các Ngài.

Đức Phật hộ niệm cho hành giả Pháp Hoa sau khi Ngài diệt độ. Vì Ngài biết rõ trong đời mạt pháp, người hung dữ nhiều vô số. Họ không từ chối một thủ đoạn xấu ác nào, gây khó khăn chướng ngại cho hành giả Pháp Hoa trên bước đường tu không ít.

Tuy nhiên, điều kiện chính yếu muốn được Phật hộ niệm, hành giả phải có căn lành. Nghĩa là tâm niệm tốt và việc làm thánh thiện lợi ích của hành giả trên cuộc đời. Thiếu căn lành, không khác chi thiếu ngọn đèn chánh pháp soi sáng, hành giả không thể nào đến với Phật được.

Nhưng căn lành quá nhỏ, trong khi nghiệp ác quá lớn, Đức Phật cũng không thể cứu được. Như câu chuyện anh học trò trên đường đến trường thi, đã cứu một con nhện thoát chết. Khi anh đọa địa ngục vì tạo nhiều tội lỗi hơn là làm phước thiện, đến ngày rằm tháng 7, nương nhờ công đức lực của Ngài Địa Tạng Bồ tát phát nguyện cứu độ bất cứ chúng sanh nào đã có một hành động thiện dù nhỏ bằng cây kim. Anh được con nhện trước kia anh từng cứu sống thòng sợi dây tơ xuống. Anh vội nắm sợi dây để trèo lên và quay lại thấy sau lưng anh bao nhiêu chúng sanh

đau khổ khác cũng đang bám theo dây. Anh co chân đạp họ rớt xuống để lên một mình. Thế là sợi dây nhện này bị cắt đứt và anh học trò lại té xuống theo tâm niệm và hành động ích kỷ của mình.

Câu chuyện hàm chứa triết lý của Phật giáo Đại thừa, để chúng ta suy nghĩ cứu người chính là cứu mình. Nhưng khi lòng tham chúng ta quá lớn, có muốn cứu cũng không được.

Hành giả nuôi lớn căn lành, tạo sự liên hệ giữa Phật và chúng ta, bằng cách tịnh hóa tâm mình. Cố gắng giữ gìn tâm tương ưng với Phật thì cầu nguyện mới có kết quả. Hành giả tập trung tâm tư nguyện vọng để duy trì làn sóng liên lạc giữa hành giả và Phật. Đến khi ra khỏi sanh tử mới được an lành.

Nhờ nhân duyên căn lành làm nhịp cầu nối tiếp với Phật, giúp cho hành giả sống trong Tịnh độ hóa thành. Như vậy, mới tiến tu được trong đời ác, mới sử dụng được pháp phương tiện của Phật, mới không lùi bước nản lòng trước những nguyện lớn phải dấn thân.

Nếu đánh mất sự tương ưng với Phật, vì tâm niệm và việc làm của chúng ta hoàn toàn trái với Phật, chúng ta không thể nào tiếp nhận được sự gia bị, thì ta cũng xác xơ như bướm rụng cánh.

Đức Phật dạy ngay khi Ngài tại thế, còn có người oán ghét kinh Pháp Hoa, huống là sau khi Ngài diệt độ. Vì vậy nhân duyên căn lành là điều kiện cần thiết dùng để bổ túc cho năm pháp tu phương tiện của chúng ta ngày nay là thọ trì, đọc, tụng, biên chép, giảng nói.

Tuy chưa phải là Phật, nhưng tác dụng của hành giả giống như Phật. Ví như Đức Phật là đài phát thanh, hành giả có radio nên bắt được làn sóng điện và âm thanh của

Phật, làm cho chánh pháp còn mãi trên thế gian, lợi lạc chúng hữu tình.

Thọ ký hiểu theo chúng ta ngày nay là tiên đoán vận mạng con người. Nhưng chúng ta đừng lầm với tiên đoán của thầy bói. Thọ ký của Phật giống như sự bảo nhiệm của giáo sư đối với nghiên cứu sinh. Ông thầy có thực tài nhìn thấy khả năng của học trò và tiên đoán họ sẽ bảo vệ được luận án hay không.

Đức Phật thọ ký cho Thanh văn thành Phật được, vì Ngài thấy tất cả việc đúng như thật. Đức Phật ở vị trí cuối đoạn đường đi của chúng ta, mới thọ ký bảo nhiệm được những gì xảy ra trên bước đường đi của chúng ta. Ngài quan sát căn tánh, hành nghiệp, xem thể lực, trí lực, đức hạnh của ta như thế nào mới xác định được tương lai. Ngài dùng Phật nhãn thấy rõ được việc làm của đệ tử trong vô số kiếp tới.

Ngoại trừ Phật nhãn, những sự hiểu biết khác của Thanh văn cho đến Bồ tát đều không thể thọ ký. Vì đó không phải là nhãn quan chính xác rốt ráo, chưa thấy được chư pháp thật tướng. Không thể giải đáp được bài toán đời quá dài của mọi loài từ vô thỉ đến vô chung.

Có năm cách nhìn về con người và vũ trụ, hay nói chung tất cả các pháp theo thứ bực từ thấp lên cao.

1.- Nhục nhãn : dùng mắt thường con người thấy không xa quá đường chân trời. Lại thêm cái thấy này còn lệ thuộc tâm tình từng người, nên khi thương thấy trái ấu cũng tròn. Nếu thấy trên căn bản tham vọng còn sanh ra vô số sai khác nữa. Vì vậy dùng nhục nhãn để biết thực tế còn không đúng huống gì thấy những việc cao xa.

2.- Thiên nhãn : thường được Nhật gọi là đôi mắt khoa học, vượt hơn sự hiểu biết hạn hẹp thông thường. Dưới

mắt khoa học, sự vật thế nào phải thấy đúng như vậy. Thấy được nguyên lý cấu tạo nên sự vật. Ví dụ quan sát con người thấy không phải đàn ông hay đàn bà, nhưng cấu tạo bằng hai thứ vật lý và tâm lý. Từ đó chúng ta có khoa học tự nhiên thấy được sinh hoạt của tạo hóa và khoa học xã hội thấy sinh hoạt con người.

Tuy nhiên, cái thấy theo khoa học cần trang bị bằng một số điều kiện và phương tiện. Những phương tiện ta có ngày nay cũng ở tầm mức hữu hạn, cũng chỉ là người mò mẫm trong đám người mù.

3.- Huệ nhãn : là cái thấy bằng trực giác, không chứng minh được. Ví như một người dùng trí hiểu biết về triết học phán đoán sự vật. Do suy tư mà hiểu, không mò mẫm trắc nghiệm để biết.

Đắc được huệ nhãn, người ta quan sát những biến động của vật trong vô hình. Dưới mắt các Ngài, chúng sanh chỉ là giả hợp, là bọt nước trên bể. Vì các Ngài sống với pháp tánh, thấy được chu kỳ thật của chúng trước khi sanh và sau khi chết. Đây là giai đoạn không còn phân tích được, các vị này an trụ trong thiền định, biết được mọi việc xảy ra, thấy được diễn biến của ba đời trước và ba đời sau. Vị A la hán tiêu biểu đạt được huệ nhãn cao nhất là A Na Luật. Ngài thấy tam thiên đại thiên thế giới như thấy trái xoài để trên lòng bàn tay.

Và cái thấy bằng nhục nhãn của A la hán bị Duy Ma chất vấn có phải là thấy bằng cụ thể hóa hay không ? Nếu có hình thành ra vật chất mà thấy sẽ không khác gì ngũ thông của ngoại đạo chỉ thấy được bóng của vật chất, chứ không phải vật chất. Vì vật chất luôn biến đổi không dừng.

Nếu thấy được bản thể của sự vật, không thể nào gọi là thấy. Vì ở lập trường bản thể không sanh diệt quán pháp không sanh diệt, thì vấn đề thấy đâu cần đặt ra.

4.- Pháp nhãn : hay cái nhìn của Bồ tát. Có hai lối kiến giải, một cho rằng Bồ tát do kinh nghiệm hành đạo trong mười phương biết được. Lối kiến giải thứ hai lại ví Bồ tát như nghệ sĩ nhìn đời với cặp mắt nghệ thuật, nên thấy nguy hiểm khổ sở mà vẫn vui, thấy xấu thành tốt vì do tưởng tượng.

Các lối kiến giải trên không đúng. Vì nhục nhãn của loài người bị nghiệp lực chi phối không đồng nhau, lại thêm tam độc tham sân si và thân ngũ uẩn ràng buộc, làm sao phán đoán được pháp nhãn của Bồ tát. Nhục nhãn của chúng ta bị giới hạn bởi định luật thời gian và không gian thì thế giới của chư Bồ tát tất nhiên phải ở ngoài tầm mắt của chúng ta và hạng phàm phu vô trí lại cho đó là tưởng tượng.

Trong các nhãn quan kể trên, pháp nhãn của Bồ tát chính xác hơn cả, nhưng cũng chưa đủ để thọ ký cho người thành Phật.

Hàng A ha hán thực chứng huệ nhãn, biết được quá khứ và vị lai rồi, Đức Phật mới dạy họ pháp kết hợp giữa CÓ và KHÔNG. Ở giai đoạn thiên nhãn, hành giả chỉ quan sát về phương diện CÓ. Đến giai đoạn huệ nhãn, hành giả thấy trên mặt KHÔNG. Và khi chứng pháp nhãn mới thấy tương quan tương duyên giữa CÓ và KHÔNG. Vì chấp CÓ, chấp KHÔNG đều sai lầm.

Chứng đắc pháp nhãn, hành giả trụ ở Trung đạo đệ nhất nghĩa, biết được tổng hợp các pháp. Đó là lộ trình của Bồ Tát tu để chứng thật tướng. Bấy giờ, hành giả là pháp và pháp là hành giả. Bồ tát Phổ Hiền đưa tâm vào

pháp giới thì mọi vật hữu hình vô hình đều biến thành Ngài. Vì vậy, Bồ tát cảm được khổ vui của chúng sanh, vì các Ngài đã thâm nhập vào tâm chúng sanh, nên biết nó một cách chính xác. Chư Bồ tát hoàn toàn tự tại, sắc thân không còn chi phối Ngài được, huống chi là hoàn cảnh. Tuy không còn sanh tử luân hồi, nhưng các Ngài hiện hữu bên cạnh chúng ta chỉ vì nguyện lực hành Bồ tát đạo.

Trên lộ trình tu hành, Bồ tát đem pháp kết hợp với tâm, quan sát, phân tích đến đâu sẽ mở rộng pháp nhãn đến đó. Và cuối cùng, đạt đến hiểu tất cả pháp chính xác, thấy suốt cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Như vậy, lộ trình tu hành của chúng ta có năm chặng đường. Đến giai đoạn cuối cùng, đắc được Phật nhãn, thấy tất cả hiện tượng trong pháp giới một cách chính xác và chuyển được vật một cách tự tại theo ý muốn.

Đức Phật quan sát thấy suốt mọi diễn biến cuộc đời từ vô thỉ đến tận vị lai tế của bốn vị đại đệ tử Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề. Ngài mới thọ ký cho các vị này được.

Sự thọ ký còn bao hàm sự bảo chứng của bậc Đạo sư toàn năng, toàn trí, có trách nhiệm đối với những đệ tử kề cận tu học với Ngài. Đức Phật thọ ký cho các vị này với điều kiện họ phải đi theo lộ trình thân cận, cúng dường bao nhiêu ức Đức Phật.

Điểm này có nhiều người thường hiểu lầm thân cận cúng dường các Đức Phật nghĩa là ở gần tượng Phật thờ trong chùa và mang hoa trái cúng dường cho Phật tượng.

Thân cận các Đức Phật phải được hiểu là hạnh thân cận hay việc làm của mình gần với Đức Phật. Suy nghĩ và

việc làm của hành giả lâu ngày gần với Phật, giống Phật mới biến thành Phật sự.

Nhận định rõ như vậy, chúng ta rọi lại kinh điển Đại thừa, xem Đức Phật làm gì mà thành Phật. Từ đó từng bước hành giả làm theo và đến khi thành tựu trọn vẹn, mới thành Phật. Trong kinh Đức Phật thường nhắc rằng đầy đủ tâm đại bi mới thành Phật.

Ngoài điều kiện gần Phật trong suy tư và hành động, hành giả cần cúng dường Phật. Cúng dường Phật không đơn thuần dùng bông trái. Đức Phật dạy thành tựu chúng sanh là tối thượng cúng dường. Nghĩa là phát triển cuộc sống mình và người cùng thăng hoa, xã hội cùng an vui tiến bộ, mới thể hiện thực sự ý nghĩa cúng dường.

Như vậy thấu hiểu sự thọ ký của Đức Phật, trở về thực tế của chúng ta, trước tiên phải thể hiện lời Phật dạy trong cuộc sống. Từ năm giới cấm đến tu thập thiện nghiệp, điều chỉnh ba nghiệp thân khẩu ý và dũng mãnh tiến theo 37 Trợ đạo phẩm mà Đức Phật vạch ra, chắc chắn mười phương chư Phật sẽ thừa nhận chúng ta là Phật tử. Và thế giới chúng ta gieo trồng hạt nhân 37 Trợ đạo phẩm sẽ kết thành Tịnh độ trang nghiêm bằng hoa quả của Hiền Thánh.

Thời Đức Phật tại thế, thuộc thời kỳ đồ đồng. Phương tiện đi lại chỉ có cỡi trâu hay đi bộ, đường ngoằn ngoèo, hầm hố gai chông, núi non hiểm trở. Đức Phật mới giới thiệu thế giới lý tưởng bằng như bàn tay, có đường thẳng chạy tám phương, có trồng cây, treo đèn sáng.

Ngày nay nếu đến một thành phố văn minh, chúng ta nhìn về bề mặt của xã hội, thấy gần giống những gì diễn tả trong Phật quốc. Nhưng về phương diện tâm linh

thì thua xa vì còn nhiều hố thẳm xấu xa tội lỗi, cần triệt để xây dựng, điều chỉnh nhân tâm.

Trong thế giới của Ngài Ca Diếp được thọ ký, tuy có ma và dân ma, nhưng đều tôn trọng hộ trì chánh pháp. Hình ảnh này thể hiện rõ nét sự khác biệt giữa thế giới Phật và thế giới chúng ta.

Thế giới loài người chỉ mới tốt về vật chất, nhưng mặt tinh thần quan trọng hơn lại chưa được trong sáng. Chúng ta có thể khẳng định văn minh thực sự chỉ tìm thấy được trong thế giới Phật với sự hiện hữu của toàn chúng Bồ tát. Thật vậy, Bồ tát là những người có đầy đủ ba tâm : trực tâm, thâm tâm và bồ đề tâm. Nghĩa là người có tâm hồn ngay thẳng, không giả dối, thích xây dựng cho người khác hưởng. Họ thông minh hiểu biết, thấy được nguyên nhân tạo nên vũ trụ, tạo nên hạnh phúc hay khổ đau của con người.

Trong khi thế giới chúng ta được mệnh danh đang ở tột đỉnh của văn minh, nhưng có bao nhiêu người biết sống thành thật. Những tội trạng lừa đảo gian dối, giả mạo đầy rẫy hằng ngày ở khắp nơi. Có bao nhiêu tâm hồn phóng khoáng, vị tha hay chỉ tràn ngập những người thích tranh danh đoạt lợi, ngồi không thụ hưởng. Và số người ngu dốt, kém hiểu biết gây ra tệ nạn tràn lan cũng không ít.

Ngoài ra, nếu cuộc sống con người chỉ nhắm đến thỏa mãn nhu cầu vật chất về ăn mặc, đi lại, nhà ở, giải trí, thì con người ngày nay quả tình đang sống trong cảnh Cực Lạc với hàng loạt kiểu cách tiện nghi mới lạ. Thế nhưng chưa lúc nào như lúc này, nhân loại đang lo sợ một cuộc chiến tranh hủy diệt loài người bằng vũ khí hạt nhân do văn minh khoa học chế tạo. Một phút giây nào đó, ác

tâm hiếu sát mù quáng nổi lên, cả trái đất này biến thành tro bụi. Vì thế, tuy văn minh tiến bộ, con người vẫn đầy ắp khổ đau, sống trong băn khoăn, lo sợ, nghi ngờ, thì Tịnh độ hay thế giới Phật, chắc chắn chẳng thể hiện ra.

Khi thọ ký cho Ngài Ca Diếp, Phật dạy ông phải tự phát triển khối óc và bàn tay, không phải chờ người khác làm cho hưởng. Hoàn chỉnh phần tri thức và đạo đức tự thân xong, muốn kiến tạo Tịnh độ, phải chuyển toàn bộ tâm của mọi người, dìu dắt nâng đỡ mọi người cùng đi lên. Mọi người đều phát huy tài năng và đức hạnh, Tịnh độ sẽ ở ngay trước mặt.

Trên thực tế, chúng ta thấy rõ từ trước đến nay, đời sống phát triển được nhờ những người giàu lòng hy sinh ở mọi phương diện. Nếu chỉ có những người yếm thế, chúng ta khó phát huy xây dựng.

Hơn nữa, con người tối linh trong muôn loài, không phải muôn đời lập đi lập lại sinh hoạt chừng ấy như con ong cái kiến. Vì chúng ta có đủ điều kiện phát triển trí tuệ, ứng dụng linh hoạt hiểu biết vào cuộc sống, để biến đổi từ phàm phu thành bậc Toàn giác, kiến tạo Tịnh độ. Đức Phật dạy chỉ có con đường thể hiện Bồ tát hạnh mới dẫn đến quả vị Vô thượng giác và dựng xây thế giới Phật. Đi ngoài lộ trình này, chúng ta chỉ là kẻ mù lang thang tìm hoa đốm trong hư không.

Phẩm 7

HÓA THÀNH DỤ

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo rằng trong quá khứ lâu xa về trước, có Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai ra đời. Từ khi Phật đó diệt độ đến nay cũng rất lâu xa, không thể tính được. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thọ 540 vạn ức na do tha kiếp. Lúc Ngài ngồi đạo tràng phá xong ma quân nghĩ rằng sẽ được Vô thượng đẳng giác, nhưng pháp Phật vẫn không hiện ra. Ngài phải tiếp tục nhập định đến hơn 10 tiểu kiếp mới thành Vô thượng giác.

Lúc Phật Đại Thông Trí Thắng chưa xuất gia, Ngài có 16 người con trai. Người thứ nhất tên là Trí Tích. Các con nghe cha thành Phật, tất cả liền bỏ của báu đi đến đạo tràng của Phật. Ông nội là Chuyển luân Thánh vương và 100 đại thần cùng trăm ngàn quyến thuộc cũng đến cúng dường Phật.

Mười sáu vị vương tử thỉnh Phật Đại Thông Trí Thắng nói pháp. Đức Phật Thích Ca cho biết khi Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật, các nước trong mười phương đều chấn động, những chỗ tối tăm cũng đều sáng rỡ. Chư thiên biết có Đức Phật ra đời liền kéo đến thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh của Đại Phạm thiên vương và 16 vương tử nói pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, tất cả bốn lần làm cho hằng hà sa chúng sanh giải thoát. Bấy giờ 16 vương tử xuất gia làm sa di trí tuệ sáng suốt, tịnh tu phạm hạnh. Các vị này mong cầu tri

kiến Như Lai và xin Phật nói pháp Vô thượng chánh đẳng giác. Tám muôn ức người theo hầu Chuyển luân Thánh vương thấy 16 vị vương tử xuất gia cũng xin xuất gia và được vua chấp thuận.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh của sa di qua hai muôn kiếp sau mới ở trong hàng tứ chúng nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm. Đức Phật nói kinh này liên tục trong 8.000 kiếp. Nói xong Ngài trụ thiền định, 16 vị sa di liền thay Phật giảng kinh Pháp Hoa trong 84.000 kiếp, độ hằng sa chúng phát tâm Vô thượng chánh đẳng giác. Qua 84.000 kiếp, đức Đại Thông Trí Thắng xuất định khen ngợi 16 vị sa di căn tánh thông lợi và khuyên các hàng Thanh văn, Bồ tát nên kính tin, thọ trì pháp của các vị ấy sẽ được Vô thượng giác.

Đức Phật Thích Ca lại bảo các Tỳ kheo rằng hằng sa chúng sanh dưới sự giáo hóa của 16 vị sa di Bồ tát đó, đời đời sanh ra đều cùng nghe pháp với các vị ấy. 16 vị sa di Bồ tát nay đã thành Phật, ở phương Đông là A Súc và Tu Di Đảnh, ở phương Đông Nam là Sư Tử Âm và Sư Tử Tướng, ở phương Nam là Hư Không Trụ và Thường Diệt, ở Tây Nam là Đế Tướng và Phạm Tướng, ở phương Tây là A Di Đà, Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não, ở Tây Bắc là Tu Di Tướng và Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, ở phương Bắc là Vân Tự Tại và Vân Tự Tại Vương, ở phương Đông Bắc là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy và Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca nói tiếp : "Lúc chúng ta làm sa di, mỗi người giáo hóa vô lượng chúng sanh. Những chúng sanh đó đến nay đã có người trụ bậc Thanh văn. Hằng sa chúng sanh đã được hóa độ trong thời đó nay là các ông và những Thanh văn đời vị lai. Nhưng cũng có những đệ tử

không nghe kinh này, không biết hạnh Bồ tát. Họ đinh ninh rằng với công đức tu tập là được Niết bàn. Sự thật chỉ có Phật thừa mới được diệt độ, không có thừa nào khác.

"Ví như có một kho tàng của báu, cách xa 500 do tuần đường nguy hiểm. Có một nhóm người đi tìm của báu. Họ được một người thông minh sáng suốt dẫn đường. Sau khi đi được hai phần ba đường, họ mỏi mệt, chán nản, sợ sệt, muốn quay trở về. Người dẫn đường thương xót, mới hóa ra một cái thành cho họ vào ở. Sau khi nghỉ ngơi an ổn, hết mệt mỏi, người dẫn đường mới cho biết thành này chỉ là nơi biến hóa để tạm nghỉ và khuyến khích họ tiếp tục đi đến kho báu không còn bao xa.

Đức Phật cũng vậy, Ngài là vị dẫn đường tạm đưa ra hai Niết bàn cho Thanh văn, Duyên giác; vì biết rõ tâm chúng sanh sợ con đường thành Phật dài xa quá gian nan, vất vả. Và khi an trú trong hai Niết bàn yên ổn, họ tưởng đó là cứu cánh. Bấy giờ Phật mới dẹp hóa thành, đưa ra sự thật, chỉ rõ việc tu hành của các vị này chưa xong. Họ cần phải tiếp tục đoạn đường còn lại là Bồ tát đạo mới đến nhứt thiết chủng trí".

II. GIẢI THÍCH

Trong phần kết thúc kinh Pháp Hoa có nói : "Pháp Hoa hải hội Đức Phật thân tuyên, ba châu chín dụ nghĩa kín mầu…".

Ba châu gồm thuyết pháp châu, thí dụ châu và nhân duyên châu. Phần pháp thuyết châu thọ ký cho hàng thượng căn, chỉ có Xá Lợi Phất thâm nhập được chân lý, tiếp nhận được quy luật sinh tồn diễn tiến từ bản thể khởi ra hiện tượng và từ hiện tượng trở về bản thể. Điều này

khác với trước kia Thanh văn tu, từ bỏ thế giới hiện tượng, xa rời cuộc đời để tìm Niết bàn.

Công việc đi tìm cái không sanh tử trong sanh tử quá khó, chỉ duy nhất có Xá Lợi Phất thực chứng. Thật vậy, nếu đứng trên mặt hiện tượng quan sát hiện tượng thì đời đời vẫn là phàm phu. Cuộc sống chúng ta thực khổ. Đức Phật cũng sống như vậy mà Ngài không bao giờ xa rời Niết bàn. Đức Phật từ bản thể quan sát thế giới hiện tượng, nên hiện tượng của Ngài thấy chính xác đúng như thật, không phải là hiện tượng của chúng sanh trong tam giới thấy tam giới. Từ đó việc làm và đời sống của Phật bên ngoài trông đơn giản, nhưng lại có tác dụng thật mãnh liệt. Cho đến ngày nay hơn 25 thế kỷ, lời dạy và việc làm của Ngài vẫn là lý tưởng cho hàng tỷ người tôn thờ noi theo.

Phát xuất từ bản thể hiện lên sanh diệt, mọi việc làm của Phật đều cao quý như hoa sen tỏa hương thơm ngát trong vũng bùn nhơ, thể hiện bên ngoài một đóa sen và tiềm ẩn sâu kín bên trong Diệu Pháp. Từ Diệu Pháp thấy được Liên Hoa hay từ con người ở hiện tượng chỉ cho chúng ta thấy con người trên bản thể.

Xá Lợi Phất nhờ lặn sâu vào Diệu Pháp, nắm bắt được chân lý, mới được Phật thọ ký. Hành giả muốn phát tâm Bồ đề cũng phải lặn sâu vào bản thể, tức từ tâm chơn như mà phát. Phát tâm từ trạng thái đắc đạo ở thiền định là cả một vấn đề không đơn giản trên bước đường tu chứng. Vì thế vòng thứ nhất là pháp thuyết châu dành riêng cho hạng thượng căn thượng trí trực ngộ bản tâm như Ngài Xá Lợi Phất, nên rất hiếm người đạt được.

Đức Phật phải dùng phương tiện nói pháp thí dụ tiếp độ hàng trung căn, tiêu biểu bằng bốn vị Ca Diếp, Mục

Kiền Liên, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề nhờ nghe pháp, tâm thanh tịnh. Nghĩa là đi theo con đường phương tiện dễ hơn vào cửa thứ nhất là cửa thiền. Nghe pháp Phật, hiểu tâm Phật, bấy giờ vận dụng tâm Phật vào tâm mình, hành giả cũng thanh tịnh theo và phát tâm đại bi. Từ Niết bàn đi ngược dòng về sanh tử, hiện hữu trên cuộc đời vì lợi ích chúng sanh. Vòng thứ hai gọi là thí dụ châu, Đức Phật thọ ký cho hàng trung căn.

Đến vòng thứ ba nhân duyên châu gồm những người đến với Phật do cảm tâm, không bằng lý luận như hai châu trước. Họ thấy Phật, tự nhiên phát tâm thương ngay. Giữa Phật và họ có một sự gắn bó vô hình sâu xa, vượt ngoài hiểu biết giải thích. Đó chính là nhân duyên.

Đức Phật nhắc lại nhân duyên xa xưa, những đệ tử của Phật đều có liên hệ với Ngài từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng. Do nhiều đời những người này cùng sanh chung với Ngài, hết lòng với Ngài nên tạo thành nhân duyên. Đời này gặp lại, họ hy sinh cả tài sản thân mạng, xuất gia theo Phật. Đặc biệt là 1.250 vị La hán, tuy theo ngoại đạo nhưng thực sự các Ngài đã kết duyên với Phật Thích Ca từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng. Sở dĩ Phật thành tựu được nhiều việc trên thế gian, vì những người xung quanh quá thương Ngài. Hay nói đúng hơn, nhờ thương Phật mà đệ tử của Ngài vơi đi phiền não, gần nhất là Phú Lâu Na và 500 La hán, A Nan, La Hầu La và 2.000 vị chưa đắc La hán. Các Ngài đã nương theo sợi chỉ vàng tình thương xuyên suốt từ tâm Phật đến tâm các Ngài, trở thành thanh tịnh. Các Ngài không tự thanh tịnh được mà chỉ tìm thấy niềm an lạc trong sự thanh tịnh của Đức Phật. Vì thế trước khi Đức Phật thành Phật, các Ngài không thanh tịnh và Phật Niết bàn, các Ngài cũng không thanh tịnh.

Nhận chân được như vậy, ngày nay chúng ta tu hành cần có độ cảm tâm hướng về Phật. Nhân duyên ấy giúp chúng ta dễ tiến tu và chúng ta cần cố gắng giữ gìn, nuôi dưỡng căn lành này cho lớn mạnh thêm.

Đức Phật thuyết minh nhân duyên qua câu chuyện của Phật Đại Thông Trí Thắng để xác định với chúng hội rằng nếu không tu Bồ tát hạnh, không dìu dắt chúng sanh thì không thành Phật được, chỉ thành Độc Giác mà thôi.

Nhờ nhân duyên hành Bồ tát đạo từ thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, khi Phật Thích Ca tái sanh, Bồ tát và chư Phật mười phương mang tâm niệm trả ơn, cùng sanh lại với Phật.

Lắng lòng theo dõi cuộc đời hành đạo của Đức Phật, chúng ta cảm nhận cả một sự sắp xếp và bố trí quá tinh mật theo nhân duyên. Các Bồ tát và chư Phật sanh lại theo Phật Thích Ca, làm tất cả ngành nghề, đóng đủ thứ vai thuận nghịch, nhưng tựu trung chỉ nhằm làm nổi bật vai trò của Đức Phật. Như trường hợp năm ông vua ở miền ngũ hà Ấn Độ nghe Phật giảng dạy pháp trái ngược với quyền lợi của họ mà vẫn cúi đầu chấp nhận. Các vua ác hay vua thiện hoặc Đề Bà xô đá đè Phật, A Xà Thế thả voi say giết Phật, sát nhân Vô Não hại Phật hay người đàn bà mang bụng chửa vu oan Phật, người hốt phân, người hớt tóc, một dâm nữ v.v… Tất cả đều là những người đóng kịch trên sân khấu cuộc đời. Vì dù tệ ác đến đâu, sau cùng họ đều đắc quả La hán. Và rõ ràng cũng chỉ có một sát nhân Vô Não đắc La hán, một dâm nữ thành Thánh, một người hốt phân đắc quả… Vì thế, dưới nhãn quan của Phật giáo Đại thừa, tất cả những người này là diễn viên xuất sắc trên sân khấu cuộc đời, nhằm làm sáng danh hình ảnh đạo đức thánh thiện của Phật.

Và đến thời Pháp Hoa, Đức Phật mới cho biết sự thật những gì Ngài nói và làm trước kia thuộc về phương tiện để giáo pháp phổ cập truyền thông đến mọi tầng lớp. Ngay cả trường hợp Đề Bà Đạt Đa, theo tôi, có thể là một vị cổ Phật đến biểu diễn vai xấu ác cho Đức Phật lý giải pháp môn thiện ác bất nhị, chứng minh nghịch duyên là thắng duyên giúp hành giả mau đắc quả Vô thượng bồ đề. Bồ tát hiện vào đời dưới dạng sát nhân, hạ tiện và vượt lên quả vị Hiền Thánh nhằm khích lệ, khơi dậy tâm Bồ đề cho những người ở giai cấp thấp.

Phẩm Hóa Thành dụ mở đầu cho phần nhân duyên châu trong bộ kinh Pháp Hoa, nói lên sự liên hệ giữa Phật và chúng đương cơ. Ngài giới thiệu Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhập diệt cách nay rất xa, không thể tính đếm được. Nhưng dùng Phật nhãn quan sát thấy rõ như sự kiện đang xảy ra trước mắt.

Nhân cách và hoàn cảnh đắc đạo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thật là đặc thù. Trước khi xuất gia, Ngài cai trị dân bằng đức hạnh. Cha của Ngài là Chuyển luân Thánh vương và 16 vương tử con Ngài lãnh đạo bốn phương đều được thái bình. Với địa vị cao sang tột đỉnh và quyến thuộc tài giỏi như vậy, Ngài không an hưởng cuộc sống đầy đủ năm món dục. Trái lại, Ngài luôn khao khát một đời sống chân thật, vĩnh cửu bất diệt.

Ngài rời cung điện đến thiền định tại Bồ đề đạo tràng trải qua 10 tiểu kiếp, được chư Thiên liên tục rải hoa cúng dường và vua trời Đế Thích trải tòa cho Ngài ngồi. Trong khi Đức Phật Thích Ca ngồi tư duy dưới gốc cây Bồ đề chỉ trong 49 ngày. Vì tu nhân như vậy nên thọ mạng giữa Ngài và Phật Thích Ca có sai biệt. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thọ mạng đến 540 vạn ức na do tha kiếp. Đời sống này

quá dài so với cuộc sống chúng ta, cho nên có người dùng trí phàm quan sát cho rằng không có thực, chỉ là nhân cách hóa tâm.

Riêng đối với chúng ta, bằng niềm tin và suy tư cảm nhận được thọ mạng dài ngắn khác nhau của muôn loài trong lục đạo. Ở trên cõi trời, thọ mạng không tính bằng năm tháng mà dựa vào phước đức. Khi hết phước, ngũ suy tướng hiện là điềm báo sắp đọa xuống nhân gian. Còn ở địa ngục thọ mạng rất ngắn, một ngày ở nhân gian bằng 10.000 kiếp ở đây. Riêng súc sanh, thọ mạng khác nhau tùy loại, như loài phù du không sống quá một ngày. Nếu chúng ta không chấp nhận được thọ mạng 540 vạn ức na do tha kiếp của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thì cũng giống như chúng sanh ở địa ngục không chấp nhận ở Ta bà có Đức Phật Thích Ca sống đến 292.000.000 kiếp (80 năm x 365 ngày x 10.000 kiếp).

Ngồi đạo tràng phá ma quân 10 tiểu kiếp, Phật Đại Thông Trí Thắng không hề nói pháp, vì nhân duyên chưa đầy đủ. Điều này khiến chúng ta cảm nhận được dù có Phật hay không, pháp vẫn thường trú. Pháp là chân lý nên luôn luôn hiện hữu. Khi Ngài thành Phật thể nhập chân lý, ánh sáng chân lý kết hợp với Phật huệ của Ngài phóng đi khắp mười phương, làm mờ hẳn ánh sáng của các vị Đại Phạm thiên vương là vị được Ấn Độ giáo xem như đấng tạo hóa vạn năng.

Khi 16 vị sa di Bồ tát thỉnh Phật nói kinh Đại thừa, Ngài nhận lời. Nhưng đến hai muôn kiếp sau, Ngài mới nói kinh Pháp Hoa. Thời gian này tương ưng với thời gian Đức Thích Ca nói Bát Nhã. Pháp KHÔNG của Phật Đại Thông Trí Thắng thuộc về vô ngôn thuyết, vô danh tự, vô tâm duyên, không dùng ý thức suy lường được. Đó là pháp tâm ấn

tâm trong hai muôn kiếp để tâm thánh chúng thuần thục, trống không mà lãnh nhận Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Trái lại, đối tượng của Đức Thích Ca Mâu Ni là phàm phu nên Ngài phải dùng trí phương tiện để diễn đạt trí Bát Nhã.

Đức Phật Thích Ca nói kinh Pháp Hoa 8 năm, trong khi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua 8.000 kiếp nói kinh Pháp Hoa, dùng kệ nhiều như số cát sông Hằng.

Từ trước phẩm Hóa Thành dụ, chúng ta chỉ thấy một Đức Phật Thích Ca cùng các đệ tử Thanh văn theo tu học. Nhưng đến đây, Đức Phật chỉ cho đại chúng thấy ứng thân của Ngài ở phía Đông Bắc là một trong số 16 vương tử ở thời Phật Đại Thông Trí Thắng. Ngài dẫn sự tích Phật Đại Thông Trí Thắng nhằm nói lên nhân duyên liên hệ giữa Ngài và Thánh chúng đã có từ thời xa xưa. Lúc Ngài còn là một trong 16 vương tử của Phật Đại Thông Trí Thắng đã độ được 600 muôn ức na do tha quyến thuộc. Và Thánh chúng hiện đang ngồi trong đạo tràng ở núi Linh Thứu là những người đã ở trong số 600 muôn ức quyến thuộc nói trên.

Nói nhân duyên liên hệ này cũng nhằm phá tan nghi ngờ của các Thanh văn, để chuyển các vị này từ Tiểu thừa sang Đại thừa. Vì khi chuyển tâm từ an định qua tu pháp Bồ tát dấn thân vào đời là điều khó. Các Ngài nghi ngờ sẽ đi lạc, không tu được nếu đời sau không gặp Phật.

Đức Phật mới xác định rằng các vị Thanh văn đã theo Ngài từ thời Đức Đại Thông Trí Thắng và mãi đến hội Pháp Hoa còn theo Phật nghe pháp được, chứng tỏ tâm Bồ đề không bao giờ mất. Một khi đã phát tâm kết duyên với Phật, hạt giống Bồ đề chỉ mạnh hay yếu chứ không mất. Hành giả sanh chỗ nào, có Bồ tát thị hiện theo

hướng dẫn tu hành, vì đó là hạnh nguyện của các Ngài. Ngay như ở thế gian, chúng ta nói Phật nhập diệt, nhưng sự thật Ngài thành Phật ở cõi khác. Bao nhiêu ứng hóa thân trong bốn loài khắp pháp giới, Ngài đều hiện hữu. Ai có căn lành đều gặp Phật.

Điều này khiến chúng ta cảm nhận sâu sắc rằng chúng ta hiện còn thọ trì đọc tụng Pháp Hoa một cách bình ổn trong đời ngũ trược ác thế, là nhờ sự hộ niệm của chư Phật và Bồ tát mười phương. Chúng ta đã kết duyên Pháp Hoa với Phật Thích Ca ở thời Phật Đại Thông Trí Thắng trong số 600 muôn ức na do tha quyến thuộc của Ngài.

Đoạn kết của phẩm này nói về hóa thành để chỉ hai Niết bàn mà Phật đã nói trong suốt bốn mươi năm. Và nêu lên ví dụ Đức Phật tiêu biểu cho vị Đạo sư và các Tỳ kheo là người đi tìm của báu. Đức Phật khẳng định Ngài chỉ là một Đạo sư, một người chỉ đường cho loài người. Đức Phật và ta đồng nhau không khác, cũng như người dẫn đường đối với người đồng hành giống như nhau. Ngài khai phương tiện môn, giảng nói nhiều, để lần dẫn mọi người về nhất Phật thừa, làm cho tất cả thành Phật.

Giai đoạn trước, Phật nói đủ cách, phần lớn nhấn mạnh đến tha lực; vì chúng sanh tham lam, ích kỷ, hèn mọn, không dám nghĩ tự mình vươn lên, chỉ thích cậy nhờ. Đức Phật phải hiện thân làm người cho chúng ta nương tựa.

Đến giai đoạn này Phật muốn ta phát khởi ý chí dũng mãnh, tự tu hành đắc đạo thành Phật, bằng với Phật. Vì vậy Ngài xác định lại vai trò của Ngài trên cuộc đời là Đạo sư, không thể là trận mưa hay ông trưởng giả nữa.

Vị Đạo sư trong phẩm này là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, một Đạo sư mà bao người ước mơ gặp gỡ. Từ trời người đến Đại Phạm thiên vương mười phương đều mong mỏi Ngài chỉ cho họ một cuộc sống đúng để cuối cùng bỏ xác thân chứng Niết bàn.

Vị Đại Phạm thiên vương thốt lên rằng lâu lắm mới có một Đạo sư ra đời. Vị này biết rõ những việc quá khứ, hiện tại và tương lai, thấy rõ trước khi đến đây ta ở đâu, làm gì và nay phải sống như thế nào cho có ý nghĩa và sau cuộc đời này, ta đi về đâu.

Thắc mắc này của Đại Phạm thiên vương cũng chính là thắc mắc của mọi người chúng ta hay niềm băn khoăn của Phật Thích Ca trên bước đường tìm chân lý. Khi mang thân ngũ ấm, Ngài cũng bị bốn phần tinh thần : thọ, tưởng, hạnh, thức che lấp chân tâm như bao nhiêu người khác. Nhưng nhờ nhân duyên căn lành bên trong thôi thúc mãnh liệt, Ngài bỏ nhà thế tục đi xuất gia. Khi bỏ sự nghiệp rồi, Phật mới khám phá được những ràng buộc bên ngoài không quan trọng. Trái lại, giặc ở bên trong chúng ta hay ngục tù ngũ ấm mới thật nguy hiểm. Vì mang vào thân ngũ uẩn, nó trang bị cho ta những thứ chướng ngại là thọ, tưởng, hành, thức. Nó hành hạ, trói buộc chặt chẽ trí tuệ siêu việt của chúng ta, không cho trí tuệ phát triển. Vì vậy Phật không những bỏ nhà bên ngoài mà còn bỏ cả nhà ngũ ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là thân vật chất tứ đại, nó đòi hỏi ta phải chìu theo nó, đáp ứng cho nó ăn uống, ngủ nghỉ…

Trên bước đường tu, khởi đầu Ngài chế ngự được phần sắc chất dễ dàng đến độ mỗi ngày chỉ cho nó ăn một hột mè, giảm thiểu việc ngủ nghỉ của tứ đại bằng phương pháp tham thiền. Chẳng những phần sắc chất

của thân, cả phần vật chất bên ngoài không thể làm hoen ố tâm hồn Phật.

Tiến đến phần tinh thần do sáu căn tiếp xúc với sáu trần khởi lên phân biệt đẹp xấu, hay dở, khen chê, thương ghét v.v… Nó bao phủ quay cuồng trong tâm, ngăn che làm mờ chơn tâm, khiến chúng ta không thấy chân lý. Nhận rõ nguyên nhân hoành hành của anh giặc cảm thọ này, Phật phá thọ uẩn bằng cách dùng xả thọ, nghĩa là không quan tâm đến nó. Sự vật dù có hay không, hành giả tạm thời không khởi tâm để ý phân biệt. Vì còn lưu tâm đến sáu trần bên ngoài, chắc chắn hành giả phải rớt vô một trong hai thứ, hoặc khổ thọ hoặc lạc thọ. Và cả hai cảm giác khổ vui đều chi phối tâm, làm hành giả không yên tĩnh được. Đạt được xả thọ, phần tưởng uẩn tự động mất. Vì hiện thực còn không quan tâm, huống chi là suy tư, tưởng tượng. Tưởng uẩn không bao giờ đúng thật, chắc chắn đưa đến hiểu biết sai trái, tức thức uẩn hoàn toàn ở trong vô minh. Cuối cùng Phật phá vỡ phần vô minh, chứng được chân lý, thấy được người thợ xây ngôi nhà ngũ ấm.

Đức Phật từ trên chân lý hay từ bản thể trở lại cuộc đời, vẽ ra cho chúng ta con đường Ngài đã đi từ thế giới phàm phu đến thế giới Phật qua hình ảnh 500 do tuần đường hiểm. 500 do tuần dẫn đến bảo sở lấy của báu, tiêu biểu cho năm tầng của ngũ ấm mà Phật dạy phải gạn lọc sạch hoàn toàn mới đạt đến Phật quả.

Tâm thức chúng sanh phiền não và tâm lượng giải thoát của Phật cách nhau thật xa giống như 500 do tuần đường hiểm hay hai thế giới Ta bà và Tịnh độ cách biệt muôn trùng vạn dặm. Nhưng vị Đạo sư biết rõ vì Ngài thường qua lại, nghĩa là Ngài đã tự chứng nghiệm thông

suốt pháp tu từ cảnh giới con người chứng được Niết bàn và từ Niết bàn Ngài hiện thân trở lại đây. Nếu nói rõ sự hiểm nguy trên một lộ trình dài xa như vậy, những người tâm trí hạ liệt không dám tiến bước.

Thật vậy, trên bước đường tu, vượt 500 do tuần đường hiểm là cả một vấn đề không đơn giản. Các đệ tử Phật dù thương Phật đến đâu, nhưng gặp khó khăn dồn dập liên tục, lòng họ cũng phải nao núng. Thực tế chúng ta thấy lòng hy sinh của con người đương nhiên có mức độ, ép quá chẳng những không được, đôi khi còn phản tác dụng.

Đức Phật là vị Đạo sư sáng suốt giác ngộ hoàn toàn, biết rõ khả năng trình độ, tầm mức hy sinh của chúng nhân như thế nào. Ngài tùy theo đó đưa ra pháp tu tương ứng và thời điểm nghỉ ngơi thích hợp. Các đệ tử từ hàng phàm phu bạt địa vượt lên chứng A la hán, phá luôn một loạt sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm là những bộc phá quá lớn lao đối với họ. Đức Phật phải cho họ tạm nghỉ ngơi ở Niết bàn.

Giai đoạn đầu vượt qua bức tường sắc chất cũng không dễ. Vì mang thân người, đứng trên vật chất mà quan sát sự vật, an trú pháp KHÔNG đạt được một giải thoát trong tám giải thoát của Phật. Nói cách khác, không bị mọi vật xung quanh chi phối, không bị cuộc đời làm ô nhiễm. Thoát ly phần sắc chất, hành giả đã đi qua 100 do tuần đường hiểm, chứng sơ quả.

Phật lại bảo tiếp tục đi vào thế giới tâm linh. Ở trong pháp KHÔNG quán KHÔNG để giải thoát. Giai đoạn trước là từ CÓ quán KHÔNG. Các Ngài tu tập phá bỏ phần thọ uẩn tiêu hủy hoàn toàn 12 xứ (6 căn + 6 trần) chứng được tam quả, vượt qua 200 do tuần đường hiểm. Qua được

200 do tuần đường hiểm này đã xứng đáng được nghỉ ngơi. Tuy nhiên, Phật thấu suốt khả năng chúng hội nên bảo đi tiếp đoạn đường 300 do tuần còn lại. Từ Niết bàn, không quan tâm, không tiếp xúc cuộc đời, diệt luôn suy tư mà các Thanh văn thường tâm sự với Phật rằng ngày đêm các Ngài chỉ nghĩ đến KHÔNG, vô tác, vô nguyện. Ở giai đoạn này các Ngài tu tập phá được tưởng uẩn vượt qua 300 do tuần đường hiểm, bước vào thế giới KHÔNG của A la hán. Đến đây Phật tạo ra hóa thành cho họ an trú.

Sau đó ở hội Pháp Hoa, Phật cho biết những điều mà các đệ tử Ngài an hưởng là do công đức tu hành đạo Bồ tát của Ngài đem chan hòa cho, là hóa thành do Đạo sư biến hóa ra, không phải họ tự tạo được. Điều này cho thấy Đạo sư phải có khả năng biến hóa, tức gặp khó khăn nguy hiểm phải đủ sức che chở.

Đức Phật biểu hiện đầy đủ tư cách của một vị Đạo sư. Ngài hiện thân trên cuộc đời có đầy đủ phước báu, trí tuệ và đức hạnh siêu tuyệt, làm Thầy của trời người, giải quyết cho họ mọi khó khăn. Nếu Ngài nói với họ lộ trình tu hành phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp dài xa, thì sẽ không ai dám theo. Ngài mới chỉ con đường đi đến bảo sở rất dễ. Nhưng khi bắt đầu tu hành gặp ma chướng khó khăn, ví như trên cuộc hành trình tìm châu báu, hành giả gặp đủ loại thú dữ hiểm nguy. Tuy đầy chông gai hung dữ nhưng từng bước theo Đạo sư, hành giả vẫn cảm thấy an lành vì Đạo sư đã từng qua lại đường hiểm sanh tử rồi và biết rõ cách đối phó.

Ngày nay, Phật đã vào Niết bàn, trên bước đường tu hành tìm cầu vị Đạo sư, hành giả phải nương tựa với người biết rõ đường hiểm sanh tử, mới ngăn chặn phiền não nghiệp chướng cho hành giả được. Vị này chỉ đạo cho

hành giả làm việc gì đều mang lại kết quả tốt đẹp. Nếu không đạt được lợi ích ngay trên cuộc đời, hành giả không nên tiếp tục theo vị đó, vì pháp còn trong sanh tử mà không giải quyết được, huống chi là pháp ngoài sanh tử.

Theo Đạo sư, hành giả có một cuộc sống bình ổn, điều này chưa đủ. Vì sự bình ổn mai kia sẽ chấm dứt khi xác thân tan hoại. Tiến đến giai đoạn hai, Đạo sư triển khai cuộc sống tâm linh, mang lại niềm an lạc giải thoát cho hành giả an trú, bỏ lại phía sau những nhu cầu tầm thường của thế gian, từng bước xa rời sanh tử và tiến đến Niết bàn. Tâm chứng của hành giả nương vào Đạo sư mà có, thân tâm đều an lành. Năm món dục trên đời tuy đầy đủ mà chúng không còn chi phối hành giả nữa, vẫn sống tự tại giải thoát. Như vậy, hành giả đã đi theo Đạo sư qua một chặng đường sanh tử, ví như đã phá được một ấm. Cuối cùng cuộc đời, hành giả phá được ngũ ấm. Sự liên hệ với thế gian không còn, nên không tái sanh và thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Ngược lại, nếu thực hành pháp tu giải thoát của Phật mà vẫn chất chứa buồn phiền, tham giận, đố kỵ, ghét ganh thì đã lọt vào quỹ đạo của ma và đang áp dụng tà pháp vậy.

Trên lộ trình tu tập, Đạo sư thông suốt đường hiểm, biết rõ căn tánh hành nghiệp chúng sanh. Ngài đã tháo gỡ cho hành giả những gút mắc, nên khi tụng kinh hay quán tưởng Ngài, phiền não tự rơi rụng. Đến phẩm thứ 7 này, Ngài mới nói điều đó do Ngài bố trí, không phải hành giả tự nhiên được.

Đối với chúng nhân đang sống trong thế giới đầy khổ đau, cần hướng tâm về chỗ an lành tu tập, Phật đưa ra

hai quả vị Niết bàn, một Niết bàn của A la hán an trụ. Tâm các vị này tự tại giải thoát, vào định, chứng Niết bàn nhờ nương lực của Phật. Niết bàn thứ hai là Niết bàn Tịnh độ ở mười phương, bỏ cõi Ta Bà về cõi khác thánh thiện hơn. Đó là pháp dụ dẫn chúng ta tiến lên. Nhưng trở lại thực tế, pháp sau cùng Phật dạy hành giả tìm chỗ an trú trong khi xung quanh còn đầy bất trắc, thì chỉ là an lành giả tạm. Hành giả bỏ chạy tới đâu, phiền não nghiệp chướng theo tới đó, ví như đuôi trâu dính liền với con trâu.

Đến đây Phật phá bỏ hai Niết bàn trước. Điểm này không nên hiểu lầm là hai quả vị Niết bàn kia không có. Hóa thành rất cần thiết cho người sơ tâm như chúng ta còn đầy phiền não nhiễm ô. Nhưng đạt đến giai đoạn Bát Nhã, Phật mới phá bỏ hóa thành, nghĩa là bỏ pháp tu phương tiện trước, cũng như qua bờ giải thoát, chứng được Niết bàn, thuyền phương tiện mới không cần nữa. Ý này ở phẩm thí dụ diễn tả chúng nhân chạy ra khỏi nhà lửa, đến khoảng đất trống, mới lên đại bạch ngưu xa.

Suốt 40 năm vì không đưa thẳng về thế giới Phật được, Ngài dìu dắt chúng nhân vào nghỉ ngơi ở Niết bàn của Ngài. Sau một khoảng thời gian dài, mọi người hết mỏi mệt, chứng được quả vị rồi, Ngài mới diệt hóa thành, để họ tiếp tục hành trình đến bảo sở.

Những người đi được 300 do tuần dụ cho chúng Thanh văn, Duyên giác đã đi hơn nửa đường, ra khỏi sanh tử luân hồi, có trí tuệ. Khác hơn những người ở khởi điểm, các Ngài không còn gặp hiểm trở bao nhiêu so với 300 do tuần đã qua. Từ chỗ nghỉ ngơi của Niết bàn hóa thành, hay từ thế giới KHÔNG của A la hán, tuy hơn thế gian, hơn các bậc tiên nhân; nhưng sự thật chưa bằng Đạo sư, nên Phật dẫn những đệ tử có tinh thần cầu tiến trở lại thế giới

hiện tượng, tiếp tục đoạn đường 200 do tuần còn lại để hành Bồ tát đạo.

Hành Bồ tát đạo, phá trừ phần tồn đọng trong ngũ ấm của chính hành giả, cũng như để giải quyết những tồn tại xung quanh. Hành giả không thể sống an lành, nếu cả thế giới này đều sụp đổ. Đối với Bồ tát, giáo hóa chúng sanh là trang nghiêm Phật quốc của mình vậy. Với hành trang tình thương và trí tuệ, hành giả xây dựng mọi người, nâng họ lên Niết bàn thực sự. Được như vậy, nhà lửa này vụt biến ra hóa thành, ở ngay trong tam giới mà kiến tạo Tịnh độ an vui. Đó chính là chỗ trú ẩn hoàn hảo của hành giả.

Thí dụ hóa thành áp dụng cho chúng đương cơ, không phải cho chúng ta. Trí tuệ của các Ngài đã đầy đủ, chỉ cần tu tạo thêm công hạnh của Bồ tát. Chỉ có lộ trình duy nhất dẫn về Phật đạo là con đường Bồ tát, không có con đường nào khác.

Đối với chúng ta chưa đắc quả A la hán, chưa ra khỏi sanh tử luân hồi, chỉ có một pháp tu đặc biệt của Pháp Hoa không trải qua 300 do tuần. Tuy còn đầy phiền não, nhưng chúng ta làm được việc như Bồ tát là nhờ nương sức hộ niệm của chư Phật và công đức kinh Pháp Hoa. Từ đó, hành đạo một cách bình ổn, phiền não không xâm hại được.

Những vị A la hán, tâm điền của họ hoàn toàn thanh tịnh, gieo hạt giống Pháp Hoa dễ tốt hơn. Còn chúng ta không có phương tiện phá rừng thành đồng trống tức thời. Nhưng chúng ta may mắn bắt được kinh Pháp Hoa sớm hơn, chỉ phá một khoảng đất nhỏ thôi, rồi đặt mầm Bồ đề xuống, lần lần Bồ đề lớn lên. Phiền não còn lại được coi như dư nghiệp để chúng ta nuôi chí vượt khó, thăng hoa.

Nếu căn lành và nhân duyên đã có từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng, hạt giống đã gieo rồi, chỉ cần giữ gìn và phát tâm tu tinh tấn lên, chúng ta sẽ được thọ ký thành Phật. Đó chính là tâm ấn mà Đức Đạo sư muốn truyền trao cho tất cả mọi người, muốn cho tất cả mọi người thành Phật, bằng với Ngài, không khác.

Phẩm 8, 9

NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ, THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ

I. LƯỢC VĂN KINH

Sau khi nghe Phật nói pháp và thọ ký cho các đệ tử lớn, nghe nhân duyên đời trước và thần thông tự tại của Phật, Phú Lâu Na vui mừng thanh tịnh bạch Phật rằng : "Thế Tôn thật là siêu tuyệt, Ngài khéo léo dùng vô số phương tiện nói pháp, cứu vớt chúng sanh. Chúng con không thể nói hết công đức của Thế Tôn. Xin Ngài cho biết bổn nguyện của chúng con".

Phật đáp : "Ở trong 90 ức Đức Phật thuở quá khứ, Phú Lâu Na đã từng hộ trì, trợ tuyên chánh pháp Như Lai. Ông là bậc nhất trong những người nói pháp thuở đó, thông suốt pháp KHÔNG, được bốn trí vô ngại, nói pháp thanh tịnh, đầy đủ thần thông của Bồ tát.

"Người ta tưởng ông là Thanh văn, nhưng thực ông dùng thân Thanh văn để làm lợi ích vô lượng chúng sanh trụ nơi đạo Vô thượng giác. Trong thời bảy Đức Phật quá khứ cũng như thời của ta, Phú Lâu Na cũng là người nói pháp bậc nhất. Và trong tương lai, ông cũng là bậc nhất nói pháp, thọ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng chư Phật.

"Vì muốn tịnh thế giới Phật, Phú Lâu Na thường siêng năng giáo hóa chúng sanh. Lần đủ đạo Bồ tát, ông sẽ thành Phật hiệu là Pháp Minh. Thế giới tên Thiện Tịnh, đất bằng bảy báu, không có núi gò, khe suối, nhà bằng bảy báu. Người và trời giao tiếp được với nhau. Không có ba đường dữ. Chúng sanh ở nước này do hóa sanh, không có dâm dục. Thân chiếu ánh sáng, thần thông tự tại, chí niệm vững chắc, trí tuệ sáng suốt, đều dùng pháp hỷ thực và thiền duyệt thực. Bồ tát và Thanh văn đông vô lượng".

1.200 A la hán nghe Phật thọ ký cho Phú Lâu Na, tự nghĩ nếu họ được thọ ký như các đệ tử lớn, thì thật là sung sướng biết mấy. Đức Phật biết tâm niệm ấy, liền lần lượt thọ ký cho 500 vị A la hán, bắt đầu là Tỳ kheo Kiều Trần Như. Tất cả đều sẽ thành Phật, đồng một hiệu là Phổ Minh.

Được thọ ký xong, 500 La hán vui mừng đảnh lễ Phật và bạch rằng : "Từ trước đến nay chúng con thường nghĩ mình đã được diệt độ, cho trí nhỏ của mình là đủ, là nhất, giống như một người nghèo đến chơi nhà bạn. Sau bữa tiệc, anh nghèo nằm ngủ say. Chủ nhà lấy ngọc vô giá cột vào vạt áo bạn, rồi bỏ đi. Tỉnh dậy, anh này không biết trong mình có viên ngọc, đến một nước khác, làm ăn vất vả. Ít lâu sau, gặp lại bạn cũ, thấy anh rách rưới khổ sở, mới hỏi tại sao anh không dùng viên ngọc trong vạt áo để kinh doanh sẽ được giàu có, sung sướng.

"Bạch đức Thế Tôn, chúng con cũng vậy, Thế Tôn từng giáo hóa chúng con, từng gieo trồng căn lành cho chúng con. Thế nhưng chúng con ngu si chẳng biết, vừa được hưởng chút phần Niết bàn đã tự cho là đủ, không cầu gì hơn. Nay chúng con mới biết mình thực là Bồ tát,

được thọ ký thành đạo Vô thượng chánh đẳng giác, lòng rất vui mừng".

Lúc bấy giờ, A Nan và La Hầu La liền đảnh lễ, bạch Phật rằng : "Chúng con nghĩ mình cũng xứng đáng được thọ ký. Chỉ có Đức Như Lai là chỗ nương tựa của chúng con. Chúng con quen biết tất cả trời người. A Nan là thị giả hộ trì pháp tạng, La Hầu La là pháp tử. Nếu được thọ ký thì lòng nguyện cầu sẽ viên mãn".

2.000 Thanh văn đang tu học cũng lễ Phật, bày tỏ cùng một nguyện cầu giống như A Nan và La Hầu La.

Đức Phật bảo A Nan : "Đời sau ông sẽ thành Phật hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng cúng Chánh đẳng giác. Ông sẽ cúng dường 62 ức Phật, hộ trì tạng pháp. Sau khi được Vô thượng Chánh đẳng giác, giáo hóa 20 ngàn ức hằng hà sa Bồ tát thành tựu đạo Bồ đề. Thế giới của Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương tên là Thường Lập Thắng Phan thanh tịnh, đất bằng lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn.

"Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức a tăng kỳ kiếp. Vô lượng Đức Phật ở mười phương đồng ngợi khen công đức của ông".

8.000 Bồ tát mới phát tâm trong pháp hội đều nghĩ rằng tại sao hàng Thanh văn lại được thọ ký, trong khi các ông chưa hề nghe các Bồ tát lớn được như vậy. Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các Bồ tát, liền bảo rằng : "Ta và A Nan cùng phát tâm Vô thượng chánh đẳng giác từ thời đức Phật Không Vương. A Nan thường ưa học rộng, còn ta siêng năng tu hành, cho nên ta đã được Vô thượng giác. Còn A Nan theo bản nguyện hộ trì tạng pháp của ta. Trong tương lai ông tiếp tục hộ trì tạng pháp của chư Phật, giáo hóa thành tựu các Bồ tát. Bổn nguyện của ông như

thế nên được thọ ký tương ưng". A Nan vui mừng, nhớ lại tạng pháp của vô lượng ngàn muôn ức Phật quá khứ và nhớ cả lời thệ nguyện của mình.

Đức Phật nói với La Hầu La : "Ông sẽ cúng dường chư Phật nhiều như vi trần của 10 thế giới và thường làm trưởng tử của các Đức Phật. Ông sẽ thành Phật hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa. Thế giới Phật Bảo Hoa trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp, tượng pháp cũng giống như của Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương và sau sẽ được Vô thượng Chánh đẳng giác".

Sau đó, Phật nhận thấy 2.000 Thanh văn hoàn toàn thanh tịnh, một lòng hướng về Phật. Ngài liền nói với A Nan : "Tất cả những vị này sẽ cúng dường chư Phật đông như vi trần trong 50 thế giới, cung kính hộ trì pháp tạng. Sau cùng ở các nước trong mười phương, mỗi người đều thành Phật, đồng một hiệu là Bảo Tướng Như Lai, sống lâu một kiếp. Thế giới trang nghiêm, Thanh văn, Bồ tát, chánh pháp, tượng pháp đều đồng nhau". Được Phật thọ ký, các vị hữu học và vô học vui mừng như được rưới cam lồ.

II. GIẢI THÍCH

Khi Phật nói xong dụ Hóa Thành, chỉ rõ nhân duyên của các đệ tử đã tu hành theo Phật từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng đến nay, gợi nhắc các Ngài nhớ lại từng kiếp quá khứ. Đức Phật đã từng dìu dắt, nâng các Ngài đến quả vị Hiền Thánh ngày nay.

Các Ngài hết sức ngạc nhiên, vui mừng, cảm động. Dẫn đầu là Phú Lâu Na và 500 La hán hiểu được Niết bàn của các Ngài chứng đắc trước kia thành tựu nhờ nương uy lực Phật. Và từ đây về sau, trên lộ trình tiến đến Vô

thượng giác, phải tu Bồ tát hạnh, xả kỷ vị tha, tự tạo phước đức để trang nghiêm thân tâm, quốc độ.

Thấu rõ được ý thức và khả năng thực tu thực chứng của các vị này, trước tiên Phật thọ ký cho Ngài Phú Lâu Na thành Phật hiệu Pháp Minh. Ngài mang tâm niệm nhu hòa nhẫn nhục rộng lớn, vượt chông gai nguy hiểm để hoằng truyền chánh pháp Như Lai tồn tại mãi trên thế gian, làm lợi lạc chúng hữu tình. Ngài thành Phật ngay tại cõi Ta bà sóng gió ác trược.

Làm giáo chủ cõi Ta bà, một nước toàn người hung dữ nghèo đói. Nhưng Đức Phật lại xác định khi Phú Lâu Na thành Phật, quốc độ của Ngài rất đặc thù, người với trời giao tiếp nhau. Điều khiển được trời người mang hai bản chất hoàn toàn trái ngược nhau cùng chung sống là một việc khó thực hiện. Người trời không giao tiếp được vì còn ở trình độ thấp, nhưng nâng độ cao sẽ giao tiếp được. Hay đó là cốt lõi mà Phật muốn dạy rằng trên chân lý, bản thể là một.

Khi chưa tu, Phật giống như ta. Sau quá trình gọt dũa thân tâm hoàn toàn trong sạch, Phật tiếp cận chư Thiên, thuyết pháp cho chư Thiên nghe là pháp Bất Nhị Ngài nói trong kinh Duy Ma. Ý này nhắc nhở chúng ta nếu thực là mẫu người đạo đức và tri thức cao, sống với bất cứ ai cũng được, không phải ở vị trí cao, rồi sống cách biệt người. Ngoài ra, những người ở trong nước của Phú Lâu Na có lục thông, tam minh, tứ vô ngại biện, tạo thành một nước thực sự văn minh hoàn toàn an lành thanh tịnh.

Phần lớn các xã hội hiện nay không bình an vì thiếu khả năng nhận thức, gây ra tội lỗi, tự tấn công nhau, tiêu diệt nhau. Còn ở thế giới của Phật Pháp Minh, mọi người đều có tam minh : túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu

tận minh. Nghĩa là con người có khả năng nhìn diễn biến của mình và người suốt chiều dài lịch sử từ quá khứ kéo dài đến hiện tại một cách chính xác rõ ràng. Nhờ đó, vạch ra hướng đi tương lai đúng đắn và đưa đến kết quả không sai lầm.

Ngoài ra, đời sống của người ở thế giới Pháp Minh Như Lai còn được trang bị bằng lục thông. Mọi người hiểu lòng nhau, tự cảm thông với nhau, không cần yêu cầu, đòi hỏi. Mọi thắc mắc ẩn khúc tự xóa tan. Biết tất cả và làm được tất cả, làm gì còn tranh chấp xung đột.

Thế giới Phật của Ngài Phú Lâu Na không ở nơi xa xăm nào, Tịnh độ ở ngay đây và được hình thành xây dựng bằng những con người đoạn sạch vô minh. Đôi tay và khối óc của họ siêu tuyệt gọi là tam minh và lục thông. Hay đó là mô hình thế giới lý tưởng của kinh Pháp Hoa đề ra cho người muốn kiến tạo nước Phật phải có bản chất Bồ tát.

Sau khi thọ ký cho Phú Lâu Na, Phật thấu rõ tâm trạng của La hán trong chúng hội. Họ cũng đang mong mỏi được thành Phật và phát nguyện tiếp tục đi trên lộ trình của Phú Lâu Na. Ngài liền thọ ký cho 1.200 vị La hán, đứng đầu là Kiều Trần Như và kế tiếp 500 La hán thành Phật hiệu Phổ Minh.

Các vị này bừng tỉnh, hết sức vui mừng nói lên tâm niệm của mình, ví như một người say nghèo khổ được bạn cho viên ngọc. Nhờ có hạt châu, các Ngài đến với Phật, nghĩa là tâm Phật và tâm La hán đồng một thể. Nhưng vì thọ sanh lại, mang ngũ ấm thân, bị vô minh ngăn che, họ quên mất, nên cứ ngỡ mới gặp Phật và tu trong hiện đời, rồi sợ khổ muốn an trụ Niết bàn. Nhưng nghe xong thí dụ

Hóa Thành, biết mình kỳ thực đã phát tâm bồ đề và đã được Phật thọ ký trong quá khứ.

Đức Phật cũng xác định trong phẩm Hóa Thành dụ rằng Ngài đã từng giáo hóa các vị này khi còn là Sa di Bồ tát ở thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng. Tâm Bồ đề Phật đã gieo trồng nơi tâm các La hán, dạy các vị này pháp trau giồi đức hạnh để thành tựu công đức của Bồ tát, hưởng phước lạc thực của chính mình, không phải nương nhờ vị Đạo sư mãi.

Nhưng họ như người say sau buổi tiệc không hay biết gì cả, nhập vào sông mê chơi vơi trong sanh tử. Nay gặp lại Phật, Ngài chỉ cho Phật tánh có sẵn giống như hạt châu cất trong chéo áo mà lại cam tâm làm thuê mướn. Trải qua vô lượng kiếp, họ mang thân nghèo khổ, không biết sử dụng viên ngọc vô giá.

Hạt châu có, Phật tánh hay bản tâm thanh tịnh có, chỉ cần mài dũa cho sáng. Thể nghiệm Bồ tát hạnh, dấn thân vào đời, đoạn hết phiền não trần lao, sẽ minh tâm kiến tánh. Các vị La hán chợt bừng tỉnh, chơn tâm lưu lộ, thấy được quãng đường tu hành thọ trì chánh pháp với Phật từ quá khứ, không khác hạnh nguyện Bồ tát mà Phật dạy ngày nay. Các Ngài hồi tâm và phát nguyện tiếp tục lộ trình vị tha vô ngã, được Phật bảo chứng thành Phật.

Ví dụ hạt châu cũng nhằm chỉ rõ mục tiêu Đức Phật ra đời mở ra cho chúng ta thấy Phật tánh tiềm ẩn trong tất cả mọi người. Ai cũng có bản tâm sáng suốt, nếu biết cách sử dụng, cũng đạt đến toàn năng toàn giác như Đức Phật.

Riêng đối với chúng ta, tuy còn nhiều buồn phiền, vô minh còn ngăn che, thành quả tu hành chưa đạt được bao nhiêu. Nhưng chúng ta tự phát tâm tìm đường tu

hành, dù sanh trong đời mạt pháp, không gặp Phật, vẫn cố gắng dùng pháp Phật trang nghiêm tâm hồn. Điều này chứng tỏ Phật cũng đã thọ ký cho chúng ta rồi.

Chúng ta đã có hạt châu trong lòng, hay có sẵn Phật tánh, chỉ cần tu hành trau giồi cho Phật tánh hiển hiện. Trí tuệ phát sanh đến đâu, Thánh tài theo đến đó. Hiểu theo ngày nay, giống như tài nguyên có sẵn trong lòng đất. Tùy trình độ, khả năng khoa học cao thấp, sẽ khai thác sử dụng được tài nguyên thiên nhiên lợi lạc khác nhau. Nhược bằng chúng ta an phận với con người đần độn, không chịu học hỏi, động não cho trí tuệ phát sanh, thì muôn đời ôm kho báu trong tay mà vẫn chịu nghèo đói.

Sau đó, Phật thọ ký cho Ngài A Nan và La Hầu La cùng 2.000 đệ tử Thanh văn gồm những người đang tu học và đã hoàn tất việc tu học. Việc thọ ký cho 2.000 vị chưa đắc quả La hán cũng là một việc đáng suy nghĩ trong thời phong kiến, báo hiệu thời điểm Phật nâng tầm nhìn mọi người cho tiếp cận chân lý mới phô bày sự thật này.

Các học giả thường xếp loại Phú Lâu Na, A Nan và La Hầu La thuộc hàng hạ căn, nghe giáo lý và thí dụ không hiểu, phải nương theo nhân duyên để vào đạo. Nhận xét này không đúng. Nếu Phú Lâu Na, A Nan và La Hầu La thuộc hàng hạ căn, tại sao các Ngài được thọ ký thành Phật quả vị lớn hơn những vị thượng căn và trung căn trước ?

Theo tôi, Phật biệt ký cho Ngài Phú Lâu Na, A Nan, La Hầu La và thọ ký chung cho 500 vị La hán và 2.000 Thanh văn đang tu học. Riêng đối với Phú Lâu Na, A Nan, La Hầu La, Phật xác định rằng hàng trời người tưởng họ là Thanh văn, nhưng thực sự họ là Bồ tát lớn.

Phú Lâu Na đã từng là đại pháp sư trong thời 7 Đức Phật quá khứ. A Nan là pháp lữ với Đức Phật Thích Ca từ thời Phật Không Vương. Nếu căn cứ vào nội dung kinh, không thể phân chia các vị này thuộc hàng thượng, trung, hay hạ; nhưng phải xếp từ Tiểu thừa sang thông giáo Quyền thừa, đến biệt giáo Đại thừa và sau cùng là viên giáo Thượng thừa.

Thật vậy, phần nhiều Phật chê trách hàng Thanh văn để chuyển tâm họ sang Đại thừa. Mở đầu ta thấy Xá Lợi Phất nương theo pháp Tịnh độ, tu hành hướng tâm về cõi Tây phương. Vì thời đó, hàng ngoại đạo tu pháp sanh về cõi Trời, nên Phật tùy theo phương tiện chỉ họ cảnh giới Tây phương trang nghiêm hơn. Đây là phần thông giáo Quyền thừa, Xá Lợi Phất được thọ ký thành Phật.

Chuyển sang phần biệt giáo Đại thừa, với bốn vị đại đệ tử được thọ ký. Ngài Tu Bồ Đề giải pháp KHÔNG đệ nhất, Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất, Ca Diếp đầu đà đệ nhất, Ca Chiên Diên biện tài bậc nhất.

Đến phần Viên thừa, đặc biệt khác hơn. Các vị này không phải thuộc ngoại đạo chuyển sang Phật giáo như Xá Lợi Phất, hay Ca Diếp, Mục Kiền Liên v.v… Hoặc chỉ là bậc đồng chơn nhập đạo trong hiện kiếp, mà là những người đã từng theo Phật từ nhiều đời trước, tu hành thuần Bồ tát đạo. Đó là Phú Lâu Na, A Nan và La Hầu La lãnh đạo ba tập đoàn lớn của Phật giáo. Ba vị này bề ngoài hiện tướng bình thường, nhưng bên trong đầy đủ hạnh Bồ tát. Chúng sanh có nhiều nghiệp thì Bồ tát thị hiện hạnh tương ưng để dẫn dắt chúng. Ta đơn cử lên 5 hạnh tiêu biểu như sau :

1- Thánh hạnh - Bồ tát bên ngoài trông tầm thường, sống chung với chúng đang tu học, tùy theo trình độ của họ, các Ngài dùng phương tiện dẫn dắt chúng, nhưng bên trong giữ hạnh trong sạch bậc nhất.

Dưới cái thấy của phàm phu, có những việc Bồ tát làm không đúng, không tròn giới hạnh. Tuy nhiên, vì thực sự phát xuất từ tâm thanh tịnh, các Ngài vẫn đủ tam tụ tịnh giới và chứng đắc Kim Cang Bảo giới.

Hành đạo thay thế Phật, diễn nói tất cả pháp, các Ngài vẫn luôn sống trong thiền định, không bị hoàn cảnh chi phối. Ví như sen nở trong bùn không bị nhiễm ô, hôi tanh. Các Ngài thành tựu được những việc vượt hơn người, sử dụng trí tuệ hết sức lợi ích cho chúng đương cơ và hậu thế. Tất cả pháp của Phật dạy Bồ tát, các Ngài thấu hiểu và thâm nhập trọn vẹn. Tâm các Ngài luôn trụ trong đại thiền định và liễu giải được tạng bí yếu của Như Lai.

Bằng nhãn quan thấu tột chân lý sâu xa, các Ngài tùy căn tánh của người mà giáo hóa, nhằm trưởng dưỡng tâm bồ đề và sinh mạng tương tục của Bồ tát cho họ. Điển hình như Phú Lâu Na là người thuyết pháp bậc nhất. Ngài đầy đủ tài đức, giữ trọn vẹn Thánh hạnh, an nhiên tự tại thuyết pháp ở nơi hung dữ nhất. Và hàng ngoại đạo không xâm hại được Ngài, để sau cùng Ngài đưa họ quay về Phật đạo.

Ngài cũng là người thuyết pháp bậc nhất nơi 90 ức Đức Phật quá khứ và vị lai. Đức Phật cho biết Phú Lâu Na đã hộ trì pháp tạng của 7 Đức Phật quá khứ. Ý này gợi lên cho chúng ta thấy rằng mỗi người sanh trên cuộc đời, đóng những vai khác nhau. Nhưng chúng ta phải nhìn kỹ

lòng họ, bề ngoài giống nhau nhưng bên trong hàm chứa khác biệt quan trọng.

Đức Phật nâng tầm nhìn của chúng ta, chỉ cho thấy bề trong tâm hồn, sẽ nhận ra Phú Lâu Na là Bồ tát. Ngài thông minh biện bác, thuyết pháp bậc nhất vì đã có quá trình tu hành ở 7 Đức Phật quá khứ.

Nói chung, mọi người hiện hữu trên cuộc đời như thế nào, đều do nghiệp nhân quá khứ tạo thành. Nếu mang ác nghiệp đời trước nhiều, ai thấy cũng khinh ghét. Hoặc hiện đời, điều gì ta cũng không biết là do nhiều đời ở trong địa ngục hay từ ba đường ác thọ sanh lại. Có người sinh ra bản chất thông minh, có lòng từ, không ham ưa danh lợi. Đây là những người có căn lành, có điều kiện mau thành Phật.

Những đệ tử nhận lãnh được ý Phật, nhờ có yếu tố bồ đề, hạt nhân thành Phật. Điểm này Đức Phật nhấn mạnh người nào có hạt nhân thành Phật mới thành Phật. Đến đây, Ngài xác định hạng xiển đề là người không tin Phật, không thể nào thành Phật.

Kế đến, Phật thọ ký cho A Nan thành Phật hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, một vị Phật có trí tuệ như trời cao bể cả. Vì Ngài A Nan là bậc đa văn đệ nhất, nên thành Phật với kết quả tất yếu vĩ đại như vậy.

Đức Phật cho biết Ngài A Nan không phải mới phát tâm trong kiếp này. Ngài phát tâm bồ đề đồng một lượt với Phật Thích Ca từ thời Phật Không Vương. Chúng ta hiểu có một Đức Phật Không Vương thực cũng được. Hoặc đồng phát tâm ở Phật Không Vương là đồng với Phật Thích Ca ở bản thể hay bản tâm. Nhưng trên mặt sanh diệt của hiện tượng có sanh thân Phật Thích Ca và A Nan khác nhau.

Ngoài ra, Phật mượn câu chuyện A Nan cùng phát tâm bồ đề với Ngài cũng để chỉ cho thấy rằng chơn tâm mọi người có từ vô thỉ. Ta và Phật đồng một thể tánh sáng suốt, nhưng Đức Phật giác ngộ giải thoát, biết sống với tánh sáng suốt. Còn ta tự rời bỏ chơn tánh, đành phải chấp nhận nổi trôi đau khổ.

Cùng phát tâm từ Phật Không Vương hay từ trí tuệ Bát Nhã trên dạng thể tánh chưa phân chia Thánh phàm, chơn vọng, A Nan thì ưa học rộng, còn Thích Ca siêng năng tinh tấn tu hành. Siêng năng tinh tấn mài dũa tâm, đào luyện tinh thần cho trong sạch để trở về bản tánh sáng suốt, nên sớm thâm nhập bể KHÔNG, vào pháp tánh. Vì vậy, Phật biết tất cả không sai sót, biết đủ cả hai dạng bản thể và hiện thực.

A Nan ưa học rộng, nghĩa là phát triển hiểu biết về hiện tượng, ôm chặt vọng kiến, xa rời bản tánh, biết nhiều phiền não nhiều. Tu hành chúng ta cần lưu ý điểm này. Khi chúng ta lượm lặt hiểu biết của cuộc đời nhét vào đầu óc, biết tất cả mà trở thành người mù ở thật tướng các pháp. Biết qua kinh nghiệm nên hoàn toàn đánh mất trực giác.

Chúng ta càng đi theo con đường huân tập tri kiến kiểu này, càng giống kẻ nấu cát muốn thành cơm, nói gì cũng giỏi, nhưng cuộc sống không thể hiện chút phần giải thoát. Nghiệp và phiền não càng nhiều, bản tâm ta càng lu mờ. Từ đó, ta chỉ lóng nghe tiếng nói ai oán đau khổ của trần thế, đem đặt vào lòng. Và cứ như vậy tâm chúng ta lại mờ thêm trước chân lý.

A Nan phát tâm từ thời Phật Không Vương là từ Pháp thân vô thỉ vô chung của Bồ tát ở bản thể, mới được thọ ký thành Phật lớn hơn các Phật phương tiện trước kia và cảm thành thọ mạng vô cùng tận. Nói cách khác, nương nhân

duyên căn lành để trở về bản tâm thanh tịnh thành Phật, không phải thành một ông Phật mới lạ nào, mà vốn dĩ ta đã là Phật. Thọ ký này chính là thọ ký Pháp thân, không phải thọ ký sanh thân.

Đức Phật thọ ký theo thứ bậc, từ thấp lên cao, để cuối cùng mở ra cho chúng ta thấy sự bình đẳng trên chơn tánh. Và sự thọ ký chân thật, có giá trị cao tột là thọ ký Pháp thân, bằng cách đưa ra hình ảnh Phật Thích Ca và A Nan đồng phát tâm ở Đức Phật Không Vương, nghĩa là đồng thể tánh bình đẳng.

Từ thể tánh có sẵn mà phát tâm cũng được diễn tả dưới dạng lau sạch gương đóng bụi. Đó là cách tu thiền của Thần Tú. Gương ví cho tâm, bồ đề ví cho thân. Hành giả lo tu dưỡng cây bồ đề, tự tạo phước đức, làm lợi ích cho người, gia công lau chùi tâm gương cho sáng, cầu học để mở mang hiểu biết. Khi tâm gương và cây bồ đề phát triển hoàn toàn, hành giả đạt quả vị Phật. Hành trì như vậy, hành giả đi theo con đường phương tiện hay tiệm tu, phần phá vô minh phần chứng Pháp thân.

Ngược lại, pháp tu của Huệ Năng đốn ngộ, minh tâm kiến tánh thành Phật, không cần hạ thủ công phu. Hành giả thành tựu pháp hoàn toàn bất ngờ. Chỉ hàng thượng căn mới biết được thành quả này. Tuy họ vẫn mang thân phàm phu, nhưng quán sát kỹ bên trong thấy chơn tâm trong sáng. Như Phật Thích Ca bằng Phật huệ, nhìn thấy A Nan dù chưa đắc quả La hán, mà cốt lõi bên trong là Phật.

Đức Phật Thích Ca thấy được mới thọ ký. Sự thọ ký không mang ý nghĩa ban cho. Bằng trí tuệ của Ngài thấy đệ tử thế nào thì nói cho biết. Về sau gọi là cầu ấn chứng của Thiền sinh đối với Thiền sư. Thiền sinh nhờ Thiền sư xem

điều mình hiểu trên bước đường tu chứng có bị lạc ra ma sự hay không. Nếu thực tu ngộ bản tâm, các pháp thế gian không chi phối hành giả, tham sân phiền não hoàn toàn vắng lặng. Hành giả sống dưới dạng chơn tâm thực sự.

Ngoài Phú Lâu Na, A Nan, trong hàng Thanh văn còn có La Hầu La tiêu biểu cho Thánh hạnh. La Hầu La lãnh đạo một tập đoàn trẻ gồm 1.000 vị đã hoàn tất việc tu học. Ngài tu mật hạnh đệ nhất, thường tạo môi trường thử thách cho các người đồng tu để họ vượt qua và thành tựu pháp.

2 - Phạm hạnh thanh tịnh - Bồ tát dù đầy đủ phước lạc thế gian, lòng vẫn thuần thanh tịnh. Các Ngài vào trần thế cứu độ chúng sanh, khởi đại bi tâm dìu dắt họ ra khỏi bể khổ. Các Ngài mang tâm niệm nhập vào trần lao, sống lăn lóc trong cuộc đời, không bị đời làm ô nhiễm, luôn là biểu tượng mô phạm cho người noi theo, thể hiện trọn vẹn tư cách sứ giả Như Lai. Điển hình như Phú Lâu Na, A Nan, La Hầu La. Cả ba tướng hảo, thông minh và hoàn cảnh vật chất sung túc. Phú Lâu Na xuất thân từ giai cấp trưởng giả, A Nan con của Học Phạn Vương, La Hầu La là cháu Tịnh Phạn Vương. Có thừa năm món dục của trần gian, ba vị này thản nhiên từ bỏ tất cả. Với tâm hết sức thanh tịnh, các Ngài nương theo Phật tu hành hướng về quả vị Vô thượng chánh đẳng giác.

Ngài Phú Lâu Na luôn nghĩ đến giản dị hóa kinh Phật để mọi người hiểu được, thể hiện vào cuộc sống, phát huy phước đức và trí tuệ. Ngài A Nan mang hạnh nguyện kiết tập giáo pháp cao quý của Đức Thế Tôn, lưu truyền cho chúng sanh làm kim chỉ nam, thâm nhập Phật huệ.

3 - Thiên hạnh - Ba vị này hiểu cùng tột thật tướng các pháp, không bị điều kiện vật chất, thiên nhiên, nội giới và ngoại giới chi phối. Các Ngài là Bồ tát thị hiện Thanh văn, hành đạo hoàn toàn tự tại, có khả năng chuyển chướng ngại khó khăn thành phương tiện truyền đạo tốt nhất, đầy đủ tư cách làm thầy mọi người.

Đức Phật xác định ngoài Như Lai ra, không ai hiểu được việc làm của các vị này. Đức Phật thọ ký cho Phú Lâu Na không cần qua thế giới nào thành Phật, mà biến cõi Ta bà thành thế giới an vui.

Bồ tát thành tựu được thiên hạnh, thấy rõ tất cả vật chính xác, giống như dùng đôi mắt khoa học, không còn vướng mắc tình cảm và tham vọng. Các Ngài có trí tuệ siêu việt, lý giảng những pháp khó hiểu bằng mọi cách cho chúng sanh tin phục và thuận theo. Ngoài ra, trên bước đường truyền bá giáo lý Như Lai, các Ngài am tường và sử dụng được nhiều ngôn ngữ khác nhau của chúng sanh.

Đối với chúng sanh ưa thích nghề, cần học nghề, Bồ tát phải biết và dạy được tất cả ngành nghề trên thế gian. Điển hình như vào thời Lý, Ngài Nguyễn Minh Không là tổ đúc đồng, Ngài còn là tổ thợ mộc, tổ nghề thuốc, chữa bệnh cho Lý Thần Tông và được phong Quốc sư. Hoặc Thiền sư Vạn Hạnh là tổ ngành kiến trúc, cũng như đóng vai trò cột trụ xây dựng nội chính cho nhà Lý. Tóm lại, các Bồ tát hiện hữu trên cuộc đời, chỉ để giải quyết mọi nhu cầu cho chúng sanh, đầy đủ trọn vẹn tư cách người con Phật trên thế gian.

4 - Anh nhi hạnh - Tuy ba hạnh trên đầy đủ, Bồ tát vẫn sống bình dị như những người bình thường, không phô

trương tài năng, người khác tưởng họ kém dở. Tuy đóng vai nhỏ, họ giải quyết được tất cả việc của người lớn.

Điểm này gợi nhắc hành giả thấy rõ Bồ tát sống ngược lại thế nhân phàm tình. Người đời thực sự tài năng không đến đâu, mà lúc nào cũng thích làm lớn. Bồ tát hành đạo hoặc tự làm hoặc chỉ gợi ý cho người làm, tìm mọi cách giúp người đồng tu. Trông Bồ tát ngây thơ, hiền lành như trẻ thơ, nhưng hướng dẫn được người lớn. Vì các Ngài đã hoàn toàn chứng pháp gọi là nội bí ngoại hiện.

La Hầu La khi về tập đoàn Sa di, cũng sống như Sa di. Bên ngoài không tạo hạnh gì để được cung kính như các vị khác từ ngoại đạo chuyển sang. Ngoài ra, Ngài Văn Thù Sư Lợi hay Phổ Hiền Bồ tát cũng là biểu hiện của anh nhi hạnh được gọi là đồng tử Thiện Tài. Dù đủ tài đức vẹn toàn của một vị đại Bồ tát, các Ngài sống trên cuộc đời, tâm hết sức trong trắng, không so đo suy tính hoặc vướng mắc phải tâm kiêu mạn của một người giỏi cứu nhân độ thế. Đức hạnh các Ngài càng cao, tâm các Ngài càng khiêm tốn, luôn phụng sự chúng sanh với tất cả chân tình.

5 - Bệnh hạnh nghĩa là thị hiện nghiệp hạnh. Sự thật Bồ tát Pháp thân đã giải thoát, đã cắt đứt tất cả phiền não trên cuộc đời; nhưng Bồ tát hiện hữu để cứu độ chúng sanh, nên phải mang thân đồng nghiệp, đồng hạnh với chúng. Tiêu biểu cho hạnh này là Bồ tát Duy Ma Cật.

Riêng trong hàng Thanh văn, Phật xác định Ngài Phú Lâu Na, A Nan, La Hầu La chung sống với người tầm thường, ham ưa pháp Tiểu thừa và hiện đủ nghiệp giống họ. Từ đó, các Ngài tu hành chứng quả A la hán, trở thành người siêu việt kiểu mẫu, trời người đều cung kính. Nhờ vậy, các Ngài có điều kiện dạy họ rằng xưa kia các Ngài cũng mang

tâm niệm như họ, nhưng biết nương pháp Như Lai, đạt được quả vị cao quý.

Ngài A Nan thị hiện tu rất dở. Dù sống gần Phật, được coi là đa văn bậc nhất vẫn không đắc quả A la hán, nhằm trấn át tâm cao mạn của hàng học thức thời ấy. Ngài hơn họ bội phần, là con Học Phạn vương, được người trí thức kính nể. Họ nghe lời Ngài, nên không sanh tâm kiêu ngạo đối với người khác.

Riêng tôi, thuở còn đi học thường nghĩ chỉ thích sống với người ngang bằng trình độ tu học với mình. Sống chung với người khác trình độ, tôi cảm thấy mệt quá ! Tuy nhiên, đọc kinh Pháp Hoa, cảm được hạnh nguyện của Ngài A Nan hiện thân vào chúng Thanh văn, sống cùng người trình độ thấp để giáo hóa họ, tôi liền đổi tâm niệm. Không tìm bạn với người ngang bằng hay hơn tôi, mà đến với tất cả mọi người nếu họ chấp nhận được tôi để giúp đỡ họ.

Bước theo dấu chân Bồ tát tất yếu phải như vậy. Ngược lại, chúng ta mới khá, liền xem người không ra chi, không phải là đạo, không phải là người giỏi. Người giỏi thì phải sống được với mọi người, mới giỏi thực.

Chúng ta học hạnh A Nan thấy rõ Ngài nắm giữ tạng pháp bí mật của chư Phật ba đời, mà vẫn sống bình thường, thậm chí không đắc đạo, chỉ chứng tam quả, còn quả cuối cùng không chứng. Điều này gợi ý cho thấy hạnh nguyện lưu nghiệp để giáo hóa chúng sanh của Bồ tát ở Ta bà.

Ngoài ra, A Nan còn mang hạnh nguyện lớn, không ưng trụ Niết bàn. Ngài phát nguyện làm thị giả cho Phật để kiết tập kinh điển, duy trì sự sống còn của giáo pháp. Ngày nay giáo pháp vô thượng của Phật còn lưu truyền

cho chúng ta thọ trì đọc tụng là nhờ công đức lớn của Ngài, một vị Bồ tát hiện thân trên cuộc đời soi đường cho chúng ta bước vào thế giới chư Phật.

Mỗi khi nản chí sờn lòng trong việc tu hành, chúng ta tưởng nhớ đến Ngài, vội sửa đổi tâm tánh và thể hiện pháp mầu vào đời sống tu hành, nối gót Ngài trên bước đường làm rạng danh giáo pháp Như Lai.

Với việc làm bất khả tư nghì như vậy, A Nan đã tròn đủ tư cách của một Đức Phật, nhưng thị hiện làm vị Thanh văn bị Ma Đăng Già dụ dỗ để tạo nhân duyên cho Phật giáo hóa các Tỳ kheo chểnh mảng việc tu hành, không trau giồi giới đức.

Ngoài ra, trên đường hành đạo, Ngài Phú Lâu Na đã thị hiện bệnh hạnh độ được 500 vị A la hán trở thành quyến thuộc của Ngài. Khi 500 vị này đến chất vấn, Ngài cáo bệnh không tiếp và đã cảm hóa được họ mà không cần tranh cãi.

Bồ tát trang nghiêm thân tâm bằng năm hạnh nói trên, bước vào trần lao thị hiện cùng nghiệp với chúng sanh, lần hồi dẫn dắt họ ra khỏi rừng rậm tà kiến. Thậm chí, thị hiện thành người tội lỗi như Ma Đăng Già cũng đắc quả A la hán, làm gương sáng khuyến khích những người tội lỗi khởi tâm tu tập.

Giáo đoàn của Đức Phật đã dung hóa được mọi giai cấp xã hội từ vua đến Sa môn, Bà la môn. Dưới nhãn quan của hành giả Pháp Hoa, lịch sử Đức Phật và sự truyền bá của giáo đoàn không phải chỉ giản dị như vậy. Bằng niềm tin và suy tư, chúng ta cảm nhận được mục tiêu ra đời của các vị đệ tử Phật. Những người này nguyện sanh ra cùng một thời với Phật trong tư thế quyến thuộc để trợ hóa Ngài trên bước đường hành đạo. Nhân duyên liên hệ

giữa họ và Phật đã có từ nhiều đời và thay hình đổi dạng dưới tất cả khía cạnh trong mọi cảnh giới.

Ngoài chúng Thanh văn hành đạo với Đức Phật ứng thân, còn có Báo thân Phật, mà quyến thuộc là lục vạn hằng hà sa Bồ tát và Hộ pháp long thiên. Chính quyến thuộc siêu hình này duy trì sự tồn tại của chánh pháp.

Việc làm bất khả tư nghì của Ngài Phú Lâu Na, A Nan, La Hầu La, được Phật tán thán rằng chỉ có Phật mới thấu hiểu được. Vì vậy, quả vị Phật thọ ký cho các Ngài cao hơn các vị trước, quốc độ trang nghiêm đặc biệt và thọ mạng đến vô số kiếp.

Phẩm 10

PHÁP SƯ

I. LƯỢC VĂN KINH

Để dạy 80.000 Bồ tát, Đức Thế Tôn nói với Bồ tát Dược Vương rằng : "Trong đại chúng gồm Thiên long bát bộ, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, người cầu Thanh văn, cầu Bồ tát hay Phật đạo, bất cứ ai ở trước Phật, nghe một câu, một bài kệ kinh Pháp Hoa, cho đến một niệm tùy hỷ, ta đều thọ ký cho thành Vô thượng đẳng giác.

"Sau khi Như Lai diệt độ cũng vậy, nếu có người nghe kinh Pháp Hoa một câu, một bài kệ cho đến một niệm tùy hỷ, ta cũng sẽ thọ ký thành Vô thượng chánh đẳng giác.

"Nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép kinh Pháp Hoa, phải biết người này đã thành tựu đại nguyện. Vì thương nhân gian mà sanh lại cuộc đời.

"Nếu có người hỏi trong đời vị lai, chúng sanh nào sẽ thành Phật. Phải nói rằng những người vừa kể trên sẽ thành Phật.

"Chê mắng Phật còn nhẹ tội hơn chê mắng người đọc tụng kinh Pháp Hoa. Công đức ca ngợi Phật không bằng công đức khen ngợi người trì kinh Pháp Hoa.

"Trong vô lượng kinh của ta nói, kinh Pháp Hoa khó hiểu, khó tin nhất. Vì đó là kho tàng bí yếu của chư Phật, được chư Phật giữ gìn, chưa từng đem ra giảng dạy. Vì vậy, không nên truyền trao kinh này một cách bừa bãi. Như Lai tại thế, kinh này còn bị oán ghét, huống là sau khi Như Lai diệt độ.

"Sau khi Như Lai diệt độ, người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, giải nói, người ấy được Như Lai lấy y trùm cho, được chư Phật ở phương khác hộ niệm. Người ấy có đức tin lớn, chí nguyện vững, căn lành sâu. Người ấy được cùng Như Lai ở chung, được Như Lai xoa đầu.

"Nơi nào có người giảng nói, đọc tụng, biên chép kinh Pháp Hoa, hoặc nơi nào có kinh này, nên dựng tháp bảy báu để thờ, không cần Xá lợi vì trong tháp ấy đã có toàn thân Như Lai.

"Nếu có người hành Bồ tát đạo, mà không thể thấy nghe, đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường kinh Pháp Hoa, phải biết người đó chưa khéo tu đạo Bồ tát. Ví như đào giếng trên gò cao, thấy đất khô, biết cách nước còn xa, nên cố gắng ra sức đào thêm. Khi thấy đất ướt, đất bùn, biết là gần có nước.

"Bồ tát cũng như thế, chưa nghe chưa hiểu kinh Pháp Hoa thì còn cách xa đạo Vô thượng. Nếu được nghe, hiểu, suy tư, tu tập kinh này, mới được gần Chánh giác.

"Nếu Bồ tát nghe kinh Pháp Hoa, mà kinh nghi sợ sệt là Bồ tát mới phát tâm. Hàng Thanh văn nghe kinh, mà kinh nghi sợ sệt thuộc về hàng tăng thượng mạn.

"Thiện nam, thiện nữ nào muốn giảng kinh Pháp Hoa, sau khi Như Lai diệt độ, phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai. Thành tựu như vậy, ta ở nơi khác sẽ khiến hàng hóa nhân đến nghe pháp. Nếu người nói pháp nơi vắng vẻ, ta sẽ khiến Thiên long bát bộ đến nghe. Ta dù ở nơi khác nhưng luôn luôn làm cho người nói pháp được thấy thân ta và nhắc nhở nghĩa lý kinh cho họ".

II. GIẢI THÍCH

Mở đầu hội Pháp Hoa, Phật phóng quang cho thấy một cảnh giới dung hóa được tất cả các loài cửu địa tứ sanh, cùng sinh hoạt chung không bị chướng ngại. Sang phẩm Phương tiện đến phẩm Thọ học vô học nhơn ký, Phật xả định hướng về 12.000 vị Thanh văn mang thân con người mà giảng nói.

Và khi kết thúc phẩm 9, chấm dứt giai đoạn thứ nhất. Chúng hội đã vượt qua một đoạn đường tu chứng, thoát ly con người ngũ ấm, đến gặp Đức Phật Không Vương. Nghĩa là chúng hội đã thể nhập vào bản thể, nâng con người hình thành ở dạng Pháp Thân. Tầm nhìn đổi khác, thấy được tất cả mọi người sẽ thành Phật hay là Phật đã thành trên bản thể.

Qua phẩm Pháp sư thứ 10, chuyển sang pháp hội thứ hai rộng lớn hơn, dung hóa được tứ Thánh lục phàm, là thế giới của Bồ tát hay Bồ tát học xứ. Vì vậy, mở đầu phẩm này, Phật không nói với chúng Thanh văn, Ngài gọi Dược Vương Bồ tát.

Dược Vương Bồ tát đã từng mang tên Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, ai thấy cũng thương và hết lòng kính trọng. Ngài có đầy đủ tư cách đặc thù như vậy mới được Phật giao phó cho việc khó tin, khó làm. Dược Vương Bồ tát là nhịp cầu giữa hành giả và Phật, là gạch nối giữa thế giới Ta bà đau khổ với thế giới an lành của chư Phật. Bồ tát Dược Vương làm người trợ hóa trong cõi ô trược của phàm phu và trong cả cảnh giới thanh tịnh của chư Phật.

Dược Vương Bồ tát đa dạng đa hình, hiện được mọi sắc thân trên bước đường tu hành. Ở bất cứ dạng nào, Ngài cũng giúp tâm hành giả an tĩnh và thâm nhập tri kiến Như Lai. Không có Dược Vương làm thiện tri thức khai thông cho hành giả qua năm tầng vô minh, hành giả không thể thấy Như Lai, vì chỉ tu trên điên đảo vọng tưởng, càng tu càng xa đạo. Đây là việc quan trọng để chuẩn bị tư thế cho hành giả bước vào pháp hội không trung thuyết pháp, một thế giới siêu hình, nên Phật gọi Bồ tát Dược Vương để dạy.

Trong phẩm 3 đến phẩm 9, Phật thọ ký cho chúng đương cơ; nhưng đến phẩm này, phần thọ ký được mở rộng. Tất cả mọi loài, Thiên Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà, nhân, phi nhân đều được thọ ký.

Ý tưởng mọi loài đều sẽ thành Phật làm đảo lộn định kiến từ lâu của các Thanh văn. Các vị này vẫn quen với quy định nếp sống rõ ràng của hai chúng xuất gia và tại gia. Chúng xuất gia là người giữ tạng pháp, chúng tại gia có nhiệm vụ hộ pháp. Vì vậy, đến lúc cần nói lên chân lý bình đẳng tuyệt đối, Phật phải nói với Bồ tát Dược Vương là người có khả năng chấp nhận, giữ gìn và truyền đạt tư tưởng cao tột này.

Chẳng những người nghe pháp trong đương hội, mà tất cả chúng sanh đời sau, không nhất thiết phải là A la hán. Họ cũng không cần phải làm việc lớn, chỉ cần thọ trì một kệ, một câu cho đến một niệm tùy hỷ; Đức Phật ở thế giới Thường Tịch Quang cũng thọ ký cho họ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đến đây, kinh Pháp Hoa đánh dấu thời điểm đưa ra chân lý bình đẳng tuyệt đối. Tuy nhiên, chúng ta quan sát kỹ dù Phật ban cho bình đẳng thực sự, ai muốn làm gì cũng thành Phật. Nhưng trên thực tế, có mấy người thực hiện được. Để cân bằng lại những điều Phật quy định mới nghe qua thấy quá dễ dãi, quá đơn giản, chúng ta cần suy nghĩ lời Phật dạy kế tiếp. Rằng kinh này là bí mật tạng của Như Lai không thể đem truyền trao bừa bãi cho người không có tư cách. Và Phật khẳng định người trì kinh Pháp Hoa là người thành xong Vô thượng đẳng giác, vì thương nhân gian sanh lại, mới trì được kinh này.

Vì vậy, chúng ta cần hiểu thọ ký cho người có một niệm tùy hỷ là sự thọ ký cho người phát tâm bồ đề, tùy hỷ ở bản tâm thanh tịnh. Không phải thọ ký cho con người còn mang đầy nghiệp lực của ngũ ấm thân.

Ngoài ra, công đức của người truyền bá kinh Pháp Hoa thật là vô lượng, được coi là sứ giả của Như Lai, được Trời người cung kính cúng dường. Nếu có ai dùng lời chê mắng họ, tội còn nặng hơn là đối trước Phật chửi mắng trong một kiếp.

Muốn hiểu được ý của câu này, ta đảo ngược câu lại, sẽ thấy được tư cách của người truyền bá kinh Pháp Hoa thật quan trọng. Người nào sanh trên đời, được Trời người cung kính cúng dường, là sứ giả của Như Lai. Là sứ giả của Như Lai tức đã thành xong Vô thượng chánh đẳng

giác, vì thương chúng sanh mà sanh lại để giữ tạng bí yếu Như Lai, để ban vui cứu khổ chúng sanh, đương nhiên được chúng sanh cung kính tôn trọng.

Phẩm Pháp sư gồm hai phần, phần một nói về hành trì kinh Pháp Hoa cho đúng pháp sau khi Phật nhập diệt. Phần hai là sự truyền bá kinh Pháp Hoa.

Pháp sư là người chuyển được pháp của Như Lai, làm lợi ích cho muôn loài. Dược Vương Bồ tát là pháp sư có khả năng cứu chữa được tâm bệnh của con người. Bất cứ chúng sanh nào đau khổ nhìn thấy Ngài, mọi phiền não đều tan hoại. Hành giả Pháp Hoa ngày nay, nếu tròn đủ tư cách pháp sư như Dược Vương, thay thế đức Như Lai mang an lạc cho loài người, chắc chắn không ai có thể phá hại họ.

Tư cách của pháp sư thật quan trọng, dùng ngôn ngữ nói không cùng. Điển hình như Ngài Nhật Liên Thánh nhân khi sanh tiền hành đạo, đao kiếm chém Ngài tự gãy, người không làm hại được và kẻ thù trở thành đệ tử. Tuy Ngài đã nhập diệt trên 700 năm, nhưng tín đồ của Ngài trên 40 triệu người.

Phần 1 : CÁCH HÀNH TRÌ KINH PHÁP HOA.

Kinh Pháp Hoa chia pháp sư thành năm hạng gọi là ngũ chủng pháp sư : thọ trì pháp sư, đọc pháp sư, tụng pháp sư, thơ tả pháp sư và giảng nói pháp sư.

1 - Thọ trì Kinh Pháp Hoa : Thọ là nhận kinh từ Phật và trì là giữ được trong tâm. Tất cả pháp của Phật được hành giả tiếp thu, giữ gìn một cách trọn vẹn và làm lợi ích cho chúng sanh, để pháp còn mãi trên cuộc đời. Làm như vậy là thọ trì được tạng bí yếu Như Lai.

Người thọ được kinh này, niềm tin đối với Phật, đối với Pháp Hoa không lay chuyển, dù có tan thân mất mạng. Kinh Pháp Hoa luôn lưu chuyển trong tâm niệm tương tục, từ giờ này sang giờ khác, mới đúng nghĩa của việc trụ pháp và giữ pháp.

Người luôn luôn an trụ và giữ pháp, thì phiền não nhiễm ô bên ngoài không xâm hại được. Vì có sự bố trí tinh mật che chở cho hành giả Pháp Hoa. Vòng ngoài có bát bộ Thiên long, vòng trong có thần Kim Cang thủ hộ và sau cùng được các Bồ tát đồng học trợ lực, thành tựu viên mãn mọi công việc.

Thọ trì là phần chánh hạnh, khó thực hiện. Vì khi còn mang thân phàm phu đầy tham sân phiền não, làm sao thấy được Như Lai mà nhận kinh. Không nhận được kinh làm thế nào giữ được kinh. Vì thiếu tư cách Phật để thọ trì kinh Pháp Hoa, hành giả phải tu phương tiện, nghĩa là mượn lực Phật trang nghiêm thân tâm mình.

Pháp Hoa là chân lý, tất nhiên việc hộ trì chân lý không dễ. Người tà dại nhiều và mạnh gấp mười lần người thiện, tu ở nhân gian chúng ta cần ý thức kỹ điều này. Tuy ma lực mạnh nhưng không tác hại được Phật. Vì Phật mượn lực ma làm đạo, dù hung tàn bạo ngược đến với Ngài, cũng trở thành hiền. Hành giả muốn thọ trì chánh pháp, cũng phải có tư cách Phật hoặc mượn sức Như Lai để thành Phật. Vì vay mượn Như Lai, nên chúng ta chỉ là Phật giả. Tuy nhiên, khi chúng ta trang bị pháp Phật để tạo thành ông Phật giả, cũng nhận được kết quả nhiều ít khác nhau, tùy mức độ khéo léo sử dụng sự vay mượn pháp Như Lai.

Vì nhiều khó khăn trong việc thực hiện phần thọ trì chánh hạnh, hành giả phải tu bốn trợ hạnh: đọc, tụng, giải nói, biên chép.

2 - Trợ hạnh 1 : Đọc tụng kinh Pháp Hoa

Hành giả ở một mình hay ở trong chúng thường xuyên đọc kinh và nương theo đó tu hành. Đọc cho chính mình nghe tăng trưởng bồ đề, đọc cho người khác nghe khiến họ phát tâm. Đọc kinh trong trạng thái tâm bình ổn. Từng chữ, từng lời thấm vào tâm não, hiểu được nghĩa lý sâu xa của kinh, khiến cuộc sống biến đổi, cảm thấy an vui và tăng thêm sức sống. Hành giả tự giảm thiểu được mọi dục lạc tầm thường của thế nhân.

Nếu đọc mà còn giao động trước hoàn cảnh và người khác nghe khởi tâm phiền não, thì chưa phải là pháp sư. Hoặc đọc kinh, nhưng thiếu niềm tin, cũng giống như người không có tay vào kho báu, không thể lấy được.

3 - Trợ hạnh 2 : Tụng kinh Pháp Hoa

Hành giả tụng kinh bằng tất cả lòng thành kính và độ cảm, phát ra ngôn ngữ giải thoát và người nghe cũng được thanh tịnh theo. Pháp sư tụng kinh Pháp Hoa, đời sống thăng hoa, vì loài người cho đến chư Thiên nghe đều phát tâm tu hành đạo Vô thượng chánh đẳng giác.

Ngay lúc thọ trì, không cần tụng, nhưng thọ trì trong tâm niệm liên tục. Bốn oai nghi của pháp sư đều tạo nên thế bình ổn và cảnh giới giải thoát cho những người chung sống. Đọc tụng Pháp Hoa kinh thuộc phần khẩu trì niệm.

4 - Trợ hạnh 3 : Thơ tả kinh Pháp Hoa

Thơ tả là biên chép để truyền bá rộng rãi. Biên chép kinh có hai tác dụng. Nếu biên chép và được mọi người trao tay thọ trì đọc tụng tu hành, hành giả có công đức. Nếu đem truyền bá mà người không đọc tụng chỉ đem về thờ, đợi đến lúc đủ phước duyên gặp pháp sư chỉ dạy, mới đem tụng, thì lúc đó chúng ta mới có chút ít công đức.

Ngược lại, nếu đem phân phát cho người không tín tâm, rồi họ dùng để gói đồ, hành giả không có công đức, mà còn tạo tội cho người khác. Thơ tả thuộc phần thân trì niệm.

5 - Trợ hạnh 4 : Giải thuyết kinh Pháp Hoa

Pháp sư giảng kinh Pháp Hoa mang kết quả tu hành của mình truyền đạt cho người khác, không phải truyền mớ ngôn ngữ có sẵn trong sách vở. Sở đắc của hành giả tươi nhuận cho đời sống của chính bản thân và người nghe cũng phát tâm đi theo con đường giải thoát. Nếu ngược lại, dùng trí thế gian hiểu lệch lạc, giải sai, khiến người nghe tạo muôn ngàn tội lỗi, tất cả sẽ sa vào địa ngục.

Thuyết Pháp Hoa không có nghĩa gì khác hơn là mang an vui cho chúng sanh. Vì mục tiêu của Pháp Hoa chỉ để giúp người an vui, hết khổ. Hành giả thể hiện tam chuyển pháp luân, thuyết Pháp Hoa bằng thân khẩu ý, không phải nói suông. Nhìn thấy pháp sư, người được giải thoát, nghe thuyết pháp, họ liễu ngộ Đại thừa và nghĩ đến pháp sư, họ cảm thấy an lành. Trái lại, thực sự chúng ta còn đói rét, đau khổ, bực bội, thì có Pháp Hoa đâu mà thuyết.

Tu tập bốn trợ hạnh trên, giúp hành giả tiến gần đến bản tánh thanh tịnh, phát huy chánh hạnh. Lần hồi hành

giả đến gần Như Lai hơn, nhận được tạng bí yếu của Như Lai và trở thành người hộ trì pháp trong thế gian.

Trong kinh ví sự gia công tu tập của chúng ta để trở thành hành giả Pháp Hoa với hình ảnh một người khát nước đào giếng ở trên cao nguyên. Hình ảnh chúng ta đau khổ trong đồng hoang sanh tử, đi tìm đạo, chẳng khác gì người thèm nước, đang bị khô bỏng cổ giữa sa mạc. Mỏi gối chồn chân tìm được Bồ tát hay Phật trên cuộc đời cho ta dòng suối mát giải thoát, ắt hẳn không phải là việc đơn giản.

Đứng trên vùng đất khô, cao, đào tìm nước tất nhiên khó quá. Nhưng ráng sức đào qua lớp đất cứng, đến lớp đất mềm, khác nào chúng ta hạ quyết tâm tìm đạo không biết mỏi mệt, niềm tin đạt đến đỉnh cao. Vượt qua được những tầm thường của cuộc đời, sẽ thấy được phi thường hiện hữu ở phía sau, bắt gặp những tâm hồn lớn. Nếu chúng ta đào một lúc, thấy đất cứng quá và buông bỏ. Giống như người loay hoay tìm kiếm ở trần gian, không gặp ác Tăng cũng gặp nghiệp Tăng.

Hành giả phải ra công đào không ngừng. Từ khô cháy nóng bỏng cổ trong đồng hoang sanh tử chưa gặp được Phật nói kinh Pháp Hoa, nhưng gặp bậc chân tu La hán nào đó; chúng ta cũng mát lòng là gặp đất ướt.

Hành giả ra công đào sâu nữa sẽ gặp bùn, chưa phải nước, nghĩa là sẽ gặp Bích chi Phật. Trong bùn, nước bắt đầu rỉ; nói cách khác, chân lý bắt đầu xuất hiện. Bích chi Phật chỉ cho thấy, giải thích cho hành giả hiểu. Từ đó về sau lộ trình tu của hành giả trở thành nhẹ hơn, chịu cực đào sâu xuống thêm một chút sẽ có nước trong hay gặp Bồ tát. Mọi vấn đề tự nhiên được giải quyết, khỏi thắc mắc, buồn phiền, khỏi làm những việc vô lý.

Rất tiếc, chúng ta vì sống ở cao nguyên quá xa dòng sông, từ bao đời quay cuồng trong sanh tử đẩy ta xa dần dòng thác trí tuệ Như Lai. Tuy nhiên, ngày nay nương được tam thừa giáo, tìm được nước uống. Đến ngày nào đó cũng gặp được Pháp Hoa, đạt được giải thoát, được chư Phật phóng quang gia bị.

Dù hành giả ở nơi vắng vẻ, không có người nghe pháp, Phật sẽ sai hóa Tỳ kheo đến nghe và sai thần nhân hộ trì người nói pháp. Nếu giảng kinh, có quên ý nào, Phật sẽ nhắc. Thực sự là hành giả Pháp Hoa, phải được Phật hộ niệm, phải được Phật khiến người đến nghe pháp và bảo vệ pháp sư. Trái lại, Như Lai không gia bị cho hành giả được, vì hành giả chưa thực sự có kinh Pháp Hoa, không phải là Pháp thân Bồ tát, nên Pháp thân Phật không gia bị đến được. Hành giả phải thọ nạn là tất yếu, chết là bình thường.

Muốn biết mình thọ trì đúng hay sai pháp, hãy xem cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Thọ trì rồi đời sống hành giả mỗi ngày thăng tiến hơn, cuộc sống giải thoát hơn, được Phật hộ niệm, thiện thần che chở. Dù hoàn cảnh nào cũng an ổn và thường xuyên liên hệ với Phật, Bồ tát trong cảnh giới Pháp Hoa. Đó mới chỉ là công đức của người đang đi tìm đạo, chưa phải là Bồ tát. Riêng đối với những người nay nghe tin, mai đổi ý, họ thọ trì chưa đúng cách và nghiệp ác đồng khởi theo kinh, chắc chắn không thể nào vượt qua 500 do tuần đường hiểm để đến bảo sở.

Phần thứ nhất của phẩm này thuộc phần tự hành, dạy rằng nếu ta chưa đủ sức làm người khác phát tâm, thì cũng đừng làm họ oán ghét. Phật cũng nói kinh này khó tin, khó làm. Chính Ngài cũng trải qua 40 năm dùng

phương tiện dẫn dắt và còn 5.000 Tỳ kheo bỏ chúng hội mà đi, huống gì sau khi Phật diệt độ.

Phật dạy rằng không phải bất cứ ai cũng trao cho kinh này. Lịch sử kinh Pháp Hoa ở nước ta từ thời Chi Cương Lương Tiếp đến nay hơn 1.500 năm, số người thọ trì đọc tụng rất hiếm. Xưa kia, những vị cao Tăng trong núi mới thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa, không phổ biến rộng rãi như ngày nay.

Phần 2 : SỰ TRUYỀN BÁ KINH PHÁP HOA

Pháp sư truyền bá kinh Pháp Hoa đúng nghĩa là sứ giả của Như Lai, xứng đáng được trời người tôn thờ, phải hội đủ ba điều kiện tiên quyết để liên hệ tương ưng với Phật. Người chưa đạt được ba pháp này mà nói kinh Pháp Hoa, hết sức nguy hiểm, sẽ bị xuyên tạc, đánh đập, bỏ tù v.v… Ba điều kiện đó là :

1 - Nhà Như Lai là lòng đại từ, đại bi. Chúng ta truyền bá kinh Pháp Hoa trên căn bản tình thương, nhằm mục tiêu hướng dẫn mọi người đến giác ngộ. Tại sao gọi là nhà Như Lai ? Vì tất cả chư Phật mười phương đều thương người, lấy từ tâm và bi tâm làm nền tảng hành đạo, cứu khổ và đem an lạc cho chúng sanh. Không có tâm đại từ bi, không thể nào tiêu biểu cho Phật. Đức Phật vì thương chúng sanh, hiện thân trên cuộc đời. Hành giả Pháp Hoa cũng vậy. Phật xác định người thọ trì được kinh này là Bồ tát thành xong Vô thượng chánh đẳng giác, vì thương chúng sanh mà nguyện sanh lại, nên là sứ giả của Như Lai. Ngày nay, ta mang thân đầy chướng ngại, phải tự biết ta sanh lại để trả quả báo.

Bồ tát thương nhân gian sanh lại bước vào đời bằng đôi chân từ bi. Chân phải hành giả bước là ban vui, chân trái là cứu khổ. Sử dụng tâm từ bi đối với chúng sanh, thấy

người được việc, hành giả sanh tâm hoan hỷ quý mến. Đối với việc phải, hành giả trân trọng thực sự, khác với tâm ganh tỵ trước kia. Và chân trái hành giả bước đến, nhìn thấy sai trái của cuộc đời, hung ác tội lỗi dẫn họ đến quả khổ đau mà khởi lòng thương, nghĩ cách cứu khổ.

Cứ như vậy, hai bước chân từ bi của hành giả nhẹ nhàng đi vào cuộc đời, đến khi nhập một, thành bất nhị pháp môn. Nhược bằng không có đôi hài từ bi, không phải là hành giả Pháp Hoa, ắt hẳn phải dẫm đạp trên đau thương của kẻ khác.

Bồ tát là sứ giả của Như Lai, thay thế Như Lai hiện hữu trên đời, đến với chúng sanh, vì chúng sanh mong cầu các Ngài. Làm xong sứ mệnh Như Lai giao phó, các Ngài quay thuyền về bến giác. Còn chúng sanh làm xong thường hay kể công. Bằng từ tâm, Bồ tát đến theo nhu cầu của người, mang an vui cho họ, không phải tới để thọ lãnh cúng dường. Chúng sanh thọ ơn Bồ tát cứu mạng, không bao giờ quên được. Tâm họ luôn hướng về Ngài, không bị phiền lụy thế gian chi phối. Cuối cùng, họ cũng được giải thoát.

Bồ tát đến với chúng sanh, ví như ánh sáng mặt trăng mang đến sự mát mẻ. Nước dù đục hay trong, ánh trăng vẫn rọi vào. Cũng vậy, tâm chúng sanh đầy phiền não nhiễm ô, nhưng Bồ tát Nguyệt Quang đến, tâm tội lỗi vụt bừng sáng và phát được tâm đại từ bi. Bồ tát ảnh hưởng vào tâm hành giả và biến thành hành động, thì hành giả là Bồ tát trên nhân gian, không phải Bồ tát ở cõi khác hiện tới.

Mang tư tưởng Pháp Hoa truyền bá, mọi việc làm của Bồ tát đều thể hiện trọn vẹn lòng đại từ bi, sanh tiền hành đạo được chúng sanh cung kính cúng dường, về Niết bàn

được mọi người mến tiếc thương nhớ. Bồ tát trì Kinh Pháp Hoa bằng đại bi tâm, đối với chúng sanh không chút vụ lợi.

Riêng chúng ta thương người với điều kiện họ phải phục tùng, đó là tình thương giả dối của nhân gian. Tâm Phật thương người. Người nghe lời Ngài, đi trên đường Thánh đạo. Hiện đời, họ được phước lạc, đời sau thăng tiến quả vị Hiền Thánh. Nhưng đối với người phá hại, không nghe Phật, thì Ngài khởi tâm thương nhiều hơn. Vì nghĩ đến quả báo đau khổ mà họ phải chuốc lấy trong hiện tại và mai sau.

Vào đời với tư cách hành giả Pháp Hoa, phải thương người thuận và thương người nghịch nhiều hơn. Nói đúng hơn, là sứ giả Như Lai phải mang thông điệp tình thương của Như Lai đến muôn loài. Trong tâm hành giả không còn trạng thái thương ghét, tất cả mọi loài đều là quyến thuộc phải hộ trì. Tâm từ mở rộng đến cùng tột, tương ưng được với tâm từ của Như Lai, thì huệ lực của Như Lai mới truyền đạt cho hành giả và lời nói của hành giả mới làm chúng sanh mát lòng. Khi tâm từ không đủ, hành giả mất tư cách hộ trì chánh pháp. Nếu tự xưng là sứ giả Như Lai, sẽ mắc tội đại vọng ngữ, quả báo không lường được.

Muốn nối gót chư Phật mười phương, phải xét lại tư cách mình có giống Phật hay không. Chúng ta có tạo dòng suối mát cho nhân gian chưa, vắt đất ra nước để làm mát lòng người hay chưa. Nói cách khác, tình thương chúng sanh và việc cứu độ họ chưa tròn đủ, đừng mong gì có Pháp Hoa. Chúng ta tự hỏi lòng mình, trên quá trình tu Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, lòng từ bi của ta tới vị trí nào ? Còn ở đất khô, hay đất ướt, đất bùn hay đã gặp nước ?

Nếu truyền bá Pháp Hoa, bị người chỉ trích, phải nghĩ rằng vì tình thương của chúng ta đối với họ chưa trọn vẹn. Điều kiện tiên quyết là chúng ta phải tăng trưởng tâm từ bi. Chính lòng từ hóa giải tâm ác của người. Người trì kinh không gặp tai nạn, vì với lòng từ luôn nghĩ đến cách làm cho tha nhân vui sướng, không làm họ bớt vui, huống chi nói đến làm khổ. Từ tâm thật sự trải rộng như Phật thì muôn thú còn tìm đến dâng cúng, huống là nhân thiên.

Tăng trưởng lòng từ đến cao độ bằng chư Phật mới chính thức vào nhà Như Lai. Thật sự đã vào nhà Như Lai, là sứ giả của Như Lai, chắc chắn không ai xâm phạm được. Nhưng vì chúng ta còn là phàm phu đầy nghiệp lực, nên phải gặp nhiều chướng duyên. Tâm từ và tâm bi của hành giả phải được nuôi dưỡng và an trú liên tục trong Phật đạo. Nếu có kẽ hở, sẽ sanh phiền não và bị quả báo.

Trên bước đường tu hành, đột nhiên ta thấy một người ác hoặc một việc không bằng lòng hiện ra trên thực tế hay trong tiềm thức, ta nhận biết ngay mình đã đánh mất tâm từ bi. Thật vậy, Phật dạy chúng ta phải thúc liễm sơ tâm, giữ cho tâm lúc nào cũng tốt đẹp, dũng mãnh như tâm ban đầu. Đừng dại khờ đánh mất tâm thanh tịnh ban đầu, sẽ bị bùn nhơ chúng sanh đổ trút lên chôn vùi ta.

Cứu khổ ban vui cho chúng sanh là chánh hạnh của Bồ tát. Bồ tát thể nhập vào tâm chúng sanh đến độ quên mất bản ngã, coi chúng sanh là mình và mình là chúng sanh. Đến đây, chúng sanh không cần cầu nguyện Bồ tát và Bồ tát không cứu chúng sanh nhưng "cảm ứng đạo giao", cũng như trăng không chui vào nước, nước cũng không lên trăng mà trăng vẫn có trong nước vậy.

2 - Nhu hòa nhẫn nhục hay áo Như Lai

Khi Phật chưa thành đạo, Ngài mặc áo nghiệp như chúng ta. Trải qua quá trình năm năm tìm đạo, sáu năm khổ hạnh đến Bồ đề đạo tràng đêm mùng 8 tháng chạp, kết thành áo Như Lai. Đó là chiếc y vô hình phủ lên Ngài. Suốt 49 năm, Ngài giáo hóa độ sanh, tâm hồn thanh thản, trí huệ sáng suốt, việc làm thánh thiện của Ngài hoàn toàn siêu tuyệt.

Các đại đệ tử cảm nhận được Đức Phật cởi bỏ chuỗi anh lạc, nghĩa là rời bỏ cõi thanh tịnh, mang thân phàm phu, mặc vào áo thô rách là áo ngũ ấm như chúng ta. Và từ ngũ ấm thân này chuyển thành Pháp thân hay mặc áo Như Lai.

Thân xác thường được Phật xem là áo che chở Pháp thân bên trong. Nếu không có sanh thân, Phật không thuyết pháp độ sanh được. Đối với Phật, áo mục, Ngài thay áo khác. Nghĩa là thấy cần diệt độ, Ngài sẵn sàng bỏ thân, thay bằng thân khác. Tùy yêu cầu của chúng sanh cần loại hình nào, Ngài hiện thân đó.

Áo Như Lai là áo nhu hòa nhẫn nhục. Nhu là mềm, đối với người, hành giả luôn luôn mềm mỏng, lời nói thường dịu dàng. Hòa là giữa hành giả và người hiểu nhau, cảm thông nhau. Bồ tát hòa với chúng sanh đến độ tuyệt đối, cả hai biến thành một. Bồ tát không có lập trường riêng, vì đã thành xong Vô thượng chánh đẳng giác, nhưng thương chúng sanh mà đến với họ, không đến vì quyền lợi nên không đụng chạm nhau.

Ở lập trường chúng sanh, Bồ tát cảm thông với chúng, lần hồi tháo gỡ những gút mắc khó khăn, xây dựng cho họ như xây dựng cho chính mình. Dù chúng sanh cang cường ngang ngược đến đâu, Bồ tát vẫn

cương quyết không bỏ, để tâm từ bi không bị tổn hoại. Đến ngày nào nghiệp và phiền não bớt bao vây, trí tuệ sáng thêm, họ sẽ có thiện cảm với Bồ tát. Lúc đó, giải bớt được oan nghiệp và gieo thêm hạt giống Bồ đề trên cõi đời ô trược này.

Ngoài pháp nhu hòa, hành giả cần tu pháp nhẫn. Hành giả trang nghiêm bằng tâm nhẫn nhục, đi vào trần thế với mục tiêu làm người an vui hết khổ. Nhưng họ lại nghĩ hành giả đến để lợi dụng. Va chạm thực tế phũ phàng này, hành giả tự nghĩ mình đến Ta bà không cần bất cứ gì, tại sao lại chịu nhục như thế, liền rũ áo trở về ngay. Thái độ dứt khoát như vậy không phải là Bồ tát Pháp Hoa, không thể hiện hạnh nhẫn nhục của Bồ tát Pháp Hoa.

Bồ tát Pháp Hoa có sức kham nhẫn lạ lùng. Chúng sanh càng đối xử tệ ác bao nhiêu, tâm từ bi các Ngài càng phát triển bấy nhiêu. Nói cách khác, hình ảnh kham nhẫn kiểu mẫu không ai khác hơn là Đức Phật chịu đựng 49 năm ở Ta bà.

Trên bước đường giáo hóa độ sanh của Phật, không phải lúc nào cũng phẳng lặng bình an. Với nhẫn lực siêu tuyệt, Ngài vượt mọi tai ách. Điển hình như câu chuyện lịch sử có ghi rõ một Bà la môn giết con, rồi vu oan cho Phật hiếp dâm và giết con ông. Nhưng Phật kiên nhẫn ở lại cuộc đời, chỉ vì lòng thương tưởng đối với đời. Mười phương Phật hay Phật cửu viễn sai Kim Cang thủ hộ hữu hình và vô hình hộ vệ Phật Thích Ca. Và trên thực tế, vua Ba Tư Nặc là vị hộ pháp đắc lực nhất. Ông ra lệnh điều tra, chính người Bà la môn đã giết con để vu khống, bôi lọ Phật.

Điều kiện tiên quyết thứ hai, hành giả Pháp Hoa cần trang bị sức kham nhẫn chịu đựng. Có một số người nghĩ

đơn giản rằng ta chỉ nhịn đối phương, mọi việc sẽ êm. Trước hết cần xác định nhẫn nhục không phải là sự cố gắng nhịn nhục. Bằng nghiệp thức con người hiểu biết, phân biệt, nhịn chịu, hành giả đang tu nhẫn nhục của thế nhân, không phải nhẫn nhục pháp của Bồ tát, của Như Lai. Riêng chúng sanh trong ngục vô gián, chịu đựng ngày này qua tháng nọ, nhưng không bao giờ thành Phật, càng chịu đựng chúng càng đau khổ sân hận.

Cần hiểu rằng nhẫn nhục của Bồ tát là làm thế nào kẻ ác không còn phá rối được nữa. Hành giả phải trừ tận gốc, vì nhịn hoài, họ kiếm chuyện hoài. Đến lúc không nhịn nổi, sẽ bung ra tâm ác và thái độ đối phó càng dữ hơn.

Pháp nhẫn Phật dạy thuộc giới tánh, có công năng đoạn sạch chướng ngại cho hành giả. Pháp nhẫn được triển khai thành ba loại là chúng sanh nhẫn, pháp nhẫn và đại nhẫn. Hội đủ ba pháp nhẫn này mới hình thành nhẫn nhục Ba la mật. Nói cách khác, khi nào không còn gì trên trần thế mà hành giả phải chịu đựng, mới đạt được pháp nhẫn Ba la mật.

Nhẫn của thế gian cắt lòng ta, nhưng mặc áo Như Lai rồi, hành giả thản nhiên trước mọi sự kiện, không phải nhịn bằng ý thức nhịn. Khoác áo giáp nhẫn của Như Lai, hành giả bình ổn lạ thường, không có đối phó, dù là đối phó bằng cách nhịn.

Sự nhẫn nhục do thọ trì đọc tụng kinh sanh ra, bộc phát tự đáy lòng, là một nhẫn lực tự nhiên, phát ra ngôn ngữ nhu hòa, xoa dịu lòng người.

a - Chúng sanh nhẫn : Phật hiện thân vào thế giới Ta bà, biết rõ căn tánh hành nghiệp chúng sanh, nên Ngài giáo hóa chúng sanh không chướng ngại. Bồ tát hành đạo cũng vậy, dùng vô số phương tiện điều phục chúng sanh cang cường. Các Ngài tu pháp nhẫn, nhường nhịn chúng sanh để không chạm tự ái của chúng. Và theo dõi nghiệp ác, suy nghĩ, ham muốn của chúng sanh, lần sửa đổi, phát huy tri thức và đạo đức cho chúng tốt hơn.

Phật dạy hành giả Pháp Hoa phải nhẫn nhục vì tu Pháp Hoa hiện thân con người thánh thiện ắt phải đối nghịch với người ác. Việc tốt hành giả làm nhất định phải gây tác hại cho người xấu. Thật vậy, khi có hai hình chúng ta dễ so sánh, cái xấu hiện rõ vì có điều tốt, hình ác hiện rõ vì có hình thánh thiện. Phật tiêu biểu cho ánh sáng và ma tiêu biểu cho bóng đen, ánh sáng xuất hiện thì bóng tối phải tan biến.

Ở Ta bà, luôn luôn tồn tại hai mặt tương phản. Hành giả Pháp Hoa quan sát rõ như vậy, khởi tâm từ cứu người ác nghịch, sẵn sàng gánh chịu điều kỳ quặc, tệ xấu của họ. Tuy ông Phật trong họ quá nhỏ, chỉ có một điểm tâm thôi, hành giả cũng cố gắng tìm điểm dễ thương nhất, tìm điểm tốt nhất của họ để cứu giúp, nuôi dưỡng điểm thiện nhỏ nhất của họ cho phát triển.

Với trí tuệ chỉ đạo, Bồ tát nhẫn nhục dễ dàng. Bồ tát càng nhẫn, công đức càng tăng và quyến thuộc càng đông hơn. Thường Bất Khinh Bồ tát thực hiện hạnh nhẫn cao độ với những người tăng thượng mạn. Sau này, họ đều trở thành quyến thuộc của Ngài với đầy đủ các thành phần Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, cư sĩ, Bồ tát.

Thực hành pháp nhẫn, chuyển hóa hiểu biết của người, đến khi tầm nhìn của họ và Bồ tát giống nhau, họ

và Bồ tát đã thành một. Bồ tát đã thành tựu pháp chúng sanh nhẫn.

b - Pháp nhẫn : nghĩa là tất cả pháp thuộc hữu hình, vô hình, hữu vi, vô vi được hành giả quan sát cùng tột ngọn nguồn để phục vụ lợi lạc cho chúng sanh. Đầu tiên, hành giả đối phó với pháp hữu hình, hữu vi. Thực tế là cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc men, phải giải quyết trước. Hành giả tự khắc phục, tập bỏ ăn ngon chỉ ăn no, tiến đến ăn vừa đủ để duy trì sự sống bình thường. Vì chúng ta ý thức rõ ba việc ăn, mặc, ở ràng buộc suốt cuộc đời. Hành giả tự hạn chế, bớt lệ thuộc chúng, dành thì giờ, trí khôn, sức khỏe cho việc tiến tu.

Đến khi thành tựu pháp nhẫn, tất cả pháp vô tình, vô vi, hay nói chung hành giả tác động được mọi loài trong pháp giới theo ý muốn, điều động thiên nhiên tự tại. Chẳng những hoàn cảnh thiên nhiên không chi phối bức ngặt hành giả, ngược lại hành giả chuyển vật, biến nó trở thành phục vụ cho mình và người.

c - Đại nhẫn : Sau khi đã biến chúng sanh và các pháp thuận theo hành giả, tự động pháp nhẫn thứ ba sanh ra, trở về ngũ uẩn pháp ở dạng nguyên thể. Ta, chúng sanh và pháp đồng nhất thể hay Phật, tâm, chúng sanh trở thành một. Hành giả đạt đến quả vị Như Lai. Pháp đại nhẫn thuộc phần tâm chứng của đại Bồ tát, khó dùng ngôn ngữ diễn bày được.

Ba pháp nhẫn : chúng sanh nhẫn, pháp nhẫn, đại nhẫn thành tựu, dẫn hành giả đến cứu cánh Phật quả.

Trên bước đường tu, muốn nhu hòa nhẫn nhục, hành giả phải tự hạ thấp mình xuống. Ngay như Phật ra đời để tuyên bày chân lý Pháp Hoa, nhưng vì đại chúng chưa

chấp nhận được, Ngài phải sống tùy thuận để dần dần xây dựng tình thương rộng lớn cho họ.

Pháp sư thể hiện pháp nhẫn cao tột, sâu sắc là Nhật Liên Thánh nhân. Trên bước đường lập giáo khai tông, Ngài chẳng những bác bỏ kinh sách của ngoại đạo, mà cả các kinh khác của Phật nói ra. Ngài nói 14 phẩm đầu của kinh Pháp Hoa dành cho chúng đương cơ, không phải của Bồ tát hay chúng hậu thế. Vì chúng ta đâu có theo ngoại đạo mà phải cải tạo tư tưởng ngoại đạo sang tư tưởng Phật đạo, cũng như không theo Tiểu thừa nên không phải chuyển từ Tiểu thừa sang Đại thừa.

Chúng ta trực tiếp nhận được giáo lý Đại thừa, thì cứ từ đó mà đi lên. Nếu tu các kinh khác chỉ là phú chướng giáo hay vị đắc đạo giáo. Những người này sánh bằng cầm thú, không thể là nhà truyền giáo được và những danh sư thời đó, Ngài coi là trùng độc trong thân sư tử. Ngài chỉ trích mạnh mẽ như vậy, nhưng vì là Bồ tát thị hiện, nên không giết Ngài được mới đưa Ngài đi lưu đày ngoài đảo. Khi sóng bủa ba đào, Ngài đã hòa với thiên nhiên đến độ cao nhất tạo thành một lực dụng bất khả tư nghì. Ngài chỉ niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh tức thì sóng lặng bể yên. Sau khi đày Ngài ra đảo, tình hình trong nước càng ngày càng bi đát, gặp nhiều chống đối, kinh tế khủng hoảng, thiên tai dồn dập đổ xuống và ngoại xâm hăm dọa. Lúc đó vua mới ra lệnh rước Ngài về và nước Nhật từ đó thay đổi sáng sủa hơn. Tất cả huyền nhiệm Ngài tạo nên làm người Nhật vững niềm tin, tôn kính Ngài như Thượng Hạnh Bồ tát.

Hoằng truyền kinh Pháp Hoa, sẽ gặp khó khăn như vậy. Chúng ta tự lượng sức mình có đủ khả năng làm những việc thần bí như Ngài Nhật Liên hay không. Nếu

không, chúng ta phải nhu hòa nhẫn nhục như Thánh Đức thái tử đã làm trước đó 5 thế kỷ, tạo thành tư thế mà người chống đối phải mang vũ khí đến nộp để đúc tượng Tỳ Lô Giá Na.

Chính Ngài Nhật Liên khi được rước từ đảo về, cũng trở lại thái độ nhu hòa khiến mọi người ngạc nhiên. Ngài bảo đại chúng rằng nếu Ngài tự thấy thành công, thì sẽ thành kẻ tăng thượng mạn, không phải là hành giả Pháp Hoa.

Ngài khuyên chúng ta phải cẩn thận, nên truyền bá kinh Pháp Hoa trong tư thế nhu hòa nhẫn nhục. Đừng gây mâu thuẫn, tạo thành thế chống đối, khi thân phận chúng ta còn bất lực trước hoàn cảnh thiên nhiên và những kẻ tàn bạo. Người đời sau phần nhiều đều áp dụng pháp nhu hòa nhẫn nhục, tùy trường hợp và mức độ tu hành tới đâu có kết quả tới đó. Đến độ cao nhất như mặc áo giáp chư Phật thì không còn gì để nhẫn nữa, mà mọi loài đều quy ngưỡng.

3 - Tòa Như Lai là tất cả pháp KHÔNG. Điểm này dễ lầm vì Thanh văn cũng tu ba pháp : KHÔNG, Vô tác, Vô nguyện. Đến Đại thừa Bát Nhã cũng tu pháp KHÔNG và Pháp Hoa cũng đặt trên căn bản KHÔNG.

Ba trường hợp này khác nhau vì KHÔNG của Tiểu thừa là KHÔNG của kẻ chán đời, tiêu cực. Thời Phật tại thế, giới trí thức không hợp tác với vua chúa, được gọi là Sa môn đối lập với hàng Bà la môn là công cụ của vua. Vì mang tâm niệm yếm thế, Đức Phật dạy họ không làm gì, gọi là vô tác, để đừng đụng chạm tới vua chúa, đừng bị tù tội. Họ không làm bất cứ gì, vì thấy mọi cố gắng đều vô ích, đều là KHÔNG. Sự nghiệp của họ đã mất hết và để diệt lòng tham dục đến tận cùng, nên phải vô nguyện.

Sống chỉ biết ngày nay và cũng không có ý niệm xây dựng, để tạo một nếp sống bình ổn trong xã hội phức tạp.

Ngoài ra, dưới lăng kính của người tu Bát Nhã, mọi vật trên cuộc đời đều không có thực thể, do nhân duyên hòa hợp mà thành, từ điên đảo vọng tưởng mà sanh. Không hề có pháp cố định, tất cả pháp biến đổi không ngừng để tạo thành thế thăng bằng tồn tại mọi vật trong vũ trụ.

Bồ tát hành đạo tiếp cận chân lý, hội nhập chân lý, làm mọi việc chỉ nhằm mục tiêu giúp người phát tâm Bồ đề, xa rời chấp trước. Theo kiến giải của Bồ tát, mọi việc làm ở thế gian cuối cùng sẽ hoàn KHÔNG. Nếu nghĩ nó tồn tại, sẽ sanh tâm cố chấp kiêu mạn.

Các pháp đều KHÔNG, nên tâm hành giả không chướng ngại, không còn điên đảo vọng tưởng, dù đó là cứu cánh Niết bàn. Mọi việc thành tựu không được ôm ấp trong lòng, dù là việc thiện. Phật dạy pháp (chỉ cho việc tốt) còn bỏ, huống chi là phi pháp. An trú pháp KHÔNG, phiền não không còn dấy loạn, tất cả công đức lành đều hồi hướng Phật đạo để tâm hoàn toàn giải thoát.

Tất cả pháp KHÔNG nói trên không phải là tòa Như Lai, mà là pháp tòa của A la hán, của Bồ tát. Tuy bình ổn, nhưng chưa đủ tư cách để giảng Pháp Hoa. Phải ngồi tòa Như Lai, tức thấy được tánh của sự vật mà kinh Lăng Nghiêm diễn tả bằng câu "Tánh SẮC chơn KHÔNG, tánh KHÔNG chơn SẮC, thanh tịnh bản nhiên châu biến pháp giới". Nghĩa là nhìn vật qua hiện tượng là sắc chất, nhưng ngồi tòa Như Lai thấy tánh của vật là KHÔNG. Vì trong vật đã tiềm tàng cái KHÔNG tồn tại và ngược lại trong cái chơn KHÔNG chưa xuất hiện vật ra ngoài cho chúng ta thấy bằng mắt, cũng đã tiềm ẩn phần sắc hay vật. Ví dụ năm ngày trước hoa chưa nở, ta nói không có, nhưng

Phật nói có. Ta bằng lòng chăng? Cũng vậy, mọi người đang đau khổ, Ngài nói chúng ta là Phật. Ta chấp nhận được chăng ? Đến khi hoa nở, Phật lại bảo không có. Chúng ta nghĩ sao ? Dưới mắt quan sát của người có trí tuệ, tánh sắc là chơn không và tánh không là chơn sắc. Ở bản thể, vật hoàn toàn thanh tịnh, tùy tâm thế nào vật theo đó hiện. Ngài Long Thọ gọi là giả danh. Hoa không có thực. Do suy nghĩ, hiểu biết hay nói khác do thức biến, ta đặt tên cho nó là hoa.

Tuy nhiên, điều đặc biệt là pháp KHÔNG của Pháp Hoa hoàn toàn khác với KHÔNG của Bát Nhã vì đằng sau pháp KHÔNG này là diệu hữu bất khả tư nghì. Chính Phật Thích Ca thể hiện sâu sắc trọn vẹn sự chứng đắc pháp KHÔNG diệu hữu, Ngài mới trường tồn mãi với thế gian. Tuy Ngài vào Niết bàn hơn 25 thế kỷ, giáo pháp của Ngài vẫn hội nhập sâu sắc vào cuộc sống của nhân loại. Riêng chúng đương cơ được Phật dẫn vào thế giới KHÔNG diệu hữu, vượt tâm thức con người, chuẩn bị tư cách chiêm ngưỡng tháp Đa Bảo, nghe Đức Phật Đa Bảo phát ra lời nói chứng tín "Thiện tai, thiện tai, Thích Ca Mâu Ni, chỗ Ngài nói đó là pháp chân thật". Phật đưa chúng hội từ thế giới con người phàm phu vào cảnh giới mầu nhiệm của chư Phật, được nói đến trong phẩm kế tiếp.

phẩm 11

HIỆN BẢO THÁP

I . LƯỢC VĂN KINH

Trước Đức Phật Thích Ca, một tháp bằng bảy báu cao 12 cây số, từ dưới đất nổi lên rồi đứng giữa hư không. Trong tháp vang ra tiếng khen ngợi kinh Pháp Hoa. Bồ tát Đại Nhạo Thuyết thấy đại chúng kinh ngạc, liền hỏi Phật nhân duyên gì mà tháp báu xuất hiện và lại có tiếng khen như thế. Ngài đáp : "Toàn thân Như Lai đang ngự trong tháp báu này. Vào thời quá khứ cách nay thật lâu xa, có Đức Phật Đa Bảo ở nước Bảo Tịnh đã phát lời thệ nguyện rằng nếu Ngài thành Phật, sau khi diệt độ, bất cứ chỗ nào nói kinh Pháp Hoa, Ngài sẽ khiến cho tháp báu hiện ra khen ngợi để chứng minh. Và toàn thân Phật trong tháp sẽ nói : "Hay thay, hay thay, Thích Ca Mâu Ni, điều Ngài nói đó là pháp chân thật".

Bồ tát Đại Nhạo Thuyết xin Phật cho đại chúng được thấy thân của Phật Đa Bảo. Ngài đáp : "Theo nguyện của Phật Đa Bảo, Phật nào muốn chỉ cho tứ chúng thấy thân của Ngài đang ở trong tháp báu, Phật ấy phải tập họp các phân thân đang thuyết pháp trong mười phương". Lúc ấy, Phật Thích Ca phóng một luồng hào quang từ lông trắng giữa hai chân mày, khiến cho chúng hội thấy rõ hằng sa thế giới ở phương Đông.

Nhận được ánh sáng ấy, chư Phật mười phương bảo các Bồ tát : "Chúng ta phải sang thế giới Ta bà, chỗ ở của đức Thích Ca, để cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai". Chư Phật ấy đều là phân thân của Đức Thích Ca. Ngay lúc ấy, Ta bà biến thành Tịnh độ.

Các Đức Phật phân thân qua đến Ta bà, lên ngồi trên tòa sư tử dưới gốc cây báu. Để có chỗ cho các Phật phân thân tập họp, Đức Thích Ca dời Trời người đi nơi khác và biến thêm 400 muôn ức na do tha nước thanh tịnh. Khi phân thân Phật mười phương về đủ, các Ngài sai thị giả qua Ta bà cúng dường hoa báu, hỏi thăm sức khỏe Đức Thích Ca và thỉnh Ngài mở tháp báu.

Đức Thích Ca liền đứng dậy trụ trong hư không, lấy ngón tay mặt mở tháp. Chúng hội đều thấy Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu, toàn thân không rã, như người nhập định và cũng nghe Đa Bảo Như Lai nói : "Hay thay, hay thay, Phật Thích Ca nói pháp thật vi diệu. Ta đến đây để nghe kinh này".

Sau đó, Đức Đa Bảo chia nửa tòa sư tử trong tháp báu cho Đức Thích Ca, Ngài liền vào tháp ngồi. Nhìn thấy hai Đức Như Lai trong tháp báu, đại chúng thầm nguyện : "Đức Phật ngồi cao quá, cúi xin Ngài dùng thần thông cho chúng con được gần Ngài".

Đức Thích Ca bèn dùng thần thông tiếp đại chúng lên hư không và nói lớn rằng : "Nay chính đã đến lúc cho những ai muốn nói kinh ở cõi Ta bà. Như Lai sẽ vào Niết bàn, muốn đem phú chúc kinh này".

Tiếp theo, Ngài nói bài kệ, chỉ cho đại chúng thấy rõ sau khi Phật diệt độ, việc đọc tụng, biên chép, giảng nói, nghe hiểu, tìm nghĩa lý sâu xa trong kinh, tôn trọng, thực hành kinh Pháp Hoa, là những điều khó làm nhất; khó hơn cả việc để quả đất trên ngón chân rồi bay lên đến Trời Phạm Thiên hoặc khó hơn người gánh cỏ khô vào lửa không bị cháy v.v… Vì thế, ai làm được, chư Phật rất hoan hỷ, người đó là mắt sáng của Trời người, xứng đáng cho Trời người cúng dường.

II - GIẢI THÍCH

Với thiện căn thuần thục và một quá trình tu học dài lâu, hàng Thánh chúng từng bước theo Phật vào thế giới siêu thực, an lành. Và được Phật trao cho hành trang nhà Như Lai, áo Như Lai và tòa Như Lai, thân tâm các Ngài thoạt nhiên thanh tịnh, thấy được tháp Đa Bảo hiện ra.

Đến đây, đã chuyển sang pháp hội thứ hai là hội không trung thuyết pháp, di chuyển chúng hội từ thế giới quan hạn hẹp của sắc thân sang thế giới quan bao la của siêu thức. Từ con người chỉ sinh hoạt với hiểu biết của thức uẩn, hành giả hạ thủ công phu tu tập thiền định. Đạt tới trạng thái diệt tận định, các lỗi lầm đã hết, không còn phiền não, mới có khả năng tham dự pháp hội thứ hai. Đó là pháp hội của những người có đầy đủ thần lực thu ngắn 60 tiểu kiếp bằng khoảng một buổi ăn, một pháp hội mà hành giả bước vào bằng con người tâm linh sống với trực giác, không phải từ con người vật chất bước vào thế giới ảo tưởng.

Chúng phàm phu chỉ sống với quyền lợi thực tế, không thể nào theo chân Phật tham dự pháp hội thứ hai, giống như 5000 Tỳ kheo tăng thượng mạn đã bỏ đi khi nghe Phật nói phẩm Phương tiện.

Thâm nhập pháp hội thứ hai, hành giả đã nâng được tầm vóc, tâm từ bi của hành giả mở rộng hoàn toàn. Ví như đang đứng ở địa vị của đấng tạo hóa nhìn xuống thương xót cho những con người nhỏ bé đầy nghiệp chướng. Ở trên cuộc đời, không còn gì chướng ngại, tất cả đều tùy thuận theo ý muốn của hành giả.

Ngoài ra an trụ được pháp KHÔNG, hành giả thành tựu tất cả việc, nhưng không bị vướng mắc việc gì. Có

bao nhiêu công đức, hành giả hồi hướng Phật đạo, chan hòa cho tâm người từ đời này sang đời khác. Pháp KHÔNG là trạng thái tâm chứng, không phải trạng thái vật lý. Làm việc đến mức tan biến con người mình vào vũ trụ bao la, tan biến vào lòng người, chắc chắn người đó phải hiện hữu và sinh hoạt ở một dạng khác.

Trụ pháp KHÔNG hay trụ đại thiền định, không bị thân vật chất chi phối, tất nhiên hành giả cũng phải có một thế giới quan khác với thế giới chúng ta đang sống. Trang nghiêm thân tâm như vậy, hành giả nhìn vật không giống kẻ đầy đủ ngũ dục thấy, vì đã vượt ra ngoài sanh tử luân hồi mà quan sát ngược lại sanh tử luân hồi. Thân tâm hoàn toàn tự tại và hoàn cảnh không còn chướng ngại đạt tới bất nhị pháp môn. Hai mặt của cuộc đời, bỉ ngạn thử ngạn hay thế giới hiện tượng và thế giới siêu thực thông thành một cõi.

Lúc ấy, đột nhiên tháp Đa Bảo hiện ra cao 12 cây số, rộng 6 cây số, không thể nghĩ bàn. Ý này được kinh Thủ Lăng Nghiêm diễn tả bằng câu "Tánh sắc chơn không, tánh không chơn sắc, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới" (đã giải thích trong phẩm 10). Chỉ có thể dùng mắt huệ hay mượn Như Lai huệ mới thấy tháp Đa Bảo và Phật Đa Bảo hiện ra trong chơn không.

Ở thế giới sắc chất hạn hẹp, không thể nào có tháp Đa Bảo. Tháp Đa Bảo và Phật Đa Bảo đều hiện hữu trong thế giới hoàn toàn thanh tịnh, được tinh luyện thành bảy báu. Thế giới bảy báu này rất thực, không phải trừu tượng. Nó hình thành từ sự giác ngộ của Đức Phật mà kinh Lăng Nghiêm gọi là "KHÔNG sanh đại giác trung".

Đức Phật bằng trí tuệ giác ngộ, khám phá được nguyên lý, theo đó vũ trụ và con người đều sanh ra từ

chơn không. Thế giới hiện tượng nằm trong KHÔNG và từ KHÔNG hiện CÓ. Đức Phật truyền đạt cho Thánh chúng thấy được thế giới KHÔNG này rất đa dạng và đó mới là Pháp Hoa chân thật. Hàng La hán thâm nhập thế giới KHÔNG, tin được những điều Phật dạy.

Tri kiến Phật đem dạy cho chúng ta được tạm ví như hiểu biết của nhà khoa học, thấy được trong lòng đất chứa nhiều của báu; nếu biết khai thác, đem lại lợi ích giàu có. Tất nhiên phải ở trình độ tương đối nào mới có thể hiểu được, tin được những gì nhà khoa học khám phá. Từ thế giới Ta bà nhơ uế lồi lõm, Phật biến nó thành thế giới thất bảo, tương tự như nhà bác học biến chế than đá thành thực phẩm vậy.

Hội đủ điều kiện tất yếu nói trên, mới đủ tư cách nghe pháp chân thật mầu nhiệm của Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo nói với nhau trong hội không trung thuyết pháp. Trái lại, mang thân ngũ ấm tràn đầy phiền não tham chấp mà kiến giải hiện tượng Bảo Tháp, cho là một hiện tượng không tưởng hoặc Phật hóa tâm mình hay có tính cách giả dụ. Đó là những kiến giải hoàn toàn sai lầm, kiến giải của những con người chưa vào nhà Như Lai, chưa mặc áo Như Lai và chưa ngồi tòa Như Lai.

Phật Đa Bảo đã thành Phật, ở trong cảnh giới Phật, có thần thông diệu dụng như chư Phật. Một ngày nào đó, chúng ta thành Phật, cũng sẽ có đủ pháp tự tại bất tư nghì như Đức Đa Bảo. Nhưng còn là phàm phu đầy nghiệp lực, thì không thể nào quy tháp Đa Bảo về tâm ô trược này.

Đức Phật Đa Bảo nhập diệt từ lâu và có nguyện hiện ra để mọi người tin nhận. Nếu chưa đủ trình độ để nhìn thấy tháp Đa Bảo thực, thì tùy theo tu chứng mỗi người

mà có tháp Đa Bảo khác nhau. Theo Ngài Nhật Liên, tu hành trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của đời ngũ trược ác thế, mỗi lần có một thiện tri thức đến giúp đỡ, hoặc tùy hỷ, hay thâm nhập được pháp, là hành giả đã thấy tháp Đa Bảo hiện ra. Vì thực sự mang thân phận phàm phu còn dẫy đặc phiền não, không thể nào thấy tháp Đa Bảo.

Riêng đối với tôi, những điều chưa hiểu, chưa chứng nghiệm, thì tự nhận không biết, không hiểu. Không nên phủ nhận, nhất là phủ nhận một điều do Phật nói ra. Khi tôi thuyết pháp, đại chúng nghe và tin nhận được, nghĩa là vô hình trung, tôi thuyết pháp có tháp Đa Bảo xuất hiện làm chứng tín. Tuy nhiên, muốn đạt kết quả này, tôi phải có một quá trình 40 năm tu học. 40 năm tu học thay cho tháp Đa Bảo vô hình, để chứng minh điều tôi nói đúng và có giá trị.

Khi tháp Đa Bảo hiện ra, Ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ tát đại diện chúng hội bạch Phật muốn thấy Phật Đa Bảo. Đức Phật liền phóng quang tập trung phân thân của Ngài trong mười phương về để mở tháp. Lần phóng quang này khác lần đầu trong phẩm Tựa, Phật phóng quang cho chúng hội thấy chư Phật, Bồ tát đang hành đạo trong mười phương để chúng hội phát tâm. Lần này biến Ta bà thành Tịnh độ, tám phương dung chứa phân thân Phật cũng biến thành Tịnh độ…

Nhân dịp tháp Đa Bảo xuất hiện, Phật Thích Ca giới thiệu cho chúng ta phân thân của Ngài trong khắp mười phương. Từ trước, chúng ta vẫn tưởng ở Ta bà chỉ có một Phật Thích Ca. Nhưng nay Phật cho biết Ngài phải tập trung phân thân để tháp Đa Bảo hiện ra. Điều này gợi ý rằng muốn thành Phật phải có nhiều thân hay thiên bá ức

hóa thân thuyết pháp mười phương. Nếu chỉ có một thân, là Bích chi Phật hay Độc giác Phật.

Phật tại thế, thiên ma ngoại đạo không nhiễu hại Ngài được. Người thương Phật theo làm đệ tử và cả người chống phá cũng trở thành đệ tử. Phật Thích Ca có vô số đệ tử, nên phải có vô số phân thân khác nhau, thì mới vừa lòng được từng người. Vì vậy, Ngài được tôn danh là bậc Điều Ngự Trượng Phu.

Phật biết rõ căn tánh hành nghiệp chúng sanh, giáo hóa tất cả không chướng ngại, thể hiện rõ rệt phân thân Phật giáo hóa thích ứng cho từng loại hình; ngay cả thích ứng với từng cá nhân một, từng hoàn cảnh một. Và cho đến ngày nay, tầm giáo hóa của Phật vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ khắp mọi nơi. Dù chúng ta ở đâu cũng là Phật tử, là đệ tử của Phật Thích Ca, chứng tỏ sâu sắc phân thân Phật còn hiện hữu tồn tại trên thế gian này. Nơi nào có đạo Phật nơi đó có Phật Thích Ca phân thân thuyết pháp giáo hóa.

Phật phân thân giáo hóa mười phương tùy nhân duyên, tùy cơ cảm của đối tượng, nên giáo pháp này mất tính chất thuần nhất, trở thành pháp phương tiện. Pháp thuần nhất hay chân lý chỉ có một, thể hiện bằng sự lặng thinh giữa Thích Ca Như Lai và Đa Bảo Như Lai.

Tuy phân thân Phật trải ra khắp mười phương, mà Ngài tập trung các phân thân này trong chớp mắt. Có nghĩa là mỗi người đều thấy Phật là cha mình, của riêng mình, nhưng Phật vẫn là Phật, không vướng bận một chúng sanh nào. Nói cách khác, Phật xuất hiện vào lòng mọi người, tùy thuận với họ, tiêu biểu bằng Liên Hoa. Ngài tùy thuận nhưng không bị người chi phối, làm mất bản vị giải thoát của Như Lai, tiêu biểu cho phần Diệu Pháp.

Đức Phật Thích Ca thành tựu sự kết hợp giữa Diệu Pháp và Liên Hoa hay giữa bản thể và sanh diệt, thể hiện hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu ở Ta bà. Ngài là pháp sư thuyết Pháp Hoa bằng cả ngôn ngữ, tâm hồn, cuộc sống thánh thiện siêu tuyệt.

Muốn đạt đến thành quả này, trong kinh ghi rõ hành giả cần hội đủ những điều kiện hết sức cao. Thứ nhất phải có tháp Đa Bảo xuất hiện. Tháp Đa Bảo hay đó là kết quả của nhân địa tu hành Bồ tát đạo, mà Đức Thích Ca Như Lai tích lũy nhiều đời. Trong kinh tiêu biểu bằng hình ảnh tháp Đa Bảo có vô số phòng ốc tốt đẹp. Điều thứ hai quan trọng hơn nữa là hành giả phải có phân thân và tập trung được phân thân.

Khi phân thân Phật tập họp, Phật dời Trời người đi chỗ khác, mà họ không hề hay biết. Sự kiện trời người không hay biết mình bị dời chỗ, thường được kiến giải bằng thí dụ con kiến ở trên trái bưởi không hề biết nó bị di chuyển khi chúng ta mang trái bưởi đặt nơi khác.

Tháp Đa Bảo trụ ở hư không đồng với pháp chúng Tăng đang an trú pháp KHÔNG. Thần lực của Phật tạo cho chúng hội một thân kỳ diệu để du hóa trong thế giới Phật. Thoạt nhiên, tất cả đều KHÔNG, chỉ có Bảo Tháp hiện ra. Đạt đến cái KHÔNG này, hành giả mới có diệu hữu của Pháp Hoa.

Trước đó, Phật cởi chuỗi anh lạc mặc áo vải thô, cầm bình đi khất thực mỗi ngày. Chúng hội tưởng lầm Phật cũng chỉ có một thân phàm giống như họ. Đến pháp hội thứ hai, Phật mới hiển thần lực cho mọi người thấy thân thứ hai của Ngài, một Báo thân viên mãn diệu dụng. Và Phật dẫn họ vào thế giới thuần tịnh không có ba đường ác và cả trời người cũng không đến được. Ở pháp

hội hai, những tâm hồn đau khổ là tính chất để tạo nên thế giới Ta bà đau khổ không còn, thì Ta bà tự mất và biến thành Tịnh độ. Ngài Trí Giả thấy được Báo thân thuyết pháp, nói rằng pháp hội thứ hai chưa tan.

Sự hiển bày thần lực của Phật cùng với sự khẳng định mọi người đều là Phật vượt ngoài suy tư, hiểu biết của phàm phu. Phật Đa Bảo phải hiện lên làm chứng tín. Vì vậy từ phẩm 10 trở về trước được xem là phương tiện, chuẩn bị đưa chúng hội vào thế giới Pháp Hoa. Và phẩm Hiện Bảo tháp mới nói Pháp Hoa chân thật. Chúng sanh đời trược ác, nghiệp dầy phước mỏng không tin Đức Thích Ca thành đạo ở cõi Ta bà, huống chi những hiện tượng thiên nhiên như Bảo Tháp hiện ra hay Phật phóng quang tập trung phân thân trong mười phương hoặc mọi người có điều kiện để thành Phật. Những điều này đều khó tin, khó chấp nhận, vì chúng ta chưa thấy, chưa đủ trình độ. Đừng nghĩ rằng những việc ấy không có. Mọi người có trình độ khác nhau, thế giới quan cũng theo đó mà đổi thay. Người có trình độ cao tất nhiên sẽ thấy và tin được những điều cao. Người kém chỉ thấy sự vật ngay tầm mắt của họ. Ví như có người suốt đời chưa ra khỏi thôn ấp mình sống, nghe kể lại văn minh tiến bộ của nước khác, họ cũng không tin được.

Đức Thích Ca xác nhận trong phẩm Phương tiện rằng những thần bí của Ngài và Đức Đa Bảo, chỉ có chư Phật mới hiểu nguồn gốc tận cùng của các pháp và sử dụng trọn vẹn các thần bí này. Hàng Bồ tát trở xuống nhiều như lúa mè, cũng chỉ hiểu được một phần nhỏ.

Tháp Đa Bảo hay kho báu xuất hiện, vấn đề quan trọng là mở kho và sử dụng của báu trong đó. Ai mở được và sử dụng được tháp báu này ? Trong Ta bà duy nhất có Thích Ca Như Lai đủ khả năng mở kho tàng của chư Phật,

sử dụng tất cả công đức tích lũy của chư Phật. Đến phẩm này, chúng ta mới thấy tư cách siêu việt của Đức Thích Ca. Ngài mở kho bí mật của ba đời mười phương chư Phật, lấy của báu chia đều cho Thanh văn, Bồ tát. Người tu nhiều hưởng nhiều, tu ít hưởng ít. Ai cũng được chút pháp phần để sống an vui.

Tháp Đa Bảo mở ra và Thích Ca Như Lai vào ngồi chung tòa với Đa Bảo Như Lai. Hình ảnh một Phật quá khứ và một Phật hiện tại cùng ngồi chung trong tháp báu. Hay đó là sự kết hợp giữa người chết và người sống để chứng minh Pháp Hoa được hình thành từ sự tổng hợp trí tuệ của Phật Đa Bảo quá khứ xa xưa với trí tuệ hiện thực mười phương của Phật Thích Ca.

Theo Ngài Từ Ân, hai Phật ngồi chung, nói lên tư tưởng cổ kim bình đẳng bất nhị. Phật xưa, Phật nay và mãi về sau, ba đời các Đức Phật đều bình đẳng, đều có đầy đủ mười hiệu như nhau. Tuy nhiên, cần hiểu rằng Phật xác nhận sự bình đẳng trên chân lý. Nghĩa là thành Phật thì giữa Phật với Phật mới ngang nhau, không phải bình đẳng trên thực tế. Vì thực tế thuộc về sai biệt giới, làm sao bình đẳng được.

Trên chân lý, Phật dạy chúng ta có khả năng thành Phật. Nhưng thực tế chúng ta chưa là Phật. Dù có cho bình đẳng với Phật, chúng ta cũng không thể nào lên ngồi chung với Phật Đa Bảo. Vì tháp Đa Bảo chẳng bao giờ mở ra cho những thân phận phàm phu nghiệp chướng bước vào. Đó là chưa nói đến người tội lỗi sâu nặng không thể nào thấy được tháp, huống chi là mở tháp và sống trong tháp.

Pháp của Phật Thích Ca và Đa Bảo nói với nhau trong yên lặng, hành giả không thể biết được. Sau đó, nghe

Phật Thích Ca thuật lại rằng tất cả cái khó của thế gian mà ma, Phạm, Sa môn làm được thì không khó. Pháp của Phật nói cho Phật Đa Bảo nghe được mới là điều khó.

Pháp khó nghe, khó hiểu, khó nhận, khó tin này là sự thật mà Đức Đa Bảo đã chứng nghiệm rằng thành tựu chúng sanh là thành tựu Pháp thân, kiến tạo Phật độ.

Phật xác định ta không thể thành Phật bằng một thân nào khác, ngoài thân ngũ ấm chúng sanh và ta chỉ thành Phật ngay trên nhân gian. Vì đây là môi trường thích hợp nhất cho việc thành tựu quả vị Như Lai. Tất cả hàm linh khác không thể thành Phật được, vì không có ngũ ấm thân. Riêng loài người mang thân ngũ ấm, nhưng không biết cách sử dụng, để tạo muôn ngàn tội lỗi. Dưới mắt của người trình độ thấp, thì thân này nguy hiểm. Tuy nhiên, biết sử dụng đúng pháp, thân người sẽ biến thành dụng cụ tốt nhất cho việc chứng đắc quả vị Vô thượng bồ đề.

Trong mọi thứ hiện hữu ở nhân gian, sự tồn tại của con người là quý giá nhất. Từ trước đến nay, đối với người tham đắm thân vật chất và chạy theo dục vọng do thân đòi hỏi, Phật phải dạy thân người nhơ uế, vô thường, không quý. Nhưng đối với người không còn bị sắc thân chi phối, có đời sống tâm linh thanh tịnh, Phật mới dạy thân người là quý.

Vì cấu hợp của thân người hết sức đặc biệt tinh vi mà các loài khác không có. Thân người ví như một nhà máy nguyên tử, cho ăn một số lượng thực phẩm và sẽ thải ra những cặn bã phân, nước tiểu, mồ hôi v.v... Đó là nhà máy thân người thải ra phóng xạ và cung cấp cho ta trí khôn và tình cảm thật quý giá, đó là những yếu tố cần thiết giúp chúng ta thành Phật. Trong khi các loài sinh vật khác cũng cung cấp cho chúng lượng thực phẩm, nhưng chúng chỉ

thải ra cặn bã. Chúng sanh diệt theo bản năng tự nhiên mà thôi, không có tình cảm cao thượng và trí khôn như loài người.

Phật nhìn thấy loài người không biết sử dụng điều kiện thành Phật, để thành chúng sanh đau khổ. Phật Thích Ca cũng từ thân ngũ ấm, nhưng không qua màn lọc tham lam của chúng sanh. Ngài an trú từ bi, nhẫn nhục và thâm nhập thiền định, nên biết được diễn biến trong vũ trụ từ quá khứ đến tận vị lai, trở thành Thầy của Trời người. Phật nhờ nương thân ngũ uẩn tu tập thành tựu Pháp thân. Ngài muốn chỉ cho mọi người thấy Pháp thân khó thấy, khó hiểu, nên Phật Đa Bảo mới hiện lên làm chứng tín.

Hành giả chưa thành tựu ba pháp ấn : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai, tháp Đa Bảo không thể hiện ra. Tuy nhiên, trên bước đường tu, chợt một phút giây nào, hành giả nghe được mùi hương qua tâm thức khi an trú pháp KHÔNG. Ly được trần cấu, không còn đau khổ và hưởng được niềm vui vô tận của cõi trời, hành giả đã gián tiếp tham dự pháp hội. Hành giả cảm nhận được hiện tượng Bảo Tháp không diễn ra trong thế gian, nhưng linh hoạt trong tiềm thức.

Một cận vệ của Thiên hoàng là A Phật Phòng ra đảo giết Ngài Nhật Liên, đã cảm ngộ được điều này, buông dao xin làm đệ tử khi được Ngài khai ngộ bằng câu "Tháp Đa Bảo là ông và ông là tháp Đa Bảo. Bỏ ông, ta không có tháp Đa Bảo".

Chúng ta mang thân phàm phu muốn thấy tháp Đa Bảo phải tập trung tư tưởng, nghĩa là an trú pháp KHÔNG và thâm nhập cảnh giới thiền định để phát sinh Như Lai huệ và dùng Như Lai huệ quan sát pháp giới. Đây là việc khó làm, nên Phật dạy ở thời mạt pháp, ai muốn trì được

kinh Pháp Hoa, phải phát đại nguyện trước Đức Thích Ca và Phật Đa Bảo.

Trong phẩm này, Phật đưa ra 9 điều dễ và 6 điều khó làm. Giả sử có người đem núi Tu Di ném qua phương xa không khó, hoặc nói tám muôn bốn ngàn pháp môn sai biệt làm cho vô số chúng sanh chứng quả A la hán cũng chưa khó. Sau khi Như Lai diệt độ vì người nói kinh Pháp Hoa này mới khó.

Nói cho một người nghe hiểu và thực hành pháp này khó. Vì thực sự nghe được pháp mầu, điều trước tiên, phải xa rời cấu nhiễm, thân tỏa mùi hương, không còn buồn phiền và sau đó luôn an trú thế giới Phật.

Giả sử gặp kiếp thiêu, hỏa tai, thủy tai, đao binh tai, lửa tự nhiên đốt cháy tới Trời Tứ thiên vương, thủy tai tới Trời Dạ ma thiên vương, binh tai tàn phá tới Trời Sắc cứu cánh. Nói chung, thế giới bị tàn phá thành năng lượng, sụp đổ hoàn toàn, có một người mang cỏ khô ngang qua không bị cháy thì cũng không khó. Sau khi Phật diệt độ, người trì kinh này vì một người mà nói mới là khó.

Cỏ tiêu biểu cho chúng sanh liên hệ với ta. Cõng một người tham vọng dễ bị thiêu đốt mà Phật nói không khó. Tuyên nói được pháp chân thật này mới khó, nên phải phát nguyện trước Như Lai.

Sáu điều khó làm được Phật nêu lên là cái khó của việc trì kinh Pháp Hoa ở thế gian. 6 điều khó làm so với 9 điều dễ, gợi cho chúng ta suy nghĩ kinh Pháp Hoa là gì và trì kinh Pháp Hoa như thế nào mà khó quá vậy. Trên bước đường tu, tôi cảm nhận sâu sắc sự khó khăn vô vàn của Đức Phật nêu ra. Thật vậy, tự tôi thanh tịnh không khó; nhưng làm cho người thanh tịnh, hết phiền não không đơn giản. Tự tôi phát triển tri thức, thâm nhập cảnh giới Phật

không khó; nhưng dẫn người cùng vào sống trong thế giới tri thức như mình, là cả vấn đề khó thực hiện.

Hàng A la hán tự đoạn sạch phiền não không khó; nhưng giúp cho tha nhân cùng vào Niết bàn thành La hán như các Ngài, quả thật là khó.

Ngày nay, chúng ta sống trong thời đại văn minh khoa học, thường chủ trương làm cho mọi người được hạnh phúc. Tuy nhiên, trên thực tế, việc phát triển một nước cho sung túc hạnh phúc đã khó; huống chi thịnh vượng hóa toàn thể quốc gia trên địa cầu này. Ở đây chỉ mới đề cập đến phần phát triển vật chất đã không thực hiện nổi; nói gì đến phát huy vật chất và tâm linh như Đức Thích Ca biến Ta bà thành Tịnh độ.

Hành giả Pháp Hoa đời sau muốn đủ tư cách thọ trì kinh Pháp Hoa, nghĩa là thừa kế sự nghiệp đức Như Lai, chẳng những phải thành tựu bằng như Phật Thích Ca, còn đòi hỏi chúng ta phải vượt trội hơn cả Ngài. Điều khó khăn này ắt hẳn không đủ ngôn từ để diễn tả !

Trì kinh Pháp Hoa thật sự quá khó khăn, vì kinh Pháp Hoa là sự kết hợp giữa thể và dụng của các pháp. Do đó, duy trì Pháp Hoa tồn tại phải là người kết hợp được thế giới hiện thực và thế giới của bản thể. Hai thế giới này có thể được họ biến đổi qua lại một cách tự tại. Ở Ta bà, có Đức Thích Ca là người tiêu biểu thể hiện trọn vẹn công việc kết hợp này. Ngài đã trụ Niết bàn hơn 25 thế kỷ, vẫn giáo hóa chúng ta an lành trên nhân gian.

Trên bước đường tiến đến Vô thượng chánh đẳng giác, Bồ tát là nhân và Phật là quả. Hành giả phát nguyện tu phần nhân hạnh của Bồ tát để lợi ích ở trần gian, vẫn không bị trần gian làm nhiễm ô. Và đạt đến phần quả đức, dù hành giả ở thế gian hay vào Niết bàn cũng mang

lợi ích cho trời người trong mười phương. Giống như quả đức của Phật Thích Ca vẫn còn liên hệ đến sinh hoạt thế gian của chúng ta ngày nay qua sự thông suốt giữa tâm đại bi của Phật và chúng ta.

Thực hiện sự kết hợp toàn vẹn hai phần nhân hạnh và quả đức, hành giả mới là vị lai Phật nhận lãnh sự chúc lụy trước Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca. Nói cách khác, hành giả trì kinh Pháp Hoa phải có tư cách vị lai Phật, là người có khả năng tổng hợp tri thức của Phật quá khứ Đa Bảo và Phật Thích Ca hiện tại để phát sinh ra tư tưởng chỉ đạo, đáp ứng lợi lạc cho mọi người.

Phật phú chúc cho người thể hiện ý nghĩa như vậy. Riêng chúng ta chưa đầy đủ nhân hạnh của Phổ Hiền, dù chúng ta chỉ tạm trì thôi, thiết nghĩ Phật cũng rất hoan hỷ với phần nhân hạnh nhỏ bé của chúng ta. Vì hơn ai hết, Ngài thấu rõ khả năng của chúng ta quá yếu so với công việc quá lớn lao mà Ngài giao phó.

Đối trước khó khăn muôn vàn của việc thọ trì kinh Pháp Hoa, Phật kêu gọi Bồ tát hãy phát nguyện. Bồ tát phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa trước hai Đức Như Lai là Bồ tát tâm. Các Ngài đã vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, đã thấy tháp Đa Bảo, nên phát nguyện trực tiếp và nay hiện hữu để tuyên pháp mầu là điều đương nhiên. Điển hình như Ngài Nhật Liên đã phát nguyện từ thời Đức Thích Ca. Ngày nay sanh lại, Ngài làm được tất cả việc mà người thường không làm được. Pháp Hoa của Ngài lìa văn tự và thể hiện qua cuộc sống một cách trọn vẹn. Tuy đã vào Niết bàn hơn 700 năm, những điều Ngài dạy vẫn tác động một cách mãnh liệt và tốt đẹp cho cộng đồng nhân loại.

Đối với hành giả Pháp Hoa ngày nay, chưa vào được cảnh giới chư Phật; nhưng chúng ta nương vào hiện tượng mầu nhiệm này, bước theo chân các Ngài, thoát khỏi cảnh ô trược để xây dựng một thế giới an lạc cho chính mình và cho một số người chung quanh. Từ đó, cảm nhận được thiện ác, uế tịnh đều do chúng ta tạo ra. Ví dụ thức ăn là vật tịnh trước khi ăn, nhưng sau khi ăn biến thành uế. Tuy vậy, người văn minh vẫn biến chế được vật uế thành hữu dụng.

Quan Thế Âm Bồ tát diễn tả một phần về thật tướng pháp trong Tâm kinh khi Ngài quan sát các hiện tượng trong vũ trụ, thấy tất cả đều do nghiệp lực hay nguyện lực biến đổi. Thiện ác cũng vậy, biến đổi không cùng, tùy nghiệp của chúng sanh. Tuy cùng một vật, nhưng người văn minh biết sử dụng sẽ tạo nên tiện nghi. Người kém hơn sẽ biến chế thành vật thô sơ hơn và đối với người có trình độ thấp hơn nữa, sẽ trở thành vật chướng ngại. Ví dụ nếu không phải là người văn minh biết kết hợp xi măng và cát, tìm quặng mỏ làm sắt v.v… sẽ không có tòa nhà. Nếu cũng những vật này ở trong tay người lạc hậu, chẳng những là vật vô dụng mà còn chướng ngại cho họ.

Chư Phật và Bồ tát thấy được thật tướng các pháp, sử dụng được toàn vẹn các hiện tượng trong vũ trụ, tạo thành lực dụng bất khả tư nghì trang nghiêm bản thân và quốc độ. Chỉ một niệm tâm của các Ngài, Ta bà liền biến thành Tịnh độ.

Trên dòng sinh mạng tương tục của hành giả Pháp Hoa, trước khi sử dụng được quy luật biến chế như chư Phật, chúng ta phải triệt để phát huy tinh thần lợi tha vô ngã. Trên căn bản phước đức và trí tuệ, chúng ta kiến tạo thế giới an lành và xã hội tình người, đem an vui cho muôn loài mọi giới.

Phẩm 12

ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

I. LƯỢC VĂN KINH

Phật bảo các Bồ tát và tứ chúng : "Trong vô lượng kiếp quá khứ, ta đã cầu kinh Pháp Hoa không biết mỏi mệt. Trong nhiều kiếp, ta thường làm vua phát nguyện cầu đạo Vô thượng bồ đề, không thối chuyển. Vì lòng ưa thích pháp cao tột, ta nhường ngôi cho thái tử và truyền rằng ai giảng pháp Đại thừa cho ta nghe, ta sẽ trọn đời hầu hạ. Bấy giờ có một vị Tiên cho biết nếu không trái ý ông, ông sẽ dạy pháp Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Ta liền theo hầu vị Tiên rất cực khổ đến 1.000 năm. Nhà vua thuở ấy là ta, còn vị Tiên là Đề Bà Đạt Đa. Ta nhờ thiện tri thức ấy mà nay thành Vô thượng đẳng giác. Trong vô lượng kiếp sau, Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương, nước tên Thiên Đạo".

Phật bảo các Tỳ kheo trong đời vị lai nếu có người nào nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa, sanh lòng kính tin sẽ không đọa vào ba đường ác, được sanh về nước Phật, thường được nghe kinh Pháp Hoa. Nếu sanh vào cõi Trời người, được hưởng vui sướng tột cùng.

Bồ tát Trí Tích, thị giả của Phật Đa Bảo xin Ngài trở về nước. Đức Thích Ca liền bảo Bồ tát Trí Tích chờ giây lát, sẽ có Bồ tát Văn Thù đến luận nói pháp mầu. Ngay lúc đó, Bồ tát Văn Thù và các Bồ tát tùy tùng ngồi hoa sen báu từ cung rồng Ta Kiệt La bay đến núi Linh Thứu, từ hoa sen bước xuống đảnh lễ Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca và hỏi thăm Trí Tích Bồ tát.

Trí Tích hỏi Văn Thù hóa độ được bao nhiêu chúng sanh ở cung rồng. Văn Thù vừa dứt lời, vô số Bồ tát ngồi hoa sen đến núi Linh Thứu. Những vị này do Ngài giáo hóa.

Văn Thù cho biết Ngài ở biển thường giảng nói kinh Pháp Hoa.

Trí Tích Bồ tát hỏi : "Vậy có chúng sanh nào tu theo kinh này mau thành Phật không ?". Văn Thù đáp : "Có con gái của Long Vương 8 tuổi đầy đủ trí đức có thể đến Bồ đề". Bồ tát Trí Tích không tin. Bỗng nhiên Long Nữ xuất hiện đảnh lễ và xưng tán Phật.

Xá Lợi Phất liền nói với Long Nữ : "Thân gái nhơ uế có 5 điều chướng và Phật đạo dài xa phải trải qua vô lượng kiếp mới thành tựu mà ngươi nói không bao lâu chứng được Vô thượng đẳng giác, làm thế nào tin được ?".

Long Nữ liền biểu diễn cho thấy Ngài thành Phật còn nhanh hơn động tác Ngài dâng hạt châu cúng Phật. Toàn chúng hội lặng thinh tin nhận khi thấy Long Nữ thoạt nhiên biến thành thân nam tử đủ hạnh Bồ tát, qua cõi Vô Cấu phương Nam ngồi hoa sen báu, thành bậc Đẳng chánh giác.

II. GIẢI THÍCH

Công hạnh của Đức Đa Bảo là công hạnh của Bồ tát thuần thiện khiến cho người tăng trưởng niềm tin. Bất cứ nơi nào có trì tụng Pháp Hoa, Ngài hiện ra yểm trợ việc tu hành của họ. Hạnh nguyện của Đề Bà Đạt Đa thì hoàn toàn trái ngược với Phật Đa Bảo. Ngài chỉ làm những việc xấu ác. Nhưng dưới kiến giải của Đại thừa, việc làm ác của Ngài là pháp tu bất khả tư nghì của Bồ tát.

Trong quá trình hành đạo Bồ tát, Đề Bà Đạt Đa luôn có những hành động chống trái Phật Thích Ca. Ngay trong hiện thế, lúc Phật Thích Ca hiện thân thái tử Sĩ Đạt Ta, Đề Bà Đạt Đa xuất thân là con Học Phạn Vương, em ruột

của Tịnh Phạn Vương, tức Đề Bà Đạt Đa là em chú bác với Phật.

Hai người có tính khí trái ngược nhau. Trong mọi cuộc tranh tài, lúc nào thái tử Sĩ Đạt Ta cũng nổi bật hơn. Đề Bà Đạt Đa có ác cảm với thái tử ngay từ lúc Ngài chưa xuất gia và khi thành đạo, Đề Bà Đạt Đa là người phá Phật nhiều nhất. Đặc biệt khi vua Tần Bà Sa La ở thành Vương Xá cúng dường và xây tịnh xá Trúc Lâm cho Phật, Đề Bà Đạt Đa đến dụ dỗ A Xà Thế soán ngôi.

Vương tử A Xà Thế nghe lời xúi giục của Đề Bà Đạt Đa, bắt vua cha hạ ngục để chiếm ngôi, xây lại thành Vương Xá và thu hồi hết của cải nhân dân. Lên ngôi rồi, việc làm đầu tiên của A Xà Thế là thu hồi ruộng đất, lúa gạo dự trữ của chư Tăng kiết hạ trên núi. Đức Phật nói đó là quả báo của chư Tăng, nhưng chỉ phải chịu trong ba tháng.

Sau đó, A Xà Thế có con bị mụt liền kê miệng hút mủ cho con. Mẹ A Xà Thế thấy vậy, bà khóc và bảo : "Ngày xưa bệ hạ còn nhỏ trên vai cũng có mụt, chính Tần Bà Sa La kê miệng hút mủ cho bệ hạ". A Xà Thế thức tỉnh, chạy đến ngục thăm cha, nhưng Tần Bà Sa La đã chết. Và người có công nhất là Đề Bà Đạt Đa liền bị nhốt vào ngục. Sau khi hạ ngục Đề Bà Đạt Đa, vua A Xà Thế đảm nhận vai trò của Tần Bà Sa La trước đây, phát tâm kéo gạo lên núi cúng dường chư Tăng.

Phật giảng đến phẩm này, Ngài sai A Nan là em ruột của Đề Bà Đạt Đa đến thăm Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa thấy A Nan đến, mỉm cười nhờ em chuyển lời thăm Phật cùng Thánh chúng và nói Đề Bà Đạt Đa ở đây cũng giống như ở cõi trời Hữu đảnh. Sự thật trong thời gian ở địa ngục, Đề Bà Đạt Đa tiến tu đạo nghiệp, cảm nhận được hạnh nguyện và việc làm của mình từ nhiều đời trước.

Trong phẩm này, Phật nói về sự liên hệ giữa Ngài và Đề Bà Đạt Đa từ vô lượng kiếp trước. Đề Bà Đạt Đa chính là người ơn của Phật, giúp Ngài mau thành Vô thượng đẳng giác. Việc làm của Đề Bà Đạt Đa khó nhất trong các hạnh của Bồ tát. Vì làm thiện để tích tụ công đức tương đối dễ. Lăn lộn với đời làm việc xấu ác mà thực sự tâm vẫn thanh tịnh, không đơn giản. Khi cùng tu với Phật, Đề Bà Đạt Đa có nguyện làm đối tượng cho Phật thành đạo, tạo môi trường thử thách để Phật tiến tu đạo hạnh. Tất cả việc làm ác của Đề Bà Đạt Đa đều nhằm mục đích trưởng dưỡng thiện căn, giúp Phật mau đạt đạo chứng quả, không phải là hành động phát khởi từ tham sân si như thế nhân.

Thuở quá khứ, tiền thân Phật là thái tử Tu Đại Noa, nguyện tu hạnh bố thí bất nghịch như ý. Đề Bà Đạt Đa đến xin tất cả, xin luôn cái đầu của thái tử. Trong tâm niệm thánh thiện nhất, việc làm của Đề Bà Đạt Đa đã nâng tâm của thái tử lớn lên đến độ cao nhất, thành tựu pháp bố thí ba la mật. Phải có người làm hạnh ác như Đề Bà Đạt Đa đến xin mới có dịp bố thí, tạo môi trường cho Bồ tát hành đạo.

Trong phẩm này, Phật tán thán công đức bất khả tư nghì của thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa. Trong vô lượng kiếp quá khứ, Ngài đã từng học kinh Pháp Hoa với Đề Bà Đạt Đa. Lúc ấy, Ngài là vua chuyên tu hạnh bố thí rất giàu có gọi là Đàn Vương (vua bố thí), ai xin gì cũng cho. Ý này nhằm diễn tả Bồ tát dư thừa phương tiện giáo hóa chúng sanh, mới thực là hành giả Pháp Hoa thỏa mãn được yêu cầu của mọi người. Còn chúng ta có quá nhiều yêu cầu không được thỏa mãn, làm gì đáp ứng được yêu cầu của người khác.

Trong nước của Đàn Vương trù phú thái bình, không có giặc giả, cũng không có thiên tai. Tất cả thần dân đều quy ngưỡng đấng Thánh vương này. Chánh báo và y báo của vua chứng tỏ Ngài đầy đủ phước đức, cảm hóa dân bằng đức, không dùng thủ đoạn mưu kế để chinh phục.

Trong điều kiện sống tốt đẹp dư thừa như vậy, đối với tâm lý phàm phu thường sẵn sàng an hưởng. Trái lại, Ngài xem ngôi vua như chiếc giày rách, muốn bỏ lúc nào cũng được. Tuy đầy đủ mọi thứ nhân gian ưa thích, Ngài tự nghĩ nếu cứ sống hưởng thụ để thỏa mãn xác thân này, đến ngày nào đó hết phước báo, cũng rớt vào sanh tử luân hồi. Vì vậy, Ngài vẫn khao khát tìm con đường giải thoát cho Ngài và cho mọi người, để có một đời sống vĩnh cửu vượt ngoài kiếp sống hạn hẹp của con người.

Vua nghe trường thọ Tiên sống trên 100 tuổi, có pháp giúp người ra khỏi sanh tử, vua liền theo học. Đây là tâm trạng của Bồ tát quá dư thừa phước đức, sẵn sàng mang toàn bộ tài sản để đổi pháp vô thượng, nói lên ý niệm cầu kinh Pháp Hoa là cầu cái gì cao tột nhất.

Vị Tiên sống trên 100 tuổi chứng tỏ ông không chết, mới có tư cách nói pháp dạy cho người thoát chết. Và pháp bất tử của Tiên nhân dạy, gợi cho chúng ta suy nghĩ chắc chắn đây không phải là kinh Pháp Hoa bằng ngôn ngữ văn tự chúng ta thường đọc tụng, mà vẫn kẹt trong sanh già bệnh chết. Vị Tiên nhân đó chính là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa.

Tiên nhân ra điều kiện nếu Đàn Vương không trái ý ông, ông sẽ cho Diệu Pháp. Vua bằng lòng ngay, ông liền giao nước cho thái tử, rồi theo Tiên nhân về núi tu học Diệu Pháp Liên Hoa. Nhưng chúng ta đọc trong kinh, chỉ thấy ghi vua phải gánh nước, bửa củi trải qua 1.000 năm bị Tiên nhân hành hạ đủ điều, không hề oán than. Nhờ đó,

vua luyện được tâm tánh, thuần được ba pháp ấn tiêu biểu cho hành giả Pháp Hoa phải dấn thân vào đời, chịu đựng tất cả khổ nhục, đạo tâm mới lớn.

Vua đã học Pháp Hoa hay giáo lý vô thượng với Đề Bà Đạt Đa mà người chung quanh không bao giờ thấy được bằng mắt phàm. Cũng như Huệ Năng học đạo và đắc đạo với Tổ Huỳnh Mai bằng bí mật tạng. Người xung quanh quan sát chỉ thấy Ngài giã gạo, bửa củi.

Đối với người tầm thường, việc hành hạ của Tiên ông thật đáng sợ. Dưới kiến giải của Bồ tát, Tiên nhân là người trao cho Pháp Hoa. Hay nói cách khác, trong hành động ác của Tiên nhân đã ngầm chứa hạt nhân thiện.

Đối với giáo lý Tiểu thừa phân biệt thiện ác, thì Đề Bà Đạt Đa là người ác thực. Nhưng quan niệm Đại thừa nhìn sự vật cả hai mặt, thấy trong thiện có ác và trong ác có thiện. Cuối cùng kết hợp được hai phần thiện ác trong một thể thống nhất gọi là bất nhị pháp môn hay đỉnh cao của tinh thần Pháp Hoa. Theo Đại thừa, việc làm ác của Đề Bà Đạt Đa thực sự thiện, vì mang lại tác dụng thiện, kết quả thiện. Làm ác của Đề Bà Đạt Đa cũng thành Phật, gợi cho chúng ta thấy đó là phương tiện hành đạo của Bồ tát, cũng như trường thọ Tiên nhân sử dụng phương tiện, dạy vua tu pháp bố thí.

Điều quan trọng Phật dạy là phải nhìn sự vật đúng như thật. Bồ tát hành đạo trước nhất thấy rõ căn tánh hành nghiệp chúng sanh và tùy theo đó ứng dụng pháp giáo hóa. Nếu là một người nào khác, không phải là hành giả Pháp Hoa, không phải là trường thọ Tiên nhân, khi được vua theo, họ sẽ lợi dụng vua cho một mưu đồ nào đó hoặc đòi hỏi vua phải cung ứng mọi quyền lợi. Tuy nhiên, vị Đạo sư dạy Pháp Hoa ở đây là trường thọ Tiên

nhân đã đắc đạo, sống trên thể bất nhị, không còn ham muốn, chỉ có mục tiêu độ thoát ông vua giàu lòng bố thí. Tiên nhân vận dụng đúng pháp và vua đắc đạo, vì thế pháp bửa củi, gánh nước ông dạy là pháp đúng đắn nhất cho Đàn Vương.

Thực ra, nghĩ cho cùng, nhờ vua làm việc lao động bửa củi, gánh nước, chắc chắn không được kết quả bằng mượn người khác. Đã là Tiên nhân bất tử thì Ngài không thiếu gì, đến nỗi phải bắt vua hầu hạ gánh nước, bửa củi. Theo tôi, vua bửa củi gánh nước mang ý nghĩa hành giả Pháp Hoa muốn thể hiện chân lý phải giáp mặt cuộc đời, phải thực hiện trong cuộc sống mới biết rõ tường tận. Bắt vua làm những việc khó nhọc ông chưa từng làm hay những nghịch cảnh xảy ra để hành giả tự kiểm tra tâm mình có thật sự cầu đạo không. Trong thử thách khó khăn, mới luyện được ý chí và nó là môi trường cần thiết cho sự tăng tấn đạo hạnh của chúng ta, biết được mức độ dẹp bỏ tham sân phiền não của ta đến đâu. Tuy nhiên, khó khăn tốt nhất là vừa sức mình để đời sống thăng hoa, không bị nhận chìm.

Người hành đạo Bồ tát, mỗi niệm liên tục khéo điều chỉnh thân tâm vượt qua mọi xấu ác trên nhân gian cho đến ngày thành Vô thượng chánh giác. Chỉ trong môi trường nhơ xấu, hành giả Pháp Hoa mới thể hiện trọn vẹn tinh thần trong sáng.

Muốn thành tựu Thánh hạnh, phải bình an ngay trong nghịch cảnh. Trái lại, luôn nuôi dưỡng trong hoàn cảnh thuận tiện, hành giả dễ sanh tâm tăng thượng mạn hay ngờ nghệch. Khi thông được với Phật, hành giả nhận được hộ niệm của Ngài, vượt qua mọi nguy hiểm; nếu

còn tham chấp, bực tức, tất nhiên không đồng hạnh nguyện với Phật thì Phật lực không thể truyền đến được.

Nhà vua muốn trở thành người vô thượng, cầu đạo vô thượng, Tiên nhân đặt những vấn đề hoàn toàn trái ngược cho vua làm. Từ địa vị sung sướng nhất phải chịu cực khổ nhất, nghĩa là tinh thần Diệu Pháp Liên Hoa không rời bản vị giải thoát ở Niết bàn mà vẫn hiện hữu tự tại trong sanh tử. Đầy đủ tốt đẹp cả hai mặt bản thể thường hằng và sanh diệt biến đổi, mới chứng được giáo lý bất nhị.

Giáo nghĩa này không dùng lời nói được, phải thể nghiệm trong cuộc sống. Phải có hai đối tượng thuận nghịch để quan sát, vui chứng thể bất nhị. Khi giàu sang đầy quyền lực xem tâm mình ra sao và lúc trắng tay, hành giả cảm nhận thế nào. Ở trong cùng cực đau khổ có rơi vào tuyệt vọng không ? Gặp cay đắng, hành giả mới có điều kiện điều chỉnh thân tâm.

Phật xác định Đề Bà Đạt Đa là đại thiện tri thức, là thắng phước nhân duyên giúp Ngài mau thành Phật. Ý này trong kinh Duy Ma diễn tả rằng Bồ tát Duy Ma nhận chúng ma làm pháp lữ. Nhờ ma làm đối tượng để phát triển Phật tâm. Vì tu hành không chướng ngại, không thể đắc đạo hay vô ma khảo bất thành đại đạo. Riêng chúng sanh gặp chúng sanh thì vỏ quýt dày móng tay nhọn hay ăn miếng trả miếng.

Phật dạy vì có người ác hại, thiện tâm chúng ta mới phát sinh. Từ vô lượng kiếp đến nay, bên cạnh Phật luôn có Đề Bà Đạt Đa đóng vai mặt đen, để vai Phật sáng lên. Đề Bà Đạt Đa mang mặt quỷ nhưng chứa đựng tâm Phật. Không có Đề Bà Đạt Đa, chúng ta không thấy được tâm từ bi vô lượng của Phật. Thật vậy, sự hiện hữu của một Đề

Bà Đạt Đa xấu ác thường song hành bên Đức Phật thuần thiện, đã làm nổi bật trọn vẹn tư cách thánh thiện của Thế Tôn. Nhiều kiếp xa xưa trước, Đức Thích Ca đã nhờ Đề Bà Đạt Đa giáo hóa và hiện kiếp Đề Bà Đạt Đa cũng tạo những chống phá thử thách giúp cho Phật thể hiện lòng từ, thành tựu những hạnh khó làm. Điều này gợi nhắc rằng đối tượng tu hành của hành giả là người tệ ác. Họ càng tệ ác, hành giả càng phát triển đạo đức, mới thực sự tiêu biểu cho hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu. Học kinh Pháp Hoa với Tiên nhân hay Đề Bà Đạt Đa, Phật thể hiện tâm từ bi, nhẫn nhục, nhu hòa cao độ, diệt sạch tâm kiêu mạn, mới thành tựu trọn vẹn hạnh Bồ tát.

Đề Bà Đạt Đa bằng lòng đọa địa ngục vì làm việc phá hại xấu ác cho Phật thăng hoa trên đường giác ngộ. Quả thật Ngài là đại ân nhân, là đại thiện tri thức của Phật, đáng được cung kính cúng dường. Ngài thể hiện hình ảnh Bồ tát nghịch hạnh, không phải con người mang tâm ác thực sự như phàm phu.

Trên bước đường tu, khởi đầu chúng ta rất sợ và tránh người ác, vì gần họ ta dễ sân hận. Tuy nhiên, Phật dạy nếu không tu tâm từ, không thương người ác được, dù có tụng ngàn bộ kinh Pháp Hoa, cũng coi như vô ích.

Trong kinh xác định thọ trì được Pháp Hoa là việc khó làm. Khi chưa tu, ta là chúng sanh, nó đánh, ta đánh lại, nói xấu, ta nói xấu lại. Nhưng theo Phật rồi, chúng ta thử nhịn, lấy chúng sanh độc ác làm đối tượng tu hành, sẽ bắt gặp nhiều thú vị. Đối với tôi, nhớ lời Phật dạy rằng nhờ người ác, ta mau thành tựu Pháp thân. Tôi vội gạn lọc thân tâm, không nghĩ đối phó với người ác. Nhưng nghĩ phải đối phó với tâm không lành của chính tôi, đối trị ngay tên giặc ác đang ngự trị trong tâm tôi.

Nhờ có đối phương ác bên ngoài, tôi phát hiện được phiền não tham lam ích kỷ trong tâm tôi. Vì có đối tượng, phiền não mới xuất hiện, chúng ta mới điều chỉnh. Tôi biết nó làm chướng ngăn Thánh đạo, nên đoạn trừ ngay. Tâm nhẹ lần và thiện tâm từ đó dần dần phát sinh để hình thành ông Phật vị lai cho chính mình.

Chúng ta thường rơi vô sai lầm, tuy lạy Phật nhiều, nhưng không chịu điều chỉnh tâm, cũng thành vô ích. Trên bước đường tu, tôi càng gặp khó khăn càng thích thú trong việc làm, càng nỗ lực bấy nhiêu. Từng bước điều chỉnh thân tâm mới hiền ra, khôn ra. Và nhìn lại thử thách mình đã vượt qua, mới biết những người chống phá ta là ân nhân của ta. Tôi lập chí đi lên như vậy, cứ nghĩ mỗi lần vượt qua được một khó khăn lại có khó khăn mới lớn hơn chờ đón chúng ta. Đến cuối cùng còn phải đọ sức với Thiên Ma. Thắng được nó mới thành Vô thượng giác.

Tôi luôn luôn ý thức con đường đến bảo sở còn xa lắm, phải nỗ lực chuẩn bị sức tu, không đủ ý chí không tu được. Khi phá được một tánh ác trong lòng, tướng ác bên ngoài sẽ theo đó mất đi. Hành giả sanh một niệm tâm đại bi, sẽ hiện được một tướng thánh thiện của Phật. Và cuối cùng, toàn thân hành giả hiện hảo tướng Như Lai, tâm đại bi mới viên mãn.

Bồ tát mười phương nghe Phật Thích Ca nói về tiền thân Ngài đã tu hạnh bố thí, thành tựu kết quả ngày nay làm Thích Ca Như Lai. Các Ngài mới vững tâm nghĩ rằng Phật làm được, các Ngài cũng nguyện xin làm theo Phật. Cầu mong mười phương chư Phật phóng quang gia bị.

Nói cách khác, tâm niệm của hành giả Pháp Hoa khi đối đầu với khó khăn chướng ngại, niềm tin phải càng mãnh liệt kiên cố mới tu được, hành đạo được ở Ta Bà.

Trong khi đó Bồ tát sơ phát tâm và hàng Nhị thừa Thanh văn vì chạm trán nhiều với khó khăn ác độc, cảm thấy sợ. Bồ tát lớn quan niệm có khó mới khôn. Nhưng đối với Bồ tát nhỏ và Thanh văn thì khó quá thành không khôn.

Từ ý niệm không đủ sức đương đầu với tệ ác ở Ta bà, về sau triển khai thành mười phương Tịnh Độ, theo đó muốn vào Ta bà hành đạo, hành giả phải có gốc. Nói cách khác, hàng Nhị thừa Thanh văn hay Bồ tát sơ phát tâm muốn hàng phục ma, phải mạnh hơn nó, khôn hơn nó. Nếu không đầy đủ đạo lực tất nhiên bị ma vật chết. Bồ tát lớn là sứ giả Như Lai, chúng sanh cang cường, nhưng nhẫn lực Bồ tát cao hơn, mới thừa sức giáo hóa chúng. Vì vậy, hàng Nhị thừa Thanh văn hay Bồ tát sơ tâm phải qua phương Đông học Pháp Hoa với Phật Dược Sư, sang phương Tây học Pháp Hoa với Đức Di Đà, mới trở lại Ta bà hành đạo, tu Pháp Hoa ở môi trường ngũ trược ác thế này được.

Sự liên hệ giữa Đề Bà Đạt Đa và Phật Thích Ca không phải tầm thường. Cũng như hạnh nguyện bất khả tư nghì của Đề Bà Đạt Đa chỉ có Phật thấu rõ. Vì vậy, Ngài được Đức Thích Ca thọ ký thành Phật hiệu là Thiên Vương. Và chỉ có kinh Pháp Hoa mới kiến giải được nghịch hạnh của Đề Bà Đạt Đa. Khi kiết tập kinh Pháp Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa bị loại ra và mãi đến năm 602 mới được Ngài Cấp Đa sát nhập vào.

Việc Đề Bà Đạt Đa được thọ ký thành Phật nói lên tinh thần bình đẳng tuyệt đối của kinh Pháp Hoa, thiện ác bình đẳng bất nhị. Người ác hay người thiện, đối với chúng ta đều cần thiết cho sự gội rửa thân tâm trên bước đường tu hành, đều là một phần trong Như Lai thân.

Ác hay thiện, tốt hay xấu, thân hay thù đều nằm trong pháp tương đối. Vì trở về chân lý tuyệt đối, tất cả pháp đồng nhất thể, không có hai thể. Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm, tất cả mọi vật trên thế gian do tâm ta tạo ra. Ta nghĩ tốt về tha nhân, họ sẽ trở thành tốt và ngược lại ta nghĩ họ xấu, họ sẽ xấu với ta.

Tâm niệm của con người luôn biến đổi không ngừng. Ngài Trí Giả quan sát trong một niệm tâm có đến 3.000 hình tượng và ý nghĩ khác nhau. Từ một con người ác có thể trở thành con người tốt khi ta hít vào hơi thở từ bi của Phật. Nếu hít vào hình ảnh của ma vương, ta sẽ thành hung ác. Kinh Đại thừa có công năng chuyển hóa con người từ phàm phu biến thành Phật, nên nói Phật là chúng sanh và chúng sanh là Phật, Phật và chúng sanh là một.

Khi Như Lai còn tại thế, đức hạnh và tài năng siêu việt của Ngài cùng hàng đệ tử lỗi lạc tài ba đã nói lên chân lý tuyệt đối, còn có người không nghe. Huống chi Phật vào Niết bàn, ta chỉ có một mình, xung quanh trăm người dữ. Liệu ta có truyền bá nổi pháp chân thật này không ?

Trong khi Xá Lợi Phất và Trí Tích Bồ tát còn do dự trước cái khó vô ngần, thì Văn Thù Sư Lợi Bồ tát xuất hiện giải quyết nghi ngờ cho đại chúng. Thoạt nhiên Ngài từ biển vọt lên, ngồi trên hoa sen 1.000 cánh và vô số Bồ tát ngồi hoa sen đến trước pháp hội.

Mở đầu phẩm Tựa, Ngài Văn Thù giới thiệu Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh và sau đó từ phẩm 2 đến phẩm 10, không thấy nói đến Văn Thù. Như vậy, trong 8 năm Phật giảng kinh Pháp Hoa ở pháp hội thứ nhất cho hàng Thanh văn, không có Văn Thù. Và đến nay, Ngài mới xuất hiện ở pháp hội thứ hai trong phẩm này, nói về việc đến và đi

của Văn Thù. Ngài hiện diện hay vắng mặt đều đúng theo yêu cầu của từng nơi, từng lúc và mang ý nghĩa khác nhau.

Văn Thù nói với Trí Tích Bồ tát rằng Ngài vắng mặt ở pháp hội thứ nhất để qua cung rồng Ta Kiệt La giảng kinh Pháp Hoa suốt 8 năm. Trong thời gian này, Ngài giáo hóa chúng sanh với tư cách là Bồ tát, không có Như Lai hiện hữu bên cạnh. Và Ngài giáo hóa ở trong bể khổ, nơi chúng sanh hung dữ tham lam, nhằm khích lệ hành giả Pháp Hoa sau khi Phật vào Niết bàn, vẫn có thể xiển dương kinh Pháp Hoa, với điều kiện trang bị được cho mình một trí tuệ Văn Thù nhìn sự vật đúng như thật.

Ở trong biển khổ của cung rồng Ta Kiệt La, Văn Thù sử dụng trí tuệ siêu việt biến nó thành thế giới thanh tịnh như thế giới của Phật A Di Đà có trăm ngàn Bồ tát vây quanh nghe pháp. Trí Tích còn nghi ngờ về sự kiện Văn Thù là bậc đại Bồ tát, lại mang Pháp Hoa chân thật cao tột vào cung rồng, tiêu biểu cho nơi hạ tiện nhất mà giáo hóa. Thật là vô lý, khó tin, Ngài hỏi Văn Thù số chúng sanh hóa độ được bao nhiêu.

Tức thì có vô lượng Bồ tát không tính kể được, ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên đến trụ trước tháp Đa Bảo. Và một lần nữa để chứng minh chân lý nhất Phật thừa, Long Nữ 8 tuổi, con gái của vua rồng Ta Kiệt La xuất hiện trước pháp hội. Long Nữ nghe được kinh Pháp Hoa, thành tựu đạo hạnh Bồ tát và nói kệ hiển bày pháp tánh mà chỉ có Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca biết được. Còn chúng hội không hiểu Long Nữ nói gì.

Ngài Xá Lợi Phất, trí tuệ bậc nhất cũng khởi lòng nghi cho rằng thân gái nhơ uế có năm điều chướng không thể thành Phật được. Hiểu theo Xá Lợi Phất như vậy thuộc về

hiểu biết của Tiểu thừa. Dưới nhãn quan Đại thừa của Trí Tích Bồ tát, muốn thành Phật, Đức Thích Ca phải trải vô lượng kiếp tu hành đạo Bồ tát. Không có mảy trần nào Ngài không tu, mới thành Phật, nên Long Nữ chắc chắn không thành Phật được.

Riêng chỉ có kiến giải theo tinh thần kinh Pháp Hoa hay hiểu theo Tối thượng thừa viên giáo thì bất cứ người nào cũng thành Phật với điều kiện nắm được yếu chỉ thành Phật. Đến đây, Long Nữ đóng vai tiêu biểu hiển bày pháp khó tin, khó hiểu, là pháp tức thân thành Phật. Trong một sát na, sử dụng trăm ngàn đà la ni môn, thông suốt pháp giới, thoạt nhiên biến thành nam tử qua cõi Vô Cấu ở phương Nam, ngồi tòa sen báu thành Phật.

Ngài Thiên Thai chia ra pháp tướng và pháp tánh Chơn như duyên khởi. Ở trên Chơn như duyên khởi thuộc về tánh Không. Nhưng trên hiện thực cuộc đời có Xá Lợi Phất, Long Nữ, hay mỗi người đều mang hình dáng khác nhau. Tuy vậy, cuối cùng ai cũng đều thành Phật, nếu biết lấy đối tượng Phật tu hành. Vô minh tham ái do mê lầm mà ra. Bỏ mê lầm, trí giác thoạt nhiên sanh, ví như mặt trời lên bóng tối tự mất.

Mọi loài vật trên cuộc đời không tồn tại vĩnh viễn, không có tánh cố định, nên kinh Pháp Hoa gọi là Phật chủng tùng duyên khởi. Nếu nhân duyên gặp Phật ra đời, theo Phật nghe pháp hành giả thành Phật. Gặp và tu theo Bồ tát, hành giả là Bồ tát. Do đó đối tượng tu của ta trở thành quan trọng. Khi lấy Phật làm đối tượng tu hành, quan sát kỹ xem Ngài tu thế nào thành Phật, chúng ta theo đó huân tập những ý tưởng và hành động của Phật. Càng huân tập công đức bao nhiêu, tâm hành giả sáng bấy nhiêu, hạt giống Phật trong tâm càng lớn dần. Ví dụ

Phật chan hòa bốn tâm vô lượng từ bi hỷ xả cho tất cả muôn loài. Chúng ta cũng tập mang bốn tâm này vô lòng. Đến ngày nào từ bi hỷ xả thật sự ngự trị trong tâm hồn, trong tư duy, trong thiền định và hành giả thể hiện ra bằng hành động, lời nói, cử chỉ. Toàn thân toàn tâm hành giả không khác Như Lai, hành giả là Phật. Trên lập trường Phật thừa, bất cứ ai suy nghĩ và hành động theo Phật đều thành Phật.

Long Nữ ở thiên cung là Ngọc Nữ, một biểu tượng tôn quý trên cõi Trời, là sự sống của chư Thiên; nhưng khi rớt vào biển khổ là công nương của Ta Kiệt La. Và lúc xuất hiện trước Đức Thích Ca, Ngài thị hiện thân nữ thành Phật. Đây là sự thể hiện tinh thần nam nữ bình đẳng bất nhị hay người ngu và người trí bình đẳng không khác. Đức Thích Ca là bậc Thế Tôn cao quý và Long Nữ tiêu biểu cho một chúng sanh trong biển khổ. Cả hai ở trên chân như môn đều bình đẳng giống nhau không khác.

Sự hiển bày nhiều thân khác nhau của Long Nữ cho thấy rõ Ngài là Phật đã thành. Từ thế giới Phật, Ngài hiện qua thế giới phàm phu và từ thế giới phàm phu trở về thế giới Phật. Giống như ta bỏ chiếc áo rách bên ngoài, nhưng bên trong có sẵn áo Phật vậy.

Hai hiện tượng Đề Bà Đạt Đa và Long Nữ thành Phật nằm ngoài sự hiểu biết thông thường của con người, thuộc phần bí mật tạng. Ngài Xá Lợi Phất đại diện cho Thanh văn và Trí Tích đại diện cho Bồ tát còn không rõ, huống chi là phàm phu chúng ta. Vì vậy Ngài Từ Ân đại sư xếp phẩm này thuộc phần thế giới Thật báo của Phật và Đức Thích Ca Mâu Ni không phải là một vị Phật đơn độc trên thế gian. Ngài là một phân thân của Báo thân viên mãn Lô Xá Na Phật. Các phân thân Phật thuyết pháp

mười phương trong tất cả các loài mang hình thù không giống nhau, do bổn Phật này phân ra nói pháp.

Nương theo giáo lý của Phật Thích Ca trên cuộc đời, những người trong pháp hội một mới vào được pháp hội hai, không còn tướng đối đãi tệ ác của chúng sanh. Vì thế, khi Bảo Tháp xuất hiện, Ta bà biến thành Tịnh độ, người được dời đi nơi khác. Ngài Từ Ân gọi đó là Pháp Hoa cảnh, là cảnh giới mầu nhiệm của kinh nói lên tất cả vật đồng nhất thể, tất cả dồn về một chân lý. Ai tu pháp này cuối cùng đều thành Phật, diễn tả năm điều không khác nhau gọi là ngũ trùng bất nhị.

1.- Cổ kim bất nhị : Đức Phật quá khứ Đa Bảo xuất hiện để chứng minh trong thế giới Phật, ý niệm xưa và nay không có. Tất cả đều là hiện tại.

2.- Tịnh uế bất nhị : Thế giới ô uế hay thanh tịnh tùy nơi hành giả. Ta bà và Tịnh độ là một không khác. Phật Thích Ca tập trung phân thân để thấy tháp Đa Bảo, Ta bà liền biến thành Tịnh độ.

3.- Thiện ác bất nhị : Ở trong các pháp, thường Phật dạy làm lành được phước, làm ác sanh tội. Kinh Tiểu thừa quy định Đề Bà Đạt Đa đang thọ báo ở địa ngục. Nhưng đến kinh Pháp Hoa, Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa thành Phật, nói lên chân lý thiện ác bất nhị.

Đối với thế giới Phật, tuyệt đối không có quan niệm thiện ác. Và theo Ngài, tất cả hữu tình vô tình đều thành Phật. Đề Bà Đạt Đa thâm nhập vào pháp tánh bình đẳng thì Đề Bà Đạt Đa vẫn là Phật. Ở trạng thái chân tánh bình đẳng, Đề Bà Đạt Đa và Phật không hề thù nghịch hại nhau. Tất cả việc lành trên thế gian đối với thật tướng pháp chỉ là giấc chiêm bao. Trong phẩm Tùy hỷ Công đức, Phật nói nuôi một người cho ăn uống đầy đủ tới 80 tuổi và

dạy cho họ đắc quả A la hán, công đức không bằng người thứ 50 tùy hỷ với kinh này. Tác dụng của hành giả trong pháp giới mới thật quan trọng. Còn tác dụng trên hiện thực cuộc đời giống như giọt nước trên mặt biển mà thôi.

4.- Nam nữ bất nhị : Được biểu hiện qua việc Long Nữ mang hình nữ khi thể nhập vào chơn như cũng thành Phật, nhanh hơn động tác dâng ngọc châu cho Phật.

5.- Ấu lão bất nhị : Đạt đến nhất thể, tất cả trở thành bất sanh bất diệt, không còn đối đãi già trẻ.

Tóm lại, bước vào Pháp Hoa cảnh nghĩa là sống trong thế giới chân thật, một thế giới hoàn toàn bình đẳng tuyệt đối, nơi đó bản tâm thanh tịnh mọi người thông suốt nhau. Chỉ khi nào thực sự đặt chân vào thế giới mầu nhiệm này, chúng ta mới biết rõ được ý nghĩa của ngũ trùng bất nhị. Mọi sự phân biệt hiểu biết trên văn tự bằng trí phàm phu chỉ là phương tiện tạm dùng trên bước đường tu tập pháp giải thoát của Như Lai mà thôi.

Phẩm 13

TRÌ

I. LƯỢC VĂN KINH

Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết cùng 20.000 Bồ tát quyến thuộc ở trước Phật phát lời thệ nguyện sau khi Phật diệt độ, các Ngài sẽ thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa không tiếc thân mạng.

500 A la hán và 8.000 vị đang tu học và đã hoàn tất việc tu học, đã được thọ ký, cũng phát nguyện truyền bá kinh này ở nước khác.

Tỳ kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng 6.000 Tỳ kheo Ni đứng dậy, chiêm ngưỡng Phật. Ngài biết tâm niệm các vị này, liền thọ ký cho Kiều Đàm Di sau khi đầy đủ đạo Bồ tát sẽ thành Phật, hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai và 6.000 Tỳ kheo Ni cũng tuần tự được thọ ký. Tiếp theo, đức Phật thọ ký cho Gia Du Đà La thành Phật hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai. Sau khi được thọ ký, các Tỳ kheo Ni cũng phát nguyện nói kinh Pháp Hoa ở nước khác.

Và sau cùng, 80 muôn ức na do tha Bồ tát bất thối chuyển thấy Phật yên lặng, cũng phát nguyện sau khi Như Lai diệt độ, các Ngài sẽ đi mười phương thế giới khiến cho chúng sanh thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa, đúng như pháp tu hành. Và các Ngài xin đức Thế Tôn ở phương xa phóng quang gia hộ.

II. GIẢI THÍCH

Phẩm 13 mang tên là phẩm Trì nói đủ là khuyến trì, nghĩa là khuyến khích giữ gìn mạng mạch của đạo pháp sau khi Như Lai nhập diệt. Tinh thần Pháp Hoa trong phẩm Hiện Bảo tháp và phẩm Đề Bà Đạt Đa thể hiện yếu nghĩa là tinh thần bình đẳng tuyệt đối, một tư tưởng mà Như Lai tại thế còn không được chấp nhập, huống chi sau khi Như Lai diệt độ.

Phật thành Vô thượng chánh đẳng giác ở Bồ đề đạo tràng, muốn truyền đạt chân lý này. Nhưng vì khả năng của chúng sanh quá thấp kém, Ngài phải từng bước dẫn dắt. Trải qua 40 năm, Ngài nói kinh Tiểu thừa, Quyền thừa và bước vào Đại thừa. Sau cùng, Ngài mới nói Viên thừa bình đẳng tuyệt đối.

Mở đầu pháp Tiểu thừa, Phật tự hạ thấp mình cho bằng với đối tượng mà Ngài giảng nói. Đại chúng hiểu và suy nghĩ thế nào thì Phật nói theo hiểu biết và suy nghĩ của họ. Phật thấy cả thế giới bao la chính xác như thấy trái cam ở trên bàn tay, nhưng Ngài chỉ dạy những điều đơn giản, bình dị để họ nghe và chấp nhập được. Lần hồi chúng hội trưởng thành.

Đến giai đoạn Quyền thừa thông giáo, Phật nói pháp cho Bồ tát, không nói với Thanh văn. Ngài lần lượt giới thiệu Bồ tát mười phương như Quan Âm ở Tây phương Cực Lạc có thật nhiều quyền năng, trong một niệm hiện được vô số thân hình. Hoặc Bồ tát Đại Thế Chí phóng ánh sáng từ đỉnh đầu đến cứu người, hoặc chỉ nhìn thấy Bồ tát Dược Vương, chúng sanh liền hết bệnh.

Phật đã phân ngôi thứ Bồ tát, Thanh văn và phàm phu, Ngài chỉ rõ những thần thông bất tư nghì của Bồ tát. Mọi người đều chấp nhận được sự phân biệt này. Đến

thời Bát Nhã, Phật quy về pháp KHÔNG. Dưới mắt huệ, tất cả đều do nhân duyên giả hợp mà có, từ điên đảo vọng tưởng mà sanh. Bồ tát Quan Âm sử dụng được pháp này một cách trọn vẹn. Ngài biến thân khắp pháp giới, cần thì hiện, không cần thì mất.

Qua pháp KHÔNG của Bát Nhã là chơn không để chúng ta không còn cố chấp, Phật mới nói Pháp Hoa là diệu hữu, có mà không, không mà thực có. Ngài nâng khả năng của con người đến mức hoàn toàn sống theo phước đức trí tuệ. Tất cả vật hiện hữu trên cuộc đời cho đến thời gian đều là KHÔNG, nhưng trong pháp KHÔNG đó có đầy đủ tất cả. Khi cần thì tùy phước đức và trí tuệ, vật tự hiện theo ý ta.

Điểm này khó hiểu, khó chấp nhận. Theo pháp Tiểu thừa phải tu và làm mới có. Nhưng pháp Đại thừa dạy bỏ tất cả để được tất cả. Những người tăng thượng mạn chưa an trú pháp KHÔNG, nói đến CÓ mầu nhiệm này, họ không chấp nhận được và 5.000 Tỳ kheo tăng thượng mạn phải rời bỏ pháp hội. Hành giả Pháp Hoa bỏ hết để thành tựu công đức, thành tựu Pháp Hoa, thành tựu huệ mạng.

Thực tu và thực chứng pháp diệu hữu, các vị Tổ sư thường tuyên dương pháp mầu với hai bàn tay không. Đó là hình ảnh Mâu Bác, Chi Cương Lương, Ma Ha Kỳ Vực v.v… theo các đoàn thương thuyền đến Việt Nam. Thương buôn mời các Ngài đi chung để an tâm vững lòng trước hiểm nguy ngoài biển cả. Ta không thấy một vị Tổ sư nào trên bước đường hành đạo, mang của cải từ nước này sang nước khác. Đối với các Ngài, tất cả pháp biến hóa không lường, vật tự hiện ra theo nhu cầu làm đạo. Trước khi Sư tới ở, trong vùng thường hay gây gổ, đánh

nhau, cướp bóc… Các Ngài đã cảm hóa mọi người, trẻ con trở thành hiền lành, thông minh, đời sống trong vùng được an vui sung túc hơn. Dù ở nơi đồng trống, hang đá, rừng sâu, chỗ các Ngài bước chân đến đều được chúng sanh xây tháp thờ.

Muốn truyền bá kinh Pháp Hoa, nên ý thức rằng sự hiện hữu của chúng ta phải cần thiết và mang an lành cho người. Hiểu và sống được như vậy mới là người trì kinh Pháp Hoa, giữ gìn bản chất của Phật, giữ gìn Phật huệ. Vì thực tế, Phật đến nơi nào thì tình thương, phúc lạc và thịnh vượng chan hòa đến đó.

Hiểu pháp này khó, nói pháp này khó hơn và làm cho người khác tin theo, thực hành theo càng khó hơn nữa. Trong phẩm Hiện Bảo tháp, Phật dạy ai muốn trì kinh Pháp Hoa thì ngay trong hội Linh Sơn phải nên phát nguyện. Nhờ Phật quá khứ và Phật hiện tại gia bị để đủ nghị lực tu hành trong vị lai.

Chúng hội còn do dự chưa phát nguyện thì kế tiếp xuất hiện hai hiện tượng Đề Bà Đạt Đa và Long Nữ thành Phật để minh chứng chân lý mà Phật vừa nêu lên. Cảm nhận được pháp chân thật qua hai hiện tượng nói trên, Ngài Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết Bồ tát cùng với 20 vạn Bồ tát đồng đứng trước Thế Tôn phát nguyện. Dù sau Phật Thích Ca nhập diệt, chúng sanh căn lành ít, lòng tham ác nhiều, trên bước đường tu hành gặp bao nhiêu chống trái, các Ngài vẫn mặc áo giáp nhẫn nhục, thọ trì, đọc tụng, diễn nói, duy trì kinh này tồn tại mãi trên thế gian, làm lợi lạc cho chúng hữu tình.

Sau khi các Bồ tát phát nguyện, 500 vị A la hán vừa được thọ ký thành Phật và 8.000 vị từ sơ quả đến tam quả

được thọ ký thành Phật cũng phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa, nhưng xin hoằng truyền ở nơi khác.

Ta nhận thấy lúc mới giảng Pháp Hoa, chỉ có 2.000 vị Thanh văn từ sơ quả đến tam quả. Đến pháp hội hai, con số Thanh văn lên đến 8.000 vị. Điểm này chứng minh Pháp Hoa rất đặc biệt, lúc mới giảng có người không theo nổi, phải rời bỏ pháp hội. Nhưng đến chung cuộc, số lượng người phát nguyện tham dự lại đông hơn gấp 4 lần.

500 A la hán và 8.000 Thanh văn đang tu học và đã hoàn tất việc tu học đều phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở thế giới khác. Vì ở Ta bà, chúng sanh tham lam ghét ganh, căn tánh không lành, rất nhiều người có tánh ngã mạn luôn thấy mình hơn người khác. Họ nhìn sự vật không chính xác. Hành giả hoằng truyền Pháp Hoa, nghĩa là nói việc đúng, chắc chắn họ không thể chấp nhận. Vì thế, A la hán, Bích chi Phật tự cảm thấy không đủ khả năng truyền bá kinh Pháp Hoa cho hàng tăng thượng mạn ở Ta bà.

Ngoài ra, chúng sanh Ta bà thường ngoan cố. Nếu hành giả tranh cãi với chúng, thì sẽ mất tư cách một Tỳ kheo. Làm thế nào hành giả không đánh họ, không gây với họ mà hàng phục được họ, trong khi đạo hạnh của hành giả không đủ sức cảm hóa họ. Sống trong thế giới Ta bà có nhiều người hung ác, các vị Thanh văn quen trụ Niết bàn, nhìn thấy chúng sanh và chúng sanh nghiệp mà ngán sợ. Tuy các Ngài phát tâm, nhưng phải có Phật ở bên cạnh để nương tựa, mới dám chung sống với chúng sanh và dạy dỗ họ.

Chính vì vậy, kinh Pháp Hoa không thích hợp với người tu hạnh viễn ly hoặc sống đóng khuôn theo công

thức. Kinh Pháp Hoa chỉ thuận cho người biết tùy duyên giáo hóa, không cố chấp trong mô hình cố định.

Thật vậy, kinh Pháp Hoa tiêu biểu cho Đức Phật. Duy trì hoằng truyền được kinh này tồn tại là việc ngoài khả năng của Thanh văn. Vì các Ngài bị giới luật ràng buộc, không thể thay đổi thích nghi theo từng hoàn cảnh khác nhau. Ví dụ trong thời đại mà người ta thường quan niệm rằng người tốt phải làm ra nhiều của cải cống hiến cho đời. Trong khi Tỳ kheo bị giới luật trói cứng, chẳng những không được giết hại chúng sanh, mà cây cỏ cũng không được giết. Nếu giữ đúng giới luật, thì sống trong xã hội văn minh, ta không làm được gì nữa. Vì sự khó khăn của việc vừa giữ đúng giới luật vừa lợi lạc cho đời, tu sĩ Phật giáo Nhật Bản không thọ giới Tỳ kheo, chỉ thọ giới Bồ tát.

Tỳ kheo phải giữ đúng mô hình, không thể nào sinh hoạt thích ứng với xã hội, tất nhiên đưa đến kết quả không thể nào tồn tại trên thế gian. Chính vì vậy, các Ngài không dám phát nguyện hoằng truyền Pháp Hoa ở Ta bà.

Bát vạn ức na do tha Bồ tát bất thoái chuyển từ đệ bát địa trở lên, sống bất cứ nơi nào cũng giữ được tư chất Bồ tát. Các Ngài phát nguyện hoằng truyền Pháp Hoa trong khắp mười phương. Chúng ta thấy rõ nhiệm vụ giữ gìn kinh này là công việc của Bồ tát. Trong đời ngũ trược, chúng sanh hung ác, các Ngài có sức nhẫn nhục lớn, không phải là người mới phát tâm như 8.000 vị tân học hay A la hán. Các Ngài có khả năng chinh phục tất cả cái khó để trở thành bậc Điều Ngự. Chúng sanh càng cang cường, tâm Bồ đề các Ngài càng lớn. Bồ tát bất thoái chuyển là Bồ tát ở Viên thừa của kinh Pháp Hoa. Các Ngài không cần phải đóng vai Tỳ kheo cố định nhưng trục loại tùy hình, nghĩa là loài hữu tình nào cần gì

các Ngài làm việc đó, đáp ứng yêu cầu cho họ. Ví dụ họ cần học thức, Bồ tát đóng vai giáo sư xuất sắc, họ đặt vấn đề lao động thì Bồ tát sản xuất không kém ai. Chúng sanh đưa ra vấn đề nào, Bồ tát cũng thành tựu, ứng theo nhu cầu của họ, mới giáo hóa hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ta bà được.

Ý niệm Thanh văn chỉ phát tâm hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở thế giới an lành trùng hợp với sự kiện lịch sử xảy ra ở Ấn Độ. Khoảng thế kỷ thứ 7, thứ 8, các nhà sư Ấn không thể chịu nổi sự tàn sát của Bà la môn giáo, các Ngài phải trốn ra nước ngoài. Đến thế kỷ 12, không còn hình bóng Tăng già trên đất Ấn. Giữa thế kỷ 20, Thủ tướng Nerhu kỷ niệm 2.500 năm Phật Niết bàn, mới có các nhà sư Ấn Độ từ nước ngoài trở về. Ta cảm nhận được Phật giáo Ấn Độ ở giai đoạn nói trên, mất về hình thức, nhưng hiện hữu trong tâm hồn của người có trí tuệ. Hiện hữu dưới nhiều hình thức khác nhau, ngay cả ảnh hưởng vào tâm nhà lãnh đạo hay chính khách.

Ta bà là nơi Thánh phàm đồng sống chung. Trong thế giới hỗn độn này, các Bồ tát xuất hiện bằng cách tùy loại ứng hiện thân, xuất hiện đúng theo yêu cầu chúng sanh, không câu nệ vào hình thức, mới tồn tại được. Tâm Như Lai không đổi, miễn là đạt được mục đích dẫn mọi người tới bờ giải thoát. Với hạnh nguyện vì chúng sanh, Bồ tát thường dạo chơi trong biển sanh tử. Nhờ vậy, tuy không có Phật, trên bước đường hành đạo nhiều sóng gió hiểm nguy, hành giả vẫn an lành quảng tuyên lưu bố kinh Pháp Hoa. Với sự che chở của Bồ tát, hành giả quyết bảo trì Phật pháp không tiếc thân mạng. Có tâm niệm như vậy là biết hành giả đã phát tâm từ thời Phật còn tại thế.

Những khó khăn đáng ghê sợ khi hoằng truyền kinh Pháp Hoa, chúng ta cần ý thức nó đương nhiên sẽ xảy đến. Khi Phật tại thế, nhân cách siêu việt và thần lực không nghĩ bàn được của Ngài đã khiến tâm người nghe thành hiền hòa. Nhưng Phật Niết bàn, trên cuộc đời này không có biểu tượng đáng tôn thờ, chỉ có nhiều người mang nghiệp ác làm cho chúng sanh bực bội, nên tâm ác của họ cũng tự nhiên tăng. Người này nhìn người kia thấy khó chịu và tánh ác hỗ tương tăng lên.

Hàng Bồ Tát sơ phát tâm không đủ khả năng ngăn chặn các tánh ác sẵn có, nên chẳng dám phát nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa ở Ta bà. Các vị đại Bồ Tát thì ngược lại, nguyện khó khăn mấy cũng xiển dương giáo lý tối thượng. Ngài Nhật Liên Thánh nhân gọi Bồ tát hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ta bà là đại Bồ tát hay hậu tâm Bồ tát và Bồ tát vừa được thọ ký là sơ tâm Bồ tát.

Đối với Bồ tát đã đầy đủ đức hạnh, đang tu tập 10 pháp ba la mật, chướng duyên là điều kiện tốt để mau thành đạt quả Vô thượng bồ đề. Nhưng Bồ tát sơ tâm liệu sức không giáo hóa chúng sanh cang cường nổi, xin phát nguyện hoằng truyền ở thế giới an lành hơn.

Đức Phật xác định ở phẩm Pháp sư, ngay khi Như Lai tại thế, pháp này còn có người oán ghét, huống là sau khi Phật diệt độ. Vì vậy, chư Bồ tát phát nguyện dù có hạng chúng sanh cực ác, các Ngài vẫn vững lòng hoằng truyền kinh này và xin Phật phóng quang hộ niệm. Các Ngài đặt trọn niềm tin mãnh liệt nơi Phật, nên không thấy sợ.

Hàng Bồ tát mới phát tâm đối trước ba hạng thù nghịch cũng phải run sợ, đó là tục chúng tăng thượng

mạn, đạo môn tăng thượng mạn và tiếm Thánh tăng thượng mạn.

1. Tục chúng tăng thượng mạn

Là người ở ngoài Phật pháp, theo định kiến tà giáo. Họ không ưa Phật pháp. Tuy ta không chống họ, nhưng họ luôn gay gắt và sẵn sàng ám hại ta. Cần nhớ rằng tục chúng tăng thượng mạn là thế lực xấu, luôn luôn đối nghịch với cái tốt. Ta làm việc tốt, tất nhiên có hại cho người xấu. Thế lực xấu lúc nào cũng nhiều tham vọng. Tục chúng tăng thượng mạn dở, nhưng muốn được người coi trọng.

Hành giả đóng vai tốt phải biết đối thủ xấu luôn ở bên cạnh để phá hại. Nếu hành giả không tránh được, phải chết thôi. Như Ngài Mục Kiền Liên khi về với Phật, việc đầu tiên là Ngài bị hàng ngoại đạo phỉ báng. Phật tại thế, nương vào uy tín của Phật, các Tỳ kheo truyền giáo một cách bình ổn, chỉ gặp đôi chút khó khăn do ngoại đạo gây nên. Đến khi Phật Niết bàn, Ngài Mục Kiền Liên quảng tuyên lưu bố tư tưởng nhất thừa, bị ngoại đạo giết chết, vùi xác xuống bùn.

Đối với hạng người cực ác này, Bồ tát hàng phục chúng bằng trí tuệ. Các Ngài tận dụng khả năng thiên biến vạn hóa, đáp ứng yêu cầu chúng sanh. Ví dụ gặp trụ xứ mà người ác ném đá sư khất thực, chắc chắn Bồ tát có trí tuệ không mặc áo sư, mang hình dáng sư. Dưới kiến giải Đại thừa, Bồ tát hiện thân dưới mọi hình thức, như Bồ tát Quan Âm tùy trường hợp xuất hiện theo yêu cầu chúng sanh, làm thế nào họ chống cự được. Cần hiểu rằng Bồ tát hàng phục chúng ma là thích nghi theo yêu cầu, thể hiện nhẫn lực của Bồ tát. Nhẫn ở đây là nhẫn với chính mình, không phải nhẫn với người khác. Để người khác

đánh, mình nhịn chỉ là việc vô ích. Bồ tát kham nhẫn, nghĩa là tùy đối tượng, tùy hoàn cảnh mà làm những việc mình không ưa thích, nhưng lợi cho người để giáo hóa họ.

Các bậc Thiền sư đều thể hiện trọn vẹn tư cách Bồ tát kham nhẫn. Điển hình như Đỗ Thuận pháp sư thực sự là một Tăng Lục đạo sĩ không thuyết pháp, mà biến dạng thành anh lái đò trên dòng sông trước đền Hoa Lư. Trong lúc nhà Đinh mới dựng nước, sư mỗi ngày đưa khách sang sông để theo dõi, hiểu rõ tin tức, nhân tình từ Trung Quốc sang Hoa Lư, giúp vua giải quyết thật nhiều vấn đề khó khăn. Hoặc hình ảnh Thiền sư Ngô Chân Lưu đã cởi bỏ áo Thiền sư, kham nhẫn mặc vào chiếc áo Thái sư, mang hết tâm lực phục vụ, hoàn thành sứ mạng lịch sử giao phó.

Với hai hình ảnh Thiền sư tiêu biểu nêu trên, chúng ta thấy rõ muốn hàng phục hạng tục chúng tăng thượng mạn, phải đồng hành với họ, nỗ lực tu hành. Rèn luyện sao cho người thế gian phải công nhận rằng ta tốt, thì hạng tục chúng tăng thượng mạn tự biến mất. Trên bước đường tu, thấy xã hội đối xử với ta thế nào, thì tự biết được bộ mặt thực của chính mình thế ấy. Xã hội là tấm gương cho ta soi bóng, hình thế nào, bóng như vậy.

Phật dạy nếu quả thực chúng ta tốt, những xấu ác sẽ không có. Tất cả oan gia nghiệp báo nhiều đời chúng ta tích tụ, để hiện đời mang quả báo có thân tướng khó thương và việc làm sai trái. Tuy nhiên, cố gắng tu hành điều chỉnh lần lần thành cao cả, sẽ không còn gặp hàng tục chúng tăng thượng mạn. Ngược lại, chúng ta ẩn trên sơn lâm cùng cốc, đứng ngoài phê phán chống đối, chỉ đưa đến kết quả chẳng lợi ích gì cho đạo và cho chính bản thân mình.

Tài năng, đức hạnh của Ngài Đỗ Thuận và Ngô Chân Lưu đã giới thiệu một cách trung thực hình ảnh Đức Phật trên cuộc đời. Nếu không có các Ngài, chắc chắn chúng ta không có trang sử vàng son của Phật giáo Đinh Lê.

Trở lại cuộc đời giáo hóa của Phật Thích Ca, lúc mới thành Phật, ai biết Ngài là Phật. Đến khi giáo hóa độ sanh, Ngài phủi sạch mọi thử thách cám dỗ như hoa sen không dính nước, thể hiện tư cách một bậc Điều ngự trượng phu. Vua A Xà Thế là người chống Phật đạo mãnh liệt, từng thả voi say hại Phật. Nhưng ông không hại được Phật, lại trở thành đệ tử trung thành. Phải chăng Phật đã xóa được sự tồn tại của hàng tục chúng tăng thượng mạn.

Ngày nay, sống trong đời ngũ trược ác thế, với đầy rẫy những con người tham lam, ghét ganh hung dữ. Nếu chúng ta hoằng truyền kinh này, họ sẽ nguyền rủa, đánh đập, giết hại. Đó là điều chắc chắn ta phải gánh chịu và sẵn sàng chấp nhận. Tuy nhiên, chúng ta đã phát nguyện bước theo các Bồ tát trên đường Phật đạo. Chúng ta cứ vững tâm tu hành với tấm lòng chí thành hộ trì Phật pháp. Tất nhiên Phật lực, Bồ tát lực sẽ che chở chúng ta. Đối phương càng hại ta, khổ càng rớt về họ và ta khởi tâm đại bi đối với họ, không hề oán ghét. Như pháp tu hành, tất cả lời mắng chửi, gậy đá, ám hại sẽ biến thành phương tiện tu hành. Bồ tát làm được như vậy mới là sen trong bùn, là hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu, mọi người phải quy ngưỡng.

Thanh văn cố giữ mình trong sạch, bước chân vào đời, dễ bị chúng sanh cực ác bôi lọ. Trước khó khăn nguy hiểm ở thời mạt pháp, hàng Tỳ kheo mới phát tâm không dám lăn xả vào đời, chỉ dám hành đạo ở nơi nào có Phật.

2. Đạo môn tăng thượng mạn

Ngoài hạng thế tục không hiểu đạo chống đối, ta còn gặp những người cùng xuất gia tu hành, nhưng mang tâm niệm hẹp hòi, ích kỷ. Họ thấy việc làm của ta, sanh tâm ganh tỵ thù hiềm. Vì vậy, ngay trong chùa, chúng ta cũng gặp chống đối. Hạng này đáng sợ hơn người ngoài, vì người sống chung phá hại, khó đề phòng. Họ sẵn sàng dùng thủ đoạn nói xấu, ám hại. Nhưng hành giả như pháp tu hành không được dùng phương chước xấu xa đó để chống trả lại họ.

Hàng đạo môn chuyên sống theo hình thức, không có tài cao học rộng, không làm được việc lại hay chỉ trích, có thể phê phán Ngô Chân Lưu hay Đỗ Thuận hoàn tục, tham chính. Tuy nhiên, cuối cùng chúng ta thấy chính cố chấp của họ trói chặt tay chân họ lại và tự họ chết thôi. Điều này tất yếu khi xã hội văn minh tiến lên, sẽ đẩy lùi những nhà sư không học trở thành người lạc hậu và chết trong quên lãng.

Sống trong phiền toái tranh chấp nội bộ với đầy rẫy đạo môn tăng thượng mạn, hành giả không thể hoằng truyền kinh này. Hành giả phải làm thế nào ? Đối trước hiện tượng xấu ác này, hàng Thanh văn đành chùn bước, phải bỏ tập thể vào núi rừng tu. Nhưng Bồ tát không sợ hạng này. Dù họ ác độc, xảo quyệt thế nào, các Ngài cũng đủ sức nhẫn chịu, xin Phật phóng quang hộ niệm.

Hàng phục đạo môn tăng thượng mạn, Bồ tát vẫn sống mũ cao áo rộng như các quan khác, sống với đủ ngành nghề trong xã hội. Nhưng cốt lõi của Bồ tát không thay đổi. Tư cách và cuộc sống các Ngài thật cao cả, như hoa sen thơm ngát trong bùn nhơ. Tinh thần mang đạo vào đời làm đẹp mà không bị ô nhiễm, được Phù Vân Quốc sư truyền trao cho vua Trần Thái Tôn. Phù Vân

khuyên ông về làm vua, nhưng đừng để tâm Thiền bị hoen ố. Đáp ứng yêu cầu của đất nước dân tộc xong, vua trở về núi Yên Tử với tư chất một nhà sư cao quý, khả kính của vị Tổ phái Trúc Lâm.

Riêng tôi, thiết nghĩ thành phần đạo môn hay người tu không hẳn là người tốt. Khi thấy chúng ta đến, họ thường khởi tâm xấu, sợ ta dành quyền lợi. Trên bước đường tu, mình xuất thân nghèo đói thường gặp chống đối là điều tất yếu. Muốn xóa tăng thượng mạn này hay nói cách khác xóa mối nghi ngờ chống đối chúng ta đến để ăn chia quyền lợi, chúng ta không còn cách nào khác hơn là mang thức ăn đến cho người, xây chùa cho rộng lớn thêm, làm cho chùa sung túc hơn. Nghĩa là mình tự xóa nghèo đói trong chính mình, và đem phước lạc cho người.

Phật căn dặn Bồ tát bước chân hành đạo đến nơi nào chỉ mang thêm phước lạc. Không làm được như vậy, Bồ tát không đến. Vì ý niệm ăn nhờ ở đậu là cái gì tồi tệ nhất, không bao giờ để gợn lên trong tâm Bồ tát. Bồ tát trải qua quá trình hành đạo giúp nước, làm việc khó khăn cho đời thật lợi ích để hàng phục được tục chúng tăng thượng mạn. Và khi xong việc, Bồ tát trở về chùa, tâm hồn trong trắng như thuở nào, không có chút tỳ vết tội lỗi, mới xóa tan được chống đối xuyên tạc của hàng đạo môn. Không phải trở về bằng tâm hồn đen tối, khổ đau.

3 - Tiếm Thánh tăng thượng mạn

Là những người tu lâu, lớn tuổi nhưng có nhiều tệ ác. Trong kinh Pháp Hoa, Bồ tát cho biết hạng này được người đời coi họ là lục thông La hán. Do phước báo đời trước, đời này họ đầy đủ thiện duyên, dung mạo dễ coi nhưng tâm hồn hèn mạt. Họ được chút ít công đức, liền

liên hệ với nhóm quyền thế để hưởng lợi lộc và phục vụ cho mục tiêu phi đạo đức. Bên ngoài họ là Thánh, nhưng bên trong đầy đủ ba nghiệp ác. Họ có thế lực, được giới quyền quý nể vì và lấn át gây khó khăn cho chúng ta trong công việc hoằng truyền tư tưởng Pháp Hoa.

Muốn đối phó với hàng tiếm Thánh tăng thượng mạn, hành giả phải có quá trình tu học dài lâu, chịu đựng kham nhẫn. Đạt đến trình độ tri thức và đạo đức cao, mới mong thực hiện mục tiêu thay thế Phật hành đạo trên nhân gian. Tất nhiên đây không phải là vấn đề đơn giản.

Trong lịch sử, sự hiện hữu của một Đỗ Thuận pháp sư hay pháp sư Ngô Chân Lưu, Thiền sư Vạn Hạnh, Trúc Lâm tam Tổ v.v… đã kết thành chuỗi dài Phật giáo Việt Nam hưng thịnh đến 300 năm. Các Ngài là Bồ tát hiện thân trên cuộc đời, làm đủ các ngành nghề và trong mọi lãnh vực đều thể hiện rõ nét vai trò thừa kế Như Lai mang lợi ích cho nhân gian. Nếu thu hẹp trong hình tướng Thanh văn chắc chắn không thành tựu được như vậy.

Đến cuối đời Trần, không có Bồ tát xuất hiện, chỉ toàn ba hạng tăng thượng mạn thống lãnh đạo pháp. Các sư chuyên xem sao, bắt ma, cúng tế, không đóng góp thiết thực gì cho đời, cuối cùng bị đời đẩy vào bóng đêm và kéo theo Phật giáo Việt Nam xuống hố sâu tội lỗi.

Theo Ngài Trí Giả, chúng ta vượt qua được hai hạng cực ác trước. Còn hạng này thế lực quá mạnh, khó vượt nổi. Ngài Nhật Liên Thánh nhân đã phải đương đầu với loại tiếm Thánh tăng thượng mạn này. Khi Ngài hành đạo, Phật giáo Nhật Bản có 21 tông phái và tà giáo ngoại đạo cũng chen lẫn vào để mê hoặc con người. Duy chỉ có Ngài dám xiển dương giáo lý Đại thừa và gặp sức chống đối lớn. Lúc đó, có một Hòa thượng tên Lương Khoan, bề ngoài

dáng hiền lành, được vua chúa hết sức kính trọng. Lương Khoan rất ghét Nhật Liên, gặp người nào ông cũng nói : "Ngày nào Nhật Liên còn ở đây, tôi không an tâm". Ông sai người đệ tử thân tín nhất là ông chấp quyền (Thủ tướng) bắt Nhật Liên đem xử. Khi ra lệnh chém Ngài, lịch sử ghi rằng võ đao bước lên thấy uy nghi Ngài, thanh kiếm liền rớt xuống. Vũ khí sẽ thành vô dụng, nếu lòng người không muốn sử dụng. Vì phải nghe lệnh Hòa thượng Lương Khoan, nhưng người chấp quyền cho đến võ đao đều không có ý giết Ngài, cuối cùng họ đưa Ngài đi đày.

Sau khi Phật Niết bàn, trên bước đường tu hành, chắc chắn hành giả phải gặp hạng người này, hết sức nguy hiểm. Ta hoằng truyền kinh Pháp Hoa sẽ đụng chạm đến quyền lợi của những người tà tâm. Họ khởi phiền não, lấp mất chơn tánh, sẵn sàng giết ta, ta không đủ sức chống đỡ. Ngài Nhật Liên vượt qua những khó khăn và thể hiện công đức, nên người đời tôn Ngài là đại Thánh nhân. Người Nhật xem Ngài là Bồ tát Thượng Hạnh tái sanh mới đủ sức cảm hóa đối thủ lớn như vậy.

Trở về kinh nghiệm tu hành của bản thân, thiết nghĩ thành quả tôi đạt được ngày nay là nhờ các bậc trưởng lão tôn túc nâng đỡ. Thuở nhỏ đi tu tôi cũng khởi những ý niệm kỳ khôi bướng bỉnh, hay khinh chê người dốt nát. Theo tôi, đó là tâm lý của tuổi nhỏ háo thắng, học được chút xíu, thấy người khác sai lầm liền chỉnh ngay. Thậm chí tôi thấy có người dám chỉ trích cả Hòa thượng Yết Ma hay trụ trì nên bị đánh đuổi là điều tất yếu.

Riêng tôi, may mắn biết đổi lại cách nhìn. Nếu thấy điều gì hay nhưng không được người lớn chấp nhận, tôi cố giữ trong lòng. Chờ thời gian kiểm chứng lại xem nó hay thực không. Trên quá trình tu, có những điều lúc nhỏ tôi thấy hay nhưng lớn lên tôi lại thấy dở. Chín chắn trưởng

thành, quan sát trên sanh diệt pháp, tôi nhận ra Phật có 84.000 pháp tu, trăm sông cuối cùng cũng đổ về biển. Thực tâm mình như biển cả thì phải dung được nước nguồn. Nói cách khác, ở lập trường Đại thừa phải dung nhiếp tất cả. Có người đến với đạo bằng con đường tri thức, nghiên cứu tìm hiểu để ứng dụng vào cuộc đời là chí đạo. Nhưng cũng có người đến bằng con đường lễ bái cung kính. Nếu chúng ta đi vào bằng tri thức khinh dễ họ mê tín, chắc chắn tai họa sẽ giáng lên đầu ta.

Trước kia tôi vào đạo bằng con đường tri thức nên cảm thấy cô đơn, vì ở Việt Nam nặng phần tín ngưỡng. Trải qua quá trình tu học dài lâu, tầm hiểu biết của tôi đổi khác, thấy rõ phải nhìn thực tế chúng ta đang sống để tùy theo đó đưa người vào đạo. Không thể vẽ ra con đường chúng ta đã đi để áp đặt cho người, vì họ không phải là ta. Ngày xưa nếu Phật bắt người làm theo Ngài, thì mấy ai theo được, làm được.

Bất cứ người nào quyết tâm tu Pháp Hoa hay nhất Phật thừa, nhất định phải gặp ba đối thủ tăng thượng mạn vừa nói. Vì người tu theo lối mòn cũ, chúng ta theo hướng mới, họ khó chấp nhận được. Người ta lớn mình nhỏ, khuyên rất khó. Các Thánh nhân ra đời cũng phải đối đầu với ba hạng tăng thượng mạn. Thuyết pháp vô thượng khó nghe, khó hiểu, khó chấp nhận. Còn thuận theo thế gian, tất nhiên dễ dàng. Hành giả không đủ nghị lực, không đủ đạo đức, trí tuệ, khó lòng chống đỡ nổi ba đối thủ trên.

Đức Phật dạy ta nỗ lực tu hành, xóa bỏ ba hạng tăng thượng mạn, mới tồn tại trên cuộc đời. Bằng không, chúng ta sẽ đối lập với tất cả. Đối lập với ba hạng tăng thượng mạn, tức những người có thế lực tôn giáo cho đến

thế lực chính trị, làm sao chúng ta sống nổi ở Ta bà này ? Hàng Thanh văn liệu sức không kham nổi những việc cực ác của hạng người này, mới xin hoằng truyền kinh ở chỗ khác. Hoặc ở núi sâu rừng rậm có người cầu học kinh, các Ngài hết lòng dạy họ. Các Ngài không dám vào thế gian hóa độ, hay nói khác không dám truyền bá đạo Phật ở nơi có đạo Phật rồi, vì có nếp sống đóng khuôn, không sửa đổi nổi.

Khi hàng Thanh văn ngại truyền bá kinh này ở Ta bà, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát hành đạo ở mười phương phát nguyện sau khi Như Lai diệt độ, các Ngài sẽ đi khắp nơi, nêu cao ngọn cờ chánh pháp. Mặc dù có ba hạng người thù nghịch, các Ngài cũng vượt qua, không tiếc thân mạng. Dù họ sát hại, nhưng sát hại xong, cũng phải phát tâm. Sau khi Phật Niết bàn nguyện lực kiên cố của đại Bồ tát được thể hiện qua hành động cao cả của Thánh Đề Bà là phó vương của đảo Tích Lan. Ngài phát nguyện làm Tỳ kheo hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ấn Độ và theo học với Ngài Long Thọ Bồ tát.

Khi một ngoại đạo đến đối chất và không biện bác nổi với Đề Bà, đệ tử của Bà la môn này mới đến rửa nhục cho thầy và hỏi Đề Bà : "Tất cả pháp có thực hay không có thực ?". Đề Bà đáp : "Tất cả pháp hữu vi đều không có thực". Tên ngoại đạo hỏi tiếp : "Thân Ngài là hữu vi hay vô vi ?". Đề Bà đáp : "Thân này là hữu vi". Tên ngoại đạo lại hỏi : "Thân này là hữu vi, tức không thực thì Ngài có tiếc không ?". Đề Bà đáp : "Pháp hữu vi ta coi như mộng huyễn bào ảnh, thân này cũng là bọt nước ở trong biển khơi". Tên ngoại đạo càng nổi giận và nói : "Như vậy thực tình Ngài không tiếc phải không ?", rồi hắn đâm nhát kiếm vào bụng Đề Bà. Đề Bà vẫn điềm nhiên lấy y ngoài của Ngài đưa cho tên Bà la môn và nói : "Anh nên quàng y này

và ra khỏi nơi đây mau kẻo bị bắt". Cảm động trước nghĩa cử cao đẹp của Đề Bà, anh ngoại đạo không chạy đi được, quay lại quỳ dưới chân của Đề Bà và sau trở thành đệ tử trung thành của Ngài. Qua việc làm cao quý của Thánh Đề Bà, chúng ta cảm nhận Ngài là một trong muôn ngàn ức Bồ tát đã phát nguyện, được nói đến trong phẩm này. Ngài bình thản cho người giết để họ phát tâm, thể hiện bài thuyết pháp sống cao đẹp về hạnh nguyện quảng tuyên lưu bố pháp mầu tối thượng.

Đối với các Ngài, Bồ tát giả thân chết nhưng nguyện lực thân không mất. "Bồ tát nguyện thân" không bao giờ mất. Nhờ chết giả thân mà các Ngài có "thực thân". Thực thân này tồn tại mãi trong lòng mọi người, là gương sáng cho hành giả Pháp Hoa ở đời trược ác.

Chúng ta ngày nay thấy khó khăn mà chùn bước thì chưa phải là hành giả Pháp Hoa. Tâm chúng ta còn sợ sệt trước những khó khăn, tự biết ta là Bồ tát giả. Sống trong đời ngũ trược ác thế, bên ngoài đã gặp những người hung ác, ta vào chùa tìm pháp lữ cũng gặp những người tệ xấu. Và tìm đến những người tu hành, ta lại biết thêm hàng tiếm Thánh tăng thượng mạn. Còn trước mắt ta là chông gai sanh tử phải vượt qua.

Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn bi đát như vậy, Văn Thù Sư Lợi hỏi Phật sau khi Như Lai diệt độ, hành giả Pháp Hoa ở đời mạt pháp phải làm thế nào cho đúng pháp. Phải tu hành thế nào để hoằng truyền kinh này trong nhân gian, không bị tổn hoại thân mạng. Phật chỉ rõ cho chúng ta pháp an lạc ở phẩm 14 kế tiếp.

Phẩm 14

AN LẠC HẠNH

I. LƯỢC VĂN KINH

Bồ tát Văn Thù bạch Phật làm thế nào các vị Bồ tát có thể nói kinh Pháp Hoa trong đời ác trược. Đức Phật dạy nếu Bồ tát ở đời ác trược, muốn nói kinh này phải an trú trong bốn pháp :

1- Hành xứ : Bồ tát phải luôn ở trạng thái nhẫn nhục, nhu hòa, không nóng nảy cũng không sợ sệt, không để hoàn cảnh hay vật chi phối, nhìn thấy sự vật đúng như thật của sự vật.

2 - Thân cận xứ : Bồ tát không gần gũi vua quan hay những người quyền thế, người tu theo ngoại đạo, văn nhân, thi sĩ thế tục, những người hung ác… Bồ tát phải thấy các pháp đều KHÔNG, không có thực thể.

3 - An lạc hạnh : Sau khi Như Lai diệt độ muốn nói kinh Pháp Hoa ở đời mạt pháp phải trụ trong an lạc hạnh. Nghĩa là không nên ưa nói sự lỗi lầm của người và của kinh điển, không nên khinh rẻ, kiêu ngạo đối với các pháp sư, không nên nói tốt xấu hay dở của người khác.

Bồ tát muốn thuyết pháp phải giữ lòng an vui thanh tịnh, trừ bỏ ý tưởng ỷ lại, lười biếng, nói pháp để mở tâm trí chúng sanh mà không bao giờ mong cầu được cúng dường. Người nào thọ trì đọc tụng kinh này không nên chứa chấp oán hờn ganh tỵ, khinh khi người học Phật, không làm thối tâm người khác, không đem đạo pháp ra bàn luận chơi. Phải khởi lòng đại bi với tất cả chúng sanh, phải sanh lòng cung kính đối với Như Lai như cha lành. Đối với Bồ tát, phải cung kính cúng dường như bậc thầy.

4 - Phát đại bi tâm : Trong đời mạt pháp ai muốn thọ trì kinh này phải sanh tâm đại bi với hàng tại gia và xuất gia. Đối với người chưa phải Bồ tát, cũng khởi tâm thương xót. Họ không nghe, không hiểu, không tin kinh này thật là mất lợi lành lớn. Đối với họ, ta nguyện ngày nào được Vô thượng đẳng giác sẽ dùng trí lực, phương tiện lực mà dẫn họ vào pháp lớn.

Khi Như Lai diệt độ, Bồ tát thành tựu được pháp an lạc thứ tư, sẽ thuyết được kinh Pháp Hoa không bao giờ sai lầm, được mọi người cung kính cúng dường, chư Thiên luôn theo hộ vệ, vì kinh này được chư Phật ba đời giữ gìn.

Trong vô lượng nước, tên kinh còn chưa được nghe, huống là được thọ trì đọc tụng. Ví như dẹp giặc xong, vua thưởng cho các binh tướng đất đai, y phục, xe ngựa, nhưng không bao giờ cho viên ngọc vô giá trên mão vua. Như Lai cũng vậy, Ngài là vua các pháp. Như Lai sai Hiền Thánh đánh ma vương. Khi thắng ma, Như Lai ban cho thiền định giải thoát Niết bàn, tạm nói là diệt độ để dìu dắt tâm họ, nhưng chưa hề nói cho họ kinh Pháp Hoa. Đến khi đội quân Hiền Thánh chiến thắng ma ngũ ấm, ma phiền não, ra khỏi ba cõi, mới ban cho kinh Pháp Hoa là kinh bậc nhất của Như Lai.

II. GIẢI THÍCH

Sau khi Phật Niết bàn, chúng sanh tâm tham lam ác độc, chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng tư. Vì thế khó hoằng truyền kinh Pháp Hoa, nghĩa là khó tuyên bày chân lý tuyệt đối, khó có một mẫu người lý tưởng thể hiện trọn vẹn tài năng, đức hạnh, trí tuệ và những việc làm thánh thiện tiêu biểu cho Đức Phật trên cuộc đời. Lại thêm gặp ba hạng người tăng thượng mạn (đã nói trong phẩm 13)

không có tri thức nắm giữ quyền thế lãnh đạo xã hội. Nếu hành giả Pháp Hoa mang chân lý đến cho họ, họ không chấp nhận và dễ dàng hại hành giả. Hành giả phải hoằng truyền chân lý bằng cách nào ?

Đối trước những chông gai nguy hiểm của đời mạt pháp, nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát dũng mãnh phát nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa. Theo các Ngài, cứ mạnh dạn nói lên sự thật, chết cũng được, miễn là chân lý thể hiện được trên cuộc đời.

Chúng ta rất cảm kích trước hạnh nguyện vì đạo không tiếc thân mạng của các Ngài. Tuy nhiên, đứng trên lập trường Phật thừa quan sát, việc hành đạo như vậy không đúng với đường hướng của Phật đi. Thật vậy, chúng ta trở lại tìm hiểu cách hành đạo của Phật, sẽ thấy rõ. Khi Ngài thành đạo ở Bồ đề đạo tràng, trí tuệ siêu việt mà Ngài chứng đắc chỉ có chư Phật thấu hiểu được. Bấy giờ, nếu Phật đem hiểu biết cao tột này giảng nói cho cuộc đời, ai là người chấp nhận được.

Vì thế, từng bước Ngài giáo hóa nâng tri thức đệ tử lên. Pháp đầu tiên khi Ngài đến Lộc Uyển gặp năm anh em Kiều Trần Như giảng nói, nào phải là Phật thừa. Vì Phật biết rõ các vị này đang tu hạnh xuất thế, Ngài nói pháp lìa xa sanh tử. Trong phẩm Phương tiện, Phật cũng xác định nếu nói nhất Phật thừa, chúng sanh không tin sẽ đọa ba đường ác. Ngài thà vào Niết bàn, không nói pháp còn hơn.

Bồ tát Văn Thù thấy nguyện lực tràn đầy đạo tâm của những Bồ tát có con tim, nhưng không có trí tuệ, sẵn sàng để cho chúng sanh giết. Chúng sanh ngang bướng, hành giả ngang bướng hơn. Để cho chúng giết là hành giả đã phạm lỗi lầm, đưa chúng sanh vào địa ngục. Nếu hành

giả không nói ngược lại chúng, chúng sẽ không phạm tội ngũ nghịch.

Bồ tát Văn Thù kinh ngạc trước hy sinh vô lý của những hành giả thiếu trí tuệ. Với trách nhiệm của một bậc đại trí, Ngài liền hỏi Phật phương cách hành đạo như thế nào để hành giả Pháp Hoa đời trược ác không bị tổn hoại thân mạng.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi sau khi Phật diệt độ, ở đời mạt pháp muốn thọ trì Pháp Hoa, hoằng truyền kinh Pháp Hoa, phải trụ bốn pháp An lạc hạnh. Mạt pháp là thời đại mà trí tuệ không được tôn trọng, chân lý không được đề cao giữ gìn, không có pháp luật, chỉ có sức mạnh quyền thế ngự trị. Nếu không trụ trong bốn pháp Phật dạy, hành giả không thể an lành giảng nói kinh Pháp Hoa.

Phật dạy sống an lạc, chết mới giải thoát. Có người thường hiểu lầm rằng khi sống chúng ta cố gắng chịu đựng mọi đau khổ, chết sẽ về thiên đường. Điều này hoàn toàn sai. Trong kinh Pháp Hoa Phật xác định hành giả phải lấy tâm niệm an lành, đời sống an lành làm chính, sống không an lành chết bảo đảm vào địa ngục.

Bốn an lạc hạnh được Phật đưa ra để giải tỏa những khó khăn bao vây hành giả và tạo thành đời sống an lành. Tuần tự tu tập bốn an lạc hạnh sẽ vượt được mọi khó khăn, không tổn giảm Bồ tát thân. Vì vậy trên bước đường tu tập, hành giả phải nương vào bốn pháp an lạc để thành tựu công đức, lạc ra ngoài sẽ thọ quả báo.

Bốn pháp an lạc có nhiều kiến giải khác nhau. Chúng ta nương theo bốn an lạc hạnh của Ngài Huệ Tư thiền sư đời Trần ở Trung Hoa và giáo sư Kubota người Nhật để hiểu nghĩa.

I- Pháp an lạc theo Ngài Huệ Tư thì có hai thứ an lạc hạnh : Vô vi hay vô tướng an lạc hạnh và hữu tướng an lạc hạnh.

1/ Vô tướng an lạc hạnh là pháp lìa ngôn ngữ văn tự. Sống trong pháp này, hành giả truyền bá kinh Pháp Hoa bằng con người thứ hai, tức con người tâm linh. Trụ vào con người thứ hai này để truyền bá, hành giả luôn luôn an lạc, không có gì chi phối não loạn được.

2/ Hữu tướng an lạc hạnh gồm nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai và vô duyên đại từ bi tâm.

a/ Nhà Như Lai hay tâm từ bi. Người truyền bá kinh đạt được an lạc hạnh này là đại Bồ tát, không phải Bồ tát sơ phát tâm mới hành đạo, làm đối tượng cho thiên hạ chống phá nữa. Thực sự thì Bồ tát hành đạo ở đời ác sau, công đức và tư thế các Ngài sẽ làm chúng sanh cang cường khuất phục, không có khả năng nhiễu hại được. Các Ngài trụ trong cảnh giới Phật. Vì bản nguyện thương chúng sanh mà hiện thân tứ đại trên cõi đời ô trược, chịu mọi định luật chi phối của thế gian để gieo duyên với chúng sanh.

Nếu có chúng sanh được phước duyên gặp Bồ tát, dù đó là người ác, lần hồi cũng phát tâm Bồ đề. Như vua A Dục nhờ Ngài Mục Kiền Liên hóa độ, đã chuyển ý thức chống phá trở thành tùng phục và hộ pháp đắc lực nhất.

Các đại Bồ tát gặp chống đối hiểm nguy không nản chí sờn lòng. Đối với các Ngài, sự hiện thân trên cõi Ta bà chỉ nhằm mục đích làm đối tượng cho chúng sanh kết duyên, dù là duyên ác hay duyên lành, vì vô duyên không thể nào độ được.

b/ Nhu hòa nhẫn nhục tâm. Với hành trang từ tâm đi vào cuộc đời, hành giả dễ dàng nhẫn chịu khổ nhục, nhường phần tốt cho người và gánh bớt đau khổ cho họ. Bồ tát mặc áo nhẫn nhục là những người mạnh khỏe và tài giỏi đồng hành với chúng sanh bệnh hoạn ngu dốt lại phải gồng gánh khối nghiệp nặng nề. Bồ tát hoàn toàn sạch nghiệp đi tay không, nên phát tâm kề vai gánh khổ cho chúng sanh, chịu khổ thế cho chúng sanh để dìu dắt chúng đi đến bảo sở.

c/ Ngồi trên KHÔNG tòa. Người truyền bá kinh từ tư tưởng Bát Nhã bước sang, quán các pháp đều không có thực tướng, từ điên đảo vọng tưởng mà sanh. Quán được pháp KHÔNG nên tâm xấu không sanh ra, không sợ sệt sân hận. Tâm luôn bình ổn trụ ở pháp giới, gặp bất cứ hoàn cảnh nào cũng không dao động. Quán thuần thục đến độ như Thánh Đề Bà bị người Bà la môn đâm đổ ruột vẫn thản nhiên. Dù mang phước lạc đến cho người và nhận lãnh khổ đau về mình, Bồ tát vẫn an trú pháp KHÔNG, bỏ những thứ này lại ở phía sau, không dính líu chút gì trong lòng.

d/ Hạnh thứ tư là vô duyên đại từ bi tâm. Đây là hạnh của các Bồ tát đã sử dụng được chơn tâm để truyền bá kinh Pháp Hoa. Các Ngài thông được với Phật và Bồ tát, thông được từ tâm của tất cả, từ cõi trời đến nhân gian. Các Ngài trở thành biểu tượng của Trời người, không ai động đến được. Trời, người, A tu la đều đến nghe pháp, chư Thiên đồng tử trở thành thị tùng theo hộ vệ. Nếu có người ác khởi niệm, họ vừa mở miệng, miệng liền câm bít, quả báo không lường được.

Trên đây là phần an lạc hạnh của Bồ tát. Ai tu hành và chứng nghiệm điều này tự biết, không thể dùng ngôn

ngữ diễn tả dù là vô tướng hay hữu tướng an lạc. Đối với chúng sanh mê muội đời sau, bốn phần an lạc hạnh khó hiểu. Giáo sư Kubota bỏ phần vô tướng an lạc hạnh, chỉ giảng phần hữu tướng an lạc hạnh.

II- Bốn pháp an lạc theo Giáo sư Kubota

Theo Giáo sư Kubota an lạc không phải là tìm nơi an lành ngồi nghỉ, sống một cuộc đời nhàn hạ. Trái lại, an lạc có một tác dụng lớn cho người hành đạo. Phần hữu tướng an lạc hạnh gồm thân an lạc, khẩu an lạc, ý an lạc và thệ nguyện an lạc hạnh, tức vô duyên đại từ bi tâm.

Trong bốn pháp an lạc, thệ nguyện an lạc là phần căn bản quan trọng. Vì ba pháp thân khẩu ý an lạc dễ kiểm soát hơn. Tuy nhiên, nếu bỏ ba pháp an lạc thân khẩu ý, hành giả sẽ bị hư. Thật vậy, hành giả mang ý chí lớn, muốn thành tựu Phật quả cứu độ chúng sanh trong lúc tài đức kém, hành đạo dễ bị gãy, làm chỉ chuốc họa vào thân và chết bị đọa.

Ngài Huệ Tư cũng dạy chúng ta kinh nghiệm tu chứng này. Trên bước đường hành đạo, Ngài bị thuốc độc và bỏ đói. Trong bốn pháp an lạc hạnh, Ngài không sử dụng hai pháp đầu, chỉ thọ hai pháp cuối. Sau Ngài dạy bốn pháp này phải giữ gìn đầy đủ, mất nó, hành giả không an thân và không thành tựu công đức.

1/ Thân khẩu ý an lạc. Ở thế giới Ta bà, trong thời mạt pháp cách Phật xa, ba nghiệp thân khẩu ý của chúng sanh thường bộc khởi và phát triển mạnh. Thân nghiệp của chúng sanh thường ưa sát hại, lấy cái chết của người khác làm vui cho mình hoặc thích trộm cắp hay say mê dâm dục.

Khẩu nghiệp của chúng sanh thường ưa nói lời độc ác hay nói dối, lấy dối trá làm vui đến mức trong xã hội không

ai tin nhau được. Hoặc thích nói lời thêu dệt để cho người bực tức, căm thù nhau.

Ý nghiệp thì lòng tham không giới hạn chỉ muốn gom về cho mình. Khi truy cầu không được lại nổi giận. Quyền lợi làm mờ mắt, khiến họ chẳng còn nghĩ đến đạo nghĩa nhân tình. Do quá tham lam mà tạo thành khối óc ngu si.

Trong thời đại tồi tàn, tâm lượng chúng sanh đầy nghiệp ác như vậy, không thể nào đem giáo pháp cao thượng này truyền thông được. Đức Phật dạy chúng ta đổi ba nghiệp ác thân khẩu ý thành ba thiện nghiệp. Theo Ngài, thiện hay ác không có thực thể, vì nó tùy thuộc nơi ta. Tu hành theo Pháp Hoa, hành giả đổi mười nghiệp ác bằng cách triển khai ba nghiệp thân khẩu ý thành mười nghiệp lành. Có mười nghiệp lành này, hành giả đã chuyển Ta bà đau khổ thành thiên đường ở trần gian, không phải đợi chết mới vào thiên đường ở nơi nào khác. Thành tựu được như vậy mới thực sự là người truyền bá kinh Pháp Hoa ở đời sau.

Việc này khó làm, nhưng các Bồ tát gắng sức nỗ lực thực hiện. Phật dạy rằng người không trụ pháp an lạc mà hành đạo, thường rớt vào ba nghiệp ác nói trên. Lúc đó ta khuyên người làm lành, chắc chắn sẽ không kết quả. Vì vậy, hành giả cần ý thức rằng khi ta chưa chuyển hóa chính ta mà đòi chuyển hóa người là điều vô ích, không thể được. Có thể ta đã bị người chuyển hóa hư rồi, mà cứ tưởng mình còn tốt. Điều này lại càng nguy hiểm hơn.

Phật dạy khi hành giả nhìn vật, vật in vào tâm, hành giả mới có vật. Ví dụ hành giả nhìn một người ác, ta giận họ và đem họ vào tâm. Từ khởi niệm sân hận thành ác rồi, hành giả phát ra lời nói ác và đối phương nghe mới khó chịu chống trả lại. Hành giả liền dùng bạo lực để đối phó

thì lại tạo thêm thân ác. Bấy giờ hành giả đầy đủ ba nghiệp ác, mà không hề thấy mình ác, chỉ thấy người ác.

Trước những chướng duyên của môi trường xấu xa như vậy, Thanh văn không muốn tu ở thế giới Ta bà; vì gặp đối tượng xấu, mình sẽ biến thành xấu và bị đọa. Trái lại, ở cảnh giới Tây phương không có đối tượng ác, tâm ác của hành giả không có điều kiện phát sinh. Nơi đó toàn những bậc thượng thiện nhân khiến hành giả dễ sanh tâm cung kính.

Do đó, xây dựng Tịnh độ ở Ta bà là việc khó, phải có khả năng tu chứng mới không bị đồng hóa. Muốn được như vậy, hành giả cần trụ pháp an lạc. Nhờ an trú an lạc hạnh, hành giả sẽ có trăm ngàn muôn ức đà la ni. Nếu đối tượng của hành giả là ác, hành giả nhận cái ác của người và trao cái thiện cho người. Đây là việc nguy hiểm, hành giả cần phải sử dụng đà la ni môn để cải đổi tánh ác của người thành thiện. Hành giả nhận cái ác của người đem vào tâm, nếu không sử dụng đà la ni để tiêu hóa, những khó khăn buồn phiền đem trút vào hành giả và chất chứa lâu ngày sẽ bộc phát mạnh, càng phiền hơn.

Nhờ đà la ni môn, Bồ tát rửa sạch cái ác, biến ác thành thiện và dùng thiện này truyền đến cho người. Vì vậy người ác sống gần Bồ tát lâu ngày trở thành thiện. Nói cách khác, hành giả Pháp Hoa phải có khả năng biến phiền não thành Bồ đề. Người ác thấy hành giả tự nhiên thay đổi trong tâm, sanh tâm cung kính và nói lời cung kính. Có như vậy, bi tâm hành giả mới không bị tổn hoại, chất lượng tu hành mới không mất.

Bồ tát hành đạo ví như Bồ đề thọ vương có khả năng hút phân, đất, nước. Phân đất nước là chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não. Bồ tát trong nhân

gian lấy hết nghiệp và phiền não chúng sanh mà kết thành hoa quả. Chúng sanh cang cường hung bạo bao nhiêu, bi tâm hành giả lớn bấy nhiêu.

Thân khẩu ý an lạc là ba pháp căn bản phải giữ gìn cẩn mật. An trú ba pháp này, hành giả chưa làm lợi ích chúng sanh, chỉ mới giữ trạng thái thân tâm của chính mình cho bình thường. Hành giả có an lạc, tâm trí mới sáng suốt, từ đó mới tiếp cận chân lý. Bằng không, hành giả làm bất cứ việc gì, chẳng khác người xây lâu đài trên cát. Vì vậy muốn tu đạo Vô thượng, trước nhất phải tu pháp an lạc. Dù gặp hoàn cảnh thế nào, cũng phải giữ thân khẩu ý bình thường, đừng cho biến chất. Và khởi điểm từ trạng thái bình thường này tùy nhu cầu cần thiết của chúng sanh mà hành giả tế độ họ. Nếu bị chúng sanh làm bất bình thường, làm thế nào dạy họ được.

*Thân an lạc. Muốn có thân an lạc, ta phải có cơm ăn, áo mặc, thuốc men, nhà ở hợp pháp để sống. Không mong cầu dư dả, chỉ có mức tối thiểu đủ sống. Vì thân này trôi dạt nay đây mai đó, sáng đói chiều no, bệnh hoạn liên miên, tâm sẽ khởi phiền não không tu được.

Tạo đời sống an lành, hành giả phải trở lại cuộc sống thực tế, không sống theo tham vọng. Hoàn cảnh hành giả thế nào, ta sắp xếp sống theo đó, giữ cho thân an lạc. Hành giả ăn để sống và sống để tu, không phải để tạo tội lỗi. Ngược lại chúng ta không theo lời Phật dạy, đánh mất an lành trên căn bản, mà cầu Phật gia bị an lành, chắc chắn Ngài không cứu chúng ta đâu.

Hạnh Bồ tát nguyện độ tất cả chúng sanh là điều mà ta nhất tâm theo đuổi. Tuy nhiên bản thân ta chưa lo được, đòi lo cho người, là chuyện không phù hợp với thực

tế. Mọi người phải tròn tư cách trong xã hội để khỏi bị chê bai, dèm pha, đánh đập mới rảnh tay làm việc khác.

Giữa ta và người chung quanh phải có sự hòa hợp. Họ phải tán đồng việc làm của ta và ngược lại, ta cũng chấp nhận được việc của họ. Có một sự tương quan tương duyên hợp lý sẽ an lạc, còn mỗi người tự thủ phần mình không bao giờ an thân. Hành giả theo lộ trình của Bồ tát phải tạo điều kiện hòa hợp, mới tiến tu đạo nghiệp được.

Nếu một mình ta đầy đủ, nhưng người chung quanh thiếu thốn, họ sẽ gây khó khăn cho ta. Những người ăn trộm giết người, phần lớn cũng vì họ quá thiếu thốn. Vì vậy tu trong nhân gian, ngoài sự an lành về cuộc sống vật chất giàu có của chính bản thân, ta phải lo cho người chung quanh có đời sống đầy đủ, là việc tất yếu cần thiết. Điều này thể hiện rõ rệt qua việc làm của các Tổ sư từ Ấn Độ sang hành đạo ở Việt Nam. Đời sống các Ngài trầm mặc đẹp đẽ và ảnh hưởng qua nhân gian, mỗi ngày thu tánh ác của nhân gian và biến thành thiện. Vì chúng sanh nghĩ đến vật chất nên các Ngài dùng vật chất mà đối trị, nghĩa là tạo cho họ một đời sống vật chất sung túc. Các Ngài hiện thân trong các ngành nghề, xoa dịu khổ đau cho họ. Bồ tát đối diện với đời, tận dụng trí tuệ để xây dựng đời tốt đẹp hơn, tạo thành thiên đường ở ngay trên trần gian. Đó chính là Bồ tát thành tựu được an lạc của thân, khác với an lạc của Thanh văn.

Trong phần thân an lạc, nếu mở rộng, chúng ta nhận thấy Phật nhằm dạy hàng sơ tâm như chúng ta. Đạo đức còn kém, trí tuệ tài năng yếu ớt, người đời khó kính trọng ta. Về mọi phương diện, ta không hơn họ mà làm thầy họ. Điều này không thể chấp nhận được. Trên cuộc đời còn nhiều người hơn ta. Nếu mang hoài bão giáo hóa họ, ta liền chạm trán với hạng người này. Ta lại xếp họ vào hàng

tục môn tăng thượng mạn, tiếm Thánh tăng thượng mạn v.v... Như trường hợp Lương Khoan được vua thời đó hết sức kính trọng và luôn tìm cách ám hại Ngài Nhật Liên.

Nếu nương theo phẩm 12 thấy Đề Bà Đạt Đa được thọ ký thành Phật, tôi thiết nghĩ Ngài Lương Khoan làm việc xấu ác này để Ngài Nhật Liên thể hiện trọn vẹn pháp tu của hành giả Pháp Hoa sau khi Phật Niết bàn. Vì nếu Lương Khoan là một người tệ ác tầm thường thật sự, thì không thể nào được nhiều người kính trọng. Có lẽ Ngài đóng vai nghịch hạnh để xiển dương kinh Pháp Hoa, làm đối tượng duyên khởi cho Nhật Liên thuyết pháp và dạy đồ chúng.

Ngài Nhật Liên dạy khi chưa có khả năng làm như các Bồ tát lớn, ta phải lùi xuống, giữ cho thân an lạc bằng cách không gần gũi mười hạng người hay phải cẩn thận lúc giao thiệp với họ.

Mười hạng người này chỉ cho những thành phần xấu trong xã hội. Các Bồ tát lớn, đạo lực cao, gặp hạng người nào cũng độ thoát được. Còn ta tầm thường đầy nghiệp chướng, người nhìn thấy không phát tâm và coi ta không ra gì. Ta chấp nhận sự tầm thường này ẩn nhẫn tu hành, miệt mài làm những việc trong tầm tay của mình để tạo trạng thái an lạc cho thân.

Bồ tát sơ tâm phải xét xem nên gần gũi người nào. Những người có quyền thế như vua, con vua, quan lớn, ba hạng người này có thể tốt hay xấu. Nếu thực họ là người tốt ra đời cùng thời với đức Phật để xây dựng thế giới an lành, hộ vệ người trì kinh Pháp Hoa. Nhưng nếu là vua chúa ác độc, họ thường dùng quyền lực để khống chế thiên hạ, không được dân thương.

Nếu ta thân cận họ, phục vụ cho quyền lực khống chế người dân và bảo vệ địa vị kẻ ác như vậy, ta sẽ trở thành tiếm Thánh tăng thượng mạn. Chúng ta phải cân nhắc xem lập trường của họ nhằm phục vụ cho nhân dân hay cho bản thân. Ngoài ra gần gũi những người quyền thế, ta khó tu. Vì họ sống với quyền thế thường có âm mưu thủ đoạn. Họ thành công ta được hưởng, thất bại đương nhiên ta bị tù tội.

Muốn thân an lạc, ta chỉ làm đúng bổn phận của người dân. Việc đến thăm, phục dịch, cầu thân họ, chúng ta tuyệt đối không nên. Tuy nhiên, khi những người này sa cơ thất thế, hoàn toàn bất lực và đau khổ cùng tột, họ tìm đến nhờ khai ngộ, ta sẵn sàng giúp đỡ. Vì xem họ như đối thủ là ta tự sát.

Hành giả Pháp Hoa không gần gũi vua, con vua hay quan lớn, tức không gần người có quyền thế. Điều này còn có ẩn ý dạy chúng ta muốn cầu giải thoát an lạc, đừng sống với tánh tham danh, hoặc đừng sanh ra ý thức chi phối người, cai trị người.

Hành giả không gần gũi người làm việc ác thích đâm nhau, đánh nhau, làm việc giết hại để mưu sống, vì họ là những người tâm trí không bình thường. Không tới với người làm ảo thuật, họ làm tinh thần ta tồi tệ thêm. Chỉ đến bậc minh triết để tu học.

Hành giả cũng không gần gũi đàn bà, nghĩa là bỏ những tánh làm chướng ngăn Thánh đạo tiềm ẩn ngay trong con người chúng ta. Không phải tránh người đàn bà thực bên ngoài. Vì trong kinh Pháp Hoa, Phật dạy chúng ta tu hành chính yếu phải mài dũa, kiểm điểm tâm mình. Trên thực tế những tánh ác chướng ngăn Thánh đạo, chúng ta thường thấy có nhiều nơi người đàn bà. Nói chung, chúng

ta không gần gũi những hạng người kể trên, không đòi hỏi bất cứ điều gì ở họ. Có đòi hỏi là đòi hỏi ở ta làm lợi ích cho người.

Hành giả thương người, giúp người, hy vọng mai kia dễ nhờ vả họ. Sự giúp đỡ như vậy phát xuất từ lòng tham, không phải là tình thương. Ngay như cha mẹ nuôi dưỡng con cái, không nhằm mục đích bắt nó nuôi lại khi ta già yếu. Trái lại, ta dồn hết tâm lực nuôi con nên người. Chúng ta tự sung sướng với việc làm này của mình. Và đứa con cũng cảm thấy mang nặng tình thương đối với cha mẹ.

Ngoài ra, muốn thân an lạc, hành giả luôn luôn ghi nhớ, giữ gìn tâm nhẫn nhục nhu hòa, tùy thuận với người một cách khéo léo. Với áo giáp nhu hòa nhẫn nhục, hành giả tự hạ thấp mình cho ngang hàng hay thấp hơn người, để giữ vững vị trí đứng của mình và lần hồi chuyển họ theo mình.

Hành giả Pháp Hoa đừng bao giờ nổi nóng với người. Phải bình tĩnh, không để cảnh vật bên ngoài chi phối tâm. Vì động tâm sẽ mất bình tĩnh, không còn sáng suốt, lúc đó sẽ bị họ quật ngã. Tuy sống hòa hợp với mọi người, hành giả vẫn không bị đồng hóa, đó là điều căn bản quan trọng. Sống chung với người ác, chống họ ta sẽ bị giết. Nhưng theo họ làm ác, ta sẽ bị đọa. Như Ngài Huệ Năng khéo tu pháp tùy thuận. Vì nghiệp duyên, Ngài sống chung với những người thợ săn hung dữ. Ngài cũng làm công việc săn bắn y như họ, nhưng không bao giờ bắn trúng, nên chúng bắt Ngài nấu cơm. Bên trong Ngài vẫn giữ được tánh Phật, bên ngoài hiện tướng gì cũng được. Hành giả tùy thuận nhưng có thái độ cương quyết, nhất định truyền bá kinh Pháp Hoa dưới mọi hình thức, đưa người tới bờ giác. Nhẫn nhục của Pháp Hoa làm chúng sanh phải khuất phục, không phải sợ mà nhẫn.

Trong đời mạt pháp, đa số người không đặt căn bản trên đạo đức. Vì vậy, hành giả phải trang bị những đức tánh nói trên để giữ cho thân an lạc.

Cơm ăn, áo mặc, thuốc men, nhà ở hợp pháp và những liên hệ chung quanh của hành giả tốt đẹp. Tất cả những việc này chỉ tạo sự an lành bên ngoài giúp hành giả tạm thời ổn định việc tu hành. Nếu hành giả dừng bước ở đây, thì muôn đời vẫn là chúng sanh.

Trên bước đường thực hiện pháp tu để được an thân, tinh thần Đại thừa triển khai thân của chúng ta thành ba thứ. 1/ Ngũ uẩn thân là thân vật chất tồn tại trên cuộc đời. 2/ Báo thân là thân phước đức trí tuệ hay nghiệp thân bên trong của từng người. 3/ Pháp thân là thể của sự vật.

Từ ngoài tuần tự đi sâu vào bên trong, chúng ta có ba tầng thân như vậy. Chúng ta phần nhiều thường muốn tránh bỏ ngũ uẩn thân, nhưng không chịu bỏ nghiệp. Đức Phật dạy nghiệp là nguyên nhân chính yếu tạo cho thân ngũ uẩn thành dễ thương hay dễ ghét. Còn ngũ uẩn thân vật chất của mọi người đều giống nhau.

Ngài Huệ Tư thiền sư tham thiền sử dụng nhất tâm tam quán, thấy được sai lầm tác hại của nghiệp đã làm cho Ngài thuyết pháp mà vẫn bị bỏ đói và bị thuốc độc. Qua kinh nghiệm tu chứng, Ngài dạy chúng ta rằng khi thiên hạ đánh chửi, khinh chê, sỉ vả là tấn công cái nghiệp của mình, không phải tấn công mình. Nhờ thiên hạ bắn phá, nghiệp ác rớt xuống, không còn vấn đề xảy đến với hành giả nữa.

Vì thế ngũ uẩn thân không quan trọng, nhưng quan trọng ở điểm hành giả phải điều chỉnh nghiệp bên trong. Điều chỉnh được nghiệp bên trong, hành giả đã điều chỉnh được hình rồi thì bóng bên ngoài là thân ngũ uẩn

cũng tự đổi theo. Chính Ngài Huệ Tư sau khi tham thiền, xóa sạch nghiệp. Trở lại cuộc đời, chẳng những người đồng tu, mà cả vua chúa đều phải kính nể, phong Ngài chức Đại Nhạc thiền sư.

Đức Phật khuyên muốn thân an lạc đừng tạo thêm nghiệp. Đối với nghiệp quá khứ đã tạo, không tránh được. Cứ để cho thiên hạ phát hiện tấn công, nó sẽ tiêu tan theo gia công tu hành của chúng ta. Như trường hợp Vô Não tu theo Phật, nhưng ra đường vẫn bị đánh, vì tướng sát nghiệp còn.

Hành giả xóa nghiệp bằng cách lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của mình mà trụ nhẫn nhục địa. Chấp nhận sự gia hình của ba loại tăng thượng mạn, bằng lòng bất cứ điều gì giáng lên tâm hồn mình để trả nợ. Tôi tu suốt 40 năm trụ nhẫn lực, gia công tu hành để tạo phước lạc. Người ta càng tệ với tôi bao nhiêu, tôi càng đóng góp công quả bấy nhiêu, mới thành tựu kết quả như ngày nay. Điều cần thiết đối với chúng ta là khi gặp khó khăn phải phát triển niềm tin về Tam Bảo mạnh hơn. Sám hối nghiệp chướng, cầu chư Phật gia bị cho chúng ta đủ sức chịu đựng những gì trần gian đổ trút lên. Chúng ta đừng làm kẻ quịt nợ, muốn ăn mà không chịu trả, không thể được. Vì nghiệp theo ta như hình với bóng. Chúng ta nhất định trả nợ quá khứ và không tạo nghiệp tương lai, cuối cùng không còn là con nợ. Và khi có thừa của cải, thừa tri thức, việc tốt đẹp tất nhiên chào đón chúng ta.

Sau khi hành giả sắp xếp cuộc sống đơn giản nhất, để không tổn hoại sức lực và phá sản tinh thần, Phật dạy nên thân cận những nơi làm tăng trưởng tri thức mình. Theo lời Phật dạy, Bồ tát an trú pháp KHÔNG, nghĩa là sống với trí Bát Nhã. Vì trí Bát Nhã là chỗ an trú tốt nhất

của chư Phật ba đời. Bồ tát thừa kế sự nghiệp của chư Phật, sử dụng trí Bát Nhã qua lăng kính thập nhị nhân duyên, thấu rõ nguyên nhân thúc đẩy việc thọ sanh trên cuộc đời, nguyên nhân cấu tạo của ngũ uẩn. Xa hơn, quan sát ngũ ấm thế gian, để biết vũ trụ là gì. Đó là pháp KHÔNG của Bồ tát tu. Chẳng phải như nhiều người lầm tưởng pháp KHÔNG là phủi sạch, bỏ mặc tất cả, sống buông trôi không để ý gì, lãng phí cả cuộc đời.

Nương pháp nhân duyên, biết tất cả vật từ KHÔNG thành CÓ và từ CÓ về KHÔNG, Bồ tát không bận tâm tới nó, không bị phiền hà bên ngoài quấy rầy. Khi Bồ tát quán nhân duyên chứng pháp Không, đạt trí Bát Nhã, Phật dạy từ trí Bát Nhã nhìn qua các pháp thấy nó như thật, nghĩa là thấy thật tướng các pháp. Bấy giờ sống đúng với pháp chân thật, thế giới Chân Không của Bồ tát sẽ biến thành diệu hữu.

Như vậy muốn an thân phải nương tựa pháp KHÔNG hay trí Bát Nhã và nương tựa thật tướng các pháp. Đây mới là chỗ nương tựa an toàn nhất cho Bồ tát làm đạo. Chư Phật đang sống trong trí Bát Nhã, đang trụ trong chân thật pháp. Hành giả nào đạt đến cảnh giới tu chứng này, sẽ thấy Phật vẫn hiện hữu trên cuộc đời.

An thân lập mạng trong trí Bát Nhã, sống với thật tướng pháp, Bồ tát trở lại cuộc đời, thấy rõ chúng sanh nghĩ gì, muốn gì, có khả năng làm gì, mới tùy yêu cầu chúng sanh mà giáo hóa, thì làm sao họ chống đối Bồ tát được.

Bồ tát trải qua quá trình khởi đầu tu từ ngũ uẩn thân mang đầy nghiệp ác, lần sửa đổi nghiệp thân thành thân phước đức trí tuệ. Vì biết nghiệp có thiện ác, nhưng cả hai đều phát xuất từ một thể của sự vật "Thiện ác đôi bề nước một sông". Bồ tát hành đạo mượn tướng sanh diệt,

quan sát tu tập để đi đến pháp không sanh diệt là bản thể sự vật thì tướng nghiệp tự thủ tiêu.

Chuyển đổi nghiệp thân đến độ cao nhất thành Pháp thân. Từ Pháp thân hiện thân lại cuộc đời với Báo thân phước đức trí tuệ giáo hóa chúng sanh, mới thực sự trụ thân an lạc hoàn toàn.

* Khẩu an lạc. Nương pháp thiền định, suy nghĩ lời Phật dạy, tạo được thân an lạc. Và từ thiền định, trở lại thực tế, nhìn đời bằng tâm tùy hỷ, tâm đại bi, nên thấy được mọi người đều dễ thương, không giống như cái thấy bằng tâm ác độc trước khi hành giả vào định. Lời nói của hành giả phát xuất từ lòng từ, trở thành hoàn toàn chân thật, biết kính trên nhường dưới, không còn ai tranh cãi với hành giả được.

Thân khẩu của hành giả an lạc, bằng lòng làm tất cả mọi việc trong tư thế xây dựng của mình. nhưng đừng cho rời vị trí, đừng để lòng bực bội. Vì bực bội sẽ phát ra lời nói ác. Đức Phật dạy hành giả Pháp Hoa không tranh chấp cãi vã hơn thua. Nếu còn lấy sở đắc của mình nói cho người khác, không phải là người truyền bá kinh. Trước kia, hành giả đứng ở lập trường của riêng mình mà phê phán người, thấy ai cũng dở, cũng đáng ghét. Và từ đó, khởi tâm sân hận kiêu mạn, nên giảng kinh thành bực bội khó chịu, khẩu không an lạc.

Nhưng nay từ định trở ra, hành giả nhìn thấy chúng sanh trong thời mạt pháp nghèo nàn, ngu dốt, bạn bè hung ác, xã hội tăm tối. Bản thân và môi trường của chúng sanh tệ ác như vậy, họ không thể nào giỏi, không thể nào sống an lạc, không thể hiểu và chấp nhận được pháp này, là lẽ tất yếu.

Quán sát thấy rõ nghiệp và phiền não bao vây bức ngặt thân tâm họ, hành giả dễ dàng khởi lòng từ đối với họ. Hành giả giảng nói kinh Pháp Hoa bằng tình thương đối với chúng sanh, không phải là lời nói hoa mỹ trên đầu môi chót lưỡi thế gian. Bồ tát trải tâm từ thật sự rộng lớn, đến độ chúng hội nghe pháp quên tất cả bức bách thù nghịch. Điều này rất cần trong thời mạt pháp, một thời điểm của đầy rẫy tranh chấp hận thù.

Ở phẩm Trì, người truyền bá kinh Pháp Hoa thường bị chống đối, vì lúc đó vị trí của hành giả ngang hàng với chúng sanh. Nay thành tựu bốn pháp an lạc, hành giả từ thế giới Phật mang tâm từ đến cứu hộ chúng sanh. Làm sao chúng chống đối được. Hành giả bước chân vào trần thế, phá vỡ những tăm tối của cuộc đời. Những đau khổ buồn phiền trong lòng chúng sanh được xóa tan theo từng lời giải thuyết của pháp sư. Thâm nhập pháp vi diệu, người nghe pháp cảm thấy hoan hỷ nhẹ nhàng, thanh thản và pháp luôn luân chuyển trong tâm, chỉ đạo cho đời sống họ mỗi ngày một thăng hoa.

Thành tựu công đức như vậy, mới thực sự diễn nói pháp Như Lai. Vì pháp Như Lai ứng cảm tùy cơ. Tất cả ngôn từ của Ngài sử dụng chỉ nhằm đưa mọi người đến an lành giải thoát. Còn những lời nói nào mang đến buồn phiền khổ đau, chắc chắn không phải là pháp Như Lai.

Hành giả Pháp Hoa đứng ngoài mọi tranh chấp của cuộc đời. Họ không có quyền lợi gì trên thế gian. Hiện hữu nơi nào chỉ nghĩ đến mang lợi lạc cho nơi đó.

Phật dạy Bồ tát không bao giờ được chê tránh kinh điển, không được nói lỗi của người hành đạo. Đừng phê phán pháp môn tu không đồng với mình. Vì làm như vậy sẽ chạm tự ái họ, tất nhiên hành giả khó an lành. Nhưng

cũng đừng khen họ, sẽ rớt vô giả dối cũng thọ quả báo. Chuyện xấu ác của họ ta lờ đi, vì nói đúng cũng chết, nên chúng ta phải lựa lời mà nói. Hơn nữa khi chỉ trích lỗi người, hành giả nhận ngay rằng mình đã khởi lên tâm phân biệt là tâm sai trái xấu ác mà người tu hành cần dứt đoạn.

Phát xuất từ tâm tham lam ghét ganh mà chê bai pháp và pháp sư, là những việc hành giả cần đoạn trừ hẳn. Tuy nhiên, ta có thể nêu lên những điểm tốt xấu, những điều cần chỉnh đốn trong Phật pháp để làm sáng đạo. Sự phê bình của hành giả để cùng chung lo xây dựng thực sự, ở giai đoạn ta đã trừ sạch tâm ghét ganh, là việc làm cần thiết nhằm mục tiêu hàng phục chúng ma, thiệu long Tam Bảo.

Đầy đủ tư cách nói pháp như trên, những người đến nghe đều thuận theo, không trái ý pháp sư. Trong kinh diễn tả là những thiện thần đến nghe pháp. Không phải thiện thần ở thế giới nào khác hiện ra nghe pháp, mà chính là tư cách của pháp sư thánh thiện phát ra những lời giảng chân thật đúng như pháp đã chuyển đổi tâm chúng hội trở thành thanh tịnh trong sáng, ví như thiện thần. Bấy giờ được mười phương Như Lai phóng quang che chở, hành giả là người thay thế Như Lai làm lợi ích cho đời.

Ở trên sanh diệt môn, hành giả nhìn thấy chúng sanh muôn hình vạn trạng sai khác. Hai người còn không giống nhau, huống gì chúng sanh. Nhưng quán sát trên chơn như môn không có gì khác biệt. Cái nhìn về chúng sanh bình đẳng, nhẹ nhàng đến độ thấy người chỉ đưa một tay hay cúi đầu trước Phật cũng sẽ là Phật. Quán thuần thục như vậy, hành giả không khởi tâm thương những điều thuận, ghét những điều nghịch và tâm ganh tỵ cũng tan biến. Đối với phước báu của người, hành giả Pháp Hoa

sẵn sàng tùy hỷ, phát tâm nâng đỡ mọi người tu hành. Vì hành giả thường tâm niệm mọi người cầu đạo đang tiến bước trên lộ trình Bồ tát đạo, tất cả sẽ thành Phật.

* Ý an lạc. Nhìn thấy đối tượng bên ngoài chúng ta thường sanh ra suy nghĩ bên trong. Chúng ta không chê ra mặt, ra lời nhưng chê trong lòng. Đó là bệnh của tôi thuở nhỏ. Sự thật thân mình không hơn ai, nhưng ai mình cũng chê. Trong ý nghĩ, mình khinh người ta, thiên hạ biết nên tìm cách hại mình. Ngay như chúng ta không có ý xấu, họ còn hại, huống chi là có ý xấu. Biết như vậy, chúng ta tập cho ý nghiệp bình thản với tất cả. Đừng khởi ý niệm tốt hay xấu đối với người. Tâm hành giả Pháp Hoa phải hoàn toàn thanh thản. Đó là đức tính cần thiết trong thời mạt pháp, khi lòng chúng sanh lúc nào cũng tràn ngập hơn thua tranh chấp.

Thật vậy, ở thời kỳ hỗn loạn Tam quốc, Ngô Tôn Quyền nương theo tâm hồn thanh cao giải thoát của pháp sư Khương Tăng Hội. Ông nhận được mọi an lành dù nước Đông Ngô của ông là một nước nhỏ.

Trong bài kệ của phẩm an lạc hạnh, Phật dạy người trí trong lòng không bực bội, lo âu, ganh ghét. Đạt được trạng thái an lạc của tâm chứng này, các Tỳ kheo dù sống ở núi rừng hoang dã mà tinh thần rất trong sáng. Thế giới quan của các Ngài không bao giờ ảm đạm, thê lương, buồn phiền.

Khi thọ trì kinh Pháp Hoa, hành giả đừng khởi niệm ác, không cho phát sanh những ý nghĩ xấu. Hành giả luôn luôn kiểm tra ý của mình trong từng niệm xem có khởi ác không, có còn ham muốn không. Vì sau mỗi ham muốn, thường tiếp nối theo muôn ngàn điều ác khác. Hành giả cố gắng giữ tâm ở trạng thái bình thường, như hư không.

Không cho khởi bất cứ niệm nào, dù là niệm phải hay niệm trái. Khởi đầu hành giả thường bị dụ bởi một niệm phải. Lúc ấy, hành giả sẽ rời chánh định và rớt qua niệm trái. Rời chánh định nghĩa là rơi vào vòng sanh tử, không tiến tu được nữa. Vì vậy tâm hành giả phải an trú chánh định và từ đây khởi đại bi tâm.

Đại từ bi tâm phát xuất từ chánh định mới thực sự nằm trong tâm Phật gọi là từ tam muội và bi tam muội. Thành tựu tâm này mới truyền bá kinh Pháp Hoa được. Nhờ an trú chánh định, hành giả không có nếp sống giống trần gian. Tâm hành giả tan biến vào vũ trụ và bao hàm cả vũ trụ. Trong bể pháp tánh, sự hiện hữu của hành giả và người, cùng muôn vật, đều đầy đủ. Bấy giờ mọi loài đều nằm trong tâm hành giả.

Đại từ bi tâm khởi điểm từ đây thì mọi việc làm của hành giả chan hòa với nhau, tuy nhiều nhưng thực là một. Chúng sanh khổ, Bồ tát cảm nhận được khổ đau này. Vì tâm Bồ tát đã thực sự mở rộng, dung chứa được muôn loài và Bồ tát vận dụng tâm chúng sanh đó mà kiến lập Phật quốc.

Phần tu ý an lạc này rất khó. Ai cũng nhận thấy rõ ta tránh mặt dễ, mà khó tránh lòng. Những xấu ác ta đã đuổi nó ra khỏi thân, nhưng nó vẫn sống mãnh liệt ở trạng thái tâm. Ta càng cố xa, thì nó càng tiến gần ta. Tuy nhiên, khi nhận chân được pháp dưới dạng đại bi tâm rồi, hành giả hiểu rõ nếu không cứu chúng sanh xấu ác, ta cũng chết.

Hành giả tùy thuận cứu độ chúng sanh, nhưng sự thật là cứu độ chính mình, nên thành tựu chúng sanh là thành tựu Phật độ. Đối với chúng sanh đau khổ, ngang ngược bướng bỉnh, hành giả phải sanh tâm đại bi, vì thực sự nếu

họ biết và giỏi như ta, họ đã không phạm tội lỗi. Bồ tát khởi lòng đại bi, tìm mọi cách giúp đỡ chúng sanh, để ngày nào họ cũng thành Phật như hành giả.

Đối với hàng Bồ tát là những bạn đồng tu, hành giả luôn khởi tâm từ, gánh bớt khổ cho họ, cảm thông với khó khăn của họ, khích lệ họ an vui tiến tu trên đường đạo. Trong kinh Duy Ma có dạy, những người tu trong thời mạt pháp, gặp nhiều khó khăn muốn xả tâm đại bi vào Niết bàn. Duy Ma dặn chúng ta cần khuyên nhủ, nhắc nhở, sách tấn họ. Dù đời có khổ, cũng xin đừng vào Niết bàn, để chúng ta và họ cùng song hành làm đạo, tăng trưởng mạch sống cho đạo.

* Thệ nguyện an lạc của Bồ tát là chánh hạnh của người tu, kết hợp giữa ý chí và hành động. Ý căn hoàn toàn thanh tịnh, không bị hoàn cảnh chi phối, tâm tư lắng đọng trong sạch, không khởi ý niệm mong cầu lợi lạc, giúp hành giả có một cái nhìn chính xác gần đúng như thật (vì thấy đúng như thật là Như Lai). Bấy giờ, hành giả thấy tất cả vật theo cái thấy của Như Lai. Đó là cái thấy phát khởi từ ý căn thanh tịnh, rồi thâm nhập thiền định, không kẹt trong phiền não nhiễm ô, tham chấp. Thấy hoàn toàn khách quan không dựa trên tình cảm con người.

Tới giai đoạn này, Phật mới chỉ cho hành giả thế nào là tri kiến Như Lai. Tất cả pháp trước thuộc phương tiện, nhằm thanh tịnh hóa thân khẩu ý, thuộc phần khai tri kiến. Đến phần thứ hai, Phật chỉ cho hành giả cái thấy của Như Lai.

Bằng huệ nhãn mở đầu cho bước đi vào huệ Như Lai, hành giả thấy chư Phật và Bồ tát mười phương hành đạo, cứu vớt trăm ngàn muôn ức chúng sanh. Các Ngài phát

nguyện thật rộng lớn, nhưng không có gì có thể não hại được Ngài. Dưới sự giáo hóa của Bồ tát, tất cả trở thành thanh tịnh. Những chúng sanh cang cường khó dạy đều biến thành đồng tử cõi Trời.

Dấn thân vào đời mang thệ nguyện độ tất cả chúng sanh không bỏ sót một ai, nên các Ngài được chúng sanh mừng đón. Kẻ nào muốn mắng chửi, miệng liền câm bít, dao gậy không hại được và người tới nghe pháp cũng không trái ý. Ai nghe pháp rồi ghi nhớ trong tâm, luôn suy tư và đem truyền cho người khác. Lần lần tạo thành thế giới kỳ diệu, tất cả mọi người đều thương yêu nhau.

Với ba nghiệp thanh tịnh và lặn sâu trong tâm thức, hành giả quan sát, nhận rõ những việc làm cao quý phi thường và thế giới của Bồ tát thật đẹp như vậy. Hành giả khởi tâm ưa thích, muốn mang thế giới Thật Báo đó về cho mọi người cùng hưởng, mọi người cùng được khả năng siêu việt như Phật và Bồ tát. Xưa tu hành đạo Bồ tát, Phật Thích Ca và Phật Di Đà cũng vậy. Thâm nhập vào thế giới của Phật Đại Thông Trí Thắng, Phật Thích Ca trở về chuyển Ta bà thành Tịnh độ và Phật Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc ở phương Tây.

Thấy được Như Lai, nghe được pháp âm và phát tâm Bồ đề, hành giả Pháp Hoa từ thế giới Thật Báo quay lại Ta bà, biến ý chí thành hành động, thành cuộc sống hiện thực gọi là thệ nguyện.

Giáo sư Kubota nhận xét rằng người có ý chí vào thế giới Thật Báo, nhưng về thế giới Ta bà thì ngán sợ. Chạm thực tế gặp toàn khó khăn, vì những người xung quanh dở ác, không giống người ở thế giới Cực Lạc là thượng thiện nhân, nên sanh chán nản.

Ý chí lớn lao mà không thực hiện để thời gian trôi qua, thì nguyện này thành không tưởng. Khi hành giả thệ nguyện dấn thân vào con đường Bồ tát, hạ quyết tâm dồn tất cả khả năng để đạt mục tiêu, hết lòng làm những việc như chư Phật và Bồ tát đã làm. Chư Phật và Bồ Tát mười phương thấy hành giả đồng hạnh đồng nguyện, mới phóng quang hộ niệm.

Hành giả ở Ta bà làm đạo một, nhưng Bồ tát và chư Phật gia bị cho hành giả hàng ngàn, hàng vạn. Từ lực vô hình mà gia bị đến thế giới hữu hạn, nên sự gia bị rất lớn. Tất cả đến với hành giả trên bước đường tu hành đều trở thành bất khả tư nghì. Tùy mức độ thệ nguyện và các việc làm của hành giả đến đâu, mức gia bị các Ngài đến đó. Ngài không gia bị cho chúng ta, khi lòng chúng ta còn ích kỷ, chưa dẹp phiền não, ý chí thấp hèn không chịu dấn thân vào cứu độ chúng sanh. Vì gia bị cho người đầy tư chất tệ xấu như vậy, họ sẽ trở thành kẻ phá đạo.

Riêng chúng ta là những người sơ phát tâm quyết chí tu hành, tịnh xong ba nghiệp, thật sự thương người, muốn cứu giúp người. Tuy nhiên, chúng ta nói người không nghe. Ta phải nhớ đến hình ảnh Phật Thích Ca ngồi trong tháp Đa Bảo. Ngài toàn thiện toàn năng, thuyết pháp giáo hóa, mọi người nghe, quý trọng Ngài như bậc Thầy. Còn chúng ta chưa được xem là thầy, ta phát khởi thệ nguyện trong lòng. Mai kia ta có tháp Đa Bảo như đức Thích Ca, ta sẽ đến giáo hóa họ.

Thật vậy, Đức Thích Ca thành tựu được việc hoằng hóa độ sanh dễ dàng, vì Ngài có tháp Đa Bảo, phân thân được. Nghĩa là Ngài chứa nhóm đầy đủ đạo đức tri thức, đầy đủ quyến thuộc.

Đệ tử Phật hay phân thân Ngài thời bấy giờ quá lớn gồm 12.000 Tỳ kheo, 6.000 Tỳ kheo Ni và vô số đệ tử tại gia. Muốn hại Ngài, kẻ ác phải nhìn trước xem sau. Ngày nay chúng ta có một mình, họ dễ hại quá. Chúng ta đơn độc chưa làm được việc, hẹn lại kiếp nào đó, chúng ta có vô số đệ tử, có sức mạnh về người, về của cải, về tri thức. Dùng ba sức mạnh này dễ dàng giáo hóa những người ngang bướng.

Nhận được Phật lực truyền vào, kinh ví cũng như vua Chuyển Luân Thánh Vương đưa viên minh châu trong búi tóc cho ta. Đức Như Lai cũng vậy, thấy chúng hội tu tất cả công hạnh, thắng ma ngũ ấm, ma phiền não, diệt ba độc, ra khỏi ba cõi, phá được lưới ma, Ngài mới đem trao kinh Pháp Hoa. Trong chiêm bao nghĩa là trong tương lai người trì kinh sẽ thấy cảnh giới mầu nhiệm của chư Phật, hàng Bồ tát nói pháp và Tỳ kheo vây quanh, thấy mình giảng nói kinh Pháp Hoa khiến mọi người phát tâm Bồ đề. Và thấy được Đức Phật thọ ký thành Vô thượng chánh đẳng giác.

Tóm lại, kinh Pháp Hoa tiêu biểu cho những gì cao quý nhất trên cuộc đời. Kinh này không đối lập với đời, không tách rời cuộc đời mà có đủ hai mặt, việc làm trên thế gian và việc làm trong tâm. Đức Phật dạy chúng ta không bỏ thế tục, nhưng bỏ tâm thế tục. Vì mang tâm thế tục đi vào trần thế, tất nhiên sẽ gặp đụng chạm chống đối. Hành giả nhận biết tất cả tranh chấp hơn thua làm chướng ngại Thánh đạo, nên muốn tu hành kinh Pháp Hoa, phải trụ bốn pháp an lạc, mới truyền bá được. Thành tựu bốn pháp an lạc, hành giả sẽ là hiện thân của Đức Như Lai trên cõi đời này, không gì có thể não loạn được. Khi đó Bồ tát tùng địa dũng xuất mang kinh Pháp

Hoa đến cho ta. Tu theo các Ngài, hành giả mới được an lạc hoàn toàn.

Phẩm 15

TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

I. LƯỢC VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Bồ tát từ phương khác đông vô số chấp tay xin Phật cho các Ngài giữ gìn, đọc tụng, biên chép, cúng dường và giảng nói kinh Pháp Hoa ở Ta bà sau khi Như Lai diệt độ. Đức Phật không chấp thuận lời thỉnh cầu này, vì ở Ta bà có vô số Bồ tát có khả năng làm việc ấy.

Khi Phật nói lời này, đất của 3.000 đại thiên quốc độ đều rúng nứt và vô lượng Bồ tát đồng thời xuất hiện. Các Bồ tát này thân sắc vàng ròng đủ 32 tướng tốt, trụ trong hư không ở hạ phương nghe tiếng Phật Thích Ca, nên hiện lên. Các Bồ tát ấy đến đảnh lễ tháp báu và các phân thân Phật, rồi chấp tay chiêm ngưỡng Phật Đa Bảo và Đức Thích Ca.

Từ lúc các Bồ tát này xuất hiện cho đến khi đảnh lễ trải qua 50 tiểu kiếp. Nhưng nhờ sức thần của Phật, đại chúng thấy như nửa ngày và thấy các Bồ tát đầy khắp hư không, trong ấy có bốn vị đứng đầu là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh.

Bồ tát Di Lặc và 8.000 hằng sa Bồ tát trong pháp hội đều ngạc nhiên về sự hiện hữu của vô số Bồ tát từ đất vọt lên. Bồ tát Di Lặc đại diện tất cả hỏi Phật rằng các Bồ tát này từ đâu đến và đến để làm gì. Ai là người thuyết pháp giáo hóa các Ngài, các Ngài tu hành theo kinh nào mà có thần thông như vậy.

Đức Thích Ca cho biết những Bồ tát này do chính Ngài giáo hóa sau khi đắc Vô thượng chánh đẳng giác.

Các vị này thường ở nơi vắng lặng, siêng tu tinh tấn cầu Vô thượng huệ.

Bồ tát Di Lặc nghi ngờ, liền bạch Phật : "Các Bồ tát này là người đã trồng căn lành ở vô lượng vô biên Phật trong trăm ngàn muôn ức kiếp mới được thần thông lớn như thế. Vậy mà Đức Thế Tôn từ khi thành Vô thượng chánh đẳng giác đến nay hơn 40 năm, làm thế nào trong thời gian ngắn, Thế Tôn có thể giáo hóa các Bồ tát này được. Riêng chúng con hoàn toàn tin Phật không bao giờ nói sai. Nhưng xin Ngài vì những Bồ tát mới phát tâm tu hành sau khi Phật diệt độ mà giải thích cho họ khỏi đọa vào đường ác".

II. GIẢI THÍCH

Kinh Pháp Hoa chia làm hai phần, từ phẩm 1 đến phẩm 14 là nhơn môn hay tích môn, từ phẩm 15 đến phẩm 28 là quả môn hay bổn môn. Đứng về nhơn địa tu hành nên gọi là nhơn môn và đứng về mặt thị hiện ra đời còn để lại dấu vết gọi là tích môn.

Sự thật Đức Phật thành Phật từ ngũ bách ức trần kiếp là bổn Phật hay bổn môn của thế giới siêu thực. Trung tâm điểm của phần bổn môn nằm ở phẩm Như Lai thọ lượng. Trước khi nói về Như Lai thọ lượng, một vấn đề chính yếu của bộ kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy có phần mở đầu mà Ngài Nhật Liên gọi là phần cánh cửa hé mở trước, bắt đầu từ phẩm 10 đến phẩm 15.

Khởi đầu từ phẩm 10 với ba pháp quan trọng : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai, nghĩa là điều kiện tiên quyết hành giả muốn nghe Pháp Hoa, thấy được Như Lai phải xa rời trần cấu, phiền não, nhiễm ô không còn chi phối tâm, chứng được Bát Nhã an trụ pháp KHÔNG.

Từ pháp KHÔNG, phát tâm từ, tình thương của hành giả bao phủ muôn loài. Dưới mắt hành giả, không có người xấu, mọi người đều là Như Lai. Hành giả, Như Lai và chúng sanh, cả ba là một, đều thông nhau dưới dạng thể tánh. Đạt được phương tiện cần thiết ban đầu này, tháp Đa Bảo mới xuất hiện. Tháp Đa Bảo tiêu biểu cho Báo thân Phật hay phước đức trí tuệ do tu tập tích lũy nhiều đời. Từ đó hành giả hình thành được thế giới Phật, một thế giới bình đẳng tuyệt đối.

Từ pháp KHÔNG, ta rớt vào thế giới này, thì hiện tượng đổi khác, đất bằng lưu ly, mọi việc trên cuộc đời không còn chướng ngại. Cửa thứ nhất là cửa KHÔNG và cửa thứ hai của thế giới Thật Báo do thành quả tu hành mà Đức Thích Ca đạt được và tác dụng vào xã hội hiện thực Ngài sống. Nếu kẹt ở tích môn, hành giả chỉ thấy phần hiện tượng trên cuộc đời. Nương theo sanh thân Phật hiện hữu trên cuộc đời mà tiến sâu vào Bồ tát tạng của Ngài với vô số phân thân Phật thuyết pháp mười phương. Thâm nhập được thế giới Thật Báo của Phật rồi, hành giả quan sát ngược lại những việc làm của Ngài ở Ta bà sẽ không ngạc nhiên hay thắc mắc về những thành quả phi thường mà Ngài đạt được.

Hiện cảnh Bảo Tháp xong, Phật nhắc nhở ai muốn thành Phật phải phát nguyện ngay. Lúc ấy, chúng hội đã bước vào pháp hội không trung, thấy được thành quả mới phát tâm tu hành. Đó là những Bồ tát sơ tâm phát nguyện hoằng truyền ở quốc độ khác và 80 hằng hà sa đại Bồ tát trụ ở quả vị bất thoái, tức Bồ tát từ đệ bát địa trở lên. Các Ngài đã thấy được Báo thân Phật mới phát nguyện giữ gìn kinh này ở Ta bà, không tiếc thân mạng.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thấy ý nguyện kiên cố không sợ chết của các Bồ tát Báo thân rất tốt, nhưng không phải dễ làm và có phần nguy hiểm. Ngài liền đại diện chúng hội hỏi Phật về cách hoằng truyền kinh Pháp Hoa sau khi Như Lai diệt độ, nghĩa là làm thế nào thể hiện một cách sống giải thoát bất tử.

Đức Phật liền dạy bốn an lạc hạnh. Khi hành giả liều chết sẽ không thấy Phật, nhưng trở về trụ an lạc hạnh, chắc chắn sống được với Ngài. Những Bồ tát này nổi tiếng mười phương, dẫn đầu Bồ tát bất thoái chuyển là Văn Thù Sư Lợi. Các Ngài là Bồ tát ở thế giới Thật Báo trang nghiêm đã đạt được thành quả trên bước đường tu do cúng dường, thân cận các Đức Phật và trọn tu sáu pháp ba la mật, làm lợi ích cho trăm ngàn muôn ức chúng sanh. Điều này gợi nhắc chúng ta trên bước đường hành Bồ tát đạo, cần thể hiện việc tu hành bằng những hành động thực tiễn mang lợi ích cho mọi người.

Các Bồ tát bất thoái chuyển thị tùng Báo thân Phật từng giảng nói Pháp Hoa trong mười phương. Tuy các Ngài gặp khó khăn, nhưng đã thành tựu công đức trên cuộc đời và tròn đầy bốn pháp an lạc. Vì thế, các Ngài không còn gì phải sợ sệt và không chướng ngại nào có thể cản ngăn bước chân hành đạo của các Ngài. Nhờ đó các Ngài dũng mãnh phát nguyện hoằng truyền Pháp Hoa. Đối với hàng Bồ tát này, Phật mới triển khai Đức Phật thường trú và Pháp thân Bồ tát. Các Bồ tát thị tùng Báo thân Phật, đã hành đạo chung với Phật. Nhưng nay tại sao Phật không cần các Ngài và cho biết ở Ta bà có sáu vạn hằng hà sa Bồ tát sau khi Như Lai diệt độ sẽ giữ gìn kinh Pháp Hoa.

Các Bồ tát sanh ra hoang mang nghĩ rằng ở Ta bà chúng sanh hung dữ, các Ngài đến đây trợ giúp Phật khai hóa mà chẳng thấy Bồ tát nào, chỉ thấy những người ưa thích hơn thua, mắng chửi nhau. Nếu có, tại sao từ trước đến giờ các vị Bồ tát này không làm, các vị này ở đâu mà các Ngài không thấy. Đại diện cho hàng Bồ tát bất thoái chuyển là Bồ tát Di Lặc cũng không thấy được Bồ tát tùng địa dũng xuất vì Ngài là Bồ tát Báo thân, nên không thể thấy Bồ tát Pháp thân.

Phật muốn triển khai Pháp thân Bồ tát và Pháp thân Phật cho hàng Bồ tát Báo thân, làm cho các Ngài thấy được Pháp thân bằng cách mở cửa cho thấy ở Ta bà có sáu vạn hằng hà sa Bồ tát tùng địa dũng xuất hay Bồ tát Pháp thân sau khi Như Lai diệt độ sẽ hoằng truyền kinh Pháp Hoa. Và phẩm Tùng địa dũng xuất mở ra cánh cửa sau cùng cho chúng hội bước vào thế giới chân thật. Phật vừa dứt lời, vô số Bồ tát tùng địa dũng xuất từ đất vọt lên. Các vị này thân sắc vàng, đầy đủ 32 tướng tốt tiêu biểu cho thân tâm hoàn toàn sạch nghiệp.

Bồ tát tùng địa dũng xuất hoàn toàn trong sạch không có tỳ vết vì sống trong Ta bà, chúng sanh lòng dạ hẹp hòi, ác độc, thích bươi móc chỉ trích. Muốn giáo hóa chúng, trong kinh ghi Bồ tát phải hoàn toàn thuần vàng, nghĩa là không có lỗi lầm, nhìn ở khía cạnh nào cũng thánh thiện, không phê phán được, mới đủ khả năng và tư cách hành đạo ở Ta bà.

Các Bồ tát bất thoái chuyển thị hiện mọi hình thức, được người thương nhưng cũng có người ghét nên còn có khuyết điểm. Trong khi Bồ tát tùng địa dũng xuất hoàn toàn thuần tịnh. Nhờ nhìn thấy đối tượng là những Bồ tát thuần

vàng, thuần tịnh này mà các Bồ tát bất thoái chuyển điều chỉnh, gội rửa những sai lầm còn sót lại của họ.

Bồ tát tùng địa dũng xuất từ kẽ hở của mặt đất ở Ta bà trồi lên. Thế giới Ta bà nhằm chỉ cho thế giới tâm thức, hơn là thế giới hiện tượng của chúng ta sống. Ví dụ chúng ta sống chung nhau nhưng thù hận, tranh chấp, gây hấn với nhau thì đó là cảnh giới Ta bà. Trái lại, cùng sống hài hòa thanh thản an vui, ta đã tạo được thế giới tịnh lạc hay tịnh độ. Vì vậy tịnh hay uế đều tùy thuộc nơi chúng ta. Tâm đau khổ chắc chắn tạo thành thế giới đau khổ. Tuy nhiên ở điểm này, chúng ta không nên lầm với thế giới duy tâm.

Phật dạy thế giới hiện tượng muôn đời vẫn là hiện tượng, còn nguyên tố hình thành thế giới tốt hoặc xấu từ thời Phật Oai Âm Vương đến nay vẫn không thay đổi. Thí dụ nguyên tố tạo thành thế giới văn minh hàng ngàn năm trước vẫn có, nhưng vì không có người văn minh, nên không sử dụng được. Giống như thế giới Phật vẫn hằng hữu, nhưng phải đợi đến khi Đức Phật xuất hiện trên cuộc đời, chúng ta mới biết thế giới Phật.

Các Bồ tát nhờ tu chứng tròn đủ bốn an lạc hạnh, mới xé tung được bộ mặt trái của Ta bà và chuyển đổi thế giới xấu xa này thành cảnh giới hoàn toàn tốt. Nói cách khác, chính ở ngay thế giới Ta bà xuất hiện các vị Bồ tát tùng địa dũng xuất, không phải Bồ tát nơi khác đến.

Phật cho biết khi Ngài thành tựu đạo Vô thượng chánh đẳng giác, đã giáo hóa các Bồ tát tùng địa dũng xuất tròn hạnh Bồ tát. Điều này khiến hằng hà sa Bồ tát bất thoái chuyển ngạc nhiên thêm. Vì trên thực tế Đức Phật thành Phật mới hơn 40 năm, còn các Bồ tát tùng địa dũng xuất có thân sắc vàng, đầy đủ 32 tướng, chắc chắn

phải trồng căn lành từ nhiều đời ở các Đức Phật quá khứ, nên phải có quá trình tu hành lâu hơn.

Di Lặc Bồ tát đã từng trồng căn lành ở mười phương các Đức Phật quá khứ còn chưa có thân sắc vàng. Làm sao mới hơn 40 năm, Phật có thể giáo hóa những vị này thuần thục giỏi đến độ những người này ở ngay trước mắt, mà các Bồ tát bất thoái chuyển không thấy. Các Ngài biết Phật không hư vọng nhưng vì sợ chúng sanh đời sau không tin được, nên xin Phật giải nói.

Điểm này lạ hơn các kinh khác chỉ nói cho chúng đương cơ, trong khi kinh Pháp Hoa thường nói vì chúng sanh đời sau. Căn cứ vào ý này, Ngài Nhật Liên cho rằng ngày nay chúng ta tu hành triển khai kinh Pháp Hoa là mô hình kiểu mẫu thích hợp nhất và đáp ứng được nhu cầu của thời đại chúng ta.

Đức Phật xác định các Bồ tát tùng địa dũng xuất do chính Ngài giáo hóa. Sự giáo hóa này cần được hiểu dưới dạng Pháp thân. Phần giáo hóa của Phật có hai : bổn môn và tích môn. Tích môn là những dấu vết mà Phật lưu lại trên cuộc đời có thể thấy biết suy nghĩ được, là phần hiện thực của chúng ta. Tuy nhiên, những gì thực dưới mắt ta lại là giả ảo đối với Phật và chư Bồ tát, vì nó không tồn tại vĩnh viễn, cái gì có sanh phải có diệt.

Đức Phật cũng vậy, Ngài hiện thân trên cuộc đời, mang xác thân hữu hạn, tất nhiên phải nhập diệt. Ngài mượn những cái không thật, trong kinh thường diễn tả giáo lý như ngón tay chỉ mặt trăng, hay tất cả việc làm của Phật nhằm giúp chúng ta thoát khỏi chấp trước.

Dưới kiến giải của phàm phu, thấy một sự thật đơn giản là Đức Phật xuất thân ở cung dòng họ Thích, xuất gia thành đạo dưới cội bồ đề. Và trong 40 năm thuyết pháp,

Ngài giáo hóa với tư cách một người bình thường như bao nhiêu người khác. Nhưng nâng tầm nhìn lên một nấc, chúng ta sẽ thấy Phật là một người không giống như mọi người, nghĩa là thấy về Báo thân Phật.

Đối với người bình thường có mặt phải mặt trái, tức còn ở trong vòng tương đối. Riêng Đức Phật là người vẹn toàn. Ngài thản nhiên từ bỏ cuộc sống nhung lụa, xa rời những gì phàm phu ưa thích. Ngài không hưởng thụ cuộc sống vật chất đầy đủ. Suốt cuộc đời, Ngài thể hiện những việc người thường không làm được, nên mọi người xem Ngài là phi thường. Từ đó bắt đầu thuyết pháp giáo hóa, biến đổi hoàn toàn phong tục xã hội Ấn Độ, xóa bỏ truyền thống giai cấp thống trị của Bà la môn với lời khẳng định mọi người đều có khả năng thành Phật.

Chỉ dạy chân lý này xong, Phật thể hiện ngay điều đó bằng cách đưa người thấp nhất, dở nhất là ông Bàn Đặc đến quả vị La hán. Nghĩa là chứng minh được rằng giáo lý của Ngài có tác dụng tẩy sạch trần cấu trong tâm niệm, giúp chúng ta phát sinh trí tuệ, thấy được chân lý.

Từ Báo thân Phật, nâng tầm nhìn lên một lần nữa, sẽ thấy Pháp thân Phật. Qua tác dụng của Pháp thân, mọi việc của Phật ở thế gian thành tựu dễ dàng mà không cần làm. Sự giáo hóa của Đức Phật có chăng, chỉ có đối với chúng sanh căn cơ hạ liệt. Còn các đệ tử lớn của Phật tự xếp đặt cuộc đời họ, không đợi Phật dạy. Có những người tu cao hơn, chưa bao giờ thấy Phật nhưng đã làm y như Phật gọi là cảm tâm, khi họ đạt đến trạng thái tiếp cận chân lý. Các Bồ tát lớn tuy Phật không dạy, việc làm và suy nghĩ của các Ngài vẫn tương ưng với Phật, được Phật gia bị vì các Ngài đã tiếp cận với Pháp thân Phật.

Với ba thân, Phật giáo hóa chúng sanh dưới ba dạng khác nhau. Ứng thân giáo hóa thể hiện bằng Đức Phật Thích Ca mang thân hữu hạn của con người giảng dạy các pháp nhận được bằng mắt thấy tai nghe. Báo thân giáo hóa với những tác động hoàn toàn vô hình, có quyến thuộc là Bồ tát bất thoái chuyển mười phương đến xin hoằng truyền kinh Pháp Hoa. Và Pháp thân giáo hóa hàng Bồ tát tùng địa dũng xuất mà chính Bồ tát Di Lặc cũng chưa biết. Từ Pháp thân Phật thông đồng với Pháp thân Bồ tát, tự nhiên thành tựu sự giáo hóa. Kinh diễn tả là Phật đã giáo hóa nhiều đời, hay giáo hóa dưới dạng bổn môn, không dạy mà tự biết.

Trong bổn môn cũng có hai phần : bổn nhơn và bổn quả. Ở tích môn, các Tỳ kheo đang tu nhơn và Phật là quả. Quả này là quả của con người hay Đức Phật của loài người trên thế gian.

Pháp thân Phật hay Bồ tát tùng địa dũng xuất ở thế giới Thường Tịch Quang hoàn toàn tịch tĩnh, nơi đó các pháp thường tự vắng lặng. Trong thế giới này là bổn môn, thì bổn quả chỉ có Phật và Bồ tát tùng địa dũng xuất nhận biết được mà thôi.

Di Lặc Bồ tát còn không thấy được, huống chi là phàm phu chúng ta. Mặc dù không thấy, nhưng chúng ta cảm nhận được Pháp thân Ngài. Thật vậy, theo suy nghĩ thông thường sau khi Như Lai diệt độ, mọi người chúng ta khó an lành. Khả dĩ còn tu được chăng, chỉ trong khoảng 500 năm sau khi Phật diệt độ mà thôi.

Tuy nhiên trên thực tế, chúng ta thấy ngược lại. 600 năm sau Phật diệt độ, có Long Thọ Bồ tát ra đời triển khai Pháp thân thường trú. Và càng sống cách xa Phật, sự hiện hữu của Pháp thân thường trú càng sáng tỏ với chúng ta

hơn, đúng như lời Tổ nói : "Cận nhi bất kiến, viễn nhi tự thông".

Nhất là ngày nay chúng ta cách Phật hơn 2.000 năm, một khoảng cách thời gian quá dài sau khi Phật diệt độ. Ai cũng nghĩ rằng chánh pháp không còn tồn tại. Thế mà chúng ta vẫn an nhiên tu tập trong pháp hội của Đức Phật một cách thanh thản kỳ diệu, nói lên được sự hằng hữu của Pháp thân thường trú đang bao bọc chúng ta. Chỉ vì chúng ta mang thân ngũ uẩn tràn đầy phiền não, bị chấp trước bao vây trói buộc quá chặt, che mờ trí tuệ, nên không nhận biết được Pháp thân bất sanh bất diệt của Phật.

Nếu không có Pháp thân Ngài che chở, chúng ta không thể nào tu hành được trong đời ngũ trược ác thế đầy sóng gió này. Và Bồ tát tùng địa dũng xuất bấy giờ không ai khác hơn là chính chúng ta. Chúng ta là người nhận di chúc đức Phật hoằng truyền kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp. Bao lâu chúng ta còn hòa hợp an ổn tu hành trên cuộc đời, Phật vẫn xem chúng ta là biểu tượng của thế gian tướng thường trụ.

Chúng ta và thường trú Pháp thân là một, không phải hai. Khi phát tâm, chúng ta liền biến thành Pháp thân Phật. Về điểm này cần nhận định rõ "chúng ta" này ở dạng Pháp thân hay bản thể, không phải chúng ta bằng con người đang mang thân sanh diệt.

Nếu tự nhìn thấy thân phàm của chúng ta ở trên hiện tượng giới là Bồ tát tùng địa dũng xuất thật, hành giả đã rời bản thể thanh tịnh rớt qua vọng tưởng điên đảo, phạm tội đại vọng ngữ, đọa vào hạng tăng thượng mạn.

Hành giả muốn thâm nhập vào thế giới của Bồ tát tùng địa dũng xuất, phải trải qua quá trình tu hành bước

theo chân Phật qua ba cảnh giới khác nhau từ thấp tiến dần lên cao. Khởi đầu ở thế giới phàm phu với một Đức Phật Thích Ca mang sanh thân y như mọi người, Ngài đưa chúng hội vào thế giới thứ hai kỳ diệu là Thật Báo trang nghiêm độ, được hiển bày trong phẩm Hiện Bảo Tháp. Và đến phẩm Tùng địa dũng xuất, Phật mới mở ra thế giới chân thật thứ ba. Mục tiêu ra đời của Phật cũng nhằm giới thiệu thế giới bất sanh bất diệt này vậy.

Dưới dạng thể tánh của sự vật, dù ở nơi nào cũng như nhau, Ta bà và Tịnh độ là một. Vì vậy, thế giới bất sanh bất diệt này không tìm thấy ở nơi xa xôi nào khác, mà nằm ngay ở thế giới Ta bà.

Thế giới chúng sanh mà nghiệp chướng phiền não tràn đầy gọi là Ta bà đau khổ. Nhưng Phật từ thế giới chân thật hiện thân trên thế gian, Ngài vẫn hoàn toàn tự tại bình ổn. Với tri kiến như thật, Phật thấy rõ quá trình trôi lăn vô tận của chúng sanh. Từ bản thể chúng ta mê thiếp, sanh lên cuộc đời, bước vào thế giới hiện tượng. Và khi chết, lại trở về với bản thể. Cứ như vậy mà thay hình đổi dạng trong sáu nẻo luân hồi.

Các Bồ tát đối mặt với đời và nhận chân được sự thật của cuộc đời do mộng mà có, điên đảo vọng tưởng mà sanh. Các Ngài sống với tâm thức bao la, không bị phiền não nhiễm ô chi phối. Từ tùng địa dũng xuất, tức từ quả môn, thấy được sự thật của sự vật, các Ngài trở lại, hiện thân vào cuộc đời làm lợi lạc cho quần sanh. Vì vậy đối với các Ngài, Ta bà là Tịnh độ, hay Ta bà và Tịnh độ không khác gì hai mặt của bàn tay.

Phẩm 16

NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Thích Ca bảo các Bồ tát và đại chúng phải nên tin lời thành thật của Ngài. Sau khi Phật lập lại ba lần điều này, Bồ tát Di Lặc đại diện chúng hội thỉnh Phật giải thích. Vì các Bồ tát đã ba lần thỉnh cầu, Phật liền nói : "Các ông hãy lắng nghe bí mật thần thông của Đức Như Lai. Tất cả thế gian đều tưởng rằng Đức Phật Thích Ca vừa rời hoàng cung đến thành Già Da ngồi đạo tràng, chứng quả Vô thượng bồ đề. Nhưng sự thật, ta thành Phật từ vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp, không thể tính được. Từ đó đến nay, ta luôn ở Ta bà thuyết pháp giáo hóa và cũng ở vô lượng nước giáo hóa chúng sanh. Mỗi nơi ta tự xưng danh hiệu khác nhau và tuổi tác lớn nhỏ cũng khác nhau. Ta lại nói sẽ nhập Niết bàn và còn dùng nhiều phương tiện khác để chỉ dạy pháp vi diệu.

"Như Lai thấy chúng sanh ưa thích pháp nhỏ, đức mỏng, tội nặng, Ngài vì những hạng người này mà nói rằng lúc trẻ Ngài xuất gia được Vô thượng chánh đẳng giác. Đây chỉ là phương tiện giáo hóa chúng sanh để họ vào Phật đạo. "Như Lai thấy rõ không sai lầm tướng của ba cõi, vì chúng sanh căn tánh khác nhau nên Như Lai phải thuyết pháp khác nhau cho họ sanh căn lành.

"Việc Phật sự, ta chưa từng ngừng nghỉ. Như vậy, từ khi ta thành Phật đến nay rất lâu xa, thọ mạng ta dài vô lượng. Từ xa xưa, ta tu hành đạo Bồ tát, kết thành thọ mạng, đến nay vẫn chưa hết, mà còn hơn số như vậy. Vì thế, dù chưa thực diệt độ, ta vẫn nói diệt độ để làm phương tiện giáo hóa chúng sanh.

"Vì nếu Phật ở lâu trên đời, những người đức mỏng không chịu trồng căn lành, ham ưa năm món dục, sanh tâm lười biếng kiêu mạn, không sanh lòng khát ngưỡng gặp Phật. Thí dụ có một ông thầy thuốc giỏi chữa được nhiều bệnh, ông có rất đông con. Khi bận việc đi xa, các con ở nhà uống lầm thuốc độc. Lúc cha trở về nhà, có đứa mất bản tâm, có đứa còn bản tâm, nhưng tất cả thấy cha về, đều quỳ lạy xin cứu mạng. Người cha đưa thuốc cho uống. Những người con không mất bản tâm liền uống và lành bệnh. Còn những người mất bản tâm, dù cầu xin cha chữa bệnh, nhưng không chịu uống thuốc. Vì họ đã bị thuốc độc thấm sâu làm mất tâm trí.

"Người cha thương hại những đứa con này liền nghĩ ra phương kế, nói với chúng rằng ông đã già yếu sắp chết, có các thứ thuốc hay ông để lại, nên giữ lấy mà dùng. Nói xong ông bỏ đi qua nước khác và nhờ người báo tin ông đã chết. Hay tin ấy, các con mất bản tâm hoảng sợ lấy thuốc uống, tâm liền tỉnh ngộ. Sau đó người cha trở về cho các con thấy mặt".

Đức Phật kết luận Ngài cũng vậy, từ lúc thành Phật đến nay vô lượng kiếp. Vì phương tiện cứu độ chúng sanh mà Ngài nói diệt độ, không thể nói Thế Tôn phạm lỗi nói dối.

II. GIẢI THÍCH

Phẩm này là trung tâm điểm của bổn môn, nói về sở hành của chư Phật, nên ít ai dám đề cập đến. Mọi người đều công nhận rằng kinh Pháp Hoa quá quan trọng. Nếu chúng ta không diễn đạt được chân ý của kinh, làm giảm giá trị bộ kinh sẽ phạm tội. Nhất là triển khai về thọ lượng

của Như Lai là vấn đề chính yếu mà chúng ta chưa chứng đắc, nên không dám nói, vì nói dễ trở thành nói láo.

Tôi cũng dè dặt trong việc giảng phẩm này, e rằng không hiểu được chân ý của Phật sẽ diễn tả sai. Và người nghe không hiểu được ý tôi, lại hiểu sai thêm nữa. Phần tích môn nhấn mạnh về hiện thực của Phật trên cuộc đời, chúng ta phê phán còn không trọn vẹn chính xác. Huống chi là phần bổn môn mở ra thế giới siêu thực của Như Lai. Chính Phật xác định hàng Bồ tát trở xuống không thể hiểu được sự bí mật thần thông của Như Lai. Trong khi chúng ta còn mang thân phàm phu, làm thế nào thấu hiểu được thọ mạng Như Lai.

Những gì tôi triển khai trong phẩm này thuộc phần cảm tâm về Pháp thân Phật. Riêng phần chứng đắc chưa đạt được. Thật vậy, khi bước vào pháp hội hai "không trung thuyết pháp", hành giả phải trụ trong hư không. Nghĩa là vượt lên trên ngũ ấm, trên tầm suy nghĩ bằng tri thức của con người phàm phu.

Vì vậy, khi tôi mang phần này giảng dạy trong hiểu biết hữu hạn của con người, chắc chắn còn cách thế giới Phật xa lắm. Nhưng không có phương cách nào khác để diễn tả tri kiến Như Lai. Tuy nhiên, hành giả nào nương tựa được phương tiện giả tạm này dứt trừ phiền não, nhập thể tánh KHÔNG, sẽ tự phát hiện thế giới chân thật.

Phật cũng dạy rằng các pháp tánh thường vắng lặng, không dùng ngôn ngữ phàm phu lạm bàn được. Đạo nói được không phải là đạo, cái chỉ được nằm trong phạm vi sinh hoạt bình thường của con người.

Những gì hành giả cảm nhận không diễn tả được, thuộc phần tâm chứng của đại chúng đã thâm nhập hư không, phiền não trần lao không làm nhiễm ô họ. Bấy giờ

tầm nhìn hành giả đổi khác, thấy Bồ tát tùng địa dũng xuất và Phật quá khứ Đa Bảo. Đó là cái thấy và nghe mà người bình thường không vói tới được, không còn nghe và thấy bằng sáu giác quan của loài người. Do gương tâm hoàn toàn vắng lặng, thấy được thật tướng các pháp gọi là pháp nhĩ như thị.

Mở đầu phẩm, Phật nói với chúng hội ba lần : "Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai". Di Lặc đại diện chúng hội trả lời ba lần : "Chúng con sẽ tin nhận lời Phật". Di Lặc Bồ tát là người thừa kế Phật trên cuộc đời, mới có đủ tư cách trả lời và đại diện cho các Bồ tát đến nghe pháp. Các vị này đều thuộc hàng A bệ bạt trí là Bồ tát bất thoái chuyển đang ở giai đoạn cuối của lộ trình trắc nghiệm Bồ tát pháp.

Sau ba lần thỉnh cầu của Bồ tát Di Lặc, Phật xác định cho chúng hội thấy rõ tư cách của Ngài ở thế gian. Ngài giới thiệu một Đức Phật thường trú mà trước hội Pháp Hoa chưa hề nói. Phật khẳng định rằng Ngài thành Phật từ vô lượng kiếp trước. Nhưng Trời, người, A tu la thấy Phật vừa rời cung họ Thích, đến cội Bồ đề thành Vô thượng chánh đẳng giác.

Cái thấy sai lầm của Trời, người, A tu la về Phật gợi cho chúng ta suy nghĩ. Trời, người, A tu la chỉ cho người đức mỏng tội nặng, lại tăng thượng mạn, nghĩ rằng mình nhất trên đời. Ngày nay gọi đó là bệnh chủ quan. Họ không nhìn được sự thật của sự vật, quyết đoán sai lầm, dẫn đến kết quả hư hại nghiêm trọng. Hạng người đức mỏng tội nặng chỉ nhìn thấy sự vật bằng mắt qua hiện thực, không thấy được bằng tư duy, ý thức.

Cái thấy giản đơn bằng mắt trở nên quá thấp kém trong thời đại khoa học ngày nay, khi trí khôn đặc thù của

con người được tận lực phát huy. Di Lặc tin Như Lai, nhưng sáu loài trong thế giới hữu tình, tu pháp hữu vi thấy Phật vừa thành đạo dưới cội Bồ đề không bao lâu và đi giáo hóa chúng sanh. Đối với hạng người đức mỏng tội nặng không thấy quá đường chân trời, Phật phải hiện thân con người. Và Ngài tu thành Phật để làm kiểu mẫu giảng dạy họ.

Tuy nhiên, đối với Bồ tát đạt được trình độ tu chứng biết rõ các pháp như Bồ tát Di Lặc trở lên không thấy Đức Phật Thích Ca là con người bằng xương thịt trên đời này. Vì đứng ở góc độ của Bồ tát tiếp cận Phật huệ mới thấu rõ quá trình thành Phật lâu xa của Phật Thích Ca.

Đối với người chưa có trí tuệ hay với trí tuệ giới hạn đang lặn ngụp trong sanh tử, chỉ bắt kịp một Đức Phật mang thân con người hữu hạn y hệt họ, không khác.

Phật xác định Ngài thành Phật từ ngũ bách ức trần điểm cho đến nay vẫn ở thế giới Ta bà thuyết pháp giáo hóa chưa từng ngừng nghỉ, nhưng có người thấy Phật, có người không thấy. Vì thương chúng sanh nghiệp cấu nặng không thấy Phật, sanh tâm buông lung kiêu mạn, Phật dùng phương tiện nói có Phật ra đời và Phật Niết bàn. Sự thật Ngài vẫn thường trụ thế giới này nói pháp.

Phật ví dụ như ông lương y trí tuệ sáng suốt có nhiều con cái, vì công việc ông phải đến nước xa khác. Khi trở về, ông thấy con bị thuốc độc hành hạ. Dù còn hay mất bản tâm, nhưng nhờ căn lành đời trước, họ thấy cha về đều vui mừng quỳ lạy, xin cha cứu nạn. Nghĩa là chúng sanh gặp Phật là biểu tượng tri thức và đạo đức được mọi người thương quý. Họ thấy vậy, đều hỏi phải làm sao để được như Ngài.

Những người con không mất bản tâm được cha cho thuốc, liền uống ngay và lành bệnh. Những người con này ngầm chỉ cho chúng đương cơ là 1200 La hán trong thời Phật tại thế. Các Ngài theo Phật tu hành, tâm hết điên đảo nhiễm ô, đạt đến Niết bàn. Từng bước tu hành từ Thanh văn sang Bồ tát đạo, thông qua tam thừa giáo, siêng năng tu tập pháp Tứ đế, sáu pháp ba la mật. Và cuối cùng các Ngài vui với cái vui giải thoát, vui của Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo, sống hoàn toàn trong thế giới tri thức.

Các Ngài từ thế giới con người vượt trên các từng trời, qua lại ba cõi tự tại, tiêu biểu cho mẫu người không mất bản tâm. Riêng những người mất bản tâm, bị chất độc ngấm tận xương tủy, không thể tin Phật, không chịu uống thuốc. Họ thấy trái thành phải, không chịu trừ nghiệp. Họ ở trong sanh tử, vẫn ham mê với cái khổ sanh tử. Những người này ôm thuốc không chịu uống. Ví như ta tụng kinh, mà tác dụng kinh không ảnh hưởng, nên vẫn triền miên đau khổ.

Người cha phải dùng phương tiện bỏ đi, dặn các con rằng ông có để lại thuốc tốt và sai người trở về báo ông đã chết. Các con nghe tin cha chết, cảm thấy mình côi cút, liền tỉnh ngộ lấy thuốc uống, bệnh lành.

Cũng vậy, vì những người không chịu tu, cứ núp bóng Phật mà hưởng thụ, sanh lười biếng, kiêu mạn, Phật mới dùng phương tiện nhập diệt. Chúng ta được ví như người mất bản tâm, không thấy được Phật, trong thời đó không chịu uống thuốc, trôi lăn trong sanh tử. Cho đến bây giờ hiện hữu trên cuộc đời này, gặp vô số khổ nạn. Chúng ta nghĩ tới mạt vận, mới chịu đem kinh ra trì tụng, áp dụng

trong cuộc sống tu hành. Trì tụng đến độ kinh và cuộc sống hành giả có liên quan mật thiết. Càng trì tụng thì trần lụy nhiễm ô càng rời xa và hành giả càng đến gần Như Lai. Bấy giờ thấy Phật ngay trên cuộc đời, thường ở đây nói pháp, không nhập diệt.

Thấy Phật không có nghĩa là Phật thiệt hiện trước mặt. Hành giả có lời nói, suy nghĩ, việc làm giống y Phật là đã diện kiến Ngài. Hay nói cách khác, tu hành đúng như pháp thì hành giả chính là thường trú Pháp thân Phật.

Phật xác định Ngài luôn hiện hữu song hành với chúng ta. Những người uống thuốc rồi, tâm trở thành ngay thật, ý niệm diệu hòa, một lòng muốn thấy Phật không tiếc thân mạng, mới đủ tư cách thấy được Phật hiện hữu thường trú.

Trái lại, người ham ưa năm món dục, bị vô minh ngăn che, không thể thấy Phật. Ngài Từ Ân ví họ như người mù không thấy ánh sáng, dù ánh sáng lúc nào cũng thường hằng. Vì những chúng sanh mù lòa không có Đạo sư, Phật hiện hữu trên cuộc đời để khai tri kiến cho họ. Đến khi họ hết bệnh, sáng mắt, thấy được Phật thường hằng miên viễn tại chốn Ta bà.

Cảm nhận ý này, Ngài Thiên Thai dạy rằng kinh Pháp Hoa không phải vừa được giảng ở hội Linh Sơn. Sơ khởi ngay từ Lộc Uyển, pháp Tứ đế đã thể hiện một dạng của kinh Pháp Hoa là ẩn mật Pháp Hoa.

Dưới nhãn quan của hàng Bồ tát căn tánh thông lợi, pháp Tứ đế cũng là Pháp Hoa. Ý này được diễn tả trong phẩm Như Lai thọ lượng, Phật cho biết đối với những chúng sanh điên đảo, dù họ gần Phật nhưng chẳng thấy Phật. Và đối với người nghiệp nặng hơn, họ lại thấy thế giới này cháy rụi, trong khi Tịnh độ của Phật ở ngay Ta bà

hoàn toàn an ổn. Tịnh độ ấy trang hoàng những báu vật, có vườn rừng cây báu nhiều bông trái, thường trỗi kỹ nhạc, rưới hoa Mạn đà la cúng Phật và đại chúng.

Qua lời Phật dạy, thể hiện rõ nét giá trị của Đức Phật và đạo Phật hiện hữu trường tồn trên cuộc đời qua hơn 25 thế kỷ. Nếu thấy Đức Thích Ca chỉ là một con người như bao nhiêu người khác, nghĩa là Ngài ra đời, thuyết pháp và già chết tàn lụn như cỏ cây theo quên lãng của thời gian, chúng ta sẽ rớt qua đoạn kiến, chẳng tu làm gì cho phí công. Chẳng những thường trú thuyết pháp giáo hóa chúng sanh Ta bà, Ngài còn hiện hữu làm lợi ích chúng sanh trong khắp mười phương, chưa hề ngừng nghỉ.

Qua gợi ý này, chúng ta phải bàng hoàng suy tư, vì thời Phật tại thế thuộc thời thần quyền. Mọi người chỉ biết trên thiên đường có đấng tạo hóa, dưới có địa ngục và ta ở vị trí trung gian, chịu sự chi phối của thiên đường.

Nay Phật mở ra cho chúng ta thấy một thế giới quan bao la vô cùng tận, được kinh diễn tả bằng hình ảnh là có người nghiền nát 500 ngàn muôn ức na do tha cõi tam thiên đại thiên thành vi trần, từ chỗ ta ở đi qua phương Đông cách 500 ngàn muôn ức na do tha cõi nước rơi một bụi trần. Cứ như thế cho đến hết số vi trần, mười phương thế giới vô cùng tận đều thuộc phạm vi giáo hóa của Đức Thích Ca Mâu Ni.

Ở chỗ khác, Ngài thành Phật có tên khác, ở Ta bà Ngài mang tên Thích Ca Mâu Ni. Tùy cảm nghiệp của chúng sanh từng nơi mà Phật hiện thân không giống nhau, thọ mạng cũng khác nhau. Ý này gợi chúng ta suy nghĩ đến Phật Thích Ca hiện thân thọ mạng quá ngắn ngủi của con người Ta bà, so với hiện thân vô lượng thọ của Phật A Di Đà ở phương Tây.

Ngài làm Phật sự trong mười phương chưa ngừng nghỉ mà trời, người, A tu la thấy mới làm trong 40 năm. Tuy thường xuyên ở Ta bà, nhưng Phật không hề vắng mặt ở thế giới nào và không lúc nào không làm lợi ích chúng sanh. Như vậy, những điều Ngài làm chưa ngừng nghỉ, chắc chắn phải làm dưới dạng con người vô hình. Ngài nói có Phật Nhiên Đăng, Phật A Di Đà, Phật Dược Sư v.v... Tất cả giảng dạy này chỉ là phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, hiện lên vô số chỗ khác nhau bằng vô số việc làm khác nhau.

Đến đây, Phật muốn hiển bày bí mật thần thông của Ngài và chúng ta cần tìm hiểu ý này. Các Tổ sư thường căn cứ vào phẩm Như Lai thọ lượng, để phân ra ba thân Phật. Thân thứ nhất mang tên Thích Ca, hiện hữu ở Ta bà, ngồi dưới cội Bồ đề thành Vô thượng đẳng giác. Và trải qua quá trình 49 năm giáo hóa của Phật, mọi tầng lớp xã hội đã được Ngài hướng dẫn theo con đường sáng suốt, phạm hạnh, trở thành những người đạo đức kiểu mẫu trong xã hội.

Tuy nhiên, đến khi Phật Niết bàn, những việc làm, những lời giáo huấn, những tư tưởng tích cực trong sáng Ngài để lại, vẫn được xem là di sản quý báu hữu ích cho loài người. Xuyên suốt cuộc đời gương mẫu của Phật, nhìn lại tấm gương trong sáng về trí tuệ và đạo đức của Ngài, các bậc tiền bối trong thời kỳ Phật giáo phát triển bắt đầu có cái nhìn đổi mới về Phật. Ngoài sanh thân đã nhập diệt, Phật vẫn hiện hữu dưới hai dạng Báo thân và Pháp thân.

Ngày nay, hướng tầm nhìn về Phật qua ba khía cạnh : sanh thân, Báo thân và Pháp thân và tìm hiểu Phật tồn tại sống động dưới dạng ba thân này. Chúng ta hành động theo Phật, thăng tiến trên con đường phát triển tri thức và

đạo đức, ngõ hầu thành tựu tốt đẹp mọi hạnh nguyện phục vụ lợi ích chúng sanh, đạt đến quả vị giác ngộ hoàn toàn như Phật.

Ngược dòng thời gian cách đây hơn 2500 năm, Ngài ra đời dưới cây Vô Ưu trong vườn Lâm Tỳ Ni của nước Ca Tỳ La Vệ thuộc Trung Ấn Độ. Lớn lên, Thái tử thông minh xuất chúng, văn võ toàn tài không ai sánh kịp. Vua Tịnh Phạn buộc thái tử ở lại ngôi báu bằng cách làm lễ thành hôn cho thái tử với công chúa Gia Du Đà La.

Song với bản tính trầm mặc, vị tha và lòng thương yêu vô hạn với kiếp sống trầm luân khổ đau của con người, Ngài đã từ bỏ cuộc đời nhung lụa quyền quý, sống cuộc đời nay đây mai đó của người tu hành đi tìm chân lý giải thoát. Trải qua 6 năm tu khổ hạnh không đưa đến giác ngộ, Ngài chấm dứt việc nhịn ăn. Sau khi sức khỏe được phục hồi, Ngài tham thiền dưới gốc cây Bồ đề, liên tục qua 49 ngày tư duy, Ngài đắc quả Vô thượng bồ đề, trở thành bậc Toàn giác.

Từ đó suốt 49 năm, tùy cơ cảm và trình độ của chúng nhân, Phật nói trăm vạn pháp môn. Hơn 300 hội từ Lộc Uyển đến Linh Thứu sơn, Ngài đã gieo trồng hạt giống bồ đề, khai tri kiến Phật cho chúng sanh. Trên bước đường vân du hóa độ, Phật nắm giữ những quy luật khách quan điều động chi phối sinh hoạt con người và xã hội. Ngài thản nhiên bình ổn, tự tại trước mọi khó khăn chướng ngại của cuộc đời.

Ngài đưa ra những luận thuyết phá vỡ truyền thống cố chấp của hàng quyền thế Bà la môn có từ lâu đời, ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp sống của mọi người. Ngài phê phán những sai lầm của người tu đương thời, nhất là nhận thức sai lạc của lục sư ngoại đạo được đức Phật đưa ra

phân tích rõ ràng. Họ không có nhất thiết trí, tất nhiên phải hành động sai. Điển hình như Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là những giáo chủ của thần đạo. Phật chỉ thẳng sai lầm của họ và họ đều phát tâm theo Phật, trở thành đại đệ tử của Ngài.

Với khả năng thuyết phục khéo léo của một bậc sáng suốt tràn đầy uy đức, Phật đã khiến người phải chấp nhận những việc khó làm. Ngài thay đổi hoàn toàn truyền thống giai cấp có từ lâu đời. Ví dụ trường hợp 7 vị vương tử dòng họ Thích vâng lời Phật dạy đến đảnh lễ ra mắt Ưu Ba Ly. Trong khi ông này trước lúc gia nhập giáo đoàn, chỉ thuộc hạng người phục dịch cho họ.

Hay trường hợp vua Ba Tư Nặc cảm thấy khó chịu khi nghe nói Phật độ Sunita là người hốt phân mà cho ông gia nhập giáo đoàn ngang hàng với các vị khác. Nhưng đến lúc gặp Đức Thế Tôn, ông cũng bằng lòng với lời dạy bình đẳng giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn.

Hoặc Phật đích thân đến chiến trường để ngăn chặn chiến tranh giữa hai đạo binh sắp sửa tàn sát nhau, để tranh dành một đập nước. Với sức cảm hóa lớn mạnh, Phật cũng đã phá vỡ phong tục tập quán cổ hủ. Hàng Bà la môn đang sửa soạn cúng tế 500 dê bò, phải bằng lòng nghe lời Phật dạy, dẹp bỏ quyền lợi của họ.

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh dọc theo triền sông Hằng, không phải lúc nào Phật cũng được tiếp rước cung kính. Ngài đã đương đầu với nhiều chống đối hiểm nguy. Có lúc Ngài bị nhục mạ, đánh đuổi. Những kẻ có thế lực lập mưu để ám hại và bôi lọ uy tín Phật, mướn pháp sư ngoại đạo và sát nhân thủ tiêu Ngài. Nhưng kỳ diệu thay, phản ứng của một bậc đại bi, đại trí, đại hùng,

không thù hận, không bạo động. Uy lực toát ra từ lời nói, việc làm của Phật, ngay cả khi Ngài im lặng, đã cảm hóa những kẻ hung ác phải hồi tâm phản tỉnh.

Sự thành tựu tốt đẹp những việc khó làm qua các sự kiện lịch sử nói trên biểu hiện rõ rệt sự thấy biết xác thực và uy đức cảm hóa của Phật. Điều đó vẽ ra cho chúng ta thấy ngoài sanh thân như mọi người, Phật còn có một cái gì đặc biệt phi thường. Đó là thân thứ hai của Phật gọi là Báo thân.

Báo thân Phật không phải là một thân nơi xa xôi nào khác. Nó ở ngay trong sanh thân Ngài, là một thân hình do sự kết hợp trí tuệ và những hành vi đạo đức của Ngài. Phải chăng sự hiện hữu tồn tại một Báo thân mà Ngài được xem là Phật, là vị thầy sáng suốt dẫn đường cho chúng ta, mặc du Ngài cũng mang thân người như chúng ta.

Chắc chắn ngày nay chúng ta không thờ phượng, lễ bái một Đức Phật chỉ có thân sanh diệt bình thường như mọi người. Chúng ta tưởng niệm tôn thờ Báo thân Phật, nghĩa là quý trọng noi theo những việc làm đạo đức thánh thiện của Đức Thế Tôn trong 80 năm trụ thế, tôn sùng kính ngưỡng trí tuệ siêu tuyệt của Phật đã hướng dẫn giáo đoàn cùng xã hội đương thời sống hài hòa an lành. Và mãi cho đến ngày nay, trải qua hơn 25 thế kỷ, những lời Phật dạy vẫn còn là kim chỉ nam soi đường cho hàng đệ tử của Ngài ở khắp nơi trên thế giới.

Báo thân Phật kết tinh bằng phước đức và trí tuệ. Phước đức không phải vô hình, nhưng thực là những việc tốt đẹp lợi ích mà Phật đã chan hòa cho đời. Hành động đạo đức của Phật luôn luôn được trí tuệ hướng dẫn chỉ đạo, nên không bao giờ Ngài phạm sai lầm mù quáng.

Trong 49 năm Phật thuyết pháp không bằng lời nói suông như các triết gia khác. Những gì Phật mang ra giảng dạy cho người, đều là sự thật Ngài đã chứng nghiệm có kết quả ngay trong cuộc sống. Trên bước đường truyền bá chánh pháp, thân giáo là phương tiện được Phật sử dụng để giáo hóa chúng sanh. Với tầm nhìn chính xác của tri kiến thấy đúng như thật, Ngài hiểu rõ hoàn cảnh từng người, biết rõ khả năng trình độ của họ. Ngài tùy theo đó dìu dắt, họ đều được lợi lạc.

Nhân cách của Phật đã hoàn thiện một cách tốt đẹp, với trí tuệ thấy đúng xác thực và đạo đức trong sáng không có lỗi lầm. Ngài dễ dàng thành công trong việc cứu độ chúng sanh và làm lợi ích cho họ là vậy.

Với trí tuệ của bậc Chánh biến tri, Phật biết chọn đúng đối tượng và giao nhiệm vụ đúng, nên Ngài luôn thành tựu tốt đẹp công việc giáo hóa. Điển hình như khi đến một thành nọ, Ngài thấy rõ không có nhân duyên hóa độ những người trong thành và biết rõ đệ tử Mục Kiền Liên là người duy nhất có khả năng giáo hóa 500 người hung dữ ở đây.

Nhìn rõ nhân duyên đắc độ của từng người cũng như biết rõ thời điểm họ sẽ phát tâm và Ngài sẽ dùng pháp gì để dạy họ. Phật lần lượt dìu dắt từ vương tôn công tử, những người giàu sang nhất như trưởng giả Cấp Cô Độc, cho đến người nghèo như Sunita, hoặc người có trí tuệ bậc nhất như Xá Lợi Phất, đến người dốt nhất là Bàn Đặc. Hoặc bên cạnh bà Kiều Đàm Di là mẹ nuôi của Phật, cũng có hoàng hậu hay thứ phi, cho đến những thiếu nữ con nhà thợ thuyền, những người tội lỗi… Tất cả đều trở thành người trí tuệ sáng suốt, phạm hạnh kiểu mẫu trong giáo đoàn của Phật.

Chẳng những giáo hóa người hiền lành, Phật còn hướng dẫn, uốn nắn được những kẻ ác nghịch toan sát hại Ngài. Bằng Phật huệ, Đức Thế Tôn nhìn thấy Vô Não không phải là tên sát nhân đáng bị loại bỏ ra ngoài xã hội, mặc dù ông đã giết 999 người và định giết thêm Phật cho đủ số 1000 người theo lời dạy của ông thầy ngoại đạo.

Dưới cái thấy đúng như thật của Phật, Vô Não là người hiếu học, hăng say nhiệt tình trong việc cầu đạo đến độ tuyệt đối vâng lời Thầy, mà trở thành kẻ sát nhân. Chỉ vì người hướng dẫn sai đẩy ông ta vào con đường tội lỗi. Hiểu rõ được khả năng và bản chất thực sự của Vô Não, Phật đã trải tâm từ đến ông. Ngài cảm hóa ông bằng câu nói thật hiền lành đơn giản "Như Lai đã dừng và dừng lại mãi mãi rồi. Như Lai đã từ bỏ không còn làm dữ và gây hại cho bất cứ loài nào. Còn ngươi đến bao giờ mới dừng lại, không giết nữa !". Vô Não đột nhiên tỉnh ngộ và quẳng dao. Ông đã được Phật nhận vào giáo đoàn ngay từ lúc đó. Sau ông cũng trở thành người đạo hạnh thanh tịnh đắc quả A la hán, giống như mọi người.

Dưới sự giáo hóa của Phật, Ngài đã chinh phục và quy tụ không ít thành phần Sa môn, Bà la môn, uốn nắn họ trở thành người gương mẫu lợi ích cho xã hội. Thật vậy, quan sát thực trạng xã hội bằng cái thấy biết xác thực, Phật thấy được chế độ giai cấp hà khắc bất công đã dành cho giai cấp thống trị mọi quyền hành, kể cả quyền cướp của giết người, tạo nên số đông thành phần bất mãn đối kháng là Sa môn. Phật đã đứng về phía những người bị áp bức để chuyển hóa họ từ người chán đời sống lang thang tiêu cực, thành người sống an vui giải thoát, mang tâm niệm và việc làm xả kỷ vị tha.

Ngoài ra, Phật biết được nguyên nhân, hoàn cảnh đưa hàng Bà la môn vào con đường tà ác tội lỗi, chuyên luyện bùa chú để mê hoặc dối gạt người, như ba anh em Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp. Phật đã phá các nguyên nhân thúc đẩy họ làm việc độc ác. Ngài giúp họ có điều kiện bước theo con đường chân chính, sửa đổi họ thành những người trí thức biết sống hiền lương chân thật.

Trên bước đường giáo hóa chúng sanh, cuối cuộc đời, Phật đã dừng chân trên núi Linh Thứu. Với Phật huệ, Ngài thấy được bên trong con người cực ác của bạo chúa A Xà Thế chứa đựng những hạt giống thiện. Ngài cũng thấy các tu sĩ Bà la môn mạnh ở vùng Trung Ấn. Nhưng xuống phía Đông Ấn, nơi đó nảy sinh ý thức mới, không phục tùng Bà la môn. Và A Xà Thế là người tiên phong có khuynh hướng cách mạng muốn phế bỏ thần quyền Bà la môn.

Phật hoàn toàn cảm thông với quan niệm tiến bộ của A Xà Thế xem những tu sĩ Bà la môn là người mê tín ăn hại. Vì vậy, chọn mảnh đất hung tàn bạo ngược Ma Kiệt Đà mà ai cũng khiếp sợ làm nơi hành đạo, Phật đã thể hiện sự thấy biết chính xác. Khi đặt chân đến nơi đây, dù chưa nói một lời, nhưng uy đức và lòng từ vô lượng của Đức Thế Tôn đã chuyển hóa tâm ác độc của vua A Xà Thế. Ông từng làm việc tội lỗi, hại Phật, mà nay trở thành người hộ pháp đắc lực nhất, thành ông vua cai trị hiền lành sáng suốt. Và đến khi Phật Niết bàn, chính A Xà Thế là người đủ uy tín nhất đứng ra phân chia xá lợi.

Chính ở môi trường cực ác Ma Kiệt Đà mà Phật lựa chọn để thể hiện chân lý bình đẳng tuyệt đối. Với trí giác và lòng từ của Ngài, thiện ác đều không khác. Biết rõ được quy luật và vận dụng được quy luật, thì xấu cũng

biến thành tốt. Nhưng không biết và không khéo vận dụng, thiện cũng thành ác. Cũng trên tinh thần khéo vận dụng giáo hóa chuyển xấu thành tốt, mười đại đệ tử của Phật, trong đó hơn phân nửa xuất thân từ dòng dõi Bà la môn và Sát đế lợi, được Đức Thế Tôn khai ngộ trở thành những người phạm hạnh, xả kỷ vị tha. Các Ngài tiêu biểu cho những gì tốt đẹp nhất trong thời Phật tại thế.

Khởi đầu tu hành với sanh thân, Phật gia công tu bồi phát triển hành vi đạo đức và trí tuệ để kết thành Báo thân. Từ đó, Ngài xây dựng một giáo đoàn, một xã hội hoàn toàn đạo đức sáng suốt, lấy pháp Lục hòa làm luật tắc sống chung. Thiết nghĩ việc hướng dẫn giáo đoàn gồm những thành phần phức tạp, trình độ khác nhau với số lượng đông đảo 12.000 Tỳ kheo, không phải là việc đơn giản.

Trong 80 năm trụ thế, Phật cảm hóa mọi tầng lớp xã hội cùng thăng hoa trên con đường thánh thiện. Một sự liên kết giữa con người với nhau bằng tri thức và đạo đức như vậy là điều quý báu, tạo thành một xã hội mang tên thế giới Thật Báo của con người. Phật xác định Ngài tu hành đạo Bồ tát cảm thành Báo thân, thọ mạng dài lâu chẳng những không chấm dứt, mỗi ngày cứ phát triển thêm gọi là thân hữu thỉ vô chung. Hữu thỉ, vì có khởi điểm tu hành thành Phật. Nhưng vô chung, vì thân này không bao giờ mất. Vì vậy, trong phần Đức Phật thọ ký, Ngài thường nhắc các đệ tử muốn đạt quả vị Phật, phải tu hành đạo Bồ tát trải qua bao nhiêu kiếp, mới thành Báo thân viên mãn.

Bồ tát tuy có Báo thân nhưng chưa viên mãn, nên chỉ thành tựu một số việc, được một số người thương, cũng có một số người ghét. Từ đây đến khi thành tựu được Báo

thân viên mãn, chúng ta phải trải qua quá trình. Bình thường, chúng ta có nghiệp thân nên gặp vô số khó khăn chống đối chướng ngại. Thoát được mạng lưới này không đơn giản. Nếu ta có vài tướng phước hoặc vài việc đáng khen, người sẽ có cảm tình tốt, thương ta. Nhờ đó lòng ta vơi đi, bớt phải đối phó và ôm tình thương này vào lòng mà tiến tu, tiếp tục khắc phục vô số điểm khó khăn còn tồn đọng.

Tuy nhiên, khi thành tựu Báo thân, tự Báo thân hành động không cần dụng công. Ý này được diễn tả trong bài Sám Quy Mạng "Kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát Bồ đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ". Nghĩa là Bồ tát có Báo thân viên mãn, người nhìn thấy tự phát tâm, không cần phải giáo hóa. Có Báo thân viên mãn đầy đủ phước đức trí tuệ, Phật dùng vốn quý giá này làm nhân để tạo thành một thân thứ ba gọi là Pháp thân.

Sử dụng Pháp thân nghĩa là dùng ánh sáng trí tuệ tác động vào vật chất, biến nó phục vụ cho con người. Tất cả vật nguyên thể, khi chưa khai thác, không dùng được. Nhưng cũng vật này được một người có trí khôn biến chế, nó sẽ trở thành vật rất hữu ích phục vụ chúng ta.

Trí khôn con người phát triển đến đâu thì những tiện nghi cho đời sống theo đó mở rộng. Cũng vậy, bằng Phật huệ, Phật thấy rõ thật tướng các pháp. Nghĩa là Ngài biết rõ và sử dụng được nguyên lý tạo nên con người và thế giới. Các pháp không còn đối kháng chướng ngại Ngài. Trái lại, Phật chi phối toàn bộ các pháp, điều động chuyển vật thành công cụ sử dụng hoàn toàn theo ý muốn. Các pháp trở thành thân Ngài.

Pháp thân Phật không phải là cái gì man mác trong hư không, mà chính là tri thức bao hàm cả luật tắc điều

động vũ trụ và đạo đức thánh thiện tỏa rộng sưởi ấm nhân sinh. Phật sử dụng Pháp thân chuyển hóa xã hội đương thời. Bấy giờ sanh thân Phật biến thành Pháp thân hay được coi là Pháp thân.

Khi chưa thành Phật, ta vẫn có Pháp thân, nhưng vì không có Báo thân viên mãn, nên Pháp thân không có tác dụng, gọi là Như Lai tại triền. Giống như trong lòng đất có nhiều của báu vẫn không dùng được, vì không biết cách khai thác. Cũng vậy, Pháp thân tuy có nhưng nó tự chi phối, trói buộc ta. Nói cách khác, khi ta kém cỏi dại khờ, vật chất trở thành chướng ngại. Ngược lại, người văn minh khôn ngoan buộc vật chất phục vụ họ.

Như Lai sử dụng được Pháp thân nên điều động các pháp phục vụ Như Lai. Trong khi chúng sanh không sử dụng được Pháp thân, luôn bị các pháp ràng buộc.

Thành tựu Pháp thân và Báo thân viên mãn, hành giả thành Phật. Tuy nhiên, muốn thấy và biết được Pháp thân, Báo thân, phải đem hai thân này đặt vào sanh thân, tức trở lại vị trí chính là con người. Phật dạy ta hãy lợi dụng sanh thân hữu hạn để phát triển Pháp thân. Tất cả sở hữu của ta về nội tài và ngoại tài đều mang truyền đạt cho người. Tri thức ta truyền trao cho hai người, thân ta lớn gấp đôi, truyền trao cho triệu người, thân ta lớn thành triệu người. Cứ phát triển như thế, thân ta lớn mãi tới vô cùng.

Lấy thân hữu hạn chi phối toàn bộ vô cùng, nếu ta tốt và làm lợi ích cho người, sẽ tập trung được người cùng chí hướng. Nếu ta giúp ích cho cả dân tộc, dân tộc sẽ quý mến. Và việc làm lợi ích cho cả muôn loài thì thân ta tràn đầy pháp giới. Đó chính là Pháp thân của ta.

Tuy cũng mang thân tứ đại ngũ uẩn, nhưng Phật biết sử dụng nó để phát triển Pháp thân và Báo thân, nên Ngài

là Phật, là đấng giác ngộ sáng suốt. Còn chúng sanh sử dụng và phát triển nghiệp, phiền não thì muôn đời làm phàm phu mê muội.

Từ đời sống bình thường của một sanh thân, Phật phát huy tinh thần, nghĩa là phát triển tri thức và đạo đức của Báo thân. Và từ tinh thần này hội nhập lại vật chất, trở về sanh thân, tác động vào các pháp một cách tự tại hoàn toàn là sử dụng Pháp thân. Tuy ba thân nhưng thực là một thân, thu gọn trong một con người thật của lịch sử.

Ngày nay, sanh thân Phật không còn, tri thức lợi lạc quần sanh của Ngài vẫn là mô hình kiểu mẫu chỉ đạo cho người đồng hạnh nguyện với Ngài trên khắp năm châu. Vì vậy, sanh thân Phật vắng bóng trên cuộc đời, trong khi Pháp thân vẫn thường trụ hằng hữu. Nó được từng thế hệ nối tiếp, triển khai tạo thành mạng mạch Phật giáo qua suốt 25 thế kỷ.

Hài hòa trong dòng sinh mệnh tương tục này, chúng ta có thể tự hào Phật giáo Việt Nam không những đã kế thừa được tinh thần cứu khổ độ sanh của Đức Bổn sư, mà còn biến đổi nó thành tình yêu nước son sắt nồng thắm.

Rất đáng trân trọng hồi tưởng lại hình ảnh các vị Thiền sư từ Khuông Việt, Vạn Hạnh, Điều Ngự Giác Hoàng đến Tuệ Trung Thượng sĩ v.v… Các Ngài đã có công làm sáng danh đạo Phật Việt Nam, cải biến từ Phật giáo quyền năng duy lý, gạn lọc thành một Thiền tông mang dân tộc tính Việt Nam. Triết lý Thiền Việt Nam hoàn toàn nhập thân và song hành với cuộc sống chiến đấu của dân tộc, gắn chặt lịch sử Phật giáo Việt Nam với lịch sử dân tộc.

Ôn lại bối cảnh lịch sử xã hội thời bấy giờ, chúng ta nhận chân rõ ràng giáo lý cứu khổ cứu nạn của đạo Phật

được thể hiện tích cực sáng ngời trong việc cứu dân cứu nước của Thiền tông Việt Nam dưới thời Đinh, Lê, Lý, Trần.

Truyền thống Phật giáo Việt Nam gắn liền với tinh thần yêu nước của dân tộc, gần đây biểu hiện rõ nét qua ngọn lửa thiêng của Hòa Thượng Quảng Đức, của nữ Phật tử Nhất Chi Mai v.v... Đó là những ngọn đuốc soi đường cho người đi theo chánh pháp, hướng dẫn Phật giáo hòa mình cùng mọi tầng lớp nhân dân đẩy lùi thế lực ác.

Trên bước đường thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh, chúng ta hướng tâm về Đức Phật thường trú, hướng về trí tuệ và đạo đức của Ngài. Chúng sanh nghiệp nặng vô minh ngăn che, không thể tiếp cận được với Đức Phật kết hợp bằng trí tuệ và đạo đức. Nhưng đức Thế Tôn vẫn hiện hữu miên viễn bên cạnh những người mang hạnh nguyện soi sáng giáo pháp vào cuộc sống để mang an vui giải thoát cho mọi người.

Ta kính trọng Đức Phật và đi theo con đường của Ngài vì Phật thể hiện trí tuệ sáng suốt thấy biết đúng như thật. Ta học Phật là học đạo hạnh cao thượng làm lợi ích cho vô số quần sanh. Đạo hạnh này không do tự nhiên mà có, phải nỗ lực tu hành, điều chỉnh thân tâm mới thành tựu.

Phật giáo thời Đinh, Lê, Lý, Trần đã biết thừa kế và phát huy Báo thân Phật, tạo thành nếp sống trong sáng đạo hạnh, luôn luôn gắn bó với cuộc sống an vui hạnh phúc của dân tộc. Nhờ đó mới xây dựng được nền móng, tạo nên sinh khí cho chúng ta ngày nay.

Kế thừa sự nghiệp của cha anh và thiết thực báo ơn Phật, chúng ta phải cố gắng phát triển đạo đức và trí tuệ của Báo thân, để duy trì di sản quý báu của các bậc tiền

bối, duy trì Pháp thân tồn tại mãi trên thế gian làm lợi ích chúng hữu tình.

Phẩm 17

PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Thế Tôn bảo Di Lặc Bồ tát rằng khi Ngài nói về thọ mạng dài lâu của Như Lai, thì có vô số Bồ tát không thể tính đếm, chứng được vô sanh pháp nhẫn, hoặc văn trì đà la ni, hoặc nhạo thuyết biện tài hoặc chuyển pháp luân bất thoái, hoặc được Vô thượng chánh đẳng giác v.v... Phật nói xong, mưa hoa báu, mưa hương bột chiên đàn, mưa thiên y từ hư không rơi xuống rải trên các phân thân Phật, trên Phật Thích Ca, trên Phật Đa Bảo cùng bốn bộ chúng.

Phật nói với Di Lặc : "Này A Dật Đa, chúng sanh nào nghe Phật thọ mạng dài lâu như thế mà chỉ sanh được một niệm tín giải, sẽ được công đức không thể tính được. Công đức này lớn hơn công đức của người tu năm pháp ba la mật trong tám mươi muôn ức na do tha kiếp.

"Người nào nghe thọ mạng dài lâu của Phật mà hiểu được ý nghĩa sâu xa thì được công đức vô lượng và có thể phát khởi trí tuệ vô thượng của Như Lai. Thọ trì kinh Pháp Hoa và bảo người thọ trì, thì người ấy được vô lượng công đức, có thể sanh nhất thiết chủng trí.

"Người nào sanh lòng tin, hiểu về thọ mạng dài lâu của Phật, người ấy thường thấy Phật ở núi Kỳ Xà Quật nói pháp, thấy Ta bà bằng lưu ly có Bồ tát ở. Tin hiểu được như thế, không cần xây tháp, chùa và cúng dường tứ sự.

"Nếu thọ trì được kinh này và tu thêm sáu pháp ba la mật, tạo tháp, xây chùa, cúng dường, người đó đã đến

đạo tràng, gần Vô thượng chánh đẳng giác. Chỗ của người này ở, Trời người phải nên cúng dường như cúng chư Phật".

II. GIẢI THÍCH

Phẩm Như Lai thọ lượng đề ra một Đức Phật lý tưởng của hành giả Pháp Hoa, một Đức Phật bất sanh bất diệt nằm ngoài sự chi phối của tam thế gian. Tất cả Đức Phật xuất hiện trên cuộc đời cũng chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất, dẫn chúng ta trở về sống với Đức Phật bất tử.

Muốn thấy Phật bất tử thường hằng, hành giả Pháp Hoa cần nương theo pháp tu trong phẩm Phân biệt công đức. Pháp tu này dành cho chúng đương cơ sanh cùng thời với Phật trực tiếp nghe pháp Phật và nương theo Phật Thích Ca hữu hạn ở thế gian, cuối cùng đắc đạo thấy được Phật vĩnh hằng.

Phẩm này, ở phần sau xác định nếu có người nào phát tâm tín giải lời nói của Phật trong phẩm Như Lai thọ lượng, thì được công đức không thể lường được. Chỉ một niệm tâm thôi, không cần suốt đời tu hành mà công đức đã không tính được. Ví như có người trải qua vi trần kiếp tu năm pháp ba la mật : bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trừ trí tuệ ba la mật. Công đức đó so với công đức tín giải không bằng một phần trăm nghìn.

Tuy nhiên, quan sát kỹ trên thực tế, tôi nhận thấy nhiều người tin kinh, nghe kinh và trì kinh Pháp Hoa. Nhưng sao cuộc đời họ èo uột quá, vui ít mà khổ nhiều, khiến cho tôi càng để tâm suy nghĩ về lời Phật dạy. Riêng tôi, chỉ phát khởi niềm tin đối với kinh Pháp Hoa, cuộc đời tôi đã đổi thay tốt đẹp. Và từng bước hiểu được kinh, tầm nhìn, hiểu biết trở nên sáng suốt hơn, tôi giải quyết mọi vấn đề

nhẹ nhàng thanh thoát hơn, chưa nói đến công đức nghe kinh và trì kinh.

Tại sao chỉ khởi một niệm tín giải lại được công đức rộng lớn như vậy. Đó là vấn đề chúng ta cần tư duy để thể nghiệm vào cuộc sống tu hành cho được an lạc giải thoát. Chúng ta nhận thấy tu một pháp ba la mật đã quá khó. Ví dụ như chỉ tu một hạnh lạy Phật đến trạng thái ba la mật, đảnh lễ được Phật mười phương như Phổ Hiền Bồ tát "Nhứt thân phục hiện sát trần thân, nhứt nhứt biến lễ sát trần Phật". Vậy mà hành giả thành tựu năm pháp ba la mật, đem so với một niệm tâm tín giải, một chút phần công đức cũng không bằng.

Hiểu được pháp Phật do Bồ tát kiết tập giữ gìn được nói trong phẩm này đã khó và truyền đạt cho người hiểu càng khó hơn. Vì điều ấy không còn nằm trong phạm vi tri thức của thế giới hiện thực.

Đọc phẩm này, chúng ta cảm thấy thật bao la, khó nắm bắt được. Ngày nay, để tạm phân biệt giải thích, chúng ta nương theo phần phán giáo của Ngài Nhật Liên mới diễn đạt được phần trọng tâm của kinh Pháp Hoa.

Theo Ngài, phải đứng ở vị trí Pháp thân mà phân biệt công đức, không phải là phân biệt bằng trí năng của chúng nhân thiên. Công đức ghi trong phẩm này thuộc về công đức của Bồ tát tùng địa dũng xuất tham dự pháp hội ở Thường tịch quang Tịnh độ, nghe pháp của Pháp thân Tỳ Lô Giá Na chuyển.

Công đức này gồm có bốn phần gọi là hiện tại tứ tín. Hàng Thanh văn trực tiếp nghe Đức Thích Ca thuyết pháp, muốn thấy được Phật thường trú vĩnh hằng phải tu chứng, thâm nhập bốn phần công đức của hành giả Pháp Hoa như sau :

1 – Nhất niệm tín giải

Hành giả Pháp Hoa chỉ khởi một niệm tâm cảm được Pháp thân thường trú vĩnh hằng, công đức sanh ra thật là vô lượng, hơn cả người tu năm pháp ba la mật trong vô số kiếp.

Kinh nêu lên pháp tu này mới nghe thật đơn giản. Tuy nhiên, thực tu thực chứng, tìm được một niệm tâm tín giải là cả một vấn đề quá khó, chưa nói đến phần tín giải. Ngài Trí Giả thuyết pháp suốt tám năm tại Kim Lăng cũng chỉ nhằm mục tiêu khơi dậy cho đại chúng bộc phát niệm tâm này, mà không ai được. Ngài phải bỏ về núi Thiên Thai. Ở trên cuộc đời, chỉ có duy nhất Đức Phật Thích Ca tự tìm thấy tâm này. Riêng Thánh chúng, phải nương Phật lực gia bị tu hành mới có được.

Muốn đi vào niệm tâm thanh tịnh, phải sử dụng vô số phương tiện. Thậm chí có lúc hành giả phải lãnh thọ những tai họa lớn để phát hiện điểm tâm nói trên. Tụng kinh, lễ sám, tham Thiền là một trong những pháp phương tiện để tập trung. Cột tâm, gom lại thành một điểm nhằm mục tiêu duy nhất kích thích Phật chủng của chúng ta, làm cho hạt giống Phật nứt mầm lên. Đột nhiên, từ đáy lòng bộc phát mà chính ta cũng không biết được niệm tâm này.Vì ta không thể biết bằng ngũ ấm thân và ta cũng không biết ai làm cho tâm ta thanh tịnh. Bất chợt trong lúc trì kinh hay tham Thiền, nghe pháp, nhờ công đức lực của kinh, trong tâm khởi lên thanh tịnh có sức thu hút giữ con người ngũ ấm của ta không cho nổi lên.

Từ trong bể KHÔNG, hành giả phát hiện được một niệm tín giải, cuộc sống từ đó cũng chuyển đổi theo, từ

một người nghèo khổ ngu dốt chuyển thành Bồ tát. Phát xuất từ cùng tột đáy lòng mới thấy và biết được những điều bình thường không thấy biết. Sở đắc này thuộc về phước báo vô lậu ở trong thật tướng các pháp, tạo thành lực dụng không thể nghĩ bàn. Nếu đem so sánh tạm hiểu giống như sức mạnh của nguyên tử. Phật dạy hành giả Pháp Hoa thành tựu niệm tín giải được công đức lớn gấp trăm ngàn lần công đức khác. Tuy nhiên, điều kiện chính yếu là niệm tâm này phải từ thanh tịnh tâm hay Phật tánh, thuộc tri kiến Như Lai phát lên. Nếu khởi từ thức biến, vọng tưởng điên đảo chỉ là tà niệm.

Người có nhân duyên căn lành từ bản tâm thanh tịnh bộc phát, thấy thương Phật đến độ không tiếc thân mạng. Một sự liên hệ mật thiết giữa ta và Phật nhen nhúm từ bản thể, chính ta cũng không biết tại sao. Đó là trạng thái tín giải hay tâm Bồ đề phát từ chơn như tâm, không kiểm soát được, mới sanh ra công đức lạ như văn trì đà la ni. Các pháp nghe qua đều ghi sâu vào tâm ta, không bao giờ quên. Ta nhớ rõ những gì nghe được từ thời thơ ấu hay từ đời trước một cách không sai lầm.

Đạt được một niệm tín giải, cách suy tư và nhìn đời, lý giải của hành giả không giống như trước nữa. Thật vậy, phần lớn chúng ta hiểu lầm ý nghĩa tin kinh, nghe kinh và trì kinh Pháp Hoa. Hành giả tin kinh Pháp Hoa như người tin thần thánh ma quỷ, tưởng rằng van xin cầu nguyện Phật sẽ ban cho chúng ta mọi thứ. Kinh Pháp Hoa không bao giờ dạy như vậy.

Để hiểu rõ vấn đề tín giải, hãy xét ngược lại phẩm Tín Giải ở phần Tích môn. Chúng ta nhận thấy A la hán mới khởi tâm tin Phật và hiểu Phật theo ý riêng của các Ngài, thì đã đắc A la hán. Trong khi trước đó các Ngài khổ công tu mà không được gì. Trường hợp điển hình như năm anh

em Kiều Trần Như bỏ cả cuộc đời tìm giải thoát, chẳng hưởng chút pháp phần. Nhưng vừa nhìn thấy Phật từ Bồ đề đạo tràng đến, phiền não trần lao tức thì rơi rụng và đắc quả A la hán.

Điều này cho chúng ta cảm nhận được niềm tin thật quan trọng. Các vị La hán chỉ tin và thấy được Đức Phật sanh thân toát ra uy lực của một con người tràn đầy tri thức, đức hạnh. Các Ngài liền thành tựu pháp lành, hưởng thọ quả vị cung kính cúng dường của mọi người. Thánh quả này có được là nhờ nương bóng mát của Phật.

Sau khi tin sanh thân Phật và trở thành La hán, các Ngài thấy được thân thứ hai của Phật là Báo thân. Thấy Báo thân và tin Báo thân, nghĩa là niềm tin của bốn đại đệ tử Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Ca Diếp và Mục Kiền Liên. Các Ngài tin những gì trước kia chưa thấy chưa tin.

Thấy và tin được Báo thân Phật, các Ngài trở thành Bồ tát. Và từ đây tu hành dưới dạng Bồ tát, không còn tu ở dạng Thanh văn thường đặt nặng trên hình thức. Giữa các Ngài và Phật có sự liên hệ thâm sâu về tâm. Bên ngoài thấy lạnh lùng, nhưng bên trong là cả một sức sống mãnh liệt nối liền các Ngài và Phật. Nhờ lực vô hình đó mới duy trì được Tăng đoàn.

Tu dưới dạng Báo thân, các Ngài cố rèn luyện đức tánh. Các Ngài thấy rõ Đức Phật cũng là con người, nhưng tại sao được kính trọng. Phải chăng giữa ta và Phật chỉ khác nhau ở lời nói, suy tư, hành động, còn bên ngoài sanh thân thì ai cũng như ai. Những nét đẹp và điều đáng quý trọng phát xuất từ tâm hồn Phật thể hiện ra bên ngoài thành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, cho đến việc làm, đạo đức, trí tuệ của Phật vẹn toàn. Hình ảnh này được kinh Pháp

Hoa diễn tả bằng câu "Nhất thiết thế gian tư sanh sự nghiệp".

So sánh như vậy lần hồi hành giả thấy được Báo thân Phật là cái gì quý giá nhất. Từ đó, sửa đổi trau giồi trí tuệ, giới đức để đạt được Báo thân như Phật. Nhận chân được thân giới đức, mạng trí tuệ, hành giả luôn sống với giới thân huệ mạng này. Vì vậy, hành giả nuôi dưỡng nhục thân để phát hiện và tăng trưởng thân giới đức trí tuệ của mình, không phải để lệ thuộc nó.

Phát huy Báo thân đến độ cao, hành giả Pháp Hoa sử dụng thân tự tại, hiện hữu sáng ngời trong tam giới làm kiểu mẫu cho người noi theo, như Tổ Quy Sơn dạy "Vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tắc".

Phật dạy các Tỳ kheo đoạn trừ ba nghiệp sát, đạo, dâm, tự nhiên hảo tướng sanh ra. Điều này cũng dễ cảm nhận vì đối trước một người ưa sát hại, tất nhiên ai cũng sợ. Thấy người chuyên trộm cắp, ai cũng phải nghi ngờ. Và thấy người hay loạn dâm khiến người dễ ghê tởm.

Ngoài việc đoạn ba nghiệp của thân, hành giả dứt trừ bốn nghiệp của miệng : nói dối, nói thêu dệt, nói hai chiều, nói lời hung ác. Trong suốt cuộc đời giáo hóa của Phật, lời nói của Ngài luôn chính xác và đệ tử Phật chứng Hiền vị đều do khẩu nghiệp thanh tịnh. Từ Tu Đà Hoàn đến A Na Hàm tu khẩu nghiệp, ít nói nên ít lỗi, mới được coi là người hiền trên thế gian.

Tuy hiền, nhưng tâm chưa sáng suốt, hành giả phải tu ba nghiệp của ý. Bên ngoài hoàn toàn thanh tịnh, hành giả bắt đầu kiểm tra bên trong tâm, xem còn kẹt tham sân si không. Phật dạy rằng động cơ nội tâm mới thật quan trọng. Nếu thật sự không còn ham muốn, chắc chắn không giận. Nếu còn giận hay buồn, biết mình còn

nhiều lòng tham. Trên bước đường hành đạo, mọi quyền lợi (kể cả tình bạn) rời bỏ ta, đó là cơ hội tốt nhất để kiểm tra lòng mình còn vướng mắc tham sân hay không.

Tâm hoàn toàn vắng lặng, ba nghiệp tham sân si không còn, hành giả sẽ nhìn vật chính xác. Các vị La hán đoạn sạch ba nghiệp thân khẩu ý, Phật dạy phải hành sáu pháp ba la mật thuộc phần giác tha. Phật đã trải qua 100 kiếp tu hành đạo Bồ tát làm lợi ích chúng sanh, họ mới sanh tâm kính trọng Ngài. Và chính nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát đến nghe pháp ở hội Pháp Hoa, đều chịu ơn tế độ của Phật. Bồ tát mười phương tu lục độ vạn hạnh ở giai đoạn hai, có làm mới có kết quả. Nhưng đến giai đoạn ba, đối với Bồ tát tùng địa dũng xuất thuộc Bồ tát thị tùng Pháp thân Phật, Đức Phật cho biết các Ngài không làm mà vẫn có kết quả. Vì tác dụng của Bồ tát lúc bấy giờ là tri thức, không căn cứ trên hành động. Đó chính là vấn đề mà phẩm này đặt ra.

Các Bồ tát Báo thân Phật làm việc bằng tay chân, trải qua 80 muôn ức na do tha kiếp tu năm pháp ba la mật mà bỏ quên trí tuệ ba la mật, không bằng Bồ tát tin được Đức Phật thọ mạng trường viễn.

Trước đó trong phẩm Hiện Bảo tháp, Phật có nói tu kinh Pháp Hoa này khó hơn người mang cỏ khô vào lửa không bị cháy hay người dùng ngón chân nâng quả địa cầu bay tới trời Phạm Thiên. Những việc làm bằng hành động như vậy không quan trọng, nhưng điều động việc bằng trí tuệ mới thực sự quan trọng. Thật vậy, chúng ta ngày nay làm việc bằng cơ giới, dễ nhìn thấy tầm quan trọng của tri thức. Mọi việc làm thiếu trí tuệ chỉ đạo, dễ rớt qua hành động ngu xuẩn, sẽ trở thành tác hại nguy hiểm.

Để chỉ Pháp thân vĩnh hằng, Bát Nhã gọi là bát bất (bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất thường, bất đoạn). Theo tinh thần Pháp Hoa gọi là tứ phi : phi thật, phi hư, phi như, phi dị. Phật thuyết pháp bát bất và tứ phi, gần như phủ nhận hoàn toàn thế giới hiện tượng của chúng ta. Rõ ràng trên bước đường hành đạo, Phật không quan tâm đến tổ chức giáo đoàn và cũng khuyên đệ tử như thế. Tuy nhiên, giáo pháp của Ngài vẫn lưu truyền mãnh liệt hơn 25 thế kỷ, một tôn giáo tồn tại lâu nhất với tín đồ đông nhất, mà không nhờ vào tổ chức, toan tính như thông thường. Ngày nay, không nơi nào không có ít nhất một bàn thờ Phật hay một người nghĩ về Ngài.

Tồn tại của đạo Phật nằm trong tư duy của con người, trong ý thức quan tâm của nhân loại. Tồn tại dưới hình thức tứ phi, không thấy, không kiểm soát được. Tuy sinh hoạt của đạo Phật rất bình thường, nhưng không thế lực nào tiêu diệt được, dù trải qua bao nhiêu thời đại, bao nhiêu khó khăn. Muốn thấy được sự vật theo trí thường cùng lắm chỉ thấy chùa. Trong khi sức sống tương tục của Phật giáo không giới hạn ở điểm đó. Người ngoài khó hiểu được là vậy.

Từ điểm này, chúng ta mới thấy trung đạo đệ nhất nghĩa trong bát bất của Bát Nhã và thường trụ tướng trong tứ phi của Pháp Hoa. Phủ nhận theo "8 cái Không" của Bát Nhã hay theo "4 cái không phải" của Pháp Hoa, đưa đến "cái phải" không thể chứng minh mà Pháp Hoa thường diễn tả là "Các pháp từ bổn lai, tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, đời sau được thành Phật".

Hiểu được tồn tại qua tứ phi, hành giả tin vào tồn tại nằm ngoài tứ phi. Tin và sống với thường trụ tướng thì công

đức tin đó lớn hơn công đức trải 80 muôn ức na do tha kiếp tu năm pháp ba la mật. Và đã đạt đến hiểu biết nằm ngoài hiểu biết của chúng sanh trong tam giới. Tu năm pháp ba la mật, không giải quyết vấn đề trên thường trụ tướng, mà chỉ đứng trên căn bản sanh diệt tướng, nên không thể tồn tại với thời gian.

Sự tồn tại miên viễn được Phật diễn tả trong phẩm Như Lai thọ lượng rằng từ khi thành Phật đến nay, Ngài thường ở Linh Thứu nói pháp, chúng sanh có người thấy được, có người không thấy. Lúc nào cũng có Phật hiện hữu bên cạnh chúng ta, khi ta vào sanh tử thọ sanh cũng có Phật và khi ta mãn phần cũng có Ngài, nhưng ta không thấy.

Nhận chân được cốt lõi này, vấn đề tâm huyết của hành giả Pháp Hoa là phải tìm thấy được Phật thường trú vĩnh hằng và sống với Đức Phật này.

Hàng Thánh chúng trực tiếp nghe Phật nói pháp "một niệm tín giải" khởi lên từ Phật tánh của các Ngài, thì cuộc sống, tâm tư, hoàn cảnh các Ngài hoàn toàn đổi khác. Từ đây, ảnh hưởng đến con người thứ hai, giúp các Ngài chỉ tái sanh một lần nữa.

2 – Liễu giải

Liễu giải phát xuất từ niềm tin thanh tịnh ban đầu vừa nói ở phần trên. Từ mầm chơn tâm bung lên, tự nó phát triển, nên pháp thứ nhất thành tựu, tự nhiên đạt được pháp thứ hai. Sau khi khởi niệm tâm này, cuộc sống hành giả tươi nhuận, phát hiện ra những điều không nằm trong tri kiến thế gian, hiểu không giống cái hiểu của con người.

Liễu giải này thuộc về vô lậu trí do tu hành hiểu được Pháp thân Phật và phương cách tu của Pháp thân Bồ tát. Đó là pháp vô vi, pháp bí yếu của Như Lai, không dùng lời nói chỉ được. Nhờ sự liên hệ với Phật bất sanh bất diệt mỗi

ngày mỗi tăng trưởng, khai mở tri kiến Như Lai và dẫn đến làm được việc Như Lai giao phó, để chuẩn bị thành Phật, là giai đoạn thuyết pháp thứ ba.

3 – Thuyết pháp

Hành giả truyền bá kinh Pháp Hoa theo tinh thần phẩm này, nhận được Phật lực truyền vào và thể hiện thành chuyển pháp luân bất thoái, chuyển pháp luân thanh tịnh. Hành giả thuyết pháp dưới mọi dạng thức, thân miệng ý đều diễn nói được pháp. Hành giả thể hiện tam pháp luân, nói năng hay yên lặng đều là bài pháp sống khiến người lìa trần cấu, tăng tấn đạo Bồ đề, an vui giải thoát và thâm nhập huệ Như Lai.

Khi hành giả trụ thiền định ở nơi vắng lặng, hướng tâm vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các loài này nhớ tới họ, trong một niệm liền được giải thoát gọi là ý thuyết pháp. Hoặc hành giả trụ thiền, yên lặng nhưng tỏa sức sống cho người chung quanh được nhẹ nhàng vui sướng, thể hiện hình thức thân chuyển pháp luân.

Hoặc hành giả hóa độ dưới trạng thái tịch nhi thường chiếu. Tuy yên lặng không thuyết pháp nhưng vẫn truyền bá bằng Pháp thân Bồ tát. Pháp thân Bồ tát thanh tịnh tác dụng qua tâm Bồ đề của chúng sanh, đến ngày nào đó tự nhiên họ phát tâm. Và pháp sau cùng thấp nhất, thể hiện bằng cách đem lời Phật dạy diễn giảng cho người nghe phát tâm Bồ đề, là khẩu chuyển pháp luân.

Ba điều kiện này chưa thành tựu, dù có ngay thật diệu hòa cũng chỉ là pháp thế gian, không bao giờ thấy Phật thường trú vĩnh hằng.

4 – Thành tựu được ba pháp trên đưa đến hoàn tất công đức thứ tư lên tòa Như Lai chứng Vô thượng đẳng giác, thấy được thật tướng các pháp, chứng vô sanh nhẫn. Hành giả hiểu được giá trị thực của cuộc sống, thấy được việc đáng làm và không nên làm. Ở Phật giới quan sát thấy đúng như thật, điều động Phật sự khế hợp với Phật, hành giả trở thành sứ giả Như Lai, hàng Bồ tát đương nhiên mật tá.

Trên bước đường tu, từ ngoài đi lần vào, phát hiện Pháp thân Bồ tát và chứng Pháp thân Phật. Bốn việc nêu trên, Bồ tát tùng địa dũng xuất tin được, thể hiện được vì các Ngài đã đạt đến trình độ này. Riêng Bồ tát nhân gian và Bồ tát hành đạo mười phương khó tin khó hiểu điều ấy, Phật khởi tâm thương xót cho những người không trực tiếp nghe được Phật trong Thường tịch quang Tịnh độ, Ngài mới nói tiếp phần diệt hậu ngũ phẩm ở phẩm 18 kế tiếp.

Phẩm 18

TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

I. LƯỢC VĂN KINH

Bấy giờ Bồ tát Di Lặc bạch Phật nếu có người nào nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ thì người ấy được bao nhiêu phước đức ? Phật bảo Bồ Tát Di Lặc : "Nếu có người bố thí những thứ cần dùng và tất cả của báu cho vô lượng chúng sanh trong vô số thế giới suốt 80 năm. Sau đó vị thí chủ lại dìu dắt chúng sanh ấy được đắc quả A la hán. Công đức của vị thí chủ ấy không bằng một trong trăm ngàn muôn ức phần công đức của người thứ 50 nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ.

"Nếu người nghe kinh Pháp Hoa dù chỉ nghe trong chốc lát, người ấy sẽ có công đức. Nhờ đó tái sanh vào cảnh giàu sang, sau lại sanh lên thiên cung.

"Nếu người khuyên người khác đến nghe kinh hoặc chia chỗ cho ngồi thì khi đổi thân sẽ được chỗ ngồi của Đế Thích Phạm vương hay Chuyển luân thánh vương.

"Nếu người khuyến khích người khác đi nghe kinh Pháp Hoa và người được khuyên nhận lời đến nghe thì người khuyến khích được công đức. Khi chuyển thân sanh cùng một chỗ với Đà La Ni Bồ tát, căn tánh thông lợi, được tướng phước trang nghiêm.

"A Dật Đa, ông hãy thử nghĩ xem khuyên một người đi nghe pháp mà công đức còn vô lượng. Huống là một lòng nghe pháp, đọc tụng, giải thích, tu hành đúng như kinh Pháp Hoa".

II. GIẢI THÍCH

Sau khi Phật Niết bàn, không có sanh thân Phật trên cuộc đời, lại thêm chúng ta vướng mắc trong ngũ ấm thân quá nặng nề, nên không thể thấy được Phật Pháp thân thường trú vĩnh hằng. Ta mãi buông lung theo đường sanh tử lấy trái làm phải, cho phải là trái. Với nghiệp báo sâu dầy như vậy làm thế nào tin hiểu được bốn việc làm của Bồ tát tùng địa dũng xuất.

Vì vậy, Phật khởi lòng từ đối với những hành giả Pháp Hoa đời sau không trực nhận được pháp âm của Phật thường trú. Ngài mới dạy pháp tu "ngũ phẩm diệt hậu" nhằm mục tiêu giúp chúng sanh đời sau nương theo năm phần này phát hiện pháp tứ tín của Bồ tát tùng địa dũng xuất.

1 – Nhất niệm tùy hỷ

Mở đầu phẩm này, Phật trả lời Ngài Di Lặc Bồ tát rằng nếu có một người nghe kinh Pháp Hoa sanh tâm tùy hỷ, rồi nói lại cho người khác nghe và cứ như vậy cho đến người thứ 50. Công đức của người thứ 50 nghe kinh Pháp Hoa đem so với đại thí chủ bố thí cho tất cả chúng sanh theo ý muốn chúng, trong bốn trăm muôn ức vô số thế giới trải 80 năm. Khi họ sắp chết, vị đại thí chủ mới dạy họ tu hành làm cho đắc quả La hán.

Nhưng Phật dạy công đức của vị đại thí chủ so với công đức người thứ 50 tùy hỷ kinh Pháp Hoa nhỏ hơn vô số. Công đức của người thứ 50 còn như vậy, huống chi là người trực tiếp nghe kinh Pháp Hoa, gợi cho chúng ta suy nghĩ. Chắc chắn chúng ta đều nghĩ rằng nuôi và xây dựng người như vị đại thí chủ, thực quá tốt. Tuy nhiên, suy nghĩ thêm lời Phật dạy sẽ không khỏi hốt hoảng, khi nhận ra nuôi người tới 80 tuổi chỉ nuôi được mạng căn hữu hình

hữu hoại thôi. Để rồi họ cũng tàn tạ dần theo thời gian, kết quả ta cũng phải đưa họ xuống mồ.

Nuôi người theo mô hình cuối cùng dẫn tất cả vào nằm yên trong nấm mồ, chỉ là thực hành phước báo nhân thiên. Pháp này thuộc giai đoạn đầu là tu thập thiện nghiệp đạo, hưởng phước lành trên nhân gian, giúp đỡ tất cả mọi người, sau cùng cũng chết.

Chúng ta nhận chân được tâm hoàn toàn thanh thản của Đức Phật. Ngài tội nghiệp chúng sanh suốt đời mãi lăng xăng, lo những gì không đáng bận tâm, những cái không đáng lo như đại thí chủ nuôi chúng sanh trải 80 năm, nó cũng chết. Đứng ở sanh diệt tướng mà làm thì không có gì có thể tồn tại trên thế gian. Dưới cái nhìn chính xác của Phật, Ngài xem việc thỏa mãn nhu cầu vật chất cho chúng sanh không đáng kể. Ngài gấp rút lo cho tất cả chúng sanh ra khỏi sanh tử luân hồi, không còn bị quả báo ràng buộc.

Khi Phật tại thế, Ngài để tâm xây dựng giáo đoàn đưa mọi người tới quả vị A la hán, tâm không còn chỗ khổ não. Tuy nhiên, điều quan trọng là Phật giáo hóa không chỉ giới hạn dừng lại ở điểm đưa đến quả Niết bàn u tịch của A la hán. Đạt được thành quả Niết Bàn rồi hay nói khác, trở thành A la hán không chết trong nhà lửa sanh tử, mà lại tiếp tục sống ngơ ngác trên cuộc đời thì cũng chẳng lợi ích gì. Đó không phải là mục tiêu của bậc Toàn giác. Vì vậy mô hình Phật dạy hành giả Pháp Hoa phải thể hiện, dù còn trong sanh tử nhưng chuyển sanh tử thành Niết bàn, đây chính là trọng tâm của kinh Pháp Hoa.

Công đức của người tùy hỷ không thể nghĩ bàn. Nói ra nghe đơn giản, nhưng thực tế chúng ta xét lại xem tâm

tùy hỷ của chúng ta có mang lại kết quả lớn lao như kinh dạy hay không. Nếu không, hành giả lắng lòng nghĩ xem chúng ta đã thực sự tùy hỷ kinh chưa hay trái lại phỉ báng kinh mà cứ nhận lầm là tùy hỷ.

Nếu đã thực sự tùy hỷ rồi, nên đặt tâm tùy hỷ của mình ở đâu ? Cần hiểu rõ những vấn đề này để tu hạnh tùy hỷ cho đúng chánh pháp. Nếu không, chúng ta hiểu lầm kinh Pháp Hoa, tu sai chẳng những không được chút phần công đức nào, lại phải thọ quả báo. Thật vậy, từ khi Phật vào Niết bàn đến nay, giáo lý Ngài lưu truyền hơn 25 thế kỷ. Một sự truyền thừa mang khoảng cách quá xa, như vậy chúng ta không phải là người thứ 50 tùy hỷ kinh, nên chúng ta dễ hiểu lầm về Phật, về lời dạy của Ngài.

Trước nhất, khởi đầu muốn tu Pháp Hoa, hành giả phải có niệm tâm tùy hỷ, bằng cách thân cận những bậc chân tu hay vị Thầy chỉ đạo. Nhờ cảm đức của thầy, nghiệp hành giả không sanh. Pháp này cũng ghi rõ trong phẩm Trì thứ 13 rằng các Bồ tát nhờ thương Phật mà nhịn chịu được mọi khó khăn trong đời ngũ trược ác thế.

Ảnh hưởng đạo đức của các bậc cao Tăng hay Thầy khiến tâm ta thanh tịnh lần. Từ chỗ này dần dần hành giả mới sanh tâm tùy hỷ. Nhớ lời thầy dạy, nhớ việc làm thánh thiện của chư Phật, Bồ tát và Thầy, hành giả đã thay tâm phiền não của mình bằng tâm Phật, tâm Bồ tát, tâm Thầy. Tuy nhiên, chưa phải là tâm tùy hỷ đúng nghĩa theo Phật thừa. Hành giả chỉ tạm mượn lực của Phật, Bồ tát và Thầy để thanh tịnh hóa tâm mình ở bước khởi đầu mà thôi. Hoặc ta nghe giảng kinh liền khởi lên tín tâm. Hành giả đã nương với pháp sư và tùy hỷ với pháp sư, không phải tùy hỷ với đạo nhất thừa.

Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta tu phát xuất từ Phật tánh và tu đến thành Phật vĩnh hằng. Vì thế, tùy hỷ với kinh Pháp Hoa nghĩa là tùy hỷ bốn điều quan trọng : nhân, hạnh, quả, đức của Phật.

Nhân hạnh của Phật là tất cả những việc làm sáng suốt, thuần thiện của Ngài. Từ phát tâm khởi tu trải qua vô số kiếp hành đạo Bồ tát, Ngài không từ bỏ một việc khó khăn nào ở thế gian, đầy đủ hạnh Bồ tát, mới kết thành quả đức Toàn giác. Bằng quả Toàn giác, Ngài thấy rõ tất cả chúng sanh ở bề mặt và bề trái. Như Lai thấy đúng như thật của sự vật qua thập như thị nên Ngài giải quyết mọi vấn đề ở nguyên nhân. Đức Phật không muốn làm người xét xử trên quả.

Cảm nhận sâu sắc pháp này, dưới nhãn quan của tôi, những gì con người quan tâm coi như thực tế, tôi lại thấy chỉ là ảo giác. Đối với tôi, sức sống tiềm ẩn bên trong được nuôi dưỡng thế nào để đạo pháp sinh tồn, thường hằng mới quan trọng. Còn con người hiện hữu nhiều hay ít không có nghĩa gì.

Trên bước đường tu tập, hành giả chỉ điều chỉnh nhân bên trong tốt, tự động bên ngoài tốt theo. Phật dạy rằng Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Chúng sanh lo mãi sửa đổi quả, nhưng kết thành quả rồi thì không thể điều chỉnh được nữa. Và quả này không thể thoát ra ngoài quy luật của quá trình sanh già bệnh chết chi phối con người muôn đời. Muốn xây dựng con người tốt phải xây dựng từ nhân, nghĩa là giáo dục từ lúc nhỏ. Đạo đức ngày nay mà tôi có được là nhờ các bậc cha anh đã biết xây dựng đào tạo tôi.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là tầm tri kiến của Phật thấu suốt qua hai dạng thể và dụng. Dụng là những gì hiện trên

cuộc đời và thể là nguyên nhân cấu tạo con người và thế giới con người. Tầm tri kiến hay mức thấy diễn tả trong kinh Pháp Hoa rất trung thực. Nhưng vì chúng ta cách chân lý quá xa, nên nghĩ là không thực.

Hành giả thọ trì Pháp Hoa tùy hỷ với Phật là tùy hỷ với tu nhân cửu viễn của Phật Thích Ca Mâu Ni và tùy hỷ với thành Phật cửu viễn của Đức Thích Ca. Như vậy, công đức mới lớn lao không suy lường được. Thật vậy, Đức Phật hiện thân trên cuộc đời nhằm mục tiêu duy nhất chỉ chúng ta thấy đạo Nhất thừa. Pháp Nhất thừa phát xuất từ Phật tánh và nhất niệm tâm tùy hỷ của hành giả cũng khởi lên từ Phật tánh và kết hợp được với các pháp, trở thành tâm pháp hay Pháp thân Bồ tát.

Đến trạng thái tu hành dưới dạng Bồ tát Pháp thân, chắc chắn so với Bồ tát ứng thân, thì trăm ngàn muôn ức phần không bằng; vì đã so sánh sanh diệt với vĩnh cửu. Bồ tát Pháp thân thâm nhập vũ trụ bao la, trong khi Bồ tát ứng thân giới hạn trong thân ngũ uẩn.

Đức Phật Thích Ca trải qua 40 năm đã dìu dắt tất cả đến gần kinh Pháp Hoa, mở tri kiến Phật cho chúng hội. Bấy giờ, họ phát tâm Bồ đề từ Phật tánh mới tu dưới dạng Bồ tát tâm, nên phát sanh công đức không cùng tận. Tất cả Thanh văn theo Phật nghe pháp từ Lộc Uyển đến Kỳ Viên, Trúc Lâm, Linh Sơn cũng chỉ nhằm phát hiện niệm tâm này.

Xá Lợi Phất theo Phật suốt quá trình dài xa, từng bước tu tập nhận ra được các pháp mà Phật nói trước kia chỉ là trợ duyên để mở được niệm tâm thanh tịnh này. Và Ngài khởi được niệm tâm tùy hỷ với Như Lai Thọ Lượng, tùy hỷ với Pháp thân thường trú rồi thì Ngài vô cùng xúc động, nên diễn tả tâm trạng bằng bài kệ :

"… Ơn lớn của Thế Tôn
Đem việc ít có này,
Thương xót dạy bảo cho,
Làm lợi ích chúng con,
Trải vô lượng ức kiếp,
Ai có thể đền được,
Tay lẫn chân cung cấp,
Đầu đảnh kể cung kính,
Tất cả đều cúng dường,
Đều không thể đền được.
Hoặc dùng đầu đội Phật,
Hai vai cùng cõng vác,
Trong kiếp số hằng sa,
Cũng chẳng đền đáp được".

Vua Trần Thái Tôn cũng cảm nhận sâu sắc pháp này, phát hiện được niệm tâm tùy hỷ với Phật cửu viễn thật thành, phát lên câu nguyện : "Cảm đức từ bi để nghìn kiếp nguyền cho thân cận. Đội ơn tế độ, nát muôn thân, thề chịu đắng cay".

Cảm đức từ bi của Phật để lại ngũ phẩm cho chúng ta tu hành. Đội ơn tế độ vì nếu không nhờ ơn giáo hóa của đấng Từ phụ, chúng ta mãi mãi trôi lăn trong sanh tử luân hồi. Nhận được thâm ơn vô cùng quý giá nên nguyện nát muôn thân, chết thân này thọ thân khác. Dù phải đổi thay vô số thân như vậy cũng nhất định lãnh chịu, không từ chối.

Vua sống trong cảnh đế vương, chiến thắng quân Nguyên, lại sẵn sàng bỏ ngôi đi tu. Cảm đức từ bi sống được với bao la vô tận của Phật mới xả bỏ được ngũ dục

thế gian, hành đạo Bồ tát. Ngài nguyện đời đời kiếp kiếp thân cận thường trú Pháp thân, không còn bị trói buộc trong vòng sanh tử luân hồi.

Riêng chúng ta tự xét lại góc độ tùy hỷ của mình, có được phần nào như Ngài Xá Lợi Phất, như vua Trần Thái Tôn hay chưa. Còn đứng ở tư thế xã hội tùy hỷ, phước đức nếu có được, cũng rất bé nhỏ trong giới hạn địa vị phàm phu, vì chưa nắm được quy luật tất yếu. Tùy hỷ với Phật mới tiếp cận Ngài được.

Từ tâm tùy hỷ với công hạnh của Phật, hành giả cũng bằng lòng làm theo Phật, theo Bồ tát. Thấy việc nào mà kinh ghi chư Phật và Bồ Tát làm, hành giả cố gắng làm theo trong tư thế không mong cầu. Tuy không mong cầu nhưng việc làm tốt của hành giả đã thành tựu, là hạt giống Bồ đề hành giả đã gieo xuống. Nếu tiếp tục phát huy trí tuệ và đạo đức của mình, quả báo tốt đến tự nhiên, không cần tìm. Việc khó biến thành dễ, không còn chống trái chướng ngại trên bước đường hành đạo.

Kinh ghi rõ hành giả thành tựu niệm tâm tùy hỷ, công đức của họ hoàn toàn đổi khác. Hảo tướng hiện ra : mũi cao, mày dài, mặt sáng…, tất cả tướng Phật đều trang nghiêm thân hành giả khiến chúng sanh ưa thích. Từ bên trong lưu xuất, hiện ra trăm tướng phước, nên chúng sanh trong sáu đường nghĩ gì, tâm hành giả liền đáp ứng đầy đủ.

2 – Đọc tụng

Sau khi Phật Niết bàn, muốn tu Pháp Hoa, niệm tâm này bắt buộc phải có bằng cách đọc tụng kinh để cảm nhận sáng suốt, thánh thiện vô song của Phật. Sự liên hệ sâu xa với Phật tác động mạnh vào tâm hành giả. Nhờ đó hiểu lời Phật dạy, đúng như pháp tu hành, thể hiện hạnh

Phật vào lời nói, suy tư và hành động của hành giả niệm niệm tương tục không gián đoạn.

Đọc tụng kinh, trầm mình trong giáo lý Phật, suy cứu áo nghĩa hết lòng như vậy, tất cả bệnh thế gian được chữa khỏi, huệ mạng hành giả hiện ra, bắt gặp và tùy hỷ được với Phật thường trú.

3 – Giảng nói

Hành giả Pháp Hoa hiểu nghĩa lý của kinh, đúng như pháp tu hành. Không cần nói nhiều, nhưng vì ba nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, thể hiện qua cuộc sống giải thoát đạo đức; người nhìn thấy, liền phát tâm hết phiền não. Thân khẩu ý đều chuyển pháp luân đúng chánh pháp, chúng sanh thấy, nghe, tin theo được lợi lạc. Tuy chưa làm gì nhưng công đức vẫn sanh ra, khác với trước khi hành giả có niệm tùy hỷ.

4 – Kiêm hành lục độ

Kiêm hành có nghĩa là phụ, những pháp phụ cho chúng sanh đời sau để chúng ta dễ tu hành, dễ liên hệ với Pháp thân thường trú. Hành giả vừa thọ trì kinh vừa tùy cơ duyên tu sáu ba la mật : bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Khi đạt được niệm tâm tùy hỷ thanh tịnh, thấy Phật Pháp thân thường trú rồi, hành giả thực hành lại sáu pháp ba la mật. Bấy giờ, sáu pháp ba la mật này phát xuất từ căn bản kinh Pháp Hoa, nghĩa là từ trên Quả môn, nên có tác dụng không thể nghĩ bàn.

Lấy một thí dụ để chúng ta hình dung được pháp này. Mở đầu pháp bố thí, hành giả đem tiền của cho người, truyền đạt hiểu biết cho người và che chở cho người

thoát khỏi khó khăn (tài thí, pháp thí, vô úy thí). Làm được như vậy sẽ có công đức.

Tuy nhiên, khi hành giả chưa thấy thường trú Pháp thân, tức chưa thấy chân lý, hành giả có lòng tốt muốn giúp người. Nếu trình độ tri thức chưa đủ thì sự giúp đỡ rất giới hạn. Vì vậy, hành giả không vội làm việc đó, nhưng lo nỗ lực phát triển tri thức đến độ cao, thấy được chân lý hay Pháp thân thường trú. Tạm ví như trong lãnh vực khoa học kỹ thuật, hành giả phát minh ra công thức chế tạo máy thay cho sức lao động tay chân. Lúc ấy, sáng kiến của hành giả giúp ích cho nhiều người, so với giúp đỡ bằng tay chân ban đầu, lớn gấp vạn lần.

Đức Phật ngại chúng ta hiểu lầm, đạt đến trình độ tu chứng cao nhất rồi nhập Niết bàn, không chịu dấn thân. Giống như người học giỏi, khoanh tay ngồi yên cũng chẳng lợi ích gì. Hoặc dùng tài giỏi của mình giết hại người, lại càng nguy hiểm hơn. Đức Phật dạy hành giả Pháp Hoa khi khởi được tâm tốt, hãy tạm để yên tâm tốt này.

Điều quan trọng phải nắm bắt được chân lý, thấy đúng như thật, rồi trở lại cuộc đời, hành sáu pháp ba la mật một cách nhẹ nhàng đơn giản như Đức Phật Thích Ca đã làm, mà công đức thật vô lượng. Tuy việc làm bên ngoài thấy bình thường lại mang đến tác dụng mãnh liệt, duy trì mạng mạch Phật giáo khắp toàn cầu hơn 25 thế kỷ. Bằng tri thức phàm phu chúng ta không thể suy lường được.

5 – Chánh hành Lục độ

Mỗi lúc hành giả tu một hạnh khác nhau, đến ngày nào đó, sáu pháp ba la mật tự nhiên hỗ tương thành tựu.

Hành giả Pháp Hoa đời sau phát tâm Bồ đề, tu pháp Nhất thừa, uống được lương dược ngũ phẩm này, sẽ đi thẳng về Thường Tịch Quang Tịnh độ, diện kiến đảnh lễ Đức Phật Pháp thân thường trú.

Phẩm 19

PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Phật bảo Thường Tinh Tấn Bồ tát "Nếu có người nào thọ trì kinh Pháp Hoa, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh, sẽ được 800 công đức của mắt, 1200 công đức của tai, 800 công đức của mũi, 1.200 công đức của lưỡi, 800 công đức của thân, 1.200 công đức của ý. Đem công đức này trang nghiêm sáu căn thì sáu căn được thanh tịnh.

1. Nhãn căn công đức : với đôi mắt thịt cha mẹ sanh ra, khi được công đức sẽ thấy tất cả cảnh vật trong 3.000 đại thiên thế giới từ địa ngục A tỳ đến Trời Hữu đảnh, thấy tất cả chúng sanh và nghiệp nhân, nghiệp quả của chúng sanh.

2. Nhĩ căn công đức : tai cha mẹ sanh ra được công đức rồi, sẽ nghe tất cả những tiếng trong 3.000 đại thiên thế giới, mà không hư nhĩ căn.

3. Tỷ căn công đức : mũi của người có công đức sẽ thanh tịnh, nghe và phân biệt được các thứ mùi trong 3.000 đại thiên thế giới, không lầm lẫn.

4. Thiệt căn công đức : người trì kinh Pháp Hoa, lưỡi được thanh tịnh. Các thứ ăn uống ngon dở đối với họ, đều biến thành cam lồ. Hoặc họ thuyết pháp, khiến người nghe vui mừng và cảm hóa được cả Thiên long bát bộ. Vị Bồ tát này khéo nói pháp, nên được hàng quyền quý cho

đến người tầm thường theo hầu hạ cúng dường. Họ cũng được chư Phật, Bồ tát, Thanh văn ưa thích và hộ niệm.

5. Thân căn công đức : trì kinh Pháp Hoa, thân được trong sạch như ngọc lưu ly, làm cho chúng sanh ưa nhìn. Hình ảnh của chúng sanh trong sáu nẻo luân hồi, của Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật đều hiện rõ trong thân thanh tịnh của Bồ tát.

6. Ý căn công đức : người trì kinh Pháp Hoa được ý căn thanh tịnh. Họ nghe một bài kệ, một câu kinh liền thông suốt vô lượng nghĩa, hiểu rõ và diễn nói cả tháng, cả năm đều đúng với thật tướng. Tất cả suy nghĩ, lời nói đều đúng với lời Phật dạy, biết được những hành động, lời nói của sáu đường chúng sanh trong 3.000 đại thiên thế giới.

II. GIẢI THÍCH

Ba phẩm liên tiếp 17, 18, 19 nói về công đức của kinh Pháp Hoa, có thể thu gọn thành ba vấn đề chính yếu : công đức của người nhất niệm tín giải kinh Pháp Hoa, công đức của người tùy hỷ với kinh và công đức của Pháp sư Pháp Hoa.

Công đức của hành giả Pháp Hoa trong ba phẩm này thật vô lượng vô biên vượt ngoài ngôn ngữ, suy luận, hiểu biết của phàm phu. Vì kinh Pháp Hoa diễn nói về Phật thừa, nằm trên tam thừa : Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát.

Chúng ta tự xét lại xem mình đang ở chặng đường của tam thừa hay Phật thừa. Trong kinh Phật dạy có những việc Phật làm, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều không hiểu được, chưa nói đến làm được. Huống chi là

phàm phu chúng ta, chắc chắn còn cách xa Phật thừa hay chân lý.

Chân lý do Phật thành Vô thượng đẳng giác mới thuyết được. Và những người trực tiếp nghe Phật dạy, phiền não tự rơi rụng, trở thành A la hán, dù ở hoàn cảnh nào, thành phần nào. Nay chúng ta chưa đắc đạo, lại thêm cách Phật quá xa. Việc hiểu kinh của chúng ta dễ rơi vào cục bộ sai lầm, đưa đến đủ thứ khổ não phiền lụy hơn là công đức. Chúng ta lại sanh tâm nghi ngờ về những công đức Phật dạy, cho rằng nó ảo tưởng, không có thực. Có thực hay không còn tùy ở trình độ từng người khác nhau. Thí dụ như những công trình nghiên cứu và thí nghiệm thành tựu trên không gian của các nhà bác học không thể diễn đạt cho những người ở trình độ lạc hậu hiểu được. Họ tự lo ngày hai buổi ăn còn không nổi, thì đối với họ thành quả của các nhà bác học tất nhiên chỉ là hoang đường.

Mở đầu, Phật bảo Ngài Thường Tinh Tấn đại Bồ tát rằng nếu có người nào thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc, tụng, giải nói, biên chép, người đó sẽ được 6.000 công đức nơi sáu căn.

Có người hiểu lầm thọ trì là tụng cả bộ kinh Pháp Hoa từ năm này sang năm khác. Chỉ tụng suông như vậy, công đức nếu có, cũng rất giới hạn. Thọ nghĩa là nhận, Phật trao và ta nhận. Trì là giữ, ta giữ dùm cho Phật. Nhận giữ trọn vẹn bốn điều : nhân, hạnh, quả, đức của Phật, chúng ta sẽ thành tựu kinh Pháp Hoa.

Hạt nhân của Đức Phật là nhân Bồ đề, nghĩa là tri giác, nhìn thấy sự vật chính xác đúng như thật, không sai lầm. Đức Phật toàn giác, còn hành giả chỉ có một phần giác ngộ về giáo lý của Ngài. Người tin tưởng rằng hiểu

biết của hành giả tương đối chính xác vượt hơn người bình thường, khả dĩ nghe theo được công đức. Đây là khởi điểm của Bồ tát sơ phát tâm đã thọ trì được nhân lành của Phật.

Tiến lên một nấc, hành giả trì hạnh của Phật, tức việc làm của hành giả thay cho Phật, khiến cho người hình dung, liên tưởng đến Phật. Nhận thức và việc làm của hành giả đều lợi lạc cho đời. Thành tựu hai pháp này, hành giả hiện hữu như một đóa sen tinh khiết tỏa hương thơm ngát trong vũng bùn nhơ, thể hiện một hành giả kiểu mẫu thọ trì nhân hạnh kinh Pháp Hoa.

Hành giả thọ trì được nhân hạnh Pháp Hoa, chuyển đổi cuộc sống tầm thường thành cuộc sống Pháp Hoa, đổi tâm niệm tầm thường thành tâm niệm Bồ tát. Nếu không có sự biến đổi như vậy, dù thuyết Pháp Hoa cũng chỉ là Pháp Hoa văn tự của thế gian, không phải là pháp bí yếu của Như Lai.

Phật nói với Ngài Thường Tinh Tấn Bồ tát rằng tất cả thiện nam thiện nữ đều có khả năng trở thành Pháp sư Pháp Hoa, không nhất thiết phải mang hình thức xuất gia. Pháp sư Pháp Hoa ở bất cứ chỗ nào, tùy theo nhu cầu của người, mà khoác vào mình chiếc áo xuất gia hay cư sĩ. Vấn đề chính yếu trong việc giữ gìn kinh là phải chuyển được tâm vô lượng và việc làm sáng suốt thánh thiện.

Sau khi thọ trì nhân hạnh, cao hơn một nấc thọ trì quả đức kinh Pháp Hoa, tức làm một vị Phật sống trên cuộc đời. Người nhìn thấy liền hết phiền não, phát tâm Bồ đề. Ở giai đoạn này, hành giả thành tựu quả rồi, mới giáo hóa, mà người được giáo hóa cũng không biết. Ngài Thế Thân gọi giáo hóa trên quả môn là giáo hóa chúng vô thượng. Đây là trường hợp Đức Phật Thích Ca giáo hóa các Bồ tát

tùng địa dũng xuất. Hàng Thanh văn, kể cả các Bồ tát du hóa mười phương không biết các Bồ tát này, liền khởi tâm nghi tại sao Ngài vừa thành Phật trong 40 năm lại được công đức như vậy.

Hành giả thọ trì trọn vẹn bốn pháp nhân hạnh quả đức thấy được Như Lai thọ lượng, bản tâm thanh tịnh hoàn toàn, mới thực sự là Pháp sư thọ trì kinh Pháp Hoa. Hay nói theo phẩm 10, muốn là Pháp sư phải hội đủ tam pháp ấn : vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai.

Hàng Thanh Văn trải qua 10 năm trau giồi tam pháp ấn, nghĩa là cố gắng thọ trì nhân hạnh quả đức, để nhận được pháp bí yếu của Như Lai và thẳng tiến trên lộ trình Phật đạo. Từ đó, các Ngài thấy, hiểu và nhận được vô lượng vô biên công đức bất khả tư nghì. Vì các Ngài tu dưới dạng thể tánh, không thấy bằng mắt bình thường; nhưng bên trong tròn đủ hạnh Bồ tát, nên đem so với Thanh văn, công đức thù thắng hơn nhiều.

Tuy nhiên, việc thọ trì nhân hạnh quả đức kinh Pháp Hoa không đơn giản. Vì khó làm, nên Phật triển khai thành bốn việc làm của Pháp sư là đọc tụng, biên chép, suy tư, giảng dạy. Bốn công việc này là phương tiện, hành giả phải thực hành để đạt đến cứu cánh quả vị Phật.

Trước hết, thọ trì phải phát xuất từ đọc tụng, vì nếu không, ta biết gì để thọ trì và căn cứ vào đâu để thọ trì. Hành giả đọc tụng lời Phật dạy trong kinh, biên chép, trầm mình trong giáo lý Phật, suy tư tìm nghĩa sâu xa bên trong. Rồi đem giảng nói, rọi giáo pháp Phật vào cuộc sống, để xem phản ứng của chúng sanh đối với ta thế nào và để chứng nghiệm xem ta nhận thức đúng hay sai.

Đọc tụng, biên chép, suy nghĩ, giảng nói, kiểm chứng lại, thấy chúng ta đã giữ gìn thành tựu pháp này trong cuộc sống một cách đúng đắn. Như vậy, hành giả đã trở lại ý nghĩa lúc ban đầu về thọ trì nhân hạnh quả đức kinh Pháp Hoa.

Sau Phật Niết bàn, mỗi vị Pháp sư giảng dạy, hiểu về Phật một cách khác nhau, vì đối tượng quần chúng nghe pháp không giống nhau, thời đại không giống nhau. Tất cả những kiến giải, giảng dạy này không phải của bậc Toàn Giác, nên tương đối đúng, giống Phật một phần nào thôi.

Tuy nhiên, việc làm của các Pháp sư Pháp Hoa là những vị Thánh Tăng như Long Thọ, Thế Thân, Đạo Sanh, Trí Giả, Nhật Liên, Tối Trừng, v.v... đều tác dụng hữu ích cho cuộc sống đương thời và còn ảnh hưởng đến trăm ngàn năm sau cho chúng ta.

Như vậy Pháp sư thọ trì kinh Pháp Hoa đúng chánh pháp, trải qua những chặng đường triển khai kinh, là đọc tụng, biên chép, suy tư, diễn nói, đem ứng dụng vào cuộc sống của bản thân và chỉ đạo mọi người lợi lạc an vui giải thoát. Tùy mức độ hiểu kinh, áp dụng kinh, thọ trì kinh đến đâu, công đức theo đó sanh ra và tầm ảnh hưởng truyền bá sâu rộng đến đó.

Theo Phật, Pháp sư trì kinh Pháp Hoa có 800 công đức nơi mắt, 1.200 công đức nơi tai, 800 công đức nơi mũi, 1.200 công đức nơi lưỡi, 800 công đức nơi thân, 1.200 công đức nơi ý.

Trên bước đường tu hành, chúng ta thường gặp chướng duyên, vì trang bị sáu giác quan bằng phiền não nhiễm ô, tội lỗi. Vì thế, người thấy ta, nghe ta nói, không chấp nhận được. Ngược lại, Pháp sư như pháp tu hành,

sáu căn trang nghiêm bằng công đức, người nhìn vào không có điểm nào không ưa thích.

Trong phẩm này, Phật chia ra các vị Bồ tát thấy được, nghe được, nhận được công đức đến mức nào. Nghĩa là Ngài xác định vị trí của các Bồ tát trên lộ trình tiến đến Phật quả.

1 - 800 công đức nơi mắt

Mắt hành giả trang bị bằng 800 công đức khiến người nhìn vào ánh mắt hành giả liền phát tâm. Thành tựu 800 công đức nơi mắt, hành giả thấy khắp tam thiên đại thiên thế giới từ địa ngục A tỳ đến Trời Sắc cứu cánh. Đây là cái thấy nương vào ánh quang Phật, được diễn tả trong phẩm Tựa rằng thấy sáu đường chúng sanh trong ba đời như thấy việc trước mắt. A la hán, Bồ tát không thấy như vậy, mà người trì kinh Pháp Hoa lại thấy, cho nên Phật nói pháp này khó tin, khó hiểu, khó vào.

Hành giả thực sự không biết được căn tánh hành nghiệp chúng sanh, chỉ làm dưới sự điều động của Như Lai. Cái thấy của hành giả Pháp Hoa bằng với Như Lai, mà thực hành giả không phải là Như Lai. Trí Giả gọi đó là tương tợ vị, nghĩa là địa vị tương tợ Như Lai, không phải Như Lai. Mượn trí tuệ Như Lai làm trí tuệ mình, mượn công đức kinh làm công đức mình, nên thấy được bao la dường ấy.

Chúng sanh đến với hành giả, bằng linh giác hành giả biết được họ nghĩ gì, tu gì và chỉ dạy cho họ đều đúng. Tuy còn là phàm phu với ngũ ấm thân nhưng nhờ trì kinh, có được nhãn lực hết sức linh hoạt. Điều này cũng dễ hiểu, ví như nhìn qua viễn vọng kính, chúng ta thấy được vũ trụ bao la hay nhìn vào kính hiển vi, ta thấy rõ ràng những vi trùng cực nhỏ. Bỏ hai kính quan sát này ra, mắt chúng ta

trở lại phạm vi bình thường, không thấy quá đường chân trời.

Tầm nhìn của người trì kinh Pháp Hoa được 800 công đức nơi mắt, thấy được tất cả vũ trụ chính xác đồng với Như Lai. Nhưng trở lại con người bình thường, hành giả không hư nhãn căn, mới hành Bồ tát đạo được.

Trái lại, A la hán, tập luyện đến độ thấy tất cả vật đều KHÔNG hoàn toàn. Thấy dưới dạng thể, nên các Ngài không cần quan tâm gì đến chúng sanh. Và khi trở về địa vị con người, nhãn căn bị hư hoại. Giống như Ngài A Na Luật chứng được thiên nhãn xong, lại trở thành người mù trên thực tế.

Hành giả trì kinh Pháp Hoa, quan sát bằng Phật nhãn, thấy căn tánh hành nghiệp chúng sanh, chỉ dạy họ tu hành thành Vô thượng bồ đề, nhưng họ không bị hư nhãn căn. Điều này thể hiện rõ trong việc làm của Ngài Ca Diếp được nói trong phẩm Tín Giải. Ca Diếp bày tỏ với Phật rằng ông mang giáo lý của Phật dạy cho người, họ tu hành trở thành Bồ tát. Trong khi thực tế Ca Diếp vẫn là Thanh văn. Ca Diếp đã mượn trí tuệ đồng với Như Lai, mới giáo hóa được Bồ tát. Nếu Ngài vẫn giữ nguyên địa vị Thanh văn, làm thế nào giáo hóa được Bồ tát. Ngài vẫn khất thực bình thường, nhưng lúc đó nương trí tuệ Như Lai, được tương tợ vị Như Lai, thì Ngài có khả năng giảng pháp bí yếu và thành tựu điều bất khả tư nghì.

Hành giả dùng công đức vô lậu của Như Lai trang bị cho mình, thì chỉ tu một niệm, sanh được công đức so với công đức thế gian hoàn toàn cách nhau một trời một vực. Đứng dưới dạng thật tướng các pháp, hành giả chuyển vật đồng với Như Lai và đem kết quả này mà dùng để

hưởng phước theo phàm phu, tất nhiên không bao giờ hết được.

Tùy công đức, mắt hành giả thấy rõ phần nghiệp thiện hay ác của chúng sanh khác nhau. Trọn được 800 công đức, nghĩa là thấy 800 cách khác nhau, hành giả luôn luôn thấy chính xác không bao giờ sai lầm.

2 - 1.200 công đức nơi tai

Tai linh hoạt hơn mắt nên có 1.200 công đức, vì tai vẫn nghe được khi đối tượng bị ngăn cách và khi không có ánh sáng. Công đức của hành giả trang bị trên tai thanh tịnh, nên có khả năng nghe và hiểu biết khác hẳn bình thường. Tai thanh tịnh nghe không sót tiếng nói của tất cả loài hữu tình bằng bất cứ ngôn ngữ nào trong pháp giới. Thường Bất Khinh Bồ tát thành tựu pháp này, nghe được 20 ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương.

Tai thanh tịnh nghe được ngôn ngữ muôn loài, trở về thực tế hành giả không bị hư hoại nhĩ căn. Đây là pháp tu Đốn giáo, quả vị của hành giả đồng với Như Lai, nhưng thực sự nghiệp lực bên trong chưa diệt sạch.

Vì vậy, rời công đức lực Như Lai, hành giả cũng trở thành xác xơ như bướm rụng cánh. Mượn công đức Như Lai biến thành công đức mình, phước báo sẽ vô cùng tận. Bấy giờ, có mọi phương tiện vật chất thuận lợi đầy đủ, tâm hành giả vẫn không sanh nhiễm trước. Tròn đủ 1.200 công đức, hành giả mới có khả năng giáo hóa tất cả loài chúng sanh trong sáu đường.

3 - 800 công đức nơi mũi

Hành giả phân biệt tất cả mùi vị dù xa hay gần. Biết được mùi hương của Phật, Bồ tát, A la hán, Trời Phạm

Thiên, cho đến tất cả loài súc sanh, ngạ quỷ, A tu la tới với hành giả. Hành giả nghe mùi đều biết được những chúng sanh này từ đâu tới và dùng pháp tương ưng để dạy chúng tu hành có kết quả.

Sức nghe mùi của hành giả chẳng những không sai lầm, lại hết sức linh hoạt, biết rõ cả phục tàng của báu trong lòng đất. Tất cả nhận biết này đều thuộc huệ Như Lai, do trì kinh Pháp Hoa, mượn lực Như Lai có được. Và trở về thực tế, hành giả cũng không bị hư tỷ căn.

4 - 1.200 công đức nơi lưỡi

Thành tựu 1.200 công đức của lưỡi, bất cứ vị nào ở trên lưỡi của hành giả đều biến thành cam lồ. Ngoài ra, hành giả nói pháp bí tàng của Như Lai, khiến mọi người nghe đều phát tâm. Dù chúng sanh có nhiều trăm ngàn muôn ức, mỗi người nghe đều cảm nhận ý của Pháp sư như nói riêng cho chính họ. Hành giả nói bất cứ lời gì đều không chống trái thật tướng các pháp, cũng không chống trái hành nghiệp chúng sanh.

Công đức đặc biệt này hàng Nhị thừa không có được. Hàng Nhị thừa khuyên người xa rời năm món dục, bỏ tục xuất gia, tu hành được giải thoát. Nhưng nếu khuyên người làm việc thế sự sẽ bị nhiễm ô.

Trái lại, tướng lưỡi của Như Lai, dù nói việc thế gian cũng không trái đạo Vô thượng đẳng giác. Phù Vân Quốc sư được công đức lưỡi, Ngài khuyên vua Trần Thái Tôn trở về làm vua cứu dân cứu nước để thực hiện đạo Vô thượng đẳng giác. Quả thật vua Trần Thái Tôn cảm đức Ngài, lãnh đạo nước, thắng được giặc Mông Cổ. Tuy làm vua trị nước an dân giỏi, nhưng tư chất giải thoát sáng suốt của hành giả Pháp Hoa vẫn sáng rỡ nơi Ngài, thể hiện qua nhiều tác phẩm để lại cho chúng ta.

Trang bị bằng huệ Như Lai, hành giả có được thiệt căn công đức, nói ra những lời khó tin, khó hiểu, khó làm, mà người vẫn tin, hiểu và làm theo, được thành công.

5 - 800 công đức nơi thân

Khi mới có một phần thân công đức, dùng thân thanh tịnh để lễ bái, tụng niệm, người nhìn thấy thân hành giả, họ hết khổ. Căn tánh hành nghiệp của người hiện vào thân hành giả, nên hành giả biết rõ và tùy theo đó giải quyết. Bấy giờ hành giả không ở lập trường riêng của mình đem dạy họ, vì dễ mang đến phiền não. Hành giả đứng ở lập trường chúng sanh cứu độ chúng sanh, mới có kết quả, không chống trái với nghiệp của họ và cũng không đi ngược lại đạo Vô thượng đẳng giác. Pháp này khó hiểu đối với Thanh văn chuyên phân biệt dứt khoát, đứng một trong hai lập trường hoặc Chân đế hoặc Tục đế, hoặc phải hoặc trái.

Thành tựu đầy đủ 800 công đức, thân hành giả như lưu ly, khắp pháp giới đều hiện vào thân, hành giả đồng với Như Lai. Không một loài nào, việc nào, tánh nào mà hành giả không quan sát thấu suốt.

6 - 1.200 công đức nơi ý

Đầy đủ 1.200 công đức của ý, tất cả việc hành giả nghĩ ra đều có lợi cho muôn loài, vẫn không trái đạo Vô thượng đẳng giác. Pháp tu này khác với pháp của Thanh văn. Thanh văn tu phải gạn lọc từng điều một, luôn luôn gạn tâm xem thanh tịnh chỗ nào, nhiễm ô phần nào. Thanh văn thường xuyên gạn lọc tội lỗi, đem pháp lành vào tâm để không nhiễm ô.

Ngược lại, hành giả trì kinh Pháp Hoa, làm mọi việc bình thường, nhưng tất cả loài xung quanh đều nương nhờ

giải thoát, giống như sự xuất hiện lợi lạc của Phật Thích Ca trên thế gian vậy.

Điểm này chúng ta cần lưu ý, nếu thành tựu sáu công đức trên, sáu căn sẽ được thanh tịnh bằng Như Lai, nhưng chính ta cũng không biết. Nếu hành giả thấy thực mình bằng với Như Lai trong khi giáo hóa chúng sanh, hành giả đã rơi vào tăng thượng mạn.

Do ý căn thanh tịnh, biết được tương quan tương duyên giữa các loài và vận dụng nghĩa lý sâu xa của kinh để thuyết giảng, hành giả thành tựu được sự thuyết pháp vô cùng tận. Chỉ một câu kệ, hành giả triển khai nghĩa lý từ một tháng đến một năm. Người nghe thâm nhập ý đạo, vấn đề thế gian của họ cũng tự động được giải quyết dễ dàng.

Ngày nay, chúng ta thọ trì kinh Pháp Hoa không thành tựu công đức vì tu sai pháp. Thí dụ ta vừa làm được một việc nhỏ, liền khởi lên niệm sai trái, tức thì công đức cũng biến mất ngay. Được ý căn thanh tịnh, hành giả tu hành không cần dụng tâm. Chỉ duy nhất có một niệm luôn luôn nhớ nghĩ Như Lai và giữ gìn tạng pháp Như Lai mà thành tựu công đức không nghĩ bàn.

Trong phẩm Dược thảo dụ, Phật nói rõ tất cả những người tu hành nương theo huệ Như Lai, đều được lợi lạc giải thoát, giống như trận mưa tuôn xuống thì tất cả cỏ cây tùy sức hấp thụ được.

Chúng sanh học pháp Như Lai cũng vậy, không tự biết căn tánh thượng trung hạ của mình, không biết dùng pháp gì để tu và được pháp gì. Duy chỉ có Như Lai biết rõ chúng sanh. Ta nương theo huệ Như Lai làm lợi ích muôn loài mà không hay biết. Nếu có dụng ý, chúng ta đã rớt

qua Tục đế, chưa đạt tới Nhị thừa, làm gì đến Phật huệ của Như Lai được.

Việc tu hành của chúng ta không kết quả, chỉ vì chẳng hiểu đúng, làm đúng điều Như Lai dạy. Đức Như Lai không bao giờ hư dối.

Phẩm 20

THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT

I. LƯỢC VĂN KINH

Phật nói với Bồ tát Đắc Đại Thế về cuộc đời hành đạo của Bồ tát Thường Bất Khinh : "Thuở xưa cách nay vô số kiếp, có Đức Phật Oai Âm Vương ra đời. Ngài sống lâu 40 ức na do tha hằng sa kiếp. Sau khi Phật Oai Âm Vương diệt độ, tuần tự có 20 muôn ức Phật ra đời đều cùng một danh hiệu Oai Âm Vương. Khi Phật Oai Âm Vương sau cùng diệt độ, trong thời tượng pháp, các Tỳ kheo tăng thượng mạn rất có thế lực. Có vị Bồ tát tên Thường Bất Khinh. Sở dĩ mang tên như vậy, vì mỗi khi Ngài gặp Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, đều lễ lạy khen ngợi "Tôi không dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ thành Phật".

"Bồ tát Thường Bất Khinh không đọc tụng kinh điển. Ngài chỉ chuyên lễ lạy và khen ngợi mọi người bằng câu trên, cho đến bị mắng chửi, đánh đập hay bị ném đá, Ngài cũng không sờn lòng. Khi Bồ tát Thường Bất Khinh mạng chung, Ngài nghe được trong hư không 20 ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương thuở trước. Nghe xong sáu căn của Ngài được thanh tịnh và sống thêm 200 muôn ức na do tha tuổi, Ngài giảng kinh Pháp Hoa cho mọi người. Lúc ấy những người đã khinh rẻ Bồ tát Thường Bất Khinh, thấy Ngài được thần thông, nhạo

thuyết biện tài, họ nghe Ngài thuyết pháp đều kính phục và theo tu.

"Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa vô số người trụ Vô thượng giác. Sau khi mạng chung, Ngài gặp 2.000 ức Phật đồng hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương nói kinh Pháp Hoa. Nghe xong, sáu căn của Ngài được thanh tịnh. Sau khi cúng dường, trồng căn lành với các Đức Phật như thế, Bồ tát Thường Bất Khinh gặp ngàn muôn ức Phật thường nói kinh Pháp Hoa, thành tựu công đức.

"Bồ tát Thường Bất Khinh chính là ta. Bốn chúng thường khinh rẻ ta, nên trong 200 kiếp chẳng gặp Phật, Pháp, Tăng, ngàn kiếp ở địa ngục. Hết tội, họ được gặp lại Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa. "Những người tăng thượng mạn hiện nay ở trong pháp hội này, chính là 500 Bồ tát do Hiền Hộ (Bhadrapala) dẫn đầu, 500 Tỳ kheo Ni đứng đầu là Sư Tử Nguyệt (Simhacandra) và 500 Ưu bà di thuộc nhóm Thiện Thệ Tư (Sugatacetana).

"Phải biết kinh Pháp Hoa có nhiều lợi ích cho đại Bồ tát, giúp họ mau đến Vô thượng bồ đề. Sau khi Phật diệt độ, phải siêng năng thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh này".

II. GIẢI THÍCH

Việc làm của Thường Bất Khinh Bồ tát diễn tả trong phẩm này nhằm chứng minh công đức của Pháp sư thọ trì kinh Pháp Hoa ở phẩm trước không phải là ảo tưởng. Đó là thành quả sống thực của Phật đã đạt được khi tu Bồ tát đạo ở kiếp quá khứ.

Mở đầu, Phật hồi tưởng lại thuở quá khứ từ vô số kiếp trước có Đức Phật Oai Âm Vương Như Lai. Kế đến có hai muôn ức đức Phật đồng hiệu như vậy. Khi Phật Oai Âm Vương cuối cùng diệt độ, trong thời tượng pháp có Tỳ kheo Bồ tát Thường Bất Khinh xuất hiện.

Bản dịch kinh Pháp Hoa của Ngài Trúc Pháp Hộ gọi là Thường Bị Khinh. Theo tôi danh từ Thường Bị Khinh đúng hơn. Vì diễn tả được sự khó khăn của người tu hành đạo Bồ tát thường gặp phải, bị khinh chê, đánh đập, mắng chửi.

Thường Bất Khinh là tiền thân Phật Thích Ca. Ngài lấy kinh nghiệm trong quá khứ tu hành của mình dạy chúng nhân. Tại sao Ngài phải gặp mắng chửi đánh đập ? Ngài quan sát, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân quả báo và tự điều chỉnh, thay đổi tâm niệm, việc làm để tạo thành kết quả tốt. Trong khi chúng ta tu hành mãi, cũng không thành Phật được. Vì không bao giờ chúng ta biết nhìn nguyên nhân sâu xa của một sự kiện, chỉ thấy phớt qua mặt thực tế rồi sanh phiền muộn, bất mãn, sân hận.

Phật đưa ra hình ảnh Tỳ kheo Bồ tát Thường Bất Khinh, tuy xuất gia làm Tỳ Kheo vẫn nuôi ý chí cứu đời. Trong lúc ông tu hạnh giúp người cứu người, ông bị đại chúng khinh thường, đánh mắng. Theo tôi, những sự kiện này đều có thực, chúng ta thường gặp trên bước đường tu. Người quyết tâm tu phải khác với người không quyết tâm. Bồ tát Thường Bất Khinh hạ quyết tâm tu, có lời nói chân thật đúng đắn, có một đời sống đức hạnh, đương nhiên tạo thành thế đối lập với cuộc sống đạo đức giả dối theo hình thức bên ngoài của các Tỳ kheo khác. Nói lên những ý kiến khác, sống khác với đại chúng, tự nhiên làm khó chịu những người đồng tu và đưa đến tai họa cho Bồ tát Thường Bất Khinh. Việc ấy không thể tránh được.

Riêng bản thân tôi, thuở nhỏ cũng đã gặp những tai nạn như vậy. Chỉ vì tôi nỗ lực tu hành đến độ quên cả ăn mặc ngủ nghỉ. Quần áo thì xốc xếch, chẳng buồn quan tâm đến ngôn ngữ xã giao với bạn đồng tu, khiến họ bực bội, ghét bỏ, khinh chê tôi là “cây khô”. Nhưng ngày nay,

nhìn thấy những thành quả của tôi trên bước đường hành đạo, họ lại nói tôi là "cây khô trổ bông".

Thiết nghĩ muốn thành công, chúng ta phải có một quá trình nỗ lực hành đạo, triệt để phát huy trí tuệ và tiềm lực của mình. Công phu tu tập đến độ trong kinh diễn tả rằng Thường Bất Khinh mạng chung, mới nghe được 20 ngàn muôn ức bài kệ Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương.

Qua câu chuyện Thường Bất Khinh, Phật dạy hành giả Pháp Hoa tự sửa đổi, điều chỉnh lời nói cho thích hợp. Biết đúng nhưng có nên nói hay không ? Vì tư cách của người nói mới thực sự quan trọng. Tuy cùng một lời nói mà Đức Thế Tôn nói sẽ có tác dụng khác với lời nói của vị La hán hay người ăn mày.

Phật dạy sau khi Ngài thành tựu công đức, nhìn lại quá khứ, Ngài thấy có nhiều sai lầm. Thật vậy, lúc đó tư cách của Thường Bất Khinh chỉ là một chiêu đề Tăng nghĩa là một Tỳ kheo lang thang không có trụ xứ. Thường Bất Khinh với tư cách người ở trọ đến nương tựa các Tỳ kheo khác, mà lại muốn làm Thầy họ, là một sai lầm lớn. Những Tỳ kheo này có phước báo hữu lậu, nhưng tâm họ không thanh tịnh. Sự nghiệp vật chất của họ rất lớn, nên chỉ lo khư khư bảo vệ.

Thường Bất Khinh làm người lang thang, năm phước báo thế gian không có, lại đem Phật pháp đến dạy họ, làm sao tránh khỏi đụng chạm tự ái. Tuy Ngài mang tâm niệm tốt, thích sửa đổi nhanh chóng những sai trái, nhưng chẳng ai nghe. Từ đó, Ngài rút kinh nghiệm, chuyển nghiệp lần, bằng cách lo tự tịnh hóa bản thân. Dù bị đánh chửi, khinh chê, Thường Bất Khinh Bồ tát vẫn không oán hận. Ngài luôn xem những hành động đánh chửi là đối tượng để suy cứu. Ngài dạy chúng ta phải thấy rõ, vì chưa có phước đức nên bị

đánh chửi, vì nói sai lầm nên bị khinh chê. Hành giả cần lo tu bồi phước đức, điều chỉnh những sai lầm của mình.

Hành Bồ tát đạo, nhờ quan sát cách hành sử của đối tượng bên ngoài, tự thấy rõ mình đang ở chặng đường nào. Và khởi điểm từ đây tu, cố gắng phá từng phần phiền não. Muốn không bị chê dốt nát, không có cách gì khác ngoài việc nỗ lực học. Muốn không bị khinh chê nghèo đói đê tiện, ta phải vượt khỏi những thứ này.

Ý thức như vậy, khi còn yếu kém nhiều mặt, muốn không bị khinh chê, không nên cầu thân với người sang giàu hơn, giỏi hơn ta. Nguyện tu thành Vô thượng đẳng giác, không làm ăn mày suốt đời, bằng mọi cách vượt lên những tầm thường thế gian. Phật đầy đủ mười hiệu, ít nhất chúng ta cũng cố gắng được một hiệu.

Ta tự kiểm xem có chút phần nào đúng theo nghĩa Như Lai không. Như Lai là tâm như như bất động, không bị phiền não nhiễm ô quấy rầy. Hiện hữu nơi nào, Ngài trang trải phước lành đến đó. Hoàn cảnh không bao giờ chi phối được Phật. Ngược lại, Ngài luôn luôn tạo cho hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Thử hỏi sao người không kính trọng Phật.

Chúng ta quan sát tư cách của Phật để tự sửa mình, luôn nghĩ đến mang lợi ích cho người. Riêng tôi, không bao giờ đến nơi nào mà không giúp ích gì cho họ. Tôi chỉ đến theo yêu cầu của người mà thôi. Đến để nhờ vả, mượn tiền, van xin cầu khẩn, chắc chắn chẳng ai muốn tiếp chúng ta.

Ngoài ra, lòng hành giả Pháp Hoa không được giao động trước hoàn cảnh. Thiên hạ giàu sang, có địa vị là việc riêng của họ, có dính líu gì đến ta. Đừng để buồn vui

vinh nhục trần gian làm hoen ố tâm hồn chúng ta. Giữ trạng thái tâm bình ổn, mới khả dĩ bước vào cửa Phật.

Đức Phật là bậc Ứng cúng, được Trời người cung kính cúng dường. Tại sao Ngài đạt quả vị này ? Trải qua quá trình hành đạo Bồ tát, Phật đã xả thân mạng, không chỗ nào nhỏ bằng hạt cải mà Ngài không làm lợi ích chúng hữu tình. Nói cách khác, không ai trong pháp hội không thọ ơn Phật. Cho đến ngày nay, nhìn về công ơn giáo dưỡng thâm sâu của Phật, mọi người vẫn còn dâng cúng Ngài. Chúng ta tự xét thân phận mình đã làm được gì cho chúng sanh, mà đòi chúng sanh cung kính. Không có quá trình làm lợi ích cho người giống như Phật, nhưng muốn được bằng Ngài, chắc chắn phải lãnh lấy hậu quả bị khinh chê, đánh đập.

Phật là bậc Chánh biến tri, hiểu biết chính xác nội tại và ngoại tại không sai lầm. Hoàn cảnh nào Ngài cũng thấy chính xác, phê phán đúng đắn các học thuyết đương thời. Và những gì Phật dạy chúng ta, Ngài đã làm đúng, nên được tôn danh là bậc Minh hạnh túc. Chúng ta tự xét hiểu biết mình đến đâu và việc làm có tương ưng với lời nói chưa ? Phải nhìn thấy vấn đề, điều chỉnh tu tập đúng pháp để dần tiến đến quả Toàn giác.

Hình ảnh xấu ác của Tỳ kheo tăng thượng mạn tu sai pháp, chỉ tu hình thức, chỉ nói suông lời Phật dạy, gợi ý cho Thường Bất Khinh nhận chân được nghĩa lý sâu xa của kinh và thế nào là hiện hữu quý báu có ý nghĩa của sứ giả Như Lai trên cuộc đời. Dưới nhãn quan của Thường Bất Khinh Bồ tát, việc làm của những người tăng thượng mạn này thật đáng thương hại. Họ khoác vào lớp áo xuất gia để che đậy tâm hoàn toàn thế tục, chẳng khác gì người đóng vai vua trên sân khấu.

Học hạnh của Bồ tát Thường Bất Khinh, từng bước thâm nhập kinh, tâm chúng ta lần lần chuyển đổi, không lo hướng ngoại, không bực tức với sai trái của người. Chúng ta cố gắng tịnh hóa tâm, sửa đổi tánh tình bớt phiền não. Một phần phiền não phá trừ là một phần thân nghiệp dứt sạch. Cho đến khi gạn lọc tâm hoàn toàn thanh tịnh, tham sân nghiệp chướng hoàn toàn không còn, mới nghe được pháp âm Phật. Giống như Thường Bất Khinh Bồ tát mạng chung, nhận được 20 ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương.

Thường Bất Khinh mạng chung, hay nói khác gặp việc khó khăn có thể tan thân mất mạng. Ở trạng thái tuyệt mạng tuyệt thể, không còn ý thức sống, tâm hồn lắng yên cùng tột. Theo Bồ tát Quan Âm đó là "ngũ uẩn giai không". Nghĩa là mạng nghiệp hết, Thường Bất Khinh hiện hữu ở dạng hư không thân và huệ mạng mới tiếp thu được kinh Pháp Hoa bằng pháp ngữ của Phật quá khứ.

Đến đây cần lưu ý, có hai giai đoạn tu. Giai đoạn một, tu Thanh văn sử dụng sáu căn để tu pháp Phật và ngộ pháp bằng thức. Kinh Pháp Hoa mà chúng ta suy nghĩ, ứng dụng, giảng giải chỉ là pháp phương tiện, không phải pháp chân thật của Bồ tát. Ở giai đoạn hai, Bồ tát đã vượt qua cửa Bát Nhã, nghe Pháp Hoa bằng pháp ngữ, không dùng thính giác nghe ngôn ngữ. Kinh diễn tả Thường Bất Khinh Bồ tát mạng chung hay vượt qua được thân ngũ uẩn mới nghe kinh Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương. Trực nhận pháp ngữ của Phật Oai Âm Vương, Thường Bất Khinh trở lại cuộc đời hành đạo, sự việc diễn tiến hoàn toàn khác hẳn.

Trước kia, hành giả bị người đánh, vì đến với thân tội lỗi nghiệp chướng. Nhưng khi thành tựu công đức, sáu căn hoàn toàn thanh tịnh, thực sự đầy đủ tư cách hành giả Pháp

Hoa thì đến với người bằng tâm thanh tịnh, không lỗi lầm và hiểu biết đúng hoàn toàn. Tất nhiên, phải được người quý trọng.

Trên bước đường hành đạo, quý Thầy nỗ lực tu sẽ thấy rõ có lúc khuyên dạy người bằng tất cả chân tình, nhưng họ không nghe. Đến khi chúng ta an trụ thế giới thanh tịnh của chư Phật, cảm nhận được pháp ngữ và thích thú sống trong thế giới giải thoát. Ta chẳng buồn quan tâm đến khuyên dạy người, lúc ấy họ lại đến cầu xin được nghe pháp.

20 ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa tiêu biểu cho vô số việc làm khó khăn chướng ngại Thánh đạo mà Phật đã phải đương đầu và vượt qua được trên bước đường hành Bồ tát đạo của Ngài. Nghe xong 20 ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa, sáu căn trở thành thanh tịnh; Thường Bất Khinh Bồ tát nhận chân được tất cả căn tánh hành nghiệp chúng sanh, dù tốt hay xấu, mỗi chúng sanh đều có khả năng thành Phật.

Trang nghiêm sáu căn bằng công đức thanh tịnh, cuộc sống của Thường Bất Khinh Bồ tát đổi khác. Ngài làm tất cả mọi việc nhân gian, vẫn không trái đạo Vô thượng đẳng giác, mới thực sự là người trì kinh Pháp Hoa biểu hiện cho nhị đế dung thông. Đối với cuộc đời, phục vụ thật nhiều lợi lạc, nhưng vẫn không mất tư chất giải thoát của người tu.

Khi Thường Bất Khinh tạo được đầy đủ phước đức, các Tỳ kheo tăng thượng mạn hết phước báo, phải đọa địa ngục, vì quá khứ đầy tội lỗi. Nhìn lại Thường Bất Khinh trở thành Bồ tát có uy đức, họ khởi lên tâm cầu cứu. Lúc ấy, Thường Bất Khinh đủ tư cách thuyết pháp giáo hóa, kéo họ ra khỏi địa ngục, dạy họ kinh nghiệm hành đạo

của Ngài. Nghĩa là làm thế nào từ bị khinh chê đánh mắng chuyển đổi thành Bồ tát có uy đức.

Việc làm của Thường Bất Khinh gợi cho người tăng thượng mạn tự kiểm lại lòng họ, thấy được sai trái. Nhờ Thường Bất Khinh khai tri kiến, thức tỉnh những Tỳ kheo tu sai pháp khiến họ từng bước thay đổi suy nghĩ và việc làm trở thành tốt đẹp. Khi Thường Bất Khinh Bồ tát thành Phật, những người ném đá mắng chửi Ngài, được Ngài giáo hóa đều trở thành Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn.

Ở hội Linh Sơn, hàng tăng thượng mạn này không ai xa lạ, 500 Tỳ kheo chính là 500 Bồ tát trụ vững chắc nơi bậc bất thoái, dẫn đầu là Hiền Hộ Bồ tát (Bhadrapala), 500 Tỳ kheo Ni đứng đầu là Sư Tử Nguyệt (Simhacandra) là những người an trụ quả vị Bích chi Phật hay Độc giác và 500 cư sĩ nay là nhóm ông Thiện Thệ Tư (Sugatacetana).

Có thể nói chính sự đắc đạo của Bồ tát Thường Bất Khinh thể hiện bài pháp sống, chuyển hóa những người chống đối đang đọa địa ngục tự phát tâm tu. Ngài không thuyết pháp bằng ngôn ngữ, họ nghe Ngài qua tâm và đạt được quả vị giải thoát.

Với thành quả của Thường Bất Khinh được Phật nêu lên, chúng ta nhận chân rằng nếu tu đắc đạo, nghiệp chướng trần lao tự động xóa tan, nghịch thuận đều biến thành nhân duyên hóa độ.

Đây là kinh nghiệm tu hành của Phật trong quá khứ được Ngài thuật lại để chỉ dạy chúng ta. Ngài không thuyết pháp suông, mơ hồ hay tưởng tượng.

Chúng ta phát nguyện trì kinh Pháp Hoa cần phải ghi nhớ sâu sắc tấm gương sáng của hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu Thường Bất Khinh Bồ tát. Ghi đậm hình ảnh và việc làm của Ngài, chúng ta dầu gặp chống trái khó khăn, xin

chớ chán nản buồn phiền lâu. Có lỡ dại tiếp xúc với ma phiền não, đánh mất tâm hồn trong sáng của mình, xin hãy mau trở lại trạng thái thanh tịnh an nhiên của hành giả Pháp Hoa để tiến tu trên đường đạo.

Quan sát kỹ, phải chấp nhận rằng Thường Bất Khinh Bồ tát nhờ đối tượng hung dữ, kỳ quái, chướng ngại nhất. Ngài luyện tâm tánh và vận dụng trí tuệ, giáo hóa họ thành Bồ tát. Dưới cái nhìn sáng suốt hoàn toàn thanh tịnh của Thường Bất Khinh Bồ tát, trên sanh diệt có đầy đủ tốt xấu. Nhưng trên bản thể, tất cả đều tốt. Ý thức như vậy, Ngài mới có thể hướng dẫn, điều chỉnh những người chống trái tu hành thành Phật.

Hơn nữa, đối với người thật tu, lắng lòng thanh tịnh, nhận thấy mọi hoàn cảnh tốt xấu đều tùy thuộc nơi ta hơn là tùy người. Khi ta thành Phật, thành người tốt thật sự, có trí tuệ tuyệt luân, đạo đức thánh thiện, thì việc nào cũng giải quyết êm đẹp. Cái xấu không có môi trường tồn tại, mọi hoàn cảnh dù thuận hay nghịch đều phải trở thành tốt. Mọi người đối với chúng ta chưa tốt, hoàn cảnh chưa tốt, chứng tỏ chúng ta còn nhiều nhược điểm cần khắc phục.

Trên bước đường hành Bồ tát đạo, gia công tu bồi trí tuệ và đạo đức. Cho đến khi suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm của chúng ta đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của người, của xã hội, dìu dắt mọi người cùng thăng hoa trên đường thánh thiện. Khi ấy, hành giả chẳng còn gì để đối phó, cũng chẳng mong cầu bất cứ điều gì trên cuộc đời. Hành giả hoằng truyền kinh Pháp Hoa an nhiên tự tại, như voi chở nặng leo ngược dốc, không có sức nào ngăn cản được.

Tinh thần giáo hóa hoàn toàn tự tại của hành giả Pháp Hoa, được kinh diễn tả dưới dạng Thường Bất Khinh gặp Phật Vân Tự Tại. Gặp Phật Vân Tự Tại hay hành đạo như Đức Phật Vân Tự Tại, theo tôi, là mô hình Bồ tát giáo hóa trên cuộc đời tự tại như mây nổi giữa hư không. Mây kết hợp thành muôn hình muôn vẻ, kết hợp rồi lại tan, nhưng bản vị của mây không bao giờ mất. Bồ tát cũng vậy, hành đạo thanh thản giải thoát không khác gì mây bay. Các Ngài vẫn luôn ở trong sanh tử giáo hóa chúng sanh không mệt mỏi buồn chán, không vướng bận chút mảy trần trong tâm. Nói cách khác, các Ngài giáo hóa mà không giáo hóa.

Ngày nay, chúng ta tu hành thường vấp phải sai lầm cố gắng dạy dỗ người. Họ không nghe, chúng ta lại sanh buồn phiền, phải biết chúng ta chỉ là Bồ tát giả hiệu.

Tên Phật, Bồ tát do hạnh mà thành danh như Bồ tát Trì Địa chuyên làm cầu, sửa đường. Bồ tát Quan Âm thì luôn lóng nghe những tiếng cầu cứu của chúng sanh. Hoặc Phật Vân Tự Tại đáp ứng lợi lạc cho yêu cầu từng lúc từng nơi khác nhau, ví như những cụm mây đủ hình dạng màu sắc. Nhưng tính chất giải thoát của Ngài muôn đời không thay đổi.

Bước theo dấu chân các Ngài, phải học và làm như các Ngài, mới thâm nhập ý nghĩa giải thoát của đạo Phật. Nếu chúng ta nghĩ rằng gặp Đức Phật Oai Âm Vương hay Vân Tự Tại là giáp mặt thực với các vị Phật ở thời xa xưa. Nghĩ như vậy cũng được.

Tuy nhiên theo tôi, chúng ta trở lại thực tế Đức Phật lịch sử có thật để hiểu, sẽ thấy rõ tự tại của Phật dạy là cái gì có thực mà chúng ta có thể ứng dụng. Thật vậy, khi

Phật xuất gia tu làm Sa môn, Ngài thể hiện rõ nét vai trò một Thường Bất Khinh Bồ tát.

Chúng ta không thấy được Thường Bất Khinh bằng con người xương thịt. Nhưng nhìn lại cuộc sống thực tiễn của Phật Thích Ca, chúng ta thấy Ngài tu khổ hạnh, dồn tất cả nỗ lực để trắc nghiệm các pháp. Ngài tập trung thân tâm cho việc đắc đạo, nên vấn đề giao tế tiếp xúc bên ngoài không để tâm, trở thành vụng về đến độ năm anh em Kiều Trần Như sống chung với Ngài cũng không vừa lòng. Họ rời bỏ Ngài, không ai theo Ngài cả.

Nhưng khi Phật đắc đạo, làm chủ được thân ngũ uẩn. Ý này được kinh diễn tả bằng hình ảnh Thường Bất Khinh mạng chung, nghe được pháp âm của Phật Oai Âm Vương. Nghe được pháp Phật Oai Âm Vương, tức đắc đạo, Ngài trở lại cuộc đời với tư cách một vị Phật, Ngài có sức thuyết phục lạ lùng kỳ diệu. Lịch sử ghi rõ Kiều Trần Như vừa nhìn thấy Phật, liền đắc La hán và lần lượt các người gặp Phật đều chứng từ sơ quả cho đến tam quả, tứ quả. Ngay như vua Ba Tư Nặc ngang bướng, rất bực bội khi nghe Phật độ Sunita thuộc giai cấp cùng đinh. Thay vì phản đối gây gổ với Phật như đã định trước, không hiểu tại sao khi đến gặp Phật, ông lại răm rắp nghe lời Phật đảnh lễ Sunita.

Phật đắc đạo, giáo hóa chúng sanh đơn giản nhẹ nhàng. Cũng như Thường Bất Khinh sau khi nghe pháp Phật Oai Âm Vương, trở lại cuộc đời, chuyển đổi những người chống đối thành pháp lữ hằng thuận. Điều này nhắc nhở chúng ta khi hành Bồ tát đạo, phải thuyết pháp như Phật Oai Âm Vương. Nghĩa là chỉ nói khi lời nói chúng ta có giá trị, có đủ quyền uy để giáo hóa.

Trước kia, tánh tôi không chịu thua ai. Tụng Pháp Hoa, tôi tâm đắc nghĩa Phật dạy rằng lời nói mình chưa có giá trị, cậy miệng cũng không nói, huống chi là cãi lại. Tổ Đạt Ma không nói lời nào, ngồi chín năm nhìn vô vách, cũng không nằm ngoài nghĩa này.

Qua phẩm Thường Bất Khinh Bồ tát, Phật đưa ra mô hình kiểu mẫu cho hành giả Pháp Hoa làm đạo ở Ta bà, phải thuyết pháp như Phật Oai Âm Vương và tu hành như Phật Vân Tự Tại, mới giữ được pháp chân thật còn mãi trên thế gian lợi lạc chúng hữu tình.

Phẩm 21

NHƯ LAI THẦN LỰC

I. LƯỢC VĂN KINH

Bấy giờ vô số Bồ tát từ đất vọt lên ở trước Đức Phật, chắp tay bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn, sau khi Ngài diệt độ, chúng con sẽ nói kinh Pháp Hoa ở các nước của Đức Thế Tôn phân thân diệt độ".

Lúc ấy đức Thế Tôn ở trước đại chúng, hiện thần thông le lưỡi đến Trời Phạm Thế và từ lỗ chân lông phóng ra vô số tia sáng đủ màu soi khắp mười phương thế giới. Các Đức Phật ngồi tòa sư tử dưới cội cây báu cũng làm như thế. Đức Phật Thích Ca và chư Phật hiện thần thông đến trăm ngàn năm mới ngừng, đồng thời tằng hắng và khảy móng tay. Hai tiếng vang đó lan rộng mười phương thế giới của chư Phật.

Bát bộ chúng cùng loài người nương sức thần của Phật thấy trong cõi Ta bà có vô lượng vô số Phật ngồi tòa sư tử, thấy Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo ngồi trong tháp báu, cũng thấy vô lượng Bồ tát và tứ chúng vây quanh Đức Thích Ca.

Lúc đó, chư Thiên trên hư không xướng rằng : "Cách đây vô lượng thế giới có nước Ta bà, trong đó có Phật Thích Ca đang nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm. Các ông nên tùy hỷ, lễ bái cúng dường Đức Phật Thích Ca". Chúng sanh nghe xong chắp tay quay về Ta bà niệm : "Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật" và dùng hoa hương châu báu rải vào Ta bà. Bấy giờ, thế giới mười phương thông nhau thành một nước Phật.

Khi đó, Phật bảo các Bồ tát Thượng Hạnh : "Sức thần thông của chư Phật không thể nghĩ bàn. Nếu dùng thần

thông ấy mà nói về công đức kinh Pháp Hoa để lưu truyền về sau, thì không bao giờ nói hết được. Tóm lại, tất cả pháp Như Lai, thần lực Như Lai, kho tàng bí yếu của Như Lai đều được giải nói trong kinh Pháp Hoa. Sau khi Như Lai diệt độ, các ông phải một lòng thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép đúng theo kinh mà tu hành. Nơi nào có người tu theo kinh Pháp Hoa hay có kinh Pháp Hoa, phải nên dựng tháp cúng dường. Vì đó là đạo tràng, là nơi chư Phật được Vô thượng giác, là nơi chư Phật chuyển pháp luân và nhập Niết bàn"

II. GIẢI THÍCH

Khi Phật đem sự nghiệp ủy thác cho người thừa kế hay đem kinh Pháp Hoa phú chúc cho các Bồ tát tùng địa dũng xuất, các Ngài rất tâm đắc. Và đồng loạt lục vạn hằng sa Bồ tát vâng lời Phật dạy truyền bá kinh Pháp Hoa sau Phật diệt độ, đúng theo tinh thần của Phật Oai Âm Vương và Vân Tự Tại.

Tất cả nhà chú sớ đều nhận thấy điểm này lạ vì có nhiều kinh mà Phật không cần phú chúc như kinh Tiểu Thừa, hoặc kinh Bát Nhã được Phật phú chúc cho Ngài A Nan. Trong khi kinh Pháp Hoa, Phật phú chúc đến hai lần.

Phẩm Như Lai thần lực phú chúc về mặt siêu hình. Sinh hoạt và đối tượng của Phật phú chúc là Bồ tát tùng địa dũng xuất. Ngài Trí Giả gọi là thần lực phú chúc. Phẩm 28 Chúc Lụy thuộc về phần phú chúc ở mặt hữu hình cho chúng đương cơ và hành giả Pháp Hoa đời sau. Trí Giả xếp vào loại ma đảnh phú chúc.

Để mở đầu phẩm Như Lai thần lực, Bồ tát tùng địa dũng xuất phát nguyện thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa ở Ta bà. Về vấn đề đức Phật có chấp

nhận sự hoằng truyền kinh Pháp Hoa của chúng hội hay không, chúng ta nhớ lại ở phẩm Trì. Trong đó, các vị Thanh văn được thọ ký thành Phật và các Bồ tát do Dược Vương dẫn đến đều xin Phật cho họ truyền bá kinh Pháp Hoa ở Ta bà, nhưng Ngài không chấp nhận. Phật trả lời trong phẩm Tùng địa dũng xuất rằng ở Ta bà có các Bồ tát cựu trụ thị tùng Pháp thân Phật. Các vị này đông hơn số cát sáu sông Hằng, sau khi Như Lai diệt độ, lãnh trách nhiệm hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

Tại sao Phật không giao trách nhiệm hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ta bà cho Bồ tát mười phương, Ngài lại phú chúc cho Bồ Tát cựu trụ hay Bồ tát tùng địa dũng xuất ? Giữa Bồ tát mười phương và Bồ tát cựu trụ khác nhau như thế nào ?

Bồ tát mười phương như Trí Tích Bồ tát tích lũy công đức, tích lũy học vấn cũng chưa được Phật giao trách nhiệm giữ gìn kinh Pháp Hoa. Vì vấn đề quan trọng là muốn thành tựu được việc, cần nhìn thấy sự thật của sự vật ở Ta bà. Điều này đòi hỏi hành giả Pháp Hoa phải sống, phải trưởng thành ở nơi đó.

Đức Phật giao kinh Pháp Hoa cho Bồ tát tùng địa dũng xuất là Bồ tát xuất thân từ Ta bà, sống ở Ta bà mới hiểu rõ tâm tình chúng sanh Ta bà và giáo hóa họ phát huy được. Nếu không hiểu họ và đứng ở lập trường riêng mà dạy, chắc chắn không kết quả. Bồ tát mười phương đến Ta bà chỉ làm công việc trợ hóa.

Ngoài ra, các Bồ tát cựu trụ có người mang theo 6 vạn hằng hà sa quyến thuộc, có người đem 5 vạn, 4 vạn, 3 vạn quyến thuộc hoặc có Bồ tát đi một mình. Đối với người thích viễn ly sẽ gặp Bồ tát đi một mình. Người thích có nhiều quyến thuộc sẽ thích hợp với Bồ tát Thượng Hạnh.

Ngài dạy họ tổ chức điều hành, giáo dưỡng toàn mỹ sáu vạn hằng hà sa quyến thuộc.

Các Bồ tát cựu trụ tiêu biểu cho mọi tầng lớp xã hội, thể hiện được giáo pháp của Đức Phật Thích Ca mới có khả năng giáo hóa ở Ta bà, vì Ta bà có nhiều ác ma. Các Ngài nhờ quan sát ác ma này mà phát sanh thật trí, diễn dịch chân lý không cùng tận. Trong khi các Bồ tát ở thế giới khác không có đối tượng, không có điều kiện để trắc nghiệm kinh Pháp Hoa như Bồ tát cựu trụ.

Ngài Trí Giả chú giải điểm này cho rằng Phật phú chúc giáo pháp cho Bồ tát cựu trụ Ta Bà, không phú chúc cho Bồ tát phương khác. Vì Phật thấy rõ tâm các Bồ tát mười phương ở xa thương Phật muốn đến Ta bà hoằng truyền Pháp Hoa. Tuy nhiên, chạm phải những chúng sanh hung dữ, kỳ khôi, ngang bướng của Ta bà, các vị này sẽ hoảng sợ, chán nản bỏ cuộc. Nói cách khác, chỉ có Bồ tát cựu trụ có khả năng chịu đựng những bức ngặt của Ta bà, biết rõ căn tánh hành nghiệp của chúng sanh Ta bà và đáp ứng dễ dàng những yêu cầu của chúng.

Ngoài ra, tư cách đặc thù của Bồ tát tùng địa dũng xuất để được Phật phú chúc việc hoằng truyền kinh Pháp Hoa, chính vì các Ngài là những Bồ tát đã vượt ngoài ngũ uẩn thân. Các Ngài không còn bị ngũ uẩn chi phối, mới lãnh hội được pháp chân thật của Phật truyền trao và đủ khả năng giữ gìn pháp ấy để làm lợi lạc cho chúng hữu tình ở đời sau. Đối với những Bồ tát chưa vượt qua được sự chi phối của thân ngũ uẩn, tất nhiên không thể nào tiếp nhận pháp chân thật. Họ chỉ có thể tiếp cận và sống với pháp phương tiện mà thôi.

Dưới nhãn quan của hành giả Pháp Hoa ngày nay, chúng ta còn sống và tu hành trong bể Phật pháp, tăng

tiến đạo hạnh, là nhờ sự mật tá của các Bồ tát tùng địa dũng xuất. Mặc dù chúng ta không thấy các Ngài, nhưng vẫn cảm nhận được nếu không có sự hộ niệm của Bồ tát tùng địa dũng xuất, chúng ta không thể nào tiến tu được.

Sau khi các Bồ tát cựu trụ phát nguyện, Đức Phật lặng thinh, mặc nhiên bằng lòng cho các vị này hoằng truyền kinh Pháp Hoa. Đức Phật liền hiển bày thần lực. Phô diễn thần lực là phương cách mà Phật dùng để dạy kinh Pháp Hoa, một pháp chân thật nằm trong sanh diệt khó hiểu khó vào, vượt ngoài suy tư thế gian, nên Đức Phật phải trải qua suốt 49 năm giáo hóa.

Đối với chúng đương cơ và các Bồ tát phương khác đến dự hội Pháp Hoa, thần lực của Phật thật bất tư nghì. Chúng sanh đời sau thiếu căn lành, không có niềm tin, cho đó là biểu tượng, không phải là sự thật, hoặc chỉ là chuyện giả tưởng. Riêng chúng ta khi chưa hiểu được thần lực Như Lai, phải xem đó như một trong mười tám pháp bất cộng của Phật là pháp chân thật nằm ngoài ngôn ngữ thế gian và chỉ dành riêng cho Bồ tát tùng địa dũng xuất nghe, giữ gìn, truyền bá. Tùy thân phận, trình độ tu chứng của người dự pháp hội thấy thần lực này mang ý nghĩa khác nhau.

Tướng bất khả tư nghì thứ nhất là tướng lưỡi rộng dài, le thẳng đến cùng tột Trời Sắc cứu cánh hay Trời Phạm Thế. Theo tôi, tướng này tiêu biểu cho khẩu chuyển pháp luân của Phật. Ngài thuyết pháp, âm thanh đi khắp mười phương đến Trời Phạm Thế. Hay nói cách khác, tất cả loại hình đều trực nhận được ngôn ngữ của Phật theo nghiệp riêng của họ. Chúng ta đã thấy diễn tả pháp hội Phật thuyết kinh Pháp Hoa trong phẩm Tựa gồm đủ Trời, người, bát bộ chúng, tứ Thánh lục đạo trong chín cõi, những

người đang trụ Thiền định hoặc đang sống với ngũ uẩn thân đều tiếp nhận được ngôn ngữ Phật.

Tướng lưỡi rộng dài đến Trời Phạm Thế, có lẽ là một cách diễn tả của người kiết tập kinh điển, nhằm nói lên sức thuyết phục của Phật thật vô cùng khi Ngài sử dụng khẩu chuyển pháp luân.

Tướng thứ hai là lỗ chân lông của Phật đều phóng ra ánh sáng chiếu khắp mười phương. Thân phóng ánh sáng tiêu biểu cho thân phạm hạnh trong sạch đạo đức của Đức Phật. Ngài được mọi loài kính ngưỡng, nghe theo, vì từ thân Ngài tỏa rực ánh sáng đạo đức thuần thiện. Đây là phần thân chuyển pháp luân của Phật, Ngài thuyết pháp giáo hóa chúng sanh một cách nhẹ nhàng bằng chính cuộc sống đạo hạnh trọn lành của Ngài vậy. Hình ảnh thân Phật tỏa ánh sáng cũng là một cách thức diễn tả cảm nghĩ của người kiết tập kinh điển.

Tướng thứ ba diễn ra bằng hình ảnh tất cả Phật mười phương tụ hội về cùng làm một việc như Phật, cũng le lưỡi, lỗ chân lông cũng phóng ra ánh sáng. Những nhà chú giải kinh Pháp Hoa đều đồng kiến giải tất cả chư Phật cùng làm một việc và ánh sáng xuyên qua mười phương thế giới tiêu biểu cho thần lực của Phật, sức mạnh của Phật, sức chiết phục của Phật thường được ví như mặt trời phá trừ hắc ám.

Ngoài ra, hiện tướng này mang ý nghĩa tiêu biểu cho Phật đạo đồng. Tuy có nhiều Đức Phật khác nhau, nhưng các Ngài đều giống nhau, có 32 tướng tốt và thần lực như nhau. Chỉ khi hành Bồ tát đạo hiện ra sai khác.

Tướng bất khả tư nghì kế tiếp là các Đức Phật đồng làm một việc tằng hắng và khảy móng tay. Khi Phật phô diễn thần lực, thế giới cho đến Trời Phạm Thiên đều nổ

tung, biến động sáu cách, trong trăm ngàn năm thu lại thành chớp mắt. Thế giới nổ tung nhưng những người dự hội không biết, tất cả chỉ còn giữ lại hiện hữu dưới dạng tâm thức, không có gì trở ngại được gọi là Kim Cang thân. Tiếp theo, trong mười phương thế giới đều thấy Phật và phân thân Phật cùng tháp Đa Bảo và vô số Bồ tát về dự hội Pháp Hoa.

Thần lực thứ chín là chư Thiên dùng vật báu rải vào cõi Ta bà, cúng dường Phật Thích Ca. Do thần lực của Phật, những món báu này biến thành phan lọng che các Đức Phật.

Bất khả tư nghì thứ mười là chư Phật mười phương thông làm một cõi, chư Phật liên hệ nhau không chướng ngại. Tuy thông làm một cõi nhưng mỗi Đức Phật vẫn có Phật độ riêng. Đây là cảnh giới mầu nhiệm của kinh Pháp Hoa, là pháp chân thật của kinh Pháp Hoa.

Cảnh giới của chúng ta và cảnh giới Phật thực ra không khác nhau. Thế giới đau khổ buồn phiền này do nghiệp ác của chúng sanh tạo nên. Với phước đức và trí tuệ trang nghiêm, chư Phật xây dựng thế giới an vui tốt đẹp. Điều này dễ hiểu vì cũng đồng một chất, một nguyên tố nhưng tùy tâm lượng và khả năng từng người mà tạo nên vật khác nhau. Khổ vui đều tùy thuộc vào hành giả. Nếu là Bồ tát, là Phật, hành giả sẽ có cảnh giới của Bồ tát, của Phật. Trái lại hành giả là chúng sanh, cảnh giới chúng sanh sẽ hiện tương ưng.

Tóm lại, Đức Phật phô diễn thần lực thể hiện đầy đủ ý nghĩa tam chuyển pháp luân của Ngài : thân chuyển, khẩu chuyển và ý chuyển, được người kiết tập kinh điển diễn tả bằng hình ảnh Phật phóng ánh sáng, thè lưỡi, khảy móng tay v.v…

Theo Ngài Nhật Liên, nếu hiểu thần lực của Phật một cách đơn giản như kinh diễn tả, chúng ta không thể nào thâm nhập vào cảnh giới Pháp Hoa. Với kiến giải của Ngài, lúc đó Phật không sử dụng nhân gian ngôn ngữ. Ngài sử dụng Phật ngữ để lưu lại pháp chân thật. Tuy pháp đó chúng ta không thấy, không nghe, không biết, nhưng các vị Bồ tát tùng địa dũng xuất lãnh trách nhiệm duy trì, giữ gìn, pháp âm của Ngài mới tồn tại mãi đến ngày nay hơn 25 thế kỷ.

Thật vậy, pháp âm của Ngài đã vượt ra khỏi ranh giới hạn hẹp của đất Ấn Độ. Pháp âm đã được truyền thông đi khắp năm châu, hiện hữu trong các quốc gia dưới những hình thái sinh hoạt khác nhau. Nó bàng bạc phổ biến trong không gian vô cùng. Chúng ta thấy ở một giai đoạn nào đó, xuất hiện những con người tiếp thu được pháp chân thật. Nếu pháp âm không tiềm ẩn sẵn trong vũ trụ, thì khó mà tồn tại dài lâu như vậy. Đó chính là ý nghĩa Đức Phật làm cho Phật pháp cửu trụ dưới dạng thức giao cho Bồ tát tùng địa dũng xuất siêu hình giữ gìn.

Theo tôi, trên thực tế một con người không thể điều động duy trì một công việc theo ý mình lâu dài được. Chúng ta thấy có ba hạng người mà tầm vóc hoạt động ảnh hưởng khác nhau. Hạng người thứ nhất tuy còn sống nhưng hết phước, không được ai để ý đến, họ không khác gì người đã chết. Hạng người thứ hai, việc làm của họ chỉ có giá trị khi còn sống. Lúc họ qua đời mọi việc trôi theo quá khứ, chẳng ai nhớ đến. Và hạng người thứ ba, tuy chết nhưng vẫn như còn sống, vẫn còn mọi người nhắc nhở noi theo, tiếp tục làm công việc của họ. Coi như họ còn hiện hữu, tồn tại ở dạng Pháp thân.

Trên thế gian này, duy nhất chỉ có Đức Phật sống lâu hơn cả. Thọ mạng của Ngài kéo dài hơn 2.000 năm. Từng thế hệ tự động nối tiếp phát triển giáo pháp của Phật, nhờ sức mạnh gọi là Như Lai thần lực, một sức mạnh có thực của người đắc đạo mà người đời không thể thấy, không thể hiểu.

Tuy nhiên, Như Lai thần lực không mang ý nghĩa nào khác hơn là sức mạnh tinh thần. Đức Phật khi còn là Thái tử Sĩ Đạt Ta, lịch sử ghi Ngài có sức mạnh đến độ khiêng một cung đồng nặng đến 36 người mới khiêng nổi. Nhưng sức mạnh tinh thần của Ngài quan trọng hơn. Khi Ngài thành Phật, đạt đến trí tuệ cao tột hay phát huy sức mạnh tinh thần ở tuyệt đỉnh, kinh gọi là Như Lai thần lực.

Như Lai lực có sẵn trong con người chúng ta, vì Như Lai tánh tồn tại trong tất cả pháp. Nhưng chúng ta không sử dụng được, không khai thác được Như Lai lực của mình, nên chỉ sống trong vòng lẩn quẩn hạn hẹp của nhân lực bình thường. Khi chúng ta phát triển sức mạnh tinh thần của mình ở khía cạnh triết học hay khoa học, chúng ta trở thành triết gia, khoa học gia.

Cũng vậy, chúng ta bước vào con đường tu hành với phương châm duy tuệ thị nghiệp, cố nâng đời sống tinh thần theo lời dạy của Phật. Tinh luyện tinh thần trong hiểu biết đặc thù của Phật, để điều động mọi sự vật theo mô hình "điều mà không điều", không qua lời nói, cử chỉ, hành động. Mỗi ngày sức mạnh tinh thần phát huy rộng lớn thêm, đến một lúc nào đó đắc đạo, chúng ta sử dụng trọn vẹn Như Lai lực của chính mình đồng với Đức Phật vậy.

Bồ tát tùng địa dũng xuất từ cùng tột trong lòng đất, nhận lãnh giữ gìn pháp chân thật, tiêu biểu cho hành giả

Pháp Hoa trở về nội tâm quán chiếu sâu tận đáy lòng để thấy được chân thật pháp. Tùy mức độ thâm nhập vào cảnh giới thiền định đến đâu, tạo thành lực chi phối đến đó.

Qua sự phô diễn thần lực, Đức Phật chỉ dạy cho con người ở Ta bà cái thấy toàn diện hay thần lực siêu việt của Ngài đều phát xuất từ thiền định. Chúng hội thấy diễn biến của toàn bộ pháp giới, không thể hiểu được, nên việc nào cũng thành bất tư nghì.

Lực của Như Lai đi thẳng vào thể của sự vật, làm xoáy mòn phiền não chúng sanh dễ dàng. Ở dạng thể thì tâm, Phật và chúng sanh, ba thứ này không sai biệt. Thật vậy, khi Như Lai lực chỉ tác động vào thể của sự vật, bấy giờ lực Như Lai nằm trong chính ta. Hay nói cách khác, hành giả tập trung cao độ, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép, đúng như pháp tu hành, dù ở Tăng phường hoặc ở điện đường hay núi hang đồng trống, hành giả chính là toàn thân Như Lai.

Trên bước đường hành Bồ tát đạo, dù khoác vào chiếc áo xuất gia hay cư sĩ, từng bước thâm nhập pháp chân thật diễn nói trong kinh Pháp Hoa, vượt ngoài lý luận ngữ ngôn bình thường. Chúng ta mới sống được trong Như Lai thần lực, nhận được trí lực của Phật gia bị đến. Nương theo sự mật tá của Phật, chúng ta phát huy trí tuệ và đạo đức theo mô hình Phật dạy từ phẩm thứ nhất đến phẩm 20. Được như vậy, chúng ta mới thực sự là hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu, có khả năng duy trì, giữ gìn kinh Pháp Hoa hay tạng bí yếu của Như Lai mà Đức Thế Tôn đã ân cần phú chúc cho chúng ta trong phẩm Đà la ni thứ 22.

Phẩm 23

DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỔN SỰ

I. LƯỢC VĂN KINH

Bấy giờ Bồ tát Tú Vương Hoa thỉnh Phật nói cho đại chúng biết về công hạnh của Bồ tát Dược Vương ở Ta bà. Đức Phật đáp : "Trong quá khứ lâu xa về trước, có Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Ngài có 80 ức đại Bồ tát, 70 hằng hà sa đại Thanh văn. Ngài thọ 42 ngàn kiếp. Trong nước của Ngài không có ba đường ác và các khổ nạn, đất bằng lưu ly thanh tịnh trang nghiêm. Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức nói kinh Pháp Hoa cho Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến và các Bồ tát nghe.

"Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến thường tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, mãn 12.000 năm được Hiện nhất thiết sắc thân. Bồ tát này tự nghĩ nhờ nghe kinh Pháp Hoa mà được chánh định này, Ngài liền nhập định trong hư không, rưới hương hoa trời để cúng dường Phật và kinh Pháp Hoa. Cúng dường xong, Ngài xuất định và tự thấy dùng thần lực cúng dường chưa bằng lấy thân cúng dường. Ngài liền uống các dầu thơm mãn 1.200 năm và quấn thân bằng áo báu cõi Trời và rưới dầu thơm lên, rồi dùng sức nguyện thần thông tự đốt thân.

"Ánh sáng tỏa soi 80 ức hằng hà sa thế giới và chư Phật đồng ngợi khen "Lành thay, như vậy mới là pháp cúng dường…". Lửa cháy đến 1.200 năm và sau khi mạng chung Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến sanh lại trong nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Ở trong cung vua Tịnh Đức, Ngài bỗng nhiên hóa sanh và thưa với vua cha rằng nhờ cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức mà Ngài được Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn

Đà la ni và vô số kệ của kinh Pháp Hoa. Nay biết Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức vẫn còn, Ngài lại xin tiếp tục cúng dường. Nói xong, Ngài bay lên hư không đến trước Phật Tịnh Minh Đức dùng kệ tán thán Phật rồi bạch : "Thế Tôn vẫn còn ở đời ư ?". Đức Phật trả lời : "Ông nên sắp đặt giường tòa, ta sẽ nhập Niết bàn trong đêm nay. Ta nay giao phó Phật pháp, các Bồ tát và đại đệ tử cho ông. Ta cũng giao cho ông 3.000 đại thiên thế giới và tất cả xá lợi của ta".

"Vào cuối đêm, Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức nhập Niết bàn. Sau khi hỏa thiêu, Ngài để xá lợi Phật vào bình báu và an trí ở 84.000 tháp cao ba thế giới. Bấy giờ Ngài tự nghĩ xây tháp cúng dường xá lợi cũng chưa đủ. Ngài liền ở trước 84.000 tháp, đốt hai cánh tay trong suốt 72.000 năm, khiến vô số người cầu Thanh văn và vô số người phát tâm cầu Vô thượng giác trụ trong Hiện nhất thiết sắc thân tam muội.

"Đại chúng thấy Bồ tát đốt tay đều buồn thương. Ngài ở trong đại chúng lập lời thề rằng : "Ta bỏ hai tay, ắt sẽ được thân Phật. Nếu đúng như vậy, xin cho hai tay tự nhiên có trở lại". Vừa thệ nguyện xong, hai tay hoàn lại như cũ. Đức Phật Thích Ca bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát rằng Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến thuở xưa, nay chính là Bồ tát Dược Vương".

Này Tú Vương Hoa, ai muốn phát tâm được Vô thượng bồ đề mà đốt một ngón tay cúng dường tháp Phật, còn hơn người dâng cúng cả trân bảo của 3.000 đại thiên thế giới. Người nào dùng bảy báu trong 3.000 đại thiên thế giới cúng dường Phật, Bồ tát, Duyên Giác, La hán, cũng không có công đức bằng người thọ trì kinh Pháp Hoa dù là một bài kệ.

Trong các kinh Như Lai nói, kinh Pháp Hoa cao hơn hết. Kinh này có thể làm cho chúng sanh xa lìa tất cả mọi tật bệnh thống khổ, có thể cởi mở sự trói buộc của sanh tử. Ai nghe phẩm này được vô lượng công đức. Sau khi Phật diệt độ, người nào tu hành đúng theo kinh này, khi mạng chung được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà.

Bấy giờ, các Đức Phật đồng khen ngợi "Hay thay, Tú Vương Hoa, ông có thể ở trong pháp hội của Đức Phật Thích Ca thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa và nói cho người khác nghe, công đức thật vô lượng. Trăm ngàn Đức Phật sẽ giữ gìn ông…"

Phật bảo : "Tú Vương Hoa, ông phải truyền bá kinh này ở Diêm phù đề và dùng thần thông mà giữ gìn. Thấy ai thọ trì ông nên rải hương bột trên người ấy và nghĩ rằng người này chẳng bao lâu sẽ ngồi đạo tràng, phá ma quân và độ thoát tất cả chúng sanh".

Lúc Phật nói phẩm Dược Vương Bồ tát bổn sự có 84.000 Bồ tát được Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn Đà la ni.

II. GIẢI THÍCH

Sau khi Phật truyền trao pháp ngữ cho các Bồ tát tùng địa dũng xuất, đối với hành giả còn bị thân ngũ uẩn ngăn che, phần phú chúc này vẫn nằm ngoài tầm hiểu biết suy tư của họ. Đức Phật thương xót họ, giảng thêm việc làm của các Bồ tát trong sáu phẩm kế tiếp là Dược Vương Bồ tát, Diệu Âm Bồ tát, Quan Âm Bồ tát, Diệu Trang Nghiêm Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát và sự hộ trì bí mật của các Bồ tát cho chúng ta ở phẩm Đà la ni.

Mở đầu phẩm, Phật giới thiệu với Tú Vương Hoa Bồ tát hình ảnh hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu là Ngài Dược Vương Bồ tát. Trong quá trình hành Bồ tát đạo để dẫn đến kết quả Dược Vương trở thành đại lương y cứu lành được tất cả thân bệnh và tâm bệnh của chúng sanh, Ngài đã phát tâm Bồ đề, làm việc khó làm từ thời Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức với danh xưng Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát.

Phần nhiều các Bồ Tát do đức mà thành danh, không dùng tên cha mẹ đặt. Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến nghĩa là mọi loài chúng sanh đều ưa thấy. Ngược lại với Thường Bất Khinh Bồ tát xuất hiện bằng thân nghiệp báo tu hành, nên là đối tượng của phỉ báng tội lỗi. Tu hành hết nghiệp. mới được mọi người tôn kính.

Với danh xưng Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến biểu hiện Ngài đã ở tư thế tiền tam muội, sắp đạt quả vị Như Lai, mới là đối tượng đáng kính của các loài chúng sanh. Dưới sự hướng dẫn sáng suốt, thấy biết hoàn toàn chính xác của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức và sự trợ duyên của 80 ức đại Bồ tát pháp lữ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát đã nỗ lực phát triển sự tu học, tinh tấn kinh hành không ngừng nghỉ.

Kinh hành không có nghĩa lần đi vòng vòng hay đi cho tiêu cơm. Tâm nguyện của người cúng đã ký thác cho hành giả trong bát cơm và hành giả đáp ứng được mong cầu này mới tiêu cơm. Vì vậy, trong từng bước chân đi, hành giả suy nghĩ, hình dung xem người mang cơm đến cúng với dạng nào. Khả năng hiểu biết và tu hành của chúng ta làm được lợi ích gì cho họ.

Vấn đề quan trọng của kinh hành ở điểm suy nghĩ, không phải ở hành động đi. Nếu suy nghĩ biết người yêu

cầu ta đưa họ về Tịnh độ, thì Tịnh độ ở đâu và hành giả dùng phương tiện gì để đưa họ về Tịnh độ. Giải quyết tất cả vấn đề này, chắc chắn là việc không đơn giản.

Với pháp kinh hành quán tưởng như vậy, từng việc diễn biến trong tâm Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến. Cuối cùng Ngài đạt được Hiện nhất thiết sắc thân tam muội. Hiện Nhất thiết sắc thân tam muội là chánh định tụ, một trạng thái tâm hồn hoàn toàn yên tịnh. Nhờ đó, mới đến với Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức được.

Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức biểu hiện cho bản tâm thanh tịnh, nên hành giả không thể tìm bên ngoài. Trái lại khởi đầu từ tư duy, tu hành của chúng ta mỗi ngày nhìn người nhìn vật, phán đoán đúng dần. Và từng bước gia công tu hành, lặn sâu vào thế giới thiền định để hiểu biết, điều động việc.

Dược Vương Bồ tát đã từng ở trong thế giới thuần tịnh của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, biết tất cả và làm được tất cả. Đó là câu trả lời của Phật cho Tú Vương Hoa Bồ tát biết tại sao Dược Vương hiện hữu ở Ta bà. Việc này tất yếu đối với người đắc đạo vì khi an trụ trong thể của sự vật và từ thể này đi ra thế giới hiện tượng, sẽ có khả năng bung ra khắp pháp giới không sót.

Hiện nhất thiết sắc thân tam muội, nghĩa là giải quyết được mọi việc trong thiền định. Tuy ngồi yên lặng, nhưng việc thế gian đều thông suốt, tác dụng cho muôn loài thật lớn lao, hiện được tất cả loại hình tương ưng với tất cả đối tượng của Ngài. Chúng sanh dưới dạng nào cũng thấy Ngài là pháp lữ đáng cung kính. Nói cách khác, Ngài tùy duyên ẩn hiện, tiêu biểu cho Bồ tát từ quả môn trở lại hiện tượng giới. Với lực tác động quá kỳ diệu này, Ngài được tặng cho danh hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến.

Muốn đạt đến địa vị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát, hành giả phải trải qua quá trình tu hành. Từ thân phận một người bình thường không được ai chấp nhận, ta luôn đối nghịch với muôn loài, tiến lên ta chỉ thuận một loài và vừa lòng một người. Hành giả mới bước vào hạnh Tiểu thừa, sống trong tầng lớp nào, lấy môi trường đó làm pháp lữ tu hành. Các thành phần khác xem như chống trái ta.

Từ địa vị được một thành phần trong xã hội quý trọng, hành giả nhìn lên thấy Phật là người được tất cả tầng lớp xã hội thương mến. Thậm chí thành phần đối kháng với Phật cũng thấy Ngài là người đáng tôn kính. Các Bồ tát an trú trong pháp Phật lâu ngày, chịu ảnh hưởng Phật, phát hiện được lực tác động tiềm ẩn bên trong Ngài, mới cảm nhận được ý nghĩa của chữ "KHÔNG". "KHÔNG" nghĩa là Phật không vướng bận giai cấp nào. Ở vị trí Pháp Hoa hay tu trên Phật thừa, phát triển từ chơn KHÔNG mà hiện DIỆU HỮU, trong lòng Phật không vướng bận gì trần gian, nhưng Ngài vừa lòng tất cả người.

Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát tu hành dưới dạng này, đạt được Nhất thiết sắc thân tam muội. Chúng sanh nghĩ gì, Ngài hiện hình tương ưng theo ý muốn họ. Chúng sanh đến với Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đều trở thành đối tượng của Ngài. Ngài quán sát chúng sanh và vào định để chứng nghiệm, đạt được Giải nhất thiết ngữ ngôn Đà la ni; nghĩa là Ngài biết rõ tâm niệm chúng sanh, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của chúng sanh.

Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đã trải qua quá trình tu hành sử dụng được Như Lai huệ, không phải là hiểu biết theo kinh nghiệm, cũng không phải là trí do học có được. Đó là niệm tâm từ chơn như khởi lên, làm theo trùng

trùng duyên khởi, nên thành tựu được trùng trùng công đức.

Nghĩ đến công ơn giáo dưỡng của Phật quá lớn cùng với công đức kinh Pháp Hoa hay trí tuệ Như Lai chỉ đạo, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến cúng dường Phật và cúng dường kinh Pháp Hoa bằng cách vận dụng thần lực của Ngài. Đó là năng lực do tu chứng tạo thành một thế giới thần biến. Ngài bay lên hư không, rải các danh hoa và các loại hương cúng Phật. Về điểm này tôi không nghĩ có Bồ tát Dược Vương mang thân người thực bay lên trời và rải hoa xuống cúng dường. Đối với tôi, Dược Vương dùng thần lực nghĩa là dùng một sức mạnh siêu tự nhiên, nhưng có thực, nằm ngoài khả năng của người bình thường.

Thần lực không có nghĩa gì khác hơn là trí khôn con người phát triển đến cao độ, tạo thành sức mạnh siêu tự nhiên, mạnh gấp trăm triệu lần sức mạnh sử dụng bằng tay chân. Ngày nay, chúng ta có thể tạm hiểu sức mạnh siêu tự nhiên này, ví như sức mạnh của nguyên tử lực do trí khôn con người phát minh. Theo kiến giải của ông Kubota, Ngài Dược Vương dùng hương hoa cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, mang ý nghĩa là hạnh cúng dường hay những việc làm thể hiện lợi lạc vẫn không rời bản vị giải thoát, khiến mọi người kính trọng Phật.

Theo Phật dạy, chỉ có năm thứ hương là giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương mới có khả năng bay ngược gió. Bồ tát không dùng hương nào khác ngoài năm phần hương này để dâng cúng Phật.

Khởi đầu tô điểm thân tâm bằng giới hương, hành giả sống một cuộc đời phạm hạnh thanh tịnh, không vi phạm luật pháp, không làm phiền lòng người. Ba nghiệp

thân khẩu ý thuần tịnh, về thân thì đi, đứng, nằm, ngồi, hình tướng đĩnh đạc, lời nói thì luôn phù hợp kinh điển vì Hiền Thánh không nói năng thô tục hung ác như A tu la. Trong kinh thường diễn tả Phật dùng tiếng Phạm âm thâm diệu khiến người đều ưa nghe. Nghe ở đây nghĩa là nghe bằng tâm. Phật thốt ra lời nào cũng thể hiện chân lý, vì vậy được người khát vọng chân lý lắng nghe, tiếp nhận. Oai nghi, ngôn ngữ và lòng từ của Phật thấm nhuần trải khắp thân tâm hành giả và từ từ thể hiện trong cuộc sống. Hành giả trở thành con người giới đức hoàn toàn và hiểu biết sáng suốt.

Ngoài việc trang nghiêm thân tâm bằng năm phần hương để cúng dường Phật, hành giả dùng hoa cúng dường. Hoa tiêu biểu cho tinh ba, những gì đẹp nhất trên cuộc đời. Lấy hoa trang nghiêm, tức lấy hạnh Bồ tát làm mạng sống để tiếp cận chân lý và thâm nhập chân lý.

Dược Vương Bồ tát không ôm hoa hay hương bay lên Trời cúng dường. Ngài nhập định và hiện thần biến cúng dường, nghĩa làm cho cuộc đời nở hoa và tỏa hương. Tuy ngồi yên, nhưng công đức tác động sáng đẹp cuộc đời.

Khi biết tất cả và làm được tất cả, kinh gọi là Giải nhất thiết ngữ ngôn Đà la ni, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến vẫn chưa mãn nguyện. Điều này gợi cho chúng ta suy nghĩ đạo Bồ tát không bao giờ hết. Càng làm tốt đạo hạnh càng cao. Càng làm đẹp cuộc đời bao nhiêu, công đức càng tăng trưởng lên bấy nhiêu. Bồ tát Dược Vương nghĩ rằng dùng phẩm vật cúng dường không bằng dùng thân cúng dường. Ngài uống tất cả dầu thơm và lấy lụa cõi Trời quấn thân đốt đến 1.200 năm, thân Bồ tát mới hết.

Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát trải một thời gian dài uống các danh hương, nghĩa là uống tất cả

pháp môn tu của Phật hay những lời dạy quý giá của Phật huân tu vào lòng. Bồ tát Pháp thân tăng trưởng theo pháp vị uống vào, phát huy đến mức tiêu biểu cho những gì hay đẹp trọn vẹn và dùng thành quả ấy để làm lợi ích cuộc đời.

Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát cũng lấy lụa đẹp cõi Trời tự quấn thân, nghĩa là dùng thân chư Thiên trang nghiêm cho mình. Tuy sống trên nhân gian, nhưng Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát tiêu biểu cho mẫu người cao thượng của chư Thiên. Như vậy với quá trình gạn lọc thân tâm thì bên trong Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát xông ướp bằng danh hương của Phật và Hiền Thánh, bên ngoài thể hiện bằng thân tướng đẹp nhất của cõi Trời.

Huân tập đầy đủ thân tâm hoàn toàn trong sạch thánh thiện rồi, Ngài dùng lửa tam muội đốt thân. Vấn đề đốt thân cúng dường của Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát được đặt ra, gợi cho hành giả Pháp Hoa suy nghĩ rằng Phật có cần chúng ta đốt thân như vậy hay không ?

Từ khi Phật Niết bàn đến nay, có nhiều người đốt thân cúng dường. Gần đây nhất, chúng ta thấy Hòa thượng Quảng Đức và một số Tăng Ni Phật tử thiêu thân cúng dường. Theo tôi, tâm nguyện của người thiêu thân nhằm mục đích gì và thể hiện được chân lý hay không mới thực sự quan trọng và có giá trị. Nếu thiêu thân suông như đốt đèn, đốt một khối vật chất, chúng sanh không được lợi ích, Phật giáo không tăng uy tín, chắc chắn việc làm này trở thành luống công vô ích; và tệ hơn nữa, trở thành trò cười cho thiên hạ. Việc sai lầm này do thiếu trí tuệ chỉ đạo hoàn toàn khác với thiêu thân của Ngài Quảng Đức đặt trên tâm niệm vì pháp, vì chân lý.

Ngài Quảng Đức đã trải qua 49 năm trì kinh Pháp Hoa, tương đương với 49 năm Phật thuyết pháp và cùng với ý nghĩa Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến uống tất cả danh hương. 49 năm Ngài trì kinh Pháp Hoa, cả cuộc đời trầm mình trong giáo pháp Như Lai. Đến pháp nạn, Ngài mới nguyện đem thân làm đuốc để ngọn đèn chân lý sáng tỏ. Với quá trình tu học thực sự, Ngài chuẩn bị đầy đủ cho cái chết, nên chết nhẹ nhàng, thế ngồi rất đẹp, thái độ trầm tĩnh giải thoát. Hình ảnh Ngài trong ánh lửa hồng là một thiên thu tuyệt tác. Vì thể hiện chân lý nên Ngài trở thành bất diệt, sống mãi với thời gian. Đọc đến phẩm Dược Vương, ta nhớ đến hình ảnh bất tử của Ngài Quảng Đức.

Đức Phật dạy Tú Vương Hoa Bồ tát rằng tạng kinh Pháp Hoa rất cần thiết cho chúng sanh trong Diêm phù đề, có khả năng chữa hết bệnh tật của chúng sanh. Đức Phật đem phẩm này phú chúc cho Tú Vương Hoa Bồ tát phải giữ gìn, làm lợi lạc cho cuộc đời, đừng cho mất. Lời nói của Phật mới đọc qua, chúng ta nghe có vẻ không có thực. Tuy nhiên lời Phật dạy đã được Bồ tát Quảng Đức minh chứng, trở thành một hiện thực hơn tất cả sự thực nào khác trên cuộc đời. Thật vậy, việc làm của Bồ tát Quảng Đức nhằm đốt lên cho sáng thế giới vô minh tà kiến của chúng ta và quả tình nó đã sáng thật. Khi cuộc tranh đấu Phật giáo đi đến giai đoạn gay go, bế tắc không có lối thoát, với ngọn đuốc Ngài đốt lên, cả thế giới chấn động. Mọi người cảm thấy không cần làm nữa, nhưng vấn đề nhẹ bớt. Ngọn đuốc sáng rọi vào trái tim con người. Những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới, yêu chuộng chân lý mở mắt và thế lực vô minh tự yếu.

Trái tim bất diệt mà Ngài lưu lại cho chúng ta, tháp thờ Ngài, con đường mang tên Ngài, công hạnh Ngài còn ghi đậm trong sách vở nghiên cứu kinh Pháp Hoa trên thế

giới, cũng như tấm lòng tôn kính của mọi người đều hướng về Ngài. Tất cả vẫn hiện hữu sống động như một xác tín cho hành giả Pháp Hoa kiểu mẫu trong đời ngũ trược ác thế. Giáo sư Kubota nhận xét Ngài chính là Dược Vương Bồ tát trong thời đại chúng ta vậy. Ngược lại, những người đốt thân nhưng thiếu quá trình uống dầu hay thiếu quá trình tu học, đốt vì tham sân phiền não nên không có tác dụng.

Trở lại pháp cúng dường của Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, chúng ta thấy Ngài dùng lửa tam muội đốt thân, nghĩa là đốt thân từ trong chánh định, không dùng lửa hồng trần bên ngoài. Lửa từ đại định chỉ cho ngọn lửa phát xuất ở thật tánh hay bản thể. Giữa Phật và chúng sanh đồng một dạng trên bản thể. Vì vậy ngọn lửa đốt từ bản thể, thì ánh lửa sẽ chiếu khắp mười phương, chiếu qua bản thể sự vật. Châm ngọn lửa ở bản thể, chư Phật mười phương đều tán thán. Cúng dường ở trạng thái này là cúng dường toàn thân toàn linh, cúng dường ở bản tâm, không phải cúng dường trên hiện tượng giới.

Thành tựu pháp cúng dường toàn thân toàn linh, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đạt được Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn Đà la ni. Đà la ni là tổng trì hay đại định nhen nhúm nơi lửa tâm ở bản thể. Từ bản thể thông qua các hiện tượng và các hiện tượng đều phát xuất từ bản thể. Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến và chúng ta đồng một thể. Ngài từ bản thể đi ra hiện tượng và đi thẳng vào tâm khảm của mọi người, nên tâm ta nghĩ gì thì Ngài đều biết rõ, gọi là Giải nhất thiết ngữ ngôn Đà la ni.

Thành tựu pháp cúng dường dẫn đến giải được pháp ngữ, tuy không biểu lộ bằng lời nói mà là một sự thật. Đức Phật Thích Ca giới thiệu cho chúng ta Nhất Thiết Chúng

Sanh Hỷ Kiến Bồ tát giải được Nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn hay pháp ngữ. Nhưng trên thực tế, chúng ta thấy Đức Phật chính là người giải được tất cả ngôn ngữ không bằng lời. Thật vậy, khi Phật trụ thế, chúng sanh có các ngôn ngữ khác nhau. Nhưng chúng sanh nào đến với Phật, cũng cảm thấy Ngài hiểu mình và giải mọi thắc mắc ưu phiền cho chính mình. Ngay cả rắn mãng xà của Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp và voi say của A Xà Thế, Phật cũng điều khiển được chúng. Vì Ngài hiểu được chúng và nói với chúng bằng ngôn ngữ không phải ngôn ngữ bình thường. Nếu không, thì voi say hay rắn mãng xà không thể phủ phục dưới chân Ngài. Hình ảnh này gợi cho chúng ta hiểu được Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến giải Nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn Đà la ni bằng cách sử dụng ngôn ngữ xuyên qua bản thể. Ở dạng bản thể, tất cả sự vật đều đồng nhau.

Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát sau khi uống dầu thơm hay hoàn tất hạnh Bồ tát, Ngài dùng lửa tam muội đốt thân trải 1.200 năm. Con số 1.200 năm chỉ cho 12 xứ. Phật dạy rằng mọi việc trên cuộc đời, mọi hiểu biết của chúng ta là do sáu căn hợp sáu trần thành 12 xứ. Vì vậy, chúng ta tu hành ở thế gian này cũng phải đặt căn bản trên thực tế sáu căn và sáu trần. Căn trần tiếp xúc với nhau sinh ra vọng thức là vô minh nghiệp chướng dẫn ta vào sanh tử. Đức Phật cũng nhân chỗ căn trần hợp nhau mà quan sát tìm chân lý.

Ngài dạy nếu chúng ta bỏ thực tế tìm chân lý, chỉ là không tưởng, không thể có, giống như người đi tìm lông rùa, sừng thỏ. Trải qua quá trình tu hành, Phật nhận thấy căn trần vốn vô thường sanh diệt. Nhưng Ngài biết lợi dụng vô thường này, bằng cách vận dụng trí năng trong thiền định quan sát căn trần hợp nhất đến độ thấy được tận cùng bề trái của sự vật, trên đến Trời Hữu đảnh, dưới

đến địa ngục A tỳ. Đạt đến chánh định tụ này, tác động của Phật vào xã hội mới thực sự quan trọng. Vì vậy, Phật xác định người trì kinh Pháp Hoa đúng pháp, cách 500 do tuần không có tai họa đến với họ.

Khi hành giả bắt đầu vào định, suy nghĩ lời Phật dạy, từng bước khám phá ra thế giới chúng ta sống, không phải khám phá ra một cái gì khác. Phật cũng từng khẳng định điều Ngài dạy chỉ nhằm khám phá xem ta là gì và thế giới ta là gì. Tùy mức độ phát triển khả năng đến đâu, hành giả thấy lời Phật dạy đúng đến đó. Phát triển khả năng để thấy sự vật từ ngoài đến bên trong. Hay nói cách khác, nhập tam muội và dùng tam muội để thiêu thân, nghĩa là mang toàn bộ giáo lý của Phật thâm nhập sâu vào tận tiềm thức, đi đến tánh của hành giả.

Giáo lý cọ sát Phật tánh hành giả càng nhiều, hương đạo hạnh càng tỏa rộng. Ngài Nhật Liên ví chim bên ngoài kêu, chim trong lồng thức tỉnh. Chim bên ngoài tiêu biểu cho Đức Thích Ca đắc đạo và chim trong lồng là Như Lai tạng tâm của chúng ta bị ngũ uẩn ngăn che. Hành giả vào thiền định mang kho tàng giáo lý mài mòn dần ngũ ấm. Tùy mức tác động chánh pháp vào tâm nhiều hay ít, nhanh hay chậm, mà Phật tánh theo đó hiển lộ.

Khi chánh pháp và Phật tánh hòa thành một, pháp giới sẽ hiện ra làm tâm hành giả bừng sáng. Từ Như Lai tạng tâm phát sinh trí tuệ, nên có khả năng quan sát pháp giới, thấy được thể của sự vật. Và từ bản thể, bắt đầu từng bước thấy lần ra ngoài. Nghĩa là Bồ tát thấy từ trong tâm hiện ra vật, cho đến thấy cả cứu cánh.

Đưa pháp Như Lai vào thiền định hay vào cùng tột tâm, hành giả biến thành Hư Không thân, tâm bừng sáng gọi là Bồ tát. Bồ tát thân này là Bồ tát Pháp thân không

phải Bồ tát mang thân sanh diệt hữu hạn. Bồ tát Pháp thân thành tựu nhờ cả một sự chuyển đổi thân từ người bình thường dùng sáu căn tiếp xúc với sáu trần và trải qua quá trình 12 năm để nỗ lực quan sát pháp giới, mới đạt tới mục tiêu này. Và cũng từ Bồ tát Pháp thân đó, hiện ra bên ngoài thành hành động Bồ tát.

Vì vậy vấn đề quan trọng của chúng ta có thực hiện được sự chuyển đổi này hay không. Tu đúng pháp, phải lần lần thay đổi, ít nói, hiền lành, dễ thương, thông minh. Phật pháp cọ dũa, làm rớt xuống tánh xấu ác và ta nhìn sự vật bớt ham muốn. Trước khi tu, lòng tham của ta quá lớn, gom về cho mình không được, liền sanh buồn phiền tội lỗi, ưa thích làm việc của Thiên ma. Nay không tham, không sân, trí giác bắt đầu sáng suốt. Còn tụng kinh nhiều, ở chùa lâu, không bỏ những tánh xấu ác, không thể hiện được đức hạnh, chỉ là người muốn nấu cát thành cơm.

Tâm trong sáng thể hiện ra ngoài tất nhiên phải tốt, ngôn ngữ, hành động thánh thiện. Và hương đạo hạnh cứ như vậy tỏa ra cho đời, thì Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến trở lại dạng khác. Đây là điểm đặc biệt của Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát.

Các Bồ tát khác còn ở trong tư thế đoạn phần sanh tử, không nhớ biết đời trước, hay chỉ biết khi lắng lòng trụ thiền định. Trong dòng sanh mạng tương tục, bỏ thân này thọ thân sau, các vị này vẫn tiếp tục hành đạo Bồ tát. Nhưng họ chỉ trực nhận được quá khứ của họ đã từng tu Bồ tát đạo khi tham Thiền. Ngược lại, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát vì đã thành tựu Nhất thiết sắc thân tam muội, nên không qua giai đoạn phần đoạn sanh tử. Ngài ở trong tư thế biến dịch sanh tử, thay đổi sanh thân tự tại theo ý muốn.

Ngoài ra, Bồ tát Dược Vương đã chứng Nhất thiết sắc thân tam muội, mới làm được việc chúng sanh vui Ngài vui, chúng sanh buồn Ngài buồn… Ai nghĩ thế nào Ngài hiện giống y họ, mới hóa độ được và lần hồi dìu dắt họ ra khỏi sanh tử. Bồ tát thành tựu Sắc thân tam muội thì Bồ tát Pháp thân của vị này trụ tam muội, không thay đổi. Nhưng Bồ tát ứng thân của họ đi giáo hóa khắp mười phương, không mệt mỏi. Nếu không trụ tam muội này, mà hành giả tùy hỷ với chúng sanh, nó khổ ta khổ, nó đọa ta đọa, hành giả đã rời bản vị giải thoát, sẽ mất kiếp.

Trong kinh diễn tả Bồ tát chết rồi bỗng nhiên ngồi xếp bằng hóa sanh vào cung vua Tịnh Đức. Bồ tát lấy pháp làm mẹ, Phật hay tri giác làm cha, nên đốt hết thân ngũ uẩn và cọ sát với Phật tánh, bấy giờ hiện nguyên hình Bồ tát là kết hợp giữa trí tuệ và chân lý. Nhờ đạt được pháp này, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát mới ở Ta bà tự tại dưới mọi hình thức. Và Ngài xuất hiện với tên khác là Dược Vương Bồ tát. Dược Vương Bồ tát không phải chỉ là đối tượng cho chúng sanh ưa thích và bằng lòng, mà còn là biểu tượng làm cho mọi người an ổn, sanh về thế giới an vui.

"Tật dịch thế nhi hiện vi dược thảo, cứu liệu trầm kha, cơ cẩn thời nhi hóa tác đạo lương, tế chư bần nổi, đản hữu lợi ích, vô bất hưng sùng". Đó là hạnh nguyện của Dược Vương hiện thân người. Ngài trợ giúp hành giả Pháp Hoa đời sau, bằng cách mang đến những nhu cầu cần thiết cho việc tu hành. Nếu đói, Dược Vương mang cơm đến. Nếu bệnh, Ngài mang thuốc đến. Bát cơm viên thuốc là hóa thân của Dược Vương giúp hành giả phát tâm tăng tấn đạo Bồ đề. Đối tượng hành đạo của Dược Vương là pháp giới chúng sanh gồm cả hữu hình và vô hình. Ngoài việc hiện thân trong tứ sanh lục đạo, Ngài còn

hiện thân trong loài vô tình. Thí dụ ta sống trong khu rừng tự nhiên phát tâm bồ đề hoặc trầm mình trong dòng suối mát, tâm liền thanh tịnh. Dược Vương Bồ tát sẵn sàng cung cấp cho mọi loài về cả y báo lẫn chánh báo. Thiếu vật thực, nhà ở, ta tụng thần chú Dược Vương, quang cảnh ta ở tự sáng ra, đời sống thành sung túc, hoàn cảnh tu dễ dàng thêm. Đây là năng lực của Dược Vương để trợ duyên cho những Bồ tát sơ phát tâm đời sau vững bước trên lộ trình tiến đến quả vị giải thoát.

Sau đó, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát làm một việc thứ hai là đốt hai cánh tay Ngài. Điều này không có nghĩa là Ngài đốt thiệt, nhưng mang ý nghĩa Ngài sử dụng hai tay làm lợi ích cho chúng hữu tình. Cụ thể như Ngài xây 84.000 tháp thờ Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát xây tháp để thờ Pháp thân Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, không phải thờ nhục thân.

Chiều cao của tháp là ba thế giới, gợi cho chúng ta suy nghĩ một ngôi tháp thực trên cuộc đời không thể nào xây cao được như vậy. Phải chăng mỗi bảo tháp tiêu biểu cho con tim chí thành của người cầu đạo, hướng tâm về Phật một cách cao độ. Ỷ Lan thứ phi nương theo ý này làm được 84.000 tháp bằng đất nung cao 7 tấc.

Theo kiến giải của Ngài Nhật Liên, một người phát tâm Bồ đề được Ngài xem như một Bảo tháp hiện lên. Tháp này xây từ bản thể, bản thể chuyển qua tâm loài hữu tình, nghĩa là tháp biến thành lợi ích cho chúng sanh, một tháp sống hiện hữu, không phải là tháp chết bị lãng quên đóng rêu theo thời gian.

Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát xây tháp cho Trời, người cúng dường, chính là xây tháp từ bản thể. Việc

làm của Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát khiến cho tám muôn bốn ngàn Bồ tát được pháp Giải nhất thiết ngữ ngôn đà la ni, gợi cho chúng ta suy nghĩ từ phần tu chứng, thể hiện thành hành động giúp người phát tâm và đạt được thành quả.

Chúng ta hiểu Đà la ni là trí tuệ vô lậu khác với hiểu biết thông thường của con người là phiền não trí. Trí phiền não thì hiểu nhiều phiền não nhiều, hiểu để đối chọi hơn thua, sát phạt nhau chỉ chuốc thêm đau khổ thôi.

Giải Nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn hay thâm nhập Phật huệ, không có gì làm vướng bận Bồ tát. Tuy nhiên, trên thực tế, không có việc làm và lời nói nào mà các Ngài phạm lỗi lầm. Mọi phán quyết của Bồ tát đều từ chơn tâm lưu xuất, thấy người, vật chính xác đúng như thật; không thấy theo tập quán hay theo tham vọng, bực tức.

Các vị Tổ thường chú giải phẩm này nhằm diễn tả sức thần bí quá lớn và cũng chỉ cho tâm người lớn lao có tác dụng siêu tuyệt, nếu chúng ta biết sử dụng nó.

Sau cùng, đức Phật kết phẩm Dược Vương bằng cách mở cánh cửa tu pháp môn Tịnh Độ cho chúng ta. Ngài nói với Tú Vương Hoa Bồ tát rằng kinh này thỏa mãn tất cả yêu cầu của người cầu đạo. Ví như người khát gặp nước, người muốn qua sông gặp thuyền. Người bệnh nghe phẩm này hết bệnh, chẳng già chẳng chết. Vì nghe được pháp âm của Dược Vương Bồ tát, lần lần lặn sâu vào bản thể của sự vật mới không già không chết. Đó là Phật thừa được diễn tả dưới dạng bản thể.

Trở lại thái độ học Phật của chúng ta, khởi đầu từ nghe (văn huệ) tiến lên suy nghĩ (tư huệ) và tu theo đúng cách của Dược Vương Bồ tát. Cuối cùng đạt được bản tâm thanh tịnh, chúng ta sẽ thông được tất cả loài hữu

tình. Khi thành tựu pháp này, từ nhân gian cho đến Thiên thượng, không mong cầu nào mà chúng ta không đáp ứng được.

Chúng ta cần xác định mong cầu này không phải là mong cầu theo tham vọng, nhưng là mong cầu theo Phật, theo tinh thần Pháp Hoa. Người cầu đạo tùy theo hoàn cảnh mình ở vị trí nào, thì khởi từ đó mà tiến tu, điều chỉnh. Vì theo lộ trình Phật thừa, phải nhìn đúng sự thật và sống đúng như sự thật. Nếu không khởi từ bản tâm thanh tịnh, không khởi lòng từ bi, chắc chắn lạc ra ngoài con đường phát tâm theo Phật thừa.

Phẩm Dược Vương nhằm giải thích ý nghĩa sự phú chúc không lời của phần phú chúc thần lực Như Lai. Tuy nhiên, đối với thính chúng không đủ trình độ giải ngữ ngôn, Phật phải nói dễ hơn bằng cách dạy rằng sau Phật diệt độ, có người nữ thọ trì kinh Pháp Hoa, tất cả nỗi khổ của đàn bà sẽ không hoành hành họ nữa. Đến đây nữ giới được Phật chọn làm một trong những đối tượng để Ngài thuyết pháp. Ở Ấn Độ thời phong kiến, vị trí người đàn bà quá thấp kém, họ bị xem như một máy đẻ hay một dụng cụ, một trò chơi không có chút quyền hạn nào. Họ là người đau khổ cả về sinh lý lẫn tâm lý. Đức Phật trải lòng từ cho tầng lớp phụ nữ kém may mắn, hay nói chung cho tầng lớp đau khổ bấy giờ, mà đưa ra pháp giải thoát ở cuối phẩm Dược Vương. Ai nghe, suy nghĩ và theo đó tu hành, những nỗi khổ hiện tại đều được giải phóng. Tương lai mãn thân người nữ, không còn thọ lại thân đau khổ nữa và sanh về cõi an lạc của Phật A Di Đà.

Trong quá trình tu theo kinh Pháp Hoa, nghe được Dược Vương Bồ tát bổn sự, những ganh tỵ thù hiềm, ích kỷ nhỏ mọn tự buộc mình và buộc người lần lần giảm bớt,

tham sân si cũng được cắt bỏ dần. Đối với người, ta không còn tranh chấp, lòng bắt đầu mở ra thì ràng buộc thế gian không chi phối chúng ta được.

Khi bỏ thân nữ, chúng ta sanh từ hoa sen, phiền não nhiễm ô không còn dính mắc vào thân. Khổ của người nữ ở Ta bà vì lúc nào cũng muốn gom tất cả phiền não vào lòng, nên làm khổ lây cho xã hội và từ khổ xã hội phản ánh ngược lại vào lòng họ. Tuy nhiên, khi được sanh ở Tịnh độ, từ hoa sen hóa sanh thì các nghiệp lậu của hành giả trở lại căn bản đồng với Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát đốt thân. Thể nhập bản tâm thanh tịnh, hành giả cũng được mười phương chư Phật ngợi khen, có thể ở trong pháp hội của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu Diệu Pháp, trở thành La hán. Từ đây lửa không đốt được, phiền não không quấy rầy được…

Từ khởi điểm này, hành giả tu bước về Tịnh độ, mượn hoa sen sanh ra và từ Tịnh độ tu trở lại hội nhập Ta bà hành đạo. Hay nói cách khác, ngồi ngay Ta bà mà lửa phiền não không đốt, nước ái dục không nhận chìm, sống giữa lòng thế gian tỏa hương thơm cho cuộc đời.

Hương thơm của Dược Vương Bồ tát đốt lên từ lửa tam muội, tồn tại tốt đẹp đến 1.200 năm chưa chấm dứt, hay danh thơm của Đức Phật Thích Ca tỏa ra cho đời từ khi Ngài tại thế cho đến Niết bàn, trải hơn 2547 năm, vẫn còn nhuộm thắm tâm hồn nhân loại.

Phẩm 24

DIỆU ÂM BỒ TÁT

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Phật Thích Ca từ nhục kế và bạch hào tướng phóng hai luồng ánh sáng soi 800 muôn ức hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông. Qua khỏi các thế giới này có một thế giới tên Tịnh Quang Trang Nghiêm, trong đó có Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đang thuyết pháp cho vô lượng Bồ tát. Ánh sáng của Phật Thích Ca soi khắp nước Tịnh Quang.

Trong nước Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm có Bồ tát Diệu Âm đã từng gần gũi vô lượng Phật, được trăm ngàn muôn ức các đại tam muội. Nhận được ánh quang minh của Phật Thích Ca, Bồ tát Diệu Âm liền bạch với Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí rằng Ngài sẽ sang cõi Ta bà đảnh lễ cúng dường Phật Thích Ca và ra mắt Bồ tát Văn Thù, Dược Vương, Dũng Thí…

Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí nhắc nhở Bồ tát Diệu Âm qua thế giới Ta bà chớ nên khinh nước này, đừng xem thường Phật và các Bồ tát ở đây thấp kém. Bồ tát Diệu Âm bạch Phật Ngài qua Ta bà là do sức thần Như Lai, do công đức trí tuệ của Như Lai. Bồ tát Diệu Âm không rời bỏ chỗ ngồi, nhập chánh định hóa ra 84.000 hoa sen báu ở núi Kỳ Xà Quật.

Bồ tát Văn Thù thấy vậy, bạch đức Thế Tôn vì sao có điềm lành này. Phật cho biết đó là điềm Bồ tát Diệu Âm và 84.000 Bồ tát muốn đến Ta bà để đảnh lễ, cúng dường và nghe kinh Pháp Hoa. Bồ tát Văn Thù xin Phật cho chúng hội thấy công đức của Bồ tát Diệu Âm. Phật bảo : “Đức Phật Đa Bảo sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng

của Bồ tát Diệu Âm". Lập tức Phật Đa Bảo gọi Bồ tát Diệu Âm "Hãy đến đây, Văn Thù muốn thấy thân ông".

Diệu Âm đang ở nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí liền cùng 84.000 Bồ tát đồng đến thế giới Ta bà. Ngài vào đài bảy báu bay lên hư không, đến núi Kỳ Xà Quật. Đến nơi, Bồ tát cúng dường Phật Thích Ca chuỗi ngọc vô giá và lập lại lời hỏi thăm của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí gởi đến Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo. Phật Đa Bảo liền ngợi khen Bồ tát Diệu Âm, vì muốn cúng dường Phật Thích Ca và nghe kinh Pháp Hoa mà đến đây.

Bồ tát Hoa Đức xin Phật cho biết Bồ tát Diệu Âm tu công đức gì mà có thần thông như thế. Đức Phật đáp : "Thuở quá khứ Diệu Âm Bồ tát đã từng dùng mười muôn ức thứ kỹ nhạc và 84.000 bát bảy báu cúng dường Phật Vân Lôi Âm Vương. Do nhân duyên quả báo đó mà nay được sanh tại nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí và có sức thần thông lớn như thế.

Bồ tát Diệu Âm thường cứu hộ các chúng sanh ở Ta Bà. Ngài có thể thị hiện đủ các loại thân hình ở Ta bà để nói kinh Pháp Hoa. Ngài biến hiện ở nhiều nơi với nhiều loại hình như thế, vì Ngài đắc được Hiện nhất thiết sắc thân tam muội. Lúc Phật nói phẩm Diệu Âm Bồ tát, 84.000 Bồ tát cùng đi với Bồ tát Diệu Âm đều được Hiện nhất thiết sắc thân tam muội.

Khi Bồ tát Diệu Âm cúng dường Phật Thích Ca và tháp Đa Bảo xong, Ngài trở về quốc độ của Ngài. Các nước Ngài đi qua đều chấn động, có mưa hoa sen báu và nhạc trỗi, y như lúc Ngài đi qua Ta bà vậy. Về đến nước, Bồ tát Diệu Âm và 84.000 Bồ tát bạch Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí rằng Ngài đã qua cõi Ta bà làm lợi ích chúng sanh, đã ra mắt đảnh lễ cúng dường Phật Thích Ca và

tháp Đa Bảo, cũng gặp Bồ tát Văn Thù, Dược Vương, Dũng Thí v.v… và làm cho 84.000 Bồ tát này được Hiện nhất thiết sắc thân tam muội.

Lúc Phật nói phẩm này, 42.000 chư Thiên được vô sanh pháp nhẫn và Bồ tát Hoa Đức được Pháp Hoa tam muội.

II. GIẢI THÍCH

Mở đầu phẩm, không có Bồ tát nào hỏi về lai lịch của Diệu Âm Bồ tát, chứng tỏ chưa ai biết mặt biết tên Ngài, vì Ngài chưa từng xuất hiện trên cuộc đời. Có thể nói Diệu Âm là nhịp cầu nối tiếp tư thế tự tại của Bồ tát Dược Vương ở bản thể, chuyển sang tư thế hiện hữu của Bồ tát Quan Âm ở Ta bà. Nói cách khác, việc làm hết sức quan trọng của Phật Thích Ca chúng ta ít thấy, ít hiểu. Vì Ngài sống một cuộc đời rất bình dị, nhưng tác động của Ngài đối với loài người không thể nghĩ bàn. Từ quan trọng không thấy, không biết được, Phật nói phẩm Dược Vương xong, Ngài vào định, phóng luồng ánh sáng từ bạch hào tướng và luồng ánh sáng màu vàng từ vô kiến đảnh tướng rọi thẳng vào phương Đông.

Đến đây chúng ta nhớ lại khi khai hội Pháp Hoa, Phật chỉ phóng ánh sáng bạch hào tướng cho thấy tất cả loài chúng sanh đang sinh hoạt trong 18.000 thế giới. Và ở hội Hoa Nghiêm, Phật cũng chỉ phóng một luồng ánh sáng vô kiến đảnh tướng. Nhưng lần này, Ngài chiếu một lượt hai luồng hào quang rọi thẳng về phương Đông, đến thân của Diệu Âm Bồ tát ở thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, một quốc độ của Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai.

Hai luồng hào quang của Phật chiếu đến một người và không có các thế giới hiện ra, là điều chúng ta phải suy nghĩ. Để hiểu rõ ý nghĩa và công dụng của luồng hào

quang này, chúng ta cần tìm hiểu ba tướng đặc biệt của Phật mà người thường không có.

1 - Tướng cao quý thứ nhất là vô kiến đảnh tướng nằm ở đỉnh đầu Phật phóng hào quang màu vàng.

2 - Tướng thứ hai là bạch hào tướng nằm ở giữa hai chân mày của Phật phóng ra tia hào quang màu trắng.

3 - Tướng kiết tường hình chữ VẠN ở giữa ngực Phật luôn phóng ra hào quang màu hồng.

Chúng ta thiếu tướng kiết tường, nên việc làm thường bị chống trái và sống không an lành. Phật trang nghiêm bằng tướng kiết tường, nghĩa là tâm từ của Ngài mở rộng. Ngài bước chân đến đâu, hung tàn bạo ngược cũng tự tiêu mất. Như Vô Não gặp Phật, phải buông dao; chẳng những bỏ ý định giết Phật, mà ông còn trở thành đệ tử thuần thành. Hoặc voi say của A Xà Thế cũng quỳ dưới chân Phật.

Ánh sáng màu hồng từ trái tim Phật chiếu ra, làm cho người tiếp nhận tình thương vô bờ bến, không còn muốn đánh nhau. Sự thật lịch sử đã chứng minh khi Phật đến chiến trường, hai nước đang dàn binh chuẩn bị sát phạt nhau, đều buông vũ khí.

Tình thương của Phật lộ ra bên ngoài thành tướng hình chữ VẠN. Còn tình thương của chúng ta thật nhỏ bé, chỉ ở trong trái tim và bên ngoài bị nghiệp ác che kín. Tình thương của Phật chẳng những nằm trong tim, mà phổ biến tất cả muôn loài làm lắng đọng tâm ác, việc ác của người.

Tướng bạch hào ở giữa hai chân mày có lông trắng kéo ra dài một tầm, thả xuống hình xoắn ốc là trí tướng. Do công đức tu hành trải vô số kiếp, Phật thành tựu tướng trí

tuệ này. Ánh sáng của trí tuệ chiếu thấu muôn sự muôn vật, nên Phật thấy đúng như thật. Ngài biết rõ chúng sanh nghĩ gì, có khả năng gì, nghiệp gì mà tạo thành con người đau khổ hay an vui trên thế gian. Vì vậy, khi nói kinh Pháp Hoa, Ngài sử dụng trí tướng hay hiểu biết rọi xuống tứ sanh lục đạo mười phương, chứng tỏ những gì Ngài nói là chân thật.

Vô kiến đảnh tướng ở đỉnh đầu là đức tướng hay tướng đại nhân. Phật được tôn xưng là bậc đại nhân vì Ngài cảm hóa người bằng đức hạnh, bằng tình thương bao la, bằng lòng kính trọng bình đẳng. Phật hiện hữu trên cuộc đời, thuyết pháp, giáo hóa chỉ vì chúng sanh, tất cả cho chúng sanh. Tấm lòng Phật bao dung muôn loài, có sức thu hút mọi loài đến với Ngài.

Từ khi mới phát tâm tu cho đến khi thành Vô thượng chánh đẳng giác, người ta tôn trọng Ngài trên hết. Không bao giờ Phật tự xem Ngài là người bề trên. Từ vị trí cao nhất phải hạ mình thấp nhất mới trở thành cao nhất, hay ở chỗ thấp nhất mà tính chất cao quý không mất. Là một người giàu sang, quyền uy tột đỉnh, Phật hạ thấp mình, đi khất thực, sống hài hòa với tất cả giai cấp trong xã hội và được mọi người kính trọng quý mến.

Trên bước đường tu theo Phật, chúng ta từ tiểu nhân tiến lên trung nhân và thành đại nhân. Tiểu nhân chỉ biết mình và lo cho mình. Trung nhân vừa lo cho mình và lo cho người. Hàng đại nhân không bao giờ nghĩ đến mình, chỉ vì mọi người.

Đức tướng của Phật do cung kính cúng dường mà có, tương ưng với hạnh của Diệu Âm Bồ tát. Vì đồng hạnh nên Diệu Âm mới cảm ứng, tiếp nhận ánh quang này và muốn qua Ta bà để lễ lạy cúng dường Đức Thích Ca. Điểm này

cho thấy vấn đề đạo đức đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống tu hành, gợi nhắc chúng ta muốn điều động người, đừng bao giờ sử dụng khôn ngoan thủ đoạn, vì nó chỉ điều động được nhất thời. Chỉ có đức hạnh mới cảm hóa được người muôn đời.

Để điều động Diệu Âm Bồ tát, Phật sử dụng cả trí tướng và đức tướng, phóng thẳng vào Diệu Âm. Nghĩa là với tài năng siêu việt, Phật hiểu rõ quá trình hành đạo và khả năng của Bồ tát Diệu Âm cũng như đức hạnh toàn thiện của Phật đã thúc đẩy Diệu Âm tự nhiên phải đến với Phật.

Diệu Âm Bồ tát được đức Thích Ca Mâu Ni điều động, Ngài biết phải qua thế giới Ta bà. Trước khi đi, Ngài xin phép Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí. Điều này tiêu biểu cho hạnh kính tín cúng dường của Bồ tát đối với Phật và cũng nhằm gợi cho hành giả pháp tu kính tín. Diệu Âm Bồ tát chứng được các tam muội với Báo thân trang nghiêm. Nhưng đến Ta bà, Ngài dùng thần thông để hiện ra ứng thân tầm thường, hỏi thăm Đức Thích Ca bằng những câu hết sức đơn giản như "Thế Tôn có ít bệnh, ít khổ, an vui chăng, việc đời nhẫn được chăng, chúng sanh dễ độ chăng v.v…". Đến đây chúng ta cảm nhận được Bồ tát dù tạo vô số công đức ở khắp mười phương, trở về với Phật cũng trở thành bé bỏng dưới bóng mát từ bi trí tuệ của Ngài.

Vì lòng từ bao la đối với chúng sanh đời sau mà Diệu Âm hỏi Phật, nhằm nhắc nhở hành giả Pháp Hoa trên bước đường hành Bồ tát đạo ở Ta bà, dù là Bồ tát thị hiện cũng phải chấp nhận mọi hiểm nguy ác độc do loài người bủa vây. Tuy nhiên, dưới áo giáp nhẫn lực và an trú

trong nhà Như Lai, không một lần tên mũi đạn nào có thể xuyên thủng được hạnh nguyện kiên cố của các Ngài.

Đây chỉ là một cảm nhận của tôi về câu hỏi thăm của Bồ tát đối với Phật. Chắc chắn câu hỏi không thể hiểu giản dị như vậy. Và câu chuyện giữa Phật với Bồ tát vượt ngoài diễn tả bằng ngôn ngữ phàm phu. Ngày nào chúng ta chưa đắc đạo thì Phật ngữ còn ở ngoài tầm tri thức của chúng ta.

Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai dặn Diệu Âm Bồ tát đến Ta bà không nên xem thường những gì hiện hữu ở Ta bà. Từ ý này, hành giả rút ra được ý nghĩa trên bước đường tu hành, tuy thành tựu được nhiều việc, tạo được nhiều công đức, nhưng đối với tất cả mọi người, ta phải luôn kính trọng dù họ ở giai cấp nào.

Phẩm Thường Bất Khinh cũng nhắc nhở hành giả không được xem thường người, nếu không sẽ thọ quả báo không lường. Các Bồ tát luôn luôn cân nhắc, không cho khởi tâm này. Vì đối với các Ngài, công đức tu hành tích tụ quá lớn, cần tinh tấn giữ gìn từng niệm không cho phát khởi, sợ phá hư thiện căn công đức của mình. Ví như người mặc áo trắng dính một đốm dơ nhỏ cũng dễ thấy. Chúng sanh mặc áo đen, nên chẳng còn biết dơ sạch xấu ác nào.

Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai nhắc nhở Bồ tát Diệu Âm, chính là nhắc nhở chúng ta, hay nói cách khác, chúng ta lấy điều Phật dạy Bồ tát mà tự răn sửa mình.

Bồ tát Diệu Âm khởi ý niệm qua Ta bà làm Phật sự thì tại Ta bà liền có 84.000 hoa sen báu mà cọng làm bằng vàng, cánh sen bằng bạc, nhụy bằng kim cang, đài bằng chân thúc ca bảo. 84.000 sen báu hiện ra tiêu biểu cho 84.000 phiền não trần lao của chúng sanh ở Ta bà. Hiện

tượng hoa sen nổi lên trong pháp hội, gợi cho đại chúng thắc mắc. Bồ tát Văn Thù đại diện hỏi Phật làm sao thấy được Bồ tát Diệu Âm.

Phật cho biết phải nhờ Phật Đa Bảo gọi Diệu Âm đến. Đức Phật Đa Bảo, hiểu theo nghĩa pháp tu tiêu biểu cho mẫu người có khả năng tập họp các báu vật gồm bảy báu thế gian, cho đến ba báu xuất thế gian, hay vô số báu. Làm được như vậy, mới hiển bày được lực vô hình, liên hệ được với Bồ tát Diệu Âm siêu hình.

Bồ tát Diệu Âm ngồi hoa sen, chúng ta không thấy được, phải nhờ Phật Đa Bảo. Điều này mang ý nghĩa, trên bước đường tu, chúng ta phát huy ba báu xuất thế gian là trí tuệ, chân lý và sức hòa hợp, dần dần tạo thành cảnh giới bảy báu chung quanh ta và phát triển lần lên vô số báu. Cho đến khi tích lũy đầy đủ công đức, thành tựu hạnh Bồ tát, trở thành Đa Bảo Như Lai, mới đủ điều kiện hiểu rõ Bồ tát Diệu Âm và giao tiếp được với Ngài.

Chúng ta biết Bồ tát Diệu Âm qua thể nghiệm thực chứng của chính ta hay đó là pháp tu phải tất yếu như vậy, không phải biết qua con người vật chất có thực ngồi sờ sờ trước mặt. Tu hành đắc đạo, chúng ta cũng là Bồ tát ngự trên hoa sen như Diệu Âm, thì dễ dàng cảm nhận tâm trạng Ngài, thấy Ngài và nghe được âm thanh Ngài ở mức độ mà trí thông thường không thể nắm bắt.

Bồ tát Diệu Âm vào định hiện Nhất thiết sắc thân tam muội, thân còn ở thế giới của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai nhưng đã giáo hóa chúng sanh và tác dụng cho các Bồ tát ở Ta bà. Trong kinh ghi nhận Bồ tát Diệu Âm có 16 tam muội tiêu biểu cho vô số tam muội khác. Nếu có một pháp nào mà ngoại đạo đắc được, Ngài liền có tam muội tương ưng để phá trừ. 16 tam muội thu hẹp lại còn một tam muội là Pháp Hoa tam muội, thông được pháp

giới và chúng sanh giới. Tất cả tam muội khác đều từ đây lưu xuất.

Với Hiện nhất thiết sắc thân tam muội, Diệu Âm hiện ra theo sở cầu của chúng sanh để họ phát tâm Bồ đề, không phải để tác hại người hay đi vào con đường tội lỗi. Vì vậy, khi chúng ta gặp nghịch duyên phát khởi được tâm Bồ đề, phải biết đó là ứng hiện của Diệu Âm Bồ tát. Thật vậy, có những phiền não mà nghiệp thức chúng ta không bằng lòng, nhưng tâm nguyện của con người thứ hai ở trong ta, hoàn toàn ưng ý. Bằng tâm thanh tịnh cảm nhận được như vậy, những điều bất như ý được đổi lại và phiền não biến thành Bồ đề. Diệu Âm Bồ tát chỉ hoạt động dưới dạng chơn tâm này. Thoáng một phút giây thanh tịnh, sáu căn không duyên sáu trần, hành giả nhận được sự giáo hóa của Bồ tát Diệu Âm dưới dạng Hiện nhất thiết sắc thân. Bất giác vô minh nổi lên biết được sự tương ưng này, hành giả liền rơi về thân phận đau khổ của con người.

Từ đó, nếu hành giả chỉ cầu nguyện trên căn bản nghiệp lực thì không sở cầu nào thành tựu. Nhưng với dạng con người tâm linh cầu nguyện, sẽ thấy được Bồ tát Diệu Âm. Cũng như người phàm phu không thể nào thấy tháp Đa Bảo, nhưng tháp vẫn hiện hữu lộng lẫy chói sáng đối với con người thực sự phát tâm Bồ đề.

Ngoài ra, Diệu Âm Bồ tát còn sử dụng Tú vương hý tam muội. Tam muội này cũng từ Pháp Hoa tam muội biến ra. Khi đắc Pháp Hoa tam muội, thông được cả pháp giới, mọi thứ sẽ hiện ra theo khởi niệm; có thể hiện thế giới vi trần hay vô số thế giới. Tâm khởi rộng bao nhiêu, thế giới chúng sanh hiện ra bấy nhiêu. Các Ngài mở ra và thâu vào trong tư thế tự tại.

Bồ tát Diệu Âm còn ẩn thân ở thế giới Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, nhưng ở núi Kỳ Xà Quật đã hiện lên 84.000 hoa sen báu, gợi cho chúng ta cảm nhận chư Phật đồng một lúc có thể hiện thân khắp mười phương hành đạo. Nương vào đây, chúng ta hiểu được người trì kinh Pháp Hoa đã thành Vô thượng chánh đẳng giác vì thương chúng sanh, thọ thân lại. Họ vẫn chịu sự chi phối ràng buộc của ngũ ấm thân và định luật thời gian, không gian. Tuy nhiên, họ vẫn nhận được sự tương ưng với chư Phật và Bồ tát.

Tóm lại, tất cả những kiến giải nói trên chỉ nhằm gợi ý giúp hành giả cảm nhận về tam muội. Tam muội là chánh định thuộc về chân tâm, vượt ngoài khả năng kiến giải bằng vọng thức, bằng ngôn ngữ loài người.

Bồ tát Diệu Âm trang nghiêm đầy đủ các tam muội gợi cho hành giả Pháp Hoa muốn hành đạo Bồ tát ở Ta bà, điều kiện tiên quyết phải có tam muội. Nói theo ngày nay, phải hội đủ tài năng và đạo đức vượt trội hơn người.

Sau khi hỏi thăm Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo, Bồ tát Diệu Âm thưa với Đức Thích Ca rằng Ngài muốn ra mắt và đảnh lễ tháp Đa Bảo. Đây là pháp bất cộng của Phật. Ví dụ chúng ta đang hành Bồ tát đạo, đang chịu sự điều động của chư Phật, mà không biết sự điều động này. Khi nào Phật muốn cho ta biết và hiểu điều gì, chúng ta chỉ biết và hiểu điều đó. Phật sử dụng thần lực thông cả thập giới và trấn át được thập giới. Từ Bồ tát trở xuống bị pháp bất cộng của Phật chi phối.

Cảnh giới Phật và cảnh giới chúng ta không khác, chỉ khác nhau trên tâm lượng và công đức tu hành. Tháp Đa Bảo đã trở về bổn độ, nhưng Phật cần cho Bồ tát Diệu Âm diện kiến thì tháp vẫn hiện hữu trước mắt Diệu Âm.

Cũng vậy, khi hạnh nguyện của hành giả tương ưng với Phật, sẽ thấy Ngài trong sát na. Bồ tát không cách ấm thông được Phật Đa Bảo, thông được với Bồ tát Diệu Âm hay chư Phật và Bồ tát mười phương.

Riêng chúng ta, tuy chưa thông với các Ngài, vẫn cảm nhận được trợ lực của các Ngài nhiều hay ít tùy tâm nguyện, hạnh nguyện. Điều này có thể khẳng định như vậy vì nếu không, chúng ta không thể tồn tại bình ổn và trì kinh Pháp Hoa trong đời ngũ trược ác thế.

Cảnh giới chư Phật trang nghiêm tốt đẹp vì thông được hữu hình và vô hình, còn thế giới hành đạo của Bồ tát thì muôn sai vạn biệt. Từ trên Phật quả thu hẹp xuống chúng sanh giới, đối tượng của Diệu Âm Bồ tát là loài hữu tình và việc làm của Ngài tiêu biểu trong kinh Pháp Hoa là kính tín cúng dường.

Trong thời quá khứ, Diệu Âm Bồ tát đã từng dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Vân Lôi Âm Vương Như Lai. Bồ tát Diệu Âm trổi nhạc trong 12 kiếp cúng dường Phật nhằm chỉ cho thập nhị xứ. Hay đó là những gì Phật Vân Lôi Âm Vương đã dạy cho Diệu Âm Bồ tát sử dụng sáu căn sáu trần như thế nào để chuyển được thập nhị xứ, phổ thành nhạc cúng dường chư Phật. Trong khi chúng sanh cũng dùng sáu căn sáu trần mà tạo thành vô số tội lỗi.

Tất cả Phật ngữ được Diệu Âm biến thành nhạc giáo hóa chúng sanh, gợi cho người nghe phát tâm và nương theo âm thanh kỳ diệu này, họ được giải thoát. Hay nói đúng hơn, Ngài ca ngợi Phật đức, đưa vào lòng người, làm hạt nhân nuôi dưỡng Bồ đề tâm của họ.

Đức Phật Thích Ca muốn điều động âm thanh kỳ diệu của Bồ tát Diệu Âm đến thế giới Ta bà. Điều này cũng

nhằm chỉ rằng chính Phật Thích Ca là người sử dụng được ngôn ngữ và âm thanh kỳ diệu. Thật vậy, Phật có ngôn ngữ mà các loài nghe đều ưa thích, kinh thường diễn tả là tiếng Phạm âm thâm diệu.

Ngoài ra, Bồ tát Diệu Âm còn cúng dường đức Vân Lôi Âm Vương 84.000 tháp báu. Con số 84.000 đối với loài hữu tình rất quan trọng. Trong các kinh thường nói Phật có 84.000 pháp môn tu đối trị 84.000 phiền não trần lao của chúng sanh. 84.000 đối với chúng sanh là chướng ngại, nên biến thành 84.000 phiền não trần lao. Nhưng đối với Bồ tát là công đức nên trở thành phương tiện. Như vậy cùng một vật, đối với người trí thành hữu dụng, nhưng là chướng ngại cho kẻ thấp kém.

Con số 84.000 tiêu biểu cho tất cả cửa ngõ hay phương thức hành đạo của Bồ tát Diệu Âm được diễn tả bằng bát báu. 84.000 phiền não trần lao đã biến thành 84.000 công đức Ngài Diệu Âm dâng cúng chư Phật. Thành tựu pháp cúng dường, Diệu Âm Bồ tát đã chứng được Đà la ni. Riêng chúng ta còn mang thân ngũ ấm, việc cúng dường chư Phật cũng chỉ nằm trong phần giới hạn của con người đầy nghiệp lực.

84.000 bát báu và âm thanh kỳ diệu thể hiện công đức tu hành của Bồ tát Diệu Âm dâng lên cúng dường, kết thành Pháp thân Ngài. Và từ Pháp thân Bồ tát này phổ xuất thành 34 ứng hiện thân. Ta ở hoàn cảnh nào, Ngài cũng đến với ta được.

Ngài hiện ra các loại hình, nghĩa là tất cả thành phần đều hướng tâm về Bồ tát Diệu Âm, đều thanh tịnh. Chính họ là Diệu Âm Bồ tát dưới các loại hình. Nhờ vậy, thần thông lực và trí lực của Bồ tát Diệu Âm không giảm. Ngài qua Ta bà làm tất cả Phật sự xong, vẫn bước lên đài báu

trở về quốc độ, không bị tổn hại, không mất phần ở thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, mới thực sự tiêu biểu cho Bồ tát nhất thừa.

Tuy nhiên, thị hiện 34 ứng thân của Bồ tát Diệu Âm và Bồ tát Quan Âm, mới nghe qua giống nhau, nhưng thật ra không đồng. Bồ tát Diệu Âm không phải là Bồ tát dạo chơi ở Ta bà như Quan Âm Bồ tát. Dù Diệu Âm tác động vào chúng sanh Ta bà, tác động của Ngài là tác động dưới dạng thể tánh.

Bồ tát Diệu Âm ở thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm đến Ta bà, tiêu biểu cho thể tác động qua dụng và cũng tiêu biểu cho việc làm quá khứ đánh thức hiện tại. Trong kinh diễn tả bằng hình ảnh Diệu Âm thân cận cúng dường Đức Phật quá khứ Vân Lôi Âm Vương Như Lai, mà hiện tại đạt được Hiện nhất thiết sắc thân.

Nhờ có Bồ tát Diệu Âm thức đánh thức, hành giả phát tâm Bồ đề. Tuy nhiên, Diệu Âm chỉ hiện lên trong lòng hành giả, rồi Ngài cũng biến mất trong lòng người. Kinh diễn tả Diệu Âm Bồ tát qua Ta bà liền trở về thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm ngay.

Vì vậy, nhịp cầu tiếp nối công việc của Diệu Âm Bồ tát đánh thức con người bên trong hành giả là Bồ tát Quan Âm. Ngài thường xuyên hiện hữu bên cạnh chúng ta, trợ giúp chúng ta vượt mọi chướng ngại một cách an lành trên bước đường hành đạo.

Phẩm 25

PHỔ MÔN

I. LƯỢC VĂN KINH

Bồ tát Vô Tận Ý bạch Phật vì nhân duyên gì mà Bồ tát tên là Quán Thế Âm. Phật đáp rằng nếu vô lượng chúng sanh đang bị khổ não mà nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ tát Quan Âm, thì liền được giải thoát. Nếu người trì danh hiệu Bồ tát Quan Âm, thì không bị tai nạn sau : 1.- không bị lửa cháy, 2.- không bị nước cuốn trôi, 3.- không bị quỷ dữ làm hại, 4.- không bị đánh đập sát hại, 5.- không bị La sát giết hại, 6.- không bị xiềng xích gông cùm, 7.- không bị nạn cướp.

Ngoài ra, chúng sanh nào nhiều tham dục, giận hờn, ngu si thường niệm danh hiệu Bồ tát Quan Âm, tham sân si dứt sạch. Người nào lễ lạy cúng dường Bồ tát Quan Âm, cầu con trai hay con gái đều được như ý muốn. Phước đức cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ tát nhiều như phước đức của người niệm danh hiệu và cúng dường 62 ức hằng sa Bồ tát.

Vô Tận Ý hỏi Phật rằng Bồ tát Quán Thế Âm làm thế nào dạo khắp Ta bà và phương tiện của Bồ tát này như thế nào ? Phật trả lời nếu có chúng sanh nào cần dùng thân Phật được độ thoát, thì Bồ tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật thuyết pháp. Cần thân Đế Thích, Ngài hiện thân Đế Thích. Cần thân trưởng giả, Ngài hiện trưởng giả v.v... Tùy trường hợp mà Bồ tát Quan Âm hiện các loại thân hình tương ưng. Ngài có 32 hiện thân để cứu độ chúng sanh.

Sau khi nghe Thế Tôn nói về công đức của Bồ tát Quán Thế Âm, Vô Tận Ý Bồ tát liền mở xâu chuỗi ngọc vô

giá đang đeo dâng cúng cho Bồ tát Quán Thế Âm. Ngài không nhận.

Phật bảo Bồ tát Quan Âm nên thương xót Vô Tận Ý và hàng tứ chúng cùng bát bộ Thiên long mà nhận chuỗi ngọc đó. Quan Âm nghe lời Phật dạy, nhận xâu chuỗi ngọc và chia làm hai phần : một phần dâng Đức Phật Thích Ca, một phần dâng cúng Đức Đa Bảo.

Ngài Trì Địa bạch Phật rằng chúng sanh nào nghe được phẩm Quán Thế Âm nói về đạo nghiệp tự tại và thần thông ứng hiện khắp mọi nơi của Quan Âm, phải biết công đức người ấy rất lớn. Lúc Phật nói phẩm này, 84.000 chúng sanh trong đại chúng phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng giác.

II. GIẢI THÍCH

Đức Phật dạy người khởi tu ở nhơn môn không thể phán đoán những việc làm bất tư nghì của hành giả tu ở quả môn được. Hành giả Pháp Hoa trên quả môn nhìn xuống chúng sanh tu ở nhơn môn thật đáng thương hại. Ý này nhằm chỉ Phật Thích Ca quan sát pháp tu của ngoại đạo mà khởi tâm thương hại họ. Trong kinh diễn tả kết quả của ngoại đạo thu lượm được chẳng đi đến đâu gọi là "cái giá một ngày".

Từ phẩm Như Lai thọ lượng trở về sau thuộc phần tu của hành giả từ quả hướng ngược lại về nhơn để hành đạo. Trong phẩm Như Lai thần lực, Phật cho Bồ tát thấy thế giới mười phương chấn động để hình thành một quốc độ thanh tịnh.

Sau Như Lai thần lực đến phần hiển thị thần lực của các Bồ tát. Trước nhất Phật giới thiệu Bồ tát Dược Vương hoàn toàn vô hình, kế tiếp là hình ảnh Diệu Âm Bồ tát đến

Ta bà, lại trở về thế giới bản thể trong một niệm tâm. Một niệm tâm đến và một niệm tâm về nghĩa là Ta bà cần thì Ngài tới, xong việc trở về. Cách hành đạo đến và đi đúng lúc của Bồ tát như vậy, chúng ta dễ hiểu.

Tuy nhiên Bồ tát Quan Âm ở luôn Ta bà, không phải đến rồi đi như Diệu Âm. Ngài ở lại Ta bà mãi mãi mà chúng sanh không chán. Nói cách khác, từ một Bồ tát Diệu Âm ở trong tâm tư được cụ thể hóa bằng hiện hữu của Bồ tát Quan Âm trong cuộc sống ở Ta bà. Quan Âm sống như thế nào mà chúng sanh Ta bà chẳng những không chán, lại còn luôn luôn kính trọng tôn thờ Ngài.

Với quá trình từ Như Lai lực đến Bồ tát lực và trở thành hiện thực cuộc sống của Phổ Môn, mở ra cho chúng ta thấy tầm hoạt động rộng lớn khắp mọi hướng của Phật. Phổ Môn tiêu biểu cho trí con người không thể nghĩ bàn, phổ cập khắp nơi. Ở đây mượn hình ảnh Bồ tát Quan Âm để chỉ cho con người và khả năng biến hóa là lực hay trí. Trí tuệ là vốn quan trọng nhất của người tu. Nhưng chúng ta tu hành lại thường quên hạt nhân quý báu này, để vô minh nghiệp chướng ngăn che bóp chết trí tuệ.

Mở đầu phẩm này, hình ảnh Vô Tận Ý Bồ tát tiêu biểu cho thắc mắc, suy nghĩ của con người. Một con người mà ý không bao giờ cùng tận, trí tuệ phát triển không bao giờ chấm dứt, gọi là Vô Tận Ý. Khác với hình ảnh Thanh văn thủ phận, sợ thắc mắc khổ, không thắc mắc, huệ không sanh.

Từ trên Phật quả xuống hành đạo mới có Bồ tát Vô Tận Ý và Quan Âm. Còn Thanh văn chỉ có diệt tận định. Bằng chính thắc mắc đó, Bồ tát quán chiếu lại trần thế để thấy nghe. Và từ thấy nghe, vấn đề mới đặt ra cho Bồ tát dấn thân ở Ta bà hành đạo, hoàn toàn khác với Thanh văn tu hạnh ly trần, không thấy, không nghe, không biết.

Các kinh ghi công hạnh của Bồ tát Quan Âm khác nhau. Tùy pháp tu, trình độ hiểu biết sai biệt và nghiệp lực mà cảm nhận về Ngài khác nhau. Đứng trên lập trường nhất Phật thừa hay trên Phật quả quan sát Quán Thế Âm, hữu tình và vô tình đều thành Phật đạo. Cho đến tứ sanh lục đạo và hẹp hơn nữa, đối tượng hành đạo của Ngài là loài người chúng ta. Rõ ràng quả đức của Quan Âm là ở cõi Ta bà.

Vì vậy, Quan Âm liên hệ mật thiết với chúng ta không nghĩ bàn được. Từ Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ đến Việt Nam, ở đâu cũng thờ Ngài trong tự viện hoặc lộ thiên. Thấy tôn tượng Ngài, chúng ta cảm được công hạnh của Bồ tát Quan Âm đối với loài người chúng ta như thế nào.

Ở Trung Hoa thường thờ Ngài dưới hình thức Quan Âm Nam hải hay Từ Hàng đại sĩ. Vì người ta thường thấy Ngài hiện ra người chèo thuyền cứu vớt kẻ bị tai nạn. Ở Triều Tiên thờ Ngài dưới hình tượng ba đầu sáu tay. Ở Nhật Bản thờ 10.000 tượng Quan Âm trong tam thập tam gian đường. 33 gian nhà thờ này tiêu biểu cho 33 loại thân hình của Quan Âm giáo hóa chúng sanh. Tuy nhiên, các kiểu thờ Quan Âm dưới đây thông dụng hơn cả :

- Thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho quyền năng và sự quan sát của Quan Âm, việc nào Ngài cũng làm được. Ngài quán 1.000 trường hợp và làm việc dưới 1.000 dạng thức khác nhau. Con số 1.000 chỉ là số tượng trưng vì thực sự Bồ tát Quan Âm ở trong tư thế thiên biến vạn hóa.

- Mã Đầu Quan Âm hay Đại Lực Trì Minh Vương tiêu biểu lòng từ bi của Quan Âm nâng lên độ cao và Ngài sử dụng lòng từ dưới dạng sân hận, tức nghịch duyên hóa độ.

Ở Việt Nam thường thờ Quan Âm dưới hình tượng Tiêu Diện đại sĩ là Bồ tát thị hiện sân hận để hàng phục kẻ ác, không phải sân hận thực sự. Vì phát xuất từ chánh định hay Pháp Hoa tam muội, dù hành động của Bồ tát ác, cũng biến thành thiện hoặc vô lậu.

Bồ tát mang nghiệp ác phát xuất từ căn bản đại từ bi mà Huệ Tư Thiền sư gọi là vô duyên đại từ bi tâm. Nghĩa là hạnh Bồ tát khiến người ác phải sợ và kính trọng, không dám phản ứng ác, không làm cho họ sân hận. Ngược lại, thiện phát xuất từ căn bản vọng tâm là ngụy thiện vẫn thọ quả báo.

- Thập nhất diện Quán Thế Âm Bồ tát. Thập nhất diện là 11 phía, 11 bình diện khác nhau tiêu biểu cho Quan Âm dưới dạng thể đại từ bi, mọi mặt nhìn về Ngài đều thấy dễ thương. Ta nghĩ thế nào sẽ thấy Ngài như vậy.

- Chuẩn Đề Quan Âm phát xuất từ Ấn Độ. Quan Âm hiện dưới dạng 700 vị nữ thần đặt dưới sự thống lãnh của Long Nữ.

- Như Ý Luân Quan Âm : Quan Âm đeo chuỗi anh lạc được thờ nhiều nhất. Vòng chuỗi như ý tiêu biểu cho Như ý luân tam muội, nghĩa là tất cả mọi việc mong cầu của chúng sanh đều được Bồ tát Quan Âm thỏa mãn theo ý muốn.

Trên lập trường Phổ Môn, tức trên Phật quả nhìn về chúng sanh qua hình bóng của Quan Âm với các hạnh khác nhau của Ngài ghi trong các kinh, tập họp được một Quan Âm thực sự trong lòng người. Mỗi người cảm nhận về Ngài không giống nhau.

Dù thân trụ thế giới Tây phương Cực Lạc của Phật A Di Đà nhưng Bồ tát Quan Âm lại nghiêng tai về cõi Ta bà, lóng nghe ngôn ngữ âm thanh của các loài chúng sanh ở

đây. Vì để tâm nghe âm thanh trần thế, giữa Ngài và trần thế có liên hệ mật thiết với nhau không rời được. Đó chính là nguyên nhân Bồ tát Quan Âm thường hiện hữu nơi Ta bà.

Ở tình huống nào, hành giả cảm được Quan Âm, Ngài liền hiện tới cứu. Chẳng những Quan Âm nghe được tất cả âm thanh trong loài người, tánh nghe này đặc biệt thấu suốt mười phương Phật. Cho đến tất cả những ức niệm nhỏ nhất của chúng sanh khởi từ Phật tánh, Ngài đều nghe được. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm gọi Ngài là Viên thông giáo chủ. Quan Âm trong Lăng Nghiêm thuộc phần tu nhân, nhưng ở Pháp Hoa là quả của Ngài. Ngài đã thành Phật và từ Phật cảnh giới, Ngài đi xuống chúng sanh giới.

Nếu chúng ta chưa đủ tư cách Bồ tát, mọi việc làm cũng chỉ là hữu lậu, vẫn kẹt trong lục đạo tứ sanh. Tuy nhiên, nương vào hạnh Bồ tát để hành đạo có thể nhất thời thông được Phật giới.

Long Nữ thị tùng Bồ tát Quan Âm tiêu biểu cho hành giả nương được hạnh Quan Âm, thông được từ súc sanh giới lên Phật giới. Chúng ta thờ Quan Âm, một bên là Thiện Tài, một bên là Long Nữ. Hai hiệp sĩ này trợ hóa Bồ tát Quan Âm. Long Nữ trong phẩm Đề Bà Đạt Đa là Long Nữ của Quan Âm ứng hiện và Thiện Tài ứng hiện trong Hoa Nghiêm. Vì tùy thuộc Quan Âm, nên các vị này hoạt động dưới dạng thức của Quan Âm. Thiện Tài tuy nhỏ, nhờ nương lực Bồ tát Quan Âm, thông được mọi cảnh giới. Và tầm hoạt động của Long Nữ là hoạt động của Quan Âm dưới dạng bát bộ chúng. Theo kiến giải của Mật giáo, những hoạt động này thể hiện ở trạng thái siêu hình.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, Bồ tát Quan Âm thị hiện vô số hóa Phật. Trong Tâm kinh, Ngài có tên là Quán Tự Tại thông cả hữu hình và vô hình, hữu tình và vô tình. Ngài hoàn toàn tự tại với tất cả pháp, với mọi hiện tượng trên cuộc đời thì việc ban vui cứu khổ mới không chướng ngại. Với tư chất Quán Tự Tại, Ngài quán sát, phá vỡ được vỏ ngũ uẩn thành KHÔNG, không còn chướng ngại trong việc làm đạo và khổ ách đều dứt.

Vì đáp ứng nhu cầu của mọi người hoàn toàn tự tại, đối với Quan Âm, Sắc mới là Sắc, KHÔNG là KHÔNG, mà Sắc cũng không phải là Sắc, KHÔNG cũng không phải là KHÔNG v.v… Giáo hóa của Quan Âm rõ ràng là vô quái ngại. Thật vậy, kẹt vào sắc thì bị hạn cuộc, mà rơi vào Không thì tâm từ sẽ bị chết, không hành đạo Bồ tát được.

Quan Âm sử dụng đại bi và đại trí như hai cánh tay. Tác dụng của Quan Âm dưới dạng tâm. Đại bi tâm của Ngài sanh ra tất cả pháp hóa độ chúng sanh. Vì thế, tuy không hiểu Đà la ni của Ngài, ta vẫn cảm nhận được. Tình thương của Bồ tát Quan Âm hay của Phật được nâng đến độ cao nhất, thấy tình thương không còn mới chính là tình thương chân thật. Giống như mặt trời tỏa chiếu sự sống khắp nhân gian, không phân biệt tốt xấu. Dù ta quý mến Phật hay không, Ngài vẫn thương ta. Thành tựu tư cách này, Bồ tát Quan Âm hành đạo không chướng ngại, thân giáo hóa thế gian mà tâm vẫn an trụ thế giới Phật.

Phẩm Phổ Môn cho thấy Quan Âm là một vị Phật hành đạo dưới dạng Bồ tát. "Ưng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quán Thế Âm Bồ tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp". Hay nói cách khác, ta thờ Đức Phật Thích Ca mà cảm Đức Quan Âm thì đó chính là Quan Âm vậy.

"Ưng dĩ Bích Chi Phật thân đắc độ giả, tức hiện Bích Chi Phật thân nhi vị thuyết pháp". Nếu là Duyên giác thực sẽ không độ được người và chỉ trụ ở điểm đó thôi. Tuy nhiên, vị Duyên giác này là hiện thân của Quan Âm Bồ tát thì theo họ tu, hành giả được khai mở, phát tâm Bồ đề và tu hạnh Quan Âm lúc nào mà hành giả không biết.

Vì hiện thân tam Thánh không đủ để hóa độ chúng sanh, Bồ tát Quan Âm còn hiện thân Trời Phạm vương hay Trời Đại Phạm Thiên vương của Ấn Độ giáo để đáp ứng nhu cầu nhân gian. Tất cả các vị Trời này là biểu tượng tín ngưỡng của các tôn giáo Ấn Độ và Trung Hoa.

Nếu thực sự các vị này là hiện thân của Bồ tát Quan Âm để hóa độ chúng ta, thờ các Ngài ít lâu, chúng ta sẽ hướng tâm về Phật. Thể hiện tinh thần này, chúng ta thấy các vị thần Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản lần quy về Phật đạo, nhờ Quan Âm Bồ tát hiện dưới dạng vị thần hóa độ.

Ngay trong cuộc sống hiện tại, Bồ tát Quan Âm thường hiện ra dưới biểu tượng gợi cho hành giả phát tâm. Nhưng hành giả không biết được và hạ xuống thấp nhất, Ngài giải quyết cho nhân gian hai điều mà họ cầu xin và giúp họ thoát khỏi 7 tai nạn (thất nạn nhị cầu).

Trường hợp hành giả rơi vào tuyệt mạng tuyệt thể, phá vỡ được màn ngũ uẩn, từ Phật tánh khởi tâm đại bi, mới nhận được đồng thể đại bi với Quan Âm. Hành giả không ở trạng thái tuyệt mạng tuyệt thể, nhưng trụ được tâm trong Đà la ni, vẫn có độ cảm như trên.

Vì vậy, niệm Quan Âm phải niệm dưới dạng niệm tâm mới giao cảm với Ngài. Chánh niệm đến độ hành giả đồng hạnh với Quan Âm, thân hành giả hiện thành thân Quan Âm. Dùng được thân Quan Âm trang nghiêm cho thân mình, việc ác không thể đến với hành giả. Thế giới

an lành của Bồ tát lần lần mở ra cho hành giả hoặc hành giả chuyển đổi được hoàn cảnh xấu thành tốt. Ví dụ bị lửa đốt cháy, hành giả chánh niệm Quan Âm, lửa không đốt được. Nhưng hành giả phải niệm bằng tâm niệm. Còn niệm ngoài miệng để khỏi cháy thì thế nào cũng cháy. Niệm đến vô niệm, niệm ngoài thức, không còn biết nóng. Dù cho xác thân cháy, cũng chỉ cháy ngũ uẩn thân và hành giả chứng được Pháp thân.

Từ nạn lửa, cho đến bị nước cuốn trôi, gông cùm xiềng xích, oán tặc bao vây v.v…, hành giả trụ tâm chánh niệm Bồ tát Quan Âm. Ngài đều gia hộ cho thoát khỏi tai nạn. Nhưng hành giả phải cầu đúng, nghĩa là đồng hạnh đồng nguyện với Quan Âm Bồ tát, Ngài mới gia bị. Cầu nguyện dưới dạng vô ý thức của con người hay xứng tánh gọi là chuyên niệm mới bắt gặp hộ niệm của Bồ tát Quan Âm, một sự hộ niệm hay trợ lực nằm ngoài hiểu biết diễn tả thông thường. Nếu gặp hiểm nguy, chúng ta có chuẩn bị và tìm lối thoát được, thì đó không phải là thần lực của Bồ tát Quan Âm.

Quan Âm xuất hiện với 32 ứng hiện thân, tức ở trong 32 hoàn cảnh tiêu biểu cho mọi tình huống, Ngài đều thị hiện tương ưng để giải quyết 7 tai nạn cho người thế gian. Ngài đương nhiên trở thành người che chở cần thiết, mang an lành cho chúng sanh Ta bà, làm thế nào họ chán Ngài được. Nhất là yêu cầu thoát khỏi mọi tai nạn khổ ách là yêu cầu bức bách muôn đời của chúng sanh Ta bà.

Từ gợi ý này, Phật khuyên chúng ta niệm Quan Âm, tức học hạnh Quan Âm, đến đâu đáp ứng yêu cầu lợi lạc nơi đó. Được như vậy, công việc hoằng hóa độ sanh của chúng ta nhất định tốt đẹp.

Việc làm của Quan Âm không chỉ giới hạn ở thất nạn nhị cầu, Ngài còn dắt hành giả qua 500 do tuần đường hiểm về bảo sở. Trên 500 do tuần, hành giả thấy 500 Quan Âm khác nhau. Mỗi do tuần, hành giả có một Quan Âm và sau cùng ở bảo sở, Bồ tát Quan Âm của hành giả là Đức Phật.

Từ trên Phật quả xuống, Ngài đưa hành giả về thế giới Phật bằng thuyền từ, tiêu biểu bằng cánh sen mang ý nghĩa nương theo hạnh Bồ tát để tu Pháp Hoa. Quan Âm Bồ tát không chỉ làm những việc lặt vặt như thất nạn nhị cầu hay cầu gì cho nấy. Hiểu như vậy, Bồ tát Quan Âm sẽ không còn linh nghiệm, vì có người cầu được, có người cầu không được. Chẳng những Bồ tát Quan Âm hành đạo ở Ta bà, Ngài còn trợ hóa Phật A Di Đà ở Tịnh độ phương Tây.

Việc làm của Ngài ở hai trụ xứ tịnh uế trái ngược này khiến chúng ta cảm nhận được vào thời quá khứ, Ngài là vị cổ Phật Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì thương nhân gian, Ngài hiện thân sống với chúng sanh Ta bà dưới dạng Bồ tát Quan Âm.

Hiện hữu bằng con người đắc đạo hoàn toàn, Ngài rất tự tại trong khi giáo hóa chúng sanh, cần ứng hiện thân nào, Ngài mang thân đó. Nói rộng hơn, Bồ tát Quan Âm nhằm diễn tả Pháp thân Phật hay phẩm Phổ Môn nói lên sự giáo hóa của Phật bằng lực vô hình. Từ lực vô hình ở bản thể hiện thành hiện thực theo yêu cầu của loài người.

Xuất hiện trên cuộc đời mang tất cả loại hình để hành đạo và đạt mục tiêu xong, Phật diệt độ. Trên lập trường Pháp Hoa, Phật hiện hữu miên viễn ở bản thể giới. Trên mặt sanh diệt của hiện tượng, tuy không có Ngài, nhưng ai thỏa mãn được yêu cầu tri thức và đạo đức của

con người, hướng dẫn con người đến toàn thiện toàn mỹ, người đó chính là Phật, là sứ giả của Như Lai.

Vì vậy, theo tinh thần của Đại thừa, hình ảnh Phật 500 năm sau khi Ngài diệt độ, thể hiện nơi Long Thọ Bồ tát. Ngài nương giáo lý Đức Thích Ca, triển khai thành sức sống mãnh liệt của Phật giáo Đại thừa. Và Phật giáo truyền sang Trung Hoa, theo yêu cầu của thời đại đó, sản sinh ra một Đức Phật dưới dạng hình Cưu Ma La Thập. Đến Nhật Bản, Đức Phật lại xuất hiện dưới hình bóng Thánh Đức thái tử. Vì bấy giờ, nước Nhật tôn sùng Thần đạo và huyết thống, Thánh Đức không thể xuất thân trong giai cấp bình dân. Thánh Đức thái tử muốn thuyết kinh Pháp Hoa phải nói dưới dạng Thái Dương Thần nữ.

Đến thế kỷ thứ 8, xã hội Nhật bắt đầu phát triển văn hóa, thì xuất hiện một KOBO DAISHI là con của lãnh chúa. Ngài hành đạo bằng cách đi tiên phong trong việc phát triển văn hóa, như sáng chế ra chữ quốc ngữ cho dân Nhật, thảo sớ văn cho Đằng Nguyên sang Trung Quốc. Trường tư thục đầu tiên cũng do Ngài sáng lập cùng những danh họa và những áng văn sớm nhất là do Ngài sáng tác.

Sang thế kỷ 12, giới võ sĩ phát triển mạnh. Sức mạnh đóng vai trò quan trọng, người nào mạnh mới tổng hợp được quần chúng. Lúc ấy, lại có sư Bình Thanh Thạnh làm Tể quan. Đến thời kỳ thành phần nông dân vượt lên, lại thấy Ngài Nhật Liên, con của người chài lưới, biểu tượng cho thành phần lao động. Dân Nhật tôn sùng Ngài là Bồ tát Thượng Hạnh, là thượng thủ của các Bồ tát Tùng địa dũng xuất trong kinh Pháp Hoa.

Riêng người Việt Nam, hiểu và tin Đức Quan Âm một cách sâu sắc, thể hiện qua hành động của các vua quan

đời Lý Trần. Thật vậy, Phật giáo Việt Nam khi hội nhập vào xã hội đã có thái độ dứt khoát. Cần hiện Thiên tướng hiện Thiên tướng, cần phụ nữ thân hiện phụ nữ thân, như Ỷ Lan thứ phi. Đối với kẻ nghịch, bà dứt khoát trừng trị. Nhưng hàng phục được chúng rồi, bà lại rất hiền, nên được dân chúng tặng cho danh hiệu là Quan Âm nữ.

Thẳng thắn và khoan dung là tinh thần Quan Âm của Việt Nam. Vì vậy, học hạnh Quan Âm phải tùy thời, tùy chỗ, tùy đối tượng mà có thái độ ứng xử khác nhau. Theo tinh thần này, vua quan và thiền sư thời Lý Trần không do dự trước giới sát khi các Ngài phải đối phó với giặc ngoại xâm. Tuy nhiên, chận đứng được khả năng sát hại của giặc rồi, các Ngài lại thể hiện tinh thần từ bi, không hận thù, xem họ như bạn. Tiêu biểu như việc làm của vua Lý Thánh Tông không khoan nhượng trước thế lực của kẻ hiếu chiến. Nhưng thắng giặc Chiêm Thành xong, Ngài thể hiện tấm lòng nhân đạo, tha cho vua Chiêm là Chế Củ. Hoặc Trần Nhân Tông thắng quân Nguyên xâm lược, Ngài trở thành thiền sư, làm Tổ của phái Trúc Lâm.

Có thể nói thái độ của Phật giáo Việt Nam ứng xử theo tinh thần 32 hiện thân của Bồ tát Quan Âm. Việc làm nào cần nói lên chân lý thì sử dụng ngay. Thí dụ Lý Thường Kiệt đánh để nói lên chân lý "Nam quốc sơn hà, Nam đế cư". Ông đã thể hiện chân lý trong mọi tình huống; thể hiện với tư cách hiền hòa hay bằng hành động dứt khoát thẳng tay trừng trị. Để trấn át loài hung dữ cô hồn, Bồ tát Quan Âm phải hiện thân Tiêu Diện đại sĩ. Đối với người hiền lương, Bồ tát Quan Âm là bà mẹ hiền ban vui cứu khổ.

Trên bước đường hành Bồ tát đạo, muốn thành tựu công đức, phải hiện được càng nhiều sắc thân càng tốt, tức phải có trí tuệ nhìn đúng sự thật, ứng xử cho hợp tình

hợp lý. Vì vậy, các danh Tăng hiện hữu khắp nơi, mang những hình thái khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều đáp ứng việc lợi ích quần sanh và đưa người về Phật đạo giải thoát. Ý này nói lên tinh thần vì thương tưởng cho đời, Đức Phật hiện thân ở Ta bà làm đủ các việc hay tinh thần Phổ Môn thị hiện dưới tất cả loại hình theo yêu cầu chúng sanh.

Với mục tiêu này, Bồ tát Quan Âm hiện hóa trên cuộc đời bằng mọi dạng thức. Từ Phật cảnh giới, Ngài bước vào trần gian, sống bên cạnh chúng ta để đưa tất cả đến bờ giải thoát. Nếu chỉ thấy Ngài dưới dạng thức ban vui cứu khổ để van vái cầu xin, thì Ngài là một vị thần linh đã chết. Nhưng nếu chúng ta cảm hạnh Ngài qua tri thức và suy luận của nhân gian thì Ngài trở thành tà kiến. Hạnh Quan Âm không thể hiểu ở trạng thái cục bộ này.

Quan Âm phải ở dạng thức từ trên Phật quả nhìn xuống chúng sanh giới để làm đạo và từ nơi này hướng về Phật cảnh giới trong tư thế khai ngộ. Theo Ngài Huệ Tư, Phật giới và chúng sanh giới không khác. Phật là Diệu Pháp, chúng sanh là Liên Hoa. Bồ tát hành đạo không thể hủy diệt môi trường chúng sanh. Đức Phật tu hạnh Bồ tát mới dung hóa được hai cõi tịnh uế và lấy chúng sanh giới làm Niết bàn. Có thể ví Bồ tát là hoa, Phật là quả, chúng sanh là gốc rễ, pháp là nước và phân đất là phiền não. Hiểu được như vậy, hạnh Quan Âm mới là cửa ngõ cho Bồ tát sơ phát tâm vào đạo. Vì ngoài hạnh Quan Âm, không có hạnh nào khác để hành đạo.

Khi Phật giải thích xong công hạnh của Bồ tát Quan Âm, Ngài Vô Tận Ý cúng dường Quan Âm chuỗi ngọc như ý. Quan Âm không nhận. Phật liền bảo Quan Âm nên thương Vô Tận Ý và chúng Tăng mà nhận chuỗi ngọc. Lời Phật dạy gợi chúng ta suy nghĩ bố thí cúng dường phải

đúng như pháp. Người cúng và người nhận đều lợi lạc, hợp thời thanh tịnh mới thành tựu pháp. Ngài Vô Tận Ý cúng dường Đức Quan Âm, vì nhận rõ Quan Âm sử dụng chuỗi ngọc lợi ích hơn Ngài. Bồ tát Quan Âm cũng thấy rõ như vậy. Ý thức của người cúng và người nhận là Bồ tát Vô Tận Ý và Quan Âm đều hợp thời thanh tịnh, nhằm làm lợi ích chúng sanh, mới thành tựu trọn vẹn pháp cúng dường.

Quan Âm nghe lời Phật dạy nhận chuỗi ngọc cúng dường. Theo tôi, điều này gợi nhắc chúng ta trên bước đường tu, ta nghe lời Phật hay nói cách khác, Phật tiêu biểu cho trí giác. Vì vậy, ai cúng vật gì, chúng ta phải suy nghĩ kỹ có nên nhận không. Vì mọi việc xảy đến đều có yêu cầu, có lý do riêng. Chúng ta không biết cứ nhận, càng dễ thọ quả báo. Nhận mà không đáp ứng được yêu cầu của người, sau này họ sẽ gây khó khăn cho chúng ta không ít.

Từ thuở nhỏ tôi đã sớm ý thức ý nghĩa câu chuyện Quan Âm vâng lời Phật dạy mà nhận chuỗi ngọc. Tôi rất sợ phiền lụy của việc thọ nhận. Ai cho hoặc giúp đỡ, tôi suy nghĩ nếu không giải quyết được mong cầu của họ, tôi dứt khoát không nhận.

Bồ tát Quan Âm nhận xâu chuỗi của Vô Tận Ý làm Phật sự lợi ích Trời người. Ý thức như vậy, Ngài mới nhận. Kinh diễn tả là Phật bảo Quan Âm nhận. Nhận xong, Bồ tát Quan Âm phân chia chuỗi ngọc thành hai phần, một phần cúng cho Đức Đa Bảo và một phần cúng cho Thích Ca ở Ta bà. Có thể hiểu trên bước đường tu, chúng ta hoàn toàn hướng tâm về Tây phương hay hướng đến Ta bà, đều không đúng.

Bước theo lộ trình thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà Quan Âm vẽ ra, chúng ta tùy duyên, tùy yêu cầu chúng sanh đáp ứng lợi lạc cho họ. Nhưng tâm hồn ta lúc nào cũng phải hoàn toàn trong sạch thanh tịnh. Giống như hình ảnh của Quan Âm trợ hóa cho Phật A Di Đà ở Tây phương thuần tịnh, Ngài vẫn hiện hữu mãi mãi bên cạnh chúng sanh Ta bà đau khổ.

Phẩm 26

DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ

I. LƯỢC VĂN KINH

Đức Phật bảo đại chúng : "Thuở xưa cách đây vô lượng kiếp có Đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai. Trong pháp hội của Phật này có vua tên Diệu Trang Nghiêm, phu nhân tên Tịnh Đức và hai con là Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn. Hai người con có thần thông lớn, từ lâu tu tập đầy đủ mười pháp Ba la mật và 37 Trợ đạo phẩm, được các tam muội của Bồ tát như Tịnh Quang, Tịnh Sắc, Tịnh Chiếu v.v…

"Vì muốn độ vua Diệu Trang Nghiêm và vì lòng thương đối với chúng sanh, Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí nói kinh Pháp Hoa. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn mời mẹ cùng đi đến Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí để cúng dường và nghe kinh Pháp Hoa. Phu nhân liền bảo hai con nên mời cha đi nghe pháp bằng cách hiện thần thông cho ông thấy để ông tin. Hai người con vì thương cha nên bay vọt lên hư không, biểu diễn các thứ thần thông.

"Thấy thần lực của các con, vua cha vui mừng phát tâm đến ra mắt Phật. Người mẹ liền cho phép Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn xuất gia. Lúc đó, 84.000 người ở hậu cung vua Diệu Trang Nghiêm đều thọ trì kinh Pháp Hoa. Từ vô lượng

kiếp, Bồ tát Tịnh Nhãn đã thông đạt Pháp Hoa tam muội và Bồ tát Tịnh Tạng thông đạt Ly chư ác thú tam muội. Phu nhân của vua được chư Phật tập tam muội.

"Vua và quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân cùng cung nữ, hai vương tử và 42.000 người, tất cả đồng một lúc đến đảnh lễ Phật. Đức Phật nói pháp cho vua nghe, nhà vua rất vui mừng. Vua cùng phu nhân mở chuỗi chơn châu đang đeo, rải trên Đức Phật. Chuỗi đó ở giữa hư không hóa thành đài báu, bên trong có Phật ngồi phóng hào quang.

"Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí bảo tứ chúng rằng Vua Diệu Trang Nghiêm ở trong pháp ta siêng tu tập các pháp trợ Phật đạo, sẽ được làm Phật hiệu Ta La Thọ Vương, nước tên Đại Quang, kiếp tên Đại Cao Vương.

"Diệu Trang Nghiêm liền giao nước cho em rồi cùng phu nhân, hai con và các quyến thuộc đồng xuất gia. Xuất gia trong 84.000 năm thường tinh tấn tu hành theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa, được Nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm tam muội. Được tam muội xong, liền bay lên hư không bạch Phật : Bạch Thế Tôn, hai người con của con đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hóa để chuyển tâm tà của con, giúp con an trụ Phật pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người con này là thiện tri thức của con, vì muốn căn lành đời trước của con được phát khởi nên đã thị hiện sanh vào nhà con.

Đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai khen ngợi vua nói rất đúng. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn đã từng cúng dường hằng hà sa Phật, thọ trì kinh Pháp Hoa, thương chúng sanh tà kiến mà giúp họ trụ trong chánh kiến.

Sau khi tán thán công đức Như Lai, vua Diệu Trang Nghiêm từ trên hư không xuống bạch Phật rằng pháp của

Như Lai đầy đủ công đức vi diệu không thể nghĩ bàn. Từ nay con nguyện không làm theo trí của con nữa, không dám sanh lòng tà kiến, kiêu ngạo, giận hờn".

Đức Phật kết luận rằng vua Diệu Trang Nghiêm nay chính là Bồ tát Hoa Đức hiện ở trước Phật. Hai người con là Bồ tát Dược Vương và Dược Thượng. Lúc nói phẩm này 84.000 người xa trần lụy, được pháp nhãn thanh tịnh.

II. GIẢI THÍCH

Diệu Trang Nghiêm vương bổn sự nói về tiền thân của Hoa Đức Bồ tát, trong kiếp quá khứ Ngài làm vua tên Diệu Trang Nghiêm. Phẩm Diệu Trang Nghiêm cụ thể hóa việc khó tin, khó hiểu, khó làm của các Bồ tát và thiện thần phát nguyện ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa dưới dạng Đà la ni, bằng cách kể lại việc tu hành trong mẫu gia đình đặc biệt của Diệu Trang Nghiêm vương.

Tên vua Diệu Trang Nghiêm mang ý nghĩa ông đã khéo léo trang nghiêm giới đức một cách mầu nhiệm. Ông trải qua quá trình khéo tu đạo Bồ tát, nở hoa trên cuộc sống, nay mới kết thành quả Hoa Đức Bồ tát. Với thành quả đó, ông thấy được công hạnh của Bồ tát Diệu Âm và thể hiện đầy đủ ý nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa.

Đức Phật kể lại bổn sự của vua Diệu Trang Nghiêm tu, ngầm khuyến khích chúng ta khéo tu Bồ tát đạo, lấy giới đức trang nghiêm thân tâm. Tương lai, chúng ta cũng sẽ kết thành quả Hoa Đức Bồ tát như Diệu Trang Nghiêm. Ngược lại, chúng ta tu hành vụng dại, phủ lên thân tâm mình toàn tham sân phiền não. Chắc chắn không đạt được công đức gì, còn thọ quả báo.

Mở đầu phẩm, Phật giới thiệu thế giới xa xưa tên Quang Minh Trang Nghiêm. Thế giới này không hoàn toàn

thuần tịnh như thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm của Bồ tát Diệu Âm. Trong thế giới Quang Minh Trang Nghiêm có vua Diệu Trang Nghiêm tà kiến, nghĩa là một thế giới có đầy đủ tịnh và nhiễm. Nói cách khác, trong cuộc sống tu hành của chúng ta, trong tịnh có nhiễm, trong tốt có xấu.

Diệu Trang Nghiêm tiêu biểu cho khả năng con người. Ở thế giới thuần tịnh, chưa có việc gì tội lỗi. Nhưng bắt đầu sống và tu bằng thân tứ đại ngũ uẩn, vấn đề mới được đặt ra. Và điều nguy hiểm hành giả cần lưu tâm là càng giỏi, tà kiến càng dễ sanh ra, càng cách xa chơn tâm.

Từ bản thể thanh tịnh, bất giác sanh vọng động thì xuất hiện trên cuộc đời. Hành giả làm được nhiều việc, tạo được địa vị quan trọng, giống như từ Diệu Trang Nghiêm biến thành vua.

Với khả năng, ông tạo nên sự nghiệp, mà sự nghiệp này vẫn nằm trong thế giới của Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí. Nói cách khác, tất cả những hiện tượng sinh hoạt của hành giả dù tốt xấu, phải trái vẫn luân chuyển diễn biến trong thế giới thanh tịnh của chư Phật, chúng sanh vẫn đau khổ trong thế giới giải thoát của chư Phật.

Vua Diệu Trang Nghiêm sanh tà kiến, sống trong tà kiến do việc làm hướng ngoại quá nhiều, mà không biết. Thật vậy, khởi điểm của vua từ thế giới thanh tịnh Quang Minh Trang Nghiêm xuất hiện lại cuộc đời làm vua, thiết lập triều đình, có đầy đủ kế hoạch. Ông sống với nó và ưa thích nó. Điểm này ví cho người tu đang sống giải thoát. Nhưng hành đạo giáo hóa chúng sanh, lấy chúng sanh làm quyến thuộc và lấy tâm chúng sanh làm tâm mình, xem đó là phương tiện giáo hóa. Tuy nhiên, tâm chúng sanh là tâm phiền não, nên sau một thời gian giáo hóa, họ

không xả bỏ được phương tiện này. Ngược lại, họ biến tâm chúng sanh thành tâm họ, là đã biến phương tiện thành cứu cánh.

Ở đây diễn tả việc sử dụng phương tiện và bị phương tiện lôi cuốn đi, biến phương tiện thành cứu cánh, bằng hình ảnh vua Diệu Trang Nghiêm ưa thích sống với Bà la môn, mất bản tâm rớt vào tà kiến. Khi vua rơi vào tà kiến, Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai vì ông vua này hay vì muốn cải hóa tà kiến mà thuyết kinh Pháp Hoa. Tuy nhiên, Ngài không thuyết kinh Pháp Hoa bằng cách gọi Trời người đến. Ngài thuyết dưới dạng ba thiện tri thức Tịnh Đức, Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn.

Trong phẩm này, Phật cho biết người tu theo kinh Pháp Hoa sẽ được tất cả Bồ tát thủ hộ dưới dạng thiện tri thức gợi cho chúng ta suy nghĩ. Thiện tri thức là những người bạn giúp chúng ta có nhận thức tốt để tu hành. Ý này nhằm chuyển mạch từ thần lực Đà la ni khó thấy, khó hiểu đổi sang thiện tri thức có thực trên cuộc sống thực tế.

Trên bước đường tu học, chúng ta phát triển tu hành được, chắc chắn nhờ nương với vị thầy sáng suốt, đức hạnh và các bạn lành. Yếu tố này thật vô cùng quan trọng, vì không gặp minh sư bạn lành, chúng ta khó đắc đạo. Từ gia đình ra đến xã hội, những người tiến thân được đều nhờ thiện tri thức giúp đỡ. Thiện tri thức kiểu mẫu như Bồ tát Dược Vương, Dược Thượng, cho đến thiện tri thức là con, anh em, pháp lữ hỗ trợ việc tu hành cho chúng ta. Quan sát thực tế, có những gia đình cha mẹ không biết đạo, nhưng nhờ những người con có niềm tin, có đạo đức biết tu hành, khiến cha mẹ họ phát tâm tu theo.

Dưới nhãn quan của hành giả Pháp Hoa, người nào có nhân duyên căn lành chẳng những được Bồ tát mười phương gián tiếp hộ niệm, mà còn sanh lại trong gia đình họ để trợ hóa, giữ gìn tâm Bồ đề của họ không bị mất. Cốt lõi của các Ngài là Bồ tát sanh lại nên thành tựu các việc nhân gian xuất sắc. Nhưng các Ngài khác nhân gian ở điểm không bị danh lợi cám dỗ, không muốn bất cứ gì trên cuộc đời. Điển hình như vua Trần Thái Tôn, Trần Nhân Tôn rất sùng mộ đạo Phật. Hoàn thành trách nhiệm của vị nguyên thủ quốc gia xong, các Ngài an nhiên từ bỏ ngai vàng như bỏ chiếc giày rách, xem địa vị danh lợi như cỏ rác. Quan sát người ở điểm này để phân biệt, biết được họ là Bồ tát tái sanh hay là phàm phu sanh lại hưởng phước báo nhân thiên. Nếu là phàm phu, họ cố tận hưởng cho hết phước báo rồi lại bị đọa xuống. Trái lại Bồ tát tái sanh, dấn thân vì lợi lạc cho mọi người, không vì lợi riêng mình. Thành tựu xong hạnh nguyện, các Ngài từ bỏ nhẹ nhàng.

Theo bước chân của hành giả Pháp Hoa, từ gia đình cho đến xã hội, đến đâu cũng gặp người mở đường chỉ lối cho họ phát huy đạo đức và tri thức. Lắng lòng sẽ thấy các thiện tri thức trong kinh Pháp Hoa mà Phật dạy chẳng ai xa lạ hơn là cha mẹ, vợ con, anh em, thân bằng quyến thuộc, bạn lữ trợ giúp chúng ta tu hành đắc đạo.

Ở đây đưa ra mẫu gia đình vua Diệu Trang Nghiêm. Thiện tri thức đầu tiên là Tịnh Đức phu nhân, bà đã khai ngộ cho vua. Tư thế của bà khai ngộ thật đặc biệt. Trong kinh ghi bà đã chứng được tam muội, hiểu được tạng bí yếu của Như Lai. Điều này chứng tỏ bà là Bồ tát lớn muốn trưởng dưỡng Bồ đề tâm của Diệu Trang Nghiêm, nên hiện thân lại đóng vai hoàng hậu và dùng ngay tư thế của vua để hoằng truyền chánh pháp.

Bà Tịnh Đức mang danh hiệu như vậy vì đức hạnh toàn vẹn, thích cúng dường, thường tụng kinh cầu nguyện để chuyển tâm tà của vua Diệu Trang Nghiêm. Tịnh Đức tụng dưới dạng tâm, tạo được sự cảm thông với các Bồ tát và được các Ngài thọ sanh lại làm quyến thuộc.

Nguyện của bà tương ưng với hạnh chuyển tà thành chánh đạo của Bồ tát, nên được sự trợ lực của Bồ tát Dược Vương, Dược Thượng. Hai Bồ tát này sanh vào làm con dưới dạng thân Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, để hỗ trợ cho bà Tịnh Đức trong một Phật sự hết sức quan trọng. Vì vậy hai người con có pháp Đà la ni, dù chưa được ai dạy và khai ngộ.

Biết vua ưa thích thần biến của Bà la môn và đợi đến đúng lúc, bà Tịnh Đức mới bảo hai con nên dùng thần biến cao hơn Bà La môn để chuyển đổi tâm tà của vua cha. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn liền phô diễn thần lực bằng cách nhảy lên hư không cũng như trụ trên mặt đất. Họ chứng minh cho hàng trí thức ngoại đạo thấy sắc là KHÔNG, mà KHÔNG cũng không khác sắc, tiêu biểu cho lực vô ngại tự tại đối với các pháp hay Ta bà và Cực Lạc cũng như nhau. Họ đứng trên chơn đế cũng như tục đế mà xiển dương giáo lý trung đạo đệ nhất nghĩa.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn còn phô diễn thần lực làm cho trên thân họ ra nước, dưới thân ra lửa và ngược lại trên thân ra lửa, dưới thân ra nước. Nước và lửa đối với chúng ta hoàn toàn đối lập, không bao giờ gặp nhau. Nhưng đối với Bồ tát, lửa và nước giao nhau. Cả hai đều cùng phát xuất trong thân Bồ tát và các Ngài sử dụng nó hoàn toàn không chướng ngại. Đây cũng là một biểu hiện của trung

đạo đệ nhất nghĩa, tiêu biểu cho hành giả Pháp Hoa làm đạo ở thế tục, tâm vẫn an nhiên giải thoát.

Thần lực thứ ba của Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn là thoạt nhiên hiện thân lớn đầy trong hư không, rồi lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn sử dụng được pháp lấy hư không làm thân, giống như Bồ tát Hư Không Tạng. Pháp này khó diễn tả bằng ngôn ngữ. Chúng ta có thể tạm hiểu bằng cách so với khoa học ngày nay chứng minh nhiều dải ngân hà đang hiện hữu, thoạt biến mất và trở về trạng thái nguyên tử, chúng ta không thấy được. Hoặc những dải ngân hà trước đó chưa có, nhưng nay lại hiện ra, khi các nguyên tử được kết hợp lại.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn thi thố tài năng chứng tỏ cho vua thấy hiểu biết và tài năng họ vượt hơn tu sĩ Bà la môn, khiến vua Diệu Trang Nghiêm phát tâm tu Bồ tát đạo, sau trở thành Hoa Đức Bồ tát.

Trước đó, Diệu Trang Nghiêm ưa thích và tin đạo Bà la môn, kết thân với giai cấp Bà la môn, rất ghét Sa môn. Vì Sa môn bấy giờ phần lớn tiêu cực, không chịu học, không ưng làm, chỉ giới hạn sinh hoạt của họ trong việc khất thực, ăn ngủ. Trong khi Bà la môn là giới trí thức của xã hội có khả năng nắm quần chúng, có sức hiểu biết giúp ích nhiều cho vua. Nói chung, các nhà cai trị đều thích quyền lực và trí khôn. Người nào hội đủ hai điều kiện này ủng hộ họ, tất nhiên đều được quý trọng. Sự kiện này ứng vào thời kỳ sau Phật diệt độ 500 năm. Lúc ấy đạo Bà la môn đang phát triển mạnh. Tất cả phương tiện thiện xảo của Bà la môn giúp vua Diệu Trang Nghiêm xây dựng đế chế của ông, chắc chắn ông phải nghe và ưa thích họ. Vì vậy, Phật không độ ông bằng lời giảng suông. Ngài thuyết kinh bằng phương tiện Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn tiêu biểu cho phước đức và trí tuệ phát sanh từ Tịnh Đức phu nhân. Và cả ba Tịnh Đức, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn cũng từ bản chất tịnh mà lưu xuất. Có thể hiểu tà kiến hay phước đức trí tuệ đều chung một điểm khởi nguồn từ thanh tịnh. Hay nói cách khác, điều động cả hai pháp tà và chánh tương ưng với nhau mới hiển bày chân thật tướng của kinh Pháp Hoa.

Thần thông của Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn do phước đức và trí tuệ kết thành, tất nhiên vượt xa thần thông ngoại đạo tà kiến. Vì nó vô cùng tận, do thực sự hiểu biết, vận dụng được quy luật, nên dễ dàng phá được thần thông của tà kiến chỉ là khôn vặt do tam độc tham sân si bày ra để chinh phục con người. Dù có tạo được thần thông này, họ cũng lại bị chính nó làm khổ.

Muốn thuyết kinh Pháp Hoa, Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí phải để cho Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn phô diễn thần lực bất tư nghì giải thoát. Thần lực của Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn không có nghĩa gì khác hơn là đạo đức ở mức độ siêu tuyệt mới chuyển hóa được tâm tà của vua.

Hình ảnh ba vị đại Bồ Tát Tịnh Đức, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn sanh lại trong cung làm quyến thuộc trợ hóa cho vua Diệu Trang Nghiêm tương đồng với sự kiện thái tử Sĩ Đạt Ta bỏ cung điện xuất gia thành Phật mới có khả năng chuyển hóa vua Tịnh Phạn và Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng các hoàng tử khác phát tâm tu.

Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí yên lặng, nhưng Pháp Hoa vẫn được thuyết dưới dạng Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, Tịnh Đức. Ý này thể hiện sâu sắc tinh thần vô tác diệu lực của Phật, cải hóa tâm tà ác của bao nhiêu người mà Ngài vẫn không rời bản vị giải thoát. Pháp Hoa của Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí không phải là kinh

Pháp Hoa chúng ta tụng hoài, mà không lợi ích cho ai. Pháp Hoa của Ngài hình thành bằng cuộc sống thực của ba vị Bồ tát Tịnh Đức, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn thi thố tài năng, đức hạnh vượt hơn ngoại đạo, lợi ích cuộc đời khiến vua và mọi người phải hướng tâm đến Phật đạo. Đó là bộ kinh Pháp Hoa nằm ngoài ngôn ngữ phàm phu của chúng ta.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn dưới kiến giải của Thiền, tiêu biểu cho hai khả năng siêu việt thấy và làm có đủ ở ngay trong con người hành giả, nếu biết vận dụng.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn thưa với mẹ xin xuất gia theo Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí. Vì Phật khó gặp được như hoa Linh Thoại, như rùa một mắt ở trong biển gặp khúc cây nổi chỉ có một lỗ để chui vô. Trong biển mênh mông ví cho sự hiện hữu của Đức Phật trên cuộc đời thật hiếm có. Trong kiếp trầm luân sanh tử vô cùng tận của chúng ta ở thế giới Ta bà, gặp được Phật quả thật rất khó. Rùa ở biển nổi lên tiêu biểu trong tứ sanh lục đạo được làm người không phải dễ. Và khúc cây có một lỗ ví cho việc chúng ta vào được cửa Phật pháp, vượt qua biển khổ sanh tử lại càng khó hơn.

Chúng sanh trong sanh tử mà gặp nhân duyên để phát tâm tu, rất khó. Vì chúng ta sanh trên cuộc đời mang thân hữu hạn, cách chân lý, cách Phật pháp rất xa. Mọi thấy biết của chúng ta đều bị lệ thuộc trong sáu căn. Tùy màu sắc của cặp kính nghiệp mình mang mà thấy muôn vàn sai khác và thường dẫn đến chỗ mọi người tự coi hữu hạn của mình là nhất.

Tịnh Tạng tiêu biểu cho phước đức và Tịnh Nhãn tiêu biểu cho trí tuệ. Có phước đức và trí tuệ mới nhận chân được những gì vượt ra ngoài hữu hạn tầm thường, phát tâm tu và đắc đạo. Riêng tôi, vững bước trên đường tu

hành nhờ xây dựng thế giới nội tâm kiên cố, nhận rõ được trạng thái chân thân và huyễn thân, trạng thái nghiệp và giải thoát. Nhờ đó, không để tâm chuyện áo cơm, quyền lợi hơn thua lặt vặt, ngũ dục không lôi cuốn được. Trong khi những người khác tuy muốn tu, nhưng ở trong chùa mà tâm cứ mãi ngóng trông, dõi mắt chạy theo thế giới bên ngoài, một lúc rồi cũng hoàn tục.

Theo tôi, phải say mê cuộc sống tu hành, bên trong tâm hành giả có một thế giới lý tưởng để an trú. Và từ thế giới thanh tịnh này, chúng ta bước chân vào cuộc đời. Nhìn đời qua trạng thái Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, từng bước một thấy được sự vật bên ngoài một cách rõ ràng tỉnh táo, một cái thấy khác với người thường. Trong Đại Trí Độ luận có dẫn ví dụ một họa sĩ thấy cô gái đẹp khác với cái thấy của người tham dục hay Sa môn thấy. Sa môn hay người tu thấy qua Tịnh Tạng, không phải thấy bằng tác phẩm hay say đắm. Có một nhãn quan khác và sống khác hơn tầm thường là hai điều kiện tiên quyết để phát tâm tu. Và sau đó tạo thành những huyền bí hay quyền năng của thế giới tâm linh.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn biểu diễn cho vua thấy đệ tử Phật phải đạt một cái gì mà người bình thường không làm nổi. Vua mới chấp nhận và ông phát tâm tu, sanh chánh kiến. Tất cả quyền năng của Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn tạm ví như hiểu biết và việc làm của khoa học, dùng chất này biến sang chất khác. Công việc của khoa học gia so với việc làm bằng tay chân phải đạt năng suất cao hơn.

Gặp Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí và thiện tri thức Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn nhiều quyền năng, vua dễ dàng hạ quyết tâm tu, chánh tín xuất gia, từ bỏ những lạc thú thế gian say đắm. Vua Diệu Trang Nghiêm, Tịnh Đức, Tịnh

Tạng, Tịnh Nhãn và cả quần thần đều là pháp khí, mới có thể thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Điều này thể hiện cho chúng ta thấy rõ những người thọ trì được và những người không thể thọ trì.

Người thọ trì kinh Pháp Hoa tuy có đầy đủ thú vui cuộc đời, nhưng nó không có khả năng hấp dẫn họ, khác với hạng người có đủ thú vui và luôn bị nó lôi cuốn hay những người không có mà luôn thèm khát. Hai hạng người sau không bao giờ thọ trì được kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tuyệt đối không nên khuyên họ tu.

Vua được Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn khai ngộ và gặp Đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai. Gặp Phật có nghĩa là gặp một Đức Phật xuất hiện trên thế gian thực sự. Theo lịch sử chỉ có một Đức Phật Thích Ca hiện hữu chúng ta thấy biết được mà thôi.

Ngoài nghĩa này, theo kiến giải của Thiền tông, gặp Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí mang ý nghĩa trải qua quá trình tu chứng, chúng ta thấy Phật hay thấy Như Lai tâm của chính mình, không phải thấy một Đức Phật bên ngoài.

Tuy nhiên, nếu không có người khai ngộ, không có kinh điển, chúng ta không thể giác ngộ được. Nhờ Phật bên ngoài hay nói khác nhờ kinh điển, thầy hiền bạn tốt là những yếu tố gợi cho hành giả phát tâm, là đối tượng cho hành giả quan sát tiến tu. Ngài Nhật Liên dùng ví dụ chim trong lồng nghe chim bên ngoài hót, biết được bên ngoài vạn hữu bao la. Cũng như có Phật thực bên ngoài đánh thức Phật tâm bên trong của chúng ta.

Hành giả tu theo lộ trình Pháp Hoa mỗi ngày tụng kinh, tâm tự sáng ra và tự phát huy, thành Phật. Chúng ta tưởng rằng tự mình làm được việc này, nhưng theo Ngài

Nhật Liên, thực sự ta tu được là nhờ nương với Phật bên ngoài, nương kinh điển, nương thiện tri thức mà phát huy Phật tâm của chúng ta.

Dưới kiến giải của hành giả Pháp Hoa, nếu có căn lành sẽ được Bồ tát lớn hay thiện tri thức đến trợ lực. Một đời hành giả phá một phần phiền não và cứ như vậy thẳng tiến lên Phật quả, không thể đi xuống. Điển hình như Diệu Trang Nghiêm sanh lại làm vua đầy đủ năm món dục lôi cuốn, thọ ngũ uẩn, liên hệ nhiều với cuộc sống hiện tại làm ông quên mất căn lành đời trước. Trong tư thế như vậy, ông dễ sanh tà kiến cao mạn, khó sửa, khó nghe theo ai. Tuy nhiên, dù khó phát tâm Bồ đề nhưng nhờ trồng căn lành đời trước nên được đại Bồ tát Dược Vương, Dược Thượng sanh làm con, làm thiện tri thức nhắc nhở, hướng dẫn ông về Phật đạo.

Vua nghe Đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai thuyết kinh Pháp Hoa. Ông hết sức vui mừng, mở chuỗi trân châu vô giá cúng dường Phật và được Phật thọ ký. Ông mới xuất gia tiếp tục tu trong 84 ngàn kiếp. Về điểm này, bản kinh Pháp Hoa đời Tần của Ngài Cưu Ma La Thập dịch có sự khác biệt so với bản kinh Pháp Hoa Phạn ngữ Népal. Bản Pháp Hoa Népal ghi rằng vua nghe Phật thuyết pháp xong, phát tâm xuất gia tu trải qua 84 ngàn kiếp mới cúng dường Phật và được Phật thọ ký.

Theo bản Pháp Hoa của Cưu Ma La Thập, vua cúng dường trước khi xuất gia, thì hợp lý hơn bản Pháp Hoa Népal. Vì bấy giờ ông còn làm vua nên còn đeo chuỗi trân châu. Nếu xuất gia rồi, làm Sa môn có chuỗi đâu mà cúng. Hơn nữa, bản Pháp Hoa Cưu Ma La Thập dựa trên tinh thần từ Tiểu thừa chuyển sang Đại thừa, cúng dường

trước khi xuất gia để nhờ công đức này làm hạt nhân cho hành giả xuất gia.

Chuỗi trân châu của vua cúng dường Phật tự nhiên bay lên hư không, tiêu biểu cho lòng tôn kính của ông đối với Phật vô cùng tận. Đức Phật của ông thờ không phải chỉ là Đức Phật hữu hạn bằng xương thịt, mà là một Đức Phật ngồi trên tòa hư không, phẩm vật bay lên hư không vượt lên thực tế. Nói cách khác, lý tưởng của vua bay lên hiện thành đài bảy báu và có Đức Như Lai ngồi. Đây là tinh thần lý tưởng hóa thực tế của người tu Đại thừa.

Xâu chuỗi vô giá của vua tương ưng với thánh thiện của Phật, là hai lý tưởng. Nhưng hai lý tưởng này phù hợp thực tế, không phải là ảo tưởng vì ông làm vua nên xâu chuỗi ông cúng quả thật quý báu vô giá. Và ông cúng dường Phật, vì nhìn thấy rõ đôi mắt Ngài sáng, thấy vô kiến đảnh tướng của Thế Tôn phóng ánh sáng, tức thấy trí tuệ và đức hạnh của Phật. Ngài phát khởi niềm tin.

Vua là người có đầy uy lực ở thế gian, có khả năng lãnh đạo quần chúng, tiêu biểu cho cùng tột của thế gian mới thấy được cùng tột của Phật là xuất thế gian. Dưới mắt người bình thường, ngôi vị đế vương cao quý và Phật chỉ là một Tỳ kheo tầm thường. Ngược lại, vua thấy Phật siêu tuyệt hơn ông, làm những việc ông không thực hiện nổi. Vua chỉ điều khiển được một nhóm người, cai quản trong phạm vi lãnh thổ của mình. Còn những người khác hay lãnh thổ khác trở thành đối nghịch. Trái lại, Đức Phật từ bỏ tất cả, nhưng đức hạnh Ngài chan hòa thống nhiếp muôn người, luôn cả những người đối nghịch cuối cùng cũng phải quy thuận.

Chỉ có lý tưởng của vua Diệu Trang Nghiêm mới bắt gặp được lý tưởng của Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí.

Thấy rõ được trí sáng suốt và tâm thành kính của ông, Phật mới thọ ký cho ông.

Bản Pháp Hoa của Ngài Cưu Ma La Thập ghi Phật thọ ký cho vua Diệu Trang Nghiêm ngay khi ông vừa phát tâm. Điều này tương ứng với tinh thần sơ phát tâm thủy thành chánh giác của kinh Hoa Nghiêm. Thọ ký trước để vua Diệu Trang Nghiêm lấy đó làm hướng thực hiện lý tưởng của ông, đó là một Đức Phật ở trên hư không bằng bảy báu. Khi vua xuất gia ông mang theo 84.000 quyến thuộc tượng trưng cho 84.000 phiền não trần lao. Và trải qua 84.000 năm, ông khắc phục điều ngự được tất cả 84.000 phiền não trần lao hoàn toàn thuần thục và đạt được Nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm tam muội.

Công việc thuận phục tất cả phiền não không phải ông mới làm trong đời này. Vô số đời trước ông đã từng thuận phục nhiều người, nên sanh lại làm vua, mới có vô số quyến thuộc. Điều này gợi cho chúng ta suy nghĩ những liên hệ hiện hữu ngày nay của chúng ta luôn có hai mặt là đối nghịch và thuận phục.

Sau khi hoàn toàn thanh tịnh, Ngài mới bay lên hư không cao 7 cây Ta La. Trong kinh Tiểu thừa và Đại thừa thường dùng con số 7 mang ý nghĩa trụ trong Phật pháp tu, vượt qua tất cả những gì ràng buộc con người. Toàn bộ thế gian không còn chi phối được mới thực sự là người giải thoát, vượt sanh tử nói pháp không sanh tử cho chúng nhân nghe.

Khi đắc đạo có khả năng bay cao 7 cây Ta La, trụ trong hư không, nhìn lại quá trình tu hành của mình, Ngài mới thấy trọn vẹn giáo lý Phật thật toàn bích và thốt lên lời ca ngợi Tam Bảo.

Ngài ca ngợi Phật là đấng sáng suốt, đức hạnh, đã vẽ ra lộ trình của Ngài tu thật tuyệt diệu, dứt trừ tất cả phiền não ra khỏi sanh tử. Ngoài ra, giáo pháp Phật không thể nghĩ bàn. Trí tuệ sanh bao nhiêu, pháp theo đó tương ứng bấy nhiêu. Và Tăng đoàn hòa hợp, thanh tịnh là môi trường trong sạch hóa thân tâm Ngài.

Dưới mắt Ngài, Đức Phật quá cao cả và thánh thiện, sắp xếp của Phật quá tuyệt vời. Trong khi việc sắp xếp triều đình của Ngài trước kia chỉ là tà kiến tội lỗi. Cảm nhận sâu sắc quý báu vô giá của Phật như vậy, Ngài thốt lên những lời chân tình rằng từ nay con không dám làm theo trí của con nữa, không dám sanh lòng tà kiến mà phải nương theo Phật làm, phải có Phật chỉ đạo.

Ý nghĩa kinh Pháp Hoa được rút ra từ câu chuyện vua Diệu Trang Nghiêm nhằm nói lên Phật huệ mà mỗi hành giả Pháp Hoa đều phải dùng làm hành trang xây dựng cuộc sống lợi lạc cho mình và người. Chúng hội nghe lời tán dương chí thành của một người đầy quyền uy đối trước Phật như vậy, lòng họ tự thanh tịnh, xa trần lụy, rời cấu nhiễm.

Phẩm 27

PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

I. LƯỢC VĂN KINH

Bồ tát Phổ Hiền dùng thần thông cùng vô lượng Bồ tát và trời, rồng đến núi Kỳ Xà Quật bạch Phật : "Con ở nước của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương nghe cõi Ta bà có thuyết kinh Pháp Hoa nên cùng các Bồ tát đến đây. Cúi mong Thế Tôn nói kinh cho chúng con. Và sau khi Như Lai diệt độ làm thế nào mà được kinh Pháp Hoa ?".

Đức Phật đáp : "Sau khi Như Lai diệt độ, người nào muốn được kinh Pháp Hoa phải hội đủ bốn điều kiện : 1.- Được chư Phật hộ niệm.
2.- Trồng cội công đức. 3.- Vào trong chánh định. 4.- Phát tâm cứu tất cả chúng sanh.

Bồ tát Phổ Hiền bạch Phật : "500 năm sau trong đời ác trược nếu có người thọ trì kinh Pháp Hoa, con sẽ giữ gìn họ, làm cho họ được an ổn. Ai đọc tụng kinh này, con sẽ cỡi voi trắng cùng chư đại Bồ tát hiện ra cùng chung đọc tụng. Người được thấy thân con lòng rất vui mừng, thêm tinh tấn và được tam muội".

"500 năm sau trong đời ác trược, nếu có người đọc tụng, biên chép kinh này và muốn tu tập, phải một lòng tinh tấn trong 21 ngày. Mãn 21 ngày, con sẽ cỡi voi trắng 6 ngà cùng vô lượng Bồ tát hiện ra trước người đó nói pháp, chỉ dạy họ được lợi ích và cho chú Đà la ni. Được chú này thì không có ma quỷ nào có thể hại được".

Bồ tát Phổ Hiền đọc xong bài chú, Ngài bạch Phật tiếp : "Ai thọ trì đọc tụng, ghi nhớ chơn chánh, hiểu nghĩa kinh, đúng theo đó tu hành thì người đó tu hạnh Phổ Hiền, ở nơi các Đức Phật trồng cội lành và được Như Lai lấy tay

xoa đầu. Khi mạng chung, được ngàn Đức Phật tiếp dẫn và sanh lên cung Trời Đâu suất ở chung với Bồ tát Di Lặc. Nếu chỉ biên chép, khi mạng chung sẽ được sanh lên Trời Đao Lợi. Thế Tôn, con xin đem sức thần thông thủ hộ kinh Pháp Hoa. Sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ làm cho kinh này được lưu truyền rộng rãi trong Diêm phù đề".

Đức Thích Ca tán thán Bồ tát Phổ Hiền : "Hay thay, ông có thể hỗ trợ kinh này, làm cho chúng sanh an vui lợi ích. Này Phổ Hiền, ai thọ trì, đọc tụng, tu tập, biên chép kinh Pháp Hoa, nên biết người ấy đã thấy Phật Thích Ca, nghe Phật Thích Ca nói pháp, được Phật Thích Ca xoa đầu và lấy y trùm thân. Người như thế không còn ham thích những vui sướng của thế gian, kinh sách ngoại đạo, không gần gũi kẻ ác, không bị ba món độc làm hại, có thể tu hạnh Phổ Hiền.

"500 năm sau khi Phật diệt độ, thấy người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa, phải biết rằng người này không bao lâu sẽ đến đạo tràng phá các ma thành Vô thượng giác, chuyển pháp luân. Thấy người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa mà chê bai vạch lỗi lầm của họ, sẽ mắc quả báo thật đáng ghê sợ. Thấy người thọ trì kinh này phải đứng dậy tiếp rước như kính Phật ".

Phật nói phẩm này, hằng hà sa Bồ tát được muôn ức Đà la ni, chư Bồ tát đông vô số được đầy đủ hạnh Phổ Hiền.

II. GIẢI THÍCH

Sau khi Phật giới thiệu cách hành đạo hoàn toàn tự tại của các Bồ tát Dược Vương, Dược Thượng, Diệu Âm, chúng ta tự nghĩ các Ngài đầy đủ thần thông biến hóa, mới thừa khả năng giáo hóa chúng sanh Ta bà. Còn thân phận chúng ta thấp hèn, không làm nổi như các Ngài thì

sao. Chẳng lẽ Phật đưa ra cho chúng ta những việc làm của các Bồ tát tiêu biểu lợi ích cho đời, mà chúng ta lại hoàn toàn không liên hệ gì đến hay sao. Tuy nhiên, bắt chước các Ngài nhập cuộc với đời, trong khi hành trang của chúng ta là hai tay không, quả thật cả một vấn đề !

Nhìn thấy vô số khó khăn của hành giả tu Bồ tát đạo sau Phật Niết bàn, Bồ tát Phổ Hiền tạo điều kiện khuyến khích hành giả ở Ta bà phát tâm Đại thừa tu Bồ tát đạo. Vì sau khi Phật Niết bàn, vấn đề tu hành rất khó. Ngài Phổ Hiền nhắc nhở chúng ta sau Phật diệt độ 500 năm, vấn đề hoằng truyền Pháp Hoa lại càng khó hơn. Hành giả đời sau gặp khó thường dễ nản lòng, bỏ cuộc. Phải có Bồ tát lớn như Ngài Phổ Hiền hiện thân khích lệ, chúng ta mới tu được.

Bồ tát Phổ Hiền kết thúc hội Pháp Hoa, không khác Bồ tát Phổ Hiền kết thúc hội Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm là nhân hạnh Phổ Hiền, và kinh Pháp Hoa là quả đức của Phổ Hiền. Muốn hiểu quả phải căn cứ trên nhân, nghĩa là chúng ta cần hiểu rõ Phổ Hiền Bồ tát tu nhân hạnh như thế nào trong kinh Hoa Nghiêm, để dẫn đến hiện hữu một quả đức siêu tuyệt của Bồ tát Phổ Hiền ở kinh Pháp Hoa.

Nhân hạnh của Phổ Hiền Bồ tát thể hiện rõ nét trong phẩm Nhập Pháp giới cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Phẩm Nhập Pháp giới rất dài, ở đây chúng tôi chỉ tóm ý sơ lược để nêu lên những nét chính liên quan đến hạnh Phổ Hiền. Muốn nắm được vấn đề, người đọc cần thông suốt ý nghĩa kinh Hoa Nghiêm.

Phẩm Nhập Pháp giới có hai phần, phần một diễn tả trên đường cầu đạo, Thiện Tài gặp Văn Thù trước. Văn Thù tiêu biểu cho trí tuệ, nên khởi đầu chúng ta tu học, đến với

Phật bằng tri thức. Không có tri thức không vào đạo được. Nhờ tri thức rọi sáng tâm, nếu không chúng ta dễ thành mê tín tà đạo.

Thiện Tài gặp được Văn Thù cũng có nghĩa Thiện Tài là người có tri thức, từng bước thâm nhập giáo lý Phật, tri thức tự phát triển. Với trí tuệ Văn Thù hướng dẫn, Thiện Tài tiếp xúc tất cả tầng lớp thế gian, gặp Đức Vân và Hải Vân Tỳ kheo. Thiện Tài nhìn giới xuất gia qua trí tuệ của Văn Thù thấy Đức Vân, Hải Vân tuyệt diệu, đức hạnh sánh trời cao, trí như bể cả. Ngược lại, nhìn bằng đôi mắt hiểu biết của trần tục thế gian, không qua giáo dưỡng của Văn Thù, chắc chắn vào chùa chúng ta không thể nào tìm thấy hình ảnh đẹp của Đức Vân hay Hải Vân Tỳ kheo.

Chẳng những người xuất gia tuyệt diệu, quay lại cuộc đời vào chợ học đạo gặp Di Già lão luyện cũng trở thành hiền lương dưới mắt Thiện Tài. Vì Thiện Tài luôn mang sẵn đôi kính trí tuệ của Văn Thù. Riêng tôi, cảm nhận được hình ảnh đẹp của Di Già dưới mắt Thiện Tài. Trên bước đường hành đạo, tôi cũng từng gặp những người xảo trá trong xã hội. Nhưng họ rất hiền dịu với tôi và phát tâm đóng góp Phật sự không thua kém gì những người hiền lành khác. Thiết nghĩ bất cứ người nào cũng có mặt tốt. Đem cái tốt của họ vào lòng, chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng giải thoát. Đừng nên nhìn bề xấu của người, vì chỉ nghĩ hoài mặt xấu ác này, chúng ta tự khổ thôi.

Sau khi Thiện Tài đi một vòng thế giới sanh diệt, tiếp xúc với mọi giới xong, Thiện Tài được trí tuệ Văn Thù soi sáng dẫn đến gặp Bồ tát Quan Âm. Cũng có nghĩa là khi bước vào ngưỡng cửa Đại thừa, hành giả tập nâng mình lên thành mẫu người sống vì mọi người. Tâm hành giả mở rộng, mới bắt gặp tâm hồn rộng lớn của Quan Âm. Khác

với trước kia, hành giả tham lam khổ đau, thường yêu cầu Quan Âm cứu mà Ngài vẫn mãi mãi ở đâu đâu. Nay qua một quá trình tu dưỡng, tâm hành giả phóng khoáng, không cầu xin nữa, Ngài vẫn đến với hành giả như pháp lữ đồng hành.

Sau khi Thiện Tài kết hợp lòng đại bi của Quan Âm và trí tuệ của Văn Thù mới diện kiến được người thừa kế của Đức Thích Ca là Ngài Di Lặc Bồ tát. Di Lặc giữ tạng báu Như Lai, mới đủ tư cách mở cửa Tỳ Lô Giá Na lâu các cho Thiện Tài vào đảnh lễ Phật Pháp thân thường trú. Gặp Bồ tát Di Lặc và thâm nhập Tỳ Lô Giá Na tánh, hành giả chấm dứt giai đoạn ở đậu ăn nhờ. Hành giả đã hiểu đạo Phật qua giáo lý của Phật để lại và hiểu kinh nghiệm sống trên 52 chặng đường cầu đạo. Tiến qua giai đoạn hai là giai đoạn chính mà hành giả phải tự phát triển mình, thực hiện những việc của Phật và chư Bồ tát đã thành tựu. Đến đây chính bản thân hành giả lại chạm trán với vấn đề nan giải khác. Bồ tát Di Lặc khuyên Thiện Tài đến gặp Văn Thù một lần nữa.

Văn Thù ở giai đoạn một khác với Văn Thù ở giai đoạn hai. Giai đoạn một, hành giả gặp Văn Thù để sử dụng trí tuệ rọi vào giáo lý Phật, vào cuộc sống bản thân và xã hội. Giai đoạn hai, hành giả cũng gặp Văn Thù để trang bị cho mình trí tuệ vô lậu thấy biết diễn tiến sự vật bằng trực giác của bản tâm thanh tịnh. Văn Thù đứng cách 110 do tuần vươn tay xoa đảnh Thiện Tài đồng tử, khác với Văn Thù ở giai đoạn một luôn hiện hữu trước mặt. Nghĩa là giai đoạn một, cần có Thầy ở bên cạnh để dìu dắt. Giai đoạn hai, dù ở cách xa Thầy muôn trùng vạn dặm, hành giả vẫn nghe và nhận được pháp âm vi diệu của Thầy truyền qua bản tâm thanh tịnh.

Khởi đầu, Thiện Tài được Văn Thù đưa vào pháp giới gặp Đức Vân Tỳ kheo và cuối cùng Văn Thù xoa đảnh Thiện Tài, đưa Thiện Tài nhập pháp giới để gặp Phổ Hiền Bồ tát. Thiện Tài không thấy Phổ Hiền bằng mắt nhưng thấy bằng tâm, nhờ quán sát Phổ Hiền hạnh. Thiện Tài thu nhiếp tất cả pháp trong vũ trụ cộng với thiện căn công đức tích lũy nhiều đời, thấy được thân của Phổ Hiền Bồ tát trùm khắp pháp giới. Ba đời chư Phật đều nằm trong lỗ chân lông của Phổ Hiền Bồ tát. Phổ Hiền có khả năng phân thân mười phương và thu gọn lại trong một lỗ chân lông mà Thế Tôn dù có tu vô số kiếp cũng không vượt ra khỏi lỗ chân lông của Phổ Hiền.

Đọc đến ý này của phẩm Nhập Pháp giới chúng ta thấy quá khó, ngoài sức hiểu thông thường. Cũng có người cho rằng nó hoang đường giả tưởng. Theo tôi, đây là thế giới của hành giả tu chứng. Dùng trí phàm phu phân biệt giải thích bằng ngôn ngữ, chúng ta hoàn toàn tuyệt phần, chỉ đứng ngoài lề, không thể nào thâm nhập thế giới của Phổ Hiền. Trên bước đường tu, tùy tâm chúng ta thanh tịnh đến mức độ nào, sẽ hiểu mang máng lời Phật dạy đến mức đó.

Từ Phổ Hiền Bồ tát rộng lớn trùm khắp pháp giới và thu nhiếp thành Phổ Hiền Bồ tát hiện trong đầu sợi lông, thuyết pháp cho hành giả muốn tu Bồ tát đạo. Phổ Hiền đều truyền pháp âm vào tận nguồn tâm thức của muôn người cầu đạo đến vô tận thời gian.

"Sát trần tâm niệm khả sổ tri, đại hải trung thủy khả ẩm tận, hư không khả lượng phong khả kế, vô năng thuyết tận Phật công đức". Nghĩa là Phổ Hiền phân thân khắp pháp giới, kiểm soát được tất cả thế giới chẻ thành bụi vi trần. Ngài uống cạn nước bốn biển, mà tất cả chúng sanh trong bốn biển không biết mình nằm trong

bụng Phổ Hiền. Ngài đo lường được không gian và gió. Những việc khó làm như vậy, Phổ Hiền Bồ tát thấy hoàn toàn đơn giản.

Chỉ riêng một điều duy nhất khó làm, là không thể nào nói cho cùng tận công đức của Như Lai. Thật vậy ngày nay, chúng ta dễ hiểu điều này. Công đức Như Lai không thấy được, nhưng lớn lao không tưởng nổi. Ảnh hưởng của Ngài khắp năm châu, xuyên suốt dòng thời gian hàng mấy ngàn năm. Cho đến hiện tại, hàng tỉ người còn lễ bái cầu nguyện Phật. Sách vở kinh điển lý giải lời Ngài dạy nhiều không kể xiết.

Ý nghĩa công đức Như Lai vô hình, diễn nói mãi không cùng tận mà Phổ Hiền Bồ tát cho chúng ta biết, đã kết thúc phẩm Nhập Pháp giới. Và Bồ tát Phổ Hiền mở ra cánh cửa gọi là Phổ Hiền hạnh môn. Nhập Phổ Hiền hạnh môn để tu Phổ Hiền hạnh nguyện, sẽ hiểu được thế nào là công đức, căn lành. Tuy nhiên, muốn tu Phổ Hiền hạnh ở chặng đường hai, đương nhiên hành giả phải ngộ Tỳ Lô Giá Na tánh.

Phổ Hiền hạnh quá rộng, nhưng thu gọn lại thành mười hạnh nguyện chúng ta thường đọc tụng hằng ngày. Tôi đã đọc hàng trăm ngàn lần mười hạnh nguyện Phổ Hiền. Nhưng dĩ nhiên nhập Phổ Hiền hạnh môn không giản dị như chúng ta đọc. Vì toàn bộ kinh Hoa Nghiêm 40 phẩm, chúng ta rút gọn lại, chỉ tu phẩm Nhập Pháp giới cuối cùng. Và trong phẩm Nhập Pháp giới, chúng ta lại đi tắt thêm một lần nữa, chỉ còn mười đại nguyện.

Lộ trình tu tắt này chắc chắn rất khó và rất nguy hiểm. Chúng ta chỉ đọc suông mười đại nguyện hoặc mang sử dụng mười đại nguyện không có kết quả sẽ phạm tội phá pháp. Ý nghĩa của mười hạnh nguyện Phổ Hiền tôi lý giải

dưới đây tạm ví như mười món đồ giả. Tuy hàng giả, nhưng nương theo đó để chúng ta hình dung hàng thiệt. Cũng như Phật Thích Ca thường nói giáo lý của Ngài là ngón tay chỉ mặt trăng.

Trên bước đường tu, chúng ta còn mang thân ngũ uẩn, khó vượt qua bức tường thức ấm. Và quá trình tu để khỏi lệ thuộc thức ấm cũng không đơn giản. Tùy theo tầm nhìn, độ thấy, sức vận dụng của chúng ta trong khi tu tập đến mức độ nào, chúng ta sử dụng mười hạnh nguyện Phổ Hiền đến mức độ đó.

Theo tôi, những người tu hành ví như người bán đồ chất lượng không tốt. Người đắc đạo mới có đồ tốt thật. Tuy món đồ không tốt, cũng có nhiều thứ bậc cao thấp khác nhau. Bao giờ chúng ta bước vào Tỳ Lô Giá Na lâu các, diện kiến được Phổ Hiền Bồ tát, mới thành tựu mười hạnh Phổ Hiền thực.

Từ Phổ Hiền hạnh rộng lớn trùm khắp pháp giới, thu hẹp thành mười hạnh Phổ Hiền và từ mười hạnh Phổ Hiền lại triển khai thành vô cùng tận. Kinh Hoa Nghiêm mở ra cho thấy thế giới tâm của chính chúng ta thật hoàn toàn linh hoạt biến hóa không lường.

Mười hạnh nguyện là con số biến, không phải là pháp cố định, không thể tụng suông mà phải kèm theo sự thể hiện Phổ Hiền hạnh trong cuộc sống của hành giả.

1.- Hạnh nguyện thứ nhất : Lễ kính chư Phật

Khởi đầu tu thực hiện hạnh thứ nhất của Phổ Hiền Bồ tát, tôi nghĩ đơn giản rằng có bao nhiêu danh hiệu Phật, tôi lạy đủ không sót. Nhưng khi lạy xong, cũng không thấy Phật. Lạy nhiều lần, cũng không thấy Phật. Tôi tự biết mình chưa nhập Phổ Hiền hạnh môn, chưa ngộ Tỳ Lô Giá Na tánh.

Khi chúng ta còn đứng ngoài thế giới Phổ Hiền để lạy, lạy Phật mà tâm hồn chạy theo vọng trần ở tận đâu đâu thì càng lạy Phật, chúng ta càng bóp chết niềm tin. Đó là điều nguy hại tối kỵ đối với người tu hành. Chúng ta phải dừng ngay phương tiện này lại. Từ đó, tôi trở lại tìm xem Văn Thù dạy thế nào, tôi tìm được hai cách lạy Phật tương đối có kết quả.

Cách lễ Phật thứ nhất bằng lòng thành chúng ta đến độ cao, niềm tin của chúng ta hướng trọn vẹn về Phật tiêu biểu qua đôi tay chắp giữa ngực. Chúng ta đưa tay lên trán gợi lên ý niệm cầu Vô thượng chánh giác, mong trí Văn Thù rọi sáng tâm để chúng ta bắt gặp hình ảnh Phật mà lạy.

Nếu không thấy Phật, chúng ta làm thế nào lạy được. Phật đã nhập diệt, còn đâu cho chúng ta lạy. Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời không có cho chúng ta lạy và Đức Phật thường trú thì chúng ta không biết ở đâu. Riêng tôi, trong quá trình lạy Phật giấy, Phật gỗ, Phật đá, đến độ chán không muốn lạy. Nhưng từ lòng chí thành cao độ phát xuất ở một điểm thời gian nào đó, tôi phát hiện được những hiểu biết nằm ngoài suy tư của con người.

Từ tâm và trí hợp nhất thành một, dẫn chúng ta đến lễ Phật theo mô hình thứ hai thuộc lý Bát Nhã : "Năng lễ, sở lễ tánh không tịch". Thoạt nhiên một bữa nào, bất chợt

chúng ta đứng trước tượng Phật, lạy Phật. Nhưng tượng vụt biến mất, Phật không còn và cả ta cũng không có.

Đó là bước đầu kinh diễn tả rằng Văn Thù Sư Lợi dẫn chúng ta vào bể pháp tánh. Từ tánh KHÔNG này, hành giả vui sướng cảm nhận mọi vật thế gian hoàn toàn không. Tuy nhiên cần lưu ý đây là pháp KHÔNG của người bước vào thế giới tu chứng, đạt niềm vui kỳ diệu, không phải là KHÔNG của con người tuyệt vọng rớt vào địa ngục A Tỳ.

Từ tâm KHÔNG và vật KHÔNG ở cách lễ Phật thứ nhì, đưa hành giả đi vào thế giới Phổ Hiền để lạy Phật theo Ngài Phổ Hiền : "Nhứt thân phục hiện sát trần thân, nhứt nhứt biến lễ sát trần Phật". Nghĩa là trong pháp giới mười phương, tất cả Phật nhiều như bụi trần đã ra đời thành Vô thượng chánh đẳng giác, hay chưa ra đời còn trong tâm niệm chúng ta, đồng lúc Phổ Hiền nhìn thấy đủ và Phổ Hiền hiện đủ thân trước tất cả người đó đảnh lễ không sót.

Tất nhiên Ngài không còn dùng phàm thân đứng lên lạy xuống để lễ. Ngài sử dụng lực phát xuất từ bản tâm thanh tịnh đi vào pháp giới lễ ba đời các Đức Phật, trong đó có Pháp thân của chúng ta, giúp cho Pháp thân chúng ta lớn lên. Phổ Hiền là một vị cổ Phật hiện thân để tạo điều kiện thành Phật cho các vị lai Phật.

Lễ Phật của Phổ Hiền rất đặc biệt, nhắm vô Phật vị lai. Ngày nay chúng ta tu được là nhờ giữa Phổ Hiền và chúng ta có tương quan như vậy. Trong lúc chúng ta lạy Ngài bằng giấy, thì Phổ Hiền lạy Pháp thân của chúng ta, không lạy bộ mặt khó thương của chúng ta.

Bồ tát Phổ Hiền nhập pháp giới, đứng trong tâm trạng từng người một mà cảm thông nhịp nhàng từ thấp lên cao, Ngài lễ ba đời các Đức Phật mới trọn vẹn. Phổ

Hiền nhìn xuống chúng sanh thấy từng lớp người tiến về Vô thượng đẳng giác, chúng sanh hôm nay là Nhị thừa, ngày mai là Bồ tát và ngày mốt là Phật. Riêng tôi, cảm nhận được những người trong pháp hội hôm nay, nhiều đời đã được tôi đảnh lễ. Giờ phút này mới hiện diện nơi đây nghe pháp tu học được.

Dưới lăng kính Phổ Hiền mỗi ngày đều có người mới phát tâm sẽ thành Phật hay đang thành Phật do Ngài giáo hóa. Ngược lại, theo tâm phân biệt quan sát sự vật, không bao giờ chúng ta thấy có Phật, chỉ có chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não. Và ta tự cô lập mình, đến ngày nào đó không còn đất dung thân.

Cách lễ Phật theo Phổ Hiền thuộc trình độ tu chứng của Bồ tát đã ngộ Tỳ Lô Giá Na tánh, điều động Trí thân thấu suốt tất cả hiện tượng, đến độ trả vật về hư không, hội nhập pháp giới. Đạt đến cảnh giới hay khả năng này, thuộc lý sâu của đại Bồ tát, nằm ngoài lạm bàn của phàm phu chúng ta.

Riêng chúng ta khi chưa nương được lực Phổ Hiền, không phân thân khắp mười phương được, thì chúng ta hiểu thế nào và lễ Phật bằng cách nào ? Đối với bản thân tôi, khi tu hạnh lễ Phật, tôi tạo cho mình ngã rẽ khác. Theo tôi, chúng ta là người có tâm thức, nên trở lại thân phận con người có tâm thức tu. Tổ thường dạy là "Đại dụng tại tiền, quyền tại thủ" nghĩa là chúng ta phải biết sử dụng những phương tiện có sẵn trong tay. Phần lễ Phật trong pháp giới như Ngài Phổ Hiền thuộc về lý tánh tuyệt đối, chúng ta chưa nắm bắt và vận dụng được.

Từ ý nghĩa Phật trong pháp giới và Ngài Phổ Hiền lễ Phật trong pháp giới, trở lại thực tế tôi hiểu Phật là bậc giác ngộ sáng suốt. Vì thế, tôi sử dụng phương tiện đảnh

lễ người sáng suốt giác ngộ là những thiện tri thức trầm mình trong giáo lý Phật Đà. Tuy chưa là Phật, nhưng họ là hoạt Phật, tức Phật sống. Chúng ta kính lễ những ông Phật này, thay vì lễ ông Phật bằng cốt. Trên bước đường tha phương học đạo, có bao nhiêu người đắc đạo hay chưa đắc đạo, có bao nhiêu lý thuyết, kinh, luận của Tổ chú sớ là những bộ óc lớn, chúng ta đều đến kính lễ cầu học. Những vị này ra đời thay thế Phật thuyết minh, làm sống dậy giáo lý trong sáng của Đức Thích Ca lợi ích chúng hữu tình. Nhờ đó, Phật đạo tồn tại mãi trên thế gian cho người tu hành. Đảnh lễ thiện tri thức không đủ 32 tướng tốt như Phật nhưng có được 1, 2 tướng hảo hay 5, 7 oai nghi, cho đến chỉ có một điều thiện nhỏ như vi trần đều đáng quý.

Ngoài ra, tu hạnh lễ kính chư Phật còn nhắc nhở chúng ta kính trọng người. Không kính trọng người, mà đến với người là điều bất hạnh cho chính ta. Chúng ta ghi nhớ tấm gương khiêm tốn từ ái của Đức Phật. Ngài là bậc trí tuệ cao tột ở trên nhìn xuống, nhưng không bao giờ khinh ai. Khi còn là Thường Bất Khinh Bồ tát, Ngài đã lập nguyện không dám khinh chê ai.

Hành giả tu hạnh lễ kính chư Phật, không những lạy tất cả Phật quá khứ, hiện tại đang thuyết pháp, mà tất cả Phật vị lai là những người chung quanh ta có Phật tánh sẽ thành Phật. Lễ Phật bằng tâm niệm tương quan kính trọng lẫn nhau như vậy, sẽ tạo thành một Phật quốc nơi đó tất cả mọi người đều là Phật. Tất cả những người liên hệ đều hiện hữu trước mặt để chúng ta lạy, nhưng lạy Phật tánh của họ, không phải lạy xác thân tội lỗi của họ. Đó là mô hình lạy Phật trên cuộc đời và lạy Phật trên pháp giới. Nghĩa là từ phương tiện chúng ta tu để tiến đến chân thật và từ chân thật trở về hành đạo khai ra phương tiện.

2 - Hạnh nguyện thứ hai : Xưng tán Như Lai

Phổ Hiền Bồ tát nói với Thiện Tài rằng dù có mượn lưỡi của Biện Tài Thiên nữ để ca ngợi công đức Như Lai đến tận vị lai kiếp cũng không hết được. Điều này khiến chúng ta suy nghĩ hạnh của Phật như thế nào mà xưng tán mãi không cùng tận ?

Như chúng ta đã biết Phật ngộ Tỳ Lô Giá Na tánh và sống dưới dạng chơn tánh. Từ chơn tánh, Ngài khởi lên sanh diệt. Các pháp sanh diệt trong hiện tượng giới thì vô cùng tận. Đức Phật hiện hữu trong vô cùng tận đó, cuộc đời Ngài thuyết pháp tu hành, giáo dưỡng không nằm trong giới hạn 80 năm trụ thế.

Đức Phật dưới nhãn quan Tiểu thừa chấm dứt từ lúc Ngài Niết bàn. Trái lại, tinh thần Đại thừa nhìn thấy Phật tại thế giáo hóa dọc theo triền sông Hằng. Và hiện tại, khắp năm châu không nơi nào không có giáo lý Phật soi sáng cho người nghiên cứu, suy tư, tu hành. Vô hình trung, đức hạnh của Ngài vẫn tiếp tục giáo hóa chúng sanh, nên kinh Đại thừa khẳng định việc ca ngợi Phật đức không thể cùng tận. Nhờ khen ngợi Phật đức sâu dày, Pháp thân chúng ta lớn dần lên.

Nương vào Phổ Hiền lực để thấy Phật và khen Phật, thì ở trần gian này có bao nhiêu chúng sanh, có bấy nhiêu Phật. Phật này là Phật tâm. Phật tâm không thể xóa được, còn Phật đá ở Ấn Độ bị Hồi Giáo đập bể dễ như không. Phật tâm có hoạt tính vô cùng, rọi sáng pháp giới, truyền thẳng đến từng chúng sanh gọi là Phật tâm vô xứ bất từ bi. Từ người nghèo nhất đến người giàu nhất, từ người giỏi đến người dở, Phật không bỏ ai.

Tu hạnh xưng tán Như Lai, chúng ta không chỉ khen ngợi ông Phật đã chết, nhưng khen ngợi Phật Pháp thân

thường trú đang giáo hóa chúng ta, đang chỉ đạo hàng tỷ người trên thế giới. Tuy nhiên, ai là người có tư cách để khen ngợi Đức Như Lai. Vấn đề tư cách của người khen ngợi mới quan trọng. Trên bước đường tu, chúng ta được những người tài cao đức trọng khen, chúng ta mừng, đánh giá phê phán của những vị này mới có giá trị. Ngược lại người ác xấu chê, chúng ta càng mừng, mà họ khen, chúng ta càng sợ.

Đạo Phật tồn tại và phát triển lâu dài mãnh liệt nhờ những thuyết minh trong sáng để mọi người hiểu và vận dụng được trong cuộc sống tiến bước trên con đường Thánh thiện. Theo tôi, những sáng thuyết giải thích đó mới thực sự thể hiện hạnh nguyện xưng tán Như Lai.

Riêng đạo Phật Việt Nam hiện hữu vững chắc trong lòng dân tộc cũng nhờ các bậc cao Tăng thạc đức đóng góp thật nhiều lợi ích cho dân tộc. Đạo hạnh các Ngài đã làm sáng danh uy đức của Phật. Như vậy, lý giải của các Tổ sư dùng cho muôn đời về sau hoặc nếp sống mô phạm của các Ngài kết thành tư cách xứng đáng để ca ngợi Phật. Còn những người tội lỗi thường tình có gì để nói. Chẳng những lời khen của họ không có giá trị, mà tác dụng ngược lại thành phỉ báng Phật. Vì cuộc sống, hành động tệ ác của họ hoàn toàn trái ngược những gì họ ca ngợi Phật.

Theo Ngài Phổ Hiền, chúng sanh có mượn biện tài Thiên Nữ ca ngợi công đức Như Lai cũng không hết được. Chỉ có cách nhập pháp giới mới ca ngợi phổ cập ba đời các Đức Phật, nghĩa là tổng hợp được quá khứ vào hiện tại và đưa hiện tại tiếp tục diễn tiến cho vị lai sử dụng. Ví dụ những sở đắc tu chứng của riêng tôi triển khai từ tư tưởng của Ngài Thiên Thai, Hiền Thủ và mang nhập vào

dòng thác tư tưởng của Phật. Tất cả dồn lại cho con cháu ta sử dụng. Dưới kiến giải của tôi, nhập pháp giới như vậy, đưa vào dòng thác trí tuệ như vậy và chỉ có cách đó mới thể hiện ca ngợi Phật phổ cập ba đời.

Hành giả nhập vào pháp giới được, thì sống nói ít, chết nói nhiều. Thật vậy, các bậc chân tu lúc sanh tiền ít ai biết đến, nhưng tịch diệt rồi, được tưởng nhớ nhiều hơn. Cũng như Đức Phật lúc trụ thế, người ca ngợi Ngài không nhiều như ngày nay.

Nhập pháp giới hiểu chân lý không mang ý nghĩa nào khác hơn là những gì trong thời Phật giáo nguyên thủy, trong thời Phật giáo phát triển, trong ngày nay và trong tương lai là một, cùng trôi chảy trong dòng trí tuệ Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm thường diễn tả một là tất cả và tất cả là một. Nhận chân ý nghĩa ca ngợi Như Lai dưới dạng đó, chúng ta cứ sống bình thản, phát huy trí tuệ trầm mặc lặng lẽ, mà ca ngợi đầy đủ các Đức Phật ba đời.

3 - Hạnh nguyện thứ ba : Quảng tu cúng dường

Cúng dường như thế nào để Phổ Hiền xem là cúng dường rộng lớn. Theo Ngài Phổ Hiền, chúng ta dùng tràng hoa, hương thơm, thức ăn, tàng lọng v.v… nhiều như núi Tu Di để cúng dường. Cho đến dùng mây tràng hoa hay đốt đèn tim lớn như núi Tu Di, dầu trong đèn nhiều như bể cả, để diễn tả những phẩm vật cúng dường lớn nhất, vượt khả năng của chúng ta. Nhưng nếu đem so những thứ đó với pháp cúng dường, thì nó không bằng một phần trăm, một phần ngàn… muôn ức na do tha.

Những việc cúng dường to lớn như vậy mà Phổ Hiền Bồ tát cho rằng không thấm vào đâu, gợi lên lời cảnh tỉnh về việc làm vô nghĩa của chúng ta. Trên thực tế lịch sử chỉ

có Tổ Đạt Ma mới dám tạt nước lạnh vào mặt vua Lương Võ Đế, chỉ rõ việc làm vô ích của ông khi ông hãnh diện với 72 cảnh chùa ông xây và 3.000 Tăng chúng ông độ.

Theo Ngài Phổ Hiền, như pháp tu hành mới thực sự thể hiện pháp cúng dường và có giá trị. Còn phẩm vật cúng dường có hay không, không thành vấn đề. Đức Phật có tự thọ dụng thân, không cần thức ăn vật chất. Chỉ vì lòng từ bi đối với những đệ tử còn phải sống với tha thọ dụng thân, mà Ngài nhận phẩm vật cúng dường.

Hành giả đúng như pháp tu hành mới giữ gìn được tục mạng của Phật pháp. Đức Phật Thích Ca hiện hữu trên cuộc đời như một biểu tượng cao quý, mang lợi ích cho người đương thời. Đến ngày nay, chúng ta vẫn còn nhận được lợi lạc của Ngài chan hòa. Nhìn về tấm gương của Phật xem Ngài làm gì, dạy chúng ta như thế nào. Chúng ta thực hiện lời Ngài dạy, nhận thấy dù không có Phật ở thế gian, nhưng hàng đệ tử thay thế Ngài cũng được.

Đúng pháp tu hành, chúng ta dâng lên Phật thành quả tu tạo được. Chứng sơ quả thì phẩm vật cúng dường là sơ quả, chứng La Hán thì cúng dường quả vị La Hán.

Trong thời kinh hàng ngày, chúng ta thường ký thác vào làn hương lòng thành kính trong sạch đối với chư Phật qua bài nguyện hương : "Giới hương, định hương, dữ huệ hương, giải thoát, giải thoát tri kiến hương. Quang minh vân đài biến pháp giới. Cúng dường thập phương Tam Bảo tiền". Nghĩa là hành giả như pháp tu hành, làm những việc tốt, lợi ích chúng sanh như mô hình Phật đã xây dựng, tạo thành giới đức mang dâng cúng Phật.

Ngoài giới hương, dâng cúng Phật định hương hay đó là những gì hành giả cống hiến cho người hôm nay và

còn giá trị mãi mãi về sau. Điển hình như Phật biểu hiện mẫu người đạo đức đáng kính trọng. Và hơn thế nữa, tuệ giác siêu tuyệt của Ngài có giá trị vĩnh cửu truyền từ thời này qua thời khác mà kinh Đại thừa nâng lên thành Hư không thân hay Pháp giới thân.

Từ giới hương tiến đến đỉnh cao nhất là huệ hương, lấy huệ làm mạng sống. Hành giả dâng huệ này cho Phật và dùng huệ làm lợi ích chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm dạy đảo lại rằng làm lợi ích chúng sanh là cúng dường Phật.

Nói chung, hành giả đem cúng Phật nghĩa là thay Phật cứu khổ chúng sanh, hiện hữu thanh thoát, vô ngại trong tam giới, ví như hoa sen tỏa hương cho đời, không hề bị đời làm ô nhiễm, gọi là cúng dường giải thoát hương. Hàng Thanh Văn ly trần được giải thoát và mang giải thoát để cúng dường. Kinh Hoa Nghiêm không chấp nhận cách cúng dường như vậy. Theo Hoa Nghiêm, làm lợi ích chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thế chúng sanh để cúng dường mà hành giả vẫn an trụ giải thoát.

Cuối cùng giải thoát tri kiến hương nghĩa là hành giả phải biết rõ điểm phát xuất của mình trước khi sanh trên cuộc đời và biết rõ nơi mình sẽ đến sau khi bỏ xác thân này, hoàn toàn tự tại trong việc đến và đi. Đối với tôi, mỗi khi nguyện dâng cúng giải thoát tri kiến hương, tôi vẫn còn lo sợ, vì chưa biết được chỗ đến của chính mình. Nhớ lại thân phận yếu hèn chưa giải quyết được thắc mắc từ bao đời của mình trên dòng sanh tử, tôi luôn cầu Phật phóng quang gia bị.

Thành tựu năm thứ hương cúng dường nói trên, hành giả đạt được công đức lớn lao vô lượng và hình thành pháp tu cúng dường để lại cho đời sau sử dụng lợi lạc. Khi Phật Niết Bàn, các vị Tổ dày công tu hành, tạo thành

những mô hình tu thích hợp với thời đại của các Ngài. Từ đó có Thiền tông, Tịnh Độ tông, Mật tông… Các Ngài dâng những sở đắc này cúng Phật.

Ngày nay, chúng ta tiếp tục sự nghiệp của chư Tổ bằng cách tổng hợp những thành quả đó với diễn tiến của thời đại để sáng tạo ra pháp tu mới thích hợp với thời đại của chúng ta. Mang những chứng nghiệm riêng của chính mình dâng cúng Phật. Còn những gì của người trước chúng ta nhai lại, không thích hợp với thời đại và quốc độ của chúng ta, có lẽ Phật chẳng bao giờ muốn nhận cách cúng dường như vậy.

Tất cả pháp tu từ thời nguyên thủy đến thời phát triển qua thời kỳ tông phái, mỗi thời đều khác nhau và thay đổi theo từng quốc độ. Tựu chung vẫn không nằm ngoài nguyên lý bất biến là giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Hành giả lạc ra ngoài năm phần này, chắc chắn sẽ trở thành phi Phật pháp.

4 - Hạnh nguyện thứ tư : Sám hối nghiệp chướng

Ngài Phổ Hiền dạy rằng tất cả nghiệp ác chúng ta tạo nhiều đời, xét cho cùng đều do tham lam, bực tức, u mê kết thành vô vàn tội lỗi, gây não loạn cho ta và người. Ba độc tham sân si nằm gọn trong phần ý nghiệp đóng vai trò chủ yếu. Nó tác động vào khẩu nghiệp tạo thành bốn điều tội lỗi của miệng : nói dối, nói lời hung ác, nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều. Nâng lên cao, tạo thêm ba nghiệp của thân : sát sanh, trộm cắp, tà dâm, cho đến tạo vô biên tội.

Phật dạy rằng tội của chúng sanh nếu có hình tướng thì không chỗ nào dung chứa nổi. Tất cả tội lỗi hiện đủ trong con người từ dáng đi, lời nói, ánh mắt, cử chỉ… Nói cách khác, từ không hình tướng, tội lỗi hiện ra hình tướng

và từ hình tướng tạo thêm phần không hình tướng. Hai phần này tác động hỗ tương qua lại. Đức Phật có 32 tướng hảo, 84.000 tế hạnh. Trong khi chúng sanh tràn đầy 84.000 phiền não trần lao.

Khi bắt đầu vào hành trình theo Phật tu, chúng ta mới phát hiện nghiệp chướng của mình. Còn sống thuận theo phiền não nhiễm ô thế gian, chúng ta không bao giờ thấy, chỉ ngược dòng sanh tử nó mới hiện ra. Chúng ta quan sát kỹ nghiệp chướng và sám hối tận gốc, tận nguồn. Sám hối đúng, nghiệp phải tiêu, phước phải sanh.

Khi sám hối, phải tha thiết hết lòng ăn năn tội lỗi mình đã lỡ phạm và thể hiện thành hành động sám hối. Đó là cách sám hối chúng ta thường dùng. Nhưng theo Ngài Phổ Hiền, pháp sám hối như vậy chỉ là cách thù tạc trên phương diện sanh tử của người tu ở trình độ thấp. Ngài Phổ Hiền dạy cho Thiện Tài pháp xứng tánh sám hối.

"Tội tùng tâm khởi tùng tâm sám,
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong,
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không,
Thị tắc danh vi chơn sám hối".

Nghĩa là tất cả tội lỗi hay nói chung mọi việc xảy ra trên cuộc đời đều do tâm điên đảo mà ra. Nếu hành giả giữ tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh, dù có sóng gió ba đào, mọi việc cũng tự êm. Tâm yên tĩnh, thì tội hết. Tổ Đạt Ma dạy Huệ Khả đem tâm đến Ngài an cho. Tội hết, tâm tiêu mất là tâm chấp trước cũng không có mới thật là sám hối.

Sám hối ở dạng này, hành giả trở về tự tánh thanh tịnh, không cho khởi bất cứ niệm gì. Vì biết rõ nó thuộc về sanh diệt, phải trả lại cho trần gian. Phước cũng bỏ, tội

cũng không dính vào ta, là pháp tu xứng tánh của Pháp Hoa.

Tuy nhiên, muốn thực hiện pháp tự tánh sám hối nói trên không đơn giản. Từ một con người mang thân nghiệp ác khó thương, chuyển thành mẫu người giới đức ở trần gian khó lắm. Phải trải qua quá trình tu hành mà Ngài Phổ Hiền dạy rằng hành giả Pháp Hoa phải nhập định, suy nghĩ trong 21 ngày, Ngài sẽ dạy.

Riêng tôi cũng thường suy nghĩ, nhưng không thấy Phổ Hiền. Chợt đột nhiên phát hiện ra pháp tu cho chính mình, bằng cách trở lại hạnh ban đầu là lạy Phật không chán nản, không mệt mỏi. Lâu ngày hình ảnh Phật mà tôi lễ lạy bằng tất cả tâm hồn tha thiết kính trọng đã in sâu vào lòng.

Trên bước đường tu, tôi lấy suy nghĩ Phật pháp thay cho suy nghĩ trần gian, tập trung tư duy vào vấn đề học Phật, hiểu Phật, kính trọng Phật. Hình ảnh cao quý đức Phật luôn in sâu trong lòng tôi. Trải qua một thời gian dài, tâm tôi trở thành thanh thản nhẹ nhàng.

Khởi đầu tôi thường nghĩ mình phải thương đời, cứu đời, nên thường tập trung đau khổ vào tâm tôi. Càng làm đạo, càng tu hành, phiền muộn mỗi ngày càng đầy ắp trong lòng. Đến khi gặp Hòa thượng Trí Tịnh cảnh giác tôi bằng câu "Phật không thương chúng sanh sao. Bồ tát không thương chúng sanh sao ? Tại sao các Ngài không làm ? Ông hãy tự suy nghĩ xem ông có thương chúng sanh hơn Phật và Bồ tát không ?".

Từ đó tôi tạm quên chúng sanh đau khổ phiền muộn. Cái xấu có tràn ngập trần gian, tôi cũng không quan tâm. Tôi chỉ lo huân tập Phật pháp vào lòng, đẩy lùi phiền não ra. Lấy pháp thủy rửa sạch lòng trần, mượn gươm trí tuệ

đoạn phiền não. Đến khi toàn thân không có gì không là Phật pháp, thì phiền muộn nghiệp chướng dứt sạch lúc nào chúng ta không hay biết. Đó là kinh nghiệm tu của tôi lúc ban đầu, chúng ta nên gần Thầy hiền bạn tốt, nghĩ đến Phật nhiều hơn chúng sanh.

5 - Hạnh nguyện thứ năm : Tùy hỷ công đức

Pháp tùy hỷ của hành giả cũng tác động cho phần sám hối. Tùy hỷ nghĩa là bằng lòng với việc của người khác. Muốn người có cảm tình, chúng ta phải có cảm tình với họ trước, chấp nhận thiện công đức của người. Thực sự ta giỏi mà đến với người kém hơn, họ dễ sanh cảm tình với ta.

Muốn giáo hóa chúng sanh phải có tâm tùy hỷ. Đối với những bậc bề trên như chư Phật, Bồ tát, chúng ta tùy hỷ dễ. Nhưng đối với loài tứ sanh có chút xíu mảy may điều lành nào, chúng ta cũng phải sanh tâm tùy hỷ. Vì khi tu, hành giả tập nhìn công đức lành của chúng sanh, đừng nhìn mặt xấu đáng ghét của chúng. Hành giả thấy rõ họ phải tu theo hoàn cảnh, khả năng, thân phận của riêng họ. Không thể bắt người làm theo ta, hoặc tệ hơn chính ta không làm được mà thường bắt người làm. Dưới mắt hành giả có một chúng sanh đang hành trì, đang tiến về Vô thượng giác, nên hành giả dễ dàng chấp nhận việc thiện nhỏ nhoi của họ và khởi lên tâm tùy hỷ.

Với tâm tùy hỷ, hành giả cảm thấy nhẹ nhàng, tác động cho người sanh lòng tùy hỷ. Nhờ vậy, hành giả lại tạo thêm được công đức tùy hỷ. Như thế, trong loài tứ sanh lục đạo có bao nhiêu công đức dù nhỏ như vi trần, chúng ta đều tùy hỷ để trợ duyên cho họ tiến tu.

6 - Hạnh nguyện thứ sáu : Thỉnh Phật thuyết pháp

Khi Phật Thích Ca tại thế có Đế Thích đến thỉnh Ngài thuyết pháp. Ngày nay không có Phật hiện hữu, làm thế nào thỉnh Phật thuyết pháp. Theo tôi, phải đứng trên mặt xứng tánh khởi tu, nghĩa là khởi từ trong tâm chúng ta. Đức Phật ra đời đối với tôi đồng nghĩa với trí giác. Sau một thời gian tu tập, tâm trí hành giả bừng sáng, hiểu được giáo lý Phật và tu hành có kết quả. Trí sáng, tâm thanh tịnh giải thoát, là đã đến với vị Phật thường trú đang ngự trong tâm hành giả, không phải Phật ở bên ngoài. Hành giả không muốn rời trạng thái an lạc vui sướng của tâm hồn, gọi là Niết bàn. Hành giả muốn nhập diệt nhưng Ngài Phổ Hiền cất lời khuyên hành giả nên thuyết pháp. Hay đó chính là tự mình thuyết phục mình hãy đem hiểu biết truyền trao cho người, đem an vui hạnh phúc của mình ban cho người.

Tâm niệm ngộ đạo của hành giả trong lúc tu hành rất tuyệt diệu. Tuy nhiên, mang chia sẻ cho người, lại gặp chúng sanh cang cường ngu dốt. Họ không chấp nhận, chống đối. Hành giả lại khởi lên ý niệm nhập Niết bàn hoặc muốn tìm am cốc yên tĩnh tu hành không dính líu đến cuộc đời nữa. Một lần nữa, tâm hành giả lại khuyên tâm hành giả ra thuyết pháp "Chúng sanh có khổ, Bồ tát mới có dịp ban vui. Chúng sanh cang cường, Bồ tát mới thành tựu pháp nhẫn…".

Cứ như vậy có vô số lần chán nản muốn dẹp bỏ, hành giả lại thỉnh hành giả thuyết pháp. Ngài Phổ Hiền dạy Thiện Tài thỉnh Phật chuyển pháp luân là dạy chúng ta hay Phật tâm của chúng ta. Vì Thiện Tài đã nhập pháp giới, đâu còn hiện hữu trên cuộc đời mà thỉnh Phật. Chính điều này mang ý nghĩa tâm nói với tâm, ta nói với ta vậy.

7 - Hạnh nguyện thứ bảy : Thỉnh Phật trụ thế

Đức Phật Niết bàn không trụ thế, chỉ là phương tiện tạo điều kiện cho chúng ta tỉnh ngộ tu hành. Đó là thị hiện Niết bàn, không phải Niết bàn thực. Trong phẩm Như Lai thọ lượng có thí dụ lương y bỏ con ra đi để chúng cảm thấy côi cút, không còn chỗ nương cậy, phải tự phấn đấu, không dám buông lung. Đức Phật cũng vậy, Ngài không hiện hữu cho người tạo tội lỗi.

Thỉnh Phật trụ thế không có nghĩa gì khác hơn là nỗ lực tu hành của chúng ta. Vì thế khi người tu hành sống tầm thường theo năm món dục, thì Phật Niết Bàn. Ngược lại, chúng ta quyết chí tu hành, dù Phật Thích Ca bằng xương thịt không còn, nhưng tinh ba của Ngài thể hiện trọn vẹn trong cuộc sống của chúng ta. Lời dạy của Ngài còn trong suy tư, trong hành động của chúng ta, tạo thành sức sống cho Phật giáo hiện hữu lợi lạc.

Thành tựu được như vậy, chúng ta đã thỉnh Phật ở lại và Ngài đã ở lại cuộc đời bên cạnh chúng ta không hề nhập diệt.

8 - Hạnh nguyện thứ tám : Thường tùy Phật học

Tuy Phật không hiện hữu trên cuộc đời, lời Phật dạy còn lưu lại trong kinh điển. Chúng ta nương theo tu học, thể nghiệm chứng quả, là đã thực hành hạnh thường tùy Phật học.

9 - Hạnh nguyện thứ chín : Hằng thuận chúng sanh

Đây là hạnh nguyện rất đặc biệt của Ngài Phổ Hiền mà tôi ước mơ phải làm cho được. Thuở nhỏ đi tu, thú thật tôi không thích bất cứ ai, tuy không nói ra. Điều này rất nguy hiểm cho người tu hành. Mình không thương người, làm thế nào người thương ta được. Tôi ghét người nên gặp phản ứng của xã hội thật mạnh, phản ứng vật lý, tâm lý làm cho tôi thành ốm yếu gầy mòn.

Chúng ta hiểu lầm điều này, càng nỗ lực tu hành bao nhiêu, chúng ta càng sân hận bấy nhiêu, không ai dám gần gũi làm bạn. Vì thế, càng tốt, lại càng gặp đối tượng xấu hiện ra cho mình. Cuối cùng tự cô lập, không làm được gì và không chấp nhận được ai.

Trên bước đường tu, tôi thấy những người rơi vô tâm trạng như tôi, tu như vậy quá khổ. Họ tốt giỏi nên không thể chấp nhận người xấu dở. Đó là cái khổ của người tốt, người giỏi. Từ đó, tôi tụng kinh thường suy nghĩ lời khuyên hằng thuận chúng sanh của Ngài Phổ Hiền. Chợt bừng sáng trong lòng, nhận ra được tu sai pháp của mình và đã đổi lại cách tu. Tôi ý thức sâu sắc rằng không ai giỏi hơn Ngài Phổ Hiền, không ai làm được những việc khó như Ngài. Vậy mà Ngài còn hằng thuận mọi người, không làm mất lòng ai, kể cả các loài khác. Chúng ta đảnh lễ Phổ Hiền, phải học theo Ngài. Ngài dạy chúng ta muốn vào Tỳ Lô Giá Na lâu các phải học và thực hiện mười hạnh nguyện như Ngài.

Hằng thuận là tránh tối đa không làm mất lòng người. Từ ý thức không chấp nhận sai trái trên cuộc đời, tôi theo lời Bồ tát Phổ Hiền dạy, đổi thành ý thức chấp nhận thực tế của người. Chúng ta may mắn hơn, phước đức hơn người, thì chúng ta phải thương họ. Tại sao lại ghét người, khinh người. Chẳng ai muốn dở muốn bị ghét, bị khinh chê, chỉ vì trình độ nghiệp lực họ phải như vậy.

Điều này gợi nhắc tôi nhớ lại lời nguyện chịu khổ thế cho chúng sanh để cúng dường Phật. Chúng sanh nghiệp chướng quá nặng nề. Chúng ta tìm cách gánh bớt cho họ tu hành, gỡ bỏ một phần khó khăn đau khổ, chúng ta giúp họ nhẹ bớt một phần, nâng đỡ họ phát triển là hằng thuận chúng sanh.

Muốn thực hiện hạnh hằng thuận chúng sanh, hành giả phải dùng vô số phương tiện dẫn dắt giáo hóa, mới không làm trái ý người. Dưới mắt hành giả Pháp Hoa, mọi việc đều là mộng huyễn bào ảnh nằm trong biến hóa sanh diệt. Việc đúng hay sai thay đổi tùy thời, tùy nơi, tùy người. Đúng với người này, nhưng sai với người khác.

Vì thế, hành giả luôn trụ ở chơn tâm, còn việc ứng xử trên cuộc đời khác nhau muôn mặt, chỉ cốt làm vui lòng người, giúp họ tiến tu. Đức Phật thể hiện hạnh hằng thuận chúng sanh một cách sâu sắc. Trong 49 năm thuyết pháp độ sanh, Ngài diễn nói trăm vạn pháp môn, vì tâm trạng nghiệp lực đại chúng nghĩ đủ điều.

Ngài tùy thuận họ nghĩa là tạm thời chấp nhận cho họ phải trong cái không phải. Chúng sanh nghiệp nặng, sửa đổi ngay, họ tự ái, không bằng lòng. Chúng ta thấy Phật thuyết pháp giáo hóa thường mượn việc của Phật, của Bồ tát để dạy chúng sanh. Như trong kinh Bổn Sanh, Phật kể chuyện quá khứ của Ngài. Nhưng đọc kỹ, chúng ta nhận thấy tương ưng với hoàn cảnh của mỗi người trong xã hội. Chúng ta đọc, suy nghĩ cách giải quyết của Phật mà giải quyết theo.

Đức Phật tùy căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, lần lần dạy dỗ đại chúng, không làm buồn lòng ai. Đến khi đại chúng trải qua quá trình tu hành đắc quả A la hán, giữa Phật và họ, tâm thông nhau, Phật mới diễn nói pháp chân thật.

Trong kinh Pháp Hoa diễn tả pháp không sanh diệt này là các pháp tướng thường vắng lặng. Ở dạng thật thể thì không có chuyện phải quấy của cuộc đời, bản thể thường nhiên hằng hữu. Đức Phật luôn an trụ nơi chân thật pháp, mọi việc làm của Ngài trong 80 năm trụ thế

không bao giờ sai lầm. Ngài an nhiên giáo hóa chúng sanh, mỗi ngày lòng từ bao phủ chúng sanh rộng lớn hơn. Từ đúng đắn tuyệt đối trên chân lý, Phật thể hiện vô số việc làm lợi ích ở thế gian sanh diệt, khơi dậy tâm Bồ đề cho từng lớp người tiến về Vô thượng đẳng giác.

Nhìn vào tấm gương sáng của Phật, hành giả Pháp Hoa lo mài dũa tâm mình cho trong sạch. Đừng tranh cãi vô ích trên thế giới sanh diệt.

10 - Hạnh nguyện thứ mười : Hồi hướng khắp tất cả

Phổ Hiền Bồ tát dạy chúng ta làm được bao nhiêu công đức lành, đều xả bỏ không giữ lại trong lòng, mà hồi hướng cho khắp tất cả. Hồi hướng cho khắp tất cả nghĩa là Phổ Hiền tổng hợp ba hồi hướng : hồi hướng pháp giới chúng sanh, hồi hướng Vô thượng bồ đề và hồi hướng chân như thật tướng.

Hồi hướng pháp giới chúng sanh, gởi cho chúng sanh nương nhờ công đức của mình tiến tu bằng cách viết kinh cho người tu học, lý giải cho người thấu hiểu, sản xuất cho người tiêu dùng, cứu người khỏi bệnh, xây chùa cho người nương tựa, v.v… Lo cho người, người mới kính mến và phát tâm tu.

Ngài Phổ Hiền dạy rằng làm cho chúng sanh là làm cho chính ta. Vì không có chúng sanh, chúng ta không thể tu Bồ tát đạo, không thành tựu quả Bồ đề. Phải dùng nước đại bi tưới mát chúng sanh, cây Bồ đề mới trổ hoa Bồ tát và quả Như Lai.

Tuy nhiên, muốn thực hiện việc hồi hướng chúng sanh, xây dựng cho chúng sanh, hành giả phải hồi hướng Vô thượng bồ đề. Nghĩa là phát triển tri thức, hiểu rõ chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não. Nói chung, hành giả thông suốt mọi hiện tượng trong pháp

giới. Khi trí giác của hành giả đạt đến thấy biết tất cả, hai phần pháp giới chúng sanh và Vô thượng bồ đề nhập thành một, thành chơn như thật tướng là quả vị Như Lai. Mọi pháp trong thế gian hay pháp giới chẳng những không chống trái mà hoàn toàn tùy theo ý của hành giả, hành giả chuyển vật tự tại.

Thành tựu mười hạnh nguyện Phổ Hiền, hành giả đạt đến quả vị Như Lai. Thực tế chúng ta không thấy Phổ Hiền bằng mắt trần. Nhưng hiện hữu tác động của Ngài thật vô cùng, không đâu Ngài không đến, không việc nào Ngài không làm được. Phổ Hiền đến tùy yêu cầu của chúng sanh, yêu cầu hình gì Ngài hiện thân đó gọi là trục loại tùy hình. Nếu cố chấp Phổ Hiền với loại hình cố định, chúng ta sẽ không có Phổ Hiền thật. Phổ Hiền Bồ tát hiện hữu khắp pháp giới. Còn vướng mắc một mảy trần trong tâm cũng không vào pháp giới được.

Bồ tát Phổ Hiền không phải là Bồ tát xa lạ ở hành tinh khác đến đây. Ngài là Bồ tát nhập pháp giới đi vào trần lao, lặn hụp trong bể khổ trầm luân, để học hết tất cả kinh nghiệm sống trên cuộc đời.

Ngài có đầy đủ kinh nghiệm sống trong thời mạt pháp, từ nước của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương nghe Ta bà có kinh Pháp Hoa mới đến để khích lệ chúng ta, thủ hộ chúng ta. Bồ tát Phổ Hiền cho biết xưa Ngài có kinh nghiệm sống khi tu ở hội Hoa Nghiêm. Lúc đó Ngài cũng nghèo khổ khó khăn, đầy nghiệp. Nay rũ sạch bụi trần, sạch nghiệp, sáu căn tội lỗi của Ngài chuyển thành sáu ngà để bảo vệ chúng ta. Đó là lộ trình Ngài tu ở Hoa Nghiêm và xuất hiện ở Pháp Hoa dưới dạng Phổ Hiền toàn giác.

Sáu ngà tiêu biểu cho sáu pháp thần thông của Bồ tát. Sáu ngà này theo Bồ tát Phổ Hiền, xưa chưa tu, nó tác hại Ngài không ít. Nói cách khác, là sáu căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần, tạo thành thân nghiệp tội lỗi. Nay quay về tiếp xúc với kinh Hoa Nghiêm, lấy tinh ba của Phật trang nghiêm thân tâm, chuyển sáu căn này thành sáu ngà. Sáu căn trước hành hạ ta bao nhiêu, nay giúp ta tạo nên muôn ngàn công đức bấy nhiêu. Giống như khi xưa mắt chúng ta nhìn đẹp xấu, xanh vàng trắng đỏ rồi tranh chấp với đời tạo nên vô vàn khổ đau. Nay cũng mắt này, nhưng nhờ trí tuệ Như Lai rọi đến, thành ánh mắt Như Lai, ánh mắt hiền hòa nhìn mọi người bình đẳng sưởi ấm nhân gian là Phổ Hiền Bồ tát. Ngài nguyện mang tình thương và khả năng sáng suốt giữ gìn người trì kinh Pháp Hoa. Ngày nay, chúng ta gặp khó khăn tụng thần chú Phổ Hiền sẽ lướt qua mọi chông gai dễ dàng.

Bồ tát Phổ Hiền tới Ta bà truyền bá kinh Pháp Hoa, Ngài không đến dưới dạng giáo hóa vô hình hiện ra hoa sen xong trở về bổn độ như Bồ tát Diệu Âm hay đến làm quyến thuộc như Bồ tát Dược Vương. Phổ Hiền Bồ tát đến bằng một thế lực, trong kinh chữ Hán ghi là người đến với tất cả uy đức. Chúng sanh Ta bà không giỏi, nhưng tự phụ nên Bồ tát Phổ Hiền đến Ta bà hoằng truyền kinh Pháp Hoa phải giỏi hơn tất cả, diễn tả bằng hình ảnh Ngài cỡi voi sáu ngà tượng trưng cho sức mạnh nhất. Voi là loài có khả năng kéo nặng đi ngược dốc, không ai dám ngăn cản. Muốn truyền bá kinh Pháp Hoa phải có tư cách này, phải có sức mạnh để phô diễn lực bất tư nghì.

Ngài Phổ Hiền đến Ta bà với tất cả thần lực, đến bằng cuộc diễn binh với sức voi để nói lên cho mọi người thấy kinh Pháp Hoa là gì vượt tất cả lực của thế gian. Tất cả loài ác mạnh có sẵn ở thế gian như Trời tiêu biểu cho

giai cấp cao trong xã hội là hàng Sát đế lợi, Rồng tiêu biểu cho loài làm mưa gió hay dùng sức mạnh khuynh đảo người, Càn thát bà, A tu la tiêu biểu cho hàng thế lực vũ phu. Nói chung, toàn thể thế lực ác trong xã hội so với lực Pháp Hoa, không thấm vào đâu, nên đành phải quy phục.

Kinh Pháp Hoa chỉ có với điều kiện có người đầy đủ khả năng tập họp lực của Bồ tát, thể hiện việc bất khả tư nghì của Bồ tát mới làm cho người phát tâm, nhiệt tình tin tưởng. Chính đức Phật Thích Ca là người phô diễn lực ở Ta bà, vì Ngài làm chấn động Trời người, làm được tất cả. Đức Phật Thích Ca đã nói kinh Pháp Hoa bằng hành động cụ thể của một bậc đầy đủ uy đức phô diễn trong 49 năm thuyết pháp.

Phổ Hiền Bồ tát nhận được kinh Pháp Hoa hiện hữu ở Ta bà, nên đến để nghe. Kinh Pháp Hoa này chúng ta phải hiểu là chân lý, không phải là bộ kinh bằng ngôn ngữ văn tự. Đức Phật là người sáng suốt giác ngộ nhìn thấy chân lý hay thấy biết đúng như thật. Ngài nói đúng làm đúng, trở thành Đạo sư của mọi người. Có Đức Phật tức có người thấy chân lý mới thuyết minh chân lý dễ hiểu, dễ chấp nhận. Nhưng Phật Niết bàn, không có người thấy chân lý thì tìm cầu chân lý ở đâu, tu thế nào cho đúng pháp vì làm sai sẽ thọ quả báo.

Phổ Hiền Bồ tát đã nhập pháp giới có kinh nghiệm về vấn đề này. Ngài lưu tâm hỏi dùm chúng ta sau khi Phật Niết bàn, trong Diêm phù đề làm sao có kinh Pháp Hoa. Đức Phật trả lời muốn có kinh Pháp Hoa phải thành tựu bốn pháp : 1.- Được chư Phật hộ niệm, 2.- Trồng căn lành, 3.- Sống trong chánh định, 4.- Thương tất cả chúng sanh. Bốn pháp hay bốn điều kiện là cửa mở ra cho hành giả

thâm nhập thế giới Pháp Hoa. Người nào thực hiện được bốn điều này người đó là Phật, vì vậy kinh Pháp Hoa là Phật.

1 - Phải được chư Phật hộ niệm

Đức Phật hộ niệm là điều kiện chính yếu để tu Pháp Hoa. Không có Phật hộ niệm, hành giả không có kinh Pháp Hoa để tu. Điều kiện để được Phật hộ niệm ghi rõ trong kinh rằng ai theo Ngài Phổ Hiền tu sẽ được Đức Thích Ca xoa đầu, trực tiếp nghe Đức Thích Ca nói pháp. Người được như vậy không còn ham ưa thú vui trên đời. Đức Thích Ca xuất thân từ hoàng tử phủi áo ra đi nhẹ nhàng, được Ngài gia bị hành giả cũng giống như Ngài, không ham thích gì trên cuộc đời. Tuy không ham ưa, hành giả không thiếu thốn bất cứ thứ gì. Hành giả có đời sống tri túc, sống với những cần thiết để lợi ích chúng sanh, không đua đòi ham muốn, thì chẳng có gì trái ý. Nhờ không ham muốn, không bực tức, lòng hành giả trở thành sáng suốt nghĩa là không bị ba món độc tham sân si làm não hại.

Trên bước đường tu, khi chúng ta còn nhiều tham vọng, bực tức, si mê, tự biết mình chưa được Phật hộ niệm, chưa có kinh Pháp Hoa. Được Phật hộ niệm, tâm hành giả và tâm Phật tương thông, được Phật thừa nhận đủ tư cách thay thế Ngài. Hành giả cũng có lời nói, cử chỉ, hành động ít nhiều giống Phật. Hành giả âm thầm lặng lẽ tu hạnh Pháp Hoa, lìa bỏ tham sân, nhận được Phật lực gia bị khiến hành giả có khả năng vượt mọi khó khăn.

Phật này có thể hiểu hai nghĩa. Một là Đức Phật bên ngoài để tâm giúp đỡ trợ lực chúng ta khi tâm ta tương ưng được với Ngài. Sự tương ưng này không ở trên vọng thức, mà tương ưng trên chơn tâm. Phật hiểu theo nghĩa thứ hai là thể tánh sáng suốt, không phải là Phật thực che chở chúng ta. Chúng ta được Phật hộ niệm, nghĩa là thể

tánh sáng suốt rọi vào lòng, làm ta bừng sáng thấy đúng sự thật của tam thế gian (tam thế gian : ngũ ấm, chúng sanh và quốc độ). Chúng ta có trí tuệ sáng suốt như Phật và sử dụng hiểu biết đó sẽ thuyết phục được tất cả, làm được tất cả.

2 - Trồng căn lành

Hành giả sáng suốt thấy đúng sự thật, điều này chưa đủ. Kinh dạy chúng ta phải trồng căn lành ở các Đức Phật. Trồng căn lành ở các Đức Phật có thể hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất chúng ta trồng căn lành hay tìm các vị Phật cung kính lễ bái cúng dường để tạo liên hệ giữa ta và Ngài. Nâng lên hiểu theo nghĩa thứ hai, Phật là bậc sáng suốt, đạt quả vị Vô thượng bồ đề, nên trồng căn lành có nghĩa là chúng ta đầu tư cho trí giác. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả bằng câu hồi hướng Vô thượng bồ đề.

Muốn có trí tuệ hay Vô thượng bồ đề, chúng ta phải nỗ lực học và tiến tu trụ đại thiền định. Tuy nhiên, chúng ta nhắm vào vị Phật nào để trồng căn lành ? Đức Phật quá khứ đã nhập diệt, chúng ta cúng Ngài không thọ dụng, làm sao trồng căn lành với Ngài được.

Đức Phật hiện tại mười phương như Phật A Di Đà ở phương Tây quá xa, cách chúng ta mười muôn ức thế giới. Và chúng ta cũng không có gì xứng đáng dâng cúng Ngài. Thật vậy, tôi tự nghĩ không biết lấy gì cúng cho Phật A Di Đà, khi mình ở thế giới quá thấp kém lạc hậu, so với thế giới quá giàu có văn minh của Ngài. Những gì chúng ta dâng cúng trở thành vô ích, chẳng khác gì người thiểu số đem cho chúng ta khúc nứa để nướng cơm ăn, trong lúc chúng ta có thừa tiện nghi của người văn minh.

Phật quá khứ và Phật hiện tại mười phương chúng ta không cúng được. Duy chỉ còn Phật vị lại chúng ta cúng

dường dễ nhất. Tất cả quý Thầy là vị lai Phật. Các Phật tử là Bồ tát cũng sẽ thành Phật. Đối tượng chúng sanh là vị lai Phật mà chúng ta hướng đến để trồng căn lành.

Đức Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm cúng dường chúng sanh là tối thượng cúng dường Phật. Thể hiện tinh thần này, điều tiên quyết phải trồng căn lành ở tâm niệm chúng sanh, giải quyết khó khăn vật chất và tinh thần cho những người chung quanh, những người đồng hành, đồng tu. Ở nơi nào thì trồng căn lành ngay đó, mang an vui lợi lạc ngay đó. Tất nhiên người chung quanh kính trọng quý mến, ta mới dễ dàng tuyên dương chánh pháp. Hành giả Pháp Hoa thành Phật cũng không ngoài môi trường mình sống.

Chúng ta có căn lành, ví như phòng ta có Tivi, radio. Có Tivi, radio mới bắt được đài truyền thanh truyền hình của Phật. Đài luôn phát ra hình ảnh và âm thanh nhưng chúng ta không có máy thì không thể nghe thấy. Cũng vậy, ta có căn lành hay hột giống xuất thế đã gieo trồng trong quá khứ, đời này mới tu được. Trong lòng ta luôn có suy nghĩ khác hơn người, những ham muốn bình thường không còn tác động ta. Nhờ căn lành này, ta mới say mê nghe pháp, vui sống trong pháp, liên hệ với chư Phật không qua thanh trần. Nhưng Phật man mác sưởi ấm tâm hồn ta, giúp ta tiến tu đạo hạnh, cảm Phật ân đức.

Người không có căn lành, có nhiều nghiệp ác chẳng thể nghe pháp. Nghe việc thiện của Phật thấy dửng dưng, chỉ thích nghe chuyện đau khổ độc ác, làm việc ác. Phật cho biết người nhiều ác nghiệp, tên Tam Bảo còn không được nghe.

Có Phật hộ niệm, căn lành tự nhiên sanh. Và căn lành phát sanh thì chư Phật hộ niệm. Hai điều kiện này tự hỗ

tương nhau, tạo cho hành giả cảm nhận được hiền dịu trong cuộc sống và hình dung thế giới bao la mầu nhiệm thúc đẩy hành giả đi vào dòng thác trí tuệ Như Lai.

Tuy thân phàm phu, nhưng có đức hạnh của Phật, mới tiêu biểu cho Phật trên nhân gian, mới thật là hành giả Pháp Hoa. Theo tinh thần này, Đức Phật hiện hữu khắp mọi nơi, trong công trường, trong điện đường, trong hang đá… Hành giả hiện thân Phật có tướng giải thoát, tâm hồn bao dung, người nhìn vào sanh tâm kính trọng và cũng khởi tâm trồng căn lành với Phật.

3 - Sống trong chánh định

Thông thường hành giả ngồi yên, không dính líu cuộc đời, không liên hệ với người, tâm dễ dàng bình ổn. Khi hành giả phải trồng căn lành, nghĩa là hành đạo lo cho người, phải tiếp xúc va chạm. Chắc chắn buồn phiền sanh ra, tâm không còn thanh tịnh. Tâm giao động buồn khổ không thể có Pháp Hoa, giống như đài bị tạp âm không thể nghe hay trông thấy hình rõ.

Tâm bình tỉnh mới quyết định những vấn đề khó khăn một cách sáng suốt mà người bình thường không giải quyết được. Dù đời có vui buồn thăng trầm đến đâu chăng nữa, chúng sanh có tệ ác khen chê cũng mặc. Hành giả vẫn giữ tâm hoàn toàn thanh thoát bình ổn, không giao động.

Trụ ở chân như tâm hay đại thiền định mới có tất cả pháp mà thọ trì và tác động cho người bình ổn theo. Hành giả giữ tâm yên tĩnh hoàn toàn đến độ ly trần, thấy sự vật đổi khác, thấy chính xác đúng với Phật mới làm được việc Phật.

Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Nhật kiến giải ý nghĩa sống trong thiền định, người ngoài không thấy biết nhưng nó có

khả năng tác động trên thực tế không thể tính lường được. Tuy nhiên, vừa lo cho chúng sanh vừa giữ tâm như như bất động là hai vấn đề đối nghịch, kết hợp được không đơn giản.

Riêng kinh nghiệm của tôi, trên bước đường tu, muốn làm một việc gì lợi ích cho đời, nhưng thấy lòng mình cộm lên một chút tính toán phiền não, tự biết mình đã rời chánh định. Tôi lập tức ngưng ngay, không làm nữa. Vì tôi ý thức rằng việc không thành cũng chẳng sao, sẵn sàng bỏ việc, để giữ chánh niệm. Ngược lại, lao theo công việc mà trong lòng đầy dẫy phiền não, chỉ dẫn đến kết quả chúng ta đọa mà thôi. Thật vậy, chúng ta càng làm nhiều càng dễ tăng thượng mạn. Khi còn nghèo dở bị khinh thường, chúng ta dễ dàng nhịn chịu. Nhưng tạo được nhiều phước báu, nhiều công đức mà bị khinh chê, chắc chắn sân hận nổ ra liền.

Hành giả cần ghi nhớ vừa trồng căn lành vừa trụ chánh định. Nếu mất chánh định, căn lành cũng mất theo và cũng không được Phật hộ niệm.

4 - Phải thương tất cả chúng sanh

An trú trong pháp chân thật và từ tâm chơn như khởi tâm đại bi, thấy mọi người bị tam độc thiêu đốt, nên khởi niệm cứu độ họ. Dù người tốt hay xấu, thuận hay nghịch, hành giả chỉ chuyên nghĩ một việc duy nhất làm sao cho họ phát tâm bồ đề. Tâm cứu độ là tâm Phật, hạnh cứu độ là hạnh Phật.

Nếu thành tựu bốn việc này, hành giả tạo được tương quan với chư Phật và Bồ tát mười phương, tiếp nhận được kinh Pháp Hoa chân thật mà tu hành và hoằng truyền kinh, thể hiện trong cuộc sống. Kinh Pháp Hoa bằng văn tự là phương tiện giúp hành giả phát hiện chân lý sâu kín bên trong.

Bốn điều mà Phật dạy hành giả Pháp Hoa đời sau chính là mô hình của Đức Phật Thích Ca đã tu, thể hiện Phật thừa hay Pháp Hoa. Một mặt hiện thân trên cuộc đời là Phật Thích Ca, tiêu biểu cho Liên Hoa. Mặt khác ở Niết bàn là Đức Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, tiêu biểu cho Diệu Pháp. Hay nói cách khác, Phật Thích Ca và Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương là một.

Sau khi Như Lai diệt độ, việc thành tựu bốn điều kiện trên không đơn giản. Bồ tát Phổ Hiền quan sát tâm niệm đại chúng, nghĩ đến khó khăn đời sau, nên khuyến khích chúng ta yên tâm tu hành. Ngài sẵn sàng giúp đỡ mọi thứ.

Phổ Hiền phát nguyện ba điều quan trọng. Nguyện thứ nhất, tuy thành tựu Pháp Hoa khó, nhưng người nào mang ý chí đạt đến Vô thượng bồ đề, nếu gặp khó khăn ma chướng, mà quyết lòng tu, nhất tâm niệm thường trú Pháp thân. Phổ Hiền Bồ tát sẽ cỡi voi sáu ngà cùng vô số Bồ tát đến để thủ hộ, ngăn cản những chống phá của ma, buộc chúng phải phát tâm hộ trì chánh pháp.

Trong cuộc đời hành đạo của Phật Thích Ca, chúng ta thấy rõ những người chống đối Phật, tức là ma. Sau cùng nhờ Phổ Hiền lực, họ đều quy thuận hộ đạo. Sau Phật diệt độ, vua A Dục rất tàn ác giết cả anh em để làm vua, tiêu diệt cả dân tộc Linga. Ông chính là hiện thân của ma. Vậy mà vô hình trung, dưới sự điều động của lực Phổ Hiền, ông trở thành người hộ trì đạo pháp đắc lực nhất.

Ngày nay, chúng ta nương theo Phổ Hiền nguyện lực trì kinh Pháp Hoa, Phổ Hiền ngăn chặn ma và quyến thuộc ma. Những thành phần xấu ác làm chướng ngăn thánh đạo không thể đến hại chúng ta. Nhờ vậy, chúng ta sống cách xa Phật vẫn tiến tu được.

Nguyện thứ hai của Phổ Hiền đối với người trì tụng Pháp Hoa, không hiểu nghĩa lý sâu xa của kinh. Ngài sẽ hiện hình dạy bảo, làm cho thấu hiểu tôn chỉ kinh hay tôn ý Phật.

Hành giả thành tựu bốn pháp như vậy, Ngài Phổ Hiền sẽ nguyện theo người đó làm bạn đồng hành trên bước đường phục vụ chúng sanh. Đi, đứng, nằm, ngồi, thọ trì kinh Pháp Hoa, Phổ Hiền Bồ tát cũng thường tiếp cận họ. Ở chỗ vắng, Ngài đến cùng chung đọc tụng, hiểu sai Ngài sẽ giảng.

Nói chung, đối với Bồ tát, muốn hoằng truyền kinh Pháp Hoa, Phổ Hiền nguyện kết làm pháp lữ trực tiếp hay gián tiếp trợ lực cho truyền bá kinh Pháp Hoa, làm lợi ích chúng hữu tình.

Riêng những người không thành tựu bốn pháp mà Đức Thích Ca nêu lên, tiêu biểu cho Phật Thừa. Hoặc chỉ thành tựu một hay hai pháp, thì phải tu bằng cách nào ? Ngài Phổ Hiền đã phát tâm đại bi không bỏ sót bất cứ một chúng sanh nào. Ngài tình nguyện cho họ mượn lực Phổ Hiền để vào pháp giới. Thế giới của Phổ Hiền Bồ tát vô hình và thế giới hiện thực của chúng sanh hoàn toàn khác nhau. Cho mượn đã khó và dạy chúng sanh cách sử dụng càng khó hơn.

Bồ tát Phổ Hiền đặt vấn đề tu gia hạnh Phổ Hiền trong 21 ngày, nhằm tạo điều kiện liên hệ giữa hành giả và Phổ Hiền, sử dụng lực Phổ Hiền thâm nhập pháp giới. Đó là nguyện thứ ba của Phổ Hiền Bồ tát. Đối với những người phát nguyện trì kinh Pháp Hoa, nhưng không có minh sư chỉ dạy, nhờ lực Phổ Hiền tu trong 21 ngày suy nghĩ thường trú Pháp thân. Phổ Hiền sẽ xuất hiện, đến với

họ bằng thân đầy đủ phước đức trí tuệ, ngồi voi trắng sáu ngà.

Những người phải tu gia hạnh Phổ Hiền trong 21 ngày, tôi có cảm giác là tệ, nếu đem so với Ngài Phổ Hiền. Nhưng đối với chúng ta, chỉ những người căn tánh sáng suốt, thuộc hàng thượng căn, như các vị Tổ sư mới thành tựu pháp tu gia hạnh trong 21 ngày. Điển hình là Ngài Trí Giả đại sư trong 21 ngày gia hạnh Phổ Hiền, thấy hội Linh Sơn chưa tan. Nhờ vay mượn được lực Phổ Hiền, tạo thành tác dụng kinh khủng. Trong suốt ba tháng, Ngài chỉ giảng một chữ DIỆU và trong tám năm chỉ giảng năm chữ DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH, khiến vua Tuyên Đế phải bãi chầu để nghe Ngài thuyết pháp.

Hoặc Ngài Truyền Giáo đại sư là Tổ của tông Thiên Thai Nhật Bản, lên núi Tỷ Duệ để tu gia hạnh Phổ Hiền không phải trong 21 ngày, nhưng phải mất 12 năm mới thành tựu pháp. Ngài chuyên lễ sám hồng danh Phật. Lạy Phật đến độ đắc đạo thì những sơn Tăng xung quanh tự nhiên đến cúng dường, xin theo tu học. Tiếng đồn về uy đức của Ngài lan đến triều đình. Lúc ấy là thời đại Bình An, một thời kỳ chèn ép Phật giáo. Nhưng lực tác động của Ngài khiến Hoàng Vũ Thiên hoàng xuống chiếu mời về kinh đô. Qua phong cách của Ngài, vua kính mến, mời Ngài sang Trung Hoa thỉnh kinh.

Nhưng đến Ngài Nhật Liên Thánh nhân, sau 49 ngày gia hạnh Phổ Hiền, Ngài ngộ đạo, lập giáo khai tông. Ngài tu gia hạnh như thế nào chúng ta không biết. Nhưng nương Phổ Hiền lực, Ngài chuyển được túc nghiệp oan gia phải trả bằng máu, tạo thành thế người thù đến giết Ngài, phải buông gươm đảnh lễ xin làm đệ tử.

Như vậy, gia hạnh trong 21 ngày theo đức Thích Ca, 49 ngày như Ngài Nhật Liên hay 12 năm của Ngài Tối Trừng, thiết nghĩ thời gian gia hạnh không nhất thiết giống nhau. Thời gian thay đổi dài ngắn tùy sức thông minh của mỗi hành giả, tùy nhân duyên căn lành của mỗi người.

Tuy nhiên, điều chính yếu chúng ta nhận thấy chư vị Tổ sư trong khi gia hạnh Phổ Hiền, các Ngài không vay mượn ngôn ngữ thô thiển của kinh. Trái lại, các Ngài đã sử dụng phần tinh ba của kinh để đắc đạo, nhờ Phổ Hiền hạnh nguyện lực đi vào pháp giới. Và trở lại thực tế cuộc đời, các Ngài tác động cho người phát tâm bồ đề, thành tựu những việc lợi lạc phi thường, mà mọi người không thực hiện nổi. Những kết quả nói trên của hàng thượng căn thành tựu được pháp gia hạnh Phổ Hiền.

Riêng đối với chúng ta còn là phàm phu chính hiệu ở đời mạt pháp. So với Bồ tát, chúng ta không ra gì. Đối với Thanh văn, chúng ta còn kém xa. Thanh văn có Thiền duyệt thực, không cần ăn uống, thoát khỏi sự chi phối của đói khát nóng lạnh, đã phá được phiền não chướng. Vậy mà các Ngài còn chưa trì được Pháp Hoa. Trong khi chúng ta còn đầy đủ tật xấu, tham lam, ghét ganh, kiêu mạn. Chúng ta không làm nổi việc tầm thường lại muốn tu Pháp Hoa, là chuyện ngược đời, chúng ta phải làm sao ?

Đối với những người đầy nghiệp chướng, nhưng có căn lành, có độ cảm tâm với kinh Pháp Hoa, Phổ Hiền dạy trong 21 ngày phải tinh tấn. Trong kinh chỉ ghi phải tinh tấn. Nhưng tinh tấn làm gì là vấn đề đặt ra cho chúng ta. Theo tôi, gia hạnh Phổ Hiền tu tinh tấn xem Phổ Hiền làm gì, nghĩ thế nào, chúng ta nghĩ và làm hết lòng như vậy. Tất nhiên phải tùy thân, tùy phận, quan sát xem thực tại cuộc sống ta thế nào, rồi lấy vị trí của ta kết hợp với hạnh Phổ Hiền.

Trước hết, quan sát năm đối tượng ta thường sống với nó là : sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm món này thường chi phối làm ta đau khổ. Phật dạy người ham năm món dục truy cầu theo nó như chó gậm xương khô, không bao giờ thỏa mãn. Ta không muốn lao đầu vào con đường khổ, chọn Thánh đạo theo Ngài Phổ Hiền tinh tấn gia hạnh, lánh xa năm món dục thấp hèn của chúng sanh.

Ngoài năm món dục, còn đoạn tuyệt năm triền cái (tham dục cái, sân nhuế cái, thùy manh cái, trạo hối cái, nghi cái) ràng buộc chúng ta trong sanh tử. Tham muốn quá nhiều ở trần gian làm chúng ta mờ mắt ngu si. Trong đó nặng nhất là tham ái dục hay quyến luyến tình ái nam nữ, ngăn che bản tâm sáng suốt, làm chướng ngăn Thánh đạo. Chúng ta nhất định dứt bỏ nó.

Triền cái thứ hai là sân nhuế cái hay giận mất khôn, chúng ta cũng từ bỏ bằng cách tu hạnh nhẫn nhục. Điều thứ ba, chúng ta đừng ham ngủ vì ngủ nhiều u mê. Tuy ngủ cần thiết cho con người, nhưng gia công tu hạnh Phổ Hiền, vượt trên ngủ nghỉ bình thường. Không ngủ hay ngủ ít mà vẫn điều chỉnh được toàn bộ thân tâm, khác với người bị mất ngủ, đầu óc quay cuồng. Thiền sư không ngủ nhiều, tâm làm việc, trong khi thân nghỉ ngơi do phá bỏ năm món dục. Họ đã vào cảnh giới Thiền định nên nghỉ mà không ngủ. Hành giả gia hạnh Phổ Hiền phá hủy được thùy manh cái.

Giai đoạn trước, đã đoạn được năm món dục, nên đã thống nhiếp năm căn. Năm giác quan của chúng ta không hoạt động, không chi phối chúng ta nữa, cộng thêm ba triền cái nói trên đã bị chế ngự. Chúng ta phải dẹp bỏ chướng ngại thứ tư là trạo hối cái thuộc phần nội giới. Chúng ta phải dẹp bỏ, trấn át tất cả chuyện xa xưa

mà khi ngồi yên, nó tự bộc phát nghĩ lung tung. Khi ít ngủ như vậy và kiểm chứng theo dõi biết được sự tu hành của ta đến mức độ nào. Ngược lại, không ngủ để thấy chuyện phiền não xa xưa hiện ra là nghiệp, không thể thấy Phổ Hiền. Chướng ngại thứ năm cần đoạn là nghi hối cái. Vì tu thật nhiều nhưng sanh tâm nghi ngờ, ví như người vào kho báu, nhưng không có tay, lấy không được.

Dù thấy Phổ Hiền hay chưa, niềm tin của chúng ta đối với Phổ Hiền phải có. Niềm tin rất quan trọng, nó không phải là mê tín. Tin Phật hay tin Tam Bảo có căn cứ, không phải tin mù quáng như tà đạo. Chúng ta thấy rõ nhân cách siêu tuyệt của Đức Phật. Những gì Ngài đã nói, thì đã làm và đạt kết quả. Những vị cao Tăng tiền bối tu hành thực hiện lời Phật dạy cũng thành Thánh Hiền. Nhìn vào những tấm gương sáng đó, chúng ta thành tâm hướng về Tam Bảo một cách kiên cố.

Nỗ lực gia hạnh Phổ Hiền phá xong năm triền cái, tâm chúng ta bừng sáng. Kinh diễn tả là thấy Phổ Hiền cỡi voi sáu ngà đến. Phổ Hiền là Pháp Giới thân, nên chúng ta thấy Phổ Hiền không phải là Phổ Hiền cỡi voi thực.

Tất cả phiền não triền cái lắng yên, đạt đến bản tâm thanh tịnh thấy Bồ tát Phổ Hiền xuất hiện, được tam muội và đà la ni. Tam muội là chánh định tụ, tập trung tư tưởng ở mức độ cao, sanh huệ giải, thấy tất cả việc chính xác. Đà la ni có Pháp âm Phương tiện đà la ni, trăm ngàn muôn ức triền Đà la ni. Nghĩa là chúng ta hiểu nghĩa kinh chính xác. Tất cả những gì ta học với Phật, nghe được Phật dạy, nói chung những điều lành luôn xoay vần trong tim óc chúng ta. Khác với trước kia chưa có Đà la ni, những việc thiện tốt của Phật nghe xong, chúng ta quên ngay. Còn những tạp nhiễm thế gian chúng ta không cố

nhớ, nó cũng tự ùn ùn hiện lên. Nhờ triền Đà la ni, đức hạnh của Phật, Bồ tát giữ lại được trong tâm ta.

Với lòng từ bi vô lượng của Phổ Hiền, mang tất cả nguyện lực gia bị cho hành giả. Tuy có chút ít căn lành, nhưng nương được Phổ Hiền hạnh lực trang nghiêm thân tâm, hành giả cũng thành tựu bốn pháp và có kinh Pháp Hoa để thọ trì.

Nhờ gia hạnh Phổ Hiền tu tập trong thế giới thiền định, làm bạn với Bồ tát, nghiệp thức và tâm ác hành giả biến mất, thiện căn công đức sanh ra. Và trở về thế giới hiện thực của nhân gian, hành giả sẽ từng niệm gặp được pháp lữ đến dạy dỗ trên bước đường tu. Họ là hiện thân của Bồ tát Phổ Hiền đến với hành giả. Riêng tôi hình dung lại quá trình tu từ xuất gia hành đạo đến nay, tất cả những người tôi tiếp xúc đều là Bồ tát. Còn người lạ đến tự xưng là Bồ tát, tôi chưa gặp.

Như vậy gia hạnh Phổ Hiền hay tu ở thế giới suy tư, vô hình, khi trở lại thực tế cuộc sống cũng có kết quả tốt đẹp như nhau, giống như hai mặt của cuộc đời hay thế giới của thể và thế giới của dụng.

Bốn pháp thành tựu trong 21 ngày gia hạnh không phải thực của ta. Tuy nhiên, nương pháp tu đồng hạnh vay mượn Phổ Hiền mà có. Ví như ta không tốt, nhưng nhờ chơi chung với bạn tốt, nên tốt theo. Kết bạn với Phổ Hiền lần lần hành giả thanh tịnh. Bỏ Phổ Hiền, hành giả không có Pháp Hoa. Phổ Hiền cho hành giả Đà la ni để tạo sự liên hệ với Ngài.

Các phẩm trước diễn tả sự trầm lặng của Bồ tát. Đến phẩm này, Phổ Hiền Bồ tát dùng toàn lực để thuyết kinh Pháp Hoa ở Ta bà. Sức thần thông tự tại, tiếng thơm, uy

đức của Phổ Hiền Bồ tát nhằm diễn tả trí khôn, sức mạnh và phước đức của Bồ tát hoàn toàn đầy đủ.

Sau khi Bồ tát xác định tư cách người trì kinh và phát nguyện ủng hộ giữ gìn người trì kinh Pháp Hoa, Phật nói rõ nhân hạnh Phổ Hiền là kinh Pháp Hoa. Và kinh Pháp Hoa là cuộc sống của Đức Phật Thích Ca. Ba điều này chính là một vậy.

Tu hạnh Phổ Hiền hay trì kinh Pháp Hoa, được coi như Phật Thích Ca. Vì hành giả lấy áo Thích Ca phủ ngoài thân mình, nghĩa là lấy hạnh Thích Ca trang nghiêm chính mình. Hành giả trở thành Thích Ca. Như vậy tu hạnh Phổ Hiền là trì kinh Pháp Hoa và trì Kinh Pháp Hoa là thể hiện hạnh Phật.

Đức Phật xác định thêm rằng người trì kinh Pháp Hoa vui sống với chân thật pháp, với chân lý. An trú trong pháp thuần một không tạp là Pháp Hoa, thì triết lý thế gian nằm trong vòng lý luận, phải trái hơn thua không lôi cuốn họ. Chẳng những không thích thú vui thế gian, hành giả cũng không thích những việc làm có hại. Tánh không thích này là bản tánh tự nhiên phát xuất từ lòng hành giả, không phải bị cấm đoán bắt buộc. Hành giả không thích những việc làm ác hại, chẳng ưa gần gũi kẻ ác, không thích đến chỗ ăn chơi trác táng. Nói chung cơm ăn, áo mặc, nhà ở không còn cần thiết đối với hành giả. Thú vui cuộc đời không thể hấp dẫn hành giả. Thần thức hành giả đã lên đến Trời Đâu suất đà thiên, nghĩa là có ít nhiều thông minh sáng suốt, được ra mắt Di Lặc. Và trở về thế gian trì kinh Pháp Hoa, chỉ nhằm trải lòng từ vô lượng đến cho mọi người và mang trí tuệ tuyệt vời làm đẹp cuộc đời.

Thành tựu hạnh như vậy, tuy Phật diệt độ nhưng coi như có Phật. Ngoài ra, không có Phật Thích Ca nhưng có

Phổ Hiền Bồ tát cũng coi như có Phật và Phật Thích Ca hộ niệm người tu hạnh Phổ Hiền.

Đức Phật Thích Ca tu hạnh xuất gia và Bồ tát Phổ Hiền tu hạnh cư sĩ để nói rõ yếu nghĩa của kinh Pháp Hoa. Dù mang hình thức xuất gia hay tại gia, nếu có đức hạnh giống Phật, đều là người thay thế Ngài.

Sau khi xác định tư cách người trì kinh Pháp Hoa là người chan hòa lòng từ cho tất cả chúng sanh, mang trí khôn siêu tuyệt làm lợi lạc chúng hữu tình, ở phần kết, Phật nói rõ ai đến phỉ báng gây khó khăn cho người trì kinh, chính là phỉ báng Phật, phải chịu vô số tội báo.

Về điểm này chúng ta thử quan sát lại xem cuộc đời của Phật, ai phỉ báng Ngài thì phải thọ quả báo như thế nào ? Có lẽ không ai quên được trên bước đường hoằng pháp độ sanh, người luôn luôn song hành bên cạnh đức Phật để chuyên ám hại Ngài chỉ có Đề Bà Đạt Đa. Những việc làm cực ác của Đề Bà Đạt Đa không thể tác hại được Phật. Trái lại, ông phải lãnh thọ quả báo rơi vào Vô gián địa ngục. Tuy thân còn sống, nhưng tràn đầy các bệnh khổ, chẳng khác nào đang ở địa ngục.

Hoặc A Xà Thế thả voi say, không hại được Phật, lại lãnh quả báo da nứt nẻ hôi thúi. Thánh Kỳ Bà không chữa được, khuyên ông sám hối Phật. Sau khi sám hối tội căn tiêu trừ, ông trở thành người hộ pháp đắc lực, chở lương thực lên núi Linh Thứu cúng dường Phật và đại chúng. Qua hai nhân vật tiêu biểu cực ác là Đề Bà Đạt Đa và A Xà Thế, chúng ta thấy họ phỉ báng, hại Phật, nên lãnh thọ quả báo hiện tại.

Ngày nay, Phật diệt độ, người phỉ báng hành giả Pháp Hoa cũng phải chịu quả báo như vậy, thì hành giả mới thực sự là người trì kinh Pháp Hoa, là người thay thế

Phật. Trái lại, người phỉ báng ta mà họ vẫn bình ổn, không bị quả báo gì. Chắc chắn ta không phải là người trì kinh Pháp Hoa đúng pháp. Chúng ta cần kiểm lại xem tâm ý ta có ngay thật dịu hòa chưa, có còn ham muốn thú vui của cuộc đời không. Nếu chúng ta hoàn toàn sống với pháp, y như Phật Thích Ca, chúng ta phải đạt được ba giải thoát :

1 - Đệ tử Phật nhận thấy cuộc đời là KHÔNG và các pháp luôn biến đổi sanh diệt không ngừng, nên không bận tâm với pháp sanh diệt. Hành giả luôn hướng tâm về pháp chân thật, an trụ giải thoát. Từ đó, khó khăn cuộc đời đối với hành giả trở thành số không. Đã xem là KHÔNG mà bị sỉ vả chê bai, lòng mình lại gợn lên phiền não, chắc chắn chưa vào giải thoát môn.

2 - Hành giả trụ vô tướng giải thoát, không cố chấp, không vướng mắc gì. Dưới nhãn quan hành giả Pháp Hoa, sỉ vả hay ủng hộ đều vô tướng, thuận nghịch đều là duyên để chúng ta tu hành. Nếu bị phỉ báng, khởi tâm tức giận là đã kẹt vào thế gian.

3 - Hành giả không ham muốn gì trên cuộc đời, kể cả không ham muốn được đề cao, thì sỉ vả không còn tác động đối với hành giả.

Chúng ta cần lưu ý nếu người sỉ vả chê bai ta thuộc hạng người hung dữ ác độc, vô trí, tham dục hay ghét ganh. Ta xem việc này bình thường không đáng quan tâm, không đáng sợ. Vì họ tiêu biểu cho hạng người tội lỗi tham dục thế gian. Lời phỉ báng của họ hoàn toàn phát xuất từ ganh tỵ, tranh dành quyền lợi, hoàn toàn khác với con đường trí tuệ đạo đức thánh thiện của chúng ta. Họ chê ta là điều tất yếu.

Trên lộ trình tu hành, càng tiến xa trên con đường Thánh đạo, chúng ta càng bỏ lại phía sau những dục lạc tranh chấp hơn thua của cuộc đời. Một lòng sống với pháp Phật dạy, tâm ý ngay thật dịu hòa, chỉ quan tâm tu sửa theo lời phê phán đúng đắn của các bậc đức hạnh, trí tuệ hơn chúng ta mà thôi.

Kinh Pháp Hoa mà Phật giảng cho hàng Bồ tát nghe trong tư thế tâm giao, vượt ngoài ngôn ngữ. Hàng Thanh văn còn kẹt trong ngôn ngữ, thấy nghe theo phân biệt hiểu biết của thức, không thể thâm nhập thế giới Pháp Hoa được. Vì vậy, thuyết giảng xong bộ kinh Pháp Hoa, Phật rời Linh Thứu về Đại Lâm Tịnh Xá nói kinh Quán Phổ Hiền để giải thích thêm điều đại chúng khởi nghi về kinh Pháp Hoa. Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa, Kinh Pháp Hoa và Kinh Quán Phổ Hiền kết hợp lại thành Pháp Hoa tam đại bộ.

Phẩm 28

CHÚC LỤY

I. LƯỢC VĂN KINH

Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ pháp tòa đứng dậy hiện thần thông lớn, dùng tay mặt xoa đầu vô lượng đại Bồ tát và nói rằng : "Ta đã tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng giác trong vô lượng kiếp, rất khó được. Nay đem giao cho các ông. Các ông nên hết lòng truyền bá cho được lợi ích".

Đức Phật xoa đầu các Bồ tát và lập lại câu trên ba lần : "Như Lai là đại thí chủ của tất cả chúng sanh. Các ông nên học theo pháp Như Lai, không nên sanh lòng bỏn sẻn. Đời sau, nếu có người tin trí tuệ của Như Lai thì các ông nên vì họ nói kinh Pháp Hoa. Nếu gặp chúng sanh không tin kinh này, các ông phải dùng pháp khác chỉ dạy cho họ lợi ích an vui. Làm như vậy là báo ơn Phật".

Các đại Bồ tát nghe xong hết sức vui mừng chắp tay bạch Phật : "Chúng con sẽ làm đầy đủ như lời đức Thế Tôn dạy, kính xin Ngài chớ lo". Sau đó, Đức Phật Thích Ca nói với các phân thân và tháp Đa Bảo hãy trở về bổn độ.

II. GIẢI THÍCH

Đức Phật phô diễn kinh Pháp Hoa ở thế giới siêu thực và phú chúc cho các Bồ tát siêu hình bằng pháp không lời ở phẩm Như Lai Thần Lực xong. Ngài thu thần lực trở về thực tế, đối trước chúng hội cần phải diễn tả pháp chân thật bằng lời nói. Đức Phật đưa ra hình ảnh các vị đại Bồ tát kiểu mẫu như Dược Vương, Diệu Âm, Quan Âm, Phổ Hiền… Các Ngài thể hiện được sự hành đạo tự tại, giáo

hóa chúng sanh Ta bà dưới mọi dạng hình không chút chướng ngại.

Đức Phật nêu lên những mô hình tiêu biểu giữ được pháp chân thật tồn tại lợi lạc ở Ta bà. Đại chúng cảm nhận được hạnh nguyện và việc làm kiên cố của chư Bồ tát trên bước đường hoằng hóa độ sanh. Đức Phật từ pháp tòa bước xuống xoa đảnh các Bồ tát và phú chúc rằng Đức Phật tu trải qua vô số kiếp đạt được pháp ít có khó được. Nay đem phú chúc cho các ông. Các ông phải học theo hạnh Như Lai, mang tư tưởng này truyền dạy mọi người, đừng nên bỏn sẻn.

Về vấn đề phú chúc, ở đây có sự khác biệt giữa hai bản kinh Pháp Hoa. Bản Hán dịch 28 phẩm của Ngài Cưu Ma La Thập ghi Đức Phật xoa đảnh phú chúc các Bồ tát. Trong khi bản dịch chữ Anh ghi Đức Phật phú chúc bằng cách bắt tay các Bồ tát.

Đức Phật đưa một tay bắt toàn bộ tay của các Bồ tát, nhằm gợi cho chúng ta hiểu sự tương quan liên hệ mật thiết giữa Ngài và mọi người. Đức Phật không đơn thuần đóng khung trong tính chất một chúng sanh cá biệt riêng rẽ. Ý này ứng với phân thân Phật trong phẩm Hiện Bảo tháp, ở trạng thái siêu hình biến hóa không tính lường được.

Đức Phật bắt tay từng người và đưa vào tay mỗi người để họ nắm bắt tiếp thu được những gì Ngài trao cho, mới thực sự thể hiện ý nghĩa phú chúc. Nói cách khác, Đức Phật truyền Như Lai lực hay pháp sống thực cho các Bồ tát, không phải truyền mớ giáo điều khô chết.

Như Lai lực tuy vô hình, không diễn tả được nhưng thể hiện sâu sắc rõ nét, hoàn toàn đầy đủ trong suốt cuộc đời hoằng hóa của Phật, luôn luôn là tấm gương sáng chói. Ngài đem cả cuộc đời siêu tuyệt bất tử này phú chúc cho hành giả Pháp Hoa lập thân hành đạo.

Lúc phú chúc cho các Bồ tát cựu trụ, chúng ta thấy Phật phóng quang. Nhưng nay đối với chúng đương cơ và chúng đời sau, Phật chỉ nói Ngài đem phú chúc pháp ít có khó được. Những hành giả Pháp Hoa đang dấn thân trên lộ trình Bồ tát đạo chắc chắn cảm nhận sâu sắc lời Phật dạy về giáo pháp Ngài đạt được quả thật ít có khó gặp trên thế gian. Duy nhất hiện hữu một Đức Phật Thích Ca và mãi đến nay không có một Đức Phật thứ hai nào.

Tuy Phật không nói rõ pháp khó gặp là pháp gì, nhưng chúng ta có thể căn cứ vào đoạn kinh kế tiếp để phát hiện pháp Ngài chứng được và truyền trao cho ta : "Đức Như Lai có lòng từ bi lớn, không có tính bỏn sẻn cũng không sợ sệt, có thể cho chúng sanh trí tuệ của Phật, trí tuệ của Như Lai, trí tuệ tự nhiên".

Qua đoạn kinh trên, chúng ta nhận thấy Phật sẵn sàng cho hành giả Pháp Hoa ba pháp là Phật huệ, Như Lai huệ, Tự nhiên trí. Chúng ta học Phật, làm tất cả việc, cũng chỉ nhằm để phát sinh ba huệ này.

Tự nhiên trí hay vô sư trí mà Phật đạt được do pháp quán mười hai nhân duyên. Với Tự nhiên trí Ngài biết rõ chính xác sinh hoạt biến dạng, đổi thay của con người và vũ trụ. Trải vô số kiếp tu quán pháp này và thấy biết đúng như thật muôn sự muôn vật, Phật bình thản trước mọi sóng gió cuộc đời. Trong lòng Ngài vắng lặng hoàn toàn, không còn gợn chút phiền não. Vui buồn vinh nhục thế gian như dòng nước ao tù, chẳng bao giờ đến gần Ngài được. Với tâm hoàn toàn như như bất động, Phật trụ pháp vô vi, muôn việc đều trôi chảy giải thoát.

Như Lai huệ thể hiện rõ nét qua hình ảnh Phật phú chúc cho các Bồ tát. Ngài ngồi yên mà ánh quang phóng đi soi rọi mười phương, truyền trao chân thật pháp cho các Bồ tát cựu trụ, khiến chư Thiên phải phát tâm. Với huệ

Như Lai trang trải cho đời, Ngài sống rất bình thản tự tại trên cuộc đời ô trược. Nhưng giữa đức Phật và mọi loài hiện hữu một tương quan mật thiết kỳ diệu.

Ngoài ra, Phật được tôn xưng là bậc Toàn Giác, Thế Gian Giải hay Chánh Biến Tri vì đạt được Phật huệ hay sự hiểu biết toàn diện chính xác.

Khi nhận chân rõ thế nào là Phật huệ, Như Lai huệ và tự nhiên trí, chúng ta tự xét khả năng mình còn cách xa ba phần trí huệ này. Thật vậy, mỗi chúng ta còn tồn đọng quá nhiều vô minh phiền não, chẳng những Như Lai huệ không có, mà tự nhiên trí cũng không được, huống chi là Phật huệ.

Về mặt vô hình, Phật phú chúc cho các Bồ tát cựu trụ Tùng địa dũng xuất. Các Ngài nghe được, hiểu được, mới nhận lời giữ gìn kinh Pháp Hoa và phát nguyện xin làm đầy đủ. Đối với chúng ta chưa nghe, chưa hiểu và phần phú chúc cho các Bồ tát, chúng ta cũng không tìm thấy trong kinh, nên phần này có tác dụng gợi ý cho ta đó là Pháp Hoa. Và hành giả cần nương theo pháp phương tiện chưa phải là Pháp Hoa mà Phật phú chúc cho các Bồ tát hữu hình, để thâm nhập vào các pháp mầu khác.

Trên phương diện nhân gian, Phật phú chúc cho các Bồ tát đương cơ và cũng phú chúc cho chúng ta. Nhưng khi sanh lại trên cuộc đời này, chúng ta bị thân ngũ ấm ngăn che, sai sử, mãi lo làm nô lệ cho nó, quên mất lời dặn dò ủy thác của Ngài. Tuy nhiên, khi tâm hồn thật lắng yên, hành giả bắt gặp sự truyền trao của Phật. Nhờ đó, thôi thúc chúng ta vững tiến trên đường Bồ tát đạo, duy trì mạch sống đạo lưu xuất mãi trong nhân gian.

Sự tương quan mật thiết sâu xa giữa Phật và hành giả Pháp Hoa là một sự liên hệ hỗ tương hai chiều. Nếu không có sự hộ niệm của các Ngài, chúng ta không thành tựu

công đức lành. Ngược lại, không có chúng ta, các Ngài cũng không nương đâu mà tỏa sáng chánh pháp.

Mọi nơi, mọi chỗ đều vang lên pháp âm. Nhưng hành giả không có khả năng trực nhận, nên giữa Phật và chúng ta muôn trùng xa cách. Phật là Phật, chúng sanh là chúng sanh.

Tóm lại, kinh Pháp Hoa là bộ kinh tối yếu. Không riêng Đức Phật Thích Ca mà tất cả ba đời mười phương chư Phật đều lấy kinh này làm phương hướng tu hành và truyền đạo trên lộ trình dẫn dắt chúng sanh đến quả vị Nhất thiết chủng trí.

Trong một quá trình lịch sử truyền bá kinh Pháp Hoa dài lâu, chỉ xuất hiện vài vị Thánh Tăng siêu việt sử dụng được trọn vẹn mười phần công đức của kinh Pháp Hoa, ngang hàng với Bồ tát đệ thập địa. Ở Trung Hoa thì có Ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư, hay ở Nhật Bản có Nhật Liên Đại Thánh nhân.

Tuy nhiên trong thế giới phàm phu tội lỗi, trong những người đui mù không Đạo sư, chúng ta là những người may mắn được thọ trì kinh Pháp Hoa, kết duyên được với kinh Pháp Hoa. Tuy chúng ta còn bị phiền não trói buộc, ba điều kiện trong phẩm Pháp Sư : vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai chưa tròn đầy miên viễn. Thỉnh thoảng, chúng ta cũng chợt bắt gặp được những âm thanh kỳ diệu của Phật. Dù kinh Pháp Hoa ta nghe được văng vẳng, vẫn còn hơn là những kẻ trăm ngàn muôn kiếp chưa nghe đến tên Tam Bảo.

Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề… là những chúng kết duyên từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng, nên bây giờ được thọ ký. Chúng ta là những người kết duyên ở hội Linh Sơn, nên ngày nay tuy còn sống trong nhà lửa tam

giới, vẫn an nhiên tu học nhân hạnh Pháp Hoa, nhận được ít nhiều công đức.

Càng đọc tụng lễ lạy kinh Pháp Hoa, Phật càng gần gũi chúng ta. Chẳng những Ngài mà cả mười phương chư Phật, đều lần lượt hiện ra trước mặt chúng ta. Các Ngài an ủi và ấn chứng cho lời phát nguyện của những hành giả Pháp Hoa sơ phát tâm đang cố gắng noi theo lời Phật dạy, làm việc khó làm trong cõi đời ác trược.

Đạt được độ cảm này, chúng ta lướt qua mọi chông gai khó khăn, tiến bước trên con đường hiểm 500 do tuần đến bảo sở, mà không thấy cô độc và chán nản. Nhờ lực gia bị của chư Phật, chư Bồ tát và độ cảm sâu xa với các Ngài, chúng ta tiếp tục tiến tu đạo hạnh, một lòng một dạ thọ trì kinh Pháp Hoa. Lần lần huân tập vào tạng thức những hạt giống Bồ đề vô lậu và trải rộng cuộc sống dưới bốn dạng giáo, lý, hạnh, quả. Chúng ta thể hiện thành những kết quả giải thoát sáng suốt, sống thực trong từng việc làm lợi lạc cho đời.

Đến một ngày nào đó, nghiệp chủng tử hoàn toàn thuần thiện, trang nghiêm đầy đủ đạo hạnh Bồ tát, Đức Thế Tôn sẽ xoa đầu thọ ký cho chúng ta. Bấy giờ, đoạn đường dẫn đến thế giới Pháp Hoa chân thật đảnh lễ chư Phật mười phương, làm bạn lữ với Bồ tát Tùng địa dũng xuất chỉ trong gang tấc vậy.

NAM MÔ TỐI THƯỢNG THỪA VIÊN GIÁO DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

PHÁP HOA HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

NAMO HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT MA HA TÁT

